THÁNH NHÂN KÝ SỰ (Apadāna)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 5 (VNC PHVN, 2021)

THÁNH NHÂN KỶ sự (APADĀNAṂ

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Apadānapāḷi là tựa đề của tập thứ 13 thuộc Tiểu bộ (Khuddakanikāya). Chúng tôi đề nghị tựa đề tiếng Việt là Thánh nhân kỷ sự. Chú giải của tập Apadānapāḷi có tên là Vísuddhcỳanavilāsim. nhtmg các chi tiết liên quan đen vi Chú giải sư không được tìm thấy. Apadānapāḷi gồm có bốn phần: Buddhāpadāna (liên quan đến Phật Toàn Giác) Paccekabuddhāpadâna (liên quan đến Phật Độc Giác) Therāpadāna (559 câu chuyện về các vị Trưởng lão) Therīapadāna (40 câu chuyện vê các vị Trưởng lão Ni) Phần thứ nhất Buddhāpadâna đề cập đến câu chuyện của tiền thân đức Bồ-tát khi Ngài là đấng Chuyển Luân Vương Tilokavijaya (ÁpA. 109). Vi này đã dùng năng lực của tâm tạo nên tòa lâu đài bằng châu báu và đã cúng dường đến vô số chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác và chư vị Thinh văn đệ tử bằng tác ý. Điểm đáng chú ý ở đây là tất cả các chi tiết ở cuộc lễ cúng dường này chỉ là những diễn tiến trong tâm thức của vị Chuyển Luân Vương Tilokavijaya, và không nên hiểu rằng đã có diễn ra một cuộc hội họp của các vị đã chứng quả giác ngộ trong hai thời quá khứ và hiện tại, tức là chư Phật gồm ba hạng: Toàn Giác, Độc Giác và Thinh văn (câu kệ 22 và 52). Hơn nữa, chính đức Phật Gotama thời hiện tại của chúng ta cũng đã xác nhận rằng quả báo của sự cúng dường ở trong tâm này đã giúp cho tiền thân của Ngài được sanh về cõi trời Đạo-lợi (câu kệ 53). Trái lại, phần thứ nhì Paccekabuddhāpadāna không đề cập đến các hành động quá khứ đã có liên quan đến sự giải thoát trong thời hiện tại của chư Phật Độc Giác theo như chủ đề chính của bộ kinh, mà là "những kệ ngôn cao thượng đã được chư Phật Độc Giác là các đấng Chiến Thắng nói lên, những kệ ngôn ấy đã được đấng Sư Tử dòng Sakyā, bậc Tối Thượng Nhân giảng giải vì mục đích của việc nhận thức giáo pháp,5 (cau kệ 138). Những lời kệ này của chư Phật Độc Giác còn được tìm thấy ở phẩm I, phần 3, Suttanipāta (Kinh tập), là tập kinh thứ 5 thuộc Khuddakanikāya. Điều cần lưu ý ở đây là do nhân duyên lời thỉnh càu của Ngài Ānanda mà đức Phật Gotama đã thuyết giảng hai phần Buddhāpadāna và Paccekabuddhāpadāna này.

4 KINH TIỂU Bộ _____

Hai phân cuôi, Therāpadāna gôm có 559 câu chuyện vê các vi Trưởng lão được chia làm 56 phẩm (yagga), và Therīapadāna (Trưởng lão Ni kỷ sự) gồm có 40 câu chuyện về các vị Trưởng lão Ni được chia làm 4 phẩm. Các câu chuyện này đề cập đến những hành động đã được tiền thân của các vi này thực hiện trong thời quá khứ. Đối tượng của các việc phước thiện này có tính chất đa dạng, có thể là các vi Phật Toàn Giác, Độc Giác hoặc Thinh văn. Thậm chí việc lê bái cúng dường các vật có liên quan đên các Ngài như là cội Bô-đê, ngôi bảo tháp, tấm y ca-sa, và ngay cả dấu chân đã được đức Phật để lại trên nền đất, v.v... cũng đã làm sanh khởi niềm tin đưa đến việc hành thiện của tiền thân các vị này, cuối cùng đem lại sự thành tựu Niết-bàn cho các vị trong kiếp sống cuối cùng. Một số tiền thân có sự phát nguyện thành tựu vị thế tối thắng và đã

nhận được chú nguyện thành tựu của các vị Phật đương thời. Thêm vào đó, các ký sự này còn đề cập đến việc thành tựu về phước báu nhân thiên và các sự thành công trong các kiếp sông kê tiêp trước khi gặp được đức Phật Gotama, roi việc xuất gia trở thành Tỳ-khiru hay Tỳ-khưu-ni, sau đó thành tựu quả vị Thinh văn A-la-hán, chứng đắc các pháp thù thắng là bốn (tuệ) phân tích, tám giải thoát, sáu thắng trí và Niết-bàn. Các chi tiết được trình bày ờ mỗi ký sự đã được chư Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khiru-ni đích thân thuật lại, dài ngắn cũng không chừng đỗi, đôi lúc có xen lẫn một vài dòng kệ chú thích của người sưu tập, câu chuyện ngắn nhất chỉ có vài ba câu kệ (gāthā), câu chuyện dài nhất có hơn hai trăm câu kệ (400 dòng). Xét răng 139 câu kệ của hai phân đâu tức là Buddhāpadāna và Paccekabuddhāpadāna chỉ là một phần rất khiêm tốn so với gần 7.800 câu kệ của toàn thể bộ kinh này, cho nên có thể nói rằng chủ đề chính của bộ kinh hướng đến các vị Thánh Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni. Đặc biệt, đối với những vị Thinh văn có được sự thành tựu về các vị thế tối thắng vào thời đức Phật Gotama, thì tiền thân của các vị này trong quá khứ cũng đã có sự phát khởi ước muốn thành tựu vị thế ấy, cũng có làm việc phước thiện thù thang và cũng được chú nguyện bởi vị Phật của thời kỳ ấy. Có giả thuyết cho rằng hai phần đầu Buddhāpadāna và Paccekabuddhāpadāna đã được thêm vào nhằm để khẳng đinh rằng con đường giải thoát gom có ba hạng: Toàn Giác, Độc Giác và Thinh văn. Dầu hạnh nguyện và sự thực hành của ba hạng Phật là không đồng đẳng cấp, nhưng cứu cánh giải thoát đều giống nhau là sự đoạn tận các lậu hoặc, chấm dứt các khổ đau và Niết-bàn. Có thể đưa ra nhận xét rằng bộ Apadãna chủ yếu nói về vai trò của nghiệp (kamma) trong quá trình luân hồi {samsāra). về sự gặt hái kết quả (phalấ) của hành động đã làm trong các kiếp quá khứ (pubbakammă). Apadãna không chỉ nêu lên các thiện nghiệỊ) có quả thành tựu tốt đẹp mà còn có nhắc đến một số ác nghiệp đưa đến kết quả xấu xa. Ví dụ như ký sự của Trưởng lão Upâli (Upãlỉttherãpadãnă) kể lại câu chuyện tiền thân của vị này đã thực hiện hành động cung kính đên đức Phật Padumuttara và đã ước

nguyện trở thành vị Tỳ-khiru đứng đầu về Luật. Tuy nhiên, vào kiếp sanh làm vị Hoàng tử tên Candana, do việc đã dùng voi khuấy rối đến một vị Phật đang đi khất thực, cho nên trong kiếp cuối cùng dẫu bị sanh làm người thợ cạo thuộc dòng dõi thấp kém nhưng vị Trưởng lão upãli này vẫn trở thành vi Tỳ-khưu đứng đầu về Luật trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. Điểm đặc biệt là các việc quét dọn, xây dựng viền rào, cúng dường đến cội cây Bô-đê5 hay là các hành động xây dựng và quét vôi bảo tháp, dâng hoa đên bảo tháp, cúng dường Xá-lợi cũng là nhân tố cho những thành tựu phước báu lớn lao và còn đưa đến thành tựu quả vi A-la-hán trong thời đức Phật nữa. Nói đến Xá-lợi, điểm đáng lưu ý là ngay cả đức Phật cũng tỏ lòng tôn trọng đến Xá-lợi của các vi Thinh văn. Ký sự 50 về Trưởng lão Cunda mô tả đức Thế Tôn đã nhận lấy Xá-lợi của vi Trưởng lão Sāriputta bằng hai tay, và trong khi phô bày Xá-lợi ấy đã tán dương vi Thinh văn đệ nhất này. Tương tợ như thế, Ngài cũng đã nâng Xá-lợi của vị Trưởng lão Ni Mahāpajāpati Gotamĩ bằng hai tay khi nhắc đến công hạnh của bà. Và nhiều ký sự nói về các vi Thinh văn được giải thoát Niết-bàn do công hạnh cúng dường Xá-lợi trong quá khứ. Thêm vào đó, việc cúng dường thực phàm và các vật dụng cân

thiêt đên đức Phật và hội chúng Tỳ-khiru là có được thành quả lớn lao cũng được khẳng định qua nhiều ký sự ở bộ kinh này. Đặc biệt, có phần ký sự tên Pubbakammapilotiapadãna đề cập đến các nghiệp xấu do tiền thân đức Phật Gotama đã tạo nên trong 12 kiếp sống quá khứ. Các nghiệp này đã trổ quả vào lúc Ngài đã thành tựu quả vi Phật Toàn Giác. Ví dụ như việc nữ du sĩ ngoại đạo Sundarikâ đã vu cáo Ngài trong thời hiện tại là do tiền thân của Ngài, lúc sanh làm kẻ vô lại Munālī, đã vu cáo đức Phật Độc Giác Sarabhu, và vào một kiếp khác đã bôi nhọ vi ẩn sĩ Bhĩma có năm thắng trí, có đại thần lực là người vẫn còn đắm say dục lạc; về việc nàng Ciñcamānavikā vu cáo sự liên hệ thân mật giữa nàng và đức Phật do nhân của hành động vu cáo vị Thinh văn tên Nandā của đức Phật Sabbãbhibhũ; về việc voi Nālāgirī chạy đên Ngài với ý muôn hãm hại do việc tiên thân đã cỡi voi công kích một vi Phật Độc Giác đang đi khất thực. Và về các chứng khó chiu ở thân cũng do tác động của nghiệp quá khứ ví dụ như chứng nhức đầu do đã có tâm hoan hỷ khi trông thây các con cá bị giêt chét; vê chứng đau lưng do đã đánh gục đối thủ trong một cuộc giao đấu; về bệnh tiêu chảy do trong thời quá khứ làm một vị thầy thuốc đã cố ý cho thuốc xổ đến con trai nhà triệu phú, v.v... Có điêu thác mac là các ký sự Pubbakammapilotika này có liên quan đên đức Phật, nhưng tại sao lại không được xếp vào Buddhāpadāna. mà lại được sắp vào phần của các vị Thinh văn Therāpadānaī Một điêu khác cũng đã được ghi nhận như sau: Trong các tập thuộc Tiêu bộ (Khuddakanikāya). chủ đề ve nghiệp đã được trình bày theo các sự sắp xếp khác nhau:

6 KINH TIẾU Bộ

Jātaka (Bổn sanh). Buddhavamsa {Phật sử), Cariyāpitaka (Hạnh tạng) nói về các tiền thân của đức Phật Gotama. Apadāna (Thánh nhân ky sự) liên quan đến các vị Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni. Vimānavatthu (Chuyện Thiên cung) và Petavatthu (Chuyện Nga quỹ) thì đề cập đến nghiệp quả của nhiều hạng người. về hình thức, bộ Apadãna được viết theo thể kệ thơ (gāthā), mỗi câu kệ gồm có bốn pâda được trình bày thành hai dòng. Đa so các câu kệ của tập kinh này làm theo thể thông thường gồm có tám âm cho mỗi pãda. Chúng tôi chủ trương ghi lại lời dịch Việt theo lối văn xuôi hầu ý nghĩa chuyển dịch được phần trọn vẹn. Đôi chỗ hai câu kệ được dịch chung thành một đoạn dựa theo tính chất hoàn chỉnh về văn phạm hoặc về ý nghĩa của chúng. về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, có một số điều cần lưu ý như sau: Mặc dầu toàn bộ văn bản là các lời tự thuật, tuy nhiên chúng tôi chỉ trình bày ở dạng chữ nghiêng cho những đoạn có tính chất đối thoại trực tiêp hoặc những điêu ước nguyện, suy nghĩ. Vê từ xưng hô của hàng đệ tử đôi với đức Phật, chúng tôi sử dụng từ "con" ở ngôi thứ nhất cho những trường hợp trực tiếp, và "t6i" cho những trường hợp xét rằng người nghe là các đối tượng khác, về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại lời tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mấu chốt giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu PâỊi thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này. Việc làm này của chúng tôi không hẳn đã được hoàn hảo, dẫu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đây phong trào nghiên cứu cô ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu

hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém. Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tô, song thân và tát cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm đứt khổ đau.

Kính bút, Ngày 01 tháng 6 năm 2008 Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)

PHẢN THỨ NHẤT (PATHAMO BHĀGO)

L PHẨM ĐỨC PHẬT (BUDDHAVAGGồ)

A. PHẬT TOÀN GIÁC KÝ sự (BUDDHĀPADĀNAM)

1. Trong khi đức Như Lai ngự tại Jetavana, bậc Hiền trí xứ Videha1 đã cúi mình hỏi Ngài rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, nghe nói có các vị được gọi là đức Phật Toàn Tri, các vi ấy được thành tựu là do các nguyên nhân n0?" 2. Khi ấy, bậc Đại Ẩn Sĩ? đấng Toàn Tri Cao Quý đã nói với vị Hiền nhân Ānanda bang âm điệu ngọt ngào rang: "Những vị nào có hành động hướng thượng đã được thực hiện đến chư Phật quá khứ, [nhưng] có sự giải thoát chưa được thành đạt trong các giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 3 Chính nhờ vào yếu tố đầu tiên ấy đối với phẩm vi Giác ngộ, đồng thời nhờ vào sự quyết định, nhờ vào năng lực lớn lao và nhờ vào quyền lực của tuệ, những vi sáng suốt có trí tuệ vô cùng sắc bén thành tựu phẩm vị Toàn tri. 4. Các đang Pháp Vương là không thê đêm được. Ta cũng đã phát nguyện về bản thể giác ngộ ở nơi các vị Phật quá khứ, và đã được thành tựu dầu chỉ bằng tâm ý. 5. Giờ đây, các ngươi với tâm ý thanh tịnh hãy lắng nghe các ký sự về chư Phật Toàn Giác: Các đấng Pháp Vương đã được tròn đủ ba mươi pháp toàn hảo là không thể đếm được.12 6. Ta đã cung kính chắp mười ngón tay lại đê đầu đảnh lễ phẩm vị Toàn giác của chư Phật Tối Thượng, [đảnh lễ] các đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với các hội chúng [Thinh văn].3 7. Cho đến các châu báu vô số kể được tìm thấy ở trên bầu trời và ở dưới

1 Đây chính là Ngài Ānanda. Chú giải của Apadãna giải thích vedehamunỉ là vị Hiền trí, con trai của một người phụ nư sanh ra ở xứ sở Vedeha (ÁpA. 128)7 2 Đức Phật Gotama kể về thời kỳ Bồ-tát là VỊ Chuyển Luân Vương Tilokavijaya (ÁpA. 103). 3 Sasañghe sāvakasañghasahite (Sđd. 103).

r • r __ mặt đất tại các địa phận của chư Phật [trong mười ngàn thê giới],4 Ta đã mang lại toàn bộ [châu báu áy] băng tâm [chú nguyện]. 8. Tại nơi ấy ở trên mạt đất bằnệ bạc, Ta đã hóa hiện ra tòa lâu đài làm bằng châu báu, có nhiều tầng lầu, có chiều cao vươn tận không trung. 9. [Tòa lâu đài] có trụ cột được tô điểm, khéo được thực hiện, khéo được phân bố? có giá tri lớn lao, có chỗ nối liền làm bằng vàng, được tô điểm bằng các cổng chào và các lọng che. 10. Tầng thứ nhất bằng ngọc bích xinh đẹp tương tợ bầu trời không chút bợn nhơ. ở tầng lầu bằng vàng cao quý có hồ sen với những đóa hoa sen chen chúc. 11. Có tầng lầu làm bằng san hô với màu sắc của san hô9 có tầng lầu màu đỏ xinh đẹp, có tầng lầu với ánh sáng màu cánh kiến đang chiếu sáng các phương. 12. Có tiền sảnh khéo được phân bố, có các tháp nhọn, có các cửa ra vào hình sư tử, có bốn

viền rào làm thích ý với những mạng lưới vòng hoa có hương thơm. 13. Có các nhà mái nhọn cao quý màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng và màu đen thuần khiết được điểm tô bằng bảy loại châu báu. 14. Có mặt tiền ở phần trên được rạng rỡ với các đóa hoa sen cùng với [hình ảnh] các loài thú dữ và chim muông, được trải ra với các chòm tinh tú và các vì sao, được điểm tô với mặt trăng và mặt trời. 15. [Các tâng lâu] được che phủ bởi màn lưới băng vàng có các chuông lục lạc bằng vàng. Các tràng hoa băng vàng quyên rũ vang lên âm thanh nhờ vào sức đẩy của lan gió. 16. Có dãy cờ hiệu khéo nhuộm với các màu khác nhau là màu đỏ tía, màu đỏ, màu vàng, màu hồng được dựng lên. 17. Được tô điểm với nhiều kiểu giường được lót trải bằng các tấm vải mịn màng của xứ Kasi, có đến hàng trăm chiếc giường làm bằng ngọc pha lê, bằng bạc, bằng ngọc ma-ni, bằng hồng ngọc và băng đá quý tương tợ như thế. 18. Có những tấm mền lông thú màu vàng úa được làm ở các xứ Dukũla, xứ Trung Hoa và xứ Pattunna. Bằng tâm ý, Ta đã sắp xếp tất cả [các chiếc giường] với các tấm trải đủ các loại. 19. ở khắp các tầng lầu, có những nẹười đứng nghiêm cầm các ngọn đuốc làm bang ngọc ma-ni đỏ được điểm tô bang châu báu ở chóp nhọn. 20. Những cột trụ dựng đứng [ở cổng], những cổng chào xinh đẹp làm bằng vàng [được khai thác từ sông] Jambu, làm bằng lõi gỗ [cây khừa], và còn làm bằng bạc nữa, [tất cả đều] chói sáng. 21. Có nhiêu gian tiêp giáp được khéo phân bô, được tô diêm với những cánh cửa và chốt khóa. Cả hai phía [của tòa lâu đài] đều có nhiều chậu chứa đầy những đóa sen đỏ và sen xanh.

4 Yāvatā buddhakhettesũti dasasahassacakkavãịesu buddhakhettesu (Sđd. 104).

THÁNH NHÂN KÝ sự 9

22. Ta đã hóa hiện ra tất cả chư Phật thời quá khứ là các đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng hội chúng, với các vị Thinh văn trong dáng vóc tự nhiên. 23. Chư Phật cùng các vị Thinh văn sau khi đi vào bằng cánh cửa ấy đã ngồi xuống ở ghế ngồi toàn bộ đều làm bằng vàng, [hình thành] đoàn thể các bạc Thánh nhan. 24. Và có những vị trong lúc này là các vị Phật vô thượng ở thế gian. [Chư Phật] quá khứ và hiện tại, tất cả các vị đã bước lên tòa lâu đài. 25. Hàng trăm vị Phật Độc Giác, các đấng Tự Chủ, là các bậc không bị khuất phục trong quá khứ và hiện tại, tất cả các vị đã bước lên tòa lâu đài. 26. Có nhiều cây Như Ý thuộc cõi trời và thuộc loài người, [từ các cây ấy] Ta đã mang lại toàn bộ vải vóc và đã khoác ba lá y lên [các vị ấy]. 27. Ta đã chứa đầy các bình bát xinh đẹp làm bằng ngọc ma-ni với các vật thực cứng mềm đáng được thưởng thức, có đầy đủ nước uống và thức ăn, rồi đã dâng cúng [đến các vị ấy]. 28-29. Tất cả các vị ấy, đoàn thể các bậc Thánh nhân, đều đồng đẳng về thiên nhãn [và] găn bó với tâm y thanh bạch. Được toại ý với vật thực tôi thăng [của Ta] gồm có mật ong, đường thô, luôn cả dầu ăn và mật mía, [các vị] đã đi vào gian phòng làm bằng châu báu tợ như những con sư tử cư ngụ ở hang động. 30. Các vi đã nằm xuống với tư thế của loài sư tử ở chiếc giường vô cùng giá trị, có sự tỉnh thức, rồi ngồi dậy và đã xếp vào tư thế kiết-ệià ở trên chiếc giường, thê nhập vào sự thỏa thích trong thiên là hành xứ của tát cả chư Phật. 31. Một số vị khác thuyết giảng giáo pháp, một số vị khác tiêu khiển bằng thần thông, một số vị khác đã phát triển được năn^ lực của các thắng trí thì hướng tâm vào các thắng trí, hàng ngàn vi khác thể hiện các sự biến hóa về thần thông. 32. Chư Phật cũng chất vấn

chư Phật về chủ đề liên quan đến cảnh giới của các đấng Toàn Tri. Nhờ vào tuệ, các vị giác ngộ rốt ráo ve sự việc một cách sâu sắc và hoàn hảo. 33. Các vị Thinh văn chất vấn chư Phật, chư Phật chất vấn các vi Thinh văn. Các vị ấy chất vấn lẫn nhau và trả lời cho nhau. 34. Chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác, chư Thinh văn và tín chúng, các vị ấy vui thích ở tòa lâu đài tùy theo sự thỏa thích của bản thân như vầy: 35. 'Nguyện cho những chiếc lọng che bằng châu báu với những chuỗi vòng hoa bằng vàng và những mạng lưới ngọc trai viền quanh được tồn tại, nguyện cho tất cả hg duy trì ơ trên đinh đầu [của tôi].9 36. 'Nguyện cho những mái che băng vải được tô diêm với những ïiệôi sao bằng vàng [và] những mái che được tô điểm với những tràng hoa hãy xuât hiện, nguyện cho tất cả hãy duy trì ở trên đỉnh đầu [của tôi].9 37. [Tòa lâu đài có hồ nước] được trải dài với những vòng hoa và chuỗi

bông, được rạng rỡ với những chuỗi bông hoa thơm ngát, được viền quanh bằng những chuỗi vải vóc, được tô điểm bằng những chuỗi châu báu. 38. [Hồ nước] được tô điểm với các đóa hoa chen chúc, được tỏa lên mùi hương thơm ngào nệạt, được thể hiện bởi năm loại hương thơm tổng hợp lại, được phủ lên bằng tam che bằng vàng. 39. 'Nguyện cho bôn phía của hô nước hãy biêu hiện màu sác vàng chói với những sen hồng sen xanh được phơi bày, với các bụi phấn của hoa sen được tỏa ra/ 40. 'Nguyện cho tất cả cây cối ở xung quanh tòa lâu đài hãy trổ hoa.5 Và các bông hoa đã tự mình phóng thích, đi đến và rải rắc ở tòa lâu đài. 41. 'Nguyện cho các con chim công ở tại nơi ây hãy nhảy múa, các con thiên nga hãy líu lo, các con chim Ca-lăng-tần-già và các bầy chim ở xung quanh hãy cất tiếng hót.9 42. 'Nguyện cho tát cả các chiêc trông hãy vang lên, tát cả các cây đàn vīnā ấy hãy tấu nhạc. Nguyện cho tất cả các cuộc trì tụng [được] tiến hành ở xung quanh của tòa lâu đài/ ĩ r y 9 \

43-44. 'Nguyện cho những chiêc ghê bành băng vàng không 16, hội đủ hào quang, không bi hỏng hóc, làm bằng châu báu hãy tồn tại từ thế giới này đến thế giới khác cho đến địa phận của chư Phật. Nguyện cho những cây đèn ấy hãy chói sáng. Nguyện cho hệ thống mười ngàn [thế giới] hãy trở thành [sáng chói như là] một ngọn đèn.5 45. 'Nguyện cho các kiều nữ luôn cả các vũ công, các toán mỹ nhân hãy nhảy múa. Nguyện cho các màn trình diễn đa dạng hãy được phô diễn ở xung quanh của tòa lâu đài.9 46. [Khi ấy] Ta dựng lên ngọn cờ hiệu ở ngọn cây, ở chóp núi, ở đỉnh ngọn núi Sineru, tất cả [các ngọn cờ] đều được tô điểm, có năm màu. 47. 'Nguyện cho loài người, loài rồng, càn-thát-bà và tất cả chư thiên ấy hãy đi đến/ Các vị đã đến quây quần xung quanh tòa lâu đài, chắp tay lễ bái. 48. 'Bất cứ thiện nghiệp nào là việc cần phải thực hiện để sanh lên cõi trời đều đã được tôi thực hiện tốt đẹp bằng thân, bằng lời nói, bằng ý. 49. Có những chúng sanh là hữu tưởng và có những chúng sanh là vô tưởng, nguyện cho tất cả các vi ấy đều được hưởng phần chia sẻ quả báo phước thiện đã được thực hiện của tôi. 50. Quả báo phước thiện của tôi đã được thực hiện, đã được biết chắc chắn, đã được ban phát đến những vị ấy, còn những vi nào chưa biết về điều ấy thì chư thiên đã đi đến và thông báo. 51. Các chúng sanh nào [sống] nhờ vào vật thực ngụ ở tất cả các thế giới, do oai lực của tôi nguyện cho tất cả đều thọ lãnh vật thực hợp ỷ' 52. Vật cúng

dường đã được Ta cúng dường bằng tâm y, Ta đã làm hóa hiện

THÁNH NHÂN KÝ sự 11

ra tòa lâu đài bằng tâm ý. Tất cả chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác, chư Thinh văn của các đấng Chiến Thắng đã được cúng dường. 53. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, Ta đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 54. Ta nhận biết hai cõi tái sanh, ở bản thể thiên nhân và loài người, Ta không biêt đên cảnh giới khác; điêu này là quả báo của ước nguyện băng tâm ý. 55. [Nếu sanh ra ở cõi trời] Ta vượt trội chư thiên; [nếu sanh làm người] Ta là vị thống lãnh nhân loại, Ta được hội đủ tướng mạo về sắc thân, trong cõi hữu không ai sanh bằng [Ta] về trí tuệ. 56. Vật thực tối thượng đủ các loại và châu báu không phải là ít 6i, [cùng với] vô số các loại vải từ trên không tức thời hiện đến cho Ta. 57. ở đất liền, luôn cả ở ngọn núi, ở trên hư không, ở trong nước, ở trong rừng, mỗi khi Ta vươn tay ra thì các thức ăn của cối trời hiện đên cho Ta. 58. ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi châu báu hiện đến cho Ta. 59. ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi vật thơm hiện đến cho Ta. 60. ở đất liền,...(nt).. Ta vươn tay ra thì mọi xe, thuyền hiện đến cho Ta. 6L ở đất liền,... (nt).. Ta vươn tay ra thì mọi tràng hoa hiện đến cho Ta. 62. ở đất liền,...(nt).. Ta vươn tay ra thì đồ trang sức hiện đến cho Ta. 63. ở đất liền,... (lít)... Ta vươn tay ra thì tất cả thiếu nữ hiện đến cho Ta. 64. ở đất liền,...(nt)... Ta vươn tay ra thì mật và đường hiện đến chó Ta. 65. ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi vật thực hiện đến cho Ta. 66. Nhằm đạt được phẩm vị Toàn giác cao quý, Ta [đã] bố thí tặng phẩm quý giá đến những kẻ không có tài sản, những người lữ khách, những kẻ ăn xin và những người bộ hành. 67. Ta trở thành đức Phật ở trên đời khiến cho ngọn núi gào thét, khiến cho tảng đá gầm lên tiếng vang ầm ĩ, khiến cho thế gian luôn cả chư thiên vui cười. 68. Mười phương ở thế giới vũ trụ đối với người đang du hành là không có điểm tận cùng. Và ở mỗi phương [thế giới] ấy, các địa phận của chư Phật là không thể đếm được. 69. [Khi là đấng Chuyển Luân Vương] Ta có hào quang được nổi danh với [hình thức] tia ánh sáng di chuyển thành từng đôi. Mạng lưới hào quang đã là ánh sáng vĩ đại hiện hữu ở khoảng giữa mười ngàn thế giới. 70. 'Nguyện cho tất cả mọi người ở chừng ấy thế giới đều nhìn thấy Ta. Nguyện cho tất cả đều có tâm ý vui mừng và tất cả đêu tiến bước theo Ta. [Nguyện cho tất cả đều tiến bước theo Ta đến tận chỗ ngụ của đấng Phạm thiên]/5 71. Tadā vỗ vào chiếc trống bất tử với tiếng vang ngọt ngào được phát ra.6 5 Câu l và 2 được thấy ở tạng Thái Lan và PTS. Câu l và 3 được thấy ở tạng Miến Điện. (ND) 6 Ta đã thuyết giảng giáo pháp bất tử với âm thanh vi diệu được phát ra. (ND)

12 KINH TIỂU BÔ

'Nguyện cho tất cả mọi người ở khoảng giữa mười ngàn thế giới hãy lắng nghe âm thanh ngọt ngào. 72. Trong khi đám mây giáo pháp đang đổ mưa, nguyện cho tất cả không còn lậu hoặc.7 Những chúng sanh nào là hạng thấp kém ở nơi đây, nguyện cho những người ấy được là bậc Nhập lưu.5 73. Sau khi bố thí những gì cần được bố thí, sau khi làm viên mãn giới hạnh không thiếu sót, sau khi đi đến sự toàn hảo về pháp xuất ly, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng. 74. Sau khi đã vấn hỏi các bậc trí tuệ, sau khi đã thể hiện sự tinh tấn tối thượng, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về pháp nhẫn

nại, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng. 75. Sau khi đã thực hành pháp quyết định một cách bền vững, sau khi đã làm tròn đủ sự toàn hảo về pháp chân thật, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về pháp từ ái, Ta đã đạt đến phẩm vi Toàn giác tối thượng. 76. Sau khi đà là bình đẳng trong mọi trường hợp đối với lợi lộc và không lợi lộc, đối với an lạc và khổ dàu, đối với sự kính trọng và chê bai, Ta đã đạt đến phẩm vi Toàn giác tối thượng. 77. Sau khi thấy được sự biếng nhác là nguy hiểm và thậm chí [thấy được] sự tinh tấn là an toàn, các ngươi hãy có sự nỗ lực tinh tấn; điều này là lời giáo huấn của chư Phật. 78. Sau khi thấy được sự tranh cãi là nguy hiểm và sự không tranh cãi là an toàn, các ngươi hãy có sự hợp nhất, thân thiện; điều này là lời giáo huấn của chư Phật. 79. Sau khi thây được sự xao lãng là nguy hiêm và sự không xao lãnẹ là an toàn, các ngươi hãy tu tập đạo lộ có tám chi phân; điêu này là lời giáo huân của chư Phật. 80. Tất cả chư Phật và các bậc A-la-hán đã tụ hội lại. Các ngươi hãy tôn kính đảnh lễ chư Phật Toàn Giác và các bậc A-la-hán 81. Như vậy, chư Phật là không thể nghĩ bàn. Giáo pháp của chư Phật là không thể nghĩ bàn. Đối với những ai tịnh tín vào những điêu không thể nghĩ bàn, quả thành tựu cho những người ấy là không thể nghĩ bàn. Trong khi trình bày về phẩm hạnh Phật của bản thân, đức Thế Tôn đã nói về bản thể của giáo pháp tên là Buddhāpadāniyam như thế ấy. wKý sự về Phật Toàn Giác" được đầy đủ.

7 Chú giải ghi rằng: "Sabbe bhỉkkhubhikkhunĩ-ãdayo^ nghĩa là 44tất cả là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni,,? v.v... (Sdd.). J

THÁNH NHÂN KÝ sự 13

B. PHẬT ĐỘC GIÁC KÝ sự (PACCEKABUDDHĀPADĀNAM)

Giờ xin thỉnh các vị hãy lăng nghe ký sự vê Phật Độc Giác: 82. Trong khi đức Như Lai ngự tại Jetavana, bậc Hiên trí xứ Videha đã cúi mình hỏi Ngài rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, nghe nói có các vị được gọi là đức Phật Độc Giác, các vi ấy được thành tựu là do các nguyên nhân nào?" 83. Khi ấy, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Toàn Tri Cao Quý đã nói với vi Hiền nhân Ānanda bằng âm điệu ngọt ngào rằng: "Những vị nào có hành động hướng thượng đã được thể hiện đến chư Phật quá khứ, [nhimg] có sự giải thoát chưa được thành đạt trong [thời kỳ] giáo pháp của các đấng Chiến Thắng. 84. Chính nhờ vào yếu tố đầu tiên ấy về sự chấn động của tâm, các vi sáng suốt có trí tuệ vô cùng sắc bén vẫn thành tựu phẩm vị Độc Giác chỉ nhờ vào đối tượng nhỏ nhoi, mặc dầu [ở vào thời kỳ] không có các vị Phật [Toàn Giác]. 85. Trong toàn bộ thế gian, ngoại trừ Ta không có ai sánh bằng các vi Phật Độc Giác. Hạnh này của các bậc Đại Hiền Trí ấy. 86. Là những người đang mong mỏi phương thuôc vô thượng [Niêt-bàn], tất cả các ngươi, với tâm khéo tín thành, hãy lắng nghe những lời nói tốt đẹp như là viên mật về các bậc Đại Ẩn Sĩ đã được tự chính mình giác ngộ. 87. [Hãy lắng nghe] những lời thuật lại theo tuần tự của các vị Phật Độc Giác đã tụ hội lại,8 và [hãy lắng nghe] về sự tai hại và nền tảng của sự xa lìa tham ái? theo đó các vị đã thành tựu quả vị Giác ngộ. 88. Với sự nghĩ tưởng về ly tham ái đối với các sự việc có tham ái, với chướng ngại [toàn bộ phiền não] và chiến thắng các loạn tưởng [sáu mươi hai tà kiến], theo đúng như thế các vị đã thành tựu quả vị Giác ng0." 89. Bu6ng bỏ sự trưng phạt đối với tất cả chúng sanh và không hãm hại bất cứ ai trong sô họ, với tâm từ ái người có sự thương tưởng đến điều lợi h hãy nên

sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].9 90. Bu6ng bỏ sự trừng phạt đối với tất cả chúng sanh và không hãm hại bất cứ ai trong sô họ, không nên mong mỏi về con trai, sao lại [mong mỏi] về bạn bè? Hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

8 Chủ giải nêu tên một số các vị Độc Giác Phật như là: Arittha, Uparittha, Tagarasikhi, Yasassī, Sudassana, Piyadassī,... Sumañgala, Dibbila, v.v... (ApA. 129). 9 Yathā khaggassa nāma visānam ekameva hoti adutiyam, evameva so paccekasambuddho takkappo tassadĩso tappatibhāgo (ApA. 133).

91. Các sự ái luyên hiện diện ở người có sự thân cận đã được tạo nên, theo sau sự ái luyến là khổ đau này được thành lập. Trong khi xem xét thấy điều tai hại sanh lên từ sự ái luyến, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 92. Trong khi thương tưởng đến bạn bè thân hữu, [thời] xao lãng mục dích, có tâm bị ràng buộc. Trong khi xem xét thấy mối nguy hiểm này ở sự giao du, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 93. Sự mong mỏi ở các con và những người vợ tương tợ như lùm tre rậm bị vướng víu. Trong khi không bị vướng víu như là mụt măng tre, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 94. Tương tợ như con nai ở trong rừng không bị trói buộc, đi đến nơi nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 95. Có sự mời gọi giữa bạn bè về chuyện nghỉ ngơi, về việc đứng gần, về sự ra di, ở cuộc du hành, trong khi xem xét về sự tự do không được [kẻ khác] ham thích,10 hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 96. Sự vui đùa thích thú ở giữa đám bạn bè và lòng thương yêu đối với con cái là bao la, trong khi chán ghét sự tách lìa khỏi những người yêu dấu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác. 97. Người không lòng bất bình trải khắp bốn phương, tự hài lòng với thứ này thứ nọ, chiu đựng mọi hiểm nghèo không lòng hoảng sợ, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 98. Ngay cả các vị đã xuất gia cũng khó đồng thuận, những kẻ tại gia sống dưới mái gia đình cũng vậy, đã là người ít bị bận tâm về con cái của kẻ khác, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 99. Hãy cởi bỏ hình tướng tại gia như loài cây koviḷâro có lá được rũ bỏ, là người anh hùng, sau khi cắt đứt mọi sự ràng buộc của gia đình, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 100. Nếu có thể đạt được bạn là kẻ đồng hành cẩn trọng, sáng suốt, sống ngay thẳng, sau khi khắc phục mọi hiểm nghèo hãy nên du hành với vị ấy, có sự hoan hỷ? có niệm. M 9 9 J. À M , M M

101. Nêu không thê đạt được bạn là kẻ đông hành cân trọng, sáng suôt, sông ngay thẳng, tương tợ như vị vua từ bỏ lãnh địa đã xâm chiếm được, hãy nên song một mình như là con long tượng cư ngụ đơn độc ở trong khu rừng. 102. Quả vậy, chúng ta ca ngợi sự thành tựu bạn bè. Những bạn bè vượt trội [hoặc] tương đương là nên giao thiệp. [Nếu] những người này ỉa không đạt được, [chỉ nên] thọ hưởng những gì không bị chê trách, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 103. Sau khi nhìn thấy những [vòng] vàng sáng chói khéo được hoàn thành bởi con trai người thợ kim hoàn, [chúng] đang va chạm vào nhau khi hai vòng 10 "Sịt tự do không

được [kẻ khác] ham thích" là nói về sự xuất gia (ApA. 167).

THÁNH NHÂN KÝSự^ 15

ở trên cùng cánh tay, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 104. Tương tợ như thê, cùng với người thứ hai có thê xảy ra sự chuyện vãn bằng lời nói và sự quyến luyến sâu đậm cho tôi. Trong khi xem xét thấy mối nguy hiểm này trong tương lai, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 105. Bởi vì các dục là đa dạng, ngọt ngào, làm thích ý? chúng khuấy động tâm bằng nhiều hình thức ẩn hiện. Sau khi nhìn thấy điều tai hại ở trong các loại dục, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 106. Điều này là tai họa, là mụt nhọt, là bất hạnh, là tật bệnh, là mũi tên, và là sự nguy hiểm cho tôi. Sau khi nhìn thay moi nguy hiểm này ở trong các loại dục, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 107. Lạnh, nóng, đói, khát, gió và sức nóng, muỗi mòng và rắn rết, sau khi đã khắc phục tất cả những điều này, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 108. Tợ như con voi có thân hình khổng lồ5 có đốm hoa sen, cao thượng, đã lìa bỏ các bầy đàn? đang sống trong rừng theo như ý thích, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 109. Người ưa thích sự tụ hội có thể chạm đến sự giải thoát tạm thời11 là điều không có cơ sở. Sau khi cân nhắc lời nói của đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 110. [Nghĩ rằng:] “T6i đã vượt lên trên các sự trái khuấy của tà kiến, đã đạt đến quy luật, đã tiếp thâu đạo lộ, có trí đã được sanh khởi, không cần người khác dẫn dắt", hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 111. Không tham lam, không lừa gạt, không khao khát, không chê bai, có tật xấu và sự mê muội đã được loại trừ, không còn ước ao [tham vọng] về toàn thể thế giới, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 112. Nên lánh xa hẳn bạn bè ác xấu, kẻ không nhìn thấy mục đích đã dấn sâu vào sở hành sai trái. Không nên chính mình giao thiệp với kẻ bám víu [vào tà kiến] bi xao lãng. Hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ làmộtídồnghai]. 113. Nên cộng sự với vị nghe nhiêu [học rgg], năm giữ giáo pháp, là người bạn cao thượng, có biện tài. Sau khi nhận biêt các mục dích, nên lìa bỏ điều nghi hoặc, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 114. Trong khi không chú trọng và không mong mỏi sự vui đùa, sự thích11 11 ^Sāmayikarn vimuttỉnti lokiyasamāpattim" (ApA. 182): "Sịt giải thoát tạm thời là sự thể nhập hiệp thế” (các tầng thiền và ngũ thong - ND).

16 * KINH TIÊU Bộ

thú, và khoái lạc ngũ dục ở trên đời, đã lánh xa việc trang sức, có sự nói lời chân thật, hãy nên song một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 115. Sau khi từ bỏ con và vợ, cha và mẹ? các tài sản và lúa gạo, các quyến thuộc và các dục đúng theo giới hạn [về năng lực của bản thân], hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 116. Điều này [ngũ dục] là sự ràng buộc, hạnh phúc ở đây là sự khoái lạc nhỏ nhoi, chính sự khổ đau ở đây là nhiều hơn. Người có trí, sau khi biết được điều này là móc câu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là

một không hai]. 117. Tợ như loài thủy tộc phá tan chiếc lưới ở trong nước, tợ như ngọn lửa khôna còn quay lại nơi đã bi đót cháy, sau khi đã tự phá tan các sự ràng buộc, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 118. Có mắt nhìn xuống và không có sự buông thả ở bước chân đi, có các căn được hộ trì, có tâm ý được canh phòng, không bi ngập tràn [bởi dục vọng], trong khi không bị thiêu đót [bởi phiên não], hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. . .2 . 119. Sau khi trút bỏ các biêu tượng gia chủ tương tợ như cây san hô có lá được rũ bỏ, sau khi đã ra di, mặc y ca-sa, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai], 120. Sự tham đắm trong các vi nếm là việc không làm, không có sự buông thả, không có sự nuôi dưỡng kẻ khác, có sự đi khất thực theo tuần tự từng nhà, có tâm không quyến luyến ở các gia đình, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai], 121. Sau khi dứt bỏ năm pháp che lấp của tâm, sau khi xua đuổi hẳn tất cả các tùy phiền não, không bị lệ thuộc [tà kiến], sau khi cắt đứt ái luyến và sân hận, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 122. Sau khi đã bỏ lại sau lưng lạc và khổ cùng với hỷ và ưu ngay trước đây? sau khi đạt được xả [của tứ thiên], sự vắng lặng [của định ở tứ thiên], và sự thanh tịnh [của giải thoát], hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 123. Có sự nỗ lực tinh tấn để đạt đến chân lý tuyệt đối, có tâm không thụ động, có sự thực hành khônệ biếng nhác, có sự co gắng bền bỉ, có được sức mạnh và năng lực, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là mọt không hai]. 124. Trong khi không bỏ phế việc ẩn cư tham thiền, là người thường xuyên hành trì thuận pháp đối với các pháp,12 là người nhận chân được sự tai hại trong các hữu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ la một Idiông hai].

12 Theo Chủ giải, có hai cách giải thích: 4tThực hành pháp minh sát tùy thuận thẹo sự diễn biến của các pháp như là ngũ uẩn, v.v...", hoặc là <4hành tuần tự theo chín pháp siêu the là bốn Đạo, bốn Quả và Niết-bàn,, (ApA. 196).

THÁNH NHÂN KÝ sự 17

125. Trong khi ước nguyện sự đoạn diệt ái [Niết-bàn], không xao lãng, không ngây ng6 khờ khạo, có sự nghe nhiều, có niệm, đã hiểu rõ giáo pháp, được quả quyết, có sự tinh tấn, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 126. Trong khi không kinh hãi tợ như con sư tử không kinh hãi đối với các tiếng động, trong khi không dính mắc tợ như làn gió không bị dính mắc ở tấm lưới, trong khi không vấy bẩn tợ như đóa sen không bị vấy bẩn bởi nước, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 127. Tợ như con sư tử có sức mạnh của các răng nanh, là vua của các loài thú, có cuộc sống khuất phục và chế ngự [các con thú], hãy nên lai vãng các tru xứ xa vắng, hãy nên sông một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 128. Vào thời điểm đang rèn luyện từ, bi, hỷ, xả và giải thoát, trong khi không bị chống đối bởi toàn bộ thế gian, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ ỉa một không hai]. 129. Trong khi từ bỏ tham ái, sân hận và si mê, trong khi tự phá tan các sự ràng buộc, trong khi không kinh hãi về sự đoạn tận mạng sống, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 130.

Người ta cộng sự và phục vụ có động cơ và chủ đích [lợi lộc], ngày nay những người bạn không có động cơ [lợi lộc] là khó đạt được, những người [chỉ] biết đến lợi ích của chính mình là những người không trong sạch, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 131. "Những vị có giới thanh tịnh, có tuệ hoàn toàn thanh tịnh, định tĩnh, gắn bó với sự tỉnh thức, là người hành pháp minh sát, có sự thấy biết đặc biệt về các pháp, nhận biết rõ ràng về các chi phan của đạo và các yếu tố đưa đến giác ngộ.13 132. Sau khi rèn luyện không tánh [giải thoát], vô nguyện [giải thoát], và vô tướng [giải thoát] trong giáo pháp của đấng Chiến Thăng, những bậc trí tuệ nào khônệ tiến đến bản thể Thinh văn [sẽ] trở thành các đấng Tự Chủ, các bậc Chiến Thang đơn độc. 133. Là những vi có các yếu tố cao thượng, có sự tập hợp của nhiều bản chất tự nhiên, cai quản được các tâm, đã vượt qua dòng lũ của tất cả khổ đau, có tâm phan chan, có sự thay biết chân lý tuyệt đoi, tương đương loài sư tử, tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai]. 134. Có các giác quan an tịnh, có tâm ý an tịnh, có định, có sự hành xử trí tuệ thâm sâu của tự thân, là những ngọn đèn đang soi sáng mục đích cho các kẻ khác ở thế giới này, những vị Phật Độc Giác này được quý trọng vào mọi thời điểm. 135. Có tất cả các pháp ngăn che đã được dứt bỏ, là vi Chúa của mọi người, 13 Chúng tôi hiểu rằng từ câu 131-37 là lời giảng dạy của đức Phật Gotama. (ND)

là những ngọn đèn của thế gian có ánh sáng của vàng khối, hiển nhiên là những bậc xứng đáng được cúng dường ở thế gian, những vị Phật Độc Giác này được quý trọng vào mọi thời điểm. 136. Lời khéo được giảng dạy của chư Phật Độc Giác lưu truyền ở thế gian luôn cả chư thiên. Sau khi đã nghe được như thế, những kẻ ngu nào không hành theo, những kẻ ấy quẩn quanh trong những khổ đau lượt này đến lượt khác. 137. Lời khéo được giảng dạy của chư Phật Độc Giác tương tợ như mật ong đang nhỏ xuống từng giọt. Sau khi đã nghe được như thế, những ai gắn bó với sự thực hành, những người ấy [sẽ] trở thành những người thấy được chân lý5 có được trí tuệ?5 138. Sau khi đã ra đi [đạt được quả vị Giác ngộ], những kệ ngôn cao thượng đã được chư Phật Độc Giác là các đấng Chiến Thắng nói lên, những kệ ngôn ấy đã được đấng Sư Tử dòng Sakyā, bậc Tối Thượng Nhân giảng giải vì mục đích của việc nhận thức giáo pháp. 139. Vì lòng thương tưởng thế gian, đấng Sư Tử, bậc Tự Chủ [Gotama] đã thực hiện, đã giảng giải những kệ ngôn này của chư Phật Độc Giác ấy nhằm mục đích làm tăng trưởng sự chấn động tâm, sự không quyến luyến và sự khôn ngoan vượt bực [của các bậc thiện trí]. 4íKý sự về Phật Độc Giác^ được đầy dủ.

THÁNH NHÂN KÝ sự 19

C. TRƯỞNG LÃO KÝ sự (THERĀPADĀNAM) .

Giờ xin thỉnh các vi hãy lăng nghe ký sự vê các vị Trưởng lão: 1. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA (Sāríputtattherãpadãnam) 140. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập. 141. ở không xa khu ẩn cư của tôi là con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh đẹp được trải lớp cát vô cùng trong sạch, làm thích ý. 142.

Con sông nhỏ chảy qua tại nơi ấy, không có cát, không có hố sâu, [có nước] dịu ngọt, không có mùi khó chiu, điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 143. Tại nơi ấy có con sông nhỏ và có các con cá sấu kumbhīla, cá lưỡi kiếm, cá sấu sumsumāra và các con rùa lớn vởn ở nơi này đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 144. Có các loại cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá vaia, cá muñja, cá rohita, cá maggura đang vượt dòng nước, chúng điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 145. ở hai bên bờ của con sông có những giống cây được đơm hoa, kết trái đang trĩu xuống từ cả hai phía, chúng điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 146. Có các cây xoài, cây sāla, cây tilaka, cây pātalī, cây sinduvāraka tỏa ra hương thơm của cõi trời được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. 147. Có các cây campaka, cây salala, cây nīpa, cây nāgā, cây nguyệt quế, cây dứa hoang tỏa ra hương thơm của cối trời được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. 148. Có các cây atimutta, cây asoka và cây bhaginimālā được nở rộ hoa, có các cây añkola và các cây imbijāla được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. 149. Có các cây dừa dại và luôn cả cây kandalī, các cây godhuka, các bụi cây tinasūlika tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 150. Có nhiều cây kanikāra, cây kannika, cây asana và cây ajjuna tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 151. Có các cây nguyệt quê, cây nguyệt quê núi, cây koviḷāra được nở rộ hoa, tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 152. Có nhiều cây bã đậu, cây kutaja, cây kadamba, cây vakula tỏa ra hương thơm của cõi tròd đang diêm tô khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ.

20 KINH TIỂU Bộ

153. Các cây aka, các cây isimugga, các cây chuối và các cây chanh được phát triển nhờ vào làn nước thơm, chúng trĩu những quả. 154. Một số sen hồng trổ hoa, một số khác đơm nhụy, một số khác nữa đã úa tàn; các đóa sen hồng luôn luôn được nở rộ ở trong hô nước. 155. Chen chúc với những lá cây siñghātaka, những đóa sen hồng đang tượng hình có những rễ sen đang cắm xuống luôn luôn rực rỡ ở trong hồ nước. 156. Được đem lại các cây ambagandhī, các cây uttâla, các cây bandhujīvaka tỏa ra hương thơm của cõi trời luôn luôn được nở rộ ở trong hồ nước. 157. Các loài cá pāthīna, cápâvusa, cá palaja, cá muñja5 cá rohita, cá añgula và cá mañgura nữa luôn luôn sông ở trong hồ nước. 158. Các con cá sấu loại kumbhīla, loại suinsumāra, loại cá tantigâha, các hạng quy sư, các loai răn và các loai mãng xa luôn luôn song ơ trong no nước. 159. Các chim bồ câu, các loài n^ỗng trời, ngỗng đỏ, các loài sống ở sông, các chim cu cu, chim két, chim sáo sông nương tựa vào hồ nước ấy. 160. Các loài chim kukutthakā, chim kulīraka, chim pokkharasātakā ở rừng, chim le le và chim suvapota sống nương tựa vào hồ nước ấy. 161. Các chim thiên nga, chim cò, chim công, chim cu cu, gà rừng, chim pampaka và chim jīvamjīva sống nương tựa vào hồ nước ấy. 162. Nhiều loài chim [ở đất liền] như chim cú mèo, chim gõ kiến, chim kurara, chim diều hâu và chim mahākāla sống nương tựa vào hồ nước ấy. 163. Nhiều con huơu, heo rừng, chó sói, chó rừng, nai và loài thú suggapota sống nương tựa vào hồ nước ấy. 164. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu và các con voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi sống nương tựa vào hồ nước ấy. 165. Các hạng Kim Si điểu luôn cả các loài khi, và cũng có những người thợ rừng, các người phục vụ, luôn cả các thợ săn sống nương tựa vào hô

nước ấy. 166. ở không xa khu ẩn cư của tôi, có các cây tinduka, cây piyâla, cây cam thảo và cây kāsumārī thường xuyên trĩu những trái. 167. ở không xa khu ẩn cư của tôi, có các cây kosumbha, cây salala, cây nĩpa có trái ngọt thường xuyên trĩu những trái. 168. Các cây harĩtaka, cây âmalaka, cây xoài, cây mận đỏ, cây vibhītaka, cây táo, cây bhallātaka và cây billa, chúng trĩu những trái. 169. ở khu ẩn cư của tôi, có nhiều loại [rễ củ] như là củ âluva, củ kalamba, củ bi]lí, củ takkala, củ jīvaka và củ sutaka nữa. 170. ở không xa khu ẩn cư của tôi, có những hồ nước khéo được tạo lập, có nước trong, có nước mát, có những bến nước cạn xinh đẹp làm thích ý. 171. Có hương thơm của cõi trời tỏa ra từ [hồ nước] được che phủ bởi những sen hồng, sen xanh, kết hợp với sen trắng, được che phủ bởi những cây mạn-đà-la.

THÁNH NHÂN KÝ sự 21

172. Khi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư đáng yêu, khéo được xây dựng ở trong khu rừng được đơm hoa, được kết trái, được hội đủ tất cả các yếu tố như thế. 173. [Tôi] là vị đạo sĩ khổ hạnh tên Surucī có giới hạnh, thành tựu về phận sự, chứng thiền, luôn luôn thỏa thích về thiền, đã đạt được năng lực về năm thắng trí. 174. Hai mươi bốn ngàn học trò đã phục vụ tôi. Tất cả những vị này đều là Bà-la-môn, có dòng dõi [cao quý], có danh vọng. 175. Họ đã đạt đến sự toàn hảo về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức, về từ ngữ, về văn phạm và về giáo lý [của Bà-la-môn]. 176. Những người học trò của tôi là khéo được học tập, và rành rẽ về các hiện tượng thiên nhiên, về các điềm báo hiệu, về các tướng mạo, về địa lý, về trái đất và về không gian. 177. Là những người ít đòi hỏi, cẩn trọng, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các vi này luôn luôn hầu cận tôi. 178. Là những bậc trí tuệ, chứng thiền, thỏa thích về thiền, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, không mong mỏi bất cứ điều gì9 các vị luôn luôn hầu cận tôi. 179. Là những bậc trí tuệ đã đạt được sự toàn hảo về các thắng trí, vui thích trong hành xứ của mình, có sự đi lại ở không trung, các vị luôn luôn hầu cận tôi. 180. Các vị ây là các bậc trí tuệ đã thu thúc ở sáu căn môn, không có dục vọng, có các giác quan được phòng hộ và không quyến luyến; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 181. Các vi ây trải qua đêm với việc ngôi xuông băng thê kiêt-già, với việc đứng và đi kinh hành; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 182. Các vi không ái luyến những gì cám dỗ, không nổi giận những gì khiêu khích, không mê muội những gì mê hoặc; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 183. Trong khi thử nghiệm, các vị ấy thường xuyên thể hiện phép thần thông, các vị ây làm rung chuyển trái đất; bằng sự đối nghịch khó mà tiêp cận. 184. Và trong khi giải trí, những người học trò ấy giải trí với trò chơi của thiền, các vị đem lại trái cây từ cây mận đỏ; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 185. Một số khác đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số khác đến Đông Thắnẹ-thần châu và một số khác đến Bắc Cu-lô châu, bằng sự tìm kiếm khó mà tiếp cận. 186. Các vị ây chuyên đi túi đô dung ở phía trước và tiên lên ngay ở phía sau, bầu trời bị che lấp bởi hai mươi bốn ngàn vị. 187. Một số vị dùng vật thực là trái cây đã rụng xuống, có vị nấu bằng lửa, có vị không dùng lửa [ăn sống], có vị dùng răng và cũng có vi dùng cối giã, có vị nghiền nát bằng đá.

22 KINH TIỂU BÔ

188. Một số vị ưa thích sự tẩy sạch [tội] bằng cách lội xuống nước sáng tối, một số vi thực hiện việc rải rắc nước [ở cơ thể]; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 189. [Một số vi] có lông ở nách và móng tay chân được để dài, có răng dính bựa, có đau vay bụi, được tẩm hương bang hương thơm của giới hạnh; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 190. Vào sáng sớm, các vị đạo sĩ tóc bện có khô hạnh cao tột sau khi tụ hội lại đã nói về sự thành công và thất bại, rồi ra đi ở trên không trung. 191. Trong khi những vị này ra đi, có tiêng động ôn ào phát ra bởi âm thanh của các tấm da dê khiến chư thiên được hoan hỷ. 192. Có sự di chuyên ở không trung, các vị ân sĩ ra đi phương này phương khác. Được nâng đỡ bởi năng lực của mình, các vị ấy ra đi theo như ước muốn. 193. Chính tất cả các vị di chuyển ở hư không này là những vị làm rung chuyển trái đất, có oai lực nổi bật, khó mà khuất phục, tợ như biển cả không bi xao động. 194. Một số vị ẩn sĩ có hạnh đứng và đi kinh hành, một số vị có hạnh ngồi, một số vị có vật thực đã được rơi xuống; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận. 195. Những vị này an tru tâm từ, tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh. Tất cả các vi ấy không ca ngợi về bản thân và không khinh miệt bất cứ ai. 196. Không bị hãi sợ như là sư tử chúa, có sức mạnh như là voi chúa, khó mà tiếp cận như là loài hổ, các vị đi đến gặp tôi. 197. Các thầy về pháp thuật, chư thiên, các loài rồng, càn-thát-bà9 và loài quỷ SÚT, các ác thần, những người khổng lồ, các loài nhân điểu sống nương tựa vào hồ nước ấy. 198. Các vị ây mang búi tóc và túi vật dụng, có y choàng là tâm da dê, có sự di chuyển ở không trung; tất cả sống nương tựa vào hồ nước ấy. 199. Các vi này luôn luôn [có hành vi] đúng đắn, có sự kính trọng lẫn nhau. Trong số hai mươi bốn ngàn vị, tiếng động hỉ mũi không xảy ra. 200. Trong khi đặt xuống từng bước từng bước chân, các vị khéo thu thúc, ít có tiếng động. Sau khi đến gần, hết thảy tất cả đều đê đầu đảnh lễ tôi. 201. Được vây quanh bởi những người học trò thanh tinh và khổ hạnh ấy, tôi sống tại nơi ấy, ở khu ẩn cư, có thiền chứng, được thỏa thích về thiền. 202. Khu ẩn cư được tỏa hương với hương thơm trái cây của các cây cho quả và hai loại hương thơm giới hạnh của các vị ẩn sĩ và hương thơm của các bông hoa. 203. Tôi không biết đến ngày và đêm, sự thù hận ở tôi không được biết đến. Trong khi giáo huấn những người học trò của mình, tôi đạt được niềm vui dào dạt.

THÁNH NHÂN KÝ sự 23

204. Trong khi các bông hoa đang trổ hoa và những trái cây đang kết trái, các hương thơm của cõi trời tỏa ra điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 205. Khi ây, là người có nhiệt tâm, cân trọng, sau khi xuất khỏi định, tôi đã câm lây túi vật đụng roi đi sâu vào rừng. 206. Khi ấy, tôi đã khéo được học tập về các hiện tướng và luôn cả về giấc mơ đã được khởi lên? tôi duy trì câu chú thuật đang được hiện hành. 207. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác có ước muôn độc cư nên đã đi đên núi Hy-mã-lạp. 208. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Mần Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi ngồi xuống. 209. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác có vẻ ngời sáng làm thích ý, tợ như bông hoa súng được tỏa sáng, tợ như ngọn lửa tê thân được cháy rực. 210. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây đèn đang chiếu sáng, như là tia chớp ở bầu trời, tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa. 211. Bậc Cao Quý này

là đấng Đại Hùng, vị Đoạn Tận Khổ Bau, bậc Hiền Trí. Do việc nhìn thấy Ngài, toàn bộ khổ đau được phóng thích. 212. Sau khi nhìn thấy vi Trời Của Chư Thiên, tôi đã suy xét về tướng mạo: "Là đức Phật hay không phải là đức Phật? Vậy ta hãy quan sát bậc Hữu Nhãn?5 213. Những bánh xe có ngàn căm được nhìn thấy ở lòng bàn chân cao quý. Sau khi nhìn thấy những tướng mạo của Ngài, tôi đã đi đến quyết định [Ngài là] đức Như Lai. 214. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc chổi và quét dọn. Rồi tôi đã tự mình mang lại những đóa hoa và cúng dường đến đức Phật tối thượng. 215. Sau khi đã cúng dường đến bậc Toàn Giác, vị đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi lễ bái đấng Lãnh Đạo Thế Gian [và đã nói rằng]: 216. "Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lậu Hoặc đã an trú với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói. 217. Bạch đấng Tự Chủ có sự tấn hóa vô lượng, xin Ngài hãy tiếp độ thế gian này. Sau khi đi đên nhìn thây Ngài, những người ây vượt qua dòng nước nghi hoặc. 218. Bạch đấng Tối Thượng Của Loài Người, Ngài là bậc Thầy, là cờ hiệu, là biểu tượng, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ và là ngọn đèn của chúng sanh. 219. Bạch đấng Toàn Tri, có thể đo lường nước ở biển cả bằng vật chứa, nhưng không thể nào đo lường trí tuệ của Ngài. 220. Bạch đấng Toàn Tri, có thể nắm lấy trái đất đặt vào đĩa cân, nhưng không thể nào nắm lấy trí tuệ của Ngài.

24 KINH TIỂU Bộ

221. Bạch đấng Toàn Tri, có thể đo đạc bầu trời bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, nhimg không thể nào đo lường trí tuệ của Ngài. 222. [Trí tuệ của đức Phật] vượt hẳn nước trong đại dương và đất liền rắn rỏi. So sánh với trí tuệ của đức Phật không gì được xem là tương đương. 223. Bạch đấng Hữu Nhãn, ở thế gian luôn cả chư thiên, những ai có tâm [được] vận hành, họ đều đi vào trong màng lưới trí tuệ của Ngài. 224. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ nào Ngài [đã] chứng đạt sự Giác ngộ tối thượng toàn vẹn thì bằng trí tuệ ấy Ngài [đã] chế ngự các ngoại đạo khác/9 225. Sau khi ngợi ca bằng các câu kệ này, vị đạo sĩ khổ hạnh tên Surucĩ ấy đã trải ra tâm da dê ở trên mặt đát roi ngôi xuông. 226. Được truyền tụng rằng ngọn núi chúa [Nem] đã chìm sâu vào trong đại dương tám mươi bôn ngàn [do-tuân] và đã vươn cao cũng với khoảng cách như thế. 227. Ngọn núi Neru ây đã vươn cao đên chừng ây vê chiêu dài và chiêu rộng. Nó đã bi nghiền nát thành trăm ngàn koíi mảnh vụn nhỏ. 228. "Bạch đang Toàn Tri, trong khi được xép thành từng nhóm một trăm ngàn những mảnh vụn nhỏ ây đã đi đên sự châm dứt, nhưng trí tuệ của Ngài vân không thể nào đo lường được. 229. Nêu người nào rào quanh nước băng tâm lưới có lô nhỏ, thì bát cứ các chúng sanh ở trong nước đều có thể rơi vào trong tấm lưới. 230. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, những người nào là phàm phu ngoair đạo đang lao theo việc năm bát tà kiên đêu đã bị mê muội do sự vướng măc [vào mạng lưới tà kiên]. 231. Do trí tuệ trong sạch và tầm nhìn không bị che lấp của Ngài, những người đã đi vào trong mạng lưới không vượt hơn trí tuệ của NgAi." 232. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Anomadassĩ, đấng Chiến Thắng có danh vọng lớn lao, sau khi xuất khỏi thiền đinh, đã quan sát phương hướng. 233-34. Vi Thinh văn của bậc Hiền Trí Anomadassĩ tên là Nisabha được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị có tâm an tịnh như thế ấy, là các bậc Vô lậu, được trong sạch, có sáu thăng trí, có thiên chứng. Sau khi biêt được tâm của đức Phật, vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 235. Tại

nơi ấy, đứng ở trên không trung, các vị ấy đã đi nhiễu quanh, tay chắp lên lễ bái, rồi đã đáp xuống gần ben đưc Phật. 236. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã để lộ nụ cười. 237. Vi thị giả của đấng Toàn Tri, bậc Đại Ẩn Sĩ, có tên là Varuna, sau khi đắp y một bên vai, đã hỏi đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

THÁNH NHÂN KÝ sự 25

238. "Bạch đức Thế Tôn, điều gì là nguyên nhân của việc nở nụ cười của bậc Đạo sư? Bởi vì chư Phật, không có nguyên nhân các Ngài không để lộ nụ cười.95 239. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở giữa hội chúng và đã nói lên lời kệ này: 240. "Người nào đã cúng dường Ta bằng bông hoa và cũng đã ngợi ca trí tuệ [của Ta], Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói?5 241. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Có ước muôn được nghe Chánh pháp, các vi ây đã đi đên gân đang Toàn Giác. 242. Chư thiên có đại thân lực ở tát cả các thê giới, các vị nào có ước muôn được nghe Chánh pháp, các vị ấy đã đi đến gần đấng Toàn Giác. 243. "Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 244. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiêc trông lớn được tô diêm sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 245. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bang ngọc trai và ngọc ma-ni. 246. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. - 247. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở quốc độ một ngàn lần. 248. Và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 249. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, người này sẽ đi đến bản thể nhân loại. Người nữ Bà-la-môn tên Sāriyā sẽ mang bào thai [vi này]. 250. Người nam này sẽ được biết đến với danh hiệu dòng họ của người mẹ, và sẽ có trí tuệ sắc bén với tên là Sāriputta. 251. Sau khi lìa bỏ tám mươi koti, người này sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong khi tầm cầu vị thế an tịnh, người này sẽ lang thang ở trái đất. 252. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian. 253. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống,14 được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ trở thành vị Thinh văn hàng đầu với tên là Sāriputta.

14 Orasotỉ urasi jāto = oraso nghĩa là được sanh ra từ ngực (ÁpA. 278). Lúc thuyết pháp, sự phát âm ở ngực đã được đốc Phật sử dụng đến. Do việc lắng nghe giáo pháp, các vị này sẽ thành tựu các đạo, quả nen được gọi là “sanh ra từ hg&c".

26 KINH TIỂU BỖ

r 9 9

254. Được phát xuất tư núi Hy-m-lạp, con sông Bhāgīrathī này đô vê biên cả, làm thỏa mãn đại dương. 255. Tương tợ y như thế, vị Sāriputta này được tự tin vào ba bộ Vệ-đà? sẽ đạt đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ làm thỏa ý các chúng sinh. 256. Bắt nguồn từ núi Hy-mã-lạp cho đến biển cả và đại dương, số lượng cát ở vào khoảng giữa ấy là vô số kể bằng cách tính đếm.15 257. Mặc dầu có thể tính toán toàn bộ số lượng cát ấy bằng cách tính đếm, nhưng sẽ không có mức tận cùng ở trí tuệ của Sāriputta. 258. Trong khi đang được tồn tại ở dạng hạt nhỏ, cát của dòng sông có thể bị cạn kiệt, nhtrng sẽ không có mức tận cùng ở trí tuệ của Sāriputta. 9 9 r 259. Các làn sóng của biên cả là không thê ước lượng băng cách tính đêm, tương tợ y như thế, sẽ không có điểm tận cùng về trí tuệ của Sāriputta. 260. Người này sẽ làm hài lòng đàng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sẽ đi đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ trở thành vị Thinh văn hàng đầu. 261. Trong khi làm đổ những cơn mưa giáo pháp, người này sẽ tiếp tục vận hành đúng đan bánh xe pháp đã được chuyên vận bởi người con trai dòng Sakyā như thế ấy. 262. Sau khi biết rõ tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ thiết lập [người này] vào vi thế tối thang?9 263. Ôi, việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đến bậc Đạo sư Anomadassī! Sau khi thê hiện sự tôn kính đên vị ây, tôi đã đạt đên sự toàn hảo về mọi phương diện. 264. Việc làm đã được thực hiện ở vô lượng kiêp [trước đây] đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được ban ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi]. 265. Lúc bấy giờ, trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác Niết-bàn là vi thế không bị lay chuyển, trong lúc xem xét tất cả các ngoại đạo, tôi đã luân hồi ở cõi hưu. 266. Cũng giống như người bi bệnh nên tìm kiếm phương linh dược, nên xem xét toàn bọ khu rừng nhằm thoát khỏi cơn bệnh. 267. Trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác Niết-bàn là vi thế bất tử, tôi đã xuất gia vào đời tu ẩn sĩ liên tục năm trăm kiếp sống. 268. Tôi đã duy trì búi tóc bện, có y choàng là tấm da dê, tôi đã đạt đến sự toàn hảo của các thắng trí và đã đi đến thế giới Phạm thiên. 269. Ngoại trừ giáo pháp của đang Chiên Thăng, không có sự thanh tịnh ở ngoại giáo. Thật vậy, bát cứ chúng sanh nào có trí giác ngộ đều được trở nên thanh tịnh trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 270. Pháp [thanh tịnh] này là sự tạo thành do hành động của bản thân, pháp 15 Hằng hà sa số: Nhiều như cát sông Hằng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 27

này không là sự truyên tụng. Trong lúc tâm câu pháp không tạo tác, tôi đã lai vãng ben bãi toi te. 271. Giống như người tầm cầu lõi cây, sau khi đốn ngã cây chuối rồi chẻ hai, không thể tìm thấy lõi cây ở nơi ấy bởi vì cây chuối thì không có lõi. 272. Tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian và số đônệ người với những tà kiến khác nhau là vắng bóng Niết-bàn, giống như cây chuôi thì không COr 1lõi. p!

273. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã là thân quyến của Phạm thiên.16 Sau khi từ bỏ của cải lớn lao, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. (Dứt tụng phẩm thứ nhất).

274. Vị Bà-la-môn tên Safijaya là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi song dưới sự hướng dẫn của vị ấy.17 275. Bạch đấng Đại Hùng, vị Bà-la-môn tên Assaji là Thinh văn của Ngài, khó mà tiếp cận, có oai lực noi bật, khi ấy

[đang] đi khất thực. 276. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền trí ấy, có trí tuệ, được định tĩnh trong sự sáng suốt, có tâm thanh tịnh, là bậc Long tượng, tợ như đóa sen khéo được nở rộ. 277. Sau khi nhìn thấy vị anh hùng ưu tú, cao quy, khéo được rèn luyện, có tâm ý thanh tịnh, tâm của tôi đã khởi lên rằng: "Phai chăng vị này là A-la-hán? 278. Phải chăng con người đáng mến, biết cách xử trí, có dáng vóc lịch sự, khéo thu thúc, đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, là người nhìn thấy sự bất tử? 279. Hay là ta nên hỏi về mục đích tối thượng với tâm ý hớn hở? Được ta hỏi, vị ấy sẽ trả lời. Khi ấy, ta hãy hỏi tiếp." 280. Trong khi vi ấy đang đi khất thực, tôi đã đi ở phía sau chờ đợi cơ hội để hỏi về vị the bất tư. 281. Khi vị ấy đi đến giữa đường, tôi đã đi đến gần và đã hỏi rằng: "Thua vị Anh hùng, Ngài có dòng họ thế nào? Thưa Ngài, Ngài là học trò của vị nào?" 282. Được tôi hỏi, vị ấy tợ như con sư tử không bị hãi sợ đã trả lời rằng: uNày đạo hữu, đức Phật đã xuất hiện ở thể gian, tôi là học trò của Ngài ấy." 283. "Thua vị Đại Anh hùng, người nối dõi, bậc có danh vọng lớn lao, giáo pháp lời dạy của đức Phật của Ngài là như thế nào? Thưa Ngài, xin Ngài hãy thuyêt giảng tận tường cho tôi." 284. Được tôi hỏi, vi ấy đã thuyết giảng về toàn bộ đạo lộ thâm sâu vi tế, là pháp tiêu diệt mũi tên tham ái, có sự xua đi tất cả khổ đau [như vầy]: 285. "Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đà có lời dạy như thế."

16 Nghĩa là đã sanh ra ở gia tộc Bà-la-môn (ÁpA. 230). 17 Xem thêm chi tiết về sự kiện này ở Luật tạng, Đại phẩm (chương I, tụng phẩm 4).

286. Khi câu hỏi vừa được trả lời, tôi đây đã chứng đắc quả vị thứ nhất. Sau khi lắng nghe lời dạy của đấng Chiến Thắng, tôi đã trở nên không còn vấy bụi, không còn nhơ bân. 287. Sau khi lăng nghe lời nói của bậc Hiên trí, sau khi nhìn thây giáo pháp tối thượng, với Chánh pháp đã được thâm nhập tôi đã nói lên lời kệ ngôn này: 288. "Đây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi đã thấu triệt được Niết-bàn không sầu muộn, [là pháp] đã không được nhìn thấy, đã bị trôi qua trong hàng vạn kiếp sống." 289. Trong lúc tầm cầu giáo pháp, tôi đây đã lai vãng bến bãi tồi tệ. [Giờ đây] mục đích ấy của tôi đã được đạt đến, tôi không còn thời gian đê xao lãng. 290. Tôi đã được vi Assaji làm cho hoan hỷ. Sau khi đạt đến vị thế bất động, trong khi tìm kiếm người bạn, tôi đã đi đến khu ân cư. 291. Sau khi nhìn thấy tôi ngay tư đàng xa, bạn của tôi, là người khéo được học tập và được thành tựu bốn oai nghi, đã nói lên lời nói này: 292. "Bạn có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, dường như bản thể hiền trí đã được [bạn] nhìn thây. Phải chăng bạn đã chứng đác sự bát tử, Niêt-bàn, vị thê trường cửu? r A r 293. Dường như bạn [đã] đạt đên điêu xứng đáng với sự tót đẹp và đã được làm cho trở thành điềm dạm, tợ như con voi đã được chế ngự trong giai đoạn thuần hóa. Này người Bà-la-môn, phải chăng bạn được an tjnh?" 294. “Bt tử là sự xua đi mũi tên sầu muộn đã được tôi chứng đắc. Bạn cũng vậy, hãy chứng đắc điều ấy. Chúng ta hãy đi đến gặp đức Phát.' 295. Sau khi đáp lại răng: “Lành thay!", bạn của con là người khéo được học tập đã dùng tay nắm lấy tay con và đã đi đến gặp Ngài. 296. Bạch người con trai dòng Sakyā, cả hai chúng con cũng sẽ xuất gia trong sự chứng minh của Ngài. Sau khi đi đến

giáo pháp của Ngài, chúng con sông không còn lậu hoặc. 297. Kolita là đứng đầu về thần thong, còn con có sự đạt đến bờ kia về trí tuệ. Chính cả hai chúng con đã hợp nhất làm rạng rỡ giáo pháp. 298. Có ước nguyện chưa được hoàn thành, con đã lai vãng bến bãi tồi tệ. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, ước nguyện của con đã được tròn đủ. 299. Sau khi đã mọc vững vàng ở trên trái đất, các cây cối nở hoa lúc vào mùa. Chúng tỏa ra các hương thơm của cối trời và làm cho tất cả chúng sinh được vui lòng. 300. Bạch đấng Đại Hùng, bạch người con trai dòng Sakyā có danh vọng lớn lao, tương tợ như thế ấy, sau khi đã thiết lập ở trong giáo pháp của Ngài, con tầm cầu thời điểm để tro hoa. 301. Trong lúc tâm câu bông hoa giải thoát là việc ra khỏi sự luân hôi ở các cõi, với sự đạt được bông hoa giải thoát, con làm cho tất cả chúng sinh được vui lòng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 29

302. Bạch đấng Hữu Nhãn, cho đến địa phận của chư Phật, không gì sánh băng tuệ của người con trai của Ngài, ngoại trừ bậc Hiên trí. 303. Được thuần phục trong sự thuần hóa tối thượng, những người học trò đã khéo được huấn luyện của Ngài và hội chúng đã khéo được học tập luôn luôn tháp tùng Ngài. 304. Là những bậc Trí tuệ, chứng thiền, thỏa thích về thiền, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, các bậc Hiền trí được thành tựu sự tốt đẹp về đạo đức luôn luôn tháp tùng Ngài. 305. Là những bậc Trí tuệ, ít đòi hỏi, cẩn trọng, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các vị luôn luôn tháp tùng Ngài. 306. Là những bậc Trí tuệ chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp giũ bỏ (Đầu-đà)? chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cư, các vị luôn luôn tháp tùng Ngài. 307. Là những vị thực hành [bốn đạo] trú vào quả vị [A-la-hán], và những vi Hữu học có thành tựu quả vị? các vị tầm cầu mục đích tối thượng luôn luôn tháp tùng Ngài. 308. Các vị là bậc Nhập lưu không còn nhơ bẩn, các vị là bậc Nhất lai, các vị Bất lai và các vị A-la-hán luôn luôn tháp tùng Ngài. 309. Các bậc Thinh văn ấy, có nhiều vị được thiện xảo về các pháp thiết lập niệm, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, tất cả các vị luôn luôn tháp tùng Ngài. 310. Các vị được thiện xảo vê các nên tảng của thân thông, được thỏa thích trong việc tu tập định, được gắn bó vào chánh tinh tấn, luôn luôn tháp tùng Ngài. 311. Các vị có ba minh và sáu thắng trí, đã đi đến sự toàn hảo về thần thông, đã đạt được sự toàn hảo về tuệ, luôn luôn tháp tùng Ngài. 312. Bạch đấng Đại Hùng, các vị học trò như thế ấy của Ngài đã khéo được học tập, khó mà tiếp cận, có oai lực noi bật, luôn luôn tháp tùng Ngài. 313. Được tháp tùng bởi những người học trò thu thúc, nhiệt tình ấy, Ngài tợ như [con sư tử], vua của loài thú không bị hãi SỢT, tợ như [mặt trăng], vua của các vì sao chiếu sáng rực rỡ. 314. Sau khi đã mọc vững vàng ở trên trái đất, các loài thảo mộc phát triển. Chúng đạt được sự lớn mạnh và phô bày sự két trái. 315. Bạch người con trai dòng Sakyā có danh vọng lớn lao, Ngài là tương tợ trái đất. Sau khi thiết lập ở giáo pháp, các vị ấy đạt được quả vị bất tử. 316. Có các con sông Sindhu, luôn cả sông Sarassatī, sông Candabhāgikā, sông Gañgā, sông Yāmunā, luôn cả sông Sarabhū và sông Mahī. 317. Khi những con sông này trôi chảy và biển cả tiếp nhận, những con sông này từ bỏ tên gọi trước đây và chỉ được biết đến là "biển c*" mà thôi. 318. Tương tợ y như thế, bốn giai cấp này sau khi xuất gia trong sự chứng

minh của Ngài, các vị từ bỏ tên gọi trước đây và được biết đến là “con trai của đức Phát”. 319. Cũng giống như mặt trăng không bị vết nhơ trong lúc đang di chuyển ở bầu không gian thì vượt trội tất cả các quần thể tinh tú ở thế giới về ánh sáng. 320. Bạch đàng Đại Hùng, tương tợ y như thê, được tháp tùng bởi chư thiên và nhân loại, Ngài vượt lên trên tất cả các hạng này và chói sáng vào mọi lúc. 321. Được khởi lên từ dưới sâu, sóng không thể vượt qua được bờ biển. Tất cả các đợt sóng chạm đen bờ biển thì chúng tan tác trở thành bọt nước. 322. Tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở trên thế gian và nhiều người với các quan diêm khác nhau có ý định nói vê giáo lý, bọn họ không vượt qua Ngài là bậ€ Hiền Trí. j 323. Và bạch đấng Hữu Nhãn, nếu họ gặp Ngài, xin Ngài hãy đáp lại. Sau khi đi đến gặp Ngài, những người ấy trở thành như là bọt nước. 324. Cũng giống như giống cây kumuda, cây mandãlaka và nhiều loài cây khác được sanh ra ở trong nước, chúng bị lấm nhơ bởi nước và bùn lầy. 325. Tương tợ y như thê, nhiêu chúng sanh được sanh ra lớn lên ở trên đời bị sầu khổ bởi tham ái, sân hận giống như cây kumuda ở bãi bùn vậy. 326. Cũng giống như đóa hoa sen là loài được sanh ra ở trong nước, lớn lên ở giữa làn nước, nó không bị lấm nhơ bởi nước, có tua nhị cũng được trong sạch. 327. Bạch đàng Đại Hùng, tương tợ y như thê, bậc Đại Hiên Trí được sanh ra ở trên thế gian, Ngài không bị lấm nhơ bởi thế gian như là đóa hoa sen không bị lấm nhơ bởi nước. 328. Cũng giông như nhiêu loài hoa mọc trong nước trô hoa vào tháng Rammaka, chúng không vượt quá tháng ấy, khi ấy là thời điểm của việc trổ hoa. 329. Bạch người con trai dòng Sakyā, Ngài đã trổ hoa bằng sự giải thoát, tương tợ y như thế các vị ấy [cũng vậy]. Các học trò không vượt quá lời dạy như là đóa hoa sen, là loài được sanh ra ở trong nước [không trổ hoa trễ thời hạn]. 330. Cây sâla chúa khéo được trổ hoa tỏa ra hương thơm của cõi trời. Được vây quanh bởi những cây sâla khác, cây sâla chúa tỏa sáng. 331. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, Ngài đã trổ hoa bằng trí tuệ của vị Phật. Được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu? Ngài tỏa sáng như là cây sâla chúa. 332. Cũng giống như núi Hy-mã-lạp bằng đá là nguồn dược liệu cho tất cả chúng sinh, là chốn cư ngụ của các loài rong, các a-tu-la và chư thiên. 333. Bạch đang Đại Hùng, tương tợ y như thê, Ngài ví như nguôn dược liệu cho tát cả chúng sinh. Các vị có được ba minh, sáu thăng trí và đã đi đến sự toàn hảo về thần thông [nhờ nương tựa vào Ngài]. 334. Bạch đang Đại Hùng, được Ngài chỉ dạy với lòng bi mân, các vị ây thỏa thích với sự thỏa thích trong giáo pháp, các vị sống theo lời dạy của Ngài.

THÁNH NHÂN KÝ sự 31

335. Giông như con sư tử, vua của loài thú, sau khi rời khỏi chô ngụ, nó quan sát bốn phương và rống lên ba lần. 336. Khi chúa của loài thú gầm thét, mọi thú vật đều kinh hoàng. Bởi vì nó có dòng dõi như thế, nó luôn luôn làm các loài thú run sợ. 337. Bạch đấng Đại Hùng, khi Ngài thuyết pháp thì trái đất rúng động, những ai có khả năng giác ngộ được giác ngộ, phe đảng của Ma vương run sợ. 338. Bạch đấng Đại Hiền Trí, khi Ngài thuyết pháp tất cả các ngoại đạo run sợ, tợ như bầy chim quạ bay tán loạn, như là các con thú run sợ đối với [sư tử] chúa của loài thú. 339. Những vị co đồ chúng ở trên thế gian được gọi là "các bậc thầy". Các vị ấy thuyết giảng đến đám đông học thuyết đã

được tuần tự truyền thừa. 340. Bạch đấng Đại Hùng, tuy nhiên Ngài không là như vậy. Ngài thuyết giảng giáo pháp đến các chúng sinh sau khi đã tự thân giác ngộ về các chân lý và toàn bộ các pháp thuộc về giác ngộ. 341. Sau khi biết được tánh khí bộc lộ và tiềm ẩn về sự mạnh và yếu của các quyền, sau khi hiểu rõ về tính chất có hay không có khả năng, Ngài thuyết pháp tợ như là cơn mưa lớn [gào thét]. 342-43. Đám đông có các quan điểm khác nhau, trong khi đang suy xét, có thể ngồi đến tận cùng thế giới vũ try. Nhằm cắt đứt sự nghi hoặc ấy, bậc Hiền trí, vị thiện xảo về sự so sánh đối chiếu, sau khi biết được tâm của tất cả, Ngài cắt đứt sự nghi hoặc của chúng sinh ngay trong khi đang giảng giải về một câu hỏi. 344. Trái đất là được tràn đầy bởi chính các vi như là upatissa [Sāriputta]. Chính tất cả các vị ấy, tay chắp lên, đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 345. Trong khi ngợi ca đên trọn kiêp, họ đã ngợi ca vê những đức hạnh khác nhau. Họ đã không thể nào ước lượng được, các đấng Như Lai là vô lượng. 346. Giống như tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng bằng sức mạnh của mình, trong khi ngợi ca đến một koti (mười triệu) kiếp, họ cũng đã ca ngợi y như vậy. 347. Nếu có vị thiên nhân hoặc người nào đó đã được học tập rành rẽ, có ý định đo lường [các đức hạnh ấy], vị ấy chỉ có thể gánh lấy nỗi phiền muộn mà thôi. 348. Bạch người con trai dòng Sakyā có danh vọng lớn lao, sau khi đã thiết lập ở trong giáo pháp của Ngài, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về tuệ, con sống không có lậu hoặc. 349. Con hoàn toàn chế ngự các ngoại đạo, con vận hành giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Hôm nay con là vị Tướng quân Chánh pháp trong giáo pháp của người con trai dòng Sakyā. 350. Việc làm đã được thực hiện ở vô lượng kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

32 KINH TIỂU BỘ

351. Nếu người nào đó có thể mang vác vật nặng thường xuyên ở trên dầu, người ấy sẽ bị khổ sở bởi vật nặng, tương tợ y như thế, tôi phải gánh chịu các vật nặng. 352. Trong khi đang bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, tôi đã luân hồi ở các cõi. Tôi đã chịu đựng gánh nặng của hữu giống như tôi đã phải nâng lên ngọn núi Neru. 353. Và gánh nặng đã được tôi đặt xuống, các hữu đã được tôi hủy diệt, mọi việc cần làm trong giáo pháp của người con trai dòng Sakyā đã được làm xong. 354. Cho đến địa phận của chư Phật, ngoại trừ bậc Cao Quý dòng Sakyā, tôi là đứng đầu về tuệ, người sánh bằng tôi không tìm thấy. 355. Được khéo thiện xảo về định, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông. Và hôm nay, trong khi mong muốn, tôi có thể biến hóa thành ngàn người. 356. Bạch đang Đại Hiên Trí, Ngài đã thuyêt giảng giáo pháp cho con. Con có được năng lực đối với sự an trú theo tuần tự, Diệt [thọ tưởng] định là nơi an nghỉ của con. 357. Thiên nhãn của con được thanh tịnh, con thiện xảo về đinh, được gắn bó vào chánh tinh tấn, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ. 358. Bởi vì pháp gì vi Thinh văn cần phải đạt đến, toan bộ tất cả đã được tôi thực hiện. Ngoại trừ đấng Bảo Hộ Thế Gian, người sánh bằng tôi không tìm thấy. 359. Được thiện xảo về việc thể nhập đinh, có sự đạt được nhanh chóng đối với các thiền giải thoát, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về các đức hạnh của vị Thinh văn. 360. Với đức hạnh tốt lành của vi Thinh văn, với trí giác ngộ, do sự tôn kính đối với bậc Tối Thượng Nhân, với đức tin, tâm [của tôi] luôn luôn được gắn

liền ở các việc thực hành Phạm hạnh. 361. Như là con rắn có nọc độc đã được lấy di, như là trâu rừng có sừng đã bị cắt lìa, có sự ngã mạn kiêu ngạo đã được quăng bỏ, tôi đến gần hội chúng với sự vô cùng tôn kính. 362. Nếu trí tuệ của tôi có hình dạng thì trái đất không thể sánh bằng, điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ của đức Thế Tôn Anomadassĩ. 363. Tôi tiếp tục vận hành đúng đắn bánh xe pháp đã được chuyển vận bởi người con trai dòng Sakyā như thế ấy; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ. 364. Vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi đâu, mong rằng kẻ có ước muốn xâu xa, biêng nhác, có sự tinh tân kém cỏi, ít học hỏi, có hành vi sai trái chớ đen gan toi. 365. Và mong rằng bậc nghe nhiều [học rộng], có sự sáng suốt, khéo được định tĩnh trong các giới, được gắn liền với sự tịnh lặng của tâm đứng [với tôi], dầu là [đứng] ơ trên đầu.

THÁNH NHÂN KÝ sự > 33

366. Tôi nói điều này với các vi là hết thảy chư Đại đức đã tụ hội lại nơi đây, các vị chớ có ước muốn xấu xa, hãy tự hài lòng [với vật có được], có thiền chứng, luôn luôn thỏa thích trong thiền. 367. Sau khi nhìn thấy vị Thinh văn tên Assaji ấy làn đầu tiên, tôi đã trở nên không còn vấy bụi, không còn nhơ bẩn; bậc Trí tuệ ấy là người thầy của tôi. 368. Nhờ vào tác động của điều ấy, giờ đây tôi đã trở thành vị Tướng quân Chánh pháp. Sau khi đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện, tôi sống không còn lậu hoặc. 369. Vị Thinh văn tên Assaji ấy đã là người thầy của tôi. Vị ấy cư ngụ ở phương nào, tôi thực hiện việc nằm quay đầu [hướng về phương ấy]. 370. Sau khi nhớ lại việc làm của tôi, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 371 . Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 372. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 373. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát [bốn đạo và bốn quả] và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sāriputta đã nói lên những lời kệ này như thể ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sāriputtaṃ là phần thứ nhất

2. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHÃMOGGALLÃNA (Mahãmoggallãnattherãpadãnam) 374. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngiru đã cư ngụ tại núi Hy-mã-lạp, đứng đầu hội chúng chư thiên. 375. Lúc bấy giờ, tôi là Long vương có tên là Varuna. Tôi biến hóa thành dáng vóc theo như ước muốn. Tôi đã cư ngụ ở đại dương. 376. Sau khi giải tán đám tùy tùng, tôi đã tổ chức tấu nhạc. Khi ấy, tôi đã tháp tùng đấng Toàn Giác và đã bảo các long nữ ca hát. 377. Trong khi các nhạc cụ [của long cung] đang được tấu lên? chư thiên đã trinh tấu các nhạc cụ [của cõi trời]. Đức Phật cũng đã lắng nghe âm thanh của cả hai và đã tự mình nhận biết. 378. Sau khi thỉnh mời đấng Toàn Giác, tôi đã đi đến cung điện của mình. Sau khi cho sắp đặt chỗ ngồi, tôi đã thông báo về thời gian. 379. Trong lúc chiếu sáng tất cả các phương, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến cung điện của tôi, được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu. 380. Vào lúc đấng Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu

34 KINH TIÊU BÔ

cùng với hội chúng Tỳ-khưu đã ngồi xuống, khi ấy tôi đã làm toại ý các vị với cơm ăn và nước uống. 381. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả? sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã noi len những lơi kệ này: 382. "Người nào đã cung dường đến đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian và hội chúng, với sự tinh tín ấy ở trong tâm, người ấy sẽ đi đen the giới chư thiên. 383. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bảy lần và sẽ ngự trị tám trăm quốc độ thuốc đất liền ở trái đất. 384. Người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi lăm lần. Trong thời gian ấy, các của cải không thể ước lượng được sẽ sanh lên cho người ấy. 385. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuât hiện ở thê gian. 386. Sau khi mệnh chung tư địa ngục, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Kolita. 387. về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vi Thinh văn thứ nhì của đức Thế Ton Gotama. 388. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoāc?9 389. Lệ thuộc vào bạn ác xấu, tôi đã chiu sự khống chế của ái dục. Với tâm ý toi bại, tôi đã giết chết người mẹ và cả người cha nữa. 390. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là địa ngục hay nhân loại, do bị liên đới đến ác nghiệp, tôi chết với đầu bị vỡ. 391. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí ở đây, sự việc như thế cũng sẽ xảy ra vào thời điểm tử biệt của tôi. 392. Được gắn bó với sự cô tịch, được thỏa thích trong sự tu tập về định, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 393. Đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, [chỉ] bằng ngón chân cái tôi có the làm lay động ngay cả trái đất vô cùng sâu thẳm, dày đặc, khó có the hủy hoại. 394. Tôi không nhìn thấy bản ngã9 sự ngã mạn của tôi không được biết đến, tôi thể hiện tâm ton trọng đen các VỊ Sa-di. 395. về việc làm mà tôi đã khẳng định trước đây vô lượng kiếp, tôi đã thành tựu nền tảng ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. 396-98. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. (Các câu kệ 396, 397, 398 tương tợ như các câu ke 371, 372, 373). Đại đức Trưởng lão Mahãmoggallâna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Mahāmoggallāna" là phần thứ nhì.

THÁNH NHÂN KÝ sự 35

3. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAHÃKASSAPA (Mahãkassapattherãpaddnam) 399. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Niết-bàn, tôi thể hiện sự cúng dường đến đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Đạo Su, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 400. Với tâm phấn chấn, dân chúng được vui mừng hoan hỷ. Trong khi mọi người sanh khởi tâm chấn động, niềm phỉ lạc đã khởi lên ở tôi. 401. Tôi đã đưa quyến thuộc bạn bè đến và đã nói lời nói này: “Đấng Đại Hùng đã viên tịch Niêt-bàn, giờ đây chúng ta hãy thực hiện sự cúng đuờng." 402. Sau khi đáp lại răṇậ "Lành thay! Chúng ta sẽ thực hiện sự tích lũy phước báu ở nơi đức Phật, đấng Bảo Hộ Thế Gian", bọn họ đã sanh khởi noi vui mừng còn hơn tôi nữa. 403. Họ đã thiết lập lễ đài khéo được thực hiện cao một trăm canh tay,18 trải dài một trăm năm mươi cánh tay là cung điện vươn cao đen tận bau trời. 404. Tại đó, sau khi thực hiện tòa lâu đài được tô điểm với những hàng cây thót nót, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín và đã cúng dường đến ngôi bảo tháp tối

thượng. 405. Ngôi bảo tháp chiêu sáng bôn phương trông như là khôi lửa được phát cháy, như là cây sãla chúa đã được trô hoa, như là cầu vông ngũ sắc ở không trung. 406. Tại nơi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín, sau khi đã thực hiện nhiều việc tốt lành, sau khi nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã sanh lên cối trời. 407. Tôi đã chú nguyện phương tiện di chuyển ở cõi trời là cỗ xe ngựa được kéo bởi một ngàn con. Tòa lâu đài cao ngất của tôi được vươn cao bảy tầng lầu. y r 408. Đã có một ngàn nhà mái nhọn làm toàn băng vàng. Trong lúc chiêu sáng tất cả các phương, chúng tỏa sáng bằng hào quang của chúng. 409. Khi ấy, cũng có những tháp nhọn khác làm bằng hồng ngọc. Với nguồn ánh sáng, chúng cũng rọi sáng bốn phương ở chung quanh. 410. Các ngôi nhà mái nhọn đã được hóa hiện ra, đã được sanh lên do nghiệp phước thiện. Được làm băng ngọc ma-ni, chúng cũng rọi sáng mười phương ở chung quanh. 411. Trong lúc chúng đang rực sáng, đã có được ánh sáng vĩ đại. Tôi vượt trội tất cả chư thiên; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 412. Trong sáu mươi ngàn kiếp, tôi đã là vi Sát-đế-lỵ tên Ưbbiddha, cư tru ở trái đất, là người chinh phục bốn phương. 413. Tương tợ y như thê, được hài lòng vơi nghiệp của chính mình, trong kiếp Bhaddā,19 tôi đã ba mươi lân trở thành đang Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tê của bôn châu lục.

18 Hattha là đơn vị đo chiều dài bằng một cánh tay, khoảng nửa mét. (ND) 19 Kiếp Bhaddā là kiếp có 5 vị Phật Toàn Giác xuất hiện.

414. Cũng ở tại nơi ấy, cung điện dành cho tôi được vươn cao như là cầu vồng, có chiều dài là hai mươi bốn [do-tuần] và chiều rộng là mười hai [do-tuần]. 415. Thành phô tên là Rammaka có công chào và tường thành vững chãi, có chiều dài năm trăm [do-tuần] và chiều rộng là một nửa của chiều dài, được đông đúc bởi các đám dân chúng trông tợ như thành phố của các cõi trời. 416. Khi ấy thành phố là đông đúc giống như hai mươi lăm cây kim được bỏ chung vào trong hộp đựng kim, chúng va chạm lẫn nhau. 417. Cũng như thế ấy, thành phố của tôi tràn đầy những voi, ngựa, xe cộ? luôn luôn đông đúc với những con người; Rammaka là thành phố tuyệt vời. 418. Tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống và đã trở về lại bản thể thiên nhân. Vào kiếp sông cuôi cùng, tôi đã có được sự thành tựu vê dòng dõi. 419. Được sanh ra ở gia tộc Bà-la-môn có sự tích lũy nhiều châu ngọc, tôi cũng đã tò bỏ tám mươi koti vàng và tôi đã xuất gia. 420-22. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahãkassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. íếKý sự về Trưởng lão Mahãkassapa" là phần thứ ba.

4. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA (Anuruddhattherāpadānani) 423. Tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang an tru vào hạnh độc cư. 424. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chắp tay lên và đã thỉnh cầu đức Phật tối thượng rằng: 425. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, con sẽ dâng lên cây đèn đến Ngài, là vị đang tham thiền ở dưới cội cây, xin Ngài thương xót." 426. Bậc Trí Tuệ ấy, đấng Tự Chủ cao quý trong số các vị đang thuyết

giảng đã chấp nhận. Khi ấy, tôi đã khoan thủng các thân cây và đã gắn thiết bi vào. 427. Tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian một ngàn tim đèn. Sau khi đã cháy sáng bảy ngày, các cây đèn của tôi đã lụi tàn. 428. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã được sanh ra ở thiên cung. 429. s Được đạt đến bản thể thiên nhân, có cung điện đã được hóa hiện ra .(• A e cho tôi, nó chiêu sáng ra xung quanh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 430. Khi ấy, tôi đã chiếu sáng ở xung quanh một trăm do-tuần, tôi vượt trội tất cả chư thiên; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 431. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi ba kiếp,

không người nào xem thường tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 432. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Khi ấy, tôi nhìn thấy [xa khoảng cách] một do-tuần ở xung quanh vào ban ngày và ban đêm. 433. Tôi nhìn thấy một ngàn thế giới bằng trí tuệ trong giáo pháp của bậc Đạo sư, tôi đã đạt được thiên nhãn; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 434. Đang Toàn Giác tên Sumedha là ba mươi ngàn kiêp vê trước. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng cây đèn đến Ngài. 435-37. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Anuruddha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Anuruddha55 là phần thứ tư.

5. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUNNA (Punnattherūpadānam) 438. Là vị giảng huấn, thông thạo về chu thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi đã dẫn đầu các học trò đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân. 439. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã tán dương việc làm của tôi một cách ngan gọn. 440. Sau khi lắng nghe giáo pháp ấy5 tôi đã đảnh lễ bậc Đạo sư. Tôi đã chắp tay lên và đã ra đi, mặt hướng phía bên phải. 441. Sau khi lắng nghe một cách tóm tắt, tôi đã thuyết giảng một cách chi tiết. Sau khi lắng nghe lời giảng của tôi, tất cả những người học trò đều có tâm hoan hỷ. 442. Sau khi xua đi tà kiến của mình, họ đã khiến tâm được tịnh tín vào đức Phật. Tôi cũng thuyết giảng một cách tóm tắt, một cách chi tiết tương tợ y như thế. 443. Là người biết rõ đường hướng của Vi diệu pháp, thông thạo về các đề tài thuyết giảng, sau khi làm cho tất cả hiểu rõ, tôi sống không còn lậu hoặc. 444. Trước đây năm trăm kiêp, có bôn vị chúa tê ở bôn châu lục là những vị vô cùng nổi tiếng, được thành tựu bảy loại báu vật. 445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Punna Mantãniputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. é6Ký sự về Trưởng lão Punna Mantāniputta^ là phần thứ năm.

6. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPẢLI (Upālittherāpadānam) 446. ở thành phố Hamsavatī, vị Bà-la-môn tên Sujātā có sự tích lũy tám mươi koti, có dồi dào tài sản và lúa gạo. 447. Là vi giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà? đã đạt đến sự toàn hảo về [khoa] tướng mạo, về truyền thống và về giáo lý [của Bà-la-môn]. 448. Khi ấy,

các du sĩ ngoại đạo có một ngọn lửa, các Thinh văn của đức Phật Gotama, các vi lang thang và cả các đạo sĩ khổ hạnh du hành ở trái đất. 449. Bọn họ cũng tháp tùng theo tôi [cho rằng]: "Vi Bà-la-môn nổi tiếng.^, Nhiều người tôn vinh tôi, tôi không tôn vinh bất cứ người nào. 450. Tôi không nhìn _ - xứng thấy bậc đáng sự tôn vinh, khi ấy tôi ngã mạn và ương ngạnh. Khi đang Chiên Thăng còn chưa xuất hiện thì không có từ ngữ “dức Phật/ 451. Bao ngày đêm trôi qua, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhãn, sau khi xua đi tất cả tăm toi, đã xuất hiện ở the gian. 452. Vào lúc giáo pháp được phô biên rộng rãi, được biêt nhiêu và trở thành phổ thông, khi ấy đức Phật đã đi đến thành phố tên Hamsa. 453. Khi ấy, vì lợi ích của người cha, đức Phật, bậc Hữu Nhãn ấy đã thuyết giảng giáo pháp. Vào thời điểm ấy, đám đông ở xung quanh là một do-tuần. 454. Khi ây, được thỏa thuận trong sô mọi người, vị đạo sĩ khô hạnh tên Sunanda ấy đã che phủ hết thảy hội chúng của đức Phật bằng những bông hoa. 455. Và trong khi bậc Tối Thượng đang công bố bốn sự thật ở nơi mái che bang bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của một trăm ngàn koti người. 456. Đức Phật đã đổ những cơn mưa giáo pháp trong bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ tám, đấng Chiến Thắng đã tán dương vi Sunanda rằng: 457. "'Người này trong khi luân hồi ở cõi hữu, dầu ở thế giới chư thiên hay loài người, sẽ trở thành bậc ưu tú trong số tất cả và sẽ luân hồi ở các cõi. 458. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 459. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Pufana Mantniputta." 460. Lúc bấy giờ, trong khi làm cho tất cả dân chúng vui mừng, trong khi thị hiện năng lực của chính minh, bậc Toàn Giác đã tán dương đạo sĩ khổ hạnh Sunanda như thế. 46L Dân chúng chắp tay lễ bái vị đạo sĩ khổ hạnh Sunanda [nghĩ rằng]: “Sau khi thể hiện sự tôn kính đến đức Phật, vị ấy đã làm trong sạch cảnh giới tái sanh của bản thân.”

THÁNH NHÂN KÝ sự 39

462. Tại nơi ấy, sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí, tôi đã có sự suy tư rằng: “Ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính giống như ta nhìn thấy vi Gotama.95 463. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã suy nghĩ về hành động của tôi rằng: “Ta sẽ thực hành việc lam gì ở phước điền vo thượng?^ 464. Và vi Tỳ-khmi này là vị trì tụng trong sô tát cả các vi trì tụng trong giáo pháp, và đã được chọn lựa là vị đứng đâu về Luật, tôi đã ước nguyện vi thê ấy. 465. Tài sản này của tôi là vô lượng, không thể bị xao động tợ như biển cả. Với của cải ấy tôi đã cho xây dựng tu viện dành cho đức Phật. r 466. Có khu vườn tên là Sobhanā ở phía Đông của thành phô. Sau khi đã mua bằng một trăm ngàn, tôi đã cho thực hiện tu viện dành cho hội chúng. 467. Sau khi đã xây dựng các nhà mái nhọn, các lầu đài, các mái che, các tòa nhà, các hang động, các đường kinh hành khéo được tạo lập, tôi đã cho thực hiện tu viện dành cho hội chúng. 468. Sau khi đã cho xây dựng nhà tắm hơi, nhà đốt lửa, rồi giếng nước, nhà tắm, tôi đã dâng cúng đến hội chung Tỳ-khưu. 469. Tôi đã dâng cúng mọi thứ này [gồm có] các ghế dài, các ghế đẩu, các vật dụng, các xoong nồi và thuốc men dành cho tu viện. 470. Sau khi đã thiết lập sự phòng hộ, tôi đã cho xây dựng tường thành vững chắc, không cho bất cứ việc gì quấy ray đen những bậc có tâm thanh tịnh như thế ấy. 471. Tôi đa cho xây dựng một trăm ngàn chỗ ngụ ở tu

viện dành cho hội chúng. Sau khi bố trí đay đủ tiện nghi, tôi đã cống hiến đến bậc Toàn Giác. 472. "Bạch bậc Hiền Trí, xin Ngài hãy tiếp nhận ngôi tu viện đã được con hoàn thành. Bạch đấng Anh Hùng, con sẽ dâng cúng đến Ngài. Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngai hãy chấp thuan?9 473. Bậc Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Lãnh Đạo sau khi biết được tâm tư của tôi đã chấp thuận. 474. Sau khi biết được sự chấp thuận của bậc Đại Ẩn Si, đấng Toàn Tri, sau khi đã chuẩn bị thức ăn, tôi đã thông báo về thời điểm. 475. Khi thời điểm đã được thông báo, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã đi đến tu viện của tôi cùng với một ngàn bậc Vô lậu. 476. Biết được lúc Ngài đã ngồi xuống, tôi đã làm toại ý Ngài với cơm ăn và nước uống. Biết được lúc Ngài đã thọ thực xong, tôi đã nói lời nói này: 477. “Bạch đấng Hiền Trí, tu viện tên Sobhanā đã được mua bằng một trăm ngàn và đã được cho xây dựng với chừng cỡ ấy, xin Ngài hãy tiếp nhận. 478. Do sự dâng cúng tu viện này và do các nguyện lực của tác ý9 trong khi sanh ra ở cõi hữu, mong sao con đạt được điều con đã ước nguyện/9 479. Sau khi thọ nhận tu viện dành cho hội chúng đã được xây dựng khéo léo, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lời nói này:

40 KINH TIỂU Bộ

480. "Người nào đã dâng lên tu viện dành cho hội chúng đã được xây dựng khéo léo đến đức Phật, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 481. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng. 482. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiêc trông lớn được tô diêm sẽ thường xuyên tháp tùng người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng. 9 \

483. Tám mươi sáu ngàn phụ nữ được trang diêm, được trang hoàng băng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni. 484. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điêu này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng. 485. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. 486. [Người này] sẽ thọ lãnh mọi thứ mà vị Thiên vương có thể đạt được, sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ cai quản thiên quốc. 487. [Người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở quốc độ một ngàn lần. Vương quyền ở trái đất là bao la, không thể đo lường bang phương diện tính đếm. 488. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 489. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Upāli. 490. Sau khi đạt được sự toàn hảo vê Luật và rành rẽ vê sự thành lập hay không thành lập [tội], trong lúc duy trì giáo pháp của đấng Chiến Thắng, [người này] sẽ sống không còn lậu hoặc. 491. Sau khi biết rõ mọi việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ thiết lập [người này] vào vi thế tối thang.95 492. Con ao ước về giáo pháp của Ngài đã là vô lượng [kiếp], [Giờ] con đã đạt mục đích ấy và có được sự đoạn tận tất cả mọi điều trói

buộc. 493. Giống như khi bị buộc vào cọc nhọn, người đàn ông khiếp sợ hình phạt của đức vua, trong khi không tìm thấy sự thoải mái ở cọc nhọn thì mong mỏi chỉ mỗi sự phóng thích. 494. Bạch đang Đại Hùng, tương tợ y như thê, con khiêp sợ hình phạt của sự hiện hữu. Trong khi bị buộc vào cọc nhọn của nghiệp báo, con bi phiên muộn vì sự cảm thọ khát khao.

THÁNH NHÂN KÝ sự * 41

495. Bi thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, con không thấy thoải mái ở hiện hữu. Cũng tợ như người bị hành phạt bởi đức vua, con tầm cầu sự giải thoát. 496. Giông như nẹười bị răn độc căn thì bị nọc độc hành hạ, người ây có thê tìm kiếm phương thuôc là cách thức làm cho tiêu tan nọc độc. 497. Trong khi tìm kiếm có thể nhìn thấy phương thuốc là vật làm tiêu tan nọc độc. Sau khi uống thuốc ấy, người ấy có thể có được sự an lạc do việc thoát khỏi nọc độc. 498. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, bị hành hạ bởi vô minh con đã tầm cầu phương thuốc Chánh pháp, giống như người đàn ông bị hãm hại bởi nọc độc [đã tìm phương thuốc giải độc]. 499. Trong khi tìm kiếm phương thuốc Giáo pháp, con đã nhìn thấy lời chỉ dạy của vi dòng Sakyā ấy là cao quý trong số tất cả các loại thuốc men, là sự nho lên tất cả các mui tên. 500. Sau khi uống vào phương thuốc Giáo pháp, con đã xóa sạch tất cả nọc độc, con đã chạm đến Niết-bàn, có trạng thái mát mẻ, không già không chết. 501. Giống như người bị ma quỷ khuấy rối, bị hành hạ bởi ma quỷ nhập vào thì có thể tìm thầy chữa bệnh ma quỷ nhằm thoát khỏi ma quỷ. 502. Trong khi tìm kiếm có thể nhìn thấy vi rành rẽ các sự hiểu biết về ma quỷ. Vi ấy có thể diệt trừ ma quỷ cho người ấy và có thể làm cho tiêu tan tận gốc rễ. 503. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, con bị phiền muộn bởi sự xâm nhập của tăm tối, con tìm kiếm ánh sáng của trí tuệ nhằm sự giải thoát khỏi tăm tối. 504. Giờ con đã nhìn thấy bậc Hiền Trí dòng họ Sakyā có sự trong sạch đối với các điều tăm tối phiền não. Vị ấy đã xua đi sự tăm tối của con, tợ như người thầy chữa bệnh ma quỷ xua đi ma quỷ. 505. Con đã cắt đứt dòng chảy luân hồi, đã chặn đứng dòng nước tham ái, đã thủ tiêu tất cả hữu tận gốc rễ, tợ như vị thầy chữa bệnh ma quỷ. 506. Giốnậ như loài nhân điểu lao xuống con rắn là mồi của bản thân nó, nó khuấy động ho nước lớn ở xung quanh đến một trăm do-tuần. 507. Sau khi bát được con răn, con nhân điêu liên gây tôn thương phía dưới đầu [con rắn]. Sau khi tóm lấy [con rắn], nó ra đi đến nơi dự tính. 508. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, trong khi tầm cầu [Niết-bàn] không con tạo tác, con đã tay uê sạch sẽ các điêu xâu xa, cũng giong như con nhân điêu có sức mạnh [tìm kiêm con môi roi tiêu diệt]. 509. Con đã nhìn thây giáo pháp cao quý là đạo lộ an tịnh vô thượng, con đã nắm giữ điều này và an trú giống như con nhân điểu tóm lấy con rắn rồi mang đi. 510. Có loại dây leo tên là āsāvatī được sanh ra tại khu rừng Cittalatâvana [ở cõi trời Đạo-lợi]. Đoi với loại dây leo ấy, một ngàn năm nó sanh ra một trái.

42 KINH TIỂU Bộ

511. Chư thiên gần gũi với loại dây leo ấy cho đến khi nó có trái sau thòd gian dài lâu. Loài dây leo thượng hạng āsāvatī ấy được chư thiên yêu quý như thế. 5X2. Con thân cận với bậc Hiền trí ấy đến một trăm ngàn [năm],20 con lễ bái sáng chiều như là chư

thiên gần gũi với trái āsāvatī vậy. 513. Sự phục vụ không phải là không có kết quả và sự lễ bái không phải là rỗng không. Dầu con đang trải qua [luân hồi] dài lâu thăm thẳm, cơ hội [về sự xuất hiện cua đức Phật] đa không bo rơi con. 514. Trong khi xem xét các cõi, con không nhìn thấy sự tiếp nối tái sanh, không còn nền tảng tái sanh, đã hoàn toàn giải thoát, được an tịnh, con đi đó đây. 515. Bạch đấng Đại Hùng, cũng giống như đóa hoa sen nở rộ nhờ tia nắng mặt trời, tương tợ y như thế, con được thăng hoa nhờ vào hào quang của đức Phật. 516. Giống như trong việc sanh sản của loài hạc nâu, hạc nâu đực không bao giờ được biết đến, những con hạc nâu cái ấy luôn luôn được thụ thai trong khi những cơn mưa đang gào thét. 517. Những con hạc nâu cái ấy còn duy trì bào thai lâu dài đến chừng nào cơn mưa còn chưa đổ xuống. Khi cơn mưa đổ xuống, chúng được thoát khỏi gánh nặng. 518. Được gào thét bởi cơn mưa giáo pháp của đức Phật Padumuttara, con đã kết tụ bào thai giáo pháp nhờ vào âm thanh của cơn mưa giáo pháp. 519. Con mang theo bào thai phước báu đến một frăm ngàn [kiếp],21 con không được thoát khỏi gánh nặng [luân hồi] khi cơn mưa giáo pháp chưa gào thét. 520. Bạch đấng Hiền Trí của dòng họ Sakyā, khi nào Ngài gào thét với cơn mưa giáo pháp ở thành Kapilavatthu đáng yêu thì con được giải thoát khỏi gánh nặng [luân hoi]. 521. Con đã nhận thức về không tánh, về vô tướng, và cũng như thế về vô nguyện, về bốn quả vị và tất cả các pháp. (Dứt tụng phẩm thứ nhì).

522. Con ước nguyện về giáo pháp của Ngài đã là vô lượng [kiếp]. [Giờ] con đã đạt đến mục đích ấy và vị thế an tịnh vô thượng [Niết-bàn]. 523. Cũng giống như vị Ẩn sĩ [Tỳ-khưu] là bậc trì tụng, con đã đạt đến sự toàn hảo về Luật, không có vị nào sánh bằng với con, con duy trì giáo pháp. 524. về Luật [Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], luôn cả Luật Hợp phần (Đại phẩm và Tiểu phẩm), theo cách chia làm ba phần và phàn thứ năm, ở đây con không có điều gì nghi ngờ về mẫu tự hay từ ngữ. 525. Con được rành rẽ vê việc khiên trách tội, vê việc sửa chữa tội, vê sự 20 Satasahassasamvaccharam (ÁpA. 281), Samvaccharam có ý nghĩa là unām,\ 21 Kappasatasahassam (Sđđ. 282), kappa có ý nghĩa là "kiếp".

thành lập hay không thành lập tội, về việc phục hồi [phẩm vi], về việc làm cho hết tội, con đã đạt đến sự toàn hảo về mọi lãnh vực. 526. Sau khi lấy ra một điều học ở Luật [Phân tích] thậm chí ở Luật Hợp phần, con có thể gỡ rối về cả hai bộ Luật và giải thích điều cốt lõi. 527. Con vô cùng thiện xảo về ngôn từ và rành rẽ về điều lợi ích hoặc không lợi ích. Không có điều [Luật] gì là con không biết đến, con là vi có sự chăm chú về giáo pháp của bậc Đạo sư. 528. Giờ đây trong thời điểm hiện tại, con xua đi tất cả mọi điều ngờ vực về giáo pháp của người con trai dòng Sakyā, con cắt đứt tất cả các điều nghi hoặc. 529. Con rành rẽ về cau cu? luôn cả phần phụ thuộc của câu cú, về mẫu tự, luôn cả từ ngữ, về nhập đề, về kết thúc, về tất cả các lãnh vực này. 530. Cũng giống như vi vua hùng mạnh có thể khống chế và gây khó khăn cho kẻ địch, sau khi toàn thắng cuộc chiến thì có thể kiến thiết thành phố ở tại nơi ấy. 531. [Đức vua] có thể cho xây dựng tường thành, luôn cả hào rãnh, trạm gác? cổng thành và nhiều vọng canh đủ các loại ở thành phố. 532. ở tại nơi ấy, [đức vua] có thể cho xây dựng ngã tư đường,

bùng binh, khu phố chợ khéo được phân bố và phòng hội họp để quyết đinh điều hay lẽ thiệt. 533. Đức vua bổ nhiệm vị tướng lãnh quân đội với nhiệm vụ tiêu diệt những kẻ nghịch, để biết được thế yếu và thế mạnh nhằm bảo toàn binh lực. 534. Nhằm mục đích bảo quản phẩm vật, đức vua bổ nhiệm người nam thiện xảo trong việc cất giữ làm người thủ khố: uChớ làm thất thoát phẩm vật của tĩễm." 535. Người nào tận tụy đối với đức vua và mong muốn ngài có được sự tiến triển, đức vua ban cho người ấy quyền phân xử để được trở thành cận thần của ngài. 536. Đức vua phong cho vị giảng huấn thông thạo về chú thuật, rành rẽ về các điềm báo hiệu và các hiện tượng đã được sanh khởi vào địa vị quân sư. 537. [Đức vua] hội đủ những yếu tổ này được gọi là uSát-đế-ly,\ [Quần thần] luôn bảo vệ đức vua tợ như con ngỗng đỏ luôn hộ trì kẻ bị khổ đau. 538. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ như thế ấy, Ngài được gọi là 'Tháp Vương" của thế gian luôn cả chư thiên, tợ như vị Sát-đế-lỵ có kẻ thù đã bị đánh bại. 539. Sau khi đánh bại các n^oại đạo và luôn cả Ma vương cùng với đội quân binh, sau khi hủy diệt sự tăm tôi ấy, Ngài đã xây dựng thành phố giáo pháp. 540. Bạch đấng Trí Tuệ, tại nơi ấy giới là tường thành, trí của Ngài là cổng thành, tín của Ngài là trạm gác, và sự thu thúc là người canh gác cổng. 541. Bạch đấng Hiền Trí, sự thiết lập niệm là vọng canh, tuệ của Ngài là

bùng binh, và nền tảng của thần thông là ngã tư đường; con đường giáo pháp đã ỉdiéo được xây dựng. 542. Toàn bộ Kinh, Vi diệu pháp và luôn cả Luật là lời dạy của đức Phật gồm có chín thể loại; đây là phòng hội họp về giáo pháp của Ngài. 543. Sự an tru không tánh, sự an tru vô tướng và sự an trú vô nguyện, [bốn quả vị Sa-môn] không bị lay chuyên và sự tịch diệt [Niêt-bàn]; đây là căn nhà giáo pháp của Ngài. 544. Vị có tên Sāriputta đã được chọn lựa là vị đứng đầu về tuệ, được rành rẽ về biện tài, là vị Tướng quân Chánh pháp của Ngài. 545. Bạch đấng Hiền Trí, vi tên Kolita được thiện xảo về sanh tử [thông], đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông là viên quan te tự của Ngài. 546. Bạch đang Hiên Trí, vị duy trì truyên thông cô xưa [Mahākassapa] có oai lực nổi bật, khó mà tiếp cận, đứng đầu về đức hạnh trong việc giáo giới các pháp giũ bỏ, là viên quan phán xử của Ngài. 547. Bạch đấng Hiền Trí, vi tên Ānanda nghe nhiều [học rộng], nắm giữ giáo pháp, có sự trì tụng toàn bộ về lời chỉ dạy, là vị bảo vệ giáo pháp của Ngài. 548. Sau khi điểm qua tất cả các vị này, đức Thế Tôn đã cân nhắc đến tôi và đã ban cho tôi việc phân xử về Luật đã được bậc Thức Tri thuyết giảng. 549. Bất cứ vị Thinh văn nào của đức Phật hỏi câu hỏi về Luật, tôi không cần có sự suy nghĩ về câu hỏi ấy, tôi giảng giải đúng ngay ý nghĩa câu hỏi ấy. 550. Cho đến địa phận của chư Phật ngoại trừ bậc Đại Hiền Trí ấy, không ai sánh bằng tôi về Luật, làm sao sẽ có vị hơn được? 551. Sau khi ngôi xuông ở hội chúng Tỳ-khưu, đức Gotama khăng định như vầy: "Không có vi nào sánh bằng Upâli về Luật [Phân tích] và các bộ Hợpphầny 552. Cho đến giáo pháp của bậc Đạo sư có chín thể loại đã được đức Phật nói ra, đối với người nhận thức được "Luật là nền tảng" thì tất cả [giáo pháp] đều được bao gồm trong Luật. 553. Sau khi nhớ lại việc làm của tôi, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 554. Tôi đã ước nguyện về vi thế ấy từ trăm ngàn [kiếp], tôi đã đạt đến mục đích ấy, đã đạt đến sự toàn hảo về Luật.

555. Trước đây tôi đã là người thợ cạo râu tóc đem lại niềm vui cho các vị dòng Sakyā. Sau khi lìa bỏ sự xuất thân ấy, tôi đã trở thành người con trai của bậc Đại An Sĩ. 556. Trước đây hai kiếp, vi hộ trì trái đất là vị Sát-đế-lỵ tên Afijasa, có oai lực vô biên, có danh vọng vô lượng, có tài sản lớn lao. 557. Là người con trai của vị vua ấy, tôi là vị Sát-đế-lỵ tên Candana. Tôi đã ỷ lại vào sự kiêu hãnh về dòng dõi và sự kiêu hãnh về danh vọng và của cải.

THÁNH NHÂN KÝ sự 45

558. Một trăm ngàn con long tượng mātañga [đên tuôi] bị tiêt dục ở ba nơi, được tô điểm với tất cả các loại trang sức, luôn luôn hộ tống tôi. 559. Khi ấy, được tháp tùng bởi các binh lính của mình, là người có ý thích đi dạo khu vườn, tôi đã cỡi lên con voi Sirika và đã rời khỏi thành phố. 560. Đức Phật tên Devala22 đầy đủ tánh hạnh, có các căn được phòng hộ, khéo thu thúc đã đi đến phía trước tôi. 561. Khi ấy, tôi đã thúc con voi Sirika va đã công kích đức Phật. Do đó, con voi ấy đã nổi cơn giận dữ và không chịu nhấc bàn chân lên. 562. Sau khi nhìn thấy con voi có tâm ý bất bình, tôi đã thể hiện sự giận dữ đối với đức Phật. Sau khi gây khó khăn cho đức Phật, tôi đã đi đến khu vườn. 563. Tôi không tìm thấy sự thoải mái ở tại nơi ấy giống như cái đầu đã bị bốc cháy, tôi bi thiêu đốt vì sự bực bội tợ như con cá bị vướng vào lưỡi câu. 564. Việc xảy ra cho tôi tợ như trái đất bị rực cháy đến tận bờ biển, tôi đã đi đến gặp người cha và đã nói lời nói này: 565. "'Việc con đã công kích đấng Tự Chủ tợ như con rắn độc bi nổi giận, tợ như khối lửa đã tiến đến, tợ như con voi có sự huấn luyện bị động cỡn. 566. Đức Phật, đấng Chiến Thắng có khổ hạnh nổi bật khủng khiếp, đã bị con công kích. Trước khi tất cả chúng ta bị tiêu diệt, chúng ta hãy xin bậc Hiền Trí ấy thư lỗi. 567. Ngài là vị có bản thân đã được rèn luyện được định tĩnh, nêu chúng ta không được vị ấy tha thứ thì xứ sở của con sẽ bị tiêu hoại trong vòng bảy ngày. 568. [Các vị Vua] Sumekhala, Kosiyā, Siggava và luôn cả Sattuko, sau khi công kích các vị Ẳn sĩ, họ cùng với cư dân của xứ sở đã lâm vào cảnh khổ đau. 569. Khi các vị Ẩn sĩ đã tự chế ngự, có sự thực hành Phạm hạnh, nổi cơn bực tức, các vị làm cho thế gian cùng với biển cả và núi non luôn cả chư thiên bihuyhoaiZ, ~ i 570. Tôi đã triệu tập các nam nhân trong phạm vi ba ngàn do-tuân5 và tôi đã đi đến gặp đấng Tự Chủ với ý định sám hối tội lỗi. 571. Hết thảy tất cả có y phục ướt dẫm, có đầu tóc ướt đẫm đã chắp tay lên. Sau khi quỳ xuống ở bàn chân của đức Phật, bọn họ đã nói lòd nói này: 572. "Bạch đang Đại Hùng, dân chúng câu xin Ngài, xin Ngài hãy tha thứ, xin Ngài hãy xua đi nỗi bực bội, xin Ngài chớ hủy hoại xứ sở của chúng t6i." 573. “Xin tất cả loài người và chư thiên cùng với hạng người khổng lồ và các quỷ dữ hãy đập bể đầu của con bằng cái chày vồ làm bằng sắt vào mọi luc?9 574. [Vị Phật đáp:] "Ngọn lửa không tồn tại ở nước, hạt giống không mọc lên ở tảng đá, sâu bọ không tồn tại ở thuốc men, sự giận dữ không nảy sanh ở đức Phật.

22 Mặc dầu văn bản ghi sambuddho nghĩa là Phật Toàn Giác, nhưng Chủ giải giải thích đây là paccekasambuddho nghĩa là Phật Độc Giác {ÁpA. 288).

46 KINH TIỂU Bộ

575. Cũng giống như trái đất thì không lay chuyển, biển cả thì không thể đo lường và không gian thì vô tận, tương tợ như vậy, chư Phật là không dao động. 576. Các đấng Đại Hùng luôn nhẫn nại, các đạo sĩ khổ hạnh luôn thứ tha. Đối với các vi đã nhẫn nại đã thứ tha, việc đi đến sự bực bội là không c6." 577. Nói xong điều này, trong khi xua đi sự bực bội, đức Phật khi ấy đã bay lên không trung ở phía trước đám đông dân chúng. 578. Bạch đấng Trí Tuệ, do nghiệp ấy con đã đi đến bản thể thấp kém. Sau khi tự vượt lên trên số phận ấy, con đã đi vào thành phố không hãi sợ [Niết-bàn]. 579. Bạch đấng Đại Hùng, cũng vào khi ấy con đã cầu xin đấng Tự Chủ thứ lỗi và vị ấy đã xua đi sự bực bội đang thiêu đốt con, đang tồn tại vững chắc ở con. 580. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay cũng vậy, trong khi con đang bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, Ngài đã dập tắt ba ngọn lửa và giúp con đạt đến trạng thái mát mẻ. 581. Nếu các người có sự chú ý vào việc nghe thì hãy lắng nghe khi tôi đang nói. Tôi sẽ giảng giải ý nghĩa cho các người về việc tôi đã thấy được vi thế [Niết-bàn] như the nao. 582. Sau khi đã khinh miệt đấng Tự Chủ là vị có tâm an tinh, đinh tĩnh ấy, do nghiệp ấy ngày hôm nay tôi đã bị sanh ra vào dòng dõi thấp kém. 583. Các người chớ để cơ hội trôi qua bởi vì khi cơ hội đã trôi qua các người sẽ sầu muộn. Các người hãy nên tinh tấn cho lợi ích của chính minh, cơ hội sẽ xảy đến cho các người. 584. Và [giáo pháp] đối với một số người là sự ói mửa, đôi với một số người là sự tháo dạ, đối với số người là chất độc chết người và đối với một số người là phương thuốc. 585. Là sự ói mửa đối với những người dang thực hành, là sự xổ ruột đối với những người tiến đến quả vi, là phương thuốc đối với những người có sự thành tựu quả vi, là phước điền đối với những người tàm cầu. 586. Chất độc chết người [tác hại] đối với những kẻ thù nghịch giáo pháp như thế nào thì con rắn độc có nọc độc tà kiến thiêu đốt người đàn ông ấy như vậy. 587. Được uống một lần, chất độc chết người chấm dứt mạng sống. Còn người khi đã thù nghịch với giáo pháp thì bi thiêu đốt một koti (mười triêu) kiếp. 588. Do sự nhẫn nại, do sự không hãm hại và do sự hành trì tâm từ ái, đức Phật giúp thế gian luôn cả chư thiên vượt qua, vì thế các người không nên thù nghịch. 589. Chư Phật tương đương với trái đất, các Ngài không bị vướng bận vào các sự được lợi hay mất lợi, vào sự kính trọng hay không kính trọng, vì thế các người không nên thù nghịch.

THÁNH NHÂN KÝ sự 47

590. Trong trường hợp kẻ phá hoại Devadatta, kẻ cướp Añgulimāla, con voi Dhanapāla và [người con trai] Rãhula, bậc Hiền Trí là bình đẳng đối với tất cả. 591. Các vi này không có sự bất bình, các vi này không biết đến sự luyến ái. Đức Phật là bình đẳng đối với tất cả, đối với kẻ phá hoại cũng như đối với người con ruột. 592. Sau khi nhìn thấy ở trên đường tấm y ca-sa bị quăn^ bỏ lấm lem bởi phân bò, nên chắp tay ở trên đầu đảnh lễ biểu tượng của bậc An Sĩ. 593. Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai được thanh tịnh nhờ vào biểu tượng này, vì thế những vị này đáng được lễ bái. 594. Luật tốt đẹp được xem như là bậc Đạo sư, tôi duy trì Luật bằng trái tim. Trong khi tôn kính đối với Luật, tôi sẽ luôn luôn an trú. 595. Luật là khuynh hướng của tôi, Luật là chỗ đứng và là đường kinh hành [của tôi], tôi sắp xếp sự cư ngụ ở trong Luật, Luật là hành xứ của tôi. 596. Tôi đã đạt đến sự toàn hảo về Luật và cũng rành rẽ các pháp dàn xếp [về tranh tụng]. Bạch đấng Đại Hùng, Upãli đảnh lễ ở bàn chân của Ngài là bậc Đạo sư. 597.

Trong khi lễ bái bậc Toàn Giác và bản chất tốt đẹp của giáo pháp, tôi đây sẽ du hành từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác. 598. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 599. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 600. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng ião Upālf7 *9 là phần thứ sáu.

7. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AÑÑĀKONDAÑÑA (Aññākondañña ttherāpadānam) 601. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Hướng Đạo, vị đã đạt đến nền tảng của bậc Giác Ngọ. 602. Cho đến tất cả dạ-xoa đã tụ hội lại ở cội cây Bồ-đề, họ vây quanh và chắp tay lên đảnh lễ bậc Toàn Giác. 603. Với tâm ý hớn hở, tất cả chư thiên ấy di chuyển đó đây ở trên không trung [nói rằng]: "Đức Phật này đã ngự đến, xua tan bóng đêm tăm t6i." 604. Được tràn ngập niềm vui, các vi ấy đã phát lên tiếng vang lớn rằng: "Chúng ta sẽ thiêu đốt các phiền não ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng GiWc."

605. Nhận biết giọng nói được thốt thành lời của chư thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng bữa ăn đầu tiên [đến đức Phật]. 606. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này: 607. :Sau khi ra đi bảy ngày, Ta đã chứng đắc phẩm vị Giác ngộ. Đây là bữa ăn đầu tiên của Ta, là vật nuôi dưỡng cơ thể đối với việc hành Phạm hạnh. 608. Bởi vì người nào từ cõi trời Đẩu-suất đi đến nơi đây và đã dâng lên thức ăn cho Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 609. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ba mươi ngàn kiếp. Sau khi vượt trội tất cả chư thiên, người ấy sẽ cư ngụ ở cõi trời. 610. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, là đấng Chuyển Luân Vương, cai quản quốc độ ở tại nơi ấy một ngàn lần. 611. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 612. Sau khi mệnh chung từ cõi trời, nẹười ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại. Sau khi lìa gia đình xuất gia, người ấy sẽ song sáu năm [khổ hạnh]. 613. Sau đó, vào năm thứ bảy đức Phật sẽ thuyết giảng chân lý. Vị tên là Kondañña sẽ chứng ngộ đầu tiên.” 614. Tôi đa xuất gia theo [đức Bồ-tát] vi đã lìa khỏi [gia đình]. Sự tinh tấn đã được tôi thể hiện tót đẹp. Nhằm mục đích thiêu đốt các phiền não, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 615. Đấng Toàn Tri, đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên, đã ngự đến Isinâma tại Vườn Nai và đã vỗ len tiếng trống bát tử. 616. Bây giơ, toi đây đã đạt đến vi thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 617-19. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Aññākondaflña đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Aññākondañña99 là phần thứ bảy.

8. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PINDOLABHĀRADVĀJA (Pindolabhāradvājattherāpadānam) 620. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã cư ngụ tại Cittakũta [đỉnh núi Citta] ở phía trước núi Hy-mã-lạp. 621. ở tại nơi ấy, tôi đã là [con sư tử] vua của loài thú có dáng vóc dũng mãnh đi khắp bốn phương. Nhiều người hoảng hốt sau khi nghe tiếng rống của nó.

THÁNH NHÂN KÝ sự 49

622. Sau khi cầm lấy đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần đấng Nhân Ngưu và đã dâng đến đức Phật [khi Ngài] đã xuất khỏi đinh. 623. Sau khi lễ bái đức Phật tối thượng, bậc Tối Thượng Nhân tư bốn hướng, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín roi đã rống lên tiếng rống của loài sư tử. 624. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngôi xuống ở chô ngôi của mình và đã nói lên những lời kệ này: 625. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại [nói rằng]: uVi đứng đầu trong số các bậc thuyết giảng đã đi đến, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của Ngai." 626. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Đại Hiền Trí có sự nhìn thấy tương lai xa vời, đã tán dương đức tin của tôi ở phía trước chư thiên đang được tràn ngập niềm vui ấy rằng: 627. "Người nào đã dâng cúng đóa hoa sen này và đã rống lên tiếng rống của loài sư tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 628. Vào kiếp thứ tám về sau này, người này sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của bốn châu lục. 629. [Người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương có sức mạnh vĩ đại tên Paduma, cai quản lãnh địa ở trên trái đất sáu mươi bốn lần. 630. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 631. Khi Phật ngôn được công bố, [người này] sẽ là thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. [Người này] sẽ lìa khỏi phẩm vị Bà-la-môn và sẽ xuất gia ngay khi ấy. 632. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người này] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc. 633. Tại chỗ ngụ hẻo lánh ở trong rừng đầy dẫy ác thú, [vi ấy] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc." 634-36. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pindolabhāradvāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6<Ký sự về Trưởng lão Pindolabhāradvāj là phần thứ tám.

9. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHADIRAVANIYA REVATA (Khadiravaniyarevatattherāpadānam) 637. Sông Gañgā có tên la Bhāgīrathī, được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp. Tôi đã là người chèo thuyền ở bên tàu hiêm trở, và ở bờ này tôi chèo qua [bờ kia].

50 * KINH TIỂU Bộ

638. Tôi đã được nghe trước rằng đấng Lãnh Đạo Padumuttara sẽ vượt qua dòng sông cùng với một trăm ngàn vi có năng lực. 639. Sau khi gom lại nhiều chiếc thuyền, tôi đã thực hiện mái che được chuẩn bị khéo léo bởi những người thợ mộc ở trên [một] chiếc thuyền, rồi đã chờ đợi đấng Nhân Ngưu. 640. Và đấng Toàn Giác đã ngự đến và đã bước lên chiếc thuyền ấy. Đứng ở giữa [dòng] nước, bậc Đạo sư đã nói lên những lời kệ này:

641. "Người nào đã đưa bậc Toàn Giác và hội chúng Vô lậu sang bờ kia, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên. 642. Sẽ có cung điện hình dạng chiếc thuyền được kiến tạo khéo léo sanh lên cho ngươi, sẽ có mái che bằng bông hoa được duy trì ở trên không vào mọi lúc. 643. Năm mươi tám kiếp về sau? [người này] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Târaka, là đấng Chuyển Luân Vương, có sự chinh phục bốn phương. 644. Năm mươi bảy kiếp về sau, [người này] sẽ là vi Sát-đế-lỵ tên Campaka, có sức mạnh lớn lao và sẽ rực sáng như mặt trời đang mọc. 645. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 646. Sau khi mệnh chung từ cõi trời, người ây sẽ đi đên bản thê nhân loại và sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Revata. 647. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sau khi lìa khỏi gia đình sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 648. Sau khi xuất gia, vị ấy sau này sẽ là vị hành minh sát có sự gắn bó mật thiết, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.9 649. Tôi có sự tinh tấn5 có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác* 650. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được ban ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi. 651. Sau đó, khi nhìn thấy tôi được vui thích ở rừng, bậc Hiền Trí, người đã đi đến tận cùng thế gian, đấng Đại Trí đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vi Tỳ-khmi cư ngụ ở rừng. 652. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Khadiravaniya Revata đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 6íKý sự về Trưởng lão Khadiravanỉya Revata" là phần thứ chín.

THÁNHNHÂNKÝSỰ^ 51

10. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĀNANDA (Ānandattherāpadānam) 653. Sau khi đi ra khỏi cổng tu viện, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara, trong lúc đổ cơn mưa bất tử đã giúp cho đám đông dân chúng đạt đến Niết-bàn. 654. Một trăm ngàn vị Anh hùng ấy có sáu thắng trí, có đại thần lực, tháp tùng bậc Toàn Giác tợ như bóng không có sự xa lìa [hình], 655. Tôi đã ngồi trên mình voi [nắm giữ] chiếc lọng trắĩiệ cao quý tối thượng. Sau khi nhìn thấy hình dáng vô cùng lịch sự, tôi đã có niêm hạnh phúc sanh khởi. 656. Leo xuống từ mình voi, tôi đã đi đến gần bậc Nhân Ngưu. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng làm bằng châu báu của tôi che cho đức Phật tối thượng. 657. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã ngimg lại cuộc thuyết giảng ấy và đã nói lên những lời kệ này: 658. "Người nào đã nắm giữ chiếc lọng được tô điểm các vật trang sức bằng vàng, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 659. Từ nơi này ra di, người nam này sẽ cư ngụ ở cõi trời Đẩu-suất và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng. 660. [Người này] sẽ cai ạuản thiên quốc ba mươi bốn lần, sẽ là vị thống lãnh quân đội cư ngụ ở trái đát trong một trăm lẻ tám kiếp sống. 661. [Người này] sẽ trở thành đang Chuyên Luân Vương năm mươi tám lân và sẽ cai quản lãnh thổ vương quốc rộng bao la ở trên trái đất. 662. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 663. Có tên là Ānanda [người này] sẽ là thân bằng quyến thuộc, sẽ trở thành người thi

giả của bậc Đại Ẩn sĩ, là biểu tượng của gia tộc dòng Sakyā. 664. [Người này] sẽ có sự nhiệt tâm và cẩn trọng nữa, được rành rẽ về nhiều chân lý, có hành vi khiêm nhường, không nhẫn tâm, có sự trì tụng toàn bộ. 665. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người này] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoāc." 666. Các con voi sống ở rừng là loài voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được sáu mươi tuổi, có các ngà như cán cày, là phương tiện di chuyển của đức vua. 667. Hàng trăm ngàn vi ây cũng là các bậc trí tuệ và có đại thân lực, tát cả các vị ấy là không sánh bằng đối với đức Phật, đấng Tượng Vương. 668. Tôi lễ bái vào canh đầu, vào canh giữa và vào canh cuối. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng. 669. Tôi có sự nhiệt tâm và cân trọng nữa, có sự nhận biêt mình, có niệm [đây đủ]5 đã đạt đên quả vị Nhập lưu và rành rẽ vê các nên tảng của bậc Hữu học.

52 KINH TIỂU Bộ

670. Việc tôi đã khẳng định về hành động ở một trăm ngàn kiếp trước đây, tôi đã thành tựu nền tảng ấy, tôi đã được tồn tại, được bất động ở Chánh pháp. 671. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 672. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 673. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ānanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trường lão Ānanda" là phần thứ mười. Phần tóm lược Phật [Toàn Giác], Phật Độc Giác, vị Sāriputta, vị KoḶita, vị Kassapa, vị Anuruddha, vị Trưởng lão Purina, vi upāli, vị Aññāsikondañña, vị Pindola, vị Revata và bậc Trí tuệ Ānanda; toàn bộ sáu trăm năm mươi câu kệ đã được gộp chung lại. Phẩm Đức Phật là phẩm thứ nhất

THÁNH NHÂN KÝ sự 53

n. PHẨM SĪHĀSANADĀYAKA (SĪHĀSANADĀ^AKAVAGGO)

11. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĨHẢSANADẢYAKA (Sīhāsanadāyakattherāpadānam) 674. [Vào lúc ấy] đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhartha đã Niết-bàn, Phật ngôn đã được lan rộng, giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết. 675. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử. Sau khi làm xong bảo tọa sư tử, tôi đã thực hiện ghe kê chân. 676. Và khi trời mưa ở bảo tọa sư tử, tôi đã xây dựng ngôi nhà ở tại nơi ấy. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 677. Ngay lập tức đã có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi dài hai mươi bốn do-tuần, rộng mười bốn do-tuần. 678. Có một trăm ngàn thiếu nữ luôn luôn vây quanh tôi. Và có chiếc ghế bành làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra ở tòa lâu đài. 679. Phương tiện di chuyên băng voi, phương tiện di chuyên băng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng. Các tòa lâu đài và luôn cả các kiệu khiêng đều được sanh lên theo như ước muốn. 680. Có các chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni và nhiều chiếc khác làm bằng lõi gỗ, tất cả đều được sanh lên cho tôi; điều này là quả báo của

bảo tọa sư tư. 681. Tôi bước lên những đôi giày làm băng vàng, làm băng bạc, làm băng pha lê và ngọc bích; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân. 682. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 683. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vuông l tên Inda. Trước đây bảy mươi hai kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyên Luân Vương tên Sumanā. 684. Trước đây đúng bảy mươi kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương tên Varuna, được thành tựu bảy loại báu vật, ỉa chúa tể ở bốn châu lục. 685. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... đã thực hành lời dạy của đức Phật. 1 Câu kệ này và câu kế được ghi theo Chủ giải (ÁpA. 312).

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão SThāsanadāyaka" là phần thứ nhất

12. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKATTHAMBHIKA (Ekatthambhikattherāpadānam) 686. Đức Thế Tôn Siddhartha đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Những người ấy đã đi đến nương nhờ vào đức Phật, họ đặt niềm tin vào đức Như Lai. 687. Tất cả đã tụ hội lại, bàn bạc, rồi xây dựng hội trường dành cho bậc Đạo sư. Không có được một cây cột trụ, họ tìm kiếm ở khu rừng bạt ngàn. 688. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy bọn họ ở trong rừng và đã đi đến gần đám đông. Sau khi chắp tay lên, tôi đã hỏi đám đông. 689. Được tôi hỏi, những người cư sĩ có giới hạnh ấy đã trả lời rằng: "Chúng tôi có ý định xây dựng hội trường nhưng không có được một cây cột trụ.” 690. “Xin các vị hãy giao cho tôi, tôi sẽ dâng đến bậc Đạo sư một cây cột trụ. Tôi sẽ mang cây cột trụ đến, các vị không phải bận tâm." 691. Họ đã xem xét cây cột trụ của tôi, và đã được tin tưởng với tâm ý hớn hở. Sau đó, họ đã quay trở lại và đã đi về nhà của mình. 692. Khi ấy, lúc đám đông cư sĩ ra đi không lâu, tôi đã dâng cúng cây cột trụ. Tôi đã ửở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dựng đứng cây cột trụ trước tiên. 693. Do sự tinh tín ây ở trong tâm, tôi đã được sanh lên cõi trời. Có cung điện cao ráo dành cho tôi, được vươn cao một trăm tầng lầu. 694. Khi ấy, tôi luôn luôn được người hầu hạ trong lúc những chiếc trống lớn được vỗ vang. [Trước đây] năm mươi lăm kiếp, tôi đã là đức Vua Yasodhara. 695. ở tại nơi ấy, dành cho tôi cũng có cung điện được vươn cao một trăm tầng lầu, được kề cận nhà mái nhọn cao quý, và có một cây cột trụ thích ý. 696. [Trước đây] hai mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Udena, ở tại nơi ấy, cũng có cung điện được vươn cao một trăm tầng lầu dành cho tôi. 697. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều thọ hưởng mọi sự an lạc; điều này là quả báo của một cây cột trụ. 698. Ke từ khi tôi đã dâng cúng cây cột trụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của một cây cột trụ. 699. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekatthambhika3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ekatthambhika" là phần thứ nhì.

2 Sīhāsanadāyaka nghĩa là dâng cúng bảo tọa (āsanā) sư tử (sīha), pháp tpa.” 3 Ekatthambhỉka nghĩa là Ế4vị liên quan đến một (ekā) cây cột trụ (thambhà)y

13. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NANDĀ (Nandattherāpadānam) 700. Tấm vải sợi lanh đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Padumuttara, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 701. Đức Phật tên Padumuttara đã chú nguyện đến tôi đây rằng: "Với sự dâng cúng tấm vải này, ngươi sẽ có được màu da vàng chói. 702. Được thúc đây bởi các nhân tô trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu [trời và người], ngươi sẽ trở thành người em trai của đức Thế Tôn Gotama. 703. Là người say mê ái dục, thiên về khoái lạc, bám víu vào sự tham đắm trong các dục, khi ấy bị thúc đẩy bởi đức Phật, ngươi sẽ xuất gia. 704. Được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, sau khi xuất gia ở tại nơi ây, ngươi sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc." 705. [Trước đây] một trăm ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên là Cela. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên là upacela. 706. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp đã có bổn vị [Chuyển Luân Vương] tên cũng là Cela, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục. 707. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nandā4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Nandaw là phần thứ ba.

14. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CULLAPANTHAKA (Cuỉapanthakattherãpadãnam) 708. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đã tách lìa khỏi đám đông, và Ngài đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. 709. Khi ấy, tôi cũng sống ở khu ẩn cư tại núi Hy-mã-lạp. Khi đấng Anh Hùng ngự đến không bao lâu, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 710. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che bằng bông hoa và đã đi đến gần đấng Nhân Ngưu. Trong lúc Ngài đang nhập định, tôi đã tạo ra sự khuấy rối. 711. Tôi đã nâng lên băng hai bàn tay và đã dâng lên chiêc lọng che băng bông hoa. Đức Thế Tôn, bậc Đại Hiền Tn Padumuttara đã thọ nhạn. 712. Tất cả chư thiên có tâm hoan hỷ, các vị ấy đi đến núi Hy-mã-lạp. Các vị đã thể hiện hành động tán thưởng [nói rằng]: uBậc Hữu Nhãn sẽ nói lời tùy hy.” 713. Nói xong điều này, chư thiên ấy đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân trong lúc Ngài đang ở trên không trung cầm lấy chiêc lọng bằng hoa sen hồng thượng hạng của tôi. [Đức Phật đã nói rằng:]

4 Nandā là người em trai cùng cha (đức Vua Suddhodana) khác mẹ (con bà Mahāpajāpati Gotamĩ) của Thái tử Siddhartha (Sĩ-đạt-ta/ (ND)

56 KINH TIỂU BÔ

714. “Vj đạo sĩ khô hạnh đã nâng lên chiêc lọng có một trăm cánh sen và đã dâng cúng đên Ta, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 715. [Người áy] sẽ cai quản thiên quôc hai mươi lăm kiêp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần. 716. [Người ấy] luân hồi đến chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, khi đang đứng ở bên ngoài trời thì sẽ có đóa hoa sen hồng che chở [cho vị ấy]. 717. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 718. Khi Phật ngôn được công bố? [người ấy] sẽ đạt được bản thể nhân loại và sẽ trở thành vị giỏi nhất về [biến hóa] thân được tạo ra bởi ý. 719. Sẽ

có hai người anh em trai. Cả hai đều có tên là Panthaka. Sau khi thọ hưởng mục đích tối thượng, cả hai sẽ làm sáng chói giáo pháp." 720. Được mười tám tuổi, tôi đây đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Tôi không đạt được điều gì xuất sắc ở trong giáo pháp của người con trai dòng Sakyā. 721. Bản chất của tôi đã là đần độn, trước đây tôi đã bị khi dễ. Và người anh trai đã xua đuôi tôi răng: "Bây giờ ngươi hãy đi vê nhà của mình đi?5 722. Trong khi bị xua đuổi ở tại cổng ra vào của tu viện dành cho hội chúng, với tâm ý rầu rĩ tôi đây đã đứng tại nơi ấy với niềm ao ước về bản thể Sa-môn. 723. Đức Thế Tôn đã đi đến nơi ấy. Ngài đã xoa đầu tôi. Sau khi nắm lấy cánh tay của tôi, Ngài đã dẫn tôi đi vào tu viện dành cho hội chúng. 724. Với lòng thương tưởng, bậc Đạo sư đã đưa cho tôi miếng giẻ chùi chân [và nói rằng]: "Ngươi hãy chú nguyện cho được trong sạch như vầy theo một hướng đã được xác đinh đúng đắn.” 725. Sau khi câm lây vật ây băng hai tay, tôi đã nhớ lại đóa sen hông. Tại nơi ấy tâm của tôi đã được giải thoát, tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán. 726. Tôi đã đạt đên sự toàn hảo vê mọi phương diện trong việc [biên hóa] các thân được tạo ra bởi ý. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 727. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Cullapanthaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Cullapanthaka" là phần thứ tư.

15. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PILINDIVACCHA (Pilindivacchattherāpadānam) 728. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, nhân vật cao cả Sumedha đã Niếtbàĩì, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thê hiện sự cúng dường đên ngôi bảo tháp.

THÁNH NHÂN KÝ sự 57

729. Và ở tại nơi áy, các vị nào là bậc lậu tận, có sáu thăng trí, có đại thân lực, tôi đã triệu tập các vị ấy lại ở tại nơi ấy và đã thực hiện bữa trai phạn đến hội chúng. 730. Lúc bấy giờ, vị thị giả của đức Thế Tôn Sumedha tên là Sumodha đã có mặt. Khi ấy, vi ấy đã nói lời tùy hỷ. 731. Do sự tịnh tín ây ở trong tâm, tôi đã sanh vê thiên cung. Tám mươi sáu ngàn tiên nữ đã cùng tôi vui sướng. 732. Các nàng ấy luôn luôn phục tòng chỉ mình tôi bằng mọi thứ dục lạc, tôi vượt trội các vị thiên nhân khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 733. Vào kiếp thứ hai mươi lăm, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Varuna. Khi ấy, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương có vật thực vô cùng tinh khiết. 734. Dân chúng không gieo hạt giống, cũng không theo sau lưỡi cày, họ thọ dụng gạo sāli này không phải cày, không phải nấu. 735. Sau khi trị vì vương quôc tại nơi ây, tôi đã đi đên bản thê thiên nhân lân nữa. Khi ấy, cũng giống như tôi, họ đã được tái sanh, có sự đầy đủ về của cải. 736. Tất cả sanh linh, là bạn hay không phải là bạn, đều không hãm hại tôi. Thậm chí tôi được tất cả yêu quý; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 737. Ke từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc thoa vật thơm [ở ngôi bảo tháp]. 738. ở vào kiếp Bhaddā này, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất, là đang Chuyên Luân Vương, có đại oai lực, có sức mạnh lớn lao. 739. Tôi đây đã an tru nhiêu người vào năm giới câm và còn giúp cho họ đạt đến nhàn cảnh nữa, tôi đã được chư thiên yêu quý. 740. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã

thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão PiḶindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. Ế6Ký sự về Trưởng lão PiḶindivaccha95 là phần thứ năm.

16. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RẢHULA (Rāhulattherāpadānam) 741. Tôi đã lắp đặt gương soi ở tòa lâu đài bảy tần^ của đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như the ấy. 742. Được tùy tùng bởi một ngàn bậc vô lậu, bậc Đại Hiền Trí, đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Nhân Ngưu đã đi đến hương thất. 743. Trong lúc làm cho hương thất chiếu sáng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 744. uNhờ người nào chỗ ngụ này được chiếu sáng và gương soi đã khéo được lắp đặt, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

745. Có các tấm gương làm bằng vàng, làm bằng bạc và làm bằng ngọc bích. Từ tấm gương sẽ hiện ra bất cứ những gì được yêu thích ở trong tâm. 746. Người ấy sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần, và kế tiếp đó sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 747. Vao kiếp thứ hai mươi mốt, [người ấy] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Vimala, sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương, là người chinh phục bốn phương. 748. Có thành phô tên Renuvatī được xây dựng băng các viên gạch, được kiến trúc dạng hình vuông trải dài ba trăm do-tuần. 749. Có tòa lâu đài tên Sudassana được hóa hiện ra bởi vi Trời Vissakamma, có các nhà mái nhọn cao quý được điểm tô bằng bảy loại châu báu. 750. Được nhộn nhịp với mười loại âm thanh, được đông đảo các nhà pháp thuật, [thành phô này] sẽ là tương tợ như thành phô Sudassana của chư thiên. 751. Ánh sáng của thành phố ấy phát ra ngay trong khi mặt trời đang mọc, và luôn luôn chiếu sáng thành phô ây tám do-tuân ở xung quanh. 752. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian. 753. Được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, người ấy sẽ trở thành con trai của đức Thế Tôn Gotama. 754. Nêu sông tại gia, người ây có thê trở thành đang Chuyên Luân Vương. Việc con người như thế ấy đi đến sự vui sướng trong đời sống tại gia là không có cơ sở. 755. Sau khi lìa khỏi gia đình, người ây sẽ xuất gia, có sự hành trì tót dẹp, và sẽ trở thành VỊ A-la-hán với tên là Rahuía.” 756. Bạch đấng Đại Hiền Triết, giống như loài chim kikī bảo vệ trứng, giống như loài bò mộng bảo vệ cái đuôi, con là người cẩn trọng, được tròn đủ về giới, con đã hộ trì như vậy. 757. Sau khi hiểu được giáo pháp của Ngài, tôi đã sống vui sướng trong giáo pháp. Sau khi biết toàn diện ve tất cả các lậu hoặc, tôi song không còn lậu hoặc. 758. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Rãhula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão R2hula” là phần thứ sáu.

17. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPASENA (Upasenattherāpadānam) 759. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở sườn núi, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhan ấy. 760. Sau khi nhìn thấy bông hoa kanikāra đã được nở rộ, khi ấy tôi đã ngắt lìa ở cuống hoa. Sau khi tô diêm ở chiếc lọng che, tôi đã che ở phía bên trên của đức Phạt.

761. Và tôi đã dâng lên vật thực gồm có cơm thượng hạng và thức ăn ngon. Tại nơi ấy, tôi đã chăm lo bữa ăn cho tám vị Sa-môn với đức Phật là vị thứ chín. 762-63. Đấng Đại Hùng; bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng chiếc lọng che này và sự hiến tặng món cơm thượng hạng, do sự tinh tín ấy ở trong tâm, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành công. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. 764. Và [người này] sẽ trở thành đang Chuyên Luân Vương hai mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 765. Vào một trăm ngàn kiếp vê sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 766. Trong khi giáo pháp đang chiếu sáng, [người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Upasena.” 767. [Đây] là lần cuối cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tôi duy trì thân mạng cuối cùng sau khi đã tiêu diệt Ma vương cùng với đạo quân binh. 768. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Upasena Vañgantaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Upasena Vahgantaputta” ỉa phần thứ bảy. (Dứt tụng phẩm thứ ba).

18. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO RATTHAPĀLA (Ratthapālattherāpadānam) 769. Con voi cao quý, có ngà như cán cày, là phương tiện di chuyển của đức vua đã được tôi dâng cúng đến đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 770. [Con voi] được rạng rỡ với chiếc lọng trắng, có các vật trang sức dành cho loài voi. Sau khi đã cho định giá toàn bộ vật ấy, tôi đã cho xây dựng tu viện dành cho hội chúng. 771. Tôi đã cho xây dựng năm mươi bốn ngàn tòa lâu đài và đã thực hiện bữa trai phạn lớn lao rồi đã dâng đến bậc Đại Ẩn SẼ 772. Bằng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã nói lời tùy hỷ. Trong lúc làm cho tất cả dân chúng được vui mừng, Ngài đã thuyết giảng ve đạo lộ bất tử. 773. Đức Phật tên Padumuttara đã chú nguyện về việc ấy cho tôi. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, Ngài đã nói lên những lời kệ này: 774. "Người này đã cho xây dựng năm mươi bốn ngàn tòa lâu đài, Ta sẽ thuyết giảng về quả thành tựu. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

775. Mười tám ngàn ngôi nhà mái nhọn sẽ được hiện ra ở cung trời tối thượng [dành cho người này] và chúng được làm toàn bộ bằng vàng. 776. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi tám lần. 777. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 778. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mạng chung từ thế giới chư thiên, vị ấy sẽ lập tức được sanh lên ở gia tộc sang trọng, có của cải lớn lao. 779. về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, vị ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Ratthapāla. 780. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người ấy] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không con lạu 781. Tôi đã

vươn dậy, đã ra đi, đã từ bỏ sự thành đạt về của cải; Của cải ví như bãi nước bọt, sự yêu thương đối với của cải không được tìm thấy ở nơi tôi. 782. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 783. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ratthapāla đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trường lão Ratthapãla" là phần thứ tám.

19. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SOPÃKA (Sopākattherāpadānam) 784. Trong khi tôi đang dọn dẹp cái hang ở khu rừng tại ngọn núi cao nhất, đức Thế Tôn tên Siddhartha đa đi đến gặp toi. 785. Sau khi nhìn thấy đức Phật đã đi lại gần, tôi đã trải ra tấm thảm và đã dâng cúng chỗ ngồi làm bằng bông hoa đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 786. Sau khi ngôi xuông ở chô ngôi làm băng bông hoa, và sau khi biêt được cảnh giới tái sanh của tôi, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhartha đã thốt lên về tính chất vô thường rằng: 787. “Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc." 788. Sau khi nói điều ấy, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 789. Sau khi từ bỏ tà kiến của minh, tôi đã tu tập tưởng về vô thường. Sau khi tu tập một ngày, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

THÁNH NHÂN KÝ sự 61

790. Được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, tôi đã thọ hưởng hai sự thành tựu [trời và người]. Khi đạt đên cuộc sông cuôi cùng, tôi đã sanh vào dòng dõi hạ liệt. 791. Sau khi lìa khỏi gia đình, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 792. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, khéo được định tĩnh trong các giới, sau khi làm vui lòng bậc Long Tượng vĩ đại, tôi đã đạt được sự tu lên bậc trên. 793. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 794. Ke từ khi tôi đã tu tập tưởng [về vô thường] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc trong khi đang tu tập tưởng [về vô thường] ấy. 795. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sopâka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 44Ký sự về Trưởng lão Sopâka55 là phần thứ chín.

20. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO SUMAÑGALA (Sumañgalattherāpadānam) 796. Có ý định dâng tặng phẩm vật hiến cúng, tôi đã cho chuẩn bị vật thực. Trong khi chờ đợi các vị Bà-la-môn, tôi đã đứng ở khu vực bùng binh rộng lớn. 797. Và tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Piyadassĩ có danh vọng lớn lao, bậc Hướng Đạo của toàn bộ thế gian, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả. 798. Được tháp tùng bởi các vi Thinh văn, đức Thế Tôn có hào quang, tợ như mặt trời đang chói sáng, đang tiến bước ở trên đường lộ. 799. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã thỉnh mời dầu chỉ bằng tâm ý: "Mong sao bậc Đại Hiền Triết đi đến gn.” 800. Biết được ý định của tôi, đấng Đạo Sư, bậc Vô Thượng ở Thế Gian, cùng với một ngàn bậc lậu tận đã đi đen cửa nhà

của tôi. 801. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Xin thỉnh Ngài bước lên tòa lâu đài và ngồi xuống ở bảo tọa sư tử." 802. Bậc Đã [Tự] Rèn Luyện co đoàn tùy tùng đã được rèn luyện, bậc Đã [Tự] Vượt Qua, bậc cao quý trong số các vị đang tiếp độ [chúng sanh] vượt qua sau khi bước lên tòa lâu đài đã ngồi xuống ở chỗ ngồi cao quý. 803. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng lên đức Phật vật thực mà tôi có được [và] đã được chuẩn bị ở trong căn nhà của chính mình. 804. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, sanh niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lễ bái đức Phật tối thượng, ôi, tính chất cao thượng của đức Phật!

62 KINH TIỂU Bộ

805. Trong sô tám hạng Thánh nhân tùy tùng đang thọ thực, có nhiêu bậc Vô lậu. Oai lực ấy là của chính Ngài, con đi đến nương tựa vào Ngài. 806. Và đức Thế Ton Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khtru và đã nói lên những lời kệ này: 807. "Người nào đã chăm lo vật thực đến hội chúng có bản thể chính trực, định tĩnh, và [đến] đức Như Lai, bậc Toàn Giác. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 808. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi bảy lần. Được hài lòng với việc làm của chính mình, người ấy sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên. 809. Và người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương mười tám lần, và sẽ ngự tri năm trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái dất." 810. Sau khi đã đi sâu vào trong khu vườn cây, khu rừng thưa, khu rừng rậm được lai vãng bởi loài cọp, và sau khi đã ra sức nô lực, các phiên não đã được thiêu đốt bởi tôi. 811. Kể từ khi toi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bữa ăn. 812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumañgala đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ký sự về Trưởng lão Sumahgala" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có bảo tọa sư tử, vị có một cây cột trụ, vị Nandā, vi Cullapanthaka, vị Piḷinda, luôn cả vị Rāhula, vi Vañganta, vị Ratthapāla, vị Sopāka và luôn cả vị Mañgala là mười [ký sự] thuộc phẩm thứ nhì. Và ở đây, có một trăm ba mươi tám câu kệ đã được giảng giải. Phẩm Sīhāsanadāyaka là phẩm thứ nhì.

THÁNH NHÂN KÝ sự 63

m. PHẨM SUBHỬTI (SUBHŪTIVAGGO)

21. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHỬTI (Subhūtittherāpadānam) 813. ở không xa núi Hy-mlạp, có ngọn núi tên là Nisabha, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập. 814. Khi ấy, là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột tên là Kosiyā, tôi sống ở [ngọn núi] Nisabha mỗi một mình, không có người thứ hai. 815. Khi ấy, tôi không thọ dụng trái cây, rễ cây và lá cây [còn ở trên cây]. Trong khi ấy, tôi sống nhờ các lá cây úa vàng đã rụng. 816. Ngay cả trong khi đang buông bỏ mạng sống, tôi cũng không làm cho sự nuôi mạng bị hư hỏng. Tôi làm cho tâm của mình được hài lòng, tôi tránh xa sự tầm cầu sai trái [trong việc nuôi mạng]. 817. Mỗi khi tâm liên quan đến tham ái sanh khởi ở tôi, tôi tự mình quán sát. Khi được

chăm chú, tôi đã thuần hóa tâm tham ái ấy rằng: 818. "Ngươi bị ái luyến ở điều quyến rũ, bị sân hận ở điều gây khó chịu và bị mê muội bởi điều làm cho mê mẩn; ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng. 819. Trú xứ này dành cho các đạo sĩ khổ hạnh đã được thanh tịnh, không còn nhơ nhuốc. Ngươi chớ làm hư hoại sự thanh tịnh, ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng. 820. [Nếu] trở thành người tại gia, ngươi sẽ luôn gánh chịu sự bị ràng buộc. Ngươi cũng chớ lầm lẫn về hai việc [xuất gia và tại gia], ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng. 821. Giống như loại củi gỗ thiêu xác chết không phải là vật để dùng cho công việc ở bất cứ nơi nào khác, dầu ở làng mạc hay rừng thẳm, bởi vì nó không r còn được xem là củi đót nữa. 822. Tợ như loại củi gỗ thiêu xác chết, ngươi không còn là người tại gia và cũng không phải là xuất gia. Hôm nay, ngươi là người không còn thuộc về cả hai hạng, ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng. 823. Nêu điêu này xảy ra cho ngươi thì ai nhận biêt điêu này ở ngươi? Nêu ngươi từ bỏ phận sự về đức tin thì sẽ có nhiều sự biếng nhác ở ngươi. 824. Các bậc tri thức sẽ ghét bỏ ngươi, giống như người dân thành phố chán ghét sự ô nhiễm. Các bậc ẩn sĩ sẽ xua đuổi và luôn quở trách ngươi.

64 KINH TIỂU Bộ

825. Các bậc tri thức sẽ phê phán ngươi đã vi phạm lời giáo huấn. Ngay trong khi không đạt được sự cộng tru, làm sao ngươi có thể sinh sống? 826. Con voi có sức mạnh đên gân và xua đuôi con voi là loài mātañga [đên tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được sáu mươi tuổi ra khỏi bầy. 827. Trong khi bị tách rời khỏi bầy, con voi không có được sự an ổn, thoải mái. Nó bị khổ sở, tâm rối loạn. Trong khi buồn bực, nó bị dao động. 828. Tương tợ như thê ây, các vị đạo sĩ tóc bện cũng sẽ xua đuôi ngươi là kẻ có tâm ý xấu xa. Trong khi bị tách rời khỏi các vi ấy, ngươi sẽ không đạt được sự an ổn, thoải mái. 829. Bị xâm nhập bởi mũi tên sầu muộn, ngươi bị thiêu đốt vì sự bực bội dầu là ban ngày hoặc ban đêm, tợ như con voi bi tách rời khỏi bầy. 830. Giống như vàng kim loại không bao giờ làm cho cái búa bị thiêu đốt ở bất cứ đâu; tương tợ như thế, với sự lìa bỏ giới, ngươi sẽ không làm cho [phiền não] được thiêu đốt ở bất cứ nơi nào. 831. Dâu cho đang sông ở tại gia, ngươi sẽ sinh sông cách nào? Tài sản thuộc về người mẹ cũng như thuộc về người cha để dành lại cho ngươi là không có. 832. Trong khi tự mình làm công việc khiến mồ hôi tuôn ra ở cơ thể, ngươi sẽ sinh sông ở tại gia như vậy. Tót đẹp thay là điêu ây không được ngươi ưa thích.” 833. Tại nơi ây, tôi ngăn chặn tâm có khuynh hướng bị ô nhiêm theo cách như thế. Sau khi thực hiện lời giảng giải với nhiều pháp khác nhau, tôi đã ngăn chặn được các suy nghĩ xấu xa. 834. Như thế, trong khi tôi đang an trú với sự an tru vào sự không xao lãng, ba mươi ngàn năm đã trôi qua khi tôi ở trong khu rừng. 835. Sau khi nhìn thấy [tôi là] người tầm cầu mục đích tối thượng được thỏa thích với sự không xao lãng, bậc Toàn Giác Padumuttara đã đi đến gặp tôi. 836. Là bậc vô lượng, không người tương đương, có hào quang màu [vàng chói] của trái cây timbarũsaka, không ai sánh băng vê dáng vóc, khi ây đức Phật đã đi kinh hành ở không trung. 837. Tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa, tợ như tia chớp ở khoảng giữa đám mây trên bầu trời, đức Phật không ai sánh bằng về trí tuệ khi ấy đã đi kinh hành ở không trung. 838. Tợ như con sư tử chúa không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu hãnh, tợ như con cọp chúa chói sáng, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

839. Có hào quang màu vàng chói của đồng tiền vàng, giống như than hồng của gỗ khadira, như là viên ngọc ma-ni như ý, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

THÁNH NHÂN KÝ sự 65

840. Với ánh sáng tinh khiết của ngọn núi Kelãsa, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, tợ như mặt trời ở chính ngọ, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung. 841. Sau khi nhìn thấy Ngài đang đi kinh hành ở không trung, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Phải chăng chúng sanh này là thiên nhân, hay đây là loài ngươi? 842. Con người như thế này ở trên trái đất thì ta chưa từng được nghe hoặc được thấy. Cũng có lời chú thuật [về tướng mạo], người này sẽ là bậc Đạo SU." 843. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Khi ấy tôi đã gom lại nhiều loại bông hoa và vật thơm. 844. Sau khi chuẩn bị chỗ ngồi bằng bông hoa, tôi đã nói với bậc có tâm ý tốt đẹp, làm thích ý, vị đứng đầu trong số các bậc Điều Phục Nhân lời nói này: 845. "Bạch đấng Đại Hùng, chỗ ngồi này đã được con chuẩn bị là thích hợp đối với Ngài. Trong khi làm cho tâm của con được vui vẻ? xin Ngài hãy ngồi xuống ở chỗ ngồi bằng bông hoa." 846. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Đức Phật đã ngồi ở chỗ ngồi bằng bông hoa quý cao trong bảy ngày đêm. 847. Trong khi lễ bái [Ngài], tôi đã đứng bảy ngày đêm. Bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian đã xuất khỏi thiền định. 848. Trong khi tán dương việc làm của tôi, Ngài đã nói lời nói này: "Nguôi hãy tu tập sự niệm tưởng về đức Phật là [pháp] vô thượng trong các pháp tu tập. 849. Sau khi tu tập về sự niệm tưởng này, ngươi sẽ được tròn đủ tâm ý và sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. 850. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Ngươi sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở trong quốc độ một ngàn lần. 851. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ngươi sẽ thọ hưởng mọi thứ ấy; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật. 852. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, ngươi sẽ đạt được tài sản lớn lao, sẽ không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật. 853. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 854. Sau khi từ bỏ tám mươi koịi (tám trăm triệu), nhiều nô tỳ và nhân công, ngươi sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 855. Sau khi làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyã, ngươi sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư với tên gọi là Subhũti. 856. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, [đức Phật ấy] sẽ thiết lập

66 KINH TIÊU Bộ

ngươi vào vị thế tối thắng về hai phương diện là có đức hạnh đáng được cúng dường và tương tợ như thế về việc an trú vào sự không say đắm.,, 857. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 858. Được chỉ dạy bởi đấng Bảo Hộ Thế Gian, tôi đã lễ bái đức Như Lai. Được hoan hỷ, tôi luôn luôn tu tập sự niệm tưởng vê đức Phật, là pháp tôi thượng. 859. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý5 sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 860. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai

quản thiên quốc tám mươi lần. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 86L Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng sự thành tựu tốt đẹp; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đưc Phật. 862. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được tài sản lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật. 863. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật 864. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Subhũti đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Subhũti” là phần thứ nhất

22. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPAVĀNA (Upavanattherāpadānam) 865. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Sau khi phát cháy như là khối lửa, bậc Toàn Giác đã viên tịch Niết-bàn. 866. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường đức Như Lai. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được thực hiện, họ đã nâng thi thể lên. 867. Sau khi thực hiện phận sự đối với thi thể, họ đã tập trung Xá-lợi ở tại nơi ấy. Tất cả bọn họ gồm chư thiên và loài người đã xây dựng ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. 868. Tầng thứ nhất làm bằng vàng, tầng thứ nhì làm bằng ngọc ma-ni, tầng thứ ba làm bằng bạc, tầng thứ tư làm bằng ngọc pha lê. 869. Tương tợ, viên mép của tâng thứ năm đã được làm băng hông ngọc, tầng thứ sáu làm bằng đá quý, phần bên trên làm bằng tất cả các loại châu báu. 870. Phân bên dưới làm băng ngọc ma-ni, bục nên làm băng châu báu. Được làm toàn bộ băng vàng, ngôi bảo tháp vươn lên chiêu cao một do-tuân. 871. Khi ấy, chư thiên đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc rằng:

THÁNH NHÂN KÝ sự 67

"Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. 872. Xá-lợi không có các mảnh rời rạc, [Xá-lợi] thân thể được kết thành một khối. Chúng ta sẽ thực hiện lớp vỏ bọc ở ngôi bảo tháp dành cho đức Phật này." 873. Vód bảy loại châu báu, chư thiên đã làm tăng thêm một do-tuần nữa. Có chiều cao hai do-tuần, ngôi bảo tháp ấy xua đi bóng tối. 874. Khi ây9 loài rông đã tụ hội lại ở nơi ây và đã cùng nhau bàn bạc răng: "Loài người và luôn cả chư thiên, bọn họ đã kiên tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phạt. 875. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy." 876. Sau khi đã tụ tập chung lại, loài rong đã phủ lớp ngọc bích, ngọc sa-phia và ngọc ma-ni như ý lên ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. 877. Giờ dây, ngôi bảo điện dành cho đức Phật đã được làm bằng ngọc ma- ni toàn bộ, khi ây có chiêu cao ba do-tuân, là nguồn tạo ra ánh sáng. 878. Khi ấy, các nhân điểu đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: “Loài người, chư thiên và loài rồng, bọn họ đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. 879. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. Chung ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy.” 880. Loài nhân điểu đã thực hiện ở ngôi bảo tháp lớp vỏ bọc phụ trội toàn bộ làm bằng ngọc ma-ni. Họ cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. 881. Với chiều cao bốn do-tuần, ngôi bảo tháp của đức Phật

chiếu sáng và khiến cho tất cả các phương được rực rỡ tợ như mặt trời đã mọc lên. 882. Khi ấy, các ác thần đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: Loài người, luôn cả chư thiên, loài rồng và loài nhân điểu cũng tương tợ như thế. 883. Bọn họ đã xây dựng ngôi bảo tháp hạng nhất dành cho đức Phật tối thượng một cách cá biệt. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. 884. Chung ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. Bằng các loại châu báu, chúng ta sẽ phủ lên ngôi bảo điện dành cho đức Phật cho được cao them?9 885. Các ác thần cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. Khi ấy, với chiều cao năm do-tuần9 ngôi bảo tháp được rực rỡ. 886-87. Khi ấy, loài dạ-xoa đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc

răng: "Loài người, chư thiên, loài rông, loài nhân điêu và các ác thân đã xây dựng ngôi bảo tháp hạng nhất dành cho đức Phật tối thượng một cách cá biệt Thế gian cung với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. 888. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. Bằng các loại ngọc pha lê, chúng ta sẽ phủ lên ngôi bảo điện dành cho đức Phật cho được cao them/9 889. Loài da-xoa cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. Khi ấy, với chiều cao sáu do-tuàn, ngôi bảo tháp được rực rỡ. 890. Lúc bấy giờ, cáe càn-thát-bà đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người, chư thiên, loài rồng, các ác thần và loài nhân điểu cũng tương tợ như thế. 891. Tất cả đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. Trong việc này chúng ta là những người chưa làm gì. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bao Hộ Thế Gian như thế ấ’ 892. Sau khi đã làm thành bảy tầng, các càn-thát-bà đã đặt lên chiếc lọng. Khi ấy, các càn-thát-bà đã kiến tạo ngôi bảo tháp toàn bộ làm bằng vàng. 893. Khi ấy, với chiều cao bảy do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ. Đêm và ngày không phân biệt được, [vì] ánh sáng luôn luôn hiện hữu. 894. Mặt trăng, mặt trời, luôn cả các vì sao không hơn được ánh sáng của ngôi bảo tháp. Thậm chí ánh đèn cũng đã không được đốt lên ở xung quanh một trăm do-tuần. 895. Vào thời điểm ấy, những người nào cúng dường ngôi bảo tháp, những người ấy không bước lên ngôi bảo tháp mà họ thảy lên ở không trung. 896. Được chư thiên chỉ đinh, con dạ-xoa tên Abhisammata [có nhiệm vụ] máng lên cờ hiệu hoặc vòng hoa ở phía bên trên. 897. Những người ấy không nhìn thấy con dạ-xoa ấy mà nhìn thấy vòng hoa được nó mang đi. Sau khi nhìn thấy như thế rồi ra di, tất cả những người ấy đi đến cõi tái sanh tốt đẹp. 898. Những người không có niềm tin ở lời Phật dạy và những người được tinh tín vào giáo pháp có ước muốn trông thay phép kỳ diệu thì họ cúng dường đến ngôi bảo tháp. 899. Khi ấy, tôi đã là người làm công ở thành phố Hamsavatĩ. Sau khi nhìn thấy dân chúng được vui mừng, khi ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy: 900. "Đối với vị có được gian nhà Xá-lợi như vầy, vi ấy ắt hẳn là đức Thế Tôn cao thượng. Và đám dân chúng này đang thể hiện trạng thái hớn hở một cách nhiệt thành. 901. Ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính đến đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy, ta sẽ trở thành người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy trong tương lai.”

902. Có tấm thượng y đã được khéo giặt sạch bởi người thợ giặt, tôi đã máng vào ngọn tre rồi đã nâng lá cờ hiệu lên ở không trung. 903. Con dạ-xoa Abhisammata đã cầm lấy lá cờ hiệu của tôi và đưa lên không trung. Sau khi nhìn thấy lá cờ hiệu phất phơ trong gió, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt. 904. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín tôi đã đi đến gần vị Sa- môn. Sau khi đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy, tôi đã hỏi về quả thành tựu của lá cờ hiệu. 905. Vị ây đã giảng cho tôi vê sự sanh khởi nôi vui mừng và phỉ lạc của tôi: "Ngươi sẽ luôn luôn thọ hưởng quả thành tựu của lá cờ hiệu ấy. 906. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu. 907. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiêc trông lớn được tô diêm sẽ thường xuyên hộ tống ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu. 908. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, được điểm tô với các loại vải nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni. 909. Có lông mi cong, có nụ cười, vô cùng yểu điệu, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu. 910. Ngươi sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. 911. Và ngươi sẽ là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng cách tính đếm. 912. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 913. Sau khi mệnh chung ở thê giới chư thiên, được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, ngươi sẽ là thân quyến của Phạm thiên [dong dõi Bà-la-môn]. 914. Sau khi từ bỏ tám mươi koti (tám trăm triệu), nhiều nô ty và nhân công, ngươi sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức The Tôn Gotama. 915. Sau khi làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, ngươi sẽ là Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là upavāna.,, 916. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được ban ra, tôi đã thiêu đót các phiền não của tôi. 917. Trong khi tôi là đấng Chuyển Luân Vương, chúa tể của bốn châu lục, các ngọn cờ luôn được kéo lên ở xung quanh [tôi] đến ba do-tuần. 918. Từ khi toi đã thực hiện việc làm trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

70 KINH TIỂU Bỏ

919. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upavāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Upayānaṃ là phần thứ nhì.

23. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (SaranagamaniyattherSpadānam) 920. Lúc bấy giờ, tôi đã là người hầu hạ mẹ ở thành phố Candavatī. Mẹ và cha của tôi bị mù, tôi phụng dưỡng họ. 921. Khi ấy, tôi đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, tôi đã suy nghĩ như vầy: “Trong khi phụng dưỡng mẹ và cha, ta không đạt được sự xuất gia." 922. Bị che lấp bởi sự tăm tối ấy, [chúng sanh] bị thiêu đốt bởi ba loại lửa [tham, sân, si]. Khi nỗi hãi sợ như thế ấy đã sanh khỏi, không có người nào là bậc hướng đạo. 923. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, giáo pháp của đấng Chiến Thắng chiếu sáng. Với người có

nghiệp phước thiện thì bản thân có the tiếp độ được. 924. Tôi đã học tập về ba sự nương nhờ và đã gìn giữ chúng được toàn vẹn. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi thoát khỏi khổ cảnh. 925. Vị Sa-môn tên Nisabha là vị Thinh văn hàng đầu của đức Phật. Tôi đã đi đến gặp vi ấy và đã nhận lãnh sự đi đến nương nhờ [thọ trì tam quy]. 926. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Tôi đã gìn giữ sự đi đến nương nhờ được toàn vẹn chừng ấy thời gian. 927. Khi đang ở vào thời diêm cuôi cùng, tôi đã tưởng nhớ lại sự nương nhờ ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 928. Khi đã đạt đến thế giới chư thiên, được thành tựu về nghiệp phước thiện, bất cứ khu vực nào tôi đi đến, tôi đều đạt được tám chủng tử. 929. Tôi được tôn vinh ở mọi phương, tôi có tuệ sắc bén, tất cả chư thiên đều phục tùng, tôi đạt được của cải vô lượng. 930. Có màu da vàng chói, tôi đều được yêu mến ở mọi nơi, tôi trung thành đoi với các bạn hữu tôi, danh vọng của tôi là cao tột. 931. Tôi đã là VỊ Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng. 932. Và toi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 933. Khi đạt đên cuộc sông cuôi cùng, được thành tựu vê nghiệp phước thiện, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi. 934. Được những đứa trẻ tháp tùng, tôi đã rời khỏi thành phố. Có được sự cười giỡn vui đùa, tôi đã đi đen tu viện dành cho hội chúng.

THÁNH NHÂN KÝ sự« 71

935. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đã được giải thoát, không còn mầm mống tái sanh. Vị ấy đã thuyết giảng giáo pháp cho tôi và đã ban sự nương nhờ đến tôi. 936. Sau khi lắng nghe về sự nương nhờ, tôi đây đã tưởng nhớ lại sự nương nhơ cua toi. Toi đã ngoi ơ ngay cho ngoi áy va đã thanh tựu phàm vi A-la-hán. 937. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. Nhận biết đức hạnh [của tôi], đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn, đã cho [tôi] tu lên bậc trên. 938. Tôi đã đi đến các sự nương nhờ trước đây vô lượng kiếp. Do đó, nghiệp khéo được tôi thực hiện đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. 939. Sự nương nhờ của tôi đã được gìn giữ cân thận, tâm ý đã khéo được củng cố. Sau khi thọ hưởng mọi thứ danh vọng, tôi đã đạt đến vi thế bất động. 940. Những vi nào có sự lắng nghe, xin các vị hãy lắng nghe tôi nói. Tôi sẽ giảng cho các vi ve đạo lộ đã được tự thân nhìn thay của mình. 941. “Bức Phật đã hiện khởi ở thế gian, giáo pháp của đấng Chiến Thắng được hiện hữu. Tiếng trống bất tử đã được vỗ lên là sự xua đi các mũi tên sầu muộn. 942. Băng sức lực của mình, các vị có thê thực hiện hành động hướng thượng ở phước điền vô thượng, tương tợ như the, [với năng lực của mình] các vi sẽ chạm đến Niết-bàn. 943. Sau khi đã thọ nhận ba sự nương nhờ, sau khi đã gìn giữ năm giới cấm, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở nơi đức Phật, các vị sẽ tiến hành việc chấm dứt khổ đau. 944. Sau khi thực hành tương tợ như tôi, sau khi gìn giữ toàn vẹn các giới cấm, không bao lâu sau tát cả, các vị cũng sẽ đạt được phàm vị A-la-han?5 945. Có được ba minh, tôi đã đạt đến thần thông và được rành rẽ về tâm của người khác. Bạch đấng Đại Hùng, vị Thinh văn của Ngài xin đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư. 946. [Ke từ khi] tôi đã đi đến nương nhờ đức Phật trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ. 947. Bốn

[tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tisaranagamaniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Tisaranagamaniya^ là phần thứ ba.

24. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAÑCASĪLASAMĀDĀNIYA (Pañcasīlasamādāniyattherāpadānam) 948. Khi ấy, tôi đã là người làm công ở thành phố Candavatī. Bi vướng bận trong việc quán xuyên công việc của người khác, tôi không đạt được sự xuất gia.

949. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Bj che lấp bởi sự tăm tối ấy, [chúng sanh] bi thiêu đốt bởi ba loại lửa [tham, sân, si], vậy thì bằng phương pháp nào, ta có thể được thoát khỏi? 950. Và ta là người làm công khốn khổ, vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có. Hay là ta nên thọ trì và làm toàn vẹn năm giới cấm?" 951. Vi Thinh văn của bậc Hiền Trí Anomadassī có tên là Nisabha. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã nhận lãnh năm điều học [về giới]. 952. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Tôi đã gìn giữ năm giới cấm được toàn vẹn chừng ấy thời gian. 953. Khi thời điểm của tử thần đã đến, chư thiên an ủi tôi rằnậ "Thua ngài, có cỗ xe được thắng một ngàn [ngựa] dành cho ngài, nó đã đên r6i." 954. Khi tâm cuối cùng đang diễn tiến, tôi đã tưởng nhớ lại giới hạnh của tôi. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 955. Và tôi đã là vi Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi lần. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng. 956. Tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 957. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mạng chung từ thế giới chư thiên, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Vesālī. 958. Vào thời điểm cận kề mùa mưa, trong lúc giáo pháp của đấng Chiến Thắng đang chói sáng, mẹ và luôn cả cha của tôi đã nhận lãnh năm điều học [về giới]. 959. Do việc đã lắng nghe, tôi đã mau chóng tưởng nhớ lại giới hạnh của mình. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 960. Vào lúc năm tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn, đã cho [tôi] tu lên bậc trên. 961 . Sau khi gìn giữ năm điều học [về giới] được toàn vẹn, trong vô lượng kiếp trước đây tôi đã không đi đến đọa xứ. 962. Do nhờ tác động của các giới cấm ấy, tôi đây đã thọ hưởng danh vọng. Trong khi ngợi ca [vê quả báo của giới] cho dâu đên một kotỉ (mười triệu) kiêp, tôi cũng chỉ có thể ngợi ca được một phần nhỏ. 963. Sau khi gìn giữ năm giới cấm, tôi đạt được ba chủng tử: Tôi là người có tuổi thọ, có của cải lớn lao, có tuệ sắc bén. 964. Tôi chỉ đang ngợi ca phân phụ trội trong sô toàn thê [ạuả báo] có liên hệ đến loài người. Sau khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đều đạt được các điều này. 965. Vi Thinh văn của đấng Chiến Thắng là người đang thực hành giới

M /\ Ấ l Ả Ắ ỉ\ câm vô sô kê5 nêu vi ây vui thích trong các cõi tái sanh thì quả thành tựu sẽ như thế nào? 966. Năm giới cấm đã được thực hành tốt đẹp bởi tôi là người làm công

có sự quán sát. Nhờ vào giới hạnh ấy, ngày hôm nay tôi đã cởi bỏ mọi điều trói buộc. 967. [Ke từ Idii] tôi đã gìn giữ năm giới cấm trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của năm giới cấm. 968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paflcasīlasamādāniya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão PañcasTlasamādāniya" là phần thứ tư.

25. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSÃVAKA (Annasamsāvakattherāpadānam) 969. Bậc Toàn Giác [Siddhartha] có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ. 970. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha, bậc Vô Lượng Vô Song, đấng Quang Minh, bậc Đã Được Rèn Luyện, tôi đã đạt được niềm phỉ lạc tộtbậc. 97L Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã chăm lo bữa ăn đến bậc Đại Hiền Trí ấy. Khi ấy, bậc Đại Bi, đấng Bảo Hộ đã nói lời tùy hỷ đến tôi. 972. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, ở đấng Đại Bi ấy là bậc tạo ra niềm an ủi cao tột, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 973. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực. 974. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Annasamsāvaka12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Annasamsāvaka55 ỉa phần thứ năm.

26. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DHŨPADÃYAKA (Dhūpadāyakattherāpadānam) 975. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng khói hương ở liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 976. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, 1 Pañcasīlasamādāniya nghĩa là có sự thọ trì (samâdānă) năm (pañca) giới cấm (sĩla)y 2 Annasarnsãvaka nghĩa là ngợi ca (samsāvaka) về việc (dâng cúng) vật thực (anna)y

tôi đêu là đôi tượng yêu quý của tát cả; điêu này là quả báo của việc dâng cúng khói hương. 977. Ke từ khi tôi đã dâng cung khói hương trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng khói hương. 978. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhūpadāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão DhQpadâyaka" là phần thứ sáu.

27. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA (Pulinapūjakattherāpadānam) 979. Sau khi bỏ đi lớp cát cũ ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī, tôi đã rải lên lớp cát sạch. 980. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cát. 981. Trước đây năm mươi ba kiếp, tôi đã trở thành đức vua cai quản dân chúng, là vị Chuyên Luân Vương tên Mahâpulina, có oai lực lớn lao. 982. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pulinapūjaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão

Pulinapūjaka" là phần thứ bảy.

28. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARIYA (Uttariyattherāpadānam) 983. Lúc bấy giờ, tôi là con cá sấu ở bờ sông Candabhāgā. Gắn bó với khu vực kiêm ăn của mình, tôi đã đi đến bên đò của con sông. 984. Vào thời điểm ấy, bậc Tự Chủ Siddhartha, nhân vật cao cả ấy, có ý đinh vượt qua dòng sông nên đã đi về phía bến đò của con sông. 985. Và khi đấng Toàn Giác tiến đến !gần, tôi cũng đã tiến đến gần nơi ấy. Toi đã đi đen gan bạc Toan Giác va đã thót len lơi noi nay: 986. “Bạch đấng Đại Anh Hùng, xin hãy ngự lên [ở lưng], tôi sẽ đưa Ngài sang [sông], là địa phận thuộc về tôi do tổ tiên truyền lại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, xin hay thương xốt [đến t6i]." 987. Nghe được tiếng kêu gào của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã ngự lên [ở lưng]. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông]. 988. ở bờ bên kia của dòng sông, tại nơi ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã an ủi tôi rằng: "Ngươi sẽ đạt được bất tử."

3 Dhūpadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) khói hương (dhūpà), tức là xông khói có mùi thơm."

4 Puỉỉnapụịaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) cát (pulinà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 75

989. Sau khi chết đi, lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng. 990. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc bảy lần. Tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương, chúa tể của trái đất ba lần. 991. Gắn bó với sự độc cu, cẩn trọng và khéo thu thúc, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 992. [Ke từ khi] tôi đã đưa đấng Nhân Ngưu sang [sông] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông]. 993. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sau thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uttariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão uttariya" là phần thứ tám.

29. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKAÑJ ALIKA (Ekaiyalikattherāpadānam) 994. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, đấng Xa Phu Cao Quý, vị Anh Hùng Của Nhân Loại, đấng Hướng Đạo, đang đi ở khu phố chợ. 995. Sau khi nhìn thây vi Huân Luyện Viên cho người chưa được huân luyện, bậc Đại Hùng Biện, đấng Đại Trí như thế ấy, được tinh tín, tôi đã chắp tay lại với tâm ý vui mừng. . Z 996.e Ke từ khi tôi.kđã thực ĩ hiện việc chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn -g 2 n < . r kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc chăp tay. 997. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekañjalika5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Ekañj alikaṃ là phần thứ chín.

30. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KHOMADÃYAKA (Khomadãyakattherũpadũnam) 998. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thương buôn ở thành phố Bandhumatī. Chính nhờ thế, tôi cấp dưỡng người vợ và gieo trồng sự thành tựu về nhân lành. 999. Trong khi bậc Đại Ấn Sĩ Vipassī đang đi ở trên đường, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư một tấm vải sợi lanh

nhằm mục đích hành thiện. 1000. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải sợi lanh trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải sợi lanh.

5 Ekañjalika nghĩa là "vi có một lần (ekā) chắp tay (añjali)y

1001. Trước đây hai mươi bảy kiêp, tôi đã là Sindhavasandana, vị chúa tê độc nhất ở bon châu lục, được thành tựu bảy loại báu vật. 1002. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Khomađâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Khomadãyaka?, là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị Subhũti, vị upavãna, vị có sự nương nhờ, vị gìn giữ giới, vị ngợi ca về vật thực, VỊ [cúng dường] khói hương, vi [dâng cúng] cát, cùng với vị Uttariya, VỊ có sự chắp tay và vị dâng cúng tấm vải sợi lanh, chính là mười [ký sự] thuộc phần thứ ba. Một trăm tám mươi lăm câu kệ đã được nói lên và tát cả đã được gộp chung lại. Phẩm Subhati là phẩm thứ ba. (Dứt tụng phẩm thứ tư).

6 Khomadâyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) tấm vải sợi lanh (khoma)y

IV PHẨM KUNDADHĀNA (KUNDADHANAVAGGO}

31. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUNDADHĀNA (Kundadhānattherāpadānam) 1003. Vào lúc đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả thiền tịnh bảy ngày, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng tôi đã hâu cận đức Phật tôi thượng. 1004. Sau khi biết được thời điểm bậc Đại Hiền Trí Padumuttara đã xuất khỏi [thiền], tôi đã cầm lấy nải chuối lớn và đã đi đến gần [Ngài], 1005. Đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận trái cây ấy. Trong lúc làm cho tâm tôi được tịnh tín, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng [trái cây áy], 1006. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Giác, bậc Xa Phu Vô Thượng đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này: 1007. ÊÍCác cộng đồng dạ-xoa nào sống ở ngọn núi này, các hạng chúng sanh nào sống ở rừng hãy lắng nghe lời nói của Ta. 1008. Người nào đã hầu cận đức Phật, tợ như con sư tử vua của loài thú, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lang nghe Ta nói. 1009. Người này đây sẽ trở thành vi Thiên vương mười một lần. Và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần. 1010. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 1011. Người này sẽ mắng nhiếc các vị Sa-môn có giới hạnh không còn lậu hoặc, và sẽ nhận lấy biệt danh do quả thành tựu của ác nghiệp. 1012. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kundadhāna.,, 1013. Được gắn bó với sự cô tịch, chứng thiền, thỏa thích về thiền, tôi đã làm vui lòng bậc Đạo Sư và tôi song không còn lậu hoặc. 1014. Được các vi Thinh văn hàng đầu vây quanh, được hội chúng Tỳ-khưu tháp tùng, đấng Chiến Thắng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru và đã bảo người rút thẻ bốc thăm. 1015. Sau khi đắp y một bên vai, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo

Thế Gian,

78 KINH TIẾU BÔ

và ở trước bậc cao quý trong sô các vị đang thuyêt giảng, tôi đã rút được [thẻ bốc thăm] đầu tiên. 1016. Do việc làm ấy, đức Thế Tôn, bậc Làm Rung Động Mười Ngàn [Thế Giới] đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế hàng đầu. 1017. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cung ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1018. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kundadhāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kundadhāna" là phần thứ nhất

32. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SÃGATA (Sāgatattherāpadānam) 1019. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Sobhita. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, tôi đã đi đến tu viện. 1020. Vào thời điểm ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân sau khi bước ra khỏi cổng tu viện đã đứng lại. 1021. Tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đã Được Rèn Luyện ấy được tháp tùng bởi các vị đã được rèn luyện. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 1022. "Những loại nào là thảo mộc, tất cả các loại ấy đều tăng trưởng ở trên đất. Tương tợ như thế, các chúng sanh có sự giác ngộ được phát triển ở trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 1023. Ngài là bậc Xa Phu có trí tuệ và là bậc Đại Ẩn Sĩ đối với đam đông dân chúng. Ngài nâng đỡ họ ra khỏi con đường sai trái và nói cho họ về đạo lộ. 1024. Ngài là bậc Đã Được Rèn Luyện, được vây quanh bởi các vị đã được rèn luyện, là bậc Chứng Thiền cùng với các vị được thỏa thích về thiền, là bậc Có Sự Nhiệt Tâm cùng với những vị có tính khẳng quyết và an tịnh như thế ấy. 1025. Được tô điểm bởi đoàn tùy tùng có phước đức và trí tuệ, Ngài chói sáng. Hào quang của Ngài tỏa ra giống như [ánh sáng] trong lúc mặt trời mọc.,^ 1026. Sau khi nhìn thấy tâm đã được tinh tín [của tôi], bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1027. "Người Bà-la-mon nào đã khởi lên niềm vui và tán dương về Ta, người ấy sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp. 1028. Bởi vì sau khi mệnh chung từ cõi trời Bẩu-suất, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức The Tôn Gotama. 1029. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, [người ấy] sẽ đạt được phẩm vị A-la-hán, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư và sẽ có tên là sugata."

THÁNH NHÂN KÝ sự 79

1030. Sau khi xuất gia, tôi đã lìa bỏ ác nghiệp bằng thân. Sau khi dứt bỏ nết xấu về lời nói, tôi đã làm thanh tịnh về sự nuôi mạng sống. 1031. Trong khi sống như vậy, tôi được rành rẽ về các bản thể của [đề mục] lửa. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 1032. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sâgata đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sāgataṃ là phần thứ nhì.

33. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAHÃKACCẢNA ụyiahâkaccãnattherữpadãnam) 1033. Ngôi bảo tháp của đấng Bảo Hộ Padumuttara tên là Paduma. Tôi đã cho xây dựng bảo tọa bằng đá và đã cho thếp vàng. 1034. Sau khi nâng cao chiếc lọng che làm bằng châu báu và chiếc quạt lông đuôi bò, tôi đã dâng đến đức Phật là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian như thế áy. 1035. Khi ấy, cho đến chư thiên ở địa cầu, tất cả đã tụ hội lại [nói rằng]: “Ngài sẽ thuyết giảng về quả thành tựu của những chiếc lọng che làm bằng châu báu. 1036. Và khi bậc Đạo sư đang thuyết giảng, chúng ta sẽ lắng nghe tất cả điều ấy. Chúng ta có thể làm sanh khởi niềm vui thích hơn nữa đối với giáo pháp cua đấng Chánh Đẳng GÌM" 1037. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở bảo tọa bằng vàng đã nói lên những lời kệ này: y

1038. uBảo tọa làm băng vàng và châu báu này được dâng cúng bởi người nào, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1039. Người ây sẽ là vi Chúa của chư thiên cai quản thiên quôc ba mươi kiếp và sẽ ngự trị khu vực xung quanh một trăm do-tuần bằng hào quang. 1040. Sau khi đi đến thế giới nhân loại, [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương tên Pabhassara và sẽ có oai lực nổi bật. 1041. Dâu là ban ngày hoặc ban đêm, vi Sát-đê-lỵ sẽ rực sáng ở xung quanh tám ratana (hai mét), tợ như mặt trời đã mọc lên. 1042. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sê xuất hiện ở thế gian. 1043. Sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Dẩu-suất, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ trở thành thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Kaccâna. 1044. về sau, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vi A-la-hán, không còn

lậu hoặc. Đức Gotama, đấng Quang Đăng Của Thế Gian, sẽ thiết lập vào vị thế hàng đầu. 1045. [Người ấy] sẽ giảng giải một cách chi tiết về câu hỏi đã được hỏi một cách tóm tắt. Và trong khi giảng giải về câu hỏi ấy, [người ấy] sẽ làm thỏa mãn tâm tư [của người hoi\y 1046. Được sanh ra cao quý trong gia tộc giàu có, tôi đã là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật. Sau khi từ bỏ các tài sản và lúa gạo, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 1047. Tôi giảng giải một cách chi tiết cho những người đang hỏi, cho dầu [hỏi] một cách tóm tắt. Tôi làm thỏa mãn tâm tư của những người ấy, tôi làm cho bậc Tối Thượng Nhân hoan hỷ. 1048. Được hoan hỷ về tôi, đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả9 sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 1049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahākaccāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Mahãkaccãna^ là phần thứ ba.

34. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KẢLUDÃYĨ (KãỊudâyittherãpadãnam) 1050. Lúc bấy giờ, đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi du hành đường xa. 1051. Sau khi cầm lấy đóa sen hồng khéo được nở rộ, cùng với đóa sen xanh và bông hoa nhài, tôi đã cam lay món cơm thượng hạng và đã dâng cúng đến bậc Đạo sư. 1052. Đấng Đại Hùng đã thọ dụng món cơm thượng hạng có thức ăn tuyệt hảo. Và Ngài đã cầm lấy bông hoa ấy rồi đã đưa ra cho dân chúng xem. [Ngài nói:] 1053. "Hoa sen là loài hoa tôi thượng, đáng quý, đáng mên, đáng yêu ở thê gian. Người nào đã

dâng cúng bông hoa này đên Ta, người ấy đã làm được việc làm vô cùng khó khăn. 1054. Người nào đã dâng lên bông hoa và đã dâng cúng món cơm thượng hạng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1055. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc mười tám lần. Sẽ có hoa sen xanh, luôn cả sen hồng và hoa nhài ở phía bên trên người ấy. 1056. Do quả thành tựu về phước báu của người này, tức thời sẽ có chiếc lọng che đượm mùi hương cõi trời được tạo ra và sẽ được duy trì ở trên không trung. 1057. [Người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần, và sẽ ngự trị năm trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

THÁNH NHÂN KÝ sự 81

5 1 • Ắ r Ă A T 1 A A 1058. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 1059. Được hài lòng với nghiệp của chính mình, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ trở thành bà con quyến thuộc, là nguồn đem lại niềm hoan hỷ cho dong họ Sakyã. 1060. về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc. 1061. Đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Gotama ấy sẽ thiết lập vị đã đạt được các Jtuệ] phân tích, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc [ấy] vào vị the toi thắng. 1062. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tinh, không còn mầm mống tái sanh, người ấy sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, [và sẽ] có tên là Udayi.^ 1063. Tham, sân, si mê, ngã mạn và gièm pha đều bị tiêu hoại. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 1064. Là người có sự tinh cần, cẩn trọng, tôi cũng đã làm vui lòn^ đấng Toàn Giác. Và đấng Toàn Giác được hoan hỷ, đã thiết lập tôi vào vị thế toi thắng. 1065. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kāludāyī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão KāludāyF5 là phần thứ tư.

35. KÝ SựVỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA(Mogharāfattherāpadānam) 1066. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác Atthadassĩ, đấng Tự Chủ, bậc Không Bi Đánh Bại, đã bước đi ở trên đường lộ, được hội chúng Tỳ-khưu tháp tùng. 1067. Được tùy tùng bởi những người học trò, tôi đã lìa khỏi căn nhà. Sau khi đi ra khỏi nơi áy, tôi đã nhìn thay đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1068. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã ngợi ca đang Lãnh Đạo Thế Gian: 1069. “Cho đến các chúng sanh thuộc sắc giới, vô sắc giới, hoặc vô tưởng, tất cả các chúng sanh ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài. 1070. Người nào dùng tấm lưới lỗ nhỏ vây quanh nước, bất cứ loài sinh vật nào ở trong nước, chúng đều ở trong tấm lưới. 1071. Chún^ sanh thuộc sác giới và vô săc giới là có tâm tư, tát cả các chúng sanh ấy đêu được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài. 1072. Ngài tiếp độ thế gian dẫy đầy tăm tối này. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bọn họ vượt qua được luồng [suy nghĩ về] hoài nghi. 1073. Thế gian bị bao trùm bởi vô minh, bị tràn ngập bởi bóng tối. Trong khi trí tuệ của Ngài đang chiếu sáng, các bóng tôi đều bi tiêu diệt.

82 KINH TIẾU Bộ

1074. Ánh mắt của Ngài là sự xua đi bóng tối lớn lao của tất cả [chúng sanh]. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, nhiều người được Niết-bàn. 1075. Sau khi đã đổ đầy mật Oĩ^g tinh khiết vào cái hũ, tôi đã nâng lên bằng cả hai tay và đã dâng đến bậc Đại An Sĩ. 1076. Đấng Đại Hùng, bậc Đại Ẩn Sĩ đã tự tay thọ nhận. Và sau khi thọ dụng [mật ong] ấy, đấng Toàn Tri đã bay lên khoảng không ở bầu trời. 1077. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư Atthadassí, đấng Nhân Ngưu, trong khi làm tâm của tôi được tịnh tín, đã nói lên những lời kệ này: 1078. "Người nào đã tán dương trí tuệ này, đã ngợi ca đức Phật tối thượng, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến chốn khổ đau. 1079. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc mười bốn lần và sẽ ngự trị tám trăm quốc độ thuọc đất liền ở trai đất. 1080. Rồi [n^ười ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, sẽ cai quản vô sô xứ sở và quôc độ ở trái đát. 1081. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, [người ấy] sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 1082. [Người ấy] sẽ dùng trí tuệ suy xét về ý nghĩa thâm sâu vi tế và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Su, có tên là Mogharāja. 1083. [Người ấy] sẽ được thành tựu ba minh, sẽ là vị có phận sự đã được làm xong ya sẽ trở thành bậc Khônệ Còn Lậu Hoặc. Đấng Xa Phu Cao Cả Gotama sẽ thiết lập [người ấy] vào vị the tối thắng?5 1084. Sau khi từ bỏ sự gắn bó liên quan đến loài ngiròi, sau khi cắt đứt mối ràng buộc đối với sự tái sanh, sau khi biết toàn diện ve tất cả các lậu hoặc, tôi song không còn lậu hoặc. 1085. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mogharāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Mogharāja^ là phần thứ năm.

36. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ADHIMUTTA (Adhimuttattherāpadānam) 1086. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassĩ đã Niết-bàn5 tôi đã hộ độ hội chúng Tỳ-khưu với tâm ý trong sạch. 1087. Sau khi thỉnh mời hội chúng quý báu có bản the chính trực đã được định tĩnh, tôi đã thực hiện mái che băng cây mía và đã phục vụ bữa ăn đên hội chúng tối thượng. 1088. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1089. Ke từ khi toi đã dâng cúng vát thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây mía.

THÁNH NHÂN KÝ sự « 83

1090. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Adhimutta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Adhimutta” là phần thứ sáu.

37. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO LASUNADÃYAKA (Lasunadāyakattherāpadānam) 1091. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị đạo sĩ khổ hạnh ở không xa núi Hy-mã-lạp. Tôi sống bằng củ toi, củ tỏi là thực phẩm của toi. 1092. Tôi đã chất [tỏi] đầy các túi xách rồi đã đi đến tu viện dành cho hội chúng. Được mừng rỡ? tôi đã dâng cúng củ tỏi đến hội chúng với tâm mừng rỡ. 1093. Sau khi dâng cúng củ tỏi đến hội chúng đã được thỏa thích trong giáo pháp của bậc Tôi Thượng Nhân Vipassī, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiêp. 1094. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ tỏi trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của các củ tỏi. 1095. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và

sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Lasunadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Lasunadāyaka" là phần thứ bảy.

38. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÃYẢGADẢYAKA (Āyāgadāyakattherūpadānam) 1096. Khi đấnệ Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vi đang thuyết giảng đã Niết-bàn, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ ngôi bảo tháp tối thượng. 1097. Khi ấy, sau khi thảo luận với những người thợ mộc, tôi đã dâng cúng phần tài chánh. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã cho xây dựng ngôi sảnh đường dài. 1098. Tôi đã sống ở giữa chư thiên tám kiếp không bị gián đoạn. Trong các kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người]. 1099. Chất độc không ngấm vào cơ thể, các loại vũ khí không hãm hại được tôi, tôi không bị chết đuối ở trong nước; điều này là quả báo của ngôi sảnh đường dài. 1100. Nếu tôi ao ước cơn mưa thì có đám mây lớn đổ mưa xuống, ngay cả chư thiên cũng chịu sự điều khiên của tôi; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1101. Tôi đã là [đấng Chuyển Luân Vương] được thành tựu bảy loại châu báu ba mươi lần, không người nào chê bai tôi; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1 Lasunadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) tỏi (ỉasuna)y

1102. [Ke từ khi] tôi đã cho thực hiện ngôi sảnh đường dài trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ngôi sảnh đường dài. 1103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āyāgadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4ẾKý sự về Trưởng lão Ãyãgadãyaka^ là phần thứ tám.

39. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DHAMMACAKKIKA (Dhammacakkikattherāpadānam) 1104. Phía trước bảo tọa sư tử của đức Thế Tôn Siddhartha, tôi đã thiết lập bánh xe pháp đã được làm khéo léo, đã được ngợi khen bởi các bậc trí thức. 1105. Với dáng vóc lịch sự, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi được rực rỡ. Nhiều người thường xuyên gắn bó, vây quanh tôi. 1106. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn phục vụ tôi, với đoàn tùy tùng tôi được rực rỡ; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1107. [Ke từ khi] tôi đã thiết lập bánh xe [pháp] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh xe pháp. 1108. Trước đây mười một kiếp, đã có tám vị thống lãnh dân chúng cùng tên Sahassarāja, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1109. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhammacakkika3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Dhammacakkika" là phần thứ chín.

40. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KAPPARUKKHIYA (Kapparukkhiyattherāpadūnam) 1110. ở phía trước ngôi bảo tháp tối thượng của đức Thế Tôn Siddhattha, tôi đã treo giăng những tấm vải nhiều màu sắc và đã thiết lập cây như ý. 1111. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có cây như ý rực rỡ hiện diện ở cánh cửa lớn của tôi. 1112. Tôi và luôn cả nhóm tùy tùng là những người sống nương tựa vào

tôi, chúng tôi luôn luôn lấy vải từ cây như ý ấy rồi mặc vào. 1113. Ke từ khi tôi đã thiết lập cây [như ý] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cây như ý.

2 Āyāgadāyaka nghĩa là dâng cúng {dāyako) sảnh đường dài (ãyãga)y 3 Dhammacakkika nghĩa là có bánh xe (cakkă) giáo pháp (dhammā)^

THÁNH NHÂN KÝ sự 85

1114. Và trước đây vào kiếp thứ bảy, đã có tám vi Sát-đế-lỵ tên SuceỊa, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1115. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kapparukkhiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kapparukkhiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị Kunda, vị Sāgata, vị Kaccāna, vị Udāyi, vi Mogharāja, vị Adhimutta, vị dâng cúng củ tỏi, vị có sảnh đường dài, vi liên quan bánh xe pháp và vị có cây như ý là thứ mười, [tổng cộng] là một ngàn hai trăm câu kệ. Phẩm Kundadhāna là phẩm thứ tư.

4 Kapparukkhiya nghĩa là 4tvị liên quan đến cây (rukkhā) như ý (kappàyy

86 KINH TIÊU BÔ

VPHẢMUPÃLI (UPÃLIVĂGGƠ)

41. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHẢGINEYYA-UPÃLI (Bhāgineyya- Upãlittherãpadãnam) 1116. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu. Gắn bó với sự độc cư, Ngài ra đi [một mình] để thiền tịnh. 1117. Là vi trang phục băng da dê mang theo ba gậy chông [đê máng vật dụng], tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu. 1118. Tôi đã đắp tấm da dê ở một ben vai rồi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 1119. "Giống như các loài sanh ra trong quả trứng, các loài [sanh ra] ở nơi ẩm thấp, các loài có sự hóa sanh, các loài sanh ra từ nước, tất cả các loài có cánh như các con quạ, v.v... luôn luôn có sự di chuyển ở không trung. 1120. Bất cứ hạng nào có mạng sống và sự hiện hữu dầu là hữu tưởng hoặc VÔ tưởng, tát cả các hạng ây đêu được bao gôm ở trong trí tuệ của Ngài. 1121. Và các hương thơm nào thuộc núi non ở ngọn núi Hy-mã-lạp tối thượng, tất cả các hương thơm ấy cũng không sánh bằng một phần giới [hương] của Ngài. 1122. Thế giới này luôn cả chư thiên bị lao vào sự tăm tối của si mê. Và trí tuệ của Ngài trong lúc chiếu sáng đã hủy diệt các sự tăm tối. 1123. Giống như khi mặt trời đã lặn, các chúng sanh đi đến sự tối tăm; tương tợ như vậy, khi đức Phật không xuất hiện, thế gian đi đến sự si mê. 1124. Bạch đức Phật tối thượng, giống như mặt trời đang mọc lên luôn luôn làm tiêu tan bóng tối, tương tợ y như thế, Ngài luôn luôn tiêu diệt sự si mê. 1125. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, Ngài là đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên. Do đã được hài lòng với việc làm của Ngài, Ngài đã làm cho nhiều chúng sanh được hoan hỷ." 1126. Sau khi tùy hỷ với toàn bộ sự việc ấy, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara, đấng Trí Tuệ đã bay lên không trung, tợ như loài thiên nga chúa ở trên bầu trời. 1127. Sau khi đã bay lên, bậc Toàn Giác, vị Đại Ẩn Sĩ

Padumuttara, đấng Đạo Su, đứng trên không trung đã nói lên những lời kệ này:

THÁNH NHÂN KÝ sự 87

1128. "Người nào ca ngợi trí tuệ này bằng cách liên hệ với các ví dụ so sánh, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1129. Người ấy sẽ trở thành vị Thiên vương mười tám lần, và sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất ba trăm lần. 1130. Và [người áy] sẽ trở thành đang Chuyên Luân Vương hai mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 1131. Vào một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuât thân gia tộc Okkâka, sẽ xuất hiện ở thế gian. 1132. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, [người ấy] sẽ có tên là upâli dầu là hạ tiện về dòng dõi. 1133. Và về sau, người ấy sẽ xuất gia và sẽ từ bỏ điều ác. Sau khi biết toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, [người áy] sẽ Niêt-bàn không còn lậu hoặc. 1134. Được hoan hỷ, đức Phật Gotama, người con trai dòng Sakyā có danh vọng lớn lao ấy, sẽ thiết lập vi đã được hiểu biết về Luật ấy vào vị thế tối thắng?9 1135. Do đức tin, tôi đã xuất gia, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 1136. Và đức Thế Tôn đã thương tưởng đến tôi. Tôi có sự tự tin về Luật. Được hài lòng với nghiệp của chính mình, tôi sống không còn lậu hoặc. 1137. Được thu thúc trong Giới bổn (Pãtimokkha) và ở năm giác quan, tôi nắm giữ toàn bộ tất cả về Luật là nguồn phát sanh lên châu báu. 1138. Và bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian đã biết được đức hạnh của toi. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru, Ngài đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 1139. Bổn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Upãli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Bhāgineyya-Upāli^ là phần thứ nhất

42. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SONAKOTIKANNA (Sonakotikannattherāpadānam) 1140. Tôi đã thực hiện sự tô trét bằng vôi bột và đã cho xây dựng đường kinh hành của bậc Hiền Trí Anomadassĩ, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. ' 1141. Tôi đã trải lót đường kinh hành với những bông hoa có màu sắc khác nhau. Sau khi thực hiện mái che ở không trung, tôi đã chăm lo bữa ăn đến đức Phật tối thượng.

88 KINH TIỂU BÔ

1142. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp. Khi ấy, tôi đã dâng tặng ngôi giảng đường dài đến đức Thế Tôn. 1143. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Su, đấng Vô Thượng ở Thế Gian, đức Thế Tôn, bậc Hưu Nhãn đã thọ ĩủiận, vì lòng bi mẫn. 1144. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Xứng Đáng Cúng Dường [ở thế gian] luôn cả chư thiên đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 1145. "Người nào với tâm mừng rỡ đã thực hiện ngôi giảng đường dài cho Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 1146. Vào thời điểm tử biệt của người có được nghiệp phước thiện này, ngay lập tức sẽ hiện diện cỗ xe ngựa được thắng một ngàn con. 1147. Người nam này sê đi đên thê giới chư thiên băng cô xe ây. Khi sự việc tốt lành được thành tựu, chư thiên sẽ tùy hỷ. 1148. [Người này] sẽ cư ngụ ở cung điện

có các nhà mái nhọn cao quý, vô cùng giá trị, đứng đầu trong các cung điện, có vữa tô là châu báu và đất sét. 1149. [Người này] sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành vị Thiên vương trong hai mươi lăm kiếp. 1150. Và [người này] sẽ trở thành đang Chuyên Luân Vương bảy mươi bảy lần. Tất cả các vị ấy đều có chung một tên là Yasodhara với cùng ý nghĩa. 1151. Sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu va gom góp sự tích lũy về phước thiện, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở kiếp thứ hai mươi tám. 1152. Cũng ở tại nơi ấy, có cung điện cao quý đã được hóa hiện ra bởi vi Trời Vissakamma. [Người này] sê cư ngụ tại thành phố được náo nhiệt với mười loại tiếng động ấy. 1153. Vô lượng kiếp về sau, [người này] với tên là Okkâka sẽ là vị vua ở trong xứ sở, là đấng bảo hộ trái đất có đại thần lực. 1154. Và người nữ cao quý ấy trong số tất cả mười sáu ngàn nữ nhân, là vị nữ Sát-đế-lỵ đã được sanh ra cao quý, sẽ hạ sanh chín người con. 1155. Sau khi sanh chín người con, người nữ Sát-đế-lỵ sẽ chết đi. Một người nữ khác trẻ trung và yêu dấu sẽ làm hoàng hậu chánh cung. 1156. Sau khi làm đức vua Okkâka vui thích, người con gái sẽ đạt được sự ưu đãi. Sau khi đạt được sự ưu đãi, người con gái ấy sẽ lưu đày các người con. 1157. Và những người con bị lưu đày ấy sẽ đi đến ngọn núi [Hy-mã-lạp] tối thượng. Do nỗi lo sợ vì sự chia lìa dòng dõi, tất cả bọn họ đã sống chung với các người chi. 1158. Và một người con gái sẽ bị thương tổn bởi nhiều căn bệnh. Các vị Sát-đế-lỵ sẽ vùi lấp [nàng ở trong hố đất, nói rằng]: uChớ tách rời dòng dõi của chúng ta."

THÁNH NHÂN KÝ sự 89

1159. Có vi Sát-đế-lỵ sẽ đưa nàng ấy đi rồi sống cùng với nàng ấy. Lúc bấy giờ, sự chia lìa có nguồn gốc gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện. 1160. Hậu duệ của hai vi ấy sẽ thuộc về dòng dõi tên là Koliya. Họ thọ hưởng của cải thuộc về nhân loại ở tại nơi ấy không phải là ít. 1161. Sau khi mệnh chung từ xác thân ấy, [người này] sẽ đi đến thế giới chư thiên. Cũng ở tại nơi ấy, [người này] sẽ có được cung điện cao quý, thích ý. 1162. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, [người này] sẽ đi đến bản thể loài người và sẽ có tên là Sona. 1163. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, trong khi đang nỗ lực ở trong giáo pháp của bậc Đạo sư, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn? không còn lậu hoặc. 1164. Đức Thế Tôn Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, vi có sự thấy không giới hạn, bậc có sự biết toàn diện, đang Đại Hùng sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thang?9 1165. Tôi đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, tâm của tôi đã khéo được củng cố, tất cả nhiệm vụ đã được đặt xuống, tôi đã Niết-bàn, không còn lậu hoặc. 1166. Đấng Long Tượng dòng dõi Añgīrasa, tợ như con sư tử đã được sanh ra tốt đẹp, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 1167. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sonakotikanna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sonakotikanna" là phần thứ nhì.

43. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KĀLIGODHĀPUTTA BHADDIYA (KāUgodhāputtabhaddiyattherāpadūnam) 1168. Tất cả mọi người đi đến đức Toàn Giác Padumuttara, bậc Đại Hiền mr ,.A . on Ạ Ả Ẩ 1 1 0 • Trí có tâm từ ái, đang Lãnh

Đạo cao cả của toàn thê thê gian. 1169. Tất cả [mọi người] dâng cúng vải vóc, luôn cả chỗ nằm ngồi, thực phẩm, thức ăn và nước uống đến bậc Đạo sư [và] ở phước điền vô thượng. 1170. [Nghĩ rằng]: “Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí đến vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy", tôi đã thỉnh mời đức Phật tối thượng và luôn cả hội chúng vô thượng. 1171. Và được tôi khh le, những người này đã thỉnh mời đức Như Lai và toàn thê hội chúng Tỳ-khưu là phước điên vô thượng. 1172. Tôi đã sửa soạn chiếc ghế bành bằng vàng [trị giá] một trâm ngàn, được phủ thảm lông cừu, [được làm] bằng sợi len, bông gòn, chỉ lanh và bông vải, là chỗ ngồi vô cùng giá tri xứng đáng với đức Phật.

90 KINH TIỂU BỔ

1173. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đã đi đến cửa nhà của tôi. 1174. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian có danh tiếng, và đã rước Ngài vào căn nhà của mình. 1175. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã làm toại ý đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, và một trăm ngàn vị Tỳ-khưu với món cơm thượng hạng. 1176. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1177. "Người nào đã dâng cúng chô ngôi băng vàng được phủ thảm len lông cừu này, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1178. Người ây sẽ cai quản thiên quôc bảy mươi bôn lân và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng. 1179. [Người ấy] sẽ ngự tri một ngàn xứ sở? vương quốc ở trái đất và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần. 1180. [Người ấy] sẽ là người có gia tộc cao sang trong số tất cả các dòng dõi xuất thân. Và về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vi Thinh văn của bậc Đạo Su, có tên là Bhaddiya." 1181. Gắn bó với sự độc cư, tôi đã cư ngụ ở nơi thanh vắng. Và tất cả các quả vi đã được tôi chứng dạt, giờ đây tôi có điều ô nhiễm đã được dứt bỏ. 1182. Biết rõ mọi việc của tôi, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 1183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhaddiya Kāligodhāyaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Bhaddiya KâĮigodhãputta" là phần thứ ba.

44. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SANNITTHĀPAKA (Sannitthāpakattherāpadānam) 1184. Sau khi tạo nên một liêu cốc nhỏ ở trong rưng, tôi sống ở trong vùng đồi núi, tự hài lòng với việc có hay không có, với việc có được danh tiếng hay không có danh tiếng. 1185. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến khu vực của tôi. 1186. Khi bậc Đại Hùng tên Padumuttara đi đến gần? tôi đã chuẩn bị tấm thảm cỏ và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. 1187. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng trái āmanda và nước uông đên bậc có bản thê chính trực.

THÁNH NHÂN KÝ sự 91

1188. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của trái āmanda. 1189. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vi Arindama độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sannitthāpaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Sannitthāpaka" là phần thứ tư.

45. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA (PañcahatthiyattherāpadSnam) 1191. Bậc Toàn Giác tên Sumedha đi ở khu phô chợ, có mát nhìn xuông, có lời nói cân nhắc, có niệm, có giác quan thu thúc. 1192. [Dân chúng] đã mang đên tôi năm bó hoa sen xanh đê làm vòng hoa đội đầu. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường vật ấy đến đức Phật. 1193. Và những bông hoa được dâng lên ấy đã trở thành mái che cho bậc Đạo Sư, và đã di chuyên theo đang Long Tượng giông như những người học trò di chuyển theo người thầy. 1194. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa cho đến ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1195. Trước đây hai ngàn kiếp, đã có năm vị Sát-đế-lỵ cùng tên Hatthiya, là các đang Chuyên Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1196. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trường lão Pañcahatthiya^ là phần thứ năm.

46. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMACCHADANIYA (Padumacchadaniyattherāpadānam) 1197. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Vipassī, nhân vật cao cả đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy đóa sen hồng khéo được nở rộ dâng lên giàn hỏa thiêu. 1198. Và khi bông hoa được dâng lên giàn hỏa thiêu, nó đã bay lên hư không bầu trời. Tôi đã tạo nên và đã duy trì mái che ở không trung, nơi giàn hỏa thiêu. 1199. [Ke từ Idii] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.*

Pañcahatthiya nghĩa là liên quan đến năm (pañca) bó (hatthà) hoa sen xanh.,,

92 KINH TIẾU Bộ

1200. Trước đây bốn mươi bảy kiếp, [tôi đã là] đấng Chuyển Luân Vương tên Padumissara, là người chinh phục bốn phương, có oai lực lớn lao. 1201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumacchadaniya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Padumacchadaniya^ là phần thứ sáu.

47. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAYANADẢYAKA (Sayanadāyakattherāpadānam) 1202. Chiếc giường cao quý được trải lên bằng các lớp vải đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhartha, vị có tâm từ ái như the ấy. 1203. Đức Thế Tôn đã thọ nhận chỗ nằm ngồi thích hợp. Đấng Chiến Thắng đã từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bay lên không trung. 1204. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiec giường.

1205. Trước đây năm mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị tên Varuna Deva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1206. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt).. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sayanadãyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sayanadãyaka^ là phần thứ bảy.

48. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CAÑKAMADĀYAKA (CañkamadāyakattherSpadānam) 1207. Sau khi gom góp các viên gạch, tôi đã cho xây dựng đường kinh hành của đấng Hiền Trí Atthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 1208. Đường kinh hành đã được kiến tạo tốt đẹp, cao năm ratana (một mét hai lăm), dài một trăm cánh tay (năm mươi mét), đáng được trân trọng, thích ý. 1209. Đức Thế Tôn, đấng Tối Thượng Nhân Atthadassĩ đã thọ nhận. Ngài đã cam lay cát bang bàn tay và đã nói lên những lời kệ này: 1210. "Do sự dâng cúng cát và đường kinh hành đã khéo được xây dựng này, [người ấy] sẽ thọ hưởng cát có chứa đựng bảy loại châu báu. 1211. [Người áy] sẽ cai quản thiên quôc ở giữa chư thiên ba kiêp và sẽ thọ hưởng sự thành dạt, được các tiên nữ trọng vọng. 1212. Sau khi đi đến thế giới nhân loại, [người ấy] sẽ là đức vua ở quốc độ. Và người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở trái đất ba lần."

2 Padumacchadaníya nghĩa là 44vị liên quan đến mái che (chadana) bằng hoa sen hồng (padumà)y 3 Sayanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) chiếc giường (sayanà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 93

1213. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của đường kinh hành. 1214. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Cañkamadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Cañkamadāyaka95 là phần thứ tám.

49. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUBHADDA (Subhaddattherāpadānam) 1215. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có danh vọng lớn lao, đã tiếp độ đám đông dân chúng rồi Niết-bàn. 1216. Và trong khi bậc Toàn Giác đang Niết-bàn, mười ngàn [thế giới] đã rung động. Khi ấy, đã có tập thể dân chúng đông đảo và chư thiên đã tụ hội lại. 1217. Sau khi cúng dường trâm hương cùng với các loại bột thơm và hoa nhài, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ? tôi đã thoa lên đấng Tối Thượng Nhân. 1218. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian, bậc Toàn Giác ngay khi đang nằm đã nói lên những lời kệ này: 1219. "Ngu&i nào đã phủ lên [cơ thể Ta] bằng vật thơm và tràng hoa vào thời điểm cuối cùng của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta noi. 1220. Mệnh chung ở đây, người nam này sẽ đi đến cõi trời Đẩu-suất. Sau khi cai quản vương quốc ở tại nơi ấy, người ẩy sẽ đi đến cõi Hóa Lạc thiên. 1221. Sau khi cúng dường tràng hoa cao quý tối thượng theo phương thức này đây, được hài lòng với nghiệp của chính mình, người ây sẽ thọ hưởng sự thành đạt. 1222. Người nam này cũng sẽ tái sanh ở cõi trời Đẩu-suất lần nữa. Sau khi mệnh chung từ cõi trời ây [người này] sẽ đi đên bản thê nhân loại. 1223. Người con trai dòng Sakyā, đang Long Tượng cao cả ở thê gian luôn cả chư thiên, bậc Hữu

Nhãn sẽ giúp cho nhiêu chúng sanh giác ngộ rồi sẽ Niết-bàn. 1224. Trong khi đã thành đạt sự xuất gia [làm đạo sĩ], được thúc đây bởi nhân tố trong sạch [người này] sẽ đi đến gặp bậc Toàn Giác, và khi ấy sẽ hỏi câu hỏi. 1225. Bậc Toàn Giác, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian sẽ làm cho [người này] vui vẻ. Sau khi biết toàn diện về hành động phước thiện, Ngài sẽ phô bày các chân lý [cao thượng]. 1226. Và được hài lòng về câu hỏi, người này sẽ hớn hở, có tâm chăm chú. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, [người này] sẽ cầu xin sự xuất gia.

4 Cañkamadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) đường đi kinh hành (cañkama)y

1227. Đức Phật ấy, bậc rành rẽ về giáo pháp cao cả, sau khi nhìn thấy [người này] có tâm tinh tín, hoan hỷ với nghiệp của mình, sẽ cho [người này] xuất gia. 1228. Sau khi nỗ lực trong giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác, sau khi biết A r \ toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, người nam này sẽ Niet-ban, không còn lậu hoặc?5 (Dứt tụng phẩm thứ năm). 1229. Được gắn liền với nghiệp quá khứ, có sự chăm chú, khéo được định tinh, tôi là người con trai chánh thống của đức Phật, đã được sanh ra từ giáo pháp, đã được tạo ra tốt đẹp. 1230. Sau khi đi đến gặp đấng Pháp Vương, tôi đã hỏi câu hỏi tối thượng. Và trong khi giảng giải về câu hỏi của tôi, Ngài đã đưa tôi vào dòng chảy giáo pháp. 1231. Sau khi hiểu được giáo pháp của Ngài, tôi đã sống, được thỏa thích trong giáo pháp. Sau khi biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, tôi sông không còn lậu hoặc. 1232. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã Niết- bàn, không còn chấp thủ, tợ như cây đèn đã tắt vì sự cạn kiệt về dầu thắp. 1233. Đã có ngôi bảo tháp làm băng châu báu cao bảy do-tuân. Tại nơi ây, tôi đã cúng dường ngọn cờ tót đẹp vê mọi mặt, làm thích ý. 1234. . Và vị: Thinh r văn. hàng r đầu r tên Tissa của đức Phật Kassapa, người thừa tự giáo pháp của đang Chiên Thăng, đã là con trai ruột của tôi. 1235. Do tâm ý kém cỏi, tôi đã nói lơi nói không tốt đẹp với vi ấy. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng vào thời điểm cuối cùng. 1236. Tại rừng cây sâla Upavattana, ở chỗ nằm cuối cùng, đấng Hiền Trí, bậc Đại Hùng, đấng Chiến Thắng, bậc có sự lợi ích và lòng bi mẫn? đã cho [tôi] xuất gia. 1237. Giờ dây, đúng ngày hôm nay là sự xuất gia, đúng ngày hôm nay là sự tu lên bậc trên, đúng ngày hôm nay là sự viên tịch Niết-bàn trong sự hiện diện của bậc Tối Thượng Nhân. 1238. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Subhadda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Subhadda" là phần thứ chín.

50. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CUNDA (Cundattherāpadānam) 1239. Sau khi cho thực hiện cây cột trụ danh cho đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã phủ lên bằng các bông hoa nhài.

1240. Sau khi làm hoàn tất, tôi đã đem bông hoa ấy lại gần đức Phật. Tôi đã cầm lấy phần còn lại của bông hoa và đã dâng lên đức Phật. 1241. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng,

tôi đã dâng tặng cây cột trụ bông hoa đến Ngài. 1242. Đấng Toàn Giác, bậc có sự nghi hoặc đã được loại trừ? được tháp tùng bởi những vị đã vượt qua các bộc lưu, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru đã nói lên những lời kệ này: 1243. "Người nào đã dâng cúng cột trụ bông hoa đang tỏa ra mùi hương của cõi trời đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1244. Mệnh chung ở đây, người nam này sẽ đi đến thế giới chư thiên, [và sẽ] được hội chúng chư thiên tôn trọng, được các bông hoa nhài phủ quanh. 1245. Được phát khởi từ nghiệp phước thiện, có chỗ tru ngụ cao vút làm bang vàng và ngọc ma-ni, có cung điện sẽ được hiện ra cho vị ấy. 1246. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bốn kiếp và sẽ thọ hưởng sự thành dạt, được các tiên nữ trọng vọng. 1247. [Người ấy] sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất ba trăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. 1248. [Người ấy] sẽ trở thành vị thống lãnh nhân loại tên là Dujjaya. Được nương tựa vào nghiệp của chính mình, [người ấy] sẽ thọ hưởng phước báu ấy. 1249. [Người ấy] sẽ không đi đến đọa xứ và sẽ đi đến bản thể nhân loại. Và số vàng không ít hơn một trăm koti (một tỷ) sẽ được tích lũy [cho người ấy]. 1250. Người ấy sẽ sanh vào dòng dõi Bà-la-môn và sẽ là người con trai ruột thông minh yêu dấu của [Bà-la-môn] Vañganta và bà Sārī. 1251. Và về sau, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Añgīrasa [Phật Gotama] và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Su, có tên là Cũlacunda. 1252. Người ấy sẽ trở thành bậc có lậu hoặc được đoạn tận ngay khi còn là vị Sa-di. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, người ấy sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.” 1253. Tôi đã phục vụ đấng Đại Hùng và nhiều vị hiền đức khác, và tôi đã hầu cận người anh trai của tôi nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 1254. Tôi đã phục vụ người anh trai của tôi/ tôi đã đặt Xá-lợi [của anh tôi] ở trong bình bát và đã trình lên đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 1255. Đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên đã cầm lấy bằng hai tay, và trong khi phô bày Xá-lợi ấy, Ngài đã tán dương vị Thinh văn hàng đàu.

5 Anh trai của vị Cunda này là Ngài Sāriputta, tức là vị Thinh văn hàng đầu.

1256. Tâm của tôi đã khéo được giải thoát, đức tin của tôi đã được thiết lập. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 1257. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Cunda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Cunda" là phần thứ mườĩ.

Phần tóm lược Vị Upli, vị Sona, vị Bhaddiya, vị Sannitthāpaka, vị Hatthiya, mái che, giường năm, đường kinh hành, vị Subhadda, vi tên Cunda; [tông cộng] có một trăm bốn mươi câu kệ và bốn câu thêm vào đó. Phẩm Ưpãlỉ là phẩm thứ năm.

VI. PHAMVĪJANĪ ąĨJANĨVAGGƠ)

51. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VIDHŪPANADĀYAKA (Vidhūpanadāyakattherāpadānam) 1258. Chiếc quạt đã được toi dâng cúng đến đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 1259. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn

Giác rồi ra di, mặt hướng phía Bắc. 1260. Sau khi cầm lấy chiếc quạt, bậc Đạo Su, đấng Vô Thượng ở Thế Gian trong khi đang đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này: 1261. "Do sự dâng cúng chiêc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người ấy] không sa vào đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.” 1262. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, được định tĩnh là đức tính của tâm, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1263. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp, đã có mười sáu vị vua tên Vījamāna là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1264. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vidhũpanadãyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ốKý sự về Trưởng lão Vidhūpanadāyaka^ là phần thứ nhất

52. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATARAMSIKA (Sataramsikattherāpadānam) 1265. Sau khi trèo lên tảng đá cao, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống. Tôi là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, [cư ngụ] ở không xa ngọn núi. 1266. Khi đấng Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, bậc Nhân Ngưu đã ngồi xuống, tôi đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 1267. "Vị này là đức Phật, đấng Đại Hùng, bậc giảng giải về giáo pháp cao quý, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu9 chói sáng như là đống lửa. 1268. Tợ như đại dương không bị suy suyển, tợ như biển cả khó mà vượt

1 Vỉdhũpanadãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) cái quạt (yidhũpana)y

qua, bậc Hữu Nhãn thuyết giảng giáo pháp tợ như [con sư tử], vua của loài thú lÂông bị hãi SỢƯ" 1269. Biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này: 1270. "Su chắp tay này đã được dâng cúng và đức Phật tối thượng đã được ngợi ca bởi người nào, [người ấy] sẽ cai quản thiên quốc ba mươi ngàn kiếp. 1271. Cho đên một trăm ngàn kiêp [vê sau này], bậc Toàn Giác tenAñgīrasa, vị đã dứt bỏ tội lỗi, sẻ hiện khni. 1272. [Người ấy] sẽ là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, là vị A-la-hán với tên Satararnsī.^ 1273. Vào lúc bảy tuổi tính tư khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có ánh sáng tỏa ra, [cho nên] tôi có tên là Sataramsī [frăm tia sáng]. 1274. ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi là người có thiền chứng, được thỏa thích về thiền. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1275. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp, [đã có] bốn vị có tên Râma là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1276. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sataramsika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. *55 là phần thứ nhì. 6ẾKý sự về Trưởng lão Sataramsika53

53. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAYANADÃYAKA (Sayanadāyakattherāpadānam) 1277. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chiếc giường đến đức Phật Padumuttara ấy, bậc Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian. 1278. Do sự dâng Cling chiếc giường ấy, có sự thành tựu của hạt giống [đã được gieo] ở thửa ruộng tót, các của cải được sanh lên cho tôi đây; điều này là quả báo của chiếc giường. 1279. Tôi thực hiện việc nằm ngủ ở trên

không trung, tôi nâng đỡ trái đất này, tôi có quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng; điều này là quả báo của chiêc giường. 1280. [Trước đây] năm ngàn kiếp, đã có tám vị [tên là] Mahâvara. Và [trước đây] ba ngàn bốn trăm kiếp, [đã có] bốn vị có oai lực lớn lao. 1281. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sayanadâyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sayanadâyaka^ là phần thứ ba.

2 Sayanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) chiếc giường (sayană)y

54. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA (Gandhodakiyattherāpadānam) 1282. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Phật Padumuttara. Tôi đã mang theo cái bầu nước đã được trang hoàng và tôi đã dâng cúng nước có hương thơm. 1283. Vào thời điểm rưới nước cho cội Bồ-đề, có đám mây lớn đã đổ mưa. Và đã có tiêng động lớn trong lúc sâm sét đang nô ra. 1284. Tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy [và đã tái sanh] tợ như tốc độ của tia sét ấy. Trong khi đứng ở thế giới chư thiên, tôi đã nói lên lời kệ này: 1285. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! ôi sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống thì tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.^, 1286. Chỗ trú ngụ của tôi cao vút, có một trăm tầng lầu được vươn lên, có một trăm ngàn thiếu nữ luôn luôn vây quanh tôi. 1287. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, sự sầu muộn của tôi không có, tôi không nhìn thay sự bực bội; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1288. [Trước đây] hai ngàn tám trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Samvasita, là đang Chuyên Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1289. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Gandhodakiya” là phần thứ tư.

55. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO OPAVAYHA (Opavayhattherāpadānam) 1290. Tôi đã dâng cúng con ngựa thuần chủng đến đức Phật Padumuttara. Sau khi dâng tặng cho bậc Toàn Giác, tôi đã đi vê căn nhà của mình. 1291. Vị có tên Devala là Thinh văn hàng đầu của bậc Đạo sư, là người thừa tự của giáo pháp cao quý, đã đi đến gặp tôi [nói rang]: 1292. "Đức Thế Tôn chỉ sử dụng bình bát và vật dụng thiết yếu của mình, con ngựa thuần chủng là không thích hợp. Biết được ý định của ngươi nên bậc Hữu Nhãn đã chấp thuan." 1293. Sau khi cho người định giá con ngựa Sindhu có tốc độ như gió là phương tiện di chuyển mau chóng, tôi đã dâng cúng vật dụng thích hợp đến đức Phật Padumuttara. 1294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có những con ngựa với tốc độ như gió, đáng được thuần phục, được tô điểm, [đã] sanh lên cho tôi. 1295. Những ai đạt được sự tu lên bậc trên [với Ngài], lợi ích của những vị

3 Gandhodakiya nghĩa là t4vị liên quan đến nước (udakā) có hương thơm (gandhā)'

ấy là đã được thành tựu tốt đẹp. Nếu đức Phật sẽ hiện hữu ở thế gian, tôi có thể gập lại Ngai lần nữa. 1296. Tôi đã là vi vua có oai lực lớn lao, là người chinh phục bốn phương, là chúa tê của xứ Jambudīpa hai mươi tám lân. 1297. Lần sau cùng này của tôi là sự

hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vi thế bất động. 1298. [Trước đây] ba mươi bốn ngàn kiếp, tôi đã là vi Sát-đế-lỵ có quyền uy vĩ dại, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1299. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão opavayha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Opavayha" là phần thứ năm.

56. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPARIVẢRẢSANA (Saparivārāsanattherāpadānaīn) 1300. Tôi đã dâng cúng vật thực đến đức Phật Padumuttara. Tôi đã đi đến địa diêm thọ trai ây và đã rải răc các bông hoa nhài. 1301. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, bậc có bản thể chính trực, định tinh, ngồi ở chỗ ngồi ấy đã tán dương về phần vật thực rằng: 1302. "Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng màu mỡ, khi có mưa rào thích hợp đô xuống, két quả làm vui lòng người nông phu. 1303. Tương tợ y như thê, phân vật thực này đã được ngươi gieo xuống thửa ruộng màu mỡ, trong khi sanh ra ở cõi hữu, quả báo sẽ làm ngươi vui lòng/5 1304. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã ngợi ca về phần vật thực, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 1305. Tôi đã thu thúc trong Giới bổn (Pātimokkha) và ở năm giác quan, được gắn bó với sự cô tịch, tôi sống không còn lậu hoặc. 1306. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saparivārāsana4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Saparivārāsana59 là phần thứ sáu.

57. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCADĪPAKA (Pañcadīpakattherāpadānam) 1307. Sau khi đã khéo an trú trong Chánh pháp của đức Phật Padumuttara, bậc Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả sanh linh, tôi đã có được quan điểm chín chắn.

4 Saparỉvārāsana nghĩa là có vật thực (asana) và các vật phụ thuộc (parivārā)^

THÁNH NHÂN KÝ sự 101

1308. Tôi đã dâng cúng vật thí là các cây đèn sau khi đã đặt vòng quanh cội Bô-đê. Trong khi đang có niêm tin, tôi đã tức thời tháp sáng các cây đèn. 1309. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có những người câm đuôc ở không trung; điêu này là quả báo của việc dâng cúng đèn. 1310. Tôi thể nghiệm được sự nhìn thấy ở xung quanh một trăm do-tuần, sau khi đã vượt xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá và ngọn núi. 1311. [Trước đây] ba ngàn bốn trăm kiếp, các vị vua có tên Satacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao. 1312. Nhờ vào phân dư sót của nghiệp ây, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pañcadīpaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão PañcadTpaka" là phần thứ bảy.

58. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA (Dhajadāyakattherāpadānam) 1314. ở tại cội cây Bồ-đề của đức Phật Padumuttara, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã treo ngọn cờ ở chóp đỉnh của cội cây. 1315. Tôi đã nhặt các lá cây bị rụng xuống rồi

đã đổ bỏ ở bên ngoài. Tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [đảnh lễ] bậc Toàn Giác là vi trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã được giải thoát, không còn lậu hoặc, đang ở trước mặt. 1316. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1317. “Do cả hai việc là dâng cúng ngọn cờ và sự phục vụ này, người ấy không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1318. [Người ấy] sẽ thọ hưởng sự huy hoàng ở cõi trời không phải la ít ở giữa chư thiên, sẽ là vị vua ở quốc độ hàng trăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên Uggata. 1319. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng sự thành đạt [người ấy] sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.55 1320. Có tính khăng quyết vê sự nô lực, được an tinh, không còn mâm mống tái sanh, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

5 Pañcadīpaka nghĩa là uvị có năm (pañca) cây đèn (đĩpakà)y

1321. [Trước đây] năm mươi mốt ngàn kiếp, [tôi đã] có tên Uggata. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Meghā. 1322. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhajadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trường lão Dhajadāyaka" là phần thứ tám.

59. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMA (Padumattherāpadānam) 1323. Trong khi công bố về bốn sự thật, trong khi giúp cho đám đông dân chúng chứng ngộ Niết-bàn, bậc chuyển vận giáo pháp cao quý [đã] đổ cơn mưa bất tử. 1324. Tôi đã cầm lấy đóa sen hồng còn cả cuống đứng ở tầng thượng. Được mừng rỡ, tôi đã ném lên không trung [cúng dường] bậc Hiền Trí Padumuttara. 1325. Và trong khi đóa sen hồng đang đi đến, ngay khi ấy đã có điều kỳ diệu. Biết được ý định của tôi, bậc cao quý trong số các vi đang thuyết giảng đã nắm lấy. 1326. Sau khi cầm lấy đóa sen tối thượng trong các loài hoa bằng bàn tay hạng nhất, [đức Phật] đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1327. "Nguôi nào đã thảy đóa sen hồng này đến đấng Toàn Tri, bậc Hướng Đạo, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1328. [Người áy] sẽ là vi Chúa của chư thiên, cai quản thiên quôc ba mươi kiếp, và sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất bảy trăm lần. 1329. Sau khi tính đếm số lượng cánh hoa ở tại nơi ấy, [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương [bấy nhiêu lần], khi ấy sẽ có trận mưa bông hoa đô xuồng từ không trung. 1330. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 1331. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, sau khi biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, [người áy] sẽ Niết-bàn không con lậu hoặc." 1332. Tôi đã ra khỏi lòng [mẹ] có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ]. Vào lúc năm tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1333. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paduma đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Padumaṃ là phần thứ chín.

6 Dhạịadãyaka nghĩa là "vị dâng cúng (dãyako) cây cờ (dhạjà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 103

60. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ASANABODHIYA (Asanabodhiyattherāpadānam) 1334. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân. 1335. Đối với đức Thế Tôn Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã gieo trồng cội Bồ-đề tối thượng. 1336. [Cội Bồ-đề] là giống cây mọc ở trên mặt đất có tên là Asana. Tôi đã chăm sóc cội Bồ-đề toi thượng Asana năm năm. 1337. Sau khi nhìn thấy cội cây đã được trổ hoa là điều kỳ diệu khiến lông rởn ốc. Trong khi tán dương việc làm của mình, tôi đã đi đến gặp đức Phật tối thượng. 1338. Khi ấy, bậc Toàn Giác Tissa, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả ấy, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này: 1339. "Người nào đã gieo trồng cội cây Bồ-đề này và đã tôn trọng sự cúng dường đức Phật, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 1340. Người ây sẽ cai quản thiên quôc ở giữa chư thiên ba mươi kiêp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần. 1341. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, sau khi thọ hưởng hai sự thành dạt, người ấy sẽ sướng vui ở bản thể nhân loại. 1342. Có tính khăng quyêt vê sự nô lực, được an tịnh, không còn mâm mông tái sanh, sau khi biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, người ây sẽ Niêt- bàn không còn lậu ho/c." 1343. Tôi đã găn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mâm mông tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi song không còn lậu hoặc. 1344. Ke từ khi tôi đã gieo trồng cội Bồ-đề trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc gieo trồng cội Bồ-đề. 1345. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã] được nổi tiếng với tên Dandasena. Khi ấy, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật. 1346. Trước đây bảy mươi ba kiếp, đã có bảy vị lãnh chúa là các đấng Chuyển Luân Vương tên Samantanemi. 1347. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Punnaka, là đang Chuyên Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1348. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

104 KINH TIẾU Bộ

Đại đức Trưởng lão Asanabodhiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Asanabodhiya” ỉa phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có cây quạt, vị Sataramsī, chiêc giường, vị có nước hương thơm, vi có phương tiện di chuyển, vị có vật phụ thuộc, cây đèn, ngọn cờ, vị cúng dường hoa sen hồng, và cội Bồ-đề là thứ mười. Như thế, [tổng cộng] có chín mươi hai câu kệ đã được nói đến. Phẩm Vījanī là phẩm thứ sáu.

7 Asanabodhiya nghĩa là tfcvi liên quan đến cội Bồ-đề (Bodhi) là giống cây asana.

THÁNH NHÂN KÝ sự 105

vn. PHẨM SAKACINTANIYA (SAKACINTANnAVAGGƠ)

61. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAKACINTANIYA (Sakacintaniyattherãpadãnam) 1349. Tôi đã nhìn thấy khu rừng bao la rậm rạp ít có tiếng động, không bị chộn rộn, chính là nơi tru ngụ của các vị ẩn si, là địa điểm tiếp nhận các vật hiến cúng. 1350. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát, tôi đã rải rắc nhiều bông hoa khác loại. Tôi đã đảnh lễ [ngôi bảo tháp] đã được tạo nên, như là [đảnh lễ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt. 1351. Trở thành vị vua được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của quốc độ, tôi hài lòng với nghiệp của chính mình; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp. 1352. [Ke từ khij tôi đã dâng len bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp. 1353. [Trước đây] tám mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương Anantayasa, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tê ở bốn châu lục. 1354. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sakacintaniya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ốKý sự về Trưởng lão Sakacintaniya" là phần thứ nhất

62. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AVOPUPPHIYA (Avopupphiyattherãpadãnam) 1355. Sau khi đi ra khỏi trú xá và bước lên ở con đường kinh hành, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về đạo lộ bất tò. 1356. Nhận biết được giọng nói của đấng Sikhī là đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã cầm lấy nhiều loại bông hoa và đã tung lên ở không trung. 1357. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua tôi đã đạt được VỊ thế bất động. 1358. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, 1 Sakacintaniya nghĩa là có sự suy nghĩ (cintanà) của chính mình (saka)'

. r t 2 > tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1359. Trước đây hai mươi kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Sumedha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1360. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avopupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Avopupphiya" là phần thứ nhì.

63. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PACCĀGAMANIYA (Paccāgamaniyattherāpadānam) 1361. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài n^ỗng đỏ ở bờ sông Sindhu. Và tôi đã khéo ngăn ngừa các điều ác, có thức ăn thuần là loài thảo mộc ở trong nước. 1362. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. Tôi đã dùng mỏ ngắt lấy bông hoa sãla và đã dâng lên [đức Phật] Vipassī. 1363. "Người nào có niêm tin ở đức Như Lai không bị lay chuyên khéo được thiết lập, do sự tinh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh/9 1364. Quả v? tôi đã thành công mỹ mãn trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. Hạt giống tốt đã được tôi gieo trồng trong khi tôi là loài chim. 1365. [Ke từ khi] toi đã dânệ lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1366. [Trước đây] mười bảy kiếp, tám vị này có cùng một tên là Sucârudassana. Họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1367. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paccãgamaniya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

wKý sự về Trưởng lão Paccâgamaniya" là phần thứ ba.

64. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PARAPPASÃDAKA (Parappasadakattherāpadānam) 1368. “Ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, đấng Anh Hùng cao thượng quý phái, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Chinh Phục mà không tinh tín? 1369. Tợ như núi Hy-mã-lạp là không thể đo lường được, tợ như biển cả là khó mà vượt qua, tương tợ y như thế về thiền của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tính tín? 1370. Giông như trái đất với vòng đai rừng đa dạng là không thê ước lượng được, tương tợ y như thế về giới của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tin?

2 Paccãgamaniya nghĩa ỉa "vj có sự quay trở lại (pati-ã-gamanà)y

1371. Tợ như không gian là không bị khuấy động, giống như bàu trời là không thể tính đếm. tương tợ y như thế về trí của đức Phật. ai là người nhìn thấy ma khòng tịnh tmr 8 ự

1372. Vị Bà-la-môn tên Senā đã ngợi ca đức Phật tối thượng, bậc Không Bị Đánh Bại síddhattha, bằng bốn câu kẹ này. 1373. [Vị ấy] đã không đi đến khổ cảnh trong chín mươi bốn kiếp, đã thọ hưởng sự thành đạt tốt đẹp ở các cõi trời không phải là ít. 1374. Sau khi ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 1375. [Trước đây] mười bốn kiếp, đã có bốn vị tên Uggata, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1376. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Parappasâdaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Parappasãdaka" là phần thứ tư.

65. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHISADÃYAKA (Bhisadāyakattherāpadānam) 1377. Bậc có tên Vessabhū đã là vị thứ ba trong số các bậc Ẩn Sĩ.4 Bậc Tối Thượng Nhân đã đi sâu vào rừng và đã cư ngụ ở khu rùng rậm. 1378. Tôi đã cầm lấy củ và rễ sen rồi đã đi đến gần bên đức Phật. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên vật ấy đến đức Phật. 1379. Và bằng cái vòi tôi đã được va chạm với bậc Có Sự Giác Ngộ Cao Quý Vessabhū. Tôi chưa biết đến sự sung sướng nào bằng hoặc hơn điều ấy. 1380. [Đây là] lần sau cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Điều lành đã được tôi gieo trồng trong khi tôi là loài long tượng. 1381. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 1382. Và [trước đây] mười ba kiếp, đã có mười sáu vi vua tên Samodhâna, là các bậc thống lãnh nhân loại, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1383. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhisadâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Bhisadãyaka" là phần thứ năm.

3 Parappasãdaka nghĩa là tạo cho người khác (paro) có được đức tin (pasãdakă)y 4 Là vị thứ ba trong số ba vị Phật Toàn Giác: Vipassī, Sikhī, Vessabhū (ÁpA. 389). 5 Bhisadãyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) củ sen (bhisă)y

66. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (Sucintitattherāpadānam) 1384. Tôi đã là người [thợ săn] lai vãng ở các khu vực hiểm trở của những n^ọn núi. Tợ như con sư tử đã được sanh ra tốt đẹp, tôi giết các bầy thú rừng và song ở trong vùng đồi núi. 1385. về phần đức Thế TônAtthadassĩ, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vi đang thuyết giảng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến ngọn núi cao nhất. 1386. Sau khi giết chết con nai đốm, tôi đã tiến đến để ăn thịt. Vào lúc ấy, đức Thế Tôn trong lúc khất thực đã đi đến gần. 1387. Toi đã cầm lấy những miếng thịt ngon và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư ấy. Khi ấy, trong lúc giúp cho tôi chứng đạt Niệt-bàn, đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ. 1388. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đi vào khu vực hiểm trở của ngọn núi. Sau khi làm cho niềm phỉ lạc sanh khởi, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy. 1389. Do sự dâng cúng thịt ây và do các nguyện lực của tâm, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn năm trăm kiếp. 1390. Do chính sự dâng cúng thịt ây và sự tưởng niệm vê đức Phật, trong những kiếp còn lại điều lành đã được tôi tích lũy. 1391. [Trước đây] ba mươi tám kiếp, đã có tám vị tên là Dĩghãyu. Trước đây sáu ngàn kiếp, đã có hai vị tên là Varuna. 1392. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sucintita6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Sucintita” là phần thứ sáu.

67. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VATTHADĀYAKA (Vatthadãyakattherãpadữnam) 1393. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim có màu sắc đẹp đẽ, là vi thống lãnh loài nhân điêu. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang đi ở núi Gandhamâdana. 1394. Sau khi bỏ đi dáng vóc của loài nhân điểu, tôi đã mang lốt người thanh niên. Tôi đã dâng cúng một tấm vải đến đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 1395. Và sau khi tiếp nhận mảnh vải ấy, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, bậc Đạo Sư đứng ở không trung, đã nói lên lời kệ này: 1396. "Do sự dâng cúng tấm vải này và do các nguyện lực của tâm, sau khi từ bỏ nguồn gốc nhân điểu [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thien?9 1397. Và sau khi ca ngợi sự dang cúng tấm vải, đức Thế TônAtthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

6 Sucintita nghĩa ỉa uvị đã suy nghĩ (cỉntìtà) khôn khéo(S")."

1398. Trong khi sanh ra ở cõi hữu, tôi có được sự thành tựu về vải vóc, có được mái che ở trên không trung; điêu này là quả báo của việc dâng cúng tâm vải. 1399. [Trước đây] ba mươi sáu kiếp, đã có bảy người tên Arunaka là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao, là các vị thống lãnh nhân loại. 1400. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vatthadãyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Vatthadâyaka" là phần thứ bảy.

68. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBADẢYAKA (Ambadữyakattherãpadãnam) 1401. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc không còn mầm mống tái sanh, ngồi ở vùng đồi núi đã lan tỏa với tâm từ ái ở thế gian vô hạn lượng. 1402. Khi ấy, tôi đã là con khỉ ở ngọn núi Hy-mã-lạp tối thượng. Sau khi nhìn thấy đấng Anoma Vô Lượng, tôi đã làm cho tâm

tịnh tín ở đức Phật. 1403. Lúc bấy giờ, ở không xa núi Hy-mã-lạp có những cây xoài đã được kết trái. Tôi đã hái trái chín từ nơi ấy và đã dâng cúng trái xoài cùng với mật ong. 1404-05. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Anomadassĩ đã chú nguyện điều ấy cho tôi rằng: "Do cả hai việc là sự dâng cúng mật ong và sự dâng cúng trái xoài này, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong năm mươi bảy kiếp, và trong những kiếp còn lại sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người]. 1406. [Người ấy] sẽ làm cho nghiệp ác được loại trừ nhờ vào trí giác ngộ đã được hoàn toàn chín muồi, sẽ không đi đến đọa xứ, và sẽ thiêu đốt các phiền nao?9 1407. Tôi đã được huấn luyện với sự huấn luyện tối thượng bỏd bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động. 1408. [Trước đây] bảy ngàn bảy trăm kiếp, mười bốn vị vua ấy có tên Ambatthaja đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1409. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambadãyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ambadãyaka^ là phần thứ tám.

69. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUMANĀ (Sumanattherapadānam) 1410. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên là Sumanā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian. 1411. Tôi đã cầm lấy bônệ hoa nhài tối thượng bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyên Thuộc Của Thế Gian.

7 Vatthadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) tấm vải {yatthă)y 8 Ambadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) trái xoài (amba)'

1412. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tác ý? tôi không còn biết đen khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1413. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa 1414. [Trước đây] hai mươi sáu kiếp, đã có bốn vị vua có danh vọng lớn lao là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật. 1415. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sumanā" là phần thứ chín.

70. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUPPHACAÑGOTIYA (Pupphacañgotiyattherāpadānam) 1416. [Đức Phật Sikhī] tợ như loài sư tử có dáng vóc không bị hãi sợ, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con chim thuộc loài nhân điểu cao cả. 1417. Đức Phật Sikhī, nơi nương nhờ của tam giới, vị không còn dục vọng, bậc không bi đánh bại, đấng cao cả trong số các vị Sa-môn đã ngồi xuống, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu. 1418. Tôi đã đặt để bông hoa anojā thượng hạng ở trong cái rương. Với chính cái rương ấy, tôi đã đang đến đức Phật tối thượng. 1419. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua tôi đã đạt được vị thế bất động. 1420. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1421. [Trước đây] tròn đủ ba mươi kiếp, đã có năm vị tên Devabhũti, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu

vật. 1422. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphacañgotiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pupphacañgotiya55 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có sự suy nghĩ của mình, vị Avopupphĩ, cùng với vị có sự quay trở lại, vi có sự tạo niềm tin cho người khác, vị dâng cúng củ sen, vị có sự suy nghĩ khôn khéo, vị cúng dường tấm vải5 vị dâng cúng xoài, vị Sumanā và luôn cả vị có cái rương bông hoa. [Tổng cộn^] có bảy mươi mốt câu kệ đã được nói lên, đã được tính đêm bởi các vị nhìn thây sự lợi ích. Phẩm Sakacintaiiỉya là phẩm thứ bảy. 9 Pupphacañgotiya nghĩa là 4tvị liên quan đến cái rương (cañgotaka) có chứa đựng bông hoa (puppha)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 111

vm. PHẨM NÃGASAMÃLA (NĀGASAMĀLAVAGGO)

71. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NÃGASAMÃLA (Nāgasamālattherāpadānam) 1423. Tôi đã dâng lên bông hoa āpātali ở ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī [được tạo lập] ở khu vực cao ráo tại con đường lớn. 1424. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp T 1425. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Bhũmiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1426. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nāgasamāla đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. íếKý sự về Trưởng lão Nāgasamāla^ là phần thứ nhất

72. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADASAÑÑAKA (Padasaññakattherāpadānam) 1427. Sau khi nhìn thấy vết chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở bàn chân của Ngài. 1428. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về vét chân [cua đức Phật]. 1429. Trước đây vào kiếp thứ bảy, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sumedha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1430. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padasañfiaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Padasaññaka" là phần thứ nhì.

73. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (Buddhasaññakattherāpadānam) 1431. Tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bi quăng bỏ của bậc Đạo sư được 1 Padasaññaka nghĩa là có sự suy tưởng (saññaka) về vết chân (padả) của đức Phật.^,

treo ở ngon cây, do đó tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bo ấy. 1432. Ke từ Idii toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật 1433. Trước đây vào kiếp thứ tư, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ [tên] Dumasãra, là người chinh phục bốn phương, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1434. Bốn [tuệ] phân tích,...

(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhasañflaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ốKý sư về Trưởng lão Buddhasañña ka" ỉa phần thứ ba.

74. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHISÃLUVADÃYAKA (Bhisãluvadữyakattherãpadãnam) 1435. Tôi đi sâu vào khu rừng rậm và cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, VỊ Thọ Nhận Các Vạt Hiến Cúng. 1436. Tôi đã dâng cúng củ sen và nước rửa tay. Sau khi đê đầu đảnh lễ ở bàn chân, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 1437. Ke từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc phước thiện. 1438. Trước đây vào kiếp thứ ba, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ mệnh danh Bhisa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1439. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhisāluvadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Bhisāluvadāyaka59 là phần thứ tư.

75. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA (Ekasaññakattherāpadānam) 1440. Vi có tên Khanda đã là bậc Thinh văn hàng đầu của [đức Phật] Vipassī. Một phần vật thực đã được tôi dâng cúng đến VỊ Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian. 1441. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Nhân Ngưu, bậc Chúa Te Của Loài Người, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một phần vật thực. 1442. Trước đây bốn mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Varuna, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1443. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

2 Bhisãluvadâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) củ sen (bhisãluvà)y

Đại đức Trưởng lão Ekasañfiaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ekasañña ka" là phần thứ năm.

76. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASANTHARADĀYAKA (Tinasantharadayakattherāpadānam) 1444. ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn được bao phủ bởi trăm loại lá cây và là chỗ cư ngụ của nhiều loại chim khác nhau. 1445. Tôi đã tắm và đã uống nước tại nơi ấy, và tôi cư ngụ ở không xa. Tôi đã nhìn thấy bậc đứng đầu các vi Sa-môn đang di chuyên bằng đường không trung. 1446. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian, ngay khi ấy đã từ cung trời ngự xuống đứng ở trên mặt đất. 1447. Bằng cái sừng, tôi đã đem cỏ lại và đã dâng cúng chỗ ngồi. Đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Ba Cõi đã ngồi xuống ở tại chỗ ấy. 1448. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã khom mình xuống di chuyển sang một bên trong lúc đang chiêm ngưỡng bậc Đại Hiền Trí. 1449. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải lót [chỗ ngồi]. 1450. Trước đây vào kiếp thứ nhì, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ mệnh danh Miga, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1451. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực

hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinasantharadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Tinasantharadãyaka" ỉa phần thứ sáu.

77. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO SĨỈCĩĐÃYAKA(Sũcidâyakattherâpadânam) 1452. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, [đã hiện khởi] bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. 1453. Có màu da vàng chói, Ngài là đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. Năm cây kim khâu đã được tôi dâng cúng đến Ngài nhằm mục đích may y. 1454. Chính nhờ vào việc dâng cúng kim khâu ây mà trí tuệ săc bén, nhẹ nhàng, thoải mái, có sự nhận thấy rõ ý nghĩa vi tế, đã sanh khởi đến tôi. 1455. Bốn vị Vua tên Dipadâdhipati đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

3 Ekasañña nghĩa là có một lần (ekā) suy tưởng (sañña)y 4 Tinasantharadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) tấm thảm (santhara) bằng cỏ (tỉnà)y

1456. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1457. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt).. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sūcidāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sflcidayaka^ là phần thứ bảy.

78. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃTALIPUPPHIYA (Pātalipupphiyattherāpadānam) 1458. Lúc bấy giờ, tôi đã là con trai nhà triệu phú, mảnh mai, khéo được nuôi dưỡng. Tôi đã đặt bông hoa pātali vào lòng và đã mang theo bông hoa ấy. 1459. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ. Ngài có ba mươi hai hảo tướng, tợ như cây cột trụ băng vàng. 1460. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã cúng dường bông hoa. Tôi đã lễ bái Đấng Hiểu Biết Thế Gian Tissa, đấng Bảo Hộ, vị Trời của nhân loại. 1461. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1462. Trước đây sáu mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisammata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1463. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pātalipupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Pãtalipupphiya^ là phần thứ tám.

79. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO THITAÑJALIYA (Thitañjaliyattherāpadūnam) 1464. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Có Tướng Mạo Cao Quý Tissa. 1465. Ngài đang ngồi ở nơi không xa, trên chiếc thảm lá của mình. Tôi đã chắp tay lại đối với Ngài rồi đã ra đi, mặt hướng phía Đông. 1466. Sau đó, tia sét đánh xuống vào lúc ấy đã giáng vào đầu của tôi. Vào thời điểm mệnh chung, tôi đây đã thực hiện việc chắp tay lần nữa. 1467. Ke tư khi tôi đã thực hiện việc chắp tay trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay. 1468. [Trước đây] năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị có tên Migaketu, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1469. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được

[tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 Sūcidāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) kim khâu (sūcí)y 6 Pātalipupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa ịpuppha) pātali.,,

THÁNH NHÂN KÝ sự 115

Đại đức Trưởng lão Thitañjaliya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Thitañjaliya^ là phần thứ chín.

80. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO TIPADUMIYA (Tipadumiyattherāpadānam) 1470. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Là bậc đã [tự mình] rèn luyện được tháp tùng bởi các vị đã được rèn luyện, đấng Chiến Thắng đã rời khỏi thành phố. 1471. Lúc bây giờ, ở thành phô Hamsavatī tôi đã là người làm tràng hoa. Tại nơi ấy bông hoa nào là tuyệt hảo, tôi đã cầm lấy ba bông hoa [ấy]. 1472. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, ở lối đi ngược lại tại khu phố chợ. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, vào lúc ấy tôi đây đã suy nghĩ như vầy: 1473. "Ta được gì với những bông hoa này khi ta đem chúng dâng đến đức vua? Ta có thê đạt được ngôi làng, hoặc cánh đông làng, hoặc ngàn đông tiền? 1474. Đấng Bảo Hộ Thế Gian là vị điều phục những ai chưa được điều phục, là bậc Trí Tuệ, là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, sau khi cúng dường Ngài ta sẽ đạt được tài sản bất tử." 1475. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tinh tín. Khi ấy, tôi đã cầm ba đóa [hoa sen] màu đỏ và đã ném lên không trung. 1476. Ngay khi vừa được tôi ném lên không trung, các bông hoa ấy đã xòe ra. Chúng duy trì tại nơi ây ở trên đâu, có cuông hoa ở phía trên, miệng hoa ở phía dưới. 1477. Sau khi nhìn thấy, bất cứ những ai thuộc loài người thì đã thốt lên tiếng hoan hô5 chư thiên ở trên không trung thì đã thể hiện hành động tán thán: 1478. "Điều kỳ diệu đã xuất hiện ở thế gian nhờ vào tác động của đức Phật tối thượng. Tất cả chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp nhờ vào tác động của những bông hoa?9 1479. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đứng ở ngay tại đường lộ, đã nói lên những lời kệ này: 1480. "Người thanh niên nào đã cúng dường đức Phật bằng ba đóa sen hồng, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 1481. [Người này] sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp. 1482. Ngay lập tức sẽ hiện ra cung điện tên Mahāvitthārika, có chiều dài ba trăm do-tuần, chiều rộng một trăm năm mươi do-tuần. 1483. Và có bốn trăm ngàn tháp nhọn sẽ được hóa hiện ra, có các nhà mái nhọn cao quý, được đầy đủ các giường nằm rộng lớn. 1484. Hàng trăm ngàn koti nàng tiên thiện xảo về điệu vũ và lời ca, lại còn được thuần thục về trình tấu nhạc cụ nữa, sẽ quây quần xung quanh.

7 Thitañjaliya nghĩa là đã đứng ịthita) chắp tay (añjali)y

116 KINH TIÊU BÔ

1485. [Người này] sẽ sống ở tại cung điện cao quý như thế ấy trong sự chộn rộn của đám nữ nhân, thường xuyên có cơn mưa bông hoa thuộc về cõi trời có màu đỏ. 1486. Đồng thời sẽ có những bông hoa màu đỏ có kích thước bằng bánh xe treo lơ lửng ở chốt gắn tường bằng ngà voi ở bên ngoài cánh cửa, ở cong chào. 1487. Tại nơi ây, bên trong

cung điện cao quý được lót toàn băng cánh hoa, [và các cánh hoa] sau khi được trải ra và phủ lên thì sẽ nhập chung với nhau ngay lập tức. 1488. Các bông hoa màu đỏ tinh khiết ấy bao bọc xung quanh nơi cư ngụ một trăm do-tuần và tỏa ngát hương thơm cõi trời. 1489. Và [nguồi này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thô vương quốc là bao la, không thê đo lường bằng phương diện tính đếm. 1490. Sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, không có tai họa, không có sự nguy khốn, khi kiếp sống cuối cùng được đạt đến [người này] sẽ chạm đến Nlết-bàn.^, 1491. Quả nhiên đức Phật đã được tôi nhìn thấy rõ ràng, thương vụ đã được kinh doanh khéo léo; sau khi cúng dường ba đóa hoa sen hông, tôi đã thọ hưởng ba sự thành tựu. 1492. Hôm nay, tôi là người đã đạt được giáo pháp, đã được giải thoát một cách trọn vẹn. Có bông sen đỏ khéo nở rộ sẽ được duy trì ở trên đầu của tôi. 1493. Trong lúc bậc Đạo Sư Padumuttara đang thuyết giảng về việc làm của tôi, đã có sự chứng ngộ giáo pháp của hàng ngàn chúng sanh và sinh mạng. 1494. [Ke từ khiỊ tôi đã cúng dường đức Phật trước đây một trăm nậàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa sen hồng. 1495. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tipadumiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ííKý sự về Trưởng lão Tipadumiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị trưởng lão có tràng hoa, vi có sự suy tưởng về dấu chân, vị có sự suy tưởng [về đức Phật], vi dâng cúng củ sen, vị suy tưởng về một phần [vật thực], vị dâng cúng cỏ, [vị dâng cúng] kim khâu, vị có các bông hoa pātali, vi đứng chắp tay, vị có ba đóa sen hồng; [tổng cộng] có bảy mươi lăm câu kệ. Phẩm Nāgasamāla là phẩm thứ tám. 8 Tipadumiya nghĩa là liên quan đến ba (tĩ) đóa sen hồng (paduĩnà)y

THÁNH NHÂN KÝSự^ 117

IX. PHẨM TIMIRAPUPPHIYA (TIMIRAPUPPHIY4K4GGO)

81. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA (Timirapupphiyattherãpadãnam) 1497. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā và tôi đã nhìn thấy vi Sa-môn đang ngồi, thanh tinh, không bị chộn rộn. 1498. Tại nơi ây, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, vào lúc ây tôi đã suy nghĩ như vầy: 6íĐã vượt qua, vị này sẽ giúp cho vượt qua. Đã rèn luyện, vị này sẽ giúp cho rèn luyện. 1499. Đã được tự tại, [vi này] sẽ giúp cho tự tại. Đã được an tịnh, [vi này] sẽ giúp cho an tịnh. Đã giải thoát, [vị này] sẽ giúp cho giải thoát. Và đã Niêt-bàn, [vi này] sẽ giúp cho Niết-bàn/9 1500. Sau khi đã tự mình suy nghĩ như thê, tôi đã câm lây bông hoa timira và đã rải rắc lên đỉnh đầu của bậc Đại Ân Sĩ Siddhartha. 1501. Tôi đã chắp tay lên và đã đi nhiễu vòng quanh. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo su, tôi đã ra đi về hướng khác. 1502. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc đi lần theo triền núi, tôi đã ngã xuống ngay tại chỗ ấy. 1503. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1504. [Trước đây] năm mươi sáu kiêp đã có đúng bảy vị có danh vọng lớn lao, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1505. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ốíKý sự về Trưởng lão Timirapupphiya" là phần thứ nhất

82. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA (Gatasaññakattherāpadānam) 1506. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư với tâm ý trong sạch.*

Timirapupphiya nghĩa là t4vi liên quan đến bông hoa (puppha) timira."

1507. Tôi đã ném bảy bông hoa nañgalikī lên không trung, [tâm] hướng về đức Phật Tissa có biển ca đức hạnh vô biên. 1508. Sau khi cúng dường con đường đã được đấng Thiện Thệ đi qua với tâm ý vui mừng, khi ấy được tịnh tín tôi đã thực hiện việc chắp tay bằng các bàn tay của mình. 1509. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1510. Trước đây vào kiếp thứ tám đã có ba vi [cùng tên] Aggisikha, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1511. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gatasañña2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Gatasañña" là phần thứ nhì.

83. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIPANNAÑJALIYA (Nipannañjaliyattherāpadānam) 1512. ở trong khu rừng hoang rậm tôi đã đạt được tâm bi mẫn tối cao. Tôi đã ngồi xuống ở gốc cây, và tôi đã bị bệnh trầm trọng. 1513. Vì lòng thương tưởng, bậc Đạo Sư Tissa đã đi đến bên tôi. Đang ở trạng thái nằm, tôi đây đã chắp tay lại ở đầu. 1514. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác tối thượng của tất cả chúng sanh, và tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1515. [Ke từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 1516. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có đúng năm vị [cùng tên] Mahâsikha, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nipannafiliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Nipannañliya" ỉa phần thứ ba.

84. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ADHOPUPPHIYA (A dhopupphiyattherãpadãnam) 1518. Vị Tỳ-khưu tên Abhibhū ấy có đại thần lực, có tam minh, là vi Thinh văn hàng đầu của [đức Thế Tôn] Sikhī. Vị ấy đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

2 Gatasañña nghĩa là "vi suy tưởng (sañña) đến con đường đức Phật đi qua (gata)y

1519. Tôi cũng là vị Ẩn sĩ sống ở khu ẩn cư xinh xắn tại núi Hy-mã-lạp, khi ây tôi có năng lực trong các pháp vô lượng [tâm] và các thần thông. 1520. Tợ như loài có cánh ở trên bầu trời, tôi đã định cư ở ngọn núi. Sau khi cầm lấy bông hoa adha, tôi đã đi đến ngọn núi. 1521. Sau khi cầm lấy bảy bông hoa, tôi đã rải rắc ở trên đỉnh đầu. Và khi

được vị Anh Hùng nhìn thây, tôi đã ra đi mặt hướng phía Đông. 1522. Sau khi trở về khu ẩn cu, tôi đã đi đến chỗ tru ngụ. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng và đã đi vào trong vùng đoi núi. 1523. Con trăn có bộ dạng ghê rợn, có sức mạnh khủng khiếp đã hành hạ tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây và đã mệnh chung tại nơi ấy. 1524. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa tìirớc đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Adhopupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Adhopupphiya" là phần thứ tư.

85. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA (Ramsisaññakattherāpadānam) 1526. Trước đây, tôi đã tạo lập chỗ cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Có y choàng là tấm da dê, tôi sống ở trong vùng đồi núi. 1527. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa, đi vào bên trong khu rừng. 1528. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín đối với hào quang của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã chắp tay lên, ngồi chồm hổm, rồi đê đầu đảnh lễ. 1529. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng ve hào quang. 1530. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ramsisañfiaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ramsisaññaka" là phần thứ năm.

86. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DUTIYARAMSISAÑÑAKA (Dutiyaramsisaññakattherāpadānam) 2531. Tôi là vi mặc y phục bằng vỏ cây ở núi Hy-mã-lạp. Và sau khi bước lên đường kinh hành tôi đã ngồi xuổng, mặt hướng phía Đông.

3 Adhopupphiya nghĩa là "'vị liên quan đến bông hoa (puppha) adha." 4 Ramsisaññaka nghĩa là suy tưởng (saññakā) đến hào quang (ramsi) đức Phát."

1532. Tôi đã nhìn thấy đấng Thiện Thệ Phussa ở ngọn núi, khi ấy Ngài đang thỏa thích ở trong thiền. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang. 1533. Kê từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ây trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về hào quang. 1534. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ramsisaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ramsisaññaka" là phần thứ sáu.

87. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PHALADÃYAKA (Phaladāyakattherāpadānam) 1535. Tôi là vị mặc tấm da dê sần sùi ở núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Cao Quý Phussa, có trái cây ở bàn tay, tôi đã dâng cúng trái cây. 1536. [Do] việc tôi đã dâng cúng trái cây với tâm ý trong sạch, khi tôi được sanh lên ở cõi hữu thì có trái cay hiện đến chơ tôi. 1537. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 1538. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão

Phaladâyaka đã nói lên những lời kệ này như thê ây. wKý sự về Trưởng lão Phaladâyaka55 ỉa phần thứ bảy.

88. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasaññakattherāpadānam) 1539. Tôi sốn^ ở tấm thảm bằng lá cây tại núi Hy-mã-lạp. Khi [đức Phật] Phussa đang nói vê giáo pháp, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm thanh. 1540. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1541. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasañña ka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Saddasañña ka" là phần thứ tám.

89. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BODHISIÑCAKA (Bodhisiñcakattherāpadānam) 1542. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Trong khi đang đi đến về việc xuất gia, tôi đã đi đến gần lễ hội. 1543. Tôi đã cầm lấy nước bông hoa và đã rưới xuống cội Bồ-đề [nói rằng]:

"Đã được giải thoát, Ngài sẽ giúp cho chúng con giải thoát. Đã Niết-bàn, Ngài sẽ giúp cho chúng con Niếtbàn.” 1544. [Ke từ khi] tôi đã rưới nước [bong hoa] ở cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc rưới nước [bông hoa] ở cội Bồ-đề. 1545. ở kiếp thứ ba mươi ba trong thời hiện tại đã có tám vị thống lãnh dân chúng cùng tên Udaksecana, các vị này là các đấng Chuyển Luân Vương. 1546. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bodhisiñcaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Bodhisiñcaka" là phần thứ chín.

90. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMAPUPPHIYA (Padumapupphiyattherāpadānam) 1547. Tôi đã lội vào nước ở hồ sen, trong khi đang ngắt các đóa sen hồng tôi đã nhìn thay đang Toàn Giác Phussa có ba mươi hai hảo tướng. 1548. Tôi đã cầm lấy đóa sen hồng và đã ném lên không trung. Sau khi thực hiện việc làm tịnh tín, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 1549. Sau khi xuất gia, với thân và ý đã được thu thúc, tôi đã từ bỏ sở hành xâu xa ve lơi noi va đã lam trong sạch sự nuôi mạng song. 1550. [Ke từ khi] toi đã dânệ lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1551. Đã có mười tám vị lãnh chúa tên Padumābhāsa và bốn mươi tám [vị lãnh chúa] trong mười tám kiếp. 1552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Padumapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có bông hoa timira, vị có bông hoa nañgalī, vị năm chăp tay, bông hoa adha, hai vị có sự suy tưởng về hào quang, vị dâng cúng trái cây, vị có sự suy tưởng về âm thanh, vị rưới nước [bông hoa] và vị có đóa sen hồng; [tổng cộng] có năm mươi

sáu câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Timirapupphiya là phẩm thứ chín.

5 Bodhismcaka nghĩa là "vi rưới nước (siñcaka) cội cây Bồ-đề (bodhi)' 6 Padumapupphiya nghĩa là t4vi liên quan đến hoa (puppha) sen hồng (padumà)y

X. PHẨM SUDHAPINDIYA (SUDHAPINDHAVAGGO)

91. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUDHĀPINDIYA (Sudhāpindiyattherāpadānam) 1553-54. Đối với người đang Cling dường đến đối tượng xứng đáng sự Cling dường như là đức Phật hoặc là vị Thinh văn đang vượt qua chướng ngại, hoặc đã vượt qua sầu muộn và than vãn, đối với người đang Cling dường đến các vị đã đạt Niết-bàn không còn hãi sợ như thế ấy thì không thể nào ước định được phước báu [của người ấy] là thế này hay thế kia, bằng bất cứ cách thức gì. 1555. ở dây, người nào có thể được làm chúa tể thậm chí của cả bốn châu lục, điều ấy không giá trị bằng một phần mười sáu của một phần nhỏ của sự cúng dường. 1556. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng vữa vôi ở chỗ khe nứt tại ngôi bảo tháp của bậc Toi Thượng Nhân Siddhartha. 1557. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc tu bô. 1558. Trước đây ba mươi kiếp, [đã có] mười ba vị tên Patisañkhāra là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 1559. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sudhāpindiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ky sự về Trưởng lão Sudhāpindiya" là phần thứ nhất

92. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (Sucintitattherāpadānam) 1560. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng chiếc ghế sạch bong đến đức Phật, bậc Quyến Thuộc Của Mặt Trời, đấng Bảo Hộ Thế Gian Tissa. 1561. Trước đây ba mươi tám kiếp, tôi đã là đức Vua Mahāruci. Của cải đã là thừa thãi và giường nằm không phải là ít. 1562. Sau khi dâng cúng đến đức Phật chiếc ghế với tâm ý trong sạch, tôi đã thọ hưởng nghiệp của mình đã được bản thân khéo thực hiện trong thời quá khứ. 1563. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng chiếc ghế trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling chiếc ghế.*

Sudhāpindiya nghĩa là "vj liên quan đến cục (pinda) vôi bột (sudha)y

1564. Trước đây ba mươi tám kiếp, [đã có] Ruci, uparuci và luôn cả Mahâruci là vị thứ ba, ba vị ấy là các đấng Chuyển Luân Vương. 1565. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sucintita2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Sucintita^ là phần thứ nhì.

93. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ADDHACELAKA (Addhacelakattherāpadānam) 1566. Tôi bị lâm vào cảnh vô cùng khốn khổ và bị xâm nhập bởi mùi hôi thối. Tôi đã dâng cúng một nửa mảnh vải đến đức Thế Tôn Tissa. 1567. Sau khi dâng cúng một nửa mảnh vải, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiêp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi cho

thực hiện. 1568. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng mảnh vải trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mảnh vải. 1569. [Trước đây] bốn mươi chín kiếp, ba mươi hai vi thống lãnh dân chúng tên Samantacchadana đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 1570. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Addhacelaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Addhacelaka" là phần thứ ba.

94. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO SĨÎCĨĐÃYAKA(Sũcidâyakattherâpadãnam) 1571. Trong thời quá khứ, tôi đã là nệười thợ rèn ở kinh thành Bandhumā. Tôi đã dâng cúng kim khâu đến bậc Đại An Sĩ Vipassī. 1572. Do nhờ nghiệp như thế ấy, trí tuệ [của tôi] tương đương sự tuyệt hảo của kim cương. Tôi có được sự xa lìa tham ái, tôi được giải thoát, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 1573. Trong tất cả các kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai, tôi đã thành đạt mọi thứ nhờ vào trí tuệ; điều này là quả báo của việc dâng cúng kim khâu. 1574. Trước đây chín mươi môt kiêp đã có bảy vị tên Vajira, là các đang Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1575. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sūcidāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Sūcidāyaka^ là phần thứ tư. 2 Sucintita nghĩa là đã suy nghĩ (cintita) khéo léo 3 Addhacelaka nghĩa ỉà 4ívị liên quan đen một nửa (addhā) mảnh vải (celă)y

4 Sũcidãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) kim khâu (sHcí)'

95. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GANDHAMÃLIYA (Gandhamãliyattherãpadãnam) 1576. Tôi đã thực hiện bảo tháp có hương thơm được bao phủ với các bông hoa nhài, được làm xứng đáng với đức Phật, được dành cho đức Thế Tôn Siddhartha. 1577. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần. 1578. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, là vi đứng đầu trong số các bậc Sa-môn? Ngài đã ngồi ở phía trước hội chúng Tỳ-khưu. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo su, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 1579. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm trước đây chín mươi bốn kiếp, nhờ vào quả báo của hành động đã được thực hiện đến đức Phật một cách đặc biệt, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1580. [Trước đây] ba mươi chín kiêp đã có mười sáu vi có tên là Devagandha, các vi ấy đã là đấng Chuyển Luân Vương. 1581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhamãliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ky sự về Trưởng lão Gandhamãliya^ là phần thứ năm.

96. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIPUPPHIYA (Tipupphiyattherãpadãnam) 1582. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cội cây pātali có màu lục, tôi đã đặt xuống ba bông hoa. 1583-84. Khi ấy, tôi đã ngắt các lá cây héo úa rồi

ném ra ben ngoài. Sau khi đảnh lễ cội cây pātali tợ như [đang đảnh lễ] bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc đang ở trước mặt,6 tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1585. [Ke từ khi] tôi đã cúng đuờng cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường côi cay Bô-đê. 1586. Trước đây ba mươi ba kiêp, mười ba vi vua tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 5 Gandhamâliya nghĩa là Ếévị liên quan đến tràng hoa (jnãỉà) có hương thơm. 6 Ngài Vipassī đã chứng quả Phật tại cội cây pātali {TTPV, tập 42, trang 189, câu kệ 34). (ND)

THÁNH NHÂN KÝ sự 125

1587. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt).. t6i đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tipupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Tipupphiya” là phần thứ sáu.

97. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MADHUPINDIKA (Madhupindikattherāpadānam) 1588. Tôi đã nhìn thấy bậc Ẩn Sĩ Siddhartha tối thượng, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng ở trong khu rừng rậm mênh mông, ít tiếng động, không bị náo loạn. 1589. Ngài là loài Long Tượng có trạng thái Niết-bàn5 như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhĩ đang chiếu sáng, được hội chúng chư thiên tôn kính. Niềm hạnh phúc của tôi đã được dâng trào, ngay lập tức trí tuệ đã được sanh lên cho tôi. 1590. Sau khi dâng cúng mật ong đến bậc Đạo sư vừa xuất khỏi thiền dinh, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư rồi ra di, mặt hướng phía Đông. 1591. [Trước đây] ba mươi bốn kiếp, tôi đã là đức vua Sudassanaṃ và ở bữa ăn ngay lập tức có mật ong cùng với các củ sen chảy ra, có cơn mưa mật ong đã đổ xuống; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 1592. Ke từ khi tôi đã cúng dường mật ong trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường mật ong. 1593. Trước đây ba mươi bôn kiêp, bôn vi Sudassana ây đã là các đang Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1594. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Madhupindika8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Madhupỉọdika" là phần thứ bảy.

98. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SENÅSANADÃYAKA (^enāsanadāyakattherāpadānam) 1595. Tôi đã dâng cúng tấm thảm lá cây đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã xếp đặt vật dụng và bông hoa ở xung quanh. 1596. Tôi đã thọ hưởng tòa lâu đài có đức tính đáng yêu vô cùng quý giá như thế. Và các bông hoa có trị giá lớn lao tuôn trào ra ở chiếc giường của tôi. 1597. Tôi nằm ở chiếc giường đã được trang hoàng, được trải lót bông hoa, và ngay lập tức có cơn mưa bông hoa đổ mưa ở giường của tôi. 1598. [Ke từ khi] tôi đã dang cung tấm thảm lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm.

7 Tipupphiya nghĩa là liên quan đến ba (tĩ) bông hoa (puppha)y 8 Madhupindika nghĩa là 4ívị liên quan đến khối (pindà) mật ong (jnadhu)y

126 KINH TIỀU Bộ

1599. Trước đây vào kiếp thứ năm, bảy vị thống lãnh dân chúng tên Tinasantharaka áy đã được sanh lên, các vi này là các đang Chuyên Luân Vương. 1600. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Senāsanadāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Senāsanadāyaka" là phần thứ tám.

99. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEYYẢVACCAKA (Veyyāvaccakattherāpadānam) 1601. Đã có đoàn người vô cùng đông đúc đến với đức Thế Tôn Vipassī. Tôi là đã người làm việc phục dịch năng động trong mọi công chuyện. 1602. Và vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ thì tôi không có. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư với tâm ý trong sạch. 1603. Ke từ khi toi đã thực hiện việc phục dịch trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục dịch. 1604. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức Vua Sucintita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1605. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. Đại đức Trưởng lão Veyyâvaccaka1011 í6Ký sự về Trưởng lão Veyyãvaccaka" là phần thứ chín.

100. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA (Buddhupatthākattherāpadānam) 1606. Tôi đã là người thổi tù và vỏ ốc [thong báo] của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi thường xuyên gắn bó với việc phục vụ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ. 1607. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ đến đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy, có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn vây quanh tôi. 1608. [Ke từ khi] tôi đã phục vụ bậc Đại Ẩn Sĩ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 1609. Trước đây hai mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua có tên Mahânigghosa đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1610. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhupatthāka11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Buddhupatthãka" là phần thứ mười.

9 Senãsanadãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) chỗ nằm ngồi (senãsană)y 10 Veyyãvaccaka nghĩa là làm công việc phục dịch (yeyyãvaccaka) đến đức Phật.,, 11 Buddhupatthāka nghĩa là "vi là người phục vụ (ụpatthãkà) của đức Phật (Buddhā)'

THÁNH NHÂN KÝ sự 127

Phần tóm lược [Vị dâng] vữa vôi, vị đã khéo suy nghĩ, [một nửa] mảnh vải, cây kim khâu, vi có tràng hoa có hương thơm, vị dâng ba bông hoa, mật ong, chỗ nằm ngồi, việc phục dịch, và người phục vụ; [tổng cộng] có đúng sáu mươi câu kệ đã được thuật lại trong phẩm này. Phẩm Sudhāpindiya là phẩm thứ mười.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm Phẩm Buddha là phẩm thứ nhất, phẩm bảo tọa sư tử, phẩm Subhũti, phẩm Kundadhāna, phẩm Upâli, phẩm vị có cây quạt, phẩm vị đã tự mình suy nghĩ, phẩm Nāgasamāla, phẩm [bông hoa] timira, với phẩm [vị dâng] vữa vôi; mười phẩm ấy có một ngàn bốn trăm câu kệ và thêm năm mươi lăm câu nữa. Nhóm “Miròĩ" tù* phẩm Buddha. Nhóm 6íMột trăm55 thứ nhất được đầy đủ.

XL PHẨM BHIKKHĀDẢYĨ (BHIKKHĀDĀYĪVAGGO)

101. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHIKKHẢDÃYAKA (Bhikkhãdãyakattherãpadãnam) 1611. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, VỊ Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi đi ra khỏi khu rừng bao la, Ngài đã đạt đến Niết-bàn, lìa khỏi tham ái. 1612. Tôi đã dâng lên một muỗng thức ăn đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ đã được an tịnh như thế ấy. 1613. Trong lúc đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời đang giúp cho đám đông dân chúng đang tiếp bước theo sau được thành tựu Niết-bàn, có niềm hạnh phúc cao thượng đã sanh khởi đen tôi. 1614. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thức ăn. 1615. Trước đây tám mươi bảy kiêp? chính bảy vị có tên Mahārenu là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 1616. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhikkhādāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Bhỉkkhãdâyaka" là phần thứ nhất

102. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ÑĀNASAÑÑAKA (Ñānasaññakattherāpadānam) 1617. Đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ có màu da vàng chói như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như giống voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi. 1618. Tôi đã nhìn thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian đang bước đi ở trên đường, đang chiếu sáng tất cả các phương tợ như mặt trăng đã được tròn đầy. 1619. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài], tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Siddhartha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 1620. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ [của đức Phật]. J 1621. Trước đây bảy mươi ba kiếp, mười sáu vị đứng đầu nhân loại đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

THÁNH NHÂN KÝ sự 129

1622. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ñānasañña1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Ñānasaflña^ là phần thứ nhì.

103. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPPALAHATTHI (Uppaỉahatthittherãpadãnam) 1623. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa cư ngụ ở [thành phố] Tivarâ. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha. 1624-25. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều được thọ hưởng quả báo tăng trưởng của việc đã được thực hiện tốt đẹp của mình trước dây, tôi được vây quanh bởi những người tốt của xứ Mallā; điều này là quả báo của việc dâng cúng đức Phật. 1626. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 1627. Xét đến chín mươi bốn [kiếp] trừ ra thời hiện tại, ở tại nơi ấy đã có năm trăm vị vua tên là Najjūpama. 1628. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức

Phật. Đại đức Trưởng lão uppalahatthiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Uppalahatthiya" là phần thứ ba.

104. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADAPŪJAKA (Padapūjakattherāpadānani) 1629. Tôi đã dâng cúng bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhartha. Tôi đã đặt xuống bảy bông hoa ở hai bàn chân [của Ngài] với sự mừng rỡ. 1630. Do việc làm ấy, giờ đây tôi vượt trội nhân loại và chư thiên. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1631. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 1632. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có mười ba đấng Chuyển Luân Vương tên Samantagandha là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương. 1633. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.*

Ñānasaññaka nghĩa là uvị suy tưởng (saññakā) về trí tuệ (nānā) của đức Phát."

130 KINH TIỂU Bộ

Đại đức Trưởng lão Padapūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Padapūjaka" là phần thứ tư.

105. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPUPPHIYA (Mutthipupphiyattherāpadānam) 1634. Lúc bấy giơ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Sudassana. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 1635. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã cúng dường đến [đức Phật] Padumuttara. Có nhãn quan trong sạch, có thiện ý, tôi đã chứng đắc thiên nhãn. 1636. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tâm, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1637. Trước đây ba mươi sáu kiếp đã có mười sáu vị vua tên Devuttara là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mutthipupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Mutthipupphiya55 là phần thứ năm.

106. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA (Udakapūịakattherãpadãnam) 1639. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng I±ư là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung. 1640. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Man, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận. 1641. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư tên Padumuttara đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này: 1642. “Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, [người ấy] không bi sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 1643. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đang Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được VỊ thế bất động. 1644. [Trước đây] sáu ngàn năm trăm kiếp, ba đấng Chuyển Luân Vương tên Sahassarāja ấy đã là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương. 1645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

2 Padapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pūjaka) ở bàn chân (pada)y 3 Mutthipupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến số bông hoa (puppha) ở nắm tay (mutthī)y

THÁNH

132 KINH TIỂU Bỏ _____

1658. Tôi đa câm lây một năm tràng hoa và đã đi nhiêu quanh Ngài. Sau khi phục vụ bậc Đạo sư, tôi đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 1659. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã tự thân đạt được Niết-bàn, tất cả các hữu đã được xóa sạch. 1660. Ke từ khi toi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bảo tọa sư tử. 1661. Trước đây bảy trăm kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ Sannibbâpaka, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1662. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āsanūpatthāpaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Āsanūpatthāpaka" là phần thứ tám.

109. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BILẢLIDÃYAKA (Bilālidāyakattherāpadānam) 1663. Tôi sống trên tấm thảm bằng lá ở không xa núi Hy-mã-lạp. Khi ấy, tôi đạt được sự ham thích các loại cỏ và có thói quen nằm ngủ [ở thảm lá]. 1664. Sau khi mang lại và sửa soạn [các] trái táo, trái bhallâtaka và trái billa, tôi đào xới các loại rễ củ kalamba, bilālī và takkala. 1665. Sau khi biết được ý định của toi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi. 1666. Khi bậc Long Tượng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đi đến, tôi đã dâng lên củ bilālī va đã đặt vào trong bình bát. 1667. Khi ấy, trong lúc làm cho tôi được hoan hỷ5 bậc Đại Hùng đã thọ dụng. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Tri đã nói lên lời kệ này: 1668. "Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngươi đã dâng cúng củ bilālī đến Ta, ngươi không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 1669. Trước đây năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vi tên Sumekhaliya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1670. [Đây] là lân cuôi cùng của tôi trong sự luân chuyên, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 1671. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

6 Āsanūpatthāpaka nghĩa là thiết lập (upatthāpaka) bảo tọa (āsanā) sư tử."

THÁNH NHÂN KÝSự^ 133

Đại đức Trưởng lão Bilālidāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão BiĮālidãyaka" là phần thứ chín.

110. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RENUPŪJAKA (Renupūfakattherāpadānam) 1672. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như mặt trâng đã được tròn đầy. 1673. Ngài được vây quanh bởi các vị Thinh văn tợ như quả đất được bao quanh bởi các biển cả. Tôi đã cầm lấy

bông hoa nāgā và đã dâng các bột phấn hoa đến [đức Phật] Vipassī. 1674. [Ke từ khi] tôi đã dang lên bột phấn hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1675. Trước đây bốn mươi lăm kiếp, tôi đã là vi Sát-đế-lỵ tên Renu? là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1676. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Renupūjaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Renupūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi dâng cúng thức ăn, vi suy tưởng về trí tuệ, vi liên quan đến bó [bông hoa], vị cúng dường bàn chân, vị liên quan đến nắm bông hoa, vị dâng cúng nước, vị có tràng hoa sậy, vi phục vụ, vị dâng cúng củ bilālī và vị dâng cúng phấn hoa; [tổng cộng] có sáu mươi sáu câu kệ. Phẩm BhikkhãdâyT là phẩm thứ mười một

7 BỈỊâlidâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây bi]li." 8 Renupūjaka nghĩa là cúng dường (pũjakà) bột phấn hoa (renu)y

xn. PHẨM MAHÃPARIVÃRA (MAHĀPARIVĀRAVAGGO)

111. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAHẢPARIVẢRA (Mahāparivārattherāpadānam) 1677. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngiru đã đi vào thành Bandhumā cùng với sáu mươi tám ngàn vị. 1678. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến ngôi bảo tháp ở trên đảo. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. 1679. Có tám mươi bốn ngàn dạ-xoa ở lân cận [đã] phục vụ tôi một cách cung kính, tợ như các tập thể chư thiên [phục vụ] vị thần Inda. 1680. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi cung điện và đã cầm lấy tấm vải. Tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã dâng cúng đến bậc Đại Ân Sĩ. 168L "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Do nhờ năng lực của đức Phật, quả đất này đã rung dOng." 1682. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín vào đức Phật, đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 1683. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vả đã dâng cúng tấm vải đến bậc Đạo su, tôi đây cùng với các quan lại và đám tùy tùng đã đi đên nương nhờ [đưc Phật]. • 1684. Ke từ Idii tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1685. Trước đây mười lăm kiếp đã có mười sáu vi tên Suvâhana, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahāparivāra1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Mahāparivāraw là phần thứ nhất

112. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO SUMAÑGALA(Sumañgalattherāpadānam) 1687. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Atthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu sau khi rời khỏi trú xá đã đi đến hồ nước.

1 Mahãparivãra nghĩa là có đoàn tùy tùng {parivārā) đông đảo (mahã)y

1703. Bậc Hữu Nhãn đã khiến cho dân chúng suy tưởng, hơn nữa còn tiếp độ họ. Ngay trong khi đang cùng với chư thiên xem xét, Ngài đã ra đi mặt hướng phía Bắc. 1704. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã đi đến nương nhờ đấng Chúa Te Của Loài Người như thê ây, tôi đã không đi đên khô cảnh trong một trăm ngàn kiêp. 1705. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, mười sáu vị vua lãnh đạo chiến xa tên Mahãdundubhi đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 1706. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamanīya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão SaraọagamaiìTya" là phần thứ ba.

114. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKĀSANIYA (Ekāsaniyattherāpadānam) 1707. Lúc bấy giờ, tôi đã là vi Thiên vương ten Varuna. Có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi đã phục vụ đấng Toàn Giác. 1708. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhan Atthadassī đã Niết-bàn5 tôi đã cầm lấy tất cả các nhạc cụ và đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng. 1709. Tôi đã phối hợp [âm thanh của] chũm chọe vào lời ca và điệu vũ, tôi đã phục vụ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [phục vụ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt. 1710. Sau khi phục vụ cội Bồ-đề ấy là loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, tôi đã xếp chân vào thế kiết-già và đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1711. Được hài lòng với nghiệp của minh, tôi đã được tịnh tín đối với cội Bồ-đề tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên. 1712. Trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác ở giữa loài người và ở giữa chư thiên, có sáu mươi ngàn nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi. 1713. Trước đây năm trăm kiếp đã có ba mươi bốn vị Sát-đế-lỵ tên là Subâhu, [các vi ấy] đã được thành tựu bảy loại báu vật. 1714. Đối với tôi, ba loại lửa đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuôi cùng ở giáo pháp của đang Chánh Đăng Giác. 1715. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekâsaniya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ekãsaniya^ là phần thứ tư.

2 Saranagamarūya nghĩa là t4vị liên quan việc đi đến (gamanà) nương nhờ (saranà), tức là đã quy y." 3 Ekãsanỉya nghĩa là €Ếvị liên quan đến một (ekā) chỗ ngồi (ãsanà)y

118. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAGGASAÑÑAKA (Maggasaññakattherāpadānam) 1742. Bị lạc lối ở trong khu rừng bạt ngàn, các vị Thinh văn có hạnh sống ở rừng của đức Phật Padumuttara đi quanh quẩn tợ như những người mù. 1743. Sau khi suy tưởng về bậc Toàn Giác danh hiệu Padumuttara, những người con trai ấy của bậc Hiền Trí ấy đã bị lạc lối ở trong khu rừng lớn. 1744. Từ chỗ ngụ, tôi đã bước xuốnệ và đã đi đến bên các vị Tỳ-khưu. Tôi đã chỉ đường và đã dâng cúng thức ăn đến các vị ấy. 1745. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1746. Trước đây năm trăm kiếp, mười hai vị tên Sacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 1747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu

thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maggasañflaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Maggasañflaka" là phần thứ tám.

119. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUPATTHĀNASAÑÑAKA (Paccupatthānasaññakattherapadānam) 1748. Lúc bấy giờ, ngay sau khi đấng Thiện Thệ Atthadassī tịch diệt, tôi đã sanh vào dòng giống dạ-xoa, và tôi đã đạt được danh tiếng. 1749. Đối với tôi, quả thật là khó được thành tựu, khó được chói sáng, khó được vươn lên, là việc đấng Hữu Nhãn đã Niết-bàn trong khi tôi đang tìm kiếm của cải. 1750. Vi Thinh văn tên Sâgara đã biết được ý định của tôi, có ý định tiếp độ tôi, vị ấy đã đi đến gần bên tôi [nói rằng]: 1751. "Điều gì khiến ngươi sầu muộn? Này người khôn ngoan, chớ lo ngại, ngươi hãy thực hành giáo pháp. Sự thành tựu về hạt giống [giác ngộ] đã được đức Phật ban phát cho tất cả. 1752-53. Người cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [khi Ngài] đang còn tại tiền, và người cúng dường Xá-lợi của Ngài khi Ngài đã tịch diệt dầu chỉ nhỏ bằng hạt mù-tạt, khi niềm tịnh tín ở trong tâm là tương đương thì phước báu đạt được lớn lao là tương đương; vì thế, ngươi hãy cho xây dựng ngôi bảo tháp rồi hãy cúng dường các Xá-lợi của đấng Chiến Thng." 1754. Sau khi lăng nghe lời nói của vị Sâgara, tôi đã cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Phật. Tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp tối thượng của bậc Hiền Trí năm năm.

7 Maggasañña nghĩa là suy tưởng (sañña) về con đường (jnaggà)y

1755. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi thọ hưởng sự thành đạt tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1756. Và trước đây bảy trăm kiếp, bốn vi [cùng] tên Bhūripañfia đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paccupatthānasañña8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Paccupatthānasafiña" là phần thứ chín.

120. KÝ SựVỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPŪJAKA (Jātipūjakattherāpadānam) 1758. Khi đấng Vipassī đang đản sanh, có nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện. Và quả địa cầu cùng với biển cả và núi non đã rúng động. 1759. Và các nha tiên tri đã dự báo rằng: :Bức Phật, bậc cao cả đối với tất cả chúng sanh, sẽ xuất hiện ở thế gian và sẽ tiếp độ dân chúng?9 1760. Sau khi nghe lời nói của các nhà tiên tri, tôi đã thực hiện việc cúng dường đản sanh. Không có sự cúng dường nào như là sự cúng dường đản sanh. 1761. Sau khi thực hành việc tốt lành, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện việc cúng dường đản sanh, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1762. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh. 1763. Những người vú nuôi chăm sóc tôi thuận theo năng lực tâm của tôi, những người ấy không thể nào làm tôi nổi giận; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh. 1764. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc

cúng dường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh. 1765. Trước đây vào kiếp thứ ba, ba mươi bốn vi thống lãnh dân chúng [cùng] tên Supāricāriya đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1766. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jātipūjaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Jātipūjaka" là phần thứ mười.

8 Paccupatthānasaññaka nghĩa là uvị suy tưởng {saññaka) về sự chăm sóc, phục vụ, hầu hạ (paccupatthāna)y 9 Jātipūjaka nghĩa là cúng dường (pūịakă) bông hoa nhài (jătỉ)y

Phần tóm lược Vị có tùy tùng, vị Sumañgala, vị nương nhờ, vi có chỗ ngồi, vị dâng bông hoa, vị cúng dường lễ hỏa táng, vị suy tưởng về đức Phật, vị chỉ đường, vi có sự phục vụ, vị với sự đản sanh; [tổng cộng] có chín mươi câu kệ đã được nói lên và đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Mahâparivãra là phẩm thứ mười hai.

142 KINH TIỂU Bộ

xm. PHẨM SEREYYAKA (SEREYĨAKAVAGGO)

121. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SEREYYAKA (Sereyyakattherãpadãnam) 1767. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ- đà, trong khi đang đứng ở ngoài trời, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1768. Bậc Đại Ẩn Sĩ giống như là con sư tử đang đi lang thang ở trong rừng, tợ như con cọp chúa không có sự sợ hãi, tợ như giống voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi. 1769. Tôi đã cầm lấy bông hoa sereyya và đã ném lên không trung. Do nhờ năng lực của đức Phật, [các bông hoa áy] quây quân ở khăp nơi. 1770. Bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã chú nguyện. Các mái che băng bông hoa ở xung quanh đã rải rác ở đang Nhân Ngưu. 1771. Kế đó, tấm màn bằng bông hoa ấy, có các cuống hoa ở phía trong và các vành hoa bên ngoài, đã trở thành mái che trong bảy ngày và sau đó đã biến mất. 1772. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diu

1777. CÓ năm ngàn người

144 KINH TIỂU BÔ

123. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PÃYÃSADẢYAKA (Pāyāsadāyakattherāpadūnam) 1791. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang đi ra khỏi khu rừng bao la. 1792. Có ý muôn dâng tặng vật hiên cúng, tôi đây đã chuân bị món cơm sữa ở trong cái đĩa kim loại vô cùng quý giá rồi đã đem dâng tặng bậc có năng lực. 1793. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã khéo léo bước lên con đường kinh hành ở bầu trời trên không trung. 1794. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến

lông rởn ốc ấy, sau khi đặt chiếc đĩa kim loại xuống tôi đã đảnh lễ [đức Phật] Vipassī. 1795. “Bạch đấng Toàn Tri, Ngài là vị Trời ở [thế gian có cả] chư thiên cùng nhân loại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, vì lòng thương tưởng xin Ngài hãy thọ nhãn/5 1796. Biết được ý định của tôi, đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí ở trên đời đã thọ nhận. 1797. Ke từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cơm sữa. 1798. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vi Sát-đế-lỵ tên Buddhā, là đấng Chuyển Luân Vuông, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1799. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pāyāsadāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Pãyãsadãyaka" là phần thứ ba.

124. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA (Gandhodakỉyattherãpadânam) 1800. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī, bậc Toàn Tri, người tiêu diệt sự tăm tối, tợ như cây kakudhā đang chói sáng. 1801. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian [đang] đi ở không xa tòa lâu đài. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh sáng của mặt trời. 1802. Và tôi đã cầm lấy nước thơm rồi đã rải rắc vào đức Phật tối thượng. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1803. [Ke từ khi] tôi đã rải rắc nước thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật

3 Pāyāsadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako} món cơm sữa (pāyāsa)y

1804. Irước đây ba mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sugandha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Gandhodakỉya” ỉa phần thú* tư.

125. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAMMUKHÃTHAVIKA (Sammukhãthavikattherãpadãnam) 1806. Trong khi trấn an dân chúng, tôi đã giải thích về điềm báo hiệu khi vị Vipassī đang đản sanh rằng: "Bức Phật sẽ hiện khởi ở thế gian. 1807. Và vị nào trong khi đản sanh mười ngàn thế giới đã rúng động, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Su, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1808. Và vị nào trong khi đản sanh đã có nguôn ánh sáng bao la, vị ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Su, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1809. Và vị nào trong khi đản sanh các dòng sông đã ngimg chảy, vị ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư? đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1810. Và vị nào trong khi đản sanh ngọn lửa ở địa ngục Avīci đã không bốc cháy, vi ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1811. Và vị nào trong khi đản sanh bầy chim đã không bay lượn, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư5 đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1812. Và vi nào trong khi đản sanh làn gió ngưng thôi, vị ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1813.

Và vị nào trong khi đản sanh tát cả châu báu đã rực sáng, vi ây giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1814. Và vị nào trong khi đản sanh đã có việc bước đi bảy bước chân, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp. 1815. Và ngay khi được sanh ra, bậc Toàn Giác đã chiếu sáng tất cả các phương, Ngài đã thốt lên lời nói hùng tráng; điều này là thông lệ của chư Phát." 1816. Sau khi làm cho dân chúng động tâm, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra di, mặt hướng phía Đông. 1817. [Ke từ khi] toi đã ca ngợi đức Phật trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi. 1818. Trước đây chín mươi kiếp, [tôi đã là] vị tên Sammukhâthavika, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1819. Trước đây tám mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Pathavidundubhī, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1820. Irước đây tám mươi tám kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Obhãsa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1821. Trước đây tám mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Saritacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1822. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vi tên Agginibbpana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1823. Trước đây tám mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gatipacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1824. Trước đây tám mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vâtasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1825. Trước đây tám mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Ratanapajjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1826. Trước đây tám mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị tên Pađavikkamana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1827. Trước đây tám mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vi vua tên Vilokana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1828. Trước đây tám mươi kiếp, [tôi đã là] VỊ Sát-đế-lỵ tên Girisãra, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1829. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sammukhãthavika4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy “Ky sự về Trưởng lão Sammukhãthavika" là phần thứ năm.

126. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUSUMÅSANIYA (Kusumāsaniyattherāpadānam) 1830. Toi đã là vị Bà-la-môn ở thành phố Dhañña vatī về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức. 1831. Là người thông suốt ba tập Vệ-đà9 tôi được rành rẽ về điềm báo hiệu, biết về từ ngữ, về văn phạm, và tôi đã chỉ dạy các học trò về chú thuật. 1832. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng trong khi đoàn tụ với cha mẹ5 tôi đã đặt năm bó sen xanh ở trên chiếc ghế nhỏ. 1833. Khi ấy, đức Thế Tôn Vipassī, đấng Nhân Ngiru dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi đến, trong lúc làm cho tất cả các phương rực sáng. 1834. Sau khi sắp xếp chỗ ngồi, tôi đã thỉnh mời bậc Đại Hiền Trí. Sau khi trải

ra [các] bông hoa ấy, tôi đã rước [đức Phật] đến ngôi nhà của mình.

4 Sammukhãthavĩka nghĩa là "vi đã ngợi ca (thavikà) trực tiếp ở trước mặt (sammukhā)^

THÁNH NHÂN KÝ sự 147

1835. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng đến đức Phật phần vật thực đã có sẵn ở trong nhà của tôi. 1836. Biết được thời điểm Ngài đã thọ thực xong, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Đấng Toàn Tri, sau khi nói lời tùy hỷ9 đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 1837. Ke từ khi tôi đã dang cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 1838. Vào kiếp kế liền trước đây, tôi đã là đức Vua Vàradassana, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1839. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kusumâsaniya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Kusumâsaniya" là phần thứ sáu.

127. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADÃYAKA (Phaladãyakattherãpadãnam) 1840. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi sống tại khu ẩn cư ở không xa núi Hy-mã-lạp. 1841. Tôi có vật cúng dường đến ngọn lửa, có các bông sen trắng và trái cây. Sau khi đặt vào trong chiếc giỏ, tôi đã treo lên ở ngọn cây. 1842. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, trong khi khất thực Ngài đã đi đến gần tôi. 1843. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật. Tôi đã là nguôn sanh lên niêm hạnh phúc, là sự đưa đên an lạc trong thời hiện tại cho chính tôi. 1844. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này: 1845. "Do sự dâng cúng trái cây này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đên khô cảnh trong một trăm ngàn kiep." 1846. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động. 1847. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Sumaủgala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1848. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phaladâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Phaladãyaka95 là phần thứ bảy.

5 Kusumãsaniya nghĩa là t4vị liên quan đến chỗ ngồi (āsanā) bằng bông hoa (kusuma)y
6 Phaladãyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà)y

148 KINH TIÊU BÔ

128. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNASAÑÑAKA (Ñānasaññakattherāpadānam) 1849. Tôi sống trong vùng đồi núi tại núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy bãi cát đang chói sáng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng rằng: 1850. Ế'về trí tuệ, không có gì so sánh, không có gì đối địch với bậc Đạo sư. Sau khi biết rõ tất cả các pháp, Ngài đã giải thoát nhờ vào trí tuệ. 1851. Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kinh lễ Ngài! Không có gì sánh bằng trí tuệ của Ngài, cho dầu là trí tuệ hạng nhất." 1852. Sau khi làm cho tam của mình được tịnh tín ở trí tuệ [đức Phật], tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, điều tốt lành đã được tôi thực

hiện. 1853. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ. 1854. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị độc nhất tên Pulinapupphiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1855. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ñānasañña ka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ỐẾKý sự về Trưởng lão Ñānasaflflaka" là phần thứ tám.

129. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GANDHAPUPPHIYA (GandhapupphiyattherāpadSnam) 1856. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, bậc Xứng Đáng Sự Cúng Dường dẫn đầu các vị Thinh văn, đã rời khỏi tu viện. 1857. Sau khi nhìn thấy đức Phật tối thượng, đấng Toàn Tri, bậc Tiêu Diệt Sự Tăm Tối, với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa có hương thơm. 1858. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ đức Như Lai lần nữa. 1859. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1860. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Carana, là đàng Chuyên Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1861. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

7 Ñānasañña ka nghĩa là "vj suy tưởng (sañña ka) về trí tuệ (nānā) của đức Phát."

Đại đức Trưởng lão Gandhapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Gandhapupphiya" là phần thứ chín.

130. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA (Padumapūjakattherāpadānam) 1862. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên Gotama được che phủ bởi nhiều loại cây cối khác nhau, là nơi trú ngụ của các nhóm chúng sanh vĩ đại. 1863. Và có khu ẩn cư đã được tạo nên ở trung tâm của ngọn núi ấy. Được vây quanh bởi những học trò của mình, tôi sống tại khu ẩn cư. 1864. "Này các nhóm học trò của ta, hãy mang lại cho ta hoa sen hồng. Chúng ta sẽ thực hiện việc cúng dường đức Phật, đấng Chúa Te Của Loài Ngươi như thế 4y." 1865. Các vị ấy đã đáp lại rằng: "Xin vâng"rồi đã mang lại hoa sen hồng cho tôi. Tại nơi ấy, sau khi xác định đối tượng, tôi đã dâng lên đức Phật. 1866. Khi ấy, tôi đã triệu tập các người học trò lại và đã giáo huấn điều tốt đẹp: "Các ngươi chớ xao lãng, không xao lãng là nguồn đem lại sự an lạc." 1867. Sau khi đã giáo huấn như vậy cho những người học trò có sự chấp nhận lời dạy bảo ấy, được gắn bó với đức tính không xao lãng, tôi đã mệnh chung vào khi ấy. 1868. [Ke từ khi] toi đã dân^ lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1869. [Trước đây] năm mươi mốt kiếp, tôi đã là đức Vua Jaluttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị Sereyyaka, vị có ngôi bảo tháp bằng bông hoa, vị [dâng cúng] cơm sữa, vi [rắc] nước thơm, vị ca ngợi, vị có chỗ ngồi, vi [dâng cúng] trái cây, vi suy tưởng, bông hoa có hương thơm, vị có hoa sen hồng; [tổng cộng] có một trăm lẻ năm câu kệ đã được thuật lại bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích. Phẩm Sereyyaka là phẩm thứ mười ba.

8 Gandhapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (pupphà) có mùi thơm (gandha)y 9 Padumapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pụịakà) hoa sen hồng ịpadumă)y

XIV PHẨM SOBHIĨA (SOBHITÂVAGGO)

131. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SOBHITA (Sobhitattherāpadānam) 1870. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu thuyết giảng về vị thế bất tử đến tập thể dân chúng đông đảo. 1871. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài, tôi đã bật thốt lên lời. Khi ấy, tôi đã chắp tay lên và có sự chăm chú. 1872. "Giống như biển cả là đứng đầu trong số các nguồn nước, núi đá Neru là cao quý trong số các ngọn núi, tương tợ y như thế, những ĩiệười nào vận hành năng lực của tâm, những người ây không đạt được một phân trí tuệ của đức Phát.' 1873. Sau khi quy định đường lối trong giáo pháp, đức Phật, đấng Bi Man, bậc Ẩn Sĩ đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 1874. "Người nào đã ca ngợi trí tuệ về đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, người ấy sẽ không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1875. [Người áy] sẽ thiêu đót các phiên não, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, với tên là Sobhita." 1876. [Trước đây] năm mươi ngàn kiêp, bảy vị [cùng] tên Yasuggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật5 có oai lực lớn lao. 1877. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 1878. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sobhita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. Ế6Ký sự về Trưởng lão Sobhita" là phần thứ nhất

132. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUDASSANA (Sudassanattherãpadãnam) 1879. ở bờ sông Vitatthā, cây pilakkha đã được kết trái. Trong khi tìm kiếm giống cây ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1880. Sau khi nhìn thấy cây ketaka đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã cắt ở cuống hoa và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 1881. “Bạch đức Phật tối thixợnệ, bạch bậc Đại Hiền Trí, với trí tuệ nào Ngài đã đạt được vị thế trường tồn bất tử, con xin cúng dường trí tuệ ấy.”

1882. Sau khi cúng dường trí tuệ, tôi đã nhìn thấy cây pilakkha, tôi đã được chứng đạt tuệ ấy; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ. 1883. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ. 1884. Trước đây mười ba kiêp, mười hai vi [cùng] tên Phaluggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1885. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sudassana đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về

Trưởng lão Sudassanaṃ là phần thứ nhi.

133. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAPŪJAKA (Candanapūfakattherāpadānam) 1886. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở bờ sông Candabhāgā. Và tôi đã có thức ăn là bông hoa, tương tợ y như vậy, có y phục là bông hoa. 1887. Và đức Thế Tôn Atthadassí, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi ra ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng, tợ như chim thiên nga chúa ở trên bàu trời. 1888. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Tâm của Ngài khéo được thanh tịnh. Ngài có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, có khuôn mặt và các giác quan trong sáng." 1889. Bậc Trí Tuệ có tuệ bao la đã từ bầu trời bước xuống. Ngài đã trải ra tấm y hai lớp rồi đã ngồi vào tư thế kiết-già. 1890. Tôi đã cầm lấy trầm hương hòa tan rồi đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật. 1891. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 1892. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đưc Phật. 1893. Trước đây một ngàn bốn trăm kiếp, ba vi [cùng] tên Rohita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 1894. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Candanapūjaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Candanapūjaka" là phần thứ ba. (Dứt tụng phẩm thứ tám). l Candanapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pīifaka) trầm hương (candană)y

134. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHADANIYA (Pupphachadaniyattherãpadãnam) 1895. Là vị giảng huân, găn bó với sự hiên cúng, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Sunanda đã cúng hiến cho lễ hiến cúng. 1896. Kh[ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, bậc Cao Cả, đấng Bi Man, bậc Ẩn Si, trong lúc thương tưởng dân chúng đã đi kinh hành ở trên không trung. 1897. Sau khi đã đi kinh hành, bậc Toàn Giác, đấng Toan Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, vị Không Còn Mầm Mống Tái Sanh đã lan tỏa bằng tâm từ ái đến các chúng sanh một cách không giới hạn. 1898. Sau khi đã cắt các bông hoa ở cuống, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã triệu tập lại tất cả các học trò rồi đã thảy [các bông hoa] lên không trung. 1899. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, mái che của các bông hoa đã trải khắp cả thành phố và đã không biến mất trong bảy ngày. 1900. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi đã vượt qua sự ràng buộc ở thế gian. 1901. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, ba mươi lăm vị Sát-đế-lỵ có [cùng] tên Ambaramsa đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphachadaniya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pupphachadanỉya" là phần thứ tư.

135. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RAHOSAÑÑAKA (Rahosaññakattherāpadānam) 1902. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Vàsabha. ở chân ngọn núi ấy có khu ẩn cư đã được tạo lập. 1903. Khi ấy, là vi Ba-la-môn9 tôi đã chỉ dạy ba ngàn học trò. Sau khi triệu tập những người học trò ấy lại, tôi đã ngồi xuống ở một bên. 1904. Sau khi ngồi

xuống ở một bên, là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, trong lúc tầm cầu về sự hiểu biết của đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài]. 1905. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở tấm thảm băng lá. Sau khi xép

2 Pupphachadanỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến mái che (chadană) bằng bông hoa (pupphă)y

1907. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Siridhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1908. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Rahosañňaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Rahosañňaka" là phần thứ năm.

136. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (Campakapupphiyattherãpadãnam) 1909. [Đức Phật] ngòi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng, khiến cho tất cả các phương rực sáng tợ như vì sao osadhĩ. 1910. Đã có ba người thanh niên khéo được học tập về nghề nghiệp của mình cầm lấy túi vật dụng đi theo tôi ở phía sau. 1911. Có bảy bông hoa đã bi rụng xuống ở trong cái giỏ vì sức nóng. Tôi đã cầm lấy các bông hoa ấy và đã dâng lên [hướng tâm đến] trí tuệ của đức Vessabhū. 1912. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ. 1913. Trước đây hai mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Vipulãbha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1914. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Campakapupphiya" là phần thứ sáu.

137. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ATTHASANDASSAKA (Atthasandassakattherāpadānam) 1915. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc có lậu hoặc đã được đoạn tận, vị đã đạt năng lực, đang ngồi ở nơi khoảnh rừng rộng, được vây quanh bởi hội chung Ty-khưu. 1916. "Một trăm ngàn vi có ba minh, có sáu thắng trí, có đại thần lực quây quanh bậc Toàn Giác, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín? 1917. ở [thế gian] gồm cả chư thiên, người có sự tương đương về trí tuệ không tìm thấy, ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có trí tuệ vô biên mà không tịnh tm? 1918. Và người ta không thể làm tổn hại Pháp thân đang chiếu sáng [giống như] toàn bộ hầm mỏ châu ngọc, ai là người nhìn thấy [Ngài] mà không tịnh tín?^,

3 Rahosañňaka nghĩa là suy tưởng (sañňaka) về nơi thanh vắng (raho)' 4 Campakapupphiya nghĩa là íuvị liên quan đến bông hoa (puppha) campaka."

1919. Với ba lời kệ này, vị Nārada Saragacchiya đã ngợi ca về đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại Padumuttara. 1920. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm và do sự ngợi ca đức Phật, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 1921. Trước đây ba ngàn kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Sumitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành

tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1922. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Atthasandassaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Atthasandassaka" là phần thứ bảy.

138. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKAPASẢDANIYA (Ekapasādaniyattherapadānam) 1923. Tên của tôi là Nārada, mọi người biết tôi là [dòng dõi] Kesava. Trong khi tìm hiểu về điều thiện và bất thiện, tôi đã đi đến gần bên đức Phật. 1924. Trong khi an ủi chúng sanh, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī, đấng Bi Man có tâm từ ai, bậc Hữu Nhãn ấy thuyết giảng giáo pháp. 1925. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, tôi đã ra di, mặt hướng phía Đông. 1926. [Trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi đã là đức vua, chúa tể trái đất, là đang Chuyên Luân Vương tên Amittatāpanā có oai lực lớn lao. 1927. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapasādaniya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekapasãdaniya" là phần thứ tám.

139. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SẢLAPUPPHADẢYAKA (Sālapupphadāyakattherāpadānam) 1928. Lúc bấy giờ, tôi đã là vua của loài thú, là con sư tử đã được sanh ra cao quý. Trong khi tìm kiếm chỗ hiểm trở ở ngọn núi, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 1929. "Vj này ắt hẳn là đấng Đại Hùng, nệười giúp cho đám đông dân chúng được [giải thoát] Niết-bàn. Hay là ta nên hiu cận vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân ưu?” 1930. Sau khi bẻ gãy nhánh cây sâla, tôi đã mang lại bông hoa còn lớp vỏ bọc. Tôi đã đi đến gần bậc Toàn Giác và đã dâng cúng bông hoa tối thượng. 1931. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

5 A tthasandassaka nghĩa là "vj chỉ dạy (sandassakà) về ý nghĩa, mục đích (attha)y 6 Ekapasãdaniya nghĩa là liên quan đến việc một lần (ekā) có được đức tin (pasãdană)y

1932. Và trước đây vào kiếp thứ chín, ba vị vua tên Virocana đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1933. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sãlapupphadâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sâlapupphadãyaka" là phần thứ chín.

140. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PIYẢLAPHALADÃYAKA (Piyãlaphaladãyakattherãpadânam) 1934. Lúc bấy giờ, tôi đã là kẻ đồ tể, là kẻ giết hại các sanh mạng khác. Tôi nằm ngủ ở sườn núi không xa bậc Đạo Sư Sikhī. 1935. Tôi nhìn thấy đức Phật, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian vào ban đêm và ban ngày. Nhưng vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Chúa Te Của Loài Người thì tôi không có. 1936. Tôi đã cầm lấy trái cây piyâla và đã đi đến gần đức Phật. Đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngini đã thọ nhận. 1937. Ke từ đó về sau tôi đã theo phục vụ đấng Hướng Đạo. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1938. [Ke từ khi] toi đã cúng dường trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 1939. Trước đây mười lăm kiếp, ba vi [tên] Piyālī đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành

tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1940. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6éKý sự về Trưởng lão Pỉyãlaphaladãyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị Sobhita, vi Sudassanaṃ [vi dâng cúng] trâm hương, [vị dâng cúng] mái che băng bông hoa, vị suy tưởng vê nơi thanh văng, vị có bông hoa campaka, cùng với vi chỉ dạy về mục dích, vị có một lần tịnh tín, vị dâng cúng bông hoa Sla, và vị dâng cúng trái cây là thứ mười; [tổng cộng] có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đem bởi các bậc trí. Phẩm Sobhita là phẩm thứ mười bốn.

7 Sãlapupphadâyaka nghĩa là t4vị dâng cúng (dãyako) bông hoa (puppha) sla." 8 Piyālaphaladāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây (phală) piyāla.,,

XV PHẨM CHATIA (CHATTAVĂGGƠ)

141. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ATICHATTIYA (Atichattiyattherāpadānam) 1941. Khi đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã viên tịch Niếtbàn5 tôi

143. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA (Vedikārakattherāpadānam) 1950. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Piyadassī đã Niết- bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện viền rào bằng ngọc trai. 195L Sau khi cho rải quanh với các viên ngọc ma-ni, tôi đã thực hiện viền rào tuyệt hảo. Sau khi thực hiện lễ hội ở viền rào, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 1952. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có các người cầm giữ những viên ngọc ma-ni ở trên không trung; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1953. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, ba mươi hai vị vua [cùng] tên Manippabhā đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1954. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vedikāraka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Vedikãraka^ là phần thứ ba.

144. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPARIVẢRIYA ỤSaparivãriyattherâpadữnam) 1955. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác sau khi phát cháy như là khối lửa, đã viên tịch Niết-bàn. 1956. Và khi bậc Đại Hùng đã Niết-bàn, đã có ngôi bảo tháp rộng rãi. Người người túc trực ngày và đêm ở gian nhà Xá-lợi cao quý tối thượng. 1957. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện vòng rào chắn bằng gỗ trầm hương. Và khi ấy, có làn khói phù hợp với ngôi bảo tháp được nhìn thấy. 1958. Trong khi được sanh lên ở cõi hữu, dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không nhìn thấy tôi có sự thua kém; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 1959. Trước đây mười lăm kiếp đã có tám vị [vua], tất cả các vị ấy có [cùng] tên Samattā, là các đấng Chuyển Luân Vuông, có oai lực lớn lao. 1960. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saparivãriya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saparivãriya59 là phần thứ tư.

145. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UMMẢPUPPHIYA (Ummāpupphiyatherāpadānam) 1961. Khi đức Thế Tôn Siddhartha, đấng Bảo Hộ Thế Gian, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã Niết-bn, đã có lễ hội ở ngôi đại bảo tháp.

3 Vedikãraka nghĩa là thực hiện (kārako) viền rào ịyedí)y 4 Saparỉvãrỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến nhóm tùy tùng (parivārā) của mình (s)."

1962. Trong khi lễ hội dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhartha đang được tiến hành, tôi đã cầm lấy bông hoa ummâ và đã dâng lên ngôi bảo tháp. 1963. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bảo tháp. 1964. Và trước đây vào kiêp thứ chín, tám mươi lăm vị vua [cùng] tên Somadeva đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1965. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ưmmãpupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ummapupphiya^ là phần thứ năm.

146. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANULEPADÃYAKA (Anulepadāyakattherāpadānam) 1966. Tôi đã thực hiện vòng rào chắn ở cội Bồ-đề của bậc Hiền Trí Anomadassĩ. Tôi đã dâng cúng khối vôi bột và đã làm công việc tô trét. 1967. Sau khi nhìn thấy hành động đã được thực hiện khéo léo ấy, đấng Tối Thượng Nhân Anomadassĩ, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này: 1968. "Do việc làm về vôi bột này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành đạt và sẽ chấm dứt khổ dàu.” 1969. Tôi có vẻ mặt tịnh tín, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh. Tôi duy trì thân mạng cuôi cùng ở giáo pháp của đang Chánh Đăng Giác. 1970. Trước đây tròn đủ một trăm kiếp không thiếu hụt, [tôi đã là] đức vua tên Sabbaghana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1971. Bốn [tuệ] phân tích,...(lít)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 Ummãpupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa ịpuppha) umm” 6 Anulepadāyaka nghĩa ỉa dâng cúng (dāyako) vữa để tô trét {anulepă)y

1975. [Trước đây] năm mươi bảy kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất với tên Suppabuddha; vị lãnh đạo ấy là chúa tể loài người. 1976. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maggadãyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Maggadãyaka,5 là phần thứ bảy.

148. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PHALAKADĀYAKA (Phalakadāyakattherāpadānam) 1977. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ đóng xe thuyền khéo được học tập về nghề mộc. Tôi đã thực hiện tấm ván bằng gỗ trầm hương và đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 1978. Cung điện bằng vàng khéo được hóa hiện ra này chói sáng. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng. 1979. Các tòa lâu đài luôn cả các kiệu khiêng được sanh lên theo

như ước muốn, châu báu của tôi không bị suy suyển; điều này là quả báo của tấm ván gỗ. 1980. [Ke từ khi] toi đã dâng tấm ván gỗ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm

160 KINH TIẾU Bộ

Đại đức Trưởng lão Vatamsakiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Vatamsakiyaw là phần thứ chín.

150. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PALLAÑKADĀYAKA (Pallankadāyakattherāpadānam) 1988. Tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành có mái che ở phía trên đến đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 1989. Lúc bấy giờ, chiếc ghế bành ấy có đầy đủ bảy loại châu báu luôn luôn sanh lên cho tôi, đúng theo ý định của tôi. 1990. Ke từ khi tôi đã dân^ cúng chiếc ghế bành trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc ghế bành. 1991. [Trước đây] hai chục ngàn kiêp, ba người [cùng] tên Suvannābha, [đã là] các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 1992. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pallañkadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pallañkadāyaka" là phần thứ mườĩ.

Phần tóm lược Chiếc lọng che, cây cột [đèn], viền rào quanh, vị có nhóm tùy tùng, vi liên quan đến bông hoa umma, vị tô trét, vị dâng cúng đườn^ di, vị dang cúng tấm ván gỗ, vị có vòng hoa đội đầu, vị dâng cúng chiếc ghe bành; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Chatta là phẩm thứ mười lắm.

7 Vatamsakiya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (vatamsakd)y 8 Pallañkadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) chiếc ghế bành (pallañka)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 161

XVI. PHẨM BANDHUJĪVAKA (BANDHUJĪVAKAVAGGO)

151. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA (Bandhujīvakattherāpadānam) 1993. [Toi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sikhī] tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, tinh khiết, trong sạch, không bị loạn động, đã đoạn tận sự vui thích ở hiện hữu, đã vượt qua sự ái luyến ở đời. 1994. Là bậc đã vượt qua, cao quý trong sô các đang đang tiêp độ, Ngài đang giúp cho dân chúng thành tựu Niết-bàn. Ngài đang tham thiền ở trong khu rừng, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh. 1995. Sau khi buộc lại các bông hoa bandhujīvaka bằng sợi chỉ, tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. 1996. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 1997. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị Chúa Te Của Loài Người có danh vọng vĩ đại tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 1998. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka" là phần thứ nhất.

152. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TAMBAPUPPHIYA (Tambapupphiyattherāpadānam) 1999. Là người bị bận rộn trong việc quán xuyến công việc của người khác, tôi đã làm điều lầm lỗi. Bị xâm chiếm bởi nỗi lo sợ và hốt hoảng, tôi đã trốn chạy đến cuối khu rừng. 2000. Sau khi nhìn thây giông cây đã được trô hoa, dính thành từng chùm, khéo léo phô bày, tôi đã ngắt lấy bông hoa màu nâu đỏ và đã rải rắc ở cội cây Bồ-đề. 200L Sau khi quét dọn cội cây Bồ-đề là giống cây pātalī tối thượng ấy, tôi đã xép chan vao tư the kiet-gia va ngoi xuông ơ góc CÔI cay Bô-đêe

2002. Trong khi tìm kiếm con đường [tôi] đã đi qua, bọn họ đã đến gần chỗ tôi. Và ở tại nơi ấy, sau khi nhìn thấy bọn họ, tôi đã quan sát cội cây Bồ- đề tối thượng. 2003. Và với tâm ý trong sạch, tôi đã đảnh lễ cội cây Bồ-đề. Tôi đã bị rơi xuồng ở hẻm núi đáng kinh sợ có độ sâu băng nhiêu cây thót nót. 2004. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề. 2005. Và trước đây vào kiếp thứ ba, tôi đã là đức Vua Susañfiata, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2006. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tambapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Tambapupphiya" là phần thứ nhì.

153. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VĪTHISAMMAJJAKA (Vīthisammajjakattherāpadānam) 2007. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra tợ như mặt trời đang mọc, như là mặt trời có tia sáng màu vàng, như là mặt trăng vào ngày rằm. 2008. Đã có tất cả sáu mươi tám ngàn vị Lậu tận [A-la-hán] đã tháp tùng bậc Toàn Giác, vi Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu. 2009. Với tâm ý trong sạch, tôi đã quét dọn con đường ấy, và trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra, tôi đã trương lên lá cờ ở tại nơi ấy. 2010. [Ke từ khi] toi đã dâng lên ngọn cờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn cờ. 2011. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là vị vua có sức mạnh vĩ đại, được thành tựu về mọi phương diện, được nổi danh là Sudhaja. 2012. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vīthisammajj aka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Vīthisammajj akaw là phần thứ ba.

154. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPŪJAKA (Kakkāruptīfakattherāpadānam) 2013. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa kakkâru và đã dâng lên đức Phật. 2014. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1 Tambapupphiya nghĩa là "vj liên quan bông hoa ịpuppha) màu nâu đỏ (tamhā}y 2 Vīthisammajjaka nghĩa là 'V quét dọn (sammajjaka) con đường (yĩthĩ)y

2015. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tôi đã là đức Vua Sattuttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2016. Bốn [tuệ] phân

tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kakkārupūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Kakkārupflj aka55 là phần thứ tư.

155. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPŪJAKA (Mandāravapūfakattherāpadānam) 2017. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandârava và đã dâng lên đức Phật. 2018. Trong bảy ngày, đã có tràng hoa của cõi trời là chiếc lọng che cho đức Như Lai. Tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã lễ bái đức Như Lai. 2019. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2020. Và trước đây vào kiếp thứ mười, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2021. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mandāravapūj aka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ^Ký sự về Trưởng lão Mandāravapūjaka95 là phần thứ năm.

156. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (Kadambapupphiyattherāpadānam) 2022. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuta. Bảy vị Phật Độc Giác ấy cư ngụ ở chân ngọn núi ấy. 2023. Sau khi nhìn thây cây kadamba đã được trô hoa tợ như mặt trăng, [vua của các ngọn đèn] đã mọc lên, bang cả hai tay tôi đã hái và đã rải rắc ở bảy vị Phật. 2024. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2025. Trước đây chín mươi hai kiêp? bảy vị [cùng] tên Puppha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2026. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lòd dạy của đức Phật.

3 Kakkārupūjaka nghĩa là "vi cúng dường ịpũịaka) bông hoa kakkāru.^^ 4 Mandãravapĩịaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) bông hoa mandârava.>,

Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kadambapupphiya" ỉa phần thứ sáu.

157. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINASŪLAKA (Tinasũlakattherãpadãnam) 2027. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên Bhūtagana. ở tại nơi ấy có đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ, bậc Tách Ly Khỏi Thế Gian cư ngụ đơn độc. 2028. Tôi đã cầm lấy những bông hoa tinasūla và đã dâng lên đức Phật. Tôi không trở thành người bị rơi vào đọa xứ trong chín mươi chín ngàn kiếp. 2029. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị Dharanīruha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2030. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinasūlaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Tiọasũlaka55 là phần thứ bảy.

158. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NẢGAPUPPHIYA (Nãgapupphiyattherãpadãnam) 2031. [Tôi đã là] vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Suvaccha sống ở trong vùng đoi

núi, được tùy tùng bởi các người học trò của mình. 2032. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. 2033. Ngài [đã] đi kinh hành ở trên không trung, tương tợ y như thế Ngài [đã] phun khói, [đã] chói sáng. Sau khi nhận biết sự vui mừng ở tôi, Ngài đã ra di, mặt hướng phía Đông. 2034. Sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã cầm lấy bông hoa nāgā và đã rải rắc ở con đường [Ngài] đã đi qua. 2035. [Ke tư khi] tôi đã rải rắc bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm tôi đã không đi đến khổ cảnh. 2036. [Trước đây] ba ngàn một trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Mahãratha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2037. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nâgapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nãgapupphiya" là phần thứ tám.

5 Kadambapupphỉya nghĩa là 44vị liên quan đến bông hoa (puppha) kadamba." 6 Tinasūlaka nghĩa là "vi liên quan đến bông hoa tinasūlaka.„ 7 Nãgapupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa (puppha) nāga.„

THÁNH NHÂN KÝ sự 165

159. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNẢGAPUPPHIYA (Punnāgapupphiyattherāpadānam) 2038. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. r 7 e r Sau khi nhìn thây cây punnâga đã được trô hoa, tôi đã tưởng nhớ đên đức Phật tối thượng. 2039. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng lên đức Phật. 2040. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phật. 2041. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vi Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2042. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Punnâgapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6aKý sự về Trưởng lão Punnâgapupphiya 55 là phần thứ chín.

160. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUMUDADẢYAKA (Kumudadāyakattherāpadānam) 2043. ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, được che phủ bởi các bông sen đỏ và sen xanh, được tràn ngập bởi các bông sen trăng. 2044. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim tên gọi kukuttha, có giới hạnh, được thành tựu trí sáng suôt, rành rẽ vê phước và tội. 2045. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã lai vãng ở không xa hồ nước thiên nhiên. 2046. Tôi đã ngắt hoa súng trắng mọc ở trong nước và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Biết được ý định của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã thọ nhận. 2047. Và sau khi đã dâng cúng vật thí ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2048. Trước đây một ngàn sáu trăm kiêp, tám vị thông lãnh dân chúng r 9

[cùng] tên Varuna này đã là các đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2049. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kumudadâyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão

Kumudadyaka” là phần thứ mười.

8 Punnãgapupphiya nghĩa là C4vị liên quan đến bông hoa (puppha) punnãga.„ 9 Kumudadãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) hoa súng trắng (kumudă)y

Phần tóm lược Vị [có hoa] bandhujīvaka, vi có hoa màu nâu đỏ, [vị quét dọn] con đường di, vị có hoa kakkāru, hoa mandārava, vị có hoa kadamba, vị có hoa tinasūla, vi có hoa nāgā, hoa punnāga, vị có hoa komuda; [tổng cộng] có năm mươi sáu cảu kệ đã được thuật lại. Phẩm Bandhujīvaka là phẩm thứ mười sáu.

xvn. PHẨM SUPÃRICARIYA (SUPÂR[CARIY4K4GGƠ)

161. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUPĀRICARIYA (Supāricariyattherāpadānam) 2050. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, vị Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhãn tên Paduma đã thuyết giảng giáo pháp. 2051. Đã có cuộc hội họp của các dạ-xoa ở không xa bậc Đại Ẩn Sĩ. Vì công việc ấy, các dạ-xoa đã đi đến và ngay lập tức đã xem xét. 2052. Nhận biết lời nói của đức Phật và sự thuyết giảng về bất tử, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã vỗ tay và đã phục vụ [Ngài]. 2053. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ bậc Đạo Sư đã khéo được thực hành, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp. 2054. Trước đây hai ngàn chín trăm kiếp, [tôi đã là] vi tên Samalañkata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2055. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Supâricariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Supâricariya^ là phần thứ nhất

162. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KANAVERAPUPPHIYA (Kanaverapupphiyattherāpadānam) 2056. Đức Thế Tôn tên Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đang Nhân Ngiru dân đâu các vị Thinh văn, đã bước đi ở trong thành phô. 2057. Tôi đã được vinh dự là người canh gác ở hậu cung của đức vua. Tôi đã đi đến gần tòa lâu đài và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo The Gian. 2058. Tôi đã cầm lấy bông hoa kanavera và đã rải rắc ở hội chúng Tỳ-khưu. Tôi đã thực hiện nhiều làn ở đức Phật, sau đó đã rải rắc nhiều hơn nữa. 2059. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc Cling dường bông hoa. 2060. Trước đây tám mươi bảy kiếp, bốn vi [cùng] tên Mahiddhikā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2061. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kanaverapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kanaverapupphiya95 là phần thứ nhì.

163. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KHAJJAKADĀYAKA (Khajjakadāyakattherāpadānam) 2062. Trước đây, tôi quả nhiên đã có dâng cúng trái cây đến đức Thế Tôn Tissa. Và tôi

đã dâng lên trái dừa được công nhận là vật ăn được. 2063. Sau khi tôi đã dâng cúng trái cây ấy đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ Tissa, tôi được vui mừng là người đã làm xong việc theo như dự tính, tôi đã được tái sanh theo như ước muốn. 2064. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 2065. Trước đây mười ba kiếp, tôi đã là đức Vua Indasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2066. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Khajj akadâyaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trường lão Khajjakadãyaka" là phần thứ ba.

164. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DESAPŪJAKA (Desapūjakattherāpadānam) 2067. Còn về đức Thế Tôn Atthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đang Nhân Ngưu, Ngài bay lên bâu trời và di chuyên băng đường không trung. 2068. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường đến bất cứ khu vực nào mà đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến và đứng lại ở khu vực ấy. 2069. [Ke từ khi] tôi đã nhìn thấy bậc Đại Hiền Trí [trước đây] một ngàn tám trăm kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường khu vực [đức Phật đã đứng]. 2070. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gosujāta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Desapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Desapūjaka" là phần thứ tư.

1 Kanaverapupphiya nghĩa là tcvị liên quan đến bông hoa (puppha) kanavera.,, 2 Khajjakadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) vật thực để nhai (Jihạjjakă)y 3 Desapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) khoảnh đất, vùng đất (desa)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 169

165. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANIKĀRACCHADANIYA (Kanikāracchadaniyattherāpadānam) 2072. Đấng Toàn Giác Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hiền Trí đã đi sâu vào khu rừng lớn cho việc nghỉ ngơi giữa ngày. 2073. Khi ấy, tôi đã thu nhặt bong hoa kanikāra và đã làm chiếc lọng che. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật. 2074. [Ke từ khi] tôi đã dân^ lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2075. Trước đây hai mươi kiếp, tám vi Sát-đế-lỵ [cùng] tên Sonnābha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2076. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kanikāracchadaniya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy í6Ký sự về Trưởng lão Kanikaracchadaniya" là phần thứ năm.

166. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPPIDÃYAKA (SappidâyakattherãpadãnaỉỊÌ) 2077. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên Phussa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Anh Hùng, trong khi giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết- bàn9 Ngài [đã] đi ở trèn

đương. 2078. Theo tuần tự? đức Thế Tôn đã đi đến gần chỗ của tôi. Do đó, tôi đã nhận lây bình bát và đã dâng cúng bơ lỏng, dâu ăn. 2079. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng bơ lỏng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng. 2080. Trước đây năm mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Samodaka độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2081. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sappidâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÉKý sự về Trưởng lão Sappidyaka" là phần thứ sáu.

167. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YŨTHIKÃPUPPHIYA (Yũthikãpupphiyattherãpadãnam) 2082. Tôi [đã] di chuyển xuôi dòng ở bờ sông Candabhãgã. Tôi đã nhìn thay đang Tự Chủ ở tại nơi ấy tợ như cây sâla chúa đã được tro hoa.

4 Kanikāracchadaniya nghĩa là "vj liên quan đến mái che (chadana) bằng bông hoa kanikāra.,, 5 Sappidãyaka nghĩa là 4Uvị dâng cúng (dãyako) bơ lỏng (sappi)'

2083. Tôi đã cầm lấy bông hoa yũthika và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật. 2084. [Ke từ khi] tôi đã cung đuờng bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2085. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, tôi đã là vị tên Samuddhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2086. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya55 là phần thứ bảy.

168. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DUSSADẢYAKA (Dussadāyakattherāpadānam) 2087. Lúc bấy giờ, tôi đã là người con trai của đức vua ở thành phố Tivarâ đáng yêu. Sau khi nhận được tặng phẩm, tôi đã dâng cúng đến bậc An Tinh. 2088. Đức Thế Tôn đã chấp thuận và đã dùng bàn tay sờ vào tấm vải. Sau khi chấp thuận, [đức Phật] Siddhattha đã bay lên khoảng không ở bầu trời. 2089. Trong khi đức Phật đang đi, các tấm vải đã chạy theo phía sau của Ngài. Tại nơi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín; đức Phật là nhân vật cao cả của chúng ta. 2090. Ke từ ỉdii tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải. 2091. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, khi ấy tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, là vị chúa tê của loài người tên Parisuddhā, có oai lực lớn lao. 2092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dussadâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Dussadâyaka" là phần thứ tám.

169. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAMẢDAPAKA (Samādapakattherāpadānam) 2093. ở tại thành phố Bandhumatī, đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Tôi đã là người ưu tú trong sô họ? và họ là các cộng sự viên của tôi. 2094. Sau khi tụ tập tất cả bọn họ lại, tôi đã khuyến khích về cong việc phước thiện: "Chúng ta sẽ làm tràng hoa dâng đên hội

chúng là phước điền tối thượng?5

6 Yũthìkãpupphiya nghĩa là fctvị liên quan đến bông hoa (pupphà) yũthika.„ 7 Dussadãyaka nghĩa là dâng cúng {dãyako) tấm vải (dussàyy

2095. Thuận theo mãnh lực của niềm ước muốn của tôi, họ đã đáp lại rằng: uTốt lắpi", và họ đã hoàn tất tràng hoa ấy. [Tôi đã nói rằng:] "Chúng ta hãy dâng đến [đức Phật] Vipassī?5 2096. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tràng hoa. 2097. Trước đây năm mươi chín kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất tên Âdeyya, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2098. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Samâdapaka đã nói lên những lời kệ này như thê ây. uKý sự về Trưởng lão Samãdapaka" là phần thứ chín.

170. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAÑCAÑGULIYA (Pañcañguliyattherāpadānam) 2099. Đức Thế Tôn tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Hiền Trí, vị thiện xảo về việc an tru [thiền quả] đang đi vào hương thất. 2100. Tôi đã cầm lấy tràng hoa có hương thơm ngào ngạt và đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Chính vì không làm ồn đến đấng Toàn Giác, tôi đã dâng cúng một nhúm năm ngón tay [bông hoa]. 2101. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên hương thơm trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của một nhúm năm ngón tay [bông hoa]. 2102. Trước đây bảy mươi hai kiếp, vị vua tên Sayampabha đã là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paficañguliya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pañcañguliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi có sự phục vụ tốt, vị có bông hoa kanavera, vị có vật ăn được, vị cúng dường khu vực, bông hoa kanikāra, vị dâng cúng bơ lỏng, bông hoa yũthika, vị dâng cúng tấm vải, tràng hoa và một nhúm năm ngón tay; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ. Phẩm Supãrỉcariya là phẩm thứ mười bảy.

8 Pañcañguliya nghĩa là t4vị liên quan đến l nhúm 5 (pañca) ngón tay (añgulā)y

xvm. PHẨM KUMUDA (KUMUDAVĂGGƠ)

171. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMÃLIYA (KumudamũliyattherSpadãnam) 2104. ở núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn. Là loài quỷ sứ đã được sanh ra ở tại nơi ấy, tôi đã có dáng vẻ rùng rợn, có sức mạnh lớn lao. 2105. Bông súng trắng ở tại nơi ấy trổ hoa. Chúng được sanh ra có kích thước bằng bánh xe. Tôi đã thu nhặt bông hoa ấy, và đã có sự gặp gỡ với bậc có năng lực vào lúc ấy. 2106. về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi nhìn thấy bông hoa đã được gom lại, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi. 2107. Và khi bậc Toàn Giác, vi Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã gặp Ngài; tôi đã cầm lấy bông hoa và

đã dâng lên đức Phật. 2108. Khi ấy, hội chúng ấy đã trải dài đến tận cùng núi Hy-mã-lạp. Đức Như Lai đã đi đến, có được đầy đủ mái che cho toàn bộ hội chúng. 2109. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2110. Trước đây mười lăm kiếp, bảy vi thống lãnh dân chúng [cùng] tên Sahassaratha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2111. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kumudamâliya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kumudamãliya" là phần thứ nhất

172. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NISSENIDÃYAKA (Nissenidāyakattherāpadānam) 2112. Tôi đã cho thực hiện cầu thang để bước lên tòa lau đài của đức Thế Tôn Kondafiña, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 2113. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1 Kumudamãlìya nghĩa là uvị liên quan đến tràng hoa (mãỉa) kumuda,^^

THÁNH NHÂN KÝ sự 173

2114. [Trước đây] ba mươi môt ngàn kiêp, ba vi vua [cùng] tên Sambahulā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2115. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nissenidāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nissenidãyaka" là phần thứ nhì.

173. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RATTIPUPPHIYA (Rattìpupphiyattherâpadānam) 2116. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu. 2117. Sau khi nhìn thấy giống cây rattika [nở hoa ban đêm] có chứa dược liệu đã được trổ hoa, tôi đã thu hoạch bông hoa luôn cả cuống và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ. 2118. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 2119. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức vua tên Suppasanna, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Rattipupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Rattipupphiya” là phần thứ ba.

174. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAPẢNADẢYAKA (Udapãnadãyakattherãpadãnam) 2121. Tôi đã thực hiện cái giếng dành cho đức Thế Tôn Vipassī. Và khi ấy, sau khi dâng cúng đồ ăn khất thực, tôi đã dâng [cái giếng] đến Ngài. 2122. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, toi không con biêt đen kho canh; điêu nay la qua bao cua cai giêng. 2123. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udapānadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Udapãnadãyaka" là phần thứ tư.

2 Nissenidāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) cầu thang (ỉỉissenĩ)y 3 Rattipupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (mãỉa) nở vào ban đêm (rattỉ)y 4 ưdapãnadãyaka

nghĩa là dâng cúng (dāyako) cái giếng (ụdapānă)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 175

2136. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadĩpiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ekadĩpiya,9 là phần thứ bảy. (Dứt tụng phẩm thứ chín).

178. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MANIPŪJAKA (Manipūfakattherāpadanam) 2137. Có con sông nhỏ đã phát xuất từ phân bên dưới của núi Hy-mã-lạp. Và lúc bấy giờ, bậc Tự Chủ cư ngụ ở phần đất cạnh bờ sông ấy. 2138. Tôi đã cầm lấy chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni có màu sắc xinh xắn, đáng yêu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật. 2139. [Ke từ khi] toi đã dânạ lên ngọc ma-ni trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2140. Và trước đây mười hai kiêp, tám vi vua [cùng] tên Satararpsi ây đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2141. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Manipūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Manipūjakaw là phần thứ tám.

179. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO TĪKiCCĪiAKA(Tikicchakattherāpadānam) 2142. ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là người thầy thuốc khéo được học tập, là nguồn đem lại sự an lạc cho những bệnh nhân có sự khổ đau. 2143. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có giới hạnh, vố cùng sáng suốt, bị lâm bệnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng thuốc chữa bệnh. 2144. Chính nhờ thế, vị Sa-môn có giác quan thu thúc đã được lành bệnh. Người là vị hầu cận của [đức Phật] Vipassī, có tên là Asoka. 2145. Ke từ khi tôi đã dâng cúng phương thuốc trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của thuôc chữa bệnh. 2146. Và trước đây vào kiếp thứ tám, [tôi đã là] vị tên Sabbosadha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2147. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikicchaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tikicchaka” là phần thứ chín* 6 Ekađĩpiya nghĩa là 44vị liên quan đến một (ekā) ngọn đèn (dĩpă)y 7 Tikicchaka nghĩa là 4tvị thầy thu6c".

176 KINH TIÊU Bộ

180. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAÑGHUPATTHĀKA (Sañghupatthākattherāpadānam) 2148. Vào thời kỳ đức Thế Tôn Vessabhū, tôi đã là người phụ việc tu viện. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ hội chúng tối thượng. 2149. Ke từ khi tôi đã thực hiên việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 2150. Trước đay vào kiếp thứ bảy, chính bảy vị [cùng tên] Samodaka ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2151. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sañghupatthāka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão

Sañghupatthāka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược B6ng súng trăng, roi vị có câu thang, giông cây nở hoa vê đêm, vị dâng cúng giêng nước, vị có bảo tọa sư tử, vị rải rắc [bông hoa] ở con đường, vị có một ngọn đèn, vị dâng lên ngọc ma-ni, vi y si, vị phục vụ; [tổng cộng] có bốn mươi chín câu kệ. Phẩm Kumuda là phẩm thứ mười tám.

8 Sañghupatthāka nghĩa là 'V phục vụ (upatthāka) hội chúng (sañgha)y

XIX. PHẨM KUTAJAPUPPHIYA (KUTAJAPUPPHIY4^4GGO)

181. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUTAJAPUPPHIYA (Kutajapupphiyattherāpadānam) 2152. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời đã mọc lên đang quan sát phương hướng trong lúc đang di chuyển ở không trung. 2153. Sau khi nhìn thấy cây kutaja đã được trổ hoa, đã được phát tán ngang dọc, tôi đã ngắt lấy [bông hoa] từ trên cây và đã dâng lên [đức Phật] Phussa. 2154. [Ke từ khi] toi đã dânệ lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2155. Trước đây mười bảy kiếp, bảy vị [cùng tên] Pupphita đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2156. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutajapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Kutajapupphiya55 ỉa phần thứ nhất

182. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA (Bandhujīvakattherāpadānam) 2157. Đấng Toàn Giác, bậc Tự Chủ tên Siddhattha là vị đã được các bậc có đức hạnh ca ngợi. Được thành tựu về thiền định, Ngài đã ngồi ở trong vùng đồi núi. 2158. Trong khi tìm kiếm bông hoa tối thượng sanh trưởng ở trong nước tại hồ nước thiên nhiên, tôi đã nhìn thấy các bông hoa bandhujīvaka gần kề bên cạnh. 2159. Tôi đã nâng lên [các bông hoa] bằng cả hai tay và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên [đức Phật] siddhattha. 2160. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1 Kutạiapupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa (pupphă) kutaja.,?

2161. Irước đây mười bốn kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng, là đấng Chuyển Luân Vương tên Samuddakappa, có oai lực lớn lao. 2162. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Bandhujīvaka55 là phần thứ nhì.

183. KÝ Sự VÈ

2 Bandhujīvaka nghĩa là có bông hoa bandhụịívaka." 3 Kotumbariya nghĩa là t4vị liên quan đen tam vải mịn koỊumbara."

THÁNH NHÂN KÝ sự 179

2172. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2173. Trước đây mười ba kiếp, năm vi được gọi tên là Usabha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2174. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Paflcahatthiya" là phần thứ tư.

185. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ISIMUGGADÃYAKA (Isimuggadāyakattherāpadānam) 2175. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như cây kakudhā đang chói sáng. 2176. Tôi đã nghiền các hạt đậu tây ở trong mật viên tinh khiết. Trong khi đứng ở ngay tại tòa lâu đài, tôi đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2177. Đã hiện diện tám trăm ngàn vị Thinh văn của đức Phật. Món ấy dầu được tràn đầy bình bát của tất cả các vị, mà vẫn còn nhiều hơn thế nữa. 2178. Do sự tinh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2179. Trong bốn mươi ngàn kiếp, ba mươi tám người ấy có [cùng] tên là Isimugga, họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2180. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Isimuggadâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÉKý sự về Trưởng lão Isimuggadâyaka^ là phần thứ năm.

186. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BODHI-UPATTHĀKA (Bodhi-upatthākattherāpadanam) 2181. Tôi đã là người sử dụng chiêc trông con ở thành phô Rammavatĩ. Thường xuyên bận rộn với công việc phục vụ, tôi đã đi đên cội Bô-đê tôi thượng. 2182. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã phục vụ sáng chiều, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một ngàn tám trăm kiếp. 2183. Trước đây một ngàn năm trăm kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng tên Murạja, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2184. Bốn [tuệ] phân tích,. .. (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

4 Pañcahatthiya nghĩa là 4tvị liên quan đến năm (pañca) bó (hatthă) hoa." 5 Isimuggadâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) đậu tây (isừnugga)'

180 KINH TIÊU Bộ

Đại đức Trưởng lão Bodhi-upatthāka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Bodhi-upatthākaw là phần thứ sáu.

187. KÝ SựVÈ TRƯỞNG LÃO EÌỈACìỉịTĨKA(Ekacintìkattherãpadãnam) 2185. Khi vị thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng: 2186. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp. 2187. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh

khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố, và không bi dao động cho đến hét cuộc đời/9 2188. "Bạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằnệ khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng y, [là việc] không có khổ đau, không có mâm tái sanh. 2189. Sau đó, hãy làm nhiêu việc phước còn có mâm tái sanh ây băng sự bô thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh.59 2190. Do lòng thương tưởng này, khi biết vị thiên nhân đang mệnh chung, chư thiên thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa.” 2191. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đên sanh chủng nào?" 2192. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, nên đã đi đến gặp tôi. 2193. Vi Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumanā. Khi ấy, vi ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động. 2194. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy. 2195. Được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2196. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekacintika7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Ekacintika” là phần thứ bảy.

188. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIKANNIPUPPHIYA (Tikannipupphiyattherāpadānam) 2197. Trong khi là vị thiên nhân, tôi đã được các tiên nữ trọng vọng. Tôi đã nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đa nhớ đến đức Phật tối thượng.

6 Bodhi-upatthāka nghĩa là "vi phục vụ (upatthāka) cội cây Bồ-đề (bodhi)' 7 Ekacỉntỉka nghĩa là có một lần (ekā) suy nghĩ (cừuika)'

THÁNH NHÂN KÝ sự 181

2198. Sau khi lấy ra bông hoa tikanni, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín và đã dâng lên đức Phật Vipassī, đấng Nhân Ngưu. 2199. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật ' 2200. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bon vị [cùng] tên Ramuttama đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikannipupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Tikannipupphiya^ ỉa phần thứ tám.

189. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACĀRIYA (Ekacāriyattherāpadānam) 2202. Lúc bây giờ, đã xảy âm thanh âm ĩ ở chư thiên cõi trời Đạo-lợi răng: “Bức Phật Niết-bàn ở thế giãn, và chúng ta vẫn còn tham ái.” 2203. Chư thiên ấy đã bị khơi dậy bởi nỗi niềm chấn động, đã bi chiếm hữu bởi mũi tên sầu muộn. Được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, tôi đã đi đen gần bên đức Phật. 2204. Tôi đã câm lây bông hoa mandārava mem mại đã được hóa hiện ra, tôi đã dâng lên đức Phật vào thời điểm viên tịch Niết-bàn. 2205. Khi ấy, tất cả chư thiên và các tiên nữ đã tùy hỷ với tôi. Tôi đã không bi đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2206. Trước đây sáu mươi ngàn kiêp, mười sáu

người [cùng] tên Mahāmallajana ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2207. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekacăriya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekacâriya59 là phần thứ chín.

190. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIVANTIPUPPHIYA (Tivantipupphiyattherāpadānam) 2208. Bi [phiền não] chế ngự, tất cả các vị ấy đã cùng nhau đi đến gặp tôi và tham thiền. Trong khi các vị ây đang tham thiền, họ đã có sự bực bội khởi lên. 2209. Lúc bấy giờ, vi có tên Sunanda, Thinh văn của đức Phật, bậc Hiền Trí Dhammadassĩ đã đi đến gặp tôi. 2210. Khi ấy, những người nào đã có sự sinh hoạt gắn bó với tôi, những người ấy đã dâng cúng bông hoa đến tôi. Tôi đã cầm lấy bông hoa ấy và đã dâng len vi Thinh văn.

8 Tikannipupphiya nghĩa là 46vị liên quan đến bông hoa (puppha) tikanni.^^ 9 Ekacâriya nghĩa là uvị có một lần (ekā) hành xử (cărỉyà)y

2211. Tôi đây đã qua đời và cũng đã tái sanh ở tại nơi ấy lần nữa. Tôi đã không đi đến đọa xứ trong một ngàn tám trăm kiếp. 2212. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, tám vi [cùng] tên Dhũmaketu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2213. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt).. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tivantipupphiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tivantipupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa kutaja, vị có bông hoa bandhujīva, bông hoa kotumbara, bó bông hoa, hạt đậu tây, cội Bồ-đề, vị có một lần suy nghĩ, vị có bông hoa tikanni, vị có một lần hành xử, bông hoa tivanti; [tổng cộng] có sáu mươi hai câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Kutajapupphiya là phẩm thứ mười chín.

10 Tivaụtipupphỉya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa (puppha) tivanti."

XX. PHẨM IAMÃLAPUPPHIYA (TAMẢLAPUPPHIY4K4GGƠ)

191. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TAMÃLAPUPPHIYA (Tamālapupphiyattherāpadānam) 2214. Tòa lâu đài với tám mươi bốn ngàn cột trụ làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra cho tôi, tợ như [phép mầu do] cây như ý của chư thiên. 2215. Với tâm ý trong sạch, tôi đã cầm lấy bông hoa tamâla và đã dâng lên đức Phật Sikhī, là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2216. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2217. Trước đây hai mươi kiếp, chỉ một mình [tôi] có tên Candatitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tamâlapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Tamãlapupphiya55 là phần thứ nhất

192. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASANTHARADĀYAKA (Tinasantharadāyakattherāpadānam) 2219. Cỏ mà vị Ẩn sĩ sống ở trong rừng [đã] cắt cho bậc Đạo Sư, tất cả cỏ ấy đã ngã xuống ở trên mặt đất, nghiêng về phía phải. 2220. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cỏ ấy và đã trải ra ở phần cao nhất của mặt đất. Và tôi đã mang lại chỉ ba lá cây thốt nốt. 2221. Sau khi làm mái che bằng cỏ, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha. Chư thiên và nhân loại đã duy trì [mái che] cho bậc Đạo Sư ấy trong bảy ngày. 2222. Ke từ khi tôi đã dâng cúng cỏ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cỏ. 2223. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahaddhanā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

l Tamãlapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) tamla."

184 KINH TIỂU BỘ

2224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinasantharadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão Tinasantharadāyaka55 là phần thứ nhì.

193. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KHANDAPHULLIYA (Khandaphulliyattherāpadānam) 2225. Lúc bấy giờ, ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Phussa ở trong khu rừng bao la đã bị phá sập bởi các con voi, có cây cối đã mọc lên ở nơi ấy. 2226. Được vui lòng với các đức hạnh của bậc Thầy của tam giới ấy, tôi đã san băng cho loi lõm va đã dang cung khoi voi bote 2227. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khối vôi bột. 2228. [Trước đây] bảy mươi bảy kiêp, mười sáu vị [cùng] tên Jitasena đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2229. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Khandaphulliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Khandaphulliya" là phần thứ ba.

194. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ASOKAPŪJAKA (Asokapūjakattherāpadānam) 2230. Lúc bấy giờ, ở thành phố Tīvarā đáng yêu đã có khu vườn thượng uyển, ở tại nơi ấy, tôi đã là người giữ vườn, có sự sinh hoạt gắn bó với đức vua. 2231. Đấng Tự Chủ tên Paduma đã là vi có hào quang. Khi bậc Hiền Trí ấy ngồi ở nơi cây sen trắng, bóng râm đã không rời khỏi Ngài. 2232. Sau khi nhìn thây cây asoka đã được trô hoa, nặng tnu từng chùm, có dáng nhìn xinh đẹp, tôi đã dâng lên đức Phật có tên là Padumuttara. 2233. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2234. Trước đây ba mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng tên] Arunañjaha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2235. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 2 Tinasantharadāyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dāyako) tấm thảm (santhara) bằng cỏ (tỉnà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 185

Đại đức Trưởng lão Asokapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Asokapūjaka" là phần thứ tư.

195. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAKA (Añkolakattherāpadānam) 2236. Sau khi nhìn thấy cây añkola với chùm hoa cao quý có lớp vỏ bọc đã được trổ hoa, tôi đã hái xuống bông hoa ấy và đã đi đến gặp đức Phật. 2237. Vào thời điểm ấy, bậc Đại Hiền Trí Siddhattha có sự ẩn cư. Sau khi bày tỏ sự tôn kính trong chốc lát, tôi đã rải rắc bông hoa ở nơi hang động. 2238. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2239. Trước đây ba mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị Devagajjita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Aồkolaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ký sự về Trưởng lão Ahkolaka" là phần thứ năm.

196. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KISALAYAPŪJAKA (Kisalayapūjakattherāpadānam) 2241. Tôi đã có môt vườn hoa ở thành phố Dvāravatī. Và có giếng nước ở ngay tại nơi ấy là nguồn cung cấp [nước] cho các loài thực vật. 2242. Có lòng thương tưởng đến tôi, vị Siddhartha không bị đánh bại ấy, được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, đi đến ở trên không trung. 2243. Tôi không nhìn thấy bất cứ vật nào khác đáng để cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi nhìn thấy chồi non của cây asoka, tôi đã thảy [chồi non ấy] lên không trung. 2244. Trong khi đức Phật đang di chuyển, các chồi non ấy đi theo phía sau của Ngài. Tôi đây sau khi đã nhìn thấy thần thông ấy [đã tán dương rằng]: “Oi, tính chất cao thượng của đức Phật! 2245. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên chồi non trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2246. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị Ekassara độc nhất, là đấng Chuyên Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2247. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 Asokapūjaka nghĩa là tcvị cúng dường (pụiakă) bông hoa asoka." 4 Añkolaka nghĩa là "vj có bông hoa añkola.^,

186 KINH TIÊU Bộ

Đại đức Trưởng lão Kisalayapūjaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trường lão Kỉsalayapũj aka" là phần thứ sáu.

197. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINDUKADÃYAKA (Tindukadãyakattherãpadãnam) 2248. Tôi đã là con khỉ có sức mạnh và nhanh nhẹn, thường lai vãng ở nơi hiểm trở của ngọn núi. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. 2249. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã lìa khỏi [chỗ ngụ] vài ngày và đã xem xét đấng Lãnh Đạo Thê Gian Siddhattha, bậc đã đi đến tận cùng ba cõi. 2250. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở Thế Gian cùng với một ngàn bậc Vô lậu đã đi đến gần tôi. 2251. Sau khi làm cho sanh khởi niềm himg phấn, tôi đã đi đến

gần, có trái cây ở tay. Đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã thọ nhận. 2252. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 2253. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị có tên upananda, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2254. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tindukadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Tindukadãyaka^ là phần thứ bảy.

198. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MUTTHIPŪJAKA (Mutthipūjakattherāpadānam) 2255. Vì lòng thương tưởng hậu thế, đức Thế Ton tên Sumedha, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, đấng Chiến Thắng đã ra sức nỗ lực. 2256. Trong khi bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy đang đi kinh hành, tôi đã dâng lên đức Phật nắm tay gồm những bông hoa girinela. 2257. Do sự tịnh tín ây ở trong tâm, được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp. 2258. Trong hai ngàn ba trăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Sunela, là người độc nhất được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2259. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 Kisalayapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pūjaka) các chồi non (kisalayăyy 6 Tindukadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây tinduka.,^

Đại đức Trưởng lão Mutthipūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Mutthipūjaka55 là phần thứ tám.

199. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIÑKANIPUPPHIYA (Kiñkanipupphiyattherāpadānam) 2260. Đấng Tự Chủ tên Sumañgala, bậc Không Bi Đánh Bại, đấng Chiến Thắng đã rời Idiỏi khu rừng bao la và đa đi vào thành phố. 2261. Sau khi thực hành việc đi khất thực, bậc Hiền Trí đã lìa khỏi thành phố. Có phận sự đã được làm xong, bậc Toàn Giác ấy đã cư ngụ ở trong khu rỉmg. 2262. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiñkani và đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ. 2263. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2264. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Apilãpiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2265. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kiñkanipupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Kiñkanipupphiya" là phần thứ chín.

200. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YŨTHIKÃPUPPHIYA (Yūthikāpupphiyattherāpadanam) 2266. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi đến trú xá. 2267. Sau khi cầm lấy bông hoa yũthika tối thượng bằng cả hai tay, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc co tâm tư ái như thế ấy. 2268. Do sự tịnh tín ây ở trong tâm, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu và đã không bị

sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 2269. Trước đây năm mươi kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Samittanandana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2270. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Yũthikãpupphiya" ỉa phần thứ mười. 7 Mutthipūjaka nghĩa là "vj cúng dường (pũịakă) nắm (mutthī) bông hoa."

8 Kiñkanipupphiya nghĩa là uvị liên quan đen bông hoa ịpuppha) kiñkapi.” 9 Yũthikãpupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (pupphà) yūthikā.^,

188 KINH TIỂU BÔ

Phần tóm lược Vị có bông hoa tamãla, thảm trải băng cỏ, vị khám phá sự đô v&, vị liên quan đến bông hoa asoka, vị có bông hoa aốkola, chồi non, trái cây tinduka, các bông hoa nelā, vị có bông hoa kiñkani, vị có bông hoa yũthikâ; [tổng cộng] có năm mươi tám câu kệ. Phẩm Tamãlapupphiya là phẩm thứ hai mươi.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm Vị dâng cúng thức ăn, [vi có] đoàn tùy tùng, bông hoa sereyya, Trưởng lão Sobhita là tương tợ, vị có chiếc lọng che, bông hoa bandhiyīva, vị có sự phục vụ khéo léo, bông hoa kumuda, bông hoa kutaja và luôn cả vị có bông hoa tamãla đã được thực hiện là thứ mười. Có sáu trăm câu kệ và sáu mươi sáu câu thêm vào đó. Nhóm tỉr phẩm Bhikkhā. Nhóm wMột trăm55 thứ nhì được đầy đủ.

THÁNH NHÂN KÝ sự 189

XXI. PHẨM KANIKĀRAPUPPHIYA (KANIKẴRAPUPPHr^KÍGGƠ)

201. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KANIKÃRAPUPPHIYA (Kanikārapupphiyattherāpadānam) 2271. Sau khi nhìn thấy cây kanikāra đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã hái xuống [bông hoa] và đã dâng lên [đức Phật] Tissa, bậc đã vượt qua dòng lũ như thế ấy. 2272. [Ke từ khi] toi đã cúnệ dường bong hoa trước đây chín mươi hai kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2273. Trước đây ba mươi lăm kiêp, [tôi đã là] vị nôi danh tên Arunapānī, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2274. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kanikārapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng ião Kaọikãrapupphiỵa" là phần thứ nhất

202. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MINELAPUPPHIYA (Minelapupphiyattherāpadānam) 2275. Đức Thế Tôn Sikhī hùng tráng có màu da vàng chói, có trăm ánh hào quang, có sự huy hoàng, có tâm từ ái, đã bước lên con đường kinh hành. 2276. Với tam tịnh tín, với ý vui mừng, sau khi đảnh lễ bậc có trí tuệ tối thượng, tôi đã cầm lấy bông hoa minela và đã dâng lên đức Phật. 2277. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2278. Vào kiếp [thứ] hai mươi chín, [tôi đã là] vị tên Sumedhayasa, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2279. Bốn

[tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Minelapupphiya12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Minelapupphiya" là phần thứ nhì. 1 Kanikãrapupphỉya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa ịpupphă) kanikara.,i 2 Níinelapupphiya nghĩa là "vi liên quan đến bông hoa (pupphũì) minela.,^

203. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KIÑKINIKAPUPPHIYA (Kiñkinikapupphiyattherūpadānam) 2280. Bậc Toàn Tri, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [sáng chói] trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã lội xuống hồ nước lạnh và đã tắm. 2281. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiñkini và đã dâng lên [đức Phật] Vipassassĩ, đấng Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2282. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2283. Vào kiếp [thứ] hai mươi bảy, [tôi đã là] đức Vua Bhĩmaratha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2284. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kiñkinikapupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy "Ký sự về Trưởng lão Kiùkinikapupphiya" là phần thứ ba.

204. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA (Taraniyattherāpadānam) 2285. Đức Thế Tôn Atthadassí, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu các bậc Thinh văn đã đi đến bờ sông Gaủgâ. 2286. Sông Gañgā đã tràn nước đến mé bờ khiến loài quạ có thể uống được, khó có thể vượt qua. Tôi đã đưa đức Phật, bậc Tối Thượng Của Loài Người, cùng với hội chúng Tỳ-khưu sang sông. 2287. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông]. 2288. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, năm vi [cùng tên] Sabbhogavâ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2289. Và trong kiếp sống cuối cùng này, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn. Cùng với ba người bạn, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của bậc Đạo Sư. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Taraniya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Taraniya95 là phần thứ tư. 3 Kiñkinikapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) kiñkini.,, 4 Taraniya nghĩa là t4vị liên quan đến việc đưa sang (tarand) song,"

205. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA (Niggundipupphiyattherāpadānam) 2290. Tôi đã là người phụ việc tu viện của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi đã cầm lấy bông hoa niggundi và đã dâng lên đức Phật. 2291. [Ke từ khi] tôi đã cung dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2292. Trước đây ba mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực

lớn lao. 2293. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Niggundipupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy “Ky sự về Trưởng lão Niggundipupphiya^ là phần thứ năm.

206. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDAKADÃYAKA (Udakadāyakattherūpadānam) 2294. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có tâm ý thanh tịnh, không bị chộn rộn, đang thọ thực, tôi đã cam lấy bình nước và đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha. 2295. Giờ đây, tôi không còn bợn nhơ, được xa lìa ô nhiễm, sự hoài nghi đã được đoạn tận. Trong khi sanh lên ở cõi hữu, quả báo tốt đẹp phát sanh [đến tồi]. 2296. Ke từ khi tôi đã cúng dường nước trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước. 2297. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Vimala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Udakadâyaka” là phần thứ sáu.

207. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SALALAMẢLIYA (Saỉalamãỉiyattherũpadãnam) 2299. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Điều Phục Nhân Siddhartha ngồi ở trong vùng đồi núi đang chói sáng như là cây kanikāra, đang làm cho tất cả các phương rực sáng. 5 Niggundipupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) niggundi,,^ 6 ưdakadâyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) nước (ụdakă)y

2300. Khi ấy, không do dự tôi đã dùnậ cây cung và đã giương lên mũi tên. Sau khi đã cắt đứt bông hoa có luôn cả cuống, tôi đã dâng lên đức Phật. 2301. [Ke từ khi] tôi đã cúng đuờng bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2302. Trước đây năm mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Jutindhara độc nhất, là đấng Chuyên Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalamâliya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Salalamâliya^ là phần thứ bảy.

208. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA (Korandapupphiyattherāpadānam) 2304. Trong khi đi theo sau từng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã nhìn thấy bàn chân đang bước đi được điểm tô dấu hiệu hình bánh xe [của Ngài]. 2305. Sau khi nhìn thấy cây koranda đã được trổ hoa, tôi đã cung dường [bông hoa] ở dấu chân [Ngài]. Trở nên mừng rỡ, tôi đã đảnh lễ dấu chân tối thượng với tâm mừng rỡ. 2306. [Ke từ khi] tôi đã cung đuờng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân [đức Phật]. 2307. Vào kiếp thứ bảy mươi lăm, tôi đã là Vĩtamala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2308. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Korandapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Korandapupphiya" là phần thứ tám.

209. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĀDHĀRADẢYAKA (Ādhāradāyakattherāpadānam) 2309. Chân đế bình bát đã được tôi cúnậ dường đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Tôi cai quản toàn bộ trái đất này cùng với tất cả tài nguyên. 2310. Các phiền não của toi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

7 Salalamâliya nghĩa là "vj liên quan đến chùm hoa (mãlã) salala." 8 Korandapupphiya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa (puppha) koranda.,,

THÁNH NHÂN KÝ sự 193

2311. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bốn người [cùng] tên Samantacarana đã là các đang Chuyên Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2312. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ādhāradāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ãdhãradãyaka95 là phần thứ chín.

210. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VÃTÃTAPANIVÃRIYA (Vātātapanivāriyattherāpadānam) 2313. Tôi đã cúng dường một chiếc lọng đến đức Thế Tôn Tissa, vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, với tâm ý trong sạch. 2314. Điều ác xấu của tôi được chặn đứng, có sự thành tựu của điều thiện. [Chư thiên] năm giữ chiêc lọng ở không trung [che cho tôi], điêu này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2315. [Đây là] lân sau cùng của tôi trong sự luân chuyên, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 2316. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng chiêc lọng. 2317. Trước đây bảy mươi hai kiếp, tám bậc thống lãnh dân chúng [cùng] tên Mahānidāna đã là các đang Chuyên Luân Vương. 2318. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão vātātapanivāriya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão vātātapanivāriya55 ỉa phần thứ mườĩ.

Phần tóm lược Bông hoa kanikāra, bông hoa minela, bông hoa kiñkini, với sự vượt qua, vị có bông hoa niggundi, vị cúng dường nước, bông hoa salala, bông hoa kurandaka, [vi dâng cúng] chân đê bình bát, lọng che năng; [tông cộng] có bốn mươi tám câu kệ. Phẩm Kaọikãrapupphiya là phẩm thứ hai mưaĩ mốt.

9 Ādhāradāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) chân đế (ādhāra) bình bat?9 10 Vātātapanivāriya nghĩa là uvị liên quan đến vật ngăn cản (nivārana) gió (vata) và sức nóng (ātapa)y

Ị 94 KINH TIỂU BÔ

L PHẨM HATTHI (HATTHIVĂGGƠ)

211. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HATTHIDẢYAKA (Hatthidãyakattherãpadãnam) 2319. Con voi hạng nhất có ngà dài như gọng xe, vững chãi, đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Ton Siddhartha, bậc Chúa Te Của Loai Người như thế ấy. 2320. Tôi thọ hưởng mục đích tối thượng là trạng thái an tịnh vô thượng. Vật thí cao quý đã được tôi dâng cúng đến vị tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian. 2321. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con voi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng con voi. 2322. Vào kiếp [thứ] bảy mươi tám, mười sáu vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2323. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Hatthidâyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Hatthidãyaka^ là phần thứ nhất

212. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PÃNADHIDẢYAKA (Pānadhidāyakattherāpadānam) 2324. Tôi đã dâng cúng đôi dép đến vị Ẩn sĩ già cả, sống ở rừng, có sự khổ hạnh dài lâu, có nội tâm đã được phát triển. 2325. Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con thọ hưởng mọi phương tiện di chuyển; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2326. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép. 2327. Trước đây bảy mươi bảy kiếp, tám vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Suyâna đã là các đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2328. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1 Hatthỉdâyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) con voi (hatthĩ)y

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pãnadhidãyaka" là phần thứ nhì.

213. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SACCASAÑÑAKA (Saccasañ̃akattherāpadānam) 2329. Vào lúc ấy, trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, [đức Phật] Vessabhũ, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu? [đã] thuyết giảng về các chân lý cao thượng. 2330. Là người thành tựu tâm bi mẫn cao tột, tôi đã đi đến cuộc hội họp. Ngồi xuống, an tịnh, tôi đây đã lắng nghe giáo pháp của bậc Đạo Sư. 2331. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. Tôi đã cư ngụ giữa chư thiên trong thành phố ở tại nơi ấy ba mươi kiếp. 2332. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về chân lý. 2333. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Ekaphusita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2334. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saccasañ̃aka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Saccasañ̃aka" là phần thứ ba.

214. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA (Ekasañ̃akattherāpadanam) 2335. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã

chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ. 2336. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2337. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Amitâbha, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2338. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekasaññaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekasaññaka" là phần thứ tư. 2 Pãnadhidãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) đôi dép (pãnadhĩ)y 3 Saccasaññaka nghĩa là suy tưởng (saññaka) về chân lý (sacco)y 4 Ekasaññaka nghĩa là có một lần (ekā) suy tưởng (sañña)."

215. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA (Ramsisaññakattherāpadānam) 2339. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như con hổ hùng tráng cao quý khéo được sanh ra, [đang ngồi] ở trong vùng đồi núi. 2340. Năng lực ấy của đức Phật chói sáng ở trong vùng đồi núi. Sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2341. Do nhờ sự tịnh tín ây ở trong tâm và cũng nhờ vào sự niệm tưởng đên đức Phật, việc thiện đã được tôi thực hiện tốt đẹp trong các kiếp còn lại. 2342. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2343. Vào kiếp thứ năm mươi bảy, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sujātā, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2344. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ramsisaññaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ramsisaññaka" là phần thứ năm.

216. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SANTHITA (SanỊhitatíherãpadãnam) 2345. ở tại cội cây assattha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh lục, tôi đã đạt được sự suy tưởng thuần túy hướng đên đức Phật, có niệm [đây đủ]. 2346. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, do nhờ tác động của sự suy tưởng ấy, sự đoạn tận các lậu hoặc đã được tôi đạt đến. 2347. Trước đây mười ba kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Dhanittha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2348. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Santhita6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Santhita55 là phần thứ sáu.

217. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAVANTADĀYAKA (Tālavantadāyakattherāpadānam) 2349. Chiếc quạt lá cọ đã được toi dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời Tissa nhằm mục đích dập tắt sự nóng nực và làm lắng dịu sự bực bội.

5 Ramsisaññaka nghĩa là suy tưởng (saññakā) đến hào quang (ramsi) của đức Phát.” 6 Santhita nghĩa là (có sự suy tưởng) đã được bền vững (santhita)y

2350. Tôi tự mình dập tát ngọn lửa tham ái và đặc biệt hơn nữa là ngọn lửa sân hận. Và tôi dập tát ngọn lửa si mê; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ. 2351. Các phiền não của toi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác. 2352. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2353. Trước đây sáu mươi ba kiêp, [tôi đã là] vị tên Mahānāma, là đang Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2354. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tālavantadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Tālavantadāyaka" là phần thứ bảy.

218. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AKKANTASAÑÑAKA (Akkantasaññakattherāpadānam) 2355. Sau khi cầm lấy tấm vải choàng thô xấu, tôi đã [đi đến] thành phố của vị thầy tế độ. Và tôi học tập về chú thuật làm bẻ gãy mũi tên. 2356. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Là bậc ưu tú, cao quý, tột đỉnh, đức Phật Tissa là bậc Tối Thượng của đám đông. 2357. Khi tấm vải choàng thô xấu được trải ra, đấng Tối Thượng Nhân, bậc Đại Hùng, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu trong khi bước đi đã đặt chân len [tấm vải choaưig]. 2358. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian ấy tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, với tâm ý trong sạch tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư. 2359. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng tấm vải choàng thô xấu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải choàng thô xấu. 2360. Trước đây ba mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sunanda, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2361. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Akkantasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Akkantasaññaka" là phần thứ tám.

219. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAPPIDẢYAKA (Sappidāyakattherāpadānam) 2362. Ngồi ở nơi cao quý của tòa lâu dài, được trọng vọng bởi đám phụ nữ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn bị lâm bệnh và đã thỉnh vào trong nhà.

198 KINH TIỂU BÔ

2363. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi vào, tôi đã dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến bậc Đại Ẩn sĩ Siddhattha. 2364. Sau khi nhìn thấy sự mệt nhọc đã được lắng xuống, khuôn mặt và giác quan đã được rạng rỡ, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ngợi ca ở phía trước Ngài. 2365. Là bậc đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi nhìn thấy tôi có nội tâm đã khéo được tịnh tín, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bâu trời. 2366. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn. 2367. Trước đây mười bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Jutideva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2368. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sappidâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. Ế6Ký sự về Trưởng lão Sappidãyaka" là phần thứ chín.

220. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃPANIVÃRIYA (Pãpanivãríyattherâpadãnam) 2369. Con đường kinh hành của đức Thế Tôn Piyadassĩ đã được tôi làm sạch sẽ, được che bởi những cây sậy, có sự ngăn cản gió và sức nóng. _ " • 2370. Tôi đã nô lực trong giáo pháp của bậc Đạo Sư nhăm mục đích lánh xa điều ác, nhằm sự thành tựu việc thiện, nhằm sự dứt bỏ các điều ô nhiễm. 2371. Trước đây mười một kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aggideva, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pāpanivāriya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ốốKý sự về Trưởng lão Pãpanivãriya^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược [Vi cúng dường] con voi, đôi dép, [vị suy tưởng về] chân lý, các hào quang, [vị có sự suy tưởng] đã được bền vững, vị có cây quạt lá cọ, tương tợ là vị suy tưởng về việc [đức Phật] đã bước lên, bơ lỏng, vị có sự ngăn cản điều ác; [tổng cộng] có năm mươi bon câu kệ. Phẩm Hatthi là phẩm thứ hai mươi hai.

7 Sappidâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) bơ lỏng (sappi)y 8 Pãpanỉvãriya nghĩa là tuvị liên quan đến vật ngăn chặn (nivārana) điều ác (pāpā)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 199

xxm. PHẨM ÃLAMBANADẢYAKA (ẢLAMBANADẴY4KAK4GGƠ)

221. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ÃLAMBANADÃYAKA (Ālambanadāyakattherāpadānam) 2373. Vật tựa [lưng] đã được tôi dâng cung đến đức Thế Tôn Atthadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2374. Tôi cai quản trái đất bao la bao gồm biển cả và tôi thực hiện quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng ở trên trái đất. e 5 e r r e

2375. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành. 2376. Trước đây sáu mươi hai kiêp, ba vi Sát-đê-lỵ [cùng] tên Ekãpassita ây đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2377. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ālambanadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ālambanadāyaka" là phần thứ nhất

222. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AJINADÃYAKA (Ajinadāyakattherāpadānam) 2378. Trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi đã là bậc thầy của đám đông. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. 2379-80. Mảnh da thú đã được toi dânệ cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Nhờ vào việc làm ấy ở ng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp cua đấng Chánh Đẳng Giác. 2381. [Ke từ khi] tôi đã dâng cung tấm da dê trước

đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm da dê. 2382. Trước đây vào kiếp thứ năm, tôi đã là đức Vua Sudâyaka, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.*

Ālambanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) vật tựa lưng (ālambanà)y

2383. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ajinadāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Ajinadayaka55 là phần thứ nhì.

223. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DVIRATANIYA (Dvirataniyattherāpadānam) 2384. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. 2385. Tôi đã dân^ Cling đến bậc Đại Ân Sĩ Vipassī một lát thịt. Tôi được thiết lập làm vị chúa tể ở thế gian luôn cả chư thiên. 2386. Do nhờ sự dâng cúng lát thịt này, châu báu sanh lên cho tôi. Hai loại châu báu này ở thế gian đưa đen sự thành tựu của đời hiện tại. 2387. Tôi thọ hưởng tất cả các thứ ấy nhờ vào năng lực của sự dâng cúng lát thịt. Thân thể của tôi mềm mại, trí tuệ của tôi có sự nhận biết vi tế. 2388. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng lát thịt trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lát thịt. 2389. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã la người độc nhất thống lãnh dân chúng. Vị ấy tên là Mahârohita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dviratanіya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Dviratanіya55 là phần thứ ba. (Dứt tụng phàm thứ mười).

224. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ẢRAKKHADÃYAKA (Ārakkhadāyakattherāpadānam) 2391. Tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn đến đức Thế Tôn Siddhartha. Và tôi đã dâng cúng sự bảo vệ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ. 2392. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và sự hãi sợ. Khi được sanh lên ở bất cứ dâu, sự run sợ của tôi là không được biết đến. 2393. [Ke từ khi] toi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn. 2394. Trước đây vào kiếp thứ sáu, [tôi đã là] vị tên Apassena, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2 Ajinadāyaka nghĩa là t4vị dâng cúng (dāyako) tấm da dê (ạjina)y 3 Dvỉratanỉya nghĩa là tcvị liên quan đến hai (dùi) loại châu báu ịratanà)y

2395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trướng lão Ảrakkhadâyaka^ là phần thứ tư.

225. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVYÃDHIKA (Avyādhikattherāpadānam) 2396. Tôi đã dâng cúng gian nhà sưởi ấm đến đức Thế Tôn Vipassī, chỗ trú ngụ và bình chứa nước nóng đến những người bị bệnh. 2397. Do việc làm ấy, thân thể của tôi đã được tạo thành tốt đẹp, tôi không còn biết đến bệnh tật; điêu này là quả báo của nghiệp phước thiện. 2398. Ke từ khi tôi đã dâng cúng gian nhà trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của gian nhà sưởi ấm. 2399. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị tên Aparā)ita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2400. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avyâdhika5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Avyâdhika” là phần thứ năm.

226. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAPUPPHIYA (Añkolapupphiyattherāpadānam) 2401. Nārada là tên của tôi, Ịmọi người] biết đến tôi là Kassapa. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị đứng đầu trong so các Sa-môn? được chư thiên tôn kính. 2402. Đức Phật có các tướng mạo phụ là vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Tôi đã cầm lấy bông hoa añkola và đã dâng lên đức Phạt. 2403. [Ke từ khi] tôi đã cúng đuờng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2404. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Romasa, có sự trang sức với ngọc trai và tràng hoa, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng. 2405. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Añkolapupphiya6 đã nói lên những lòi kệ này như thế ấy. ^Ký sự về Trưởng lão Añkolapupphiya" là phần thứ sáu. 4 Ārakkhadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) sự bảo vệ (ārakkho). 5 Avyãdhika nghĩa là 4tvị không có bệnh tật (yyādhi).99 6 Añkolapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) añkola.,,

227. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SOVANNAVATAMSAKIYA (Sovannavatamsakiyattherāpadānam) 2406. Trong khi đi ra khu vực vườn hoa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy vòng hoa đội đầu bằng vàng được kiến tạo khéo léo. 2407. Cỡi trên lưng của con voi, tôi đã mau chóng từ nơi ấy leo xuống và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2408. [Ke từ khi] toi đã Cling dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2409. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2410. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sovannavatamsakiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 46Ký sự về Trưởng lão Sovannavatamsakiya^ là phần thứ bảy.

228. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MIÑJAVATAMSAKIYA (Miñjavatamsakiyattherāpadānam) 2411. Khi đấnẹ Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vi đang thuyết giảng đã Niet-bàn, tôi đã thực hiện việc cúng dường cội Bồ-đề với những vòng hoa đội đầu được xếp đặt các nơi. 2412. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây ba mươi

mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề. 2413. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là vi tên Meghabbha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật5 có oai lực lớn lao. 2414. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mifij avatamsakiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Miñj avatamsakiyaw là phần thứ tám.

229. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUKATẢVELIYA (Sukatãveỉiyattherãpadãnam) 2415. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Asita. Sau khi chọn lấy vòng hoa đội đầu, tôi đã ra đi để dâng lên đức vua. 2416. Khi chưa gặp được đức vua, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Sikhī. Được mừng rỡ, tôi đã dâng [vòng hoa] lên đức Phật với tâm mừng rỡ.

7 Sovannavatamsakiya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (yatarnsaka) bằng vàng (sovanna)y 8 Miñjavatamsakiya nghĩa là "vj liên quan đến vòng hoa đội đầu (yatarnsaka) bằng ruột cây {rniñjā)y

. Z 2417. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt e 9 r ỉ A .

kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2418. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị vua có oai lực lớn lao tên Vebhāra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sukatâveliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sukatâveliya" là phần thứ chín.

230. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVANDIYA (Ekavandiyattherāpadūnam) 2420. Đang Anh Hùng Vessabhū là bậc ưu tú, cao quý trong sô các vị thăng trận. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 2421. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 2422. [Trước đây] hai mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Vigatânanda, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2423. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekavandiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Ekavandiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vật tựa [lưng], tấm da dê, vị dâng cúng thịt, vị thí chủ về sự bảo vệ, sự không bi bệnh, [bông hoa] añkola, [vòng hoa] vàng, [vòng hoa] ruột cây, vòng hoa đội đầu và sự đảnh lễ; [tổng cộng] có năm mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích. Phẩm Ãlambanadãyaka là phẩm thứ hai mươi ba.

9 Sukatãveỉiya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (ãvelí) đã được làm (kata) khéo léo 10 Ekavandỉya nghĩa là <svị liên quan đến một lần (ekā) đảnh lễ ịyandanã)y

XXIV PHẨM UDAKĀSANA (UDAKĀSANAVAGGO)

231. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKÃSANADẢYAKA (Udakãsanadãyakattherãpadãnam) 2424. Sau khi đi ra khỏi cổng của tu viện, tôi đã trải ra tấm ván. Và tôi đã phục vụ nước nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 2425. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở [sự bố thí] chỗ ngồi và nước. 2426. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisãma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2427. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakãsanadãyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng ião Udakãsanadâyaka" là phần thứ nhất

232. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BHAJANADÃYAKA (Bhãjanadãyakattherãpadãnam) 2428. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ làm gốm ở thành phố Bandhumatī. Trong khi ấy, tôi đã cung cấp bát đĩa đến hội chúng Tỳ-khưu. 2429. [Ke từ khi] toi đã cung cấp bát đĩa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] bát đĩa. 2430. Trước đây năm mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Anantajãli, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2431. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhãjanadãyaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4ẾKý sự về Trưởng lão Bhãjanadãyaka" là phần thứ nhì.

1 Udakãsanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) nước (udakã) và chỗ ngồi (ãsanà)y 2 Bhãjanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) bát đĩa ịbhậjanà)y

233. KÝ sự VỀ TRƯỞNG LÃO SÃLAPŨPIYA (Sãlapũpiyattherãpadãnam) 2432. Tôi đã là người bán bánh ngọt ở thành phố Arunavatī. Tôi đã nhìn thây đang Chiên Thăng Sikhī đang đi ngang qua cánh cửa của tôi. 2433. Với tâm ý trong sạch, tôi đã nhận lấy bình bát của đức Phật và đã dâng cúng bánh ngọt sālā đến đức Phật, bậc đã đi đến đạo lộ chân chánh. 2434. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng vật thực cứng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh ngọt sālā. 2435. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vi Amitafijala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sālapūpiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sãlapũpiya59 là phần thứ ba.

234. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KILAÑJADÃYAKA (Kilañjadãyakattherãpadãnam) 2437. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ đan lát ở trong thành phố Tivarā đáng yêu. Dân chúng ở nơi ấy được tinh tín ở đấng Quang Đăng Của Thế Gian Sidầiattha. 2438. Người ta tìm kiếm chiếc chiếu nhằm mục đích cúng dường đến đấng Bảo Hộ Thế Gian. Tôi đã dâng cúng chiếc chiếu đến những người đang tiến hành việc cúng dường đức Phật. 2439. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc chiếu. 2440. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy

loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kilafljadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão KHafijadyaka" là phần thứ tư.

235. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VEDIKÃRAKA (Vedikūrakattherāpadānam) 2442. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Ton Vipassī.

3 Sâlapũpiya nghĩa ỉa uvị liên quan đến bánh ngọt (pũpă) slã." 4 Kilañjadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) chiếc chiếu (kilañja)y

2443. [Ke từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn. 2444. Trước đây mười một kiêp, tôi đã là vi tên Suriyassama, là đang Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vedikâraka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Vedikâraka^ là phần thứ nắm.

236. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VANNAKĀRA (Vannakūrattherāpadānam) 2446. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ nhuộm màu ở thành phố Arunavatī. Tôi đã nhuộm các màu sác khác nhau cho các xáp vải ở ngôi bảo tháp. 2447. Ke từ khi toi đã nhuộm màu sắc trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng màu sắc. 2448. Trước đây hai mươi ba kiêp, [tôi đã là] vị tên Candupama, là đang Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2449. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vannākāra đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Vannākāra55 là phần thứ sáu.

237. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PIYÃLAPUPPHIYA (Piyâỉapupphiyattherãpadãnam) 2450. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cây piyâla đã được trổ hoa, tôi đã rải rắc [bông hoa] ở con đường [đức Phật] đã đi qua. 2451. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Piyâlapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Piyalapupphiya” là phần thứ bảy.

5 Vedikãraka nghĩa là <6vị thực hiện (kārako) vòng rào chắn ịyedí)y 6 Piyãlapupphiya nghĩa là 4<vị liên quan đến bông hoa (puppha) piyāla.,,

238. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBAYÃGADÃYAKA (Ambayãgadũyakattherãpadãnam) 2453. Nương tựa vào nghề nghiệp của mình, tôi đã đi đến khu rừng rậm. Sau khi nhìn

thấy bậc Toàn Giác đang đi, tôi đã dâng cúng vật thí là trái xoài. 2454. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc hiên dâng trái xoài. 2455. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambayāgadāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ambayăgadãyaka55 là phần thứ tám.

239. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIKĀRAKA (Jagatikārakattherāpadānam) 2456. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, việc bố trí đã được tôi điều hành ở ngôi bảo tháp tối thượng của đức Phật. 2457. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố trí. 2458. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jagatikāraka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Jagatikāraka" là phần thứ chín.

240. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VẢSIDÃYAKA (Vāsidāyakattherāpadānam) 2459. Trước đây, tôi đã là người thợ rèn ở trong kinh thành Tivarâ. Tôi đã dâng cúng một lưỡi rìu đến đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. 2460. Ke từ khi tôi đã dâng cúng lưỡi rìu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lưỡi rìu. 246L Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vâsidãyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Vãsidâyaka^ là phần thứ mười.

7 Ambayāgadāyaka nghĩa là thí chủ {dāyako) của việc hiến dâng (yãga) trái xoài (amba)y 8 Jagatikāraka nghĩa là thực hiện (kārako) việc bố trí (jagati)y 9 Vāsidāyaka nghĩa là dâng cúng {dāyako) lưỡi rìu (yãsĩ)y

208 KINH TIỂU Bộ

Phần tóm lược Chỗ ngồi và nước, bát đĩa, vị có bánh ngọt sālā, vị liên quan đến chiếc chiếu, vòng rào chắn, thợ nhuộm màu, bông hoa piyâla, vị bố thí vật hiến dâng là trái xoài, việc bố trí, vị dâng cúng lưỡi rìu; [tổng cộng] có ba mươi tám câu kệ. Phẩm Udakãsana là phẩm thứ hai mươi bốn.

THÁNH NHÂN KÝ sự 209

XXV PHẨM TUVARADÃYAKA (JWARADĀYAKAVAGGC^

241. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TUVARADẢYAKA (Tuvaradāyakattherāpadānamj 2462. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi cầm lấy và mang theo hạt tuvara nướng, tôi đã dâng cúng đến hội chúng. 2463. Ke từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của hạt tuvara nướng. 2464. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tuvaradãyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão

Tuvaradãyaka,5 là phần thứ nhất

242. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NÃGAKESARIYA (Nāgakesariyattherāpadānam) 2465. Sau khi đã kiêm tra cân thận cây cung, tôi đã đi sâu vào trong rừng. Tôi đã nhìn thấy vươn lên đóa hoa sen có tua nhụy rũ xuổng. 2466. Sau khi cầm lấy [bông hoa] bằng hai bàn tay, tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã dâng lên đức Phật Tissa, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian. 2467. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2468. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, bảy vi [cùng] tên Kesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2469. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nãgakesariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Nãgakesariya^ là phần thứ nhì.

243. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NALINAKESARIYA (NaḶinakesariyattherũpadãnam) 2470. Tôi là con gà nước sống ở giữa hồ nước thiên nhiên. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên đang di chuyển ở trên không trung.*

Tuvaradâyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) hạt tuvara nướng.,^

210 KINH TIẾU Bộ

2471. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dùng mỏ ngắt đóa hoa sen [có tua nhụy] và đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuọc Của Thế Gian Tissa. 2472. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2473. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Satapatta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2474. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão NaḶinakesariya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão NaḶinakesariya55 ỉa phần thứ ba.

244. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VIRAVIPUPPHIYA TRÙNG CÓC VÂN NAM (Viravipupphiyattherāpadānam) 2475. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ra đi cùng với một ngàn vị có lậu hoặc đã được đoạn tận. Tôi đã cầm lấy bông hoa viravi và đã dâng lên đức Phật. 2476. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2477. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Viravipupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Viravipupphiya59 ỉa phần thứ tư.

245. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUTIDHŪPAKA (Kutidhūpakattherāpadānam) 2478. Tôi đã là người trông nom liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhartha. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình xông khói vào lúc này lúc khác. . 2479. Ke từ khi tôi9 r đã rthực " 9 hiện việc làm 5 ấy trước đây chín mươi bốn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2480. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutidhūpaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão

Kutidhũpaka" là phần thứ năm.

2 NaḶinakesariya nghĩa là "vj liên quan đến đóa sen (naḶinà) có tua nhụy (kesarĩ)y 3 Viravỉpupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (pupphà) viravi.„ 4 Kutidhūpaka nghĩa là xông khói {dhữpakà) thơm liêu cốc (kiựi)'

246. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PATTADÃYAKA (Pattadāyakattherāpadānarn} 2481. Với sự thuần thành tuyệt đối, việc dâng cúng bình bát đã được tôi cung ứng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, bậc có bản thể chính trực như thế ấy. 2482. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát. 2483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pattadâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Pattadâyaka” là phần thứ sáu.

247. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA (Dhātupūjakattherāpadānam) 2484. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha Niết-bàn? tôi đã nhận được một phần Xá-lợi của bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2485. Sau khi nhận lấy phần Xá-lợi ấy của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, trong năm năm tôi đã chăm sóc [phần Xá-lợi ấy] như là [chăm sóc] bậc Tối Thượng Nhân đang còn tại tiền. 2486. Ke từ khi tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo ở sự hau cận Xá-lợi. 2487. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Dhātupūjaka" là phần thứ bảy.

248. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SATTALIPUPPHAPŪJAKA (Sattalipupphapujakattherāpadānam) 2488. Lúc bấy giờ5 tôi đã đặt bảy bông hoa sattali ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân Vessabhū. 2489. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 2490. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattalipupphapūj aka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* wKý sự về Trưởng lão Sattalipupphapūjaka" là phần thứ tám. 5 Pattadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) bình bát (patto)y 6 Dhātupūjaka nghĩa là "vi cúng dường (pũịakă) Xá-lợi (dhātu)' 7 Sattalipupphapūjaka nghĩa là "vj cúng dường (pūjaka) bông hoa (pupphà) sattali.,^

249. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BIMBUÃLIYA (Bimbijāliyattherāpadānam) 2491. Đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ tên Padumuttara, là nhân vật cao cả. Ngài công bố về bốn sự thật và làm sáng tỏ về vị thế bất tử. 2492. Khi ấy, sau khi ngắt rời các bông hoa bimbijālika, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2493. Trước đây sáu mươi tám kiếp, bốn vi [cùng tên] Kiñjakesara đã là các đấng Chuyển

Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2494. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bimbijāliya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Bimbijāliya^ là phần thứ chín.

250. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDDÃLADÃYAKA (Uddāladūyakattherāpadānam) 2495. Đấng Tự Chủ tên Kakusandha, bậc Không Bi Đánh Bại, sau khi lìa khỏi khu rừng bao la đã đi đến gần con sông lớn. 2496. IGii ấy, với tâm tịnh tín tôi đã cầm lấy bông hoa uddâlaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ, bậc đã tự chế ngự, có bản thể chính trực. 2497. [Ke từ khi] tôi đã cung dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 2498. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uddāladāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Uddãladãyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Hạt tuvara nướng, [vi Trưởng lão] Nâgakesariya, các bông hoa sen, các bông hoa viravi, vị xông khói liêu cốc, bình bát, Xá-lợi5 các bông hoa sattali, các bông hoa bimbijālika, cùng với bông hoa uddâlaka; [tổng cộng] có ba mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc thông minh. Phẩm Tuvaradâyaka là phẩm thứ hai mươĩ lăm.

8 Bimbijāliya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) bimbijāliya.,^ 9 Uddãladãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) bông hoa uddla."

THÁNH NHÂN KÝ sự 213

XXVI. PHẨM THOMAKA (THOMAKAVAGGO)

251. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO THOMAKA (Thomakattherāpadānam) 2499. Trong khi đang tru ở thế giới chư thiên, tôi được hoan hỷ sau khi lắng nghe giáo pháp của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, và tôi đã nói nên lời nói này: 2500. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua?5 2501. Ke từ khi tôi đã nói lên lời nói ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 2502. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Thomaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Thomaka” là phần thứ nhất.

252. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKẢSANADÃYAKA ỤEkãsanadãyakattherãpadãnam) 2503. Có ước muốn thực hiện hành động hướng thượng ở giáo pháp của đức Phật tối thượng, tôi đã lìa bỏ vóc dáng thiên nhân và đã cùng với người vợ đi đến nơi này. 2504. Vị Thinh van của [đức Phật] Padumuttara tên là Devala. Vật thực đã được tôi dâng cúng đến vị ấy với tâm ý trong sạch. 2505. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực. 2506. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka12 đã

nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ekâsanadãyaka" là phần thứ nhì.

1 Thomaka nghĩa là tán dương (thomaka)y 2 Ekãsanadãyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dãyako) vật thực (asanà) một lần (ekā)'

214 KINH TIÊU BÔ

253. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 2507. Bậc Giác Ngộ, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Ānanda đã viên tịch Niết-bàn ở trong rừng già hoang rậm, không có bóng người. 2508. Khi ấy, tôi đã từ thế ệíới chư thiên đi đến nơi đây và đã thực hiện lễ hỏa táng. Tại đó, tôi đã thiêu đót thi thể và đã thể hiện sự tôn kính. 2509. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lào Citakapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ tư.

254. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TICAMPAKAPUPPHIYA (Ticampakapupphiyattherāpadānam) 2511. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Vikata. ở trung tâm của ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập, cư ngụ. 2512. Sau khi nhìn thây sự an tịnh của vị ây9 với tâm ý trong sạch tôi đã câm lây ba bông hoa campaka và đã rải rác chúng. 2513. [Ke từ khi] tôi đã cung dườiiẸ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2514. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ticampakapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 6íKý sự về Trưởng lão Ticampakapupphiya" là phần thứ tư.

255. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPÃTALIYA (Sattapātaliyattherāpadānam) 2515. Tôi đã dâng lên các bông hoa sattapātali đến đức Phật [trong lúc Ngài] ngồi ở trong vùng đồi núi, đang chói sáng như là cây kanikāra. 2516. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 Citakapũịaka nghĩa là cúng dường (pụịakà) lễ hỏa táng (citako)' 4 Tỉcampakapupphỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến ba (ti) bông hoa (pupphà) campaka."

THÁNH NHÂN KÝ sự 215

Đại đức Trưởng lão Sattapātaliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sattapātaliya^ là phần thứ năm.

256. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPẢHANADÃKAYA (Upāhanadākayattherāpadānam) 2518. Lúc bấy giờ, vị tên Candana đã là người con trai của đấng Giác Ngộ. Tôi đã dâng cúng [đến vi ấy] một đôi dép [ước nguyện rằng]: "Xin ngài hãy giúp con thành tựu quả vị Giác ngộ.95 2519. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây chín mươi mốt kiếp,

tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép. 2520. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upāhanadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Upāhanadāyaka" là phần thứ sáu.

257. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAÑJARIPŪJAKA (Mañjaripūjakattherāpadānam) 2521. Sau khi đã thực hiện một bó [hoa], tôi đã bước đi ở đường lộ. Tôi đã nhìn thấy bậc cao cả trong số các vi Sa-môn được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu. 2522. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy [bó hoa] bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật. 2523. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bong hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 2524. Trước đây bảy mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa tên Jotiya, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mañjaripūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố4Ký sự về Trưởng lão Mañj aripūj akaw là phần thứ bảy.

258. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANNADĀYAKA (Pannadāyakattherāpadānam) _ 2526. Tôi là vị mặc y phục băng vỏ cây ở nệọn núi Hy-mã-lạp. Thu thúc trong các điều kiện hạn che, tôi có thức ăn là muối và lá cây.

5 Sattapãtalỉya nghĩa là tfcvị liên quan đến bông hoa sattapātali.,, 6 ưpâhanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) đôi dép (upâhanà)y 7 Mañjaripūjaka nghĩa là cúng dường (pụịakă) bó hoa (mañjari)y

216 KINH TIÊU BÔ

2527. Vào lúc bữa ăn sáng đã điểm, [đức Phật] Siddhartha đã đi đến gặp tôi. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên các thứ ấy đến đức Phật. 2528. Ke từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây. 2529. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức vua Yadatthiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2530. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pannadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Pannadāyaka55 là phần thứ tám.

259. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUTIDĀYAKA (Kutidāyakattherāpadānam) 2531. Lúc bấy giờ, là vị hành pháp ngụ ở rừng, đấng Toàn Giác đã cư ngụ ở gốc cây. Tôi đã thực hiện gian nhà lá và đã dâng cúng đến bậc Không Bị Đánh Bại. 2532. Ke từ khi toi đã cúng dường cái chòi lá trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái chòi. 2533. Trước đây hai mươi tám kiếp, mười sáu vị vua được gọi là Sabbattha-abhivassĩ đã là các đấng Chuyển Luân Vương. 2534. Bổn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chửng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutidāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Kutidāyaka^ là phần thứ chín.

260. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AGGAJAPUPPHIYA (Aggajapupphiyattherāpadānam) 2535. [Toi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác Sikhī có màu da vàng chói ngồi ở trong vùng đồi núi đang chiếu sáng các hào quang như là ngọn lửa. 2536. Tôi đã cầm lấy bông hoa aggaja và đã đi đến gần đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật [bông hoa ấy]. 2537. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2538. [Trước đây] hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

8 Pannadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) lá cây (panna)y 9 Kutidāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) liêu cốc (kiựĩ)'

THÁNHNHÂNKÝSỰ* 217

2539. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Aggaj apupphiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Aggajapupphiya59 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị tán dương, một bữa ăn, giàn hỏa thiêu, bông hoa campaka, bông hoa sattapātali, đôi dép, bó hoa, lá cây, vị dâng cúng cái chòi, bông hoa aggaja; và các câu kệ đã được tính đếm ở đây là bốn mươi mốt câu cả thảy. Phẩm Thomaka là phẩm thứ hai mươi sáu.

10 Aggcỳapupphỉya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa (puppha) aggaja."

218 KINH TIỂU BỘ

xxvn. PHẨM ẢKẢSUKKHIPIYA (ẢKẢSUKKHIPIY4VĂGGO)

261. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĀKĀSUKKHIPIYA (Ākāsukkhipiyattherāpadanam) 2540. Trong khi đấng Nhân Ngưu Siddhattha có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ, tôi đã cầm lấy hai bông hoa cao quý mọc ở trong nước và đã đi đến gặp Ngài. 2541. Tôi đã đặt xuống một bông hoa ở các bàn chân của đức Phật tối thượng, và tôi đã cầm lấy một bông hoa rồi đã thảy lên không trung. 2542. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 2543. Trước đây ba mươi hai kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Antalikkhacarā, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2544. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ākāsukkhipiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ākāsukkhipiya^ là phần thứ nhất.

262. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TELAMAKKHIYA (Telamakkhiyattherāpadānam) 2545. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Nhân Ngưu đã Niết-bàn, ngay khi ấy tôi đã thoa dầu ở vòng rào chắn của cội cây Bồ-đề. 2546. Kể từ khi toi đã thoa dầu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc thoa [dầu]. 2547. Irước đây hai mươi bốn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Succhavi, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2548. Bốn [tuệ] phân

tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Telamakkhiya1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Telamakkhiya^ là phần thứ nhì. 1 Ẫkãsukkhỉpỉya nghĩa là 44vị liên quan đến việc thảy lên (ụkkhepa) không trung (ākāso)y 2 Telamakkhỉya nghĩa là liên quan đến việc thoa (makkhanà) dầu (tela)'

263. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ADDHACANDIYA (Addhacandiyattherapadānam) 2549. Bông hoa addhacanda đã được tôi dâng cúng ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Tissa ỉa loại thảo mộc sanh trưởng ở trên trái đất. 2550. [Ke từ khi] tôi đã dâng len bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đe. 2551. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Devala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Addhacandiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Addhacandiya" là phần thứ ba.

264. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADĪPIYA (Padīpiyattherāpadānam) 2553. Lúc bấy giờ, trong khi là vị thiên nhân, tôi đã ngự xuống trái đất. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng năm ngọn đèn. 2554. Ke từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đèn. 2555. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2556. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padĩpiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Padipiya” là phần thứ tư.

265. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILÃLIDÃYAKA (Bilālidāyakattherāpadānam) 2557. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Romaso. ở tại chân ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập. 2558. Tôi đã cầm lấy củ bilālī và đã dâng cúng đến vị Sa-môn. Bậc Đại Hùng, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ rằng: 2559. "Ngươi đã dâng cúng củ biỊâlĩ đến Ta với tam ý trong sạch. Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, quả báo sẽ sanh khởi đến nguôi." 2560. [Ke từ khi] tôi đã dâng cung củ bilālī trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của củ bilālī.

3 Addhacandiya nghĩa là "vj liên quan đến bông hoa addhacandiyA”

4 Pađĩpiya nghĩa là t4vị liên quan đến ngọn đèn (padīpā)'

2561. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bilālidāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Bilālidāyaka" là phần thứ năm.

266. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MACCHADÃYAKA (Macchadāyakattherāpadānam) 2562. Lúc bấy giờ, tôi đã là con chim img ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã gắp lấy con cá lớn và đã dâng cúng đến bậc Hiền Trí Siddhartha. 2563. Ke từ khi tôi đã dâng cúng con cá trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con cá. 2564. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Macchadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trường lão Macchadãyaka59 là phần thứ sáu.

267. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAVAHAMSAKA (Javahamsakattherāpadānam) 2565. Lúc bấy giờ, tôi đã là lính kiểm lam ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Siddhattha đang di chuyển ở trên không trung. 2566. Trong khi ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo. 2567. [Ke từ khi] toi đã đảnh lễ đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 2568. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Javahamsaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Javahamsaka" là phần thứ bảy.

268. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA (Salalapupphiyattherāpadānam) 2569. Lúc bấy giờ? tôi đã là loài Kim Si điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī được bao phủ bằng mạng lưới hào quang. 2570. Với tâm tinh tín, với ý viii mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy bông hoa salala và đã rải rắc đến [đức Phật] Vipassī. 2571. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt 5 BiḶâlidãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) củ biḶālī.,, 6 Macchadãyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dãyako) cá (macchà)y

kiep, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'KV sự về Trưởng lão Salalapupphiya95 là phần thứ tám.

269. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPÃGATÃSAYA (Upãgatãsayattherãpadãnam) 2573. ở trung tâm của núi Hy-mã-lạp có cái hồ nước đã khéo được tạo lập. Tôi đã là loài quỷ dữ ở tại nơi ấy, có bản chất quấy rối, là kẻ gây nên nỗi hãi sợ. 2574. Có ý muốn tiếp độ tôi, bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī ấy đã đi đến gặp tôi. 2575. Khi bậc Đại Hùng, vi Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã đi ra khỏi nơi trú ẩn và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư. 2576. [Ke từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 2577. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upāgatāsaya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Upãgatãsaya" là phần thứ chín.

270. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANIYA (Taraniyattherāpadānam) 2578. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói là bậc xứng đáng sự cúng dường. Bậc Đạo Sư dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đã đứng ở bờ sông. 2579. Thuyền bè là phương tiện vượt qua biển cả không được tìm thấy ở tại nơi ấy. Tôi đã đi ra khỏi dòng sông và đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông]. 2580. [Ke từ khi] tôi đã đưa bậc Tối Thượng Nhân sang [sông] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông]. 2581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Taraniya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Taraniya95 là phần thứ mười.

7 Salalapupphiya nghĩa là "vi liên quan đến bông hoa (pupphà) salala." 8 Upãgatãsaya nghĩa là 4<vị có chỗ ngụ (āsayā) đã được đức Phật đi đến gần {ụpãgată)y 9 Taranỉya nghĩa là uvị liên quan đến việc đưa sang (tarana) sông.,,

Phần tóm lược Vị có sự thảy lên [bông hoa], dầu thoa, vị có [bông hoa] addhacanda, vị dâng cúng cây đèn, vị dâng cúng củ bilālī, con c vị tên Javahamsaka, vị dâng cúng bông hoa salala, loài quỷ dữ, vi đưa sang [sông] là mười. Và ở đây được ghi nhận là bốn mươi mốt câu kệ cả thảy. Phẩm Ãkãsukkhipiya là phẩm thứ hai mươi bảy.

xxvm. PHẨM SUVANNABIMBOHANA (SUVANNABIMBOHANAVAGGO)

271. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUVANNABIMBOHANIYA (Suvannabimbohaniyattherāpadānam) 2582. Được tinh tín, tôi đã tự tay mìiỷi dâng cúng một cái ghế. Và tôi đã dâng lên cái gối nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 2583. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng cái gối trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái gối. 2584. Trước đây vào kiếp thứ sáu mươi ba, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Asamā, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2585. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Suvannabimbohaniya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Suvannabimbohaniya95 là phần thứ nhất

272. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TILAMUTTHIDĀYAKA (Tilamutthidāyakattherāpadānam) 2586. Biết được ý đinh của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã đi đến bằng thần thông với thân được tạo thành bởi ý. 2587. Khi Ngài đang đi đến gần, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư, đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng [một] nắm hạt mè. 2588. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm hạt mè. 2589. Trước đây mười sáu kiếp, [tôi đã là] vi Sát-đế-lỵ tên Nandiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2590. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tilamutthidāyaka12đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Tilamutthidāyaka^ là phần thứ nhì. 1 Suvannabimbohaniya nghĩa là 44vị liên quan

đến cái gối (bimbohana) vàng (suvannd)y 2 Tilamutthidāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) nắm tay (mutthi) hạt mè (tilā)'

273. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CAÑGOTAKIYA (Cañgotakiyattherāpadānam) 2591. [Đức Phật Siddhattha] sống ở trong vùng đồi núi kề cận biển cả. Sau khi đi ra tiếp đón [Ngài] tôi đã thực hiện và đã dâng cúng cái hộp [đựng bông hoa]. 2592. Sau khi dâng cúng cái hộp đựng bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả chúng sanh, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2593. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng cái hộp trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái hộp. 2594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Cañgotakiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Cañgotakiya95 là phần thứ ba.

274. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA (Abbhafifanadāyakattherāpadānam) 2595. Đức Thế Tôn Kondañfia là vị có tâm bình đẳng như hư không, có thiền chứng không bị chướng ngại, có tham ái đã được lìa bỏ như thế ấy. 2596. Bậc Đạo Sư, đấng Chúa Te Của Loài Người là vị vượt qua tất cả si mê, là bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian, tôi đã dâng cúng thuốc cao đến Ngài. 2597. Ke từ khi tôi đã dâng cúng thuốc cao trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc cao. 2598. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Cirappa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Abbhañj anadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Abbhañjanadāyaka55 ỉa phần thứ tu*.

275. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA (Ekañjaliyattherāpadānam) 2600. Tôi đã dâng cúng khu vực sinh sống [cô tịch] đến vi Sa-môn, bậc Đại An Sĩ đang cư ngụ tại cội cây sung, nơi tâm thảm lá cây đã được xác định. 3 Cañgotakiya nghĩa là 4tvị liên quan đến cái hộp (cañgotaka)y 4 Abbhañjanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) thuốc cao (abbhañjana)y

2601. Sau khi chắp tay lên9 tôi đã trải ra tấm thảm bằng bông hoa đến [đức Phật] Tissa, bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. 2602. [Ke từ khi] tôi đã thực hiện tấm thảm bằng bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm. 2603. Trước đây mươi bốn kiếp, tôi đã là bậc thống lãnh loài người tên Ekañjalikaṃ là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2604. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekañjaliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ekahjaliya” là phần thứ năm.

276. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO POTTHADẢYAKA (Potthadayakattherāpadānam) 2605. Việc cúng dường tâm vải bạt đã được tôi dâng cúng ở đôi tượng đáng được cúng dường vô thượng, trước tiên hết là bậc Đạo Su, giáo pháp, và luôn cả hội chung của bậc Đại Ẩn Sĩ nữa. 2606. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải bạt. 2607. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Potthadãyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Potthadãyakaw là phần thứ sáu.

277. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 2608. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã đặt ở giàn hỏa thiêu bảy bông hoa mâluva. 2609. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường lễ hỏa táng trước đây chín mươi bốn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu. 2610. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Patijagga đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật. 2611. Bốn [tuệ] phân tích,..(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Citakapũjakaw là phần thứ bảy.

5 Ekaĩyaliya nghĩa là liên quan đến một lần (ekā) chắp tay (añjalī)y 6 Potthadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) tấm vải bạt (pottha)y 7 Citakapũịaka nghĩa là "vj cúng dường (pụịakà) lễ hỏa táng (citakă)y

278. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLUVADĀYAKA (Ãluvadãyakattherãpadãnam) 2612. ở ngọn núi Hy-mã-lạp, có con sông Mahâsindhu có dáng hình xinh đẹp. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Sudassana; Ngài là bậc có tham ái đã được lìa bỏ, có ánh sáng rực rỡ. 2613. Sau khi nhìn thấy bậc được gắn liền với sự an tinh tột bực, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng cúng rê cây âluva đên Ngài. 2614. Ke từ khi tôi đã dâng cúng rễ cây âluva trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của rễ cây âluva. 2615. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āluvadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ãluvadâyaka^ là phần thứ tám.

279. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUNDARĪKA (Ekapundarīkattherāpadānam) 2616. Lúc bấy giờ, đấng Tự Chủ tên Romasa là bậc có sự hành trì tốt đẹp. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng [đến Ngài], 2617. Kê từ khi tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trăng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đóa hoa sen trắng. 2618. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapundarīka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ekapundañka" là phần thứ chín.

280. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TARANĪYA (Taranīyattherāpadānam) 2619. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cho xây dựng cây cầu ở đường lộ lớn gập ghềnh để giúp cho mọi người vượt qua [đoạn đường ấy]. 2620. [Ke từ khi] tôi đã cho xây dựng cây cầu trước

đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây càu. 2621. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vi tên Samogadha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2622. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

8 Āluvadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) rễ cây aluva." 9 Ekapundarīka nghĩa là <Ếvị có một (ekā) đóa hoa sen trắng (pundarīkă)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 227

Đại đức Trưởng lão Taranīya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Taranīya55 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vàng, năm hạt mè, cái hộp, thuôc cao, sự chăp tay, vi có tâm vải bạt, giàn hỏa thiêu, rễ cây âluva, một đóa hoa sen trắng, với cây cầu; [tổng cộng] có bốn mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Suvannabimbohana là phẩm thứ hai mươi tám. (Dứt tụng phẩm thứ mười một).

10 Tarañīya nghĩa là t4vị liên quan đến việc vượt qua (tarana)r

228 > KINH TIỂU BỘ

XXIX. PHẨM PANNADĀYAKA (PANNADĀYAKAVAGGO)

281. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PANNADĀYAKA (Pannadāyakattherāpadānam) 2623. Tôi đã ngồi xuống trong gian nhà lá, có bữa ăn là vật thực bằng lá cây. Bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi trong lúc tôi đang ngồi. 2624. Bậc Quang Đăng Của Thế Gian Siddhartha là người thầy thuốc của tất cả thế gian. Khi Ngài đã ngồi xuống ở tấm thảm lá cây, tôi đã dâng cúng lá cây đen Ngài. 2625. Ke từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng lá cây. 2626. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pannadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Pannadāyaka55 là phần thứ nhất.

282. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PHALADÃYAKA (Phaladāyakattherāpadānam) 2627. [Đức Phật Siddhattha] áy có sự an tịnh sánh băng núi Sineru, tợ như vật nâng đỡ trái đất, sau khi xuất khỏi thiền định đã đi đến gần tôi về việc khất thực. 2628. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa. 2629. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng tất cả thức ăn ấy đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhartha, vị Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả thế gian. 2630. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling trái cây. 2631. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Ekajjha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2632. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Pannadayaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) lá cây (panna)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 229

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Phaladâyaka" là phần thứ nhì.

283. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUGGAMANIYA (Paccuggamaniyattherāpadānam) 2633. Bậc Nhân Ngưu đang đi đến, giống như loài sư tử lang thang ở trong rừng, giống như loài bò mộng thuần chủng, tợ như cây kakudhā đang chói sáng. 2634. Với tâm ý trong sạch, tôi đã thực hiện việc đi ra tiếp đón đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhartha, vị thầy thuốc của tất cả thế gian. 2635. [Ke từ khi] tôi đã đi ra tiếp đón đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi ra tiếp đón. 2636. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Saparivâra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2637. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paccuggamaniya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Paccuggamaniya55 là phần thứ ba.

284. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUPPHIYA {Ekapupphiyattherāpadānam} 2638. Lúc bấy giờ, tôi đã là con yêu tinh ở cánh cổng phía Nam. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. 2639. Tôi đã dâng cúng một bông hoa đến bậc Tối Thượng Nhân Vipassī, vị Có Sự Tầm Cầu Lợi ích Cho Tất Ca Thế Gian, bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2640. Ke từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ekapupphiya” là phần thứ tư.

2 Phaladãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà)y 3 Paccuggamanỉya nghĩa là t4vị liên quan đến việc đi ra tiếp đón (paccuggamanà)y 4 Ekapupphỉya nghĩa là uvị liên quan đến một (ekā) bông hoa ịpupphà)y

230 KINH TIỀU BÔ

285. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAGHAVAPUPPHIYA (Maghavapupphiyattherãpadãnam) 2642. ở bờ sông Nammadā, có đấng Tự Chủ là bậc Không Bị Đánh Bại. Ngài đã chứng đạt thiền đinh, được thanh tịnh, không bị chộn rộn. 2643. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Không Bi Đánh Bại, tôi đã được tịnh tín, có tâm ý vui mừng. Khi ấy, tôi đã dâng cúng đấng Tự Chủ ấy với bông hoa maghava. 2644. Ke từ khi tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Maghavapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* wKý sự về Trưởng lão Maghavapupphiya" ỉa phần thứ năm.

286. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UPATTHĀKADĀYAKA (UpaỊỊhãkadâyakattherãpadãnam) 2646. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Chúa Te Của Loài Người, đấng Long Tượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đang bước đi ở đường lộ. 2647. Sau khi cho người thỉnh mời bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian ấy, tôi đã dâng cúng người phục vụ đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha. 2648. Sau khi tiếp nhận, đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí đã gởi trả lại [người phục vụ cho tôi], rồi đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và ra đi, mặt hướng phìa Đong. 2649. Ke từ khi tôi đã dâng cúng người phục vụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 2650. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Balasena, là đấng Chuyên Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2651. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upatthākadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trường lão Upatthākadāyaka" là phần thứ sáu.

287. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO APADẢNIYA (Apadãniyattherãpadãnam) 2652. Tôi đã ca ngợi sự nghiệp của các đấng Thiện Thệ đến bậc Đại Ẩn Sĩ. 5 Maghavapupphiya nghĩa là Ế4vị liên quan đến bông hoa ịpuppha) maghava.,, 6 Upatthākadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) người phục vụ (ụpatfhãkà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 231

Được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bằng đầu và bằng các bàn tay của mình ở bàn chân [của bạc Đại An Sĩ]. 2653. [Ke từ khi] tôi đã ngợi ca sự nghiệp [của chư Phật] trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đên kho cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi. 2654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Apadâniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Apadaniya59 là phần thứ bảy.

288. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SATTĀHAPABBAJITA (Sattāhapabbajitattherāpadānam) 2655. Hội chúng của đức Thế Tôn Vipassī là được tôn sùng kính trọng. Có điều bất hạnh đã xảy đến cho tôi là trước đây thân quyến đã có sự chia rẽ. 2656. Tôi đã đi đến sự xuất gia nhằm làm lắng dịu điều bất hạnh. Tại nơi ấy, do sự mong mỏi giáo pháp của bậc Đạo Su, tôi đã được thỏa thích trong bảy ngày. 2657. Ke từ khi tôi đã xuất gia trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc xuất gia. 2658. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vi lãnh chúa được biết đến với tên “Sunikkhama" đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2659. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattāhapabbajita7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sattāhapabbajita99 là phần thứ tám.

289. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA {Buddhupatthākattherāpadānam) 2660. Lúc bấy giờ, tên của tôi là Vetambarī. Người cha của tôi đã nắm lấy cánh tay của tôi và đã đưa tôi đến bậc Đại Hiền Trí. 2661. [Nghĩ rằng]: “Chu Phật này, các đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian sẽ chỉ dạy cho ta.” Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình phục vụ

các vị ấy một cách tôn kính. 2662. Ke từ khi tôi đã chăm sóc chư Phật trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 2663. Trước đây hai mươi ba kiêp? bôn vi Sát-đê-lỵ [cùng] tên Samanupatthāka đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

7 Sattãhapabbcỳita nghĩa là đã xuất gia (pabbajito) bảy (satta) ngày (aha)'

2664. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhupatthāka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Buddhupatthaka" là phần thứ chín.

290. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUBBAÑGAMIYA (Pubbangamiyattherāpadānam) 2665. Nhằm đạt đến mục đích tối thượng, chúng tôi tám mươi bốn ngàn người đã xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong số các vị ấy, tôi đã là người đứng đầu. 2666. Và các vị này được thanh tịnh, không bị chộn rộn, dầu còn tham ái và còn sự tái sanh. Được tịnh tín, các vị này đã tự tay phục vụ [chư Thánh nhân] một cách tôn kính. 2667. Có các lậu hoặc đã được đoạn tận, có sân hận đã được tống khứ, có phận sự đã được hoàn thành, không còn lậu hoặc, các đấng Tự Chủ không bị đánh bại đã lan tỏa với tâm từ ái. 2668. Sau khi phục vụ chư vị đã tự mình giác ngộ, tôi có được niệm, nhimg tôi đã gần kề sự chết. Và chúng tôi đã đi đến bản thể chư thiên. 2669. [Ke từ khi] toi đã gìn giữ giới hạnh trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tự chế ngự. 2670. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pubbañgamiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Pubbaửgamiya^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Lá cây, [các] trái cây, sự đi ra tiếp đón, vị có một bông hoa, [vi có] bông hoa maghava, người phục vụ, sự nghiệp [của chư Phật], sự xuất gia, vị phục vụ chư Phật, vị đứng đâu; [tông cộng] có bôn mươi tám câu kệ đã được thuật lại. Phẩm Pannadāyaka là phần thứ hai mươi chín.

8 Buddhupatthāka nghĩa là tcvị phục vụ (upatthāka) đức Phật (buddhā)' 9 Pubbañgamiya nghĩa là 'liên quan đến vị đứng đầu, vị đi (gam) ở phía trước (pubba)y

XXX. PHẨM CIIAKAPŪJAKA (CITAKAPŪJAKAVAGGO}

291. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 2671. Lúc bấy giờ, tôi đã là vi Bà-la-môn tên Ajita. Có ý định dâng tặng vật hiến cúng, tôi đã thu thập nhiều loại bông hoa. 2672. Sau khi nhìn thấy giàn hỏa thiêu của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī đang bốc cháy, tôi đã đem số bông hoa ấy lại và đã rải rắc ở giàn hỏa thiêu. 2673. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp. tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2674. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vi thống lãnh loài người [cùng] tên Supajjalita ây đã là các đang Chuyên Luân Vương, có oai lực lớn lao. 2675. Bốn [tuệ] phân tích, tám

giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka95 là phần thứ nhất

292. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUPPHADHÃRAKA (Pupphadhārakattherāpadānam) 2676. Tôi đã là vị mang y phục băng vỏ cây, có y choàng là tâm da dê, có năm thăng trí đã được phát sanh, là người chạm đên mặt trăng. 2677. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī đã ngự đến chỗ tôi, tôi đã nắm giữ những bông hoa san hô [hình chiếc lọng] che cho bậc Đạo Sư. 2678. [Ke từ khi] tôi đã nắm giữ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc năm giữ. 2679. Trước đây tám mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantadhārana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2680. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1 Citakapūjaka nghĩa là cúng dường {pūịakà) lễ hỏa táng (citakà)y

Đại đức Trưởng lão Pupphadhâraka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Pupphadhãraka" là phần thứ nhì.

293. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CHATTADẢYAKA (Chattadāyakattherāpadānam) 2681. Lúc bấy giờ, người con trai của tôi đã xuất gia, có trang phục là y ca- sa. Và vị ấy đã đạt được bản thể của vị Phật, đã Niết-bàn, được thế gian tôn vinh. 2682. Trong lúc tìm hiểu về [tăm tích] người con trai của mình, tôi đã đi lần theo ở phía sau. Tôi đã đi đến giàn hỏa thiêu của con người vĩđại đã được Niết-bàn. 2683. ở tại nơi ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ giàn hỏa thiêu. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc lọng trắng và đã dâng lên. 2684. [Ke từ khi] toi đã dâng lên chiếc lọng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng. 2685. Trước đây hai mươi lăm kiêp, bảy vị thông lãnh dân chúng [cùng] tên Mahâraha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chửng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Chattadãyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Chattadâyaka” là phần thứ ba.

294. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasañññakattherāpadānam) 2687. Khi mặt trời còn chưa mọc lên, đã có tiếng gầm ru dữ dội [báo hiệu] sự xuất hiện của đức Phật tối thượng, bậc Đại Ẩn Sĩ ở trên thế gian. 2688. Tại nơi ấy, tôi đã nghe được tiếng động nhưng tôi không nhìn thấy đấng Chiến Thắng ấy. Và khi sự chết đã gần kề, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng về đức Phật. 2689. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tội] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasañña ka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saddasañña ka" là phần thứ tư. 2 Pupphadhãraka nghĩa là "vi nắm giữ (dhâraka) bông

hoa (pupphà)y 3 Chattadãyaka nghĩa ỉa "vi dâng cúng (dãyako) chiếc lọng che (chattă)y 4 Saddasañña ka nghĩa là t4vị suy tưởng (sañña ka) về âm thanh (saddo)'

THÁNH NHÂN KÝ sự 235

295. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GOSĪSANIKKHEPAKA (Gosīsanikkhepakattherūpadānam) 2691. Sau khi rời khỏi cánh cổng của tu viện, tôi đã trải lót xương sọ của loài bò [ở con đường lầy lội]. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2692. [Tôi có] các loài ngựa dòng Sindhu thuần chủng có tốc độ của gió, có các phương tiện di chuyển nhanh chóng, tôi thọ hưởng tất cả [các] thứ này; điều này là quả báo của [việc trải lótl xương sọ của loài bò. 2693. Ôi, hành động đã khéo được thực hiện bởi tôi ở thửa ruộng tốt là hành động tuyệt vời. Việc khác không có giá trị bằng một phần [mười sáu] so với hành động đã được thực hiện ở nơi hội chúng. r 2694. [Kê# từ khi] tôi 9đã r lót xương sọ của loài bò trước đây r trải 9 v chín mươi bôn kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc trải lót. 2695. [Trước đây] bảy mươi lam kiếp, toi đã là vị tên Suppatitthita, là người độc nhất có quyền uy vĩ dại, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2696. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gosĩsanikkhepaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Gosisanikkhepaka" là phần thứ nắm.

296. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PĀDAPŪJAKA (Pãdapũịakattherãpadânam) 2697. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. 2698. Khi đức Phật Vipassī, đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy đi đến gần tôi, khi ấy tôi đã rải rắc tràm hương và luôn cả cỏ thơm ở bàn chân [Ngài]. 2699. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bàn chân ấy trước đây chín mươi mốt kiep, toi không con biêt đen kho canh; điêu nay là qua bao cua việc cung dương ở bàn chân. 2700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pādapūjaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Pādapūjaka" là phần thứ sáu.

297. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DESAKITTAKA (Desakittakattherāpadānam) 2701-02. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên UpasâỊhaka. Sau khi nhìn 5 Gosĩsanikkhepaka nghĩa là đặt xuống (nikkhepakà) những cái sọ(SĨSŨÌ) của loài bò (go)." 6 Pādapūjaka nghĩa ỉa uvị cúng dường ịpiỊịaka) ở bàn chân (pãdàyy

236 KINH TIỂU BỔ

thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đi sâu vào khu rừng rậm, tôi đã đảnh lễ VỊ Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian ở hai bàn chân. Biết được tôi có tâm đã được tịnh tín, đức Phật đã biến mất. 2703. Sau khi lìa khỏi khu rừng rậm, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Sau khi tán dương khu vực ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2704. [Ke từ khi] tôi đã tán dương khu vực ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 2705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tơi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Desakittaka7 đã nói lên những lời kệ

này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Desakittaka^ là phần thứ bảy.

298. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (Saranagamaniyatherāpadūnam) 2706. Tôi đã là người thợ săn ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 2707. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, tôi đã làm công việc phục vụ. Và tôi đã đi đến nương nhờ đối với bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2708. [Ke từ khi] toi đã đi đến nương nhờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ. 2709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamaniya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Saraọagamaniya" là phần thứ tám.

299. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBAPINDIYA (Ambapindiyattherāpadānam) 2710. [Tôi đã là] người khổng lồ được nổi tiếng với tên là Romasa. Tôi đã dâng cúng một chùm trái xoài đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. 2711. Ke từ khi tôi đã dâng cúng xoài trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái xoài. 2712. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambapindiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Ambapindiya^ ỉa phần thứ chín. 7 Desakittaka nghĩa là uvị tán dương (kittakà) khu vực (desăyy 8 Saranagamaniya nghĩa là t4vị liên quan việc đi đến (gamana) nương nhờ (sarana), tức là đã quy y." 9 Ambapindiya nghĩa là 4tvị liên quan đến chùm (pinda) xoài (ambà)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 237

300. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANUSAMSĀVAKA (Anusamsāvakattherāpadānam) 2713. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī đang đi khất thực. Tôi đã dâng lên một vá thức ăn đến đang Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2714. Với tam tinh tín, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã đảnh lễ và tôi đã ngợi ca đức Phật nhằm đạt đến mục đích tối thượng. 2715. [Ke từ khi] toi đã ngợi ca [đức Phật] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca [đức Phật]. 2716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lòd dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Anusamsāvaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Anusamsāvaka95 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Giàn hỏa thiêu, bông hoa san hô, chiếc lọng [trắng], tiếng động, việc trải lót xương sọ của loài bò, [vị đảnh lễ] bàn chân, [vị tán dương] khu vực, sự nương nhờ, trái xoài, và luôn cả vị ngợi ca [đức Phật]; [tổng cộng] có bốn mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bơi các bậc trí. Phẩm Citakapūjaka là phẩm thứ ba mươi.

Giờ ỉa phan tóm lược của các phàm Bông hoa kanikāra, vị cúng dường voi, vật tựa [lưng], chỗ ngồi và nước, hạt tuvara nướng, vi tán dương và luôn cả việc thảy lên [không trung], gối kê dầu, vi dâng cúng lá cây và vị cúng dường lễ hỏa táng; toàn bộ các câu kệ ở đây là bốn trăm năm mươi mốt câu. Tất cả gồm có hai ngàn năm trăm và bảy mươi hai câu thêm vào đó nữa. [Tổng cộng] có ba trăm ký sự đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích. Nhóm “MQt trăm” thứ ba được đầy đủ.

10 Anusamsãvaka nghĩa là ngợi ca (anusarnsāvaka) đức Phật.,,

XXXI. PHẨM PADUMAKESARIYA (PADUMAKESARIYAVAGGƠ)

301. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKESARIYA (Padumakesariyattherãpadãnam) 2717. Trong thời quá khứ, tôi đã là con voi ở hội chúng các vị Đại Ẩn Sĩ. Do niềm tịnh tín, tôi đã rải rắc nhụy của hoa sen đến các bậc Đại Ẩn Sĩ. 2718. Các đấng Chiến Thắng Độc Giác tối thượng là những vị có các ái đã được giũ bỏ như thế ấy. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở các vi ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2719. Ke từ khi tôi đã rải rắc nhụy hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2720. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumakesariya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Padumakesariya^ là phần thứ nhất.

302. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SABBAGANDHIYA (SabbagandhiyattherãpadãnatỊi) 2721. Tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. Tôi đã dâng cúng tâm vải thượng hạng băng tơ lụa đên bậc có bản thê chính trực. 2722. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng vật thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thơm. 2723. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sucela, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sabbagandhiya1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố6Ký sự về Trưởng lão Sabbagandhiya” là phần thứ nhì. 1 Padumakesarỉya nghĩa là 4tvị liên quan đến việc rải rắc nhụy (kesară) sen hồng (padumà)y 2 Sabbagandhiya nghĩa là "vi liên quan đến tất cả (sabbā) các loại hương thơm (gandhā)^

303. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PARAMANNADÃYAKA (Paramannadāyakattherāpadānam) 2725. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như cây kanikāra đang cháy sáng, tợ như mặt trời đang mọc lên. 2726. Tôi đã chắp tay lên và đã rước Ngài về nhà của mình. Sau khi đã rước đấng Toàn Giác [về nhà], tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng. 2727. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực thượng hạng. 2728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Paramannadâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 44Ký sự về Trưởng lão Paramannadãyaka" là phần thứ ba.

304. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAÑÑAKA (Dhammasañña kattherāpadānam) 2729. Đã có lễ hội ở cội Đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī đúng vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngự ở cội cây. 2730. Vào thời điãĩi ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn [đã] công bố về bốn

sự thật, trong lúc thốt lên với lời nói hùng tráng. 2731. Trong khi thuyết giảng một cách giản lược và trong khi thuyết giảng một cách chi tiết, đấng Toàn Giác, bậc Đã Phơi Bày Điều Bị Che Lấp đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn. 2732. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ra đi, mặt hướng phía Bác. 2733. Ke từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về giáo pháp. 2734. Trước đây ba mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Sutavã, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2735. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 Paramannadâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) vật thực (anna) thượng hạng (paramā)^

Đại đức Trưởng lão Dhammasañfiaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Dhammasaflñaka^ là phần thứ tư.

305. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA (Phaladāyakattherāpadānam) 2736. Lúc bây giờ, đã có khu ân cư ở bờ sông Bhāgīrathī. Có sự mong câu, tôi đã đi đến khu ẩn cư ấy, tay cầm trái cây. 2737. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấỵ [đức Phật] Vipassī tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. Tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư tất cả trái cây mà tôi có. 2738. Ke từ Idii tôi đã dâng cung trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 2739. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phaladâyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Phaladãyaka^ là phần thứ năm.

306. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAMPASÃDAKA (Sampasādakattherāpadānam) 2740. Bạch đức Phật Anh Hùng, con kính lễ Ngài! Ngài đã được giải thoát về mọi phương diện. Vì con đã bị lâm vào cảnh bất hạnh, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ của con đây. 2741. Đức Siddhattha, bậc Không Người Đối Địch ở Thế Gian đã chú nguyện cho tôi đây rằng: "Hội chúng là vô thượng, không thể đo lường, sánh băng biển lớn. 2742. Ngươi hãy làm cho tâm được tinh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn, nguồn ban phát kết quả vô cùng tận. Ngươi đã gieo hạt giống tốt, ngươi hãy trồng tỉa ở tại nơi ấy." 2743. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã chỉ dạy cho tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên khoảng Idiông ở bầu trời. 2744. Khi bậc Toàn Tri, đấng Nhân Ngưu, vừa mới ra đi không bao lâu, tôi đã gần kề sự chết, và tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 2745. Khi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn5 nguồn ban phát kết quả vô cùng tận, tôi đã sướng vui ở cối trời một kiếp. 2746. Ke từ khi toi đã đạt được niềm tinh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của niềm tinh tín.

4 Dhammasaññaka nghĩa là "vi suy tưởng (saññaka) về giáo pháp (dhammā)^ 5 Phaladãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) trái cây (phală)y

2747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sampasâdaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sampasãdaka" là phần thứ sáu.

307. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÃRẢMADẢYAKA (Ãrãmadãyakattherãpadãnam) 2748. Tự viện của đức Thế Tôn Siddhattha đã được tôi tạo dựng trong khi các con chim được yên lặng ở những cội cây có bóng râm dày đặc. 2749. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vi thọ nhận các vật hiến cúng. Tôi đã bàn giao tu viện đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. 2750. Được mừng rỡ? với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng trái cây và bông hoa. Sau đó, có niềm tịnh tín đã được sanh lên, tôi đã chuyển giao khu rừng ấy. 2751. Bất cứ vật gì toi đã dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch [đều có] quả báo sanh khởi đến tôi trong khi tôi tái sanh vào cõi hữu. 2752. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tu viện trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của tu viện. 2753. Trước đây ba mươi bảy kiếp, bảy vi [cùng] tên Mudusĩtala đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2754. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ārāmadāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Ārāmadāyaka99 là phần thứ bảy.

308. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADÃYAKA (Anulepadãyakattherữpadãnam) 2755. Tôi đã nhìn thấy vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Atthadassĩ. Trong khi vi ấy đang xây dựng công trình mới ở trong khuôn viên [tu viện], tôi đã đi đến gàn [nơi ấy]. 2756. Và khi công trình mới đã được hoàn thành, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng ở phước điền vô thượng, tôi đã dâng cúng lớp vữa tô. 2757. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của lớp vữa tô. 2758. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

6 Sampasãdaka nghĩa là uvị tự tạo niềm tin (pasãdakă) cho chính mình (sam)y 7 Ẽrãmadâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) tu viện (ãrãmă)y

Đại đức Trưởng lão Anulepadâyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Anuỉepadãyaka" là phần thứ tám.

309. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (Buddhasaññakattherāpadānam) 2759-60. Trong giấc mơ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng, đang đi vào bên trong khu rừng. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã sanh lên nhàn cảnh. 2761. Ke từ khi tôi đã đạt được sự

suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2762. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhasaflñaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Buddhasañña ka" là phần thứ chín.

310. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PABBHÃRADẢYAKA (Pabbhãradăyakattherâpadãnam) 2763. Sườn núi đã được tôi làm sạch sẽ dành cho đức Thế Tôn Piyađassĩ. Và tôi đã bố trí lu nước cho việc sử dụng của vị [Phật] như thế ấy. 2764-65. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ đã chú nguyện về việc ấy cho tôi rằng: "Tòa lâu đài ấy có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, và châu báu không phải là ít sẽ được sanh lên [cho nguôi]." Sau khi dâng cúng vật thí là sườn núi, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2766. Irước đây ba mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Susuddha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2767. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pabbhāradāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Pabbhâradăyaka55 là phần thứ mười.

8 Anulepadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyaka) vữa tô (anulepà)y 9 Buddhasañña ka nghĩa là suy tưởng (sañña ka) về đức Phật (buddhā)' 10 Pabbhâradâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) sườn núi (pabbhãrà)y

Phần tóm lược Tua nhụy, vật thơm và vật thực, vị có sự suy tưởng về giáo pháp, và [cúng dường] bằng trái cây, niềm tịnh tín, và vi dâng cúng tu viện, lớp vữa tô, vị suy tưởng về đức Phật, và vị dâng cúng sườn núi; [tổng cộng] có năm mươi mốt câu kệ đa được thuật lại. Phẩm Padumakesariya là phẩm thứ ba mươi mốt

xxxn. PHẨM ẢRAKKHADẢYAKA (ĀRAKKHADĀYĀKAVAGGO)

311. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADÃYAKA (Ārakkhadāyakattherāpadānam) 2768. Hàng rào đã được tôi cho xây dựng đến bậc Hiền Trí Dhammadassĩ. Và sự bảo vệ đã được tôi dâng cúng đến bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2769. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. 2770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ãrakkhadâyaka^ là phần thứ nhất

312. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHOJANADĀYAKA (Bhojanadāyakattherāpadānam) 2771. Đấng Chiến Thắng luôn luôn chiếu sáng tợ như cây sâla non trẻ đã được mọc lên tốt đẹp, tợ như cây sobhañjana đã vươn cao, tợ như tia sét ở trên bầu trời* 2772. Với tâm ý trong sạch, toi đã dâng cúng vật thực đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū, vị Trời Của Chư

Thiên ấy. 2773. Đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ về vật [cúng dường] ấy đến tôi rằng: "Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, mong rằng quả báo sanh khởi đên ngươi?5 2774. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực. 2775. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amittabha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2776. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt) .. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhojanadāyaka1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Bhojanadāyaka" là phần thứ nhì. 1 Ãrakkhadãyaka nghĩa ỉa dâng cúng (dãyakcỉ) sự bảo vệ (ārakkho)? 2 Bhojanadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) vật thực (bhojanà)y

313. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA (Gatasaññakattherāpadānam) 2777. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhartha đang di chuyển ở khoảng không của cõi trời. Và không có dấu chân [được lưu lại] ở bầu trời, ở trên không trung, ở lớp khí quyên. 2778. Sau khi nhìn thấy sự di chuyển của bậc Hiền Trí và nhìn thấy y của đấng Chánh Đẳng Giác bi lay động bởi làn gió, niềm hạnh phúc đã lập tức sanh khởi đến tôi. 2779. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2780. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gatasaññaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÉKý sự về Trưởng lão Gatasaññaka" là phần thứ ba.

314. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SATTAPADUMIYA ỤSattapadumiyattherãpadãnam) 2781. Tôi là vị Bà-la-môn tên Nesâda sống ở bờ sông. Tôi đã quét dọn khu ẩn cư bằng những bông hoa [sen] có trăm cánh. 2782. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha có màu da vàng chói, đang di chuyển qua khu rừng, niềm vui đã sanh khởi đến tôi. 2783. Sau khi đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã rước [Ngài] về khu ẩn cư và đã rải rắc [đến Ngài] với những đóa hoa sen hạng nhất. 2784. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 2785. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bốn vị [cùng tên] Pādapāvara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2786. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattapadumiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Sattapadumiya” là phần thứ tư.

3 Gatasañña nghĩa là "vi suy tưởng (saññakci) về đức Phật đã đi qua (gata)y 4 Sattapadumỉya nghĩa là uvị liên quan đến bảy (satta) đóa sen hồng (padumà)y

315. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUPPHẢSANADÃYAKA (Pupphāsanadāyakattherāpadānam) 2787. Đấng Toàn Giác Siddhattha, bậc Không Bị Đánh Bại, có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia sáng, đang đi ở không xa.

2788. Tôi đã đi ra tiếp đón và đã đưa Ngài đi vào khu ẩn cư. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chỗ ngồi bằng bông hoa. 2789. Khi ấy, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay len. Sau khi làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật, tôi đã ước nguyện về nghiệp ấy rằng: 2790. "C6 phước thiện nào đã được tôi thực hiện ở đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, do nhờ tất cả [các] thiện nghiệp ấy, mong rằng tôi được vô nhiễm ở trong giáo pháp.' 2791. Ke từ khi tôi đã dâng gùng chỗ ngồi bằng bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen khổ cảnh; điêu này là quả báo của chỗ ngồi bằng bông hoa. 2792. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphāsanadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* ẾỐKý sự về Trưởng lão Pupphāsanadāyaka" là phần thứ năm.

316. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ẢSANATTHAVIKA (Āsanatthavikattherāpadānam) 2793. Ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī ten là Uttama. Lúc bay giờ, tôi đã mò mẫm lang thang ở trong khu rừng hoang vắng. 2794. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, tôi đã nhìn thấy n^ôi bảo tọa sư tử. Tôi đã khoác y một bên vai, đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 2795. Sau khi đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian hết một khoảng thời gian trong ngày, [tôi đã] trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ toi đã thót len lơi noi nay: 2796. “Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhan, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, bạch đấng Nhân Ngưu, Ngài là đấng Toàn Tri." 2797. Bằng cách lấy Ngài làm đối tượng, tôi đã ngợi ca đức Phật Sikhī và đã đảnh lễ ngôi bảo tọa, sau đó tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 2798. [Ke từ khi] tôi đã ngợi ca đấng cao quý trong số các vị đang thuyết giảng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

5 Pupphâsanadãyaka nghĩa là dâng cúng (dā))akā) chỗ ngồi (āsanā) bằng bông hoa (pupphà)y

2799. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vi [cùng] tên Atulya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2800. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Âsanatthavika6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ảsanatthavika" là phần thứ sáu.

317. KỶ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasaññakattherāpadānam) 2801. Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, đấng Đại Hùng có vóc dáng tốt đẹp, được tháp tùng bởi các bậc Thinh văn, cư ngụ ở căn nhà tối thượng. 2802. Bằng lời nói ngọt ngào ấy, Ngài [đã] thu hút đám đông dân chúng. Lời giảng đã vang vang và bao quát ở chư thiên và nhân loại. 2803. Sau khi lắng nghe âm thanh vạng vang của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhartha, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở âm thanh và tôi đã đảnh lễ đang Lãnh Đạo Thế Gian. 2804. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đúc

Phật. 2805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasañña ka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saddasañña ka" là phần thứ bảy.

318. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIRAMSIYA (Tiramsiyattherāpadānam) 2806. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] Siddhattha đang chiếu sáng tất cả các phương ở trong vùng đồi núi, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như ìdiối lưa ở ngọn núi. 2807. Sau khi nhìn thấy ánh sáng của đức Phật, ánh sáng của mặt trời, và tương tợ như thế ấy là ánh sáng của mặt trăng, niềm hạnh phúc đã sanh khởi đến tôi. “ 2808. Sau khi nhìn thấy ba loại ánh sáng, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng của các vi Thinh van. ọe \ 9 *1ĩ Ấ \ r r r Ả • 4 Â • 1 9 e 2809. Bởi vì ở thê gian có ba nguồn ánh sáng xua đuôi bóng tôi ở trên đời là mặt trăng, mặt trời, và đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

6 Ẫsanatthavika nghĩa là ngợi ca (thavika) ngôi bảo tọa (ãsana)y 7 Saddasañña ka nghĩa là suy tưởng (sañña ka) về âm thanh (saddo)'

2810. Tôi đã trình bày ví dụ so sánh và đã tán dương bậc Đại Hiền Trí. Sau khi tán dương vẻ đẹp của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2811. Ke từ khi tôi đã tán dương đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 2812. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là VỊ độc nhất tên Ñānadhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2813. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tiraipsiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tiramsiya^ ỉa phần thứ tám.

319. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KANDALIPUPPHIYA (Kandalipupphiyattherāpadānam) 2814. Lúc bấy giờ, toi đã là người nông dân ở bờ sông Sindhu. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [sống] lệ thuộc vào vật thực của người khác. 2815. Trong lúc đi dọc theo sông Sindhu, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhattha đang ngồi thiền định, tợ như đóa hoa sen đã nở rộ. 2816. Khi ấy, tôi đã ngắt bảy bông hoa kandali ở cuống hoa. Tôi đã dâng lên ở đỉnh đầu của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời. 2817. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, được đinh tĩnh trong [đề mục] thích hợp, tợ như loài voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi khó mà tiếp cận. 2818. Sau khi đi đến gần vi [có tính] cẩn trọng, có [các] giác quan đã được tu tập ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. 2819. [Ke từ khi] tôi đã cung đường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2820. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)..tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Kandalipupphiya” là phần thứ chín.

320. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMÃLIYA (Kumudamāliyattherāpadānam) 282L [Tôi đã nhìn thấy] đấng Đại Hùng Vipassī, vị Anh Hùng ưu tú cao quý, bậc Đại Ẩn Sĩ có

sự chinh phục, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý. 2822. Khi bậc Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang bước đi ở đường lộ, tôi đã câm lây tràng hoa kumuda và đã rải răc đên đức Phật tôi thượng.

8 Tirarnsiya nghĩa là 4tvị liên quan đến ba (tĩ) nguồn ánh sáng (ramsỉ)y

2823. [Ke từ khi] tôi đã cúng dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2824. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kumudamâliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Kumudamãliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị dâng cúng sự bảo vệ, vi dâng cúng vật thực, vi có sự suy tưởng về đức Phật đã đi qua, vị liên quan đến đóa hoa sen, vị có chỗ ngồi bằng bông hoa, vi ca ngợi, vi có sự suy tưởng về âm thanh, ba loại hào quang, vị có hoa kandali, vị có hoa kumuda, [tổng cộng] có năm mươi bảy câu kệ. Phẩm Ãrakkhadãyaka là phẩm thứ ba mươi hai.

9 Kumudamâliya nghĩa là uvị liên quan đến tràng hoa (mãlã) kumuda.”

xxxm. PHẨM UMMẢPUPPHIYA (UMMẴPUPPHIY4 GGƠ)

321. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UMMÃPUPPHIYA (Ummāpupphiyattherāpadānam) 2825. Tôi đã nhìn thấy đấng Tối Thượng Nhân, bậc Không Bi Đánh Bại Siddhattha đã được định tĩnh, đã được đạt đến và đã nhập vào thiền định. 2826. Tôi đã cầm lấy bông hoa ummã và đã dâng lên đức Phật. Tất cả các bông hoa có đầu quay về một hướng, có cuống hoa ở phía trên, có miệng hoa ở phìa dưới. 2827. Trong khi ngự ở trên không trung, chúng có nhiều màu sắc tợ như chiếc thảm bông hoa. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 2828. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2829. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacchadana, là đang Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao. 2830. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ummãpupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ummâpupphiya^ là phần thứ nhất

322. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA (Pulinapũịakattherãpadãnam) 2831. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Nhân Ngưu đang chiếu sáng, trông tợ như cây kakudhā đang chói sáng, giống như con bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhĩ đang tỏa rạng. 2832. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, tôi đã ngợi ca đấng Đạo Sư. 2833. Sau khi nhặt lấy cát vô cùng trong sạch và túm lại bằng vạt váy, tôi đã rải rắc ở con đường đã đi qua của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

1 Ummãpupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (pupphà) ummā.,,

2834. Sau đó, với tâm ý trong sạch tôi đã rải xuống một nửa số cát ở chỗ nghỉ ngơi ban ngày của bậc Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 2835. [Ke từ khi] toi đã rải xuống số cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát. 2836. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pulinapūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Pulinapūjaka" là phần thứ nhì.

323. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO HĀSAJANAKA (Hāsajanakattherāpadānam) 2837. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị (juang bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chắp tay lên và đã nâng tam y lên cao hơn nữa. 2838. Sau khi nhìn lại từ đàng xa, nụ cười đã sanh khởi đến tôi. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín hơn nữa. 2839. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật. 2840. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Hāsajanaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Hāsajanaka" là phần thứ ba.

324. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YAÑÑASĀMIKA (Yaññasāmikattherāpadānam) 2841. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, toi đã là người thông thạo về chú thuật. Tôi đã duy trì truyền thống gia tộc, sự tế lễ đã được tôi khuyến khích. 2842. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn con thú bị giết chết bởi tôi. Chúng đã bị đưa lại ở cột trụ bằng lõi cây và được sẵn sàng cho mục đích tế lễ. 2843. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trăng vào ngày rằm. 2844. Đấng Toàn Giác Siddhattha, vi Đã Hoàn llianh Tất Cả Phận Sự, bậc Đem Lại Phúc Lợi Được Tôn Kính Bởi Tam Giới đã đi đến gần và đã n6i] nói này: 2845. "Này người trai trẻ, việc không hãm hại sanh mạng của mọi loài; sự xa lánh việc trộm cắp, việc gian dâm và việc uống chất say khiến Ta được hoan hỷ.

2 Pulinapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) cát (pulina)y 3 Hãsạianaka nghĩa là "vi làm sanh khởi (Janaka) nụ cười (hãsă)y

2846. Và sự thích thú trong sở hành bình lặng, sự hiểu rộng, lòng biết ơn, các pháp này nên được ca ngợi ở thế giới này và thế giới khác. 2847. Sau khi làm phát triển những pháp này, được vui thích về sự lợi ích đối với tất cả chúng sanh, sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, hãy tu tập đạo lộ tối thượng." 2848. Sau khi đã nói lời này, sau khi đã chỉ dạy tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên không trung và ra đi. 2849. Tôi đã làm cho tâm được trong sạch trước, và sau đó đã làm cho tâm được tịnh tín. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 2850. [Ke từ khi] toi đã làm cho tâm được tịnh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đưc Phật. 2851. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão

Yafiñasāmika4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trường lão Yaññasāmika" là phần thứ tư.

325. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTASAÑÑAKA (Nimittasaññakattherāpadānam) 2852. Tôi sống ở khu ẩn cư tại bờ sông Candabhãgã. Tôi đã nhìn thấy con nai màu vàng chói đang bước đi ở trong khu rừng. 2853. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở con nai, tôi đã tưởng nhớ đến đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã tưởng nhớ đến các vị Phạt khác. “ 2854. Chư Phật nào thuộc thời quá khứ xa xăm, hiện tại và vi lai, ba [thời] chư Phật ấy chói sáng như thế ấy tợ như con nai chúa. 2855. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đưc Phật. 2856. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Arafiñasatta, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao. 2857. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nimittasañña ka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trường lão Nimittasañña ka" là phần thứ năm.

4 Yaññasāmika nghĩa là làm chủ (sâmikă) lễ cúng tế (yaññā)'9 5 Nimittasañña ka nghĩa là suy tưởng (sañña ka) về hiện tướng (nimitta).9'

326. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ANNASAMSÃVAKA (Annasamsāvakattherāpadanam) 2858. Bậc Toàn Giác [Siddhartha], có màu da vàng chói tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ. 2859. Tôi đã rước bậc Toàn Giác Siddhartha, vị đã hoàn thành tất cả phận sự, bậc không còn dục vọng, vị không bị đánh bại, và tôi đã chăm lo bữa ăn đến bạc Đại Hiền Trí ấy. 2860. Khi ấy, bậc Hiền Trí, đấng Bi Man ở Thế Gian đã chiếu sáng đến toi. Sau khi làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 2861. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực. 2862. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Annasamsāvaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Aimasaipsavaka” là phần thứ sáu.

327. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NIGGUNDIPUPPHIYA (Niggundipupphiyattherāpadānam) 2863. Khi vi thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng: 2864. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp. 2865. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố và không bi dao động chõ đến hit CUOC đời?9 2866. ĚÍBạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng ý, [là việc] không có khổ đau, không có mầm tái sanh. 2867. Sau đó, hãy làm nhiều việc phước còn có mầm tái sanh ấy bằng sự bố thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh

pháp, vào Phạm hạnh.” 2868. Do lòng thương tưởng này, chư thiên khi đã biết vị thiên nhân đang mệnh chung, thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa.,, 2869. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: "Bi mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đến sanh chủng nào?” 2870. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vi Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, đã đi đến gập tôi.

6 Annasarnsāvaka nghĩa là "vi ngợi ca (samsāvaka) về việc dâng cúng vật thực (anna)y

2871. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumanā. Khi ấy, vị ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động. (Dứt tụng phẩm thứ mười hai).

2872. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc Trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy. 2873. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy. Trong khi sống ở trong bụng mẹ, tôi đã được người mẹ cưu mang lần nữa. 2874. Sau khi mệnh chung từ thân ấy, tôi đã được sanh về thế giới chư thiên. Khi ấy, tôi không nhận thấy tâm ưu phiền trong khoảng thời gian ấy. 2875. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Bạo-lqi, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Sau khi ra khỏi bụng mẹ, tôi đã biết được [nghiệp] đen lẫn trắng. 2876. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã đi vào tu viện của đức Thế Tôn Gotama, người con trai của dòng Sakyā như thế ấy. 2877. Khi Phật ngôn đã được lan rộng, khi giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết, tôi đã nhìn thấy ở tại nơi ấy những vị thực hành giáo pháp, những vi Tỳ-khiru của bậc Đạo Sư. 2878. Có thành phố tên là Sāvatthi, đức vua xứ Kosala ngự ở tại nơi ấy. Đức vua đã đi đến cội Bo-đề tối thượng bằng chiếc xe được kéo bằng voi. 2879. Sau khi nhìn thấy con voi của đức vua, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Tôi đã chắp tay lên và đã đi đến cuộc hội họp. 2880. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vị Thinh văn tên Ānanda đã hầu cận đức Phật. 2881. [Là người] có hành vi hoàn hảo, lại có nghị lực, có niệm và nghe nhiều, trong khi làm tâm của đức vua được tịnh tín, vị có sự chói sáng rực rỡ đã truyền đạt lại [giáo pháp]. 2882. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Trong khi là người đứng ở ngay tại chô ây, tôi đã thành tựu phàm vị A-la-hán. 2883. Sau khi khoác y một bên vai, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, tôi đã thốt lên lời kệ này: 2884. Tôi đã nâng lên bông hoa nig^undī rồi đã đặt xuống ở bảo tọa sư tử của đức Phật Padumuttara, đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Đạo Sư. 2885. "Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vị the bất động?5 2886. Trong hai mươi lăm ngàn kiếp, các bậc thống lãnh loài người [ở mỗi kiếp] đã là từng nhóm tám vị Sát-đế-lỵ có tuổi thọ dài, rất dài.7

7 Abbuda là số l thêm vào 56 số không, nỉrabbuda là số l thêm vào 63 số không. (ND)

2887. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Niggundipupphiya8 đã nói lên

những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Niggundipupphiya w là phần thứ bảy.

328. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀVELIYA (Sumanāveliyattherāpadānam) 2888. Sau khi cùng nhau đi đến, tất cả dân chúng tiến hành việc cúng dường trọng thể đến đức Thế Tôn Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 2889. Khi ấy, tôi đã thực hiện một khối vôi bột cùng với vòng hoa đội đầu bằng bông hoa nhài, và tôi đã dâng lên ở phía trước bảo tọa sư tử. 2890. Tất cả dân chúng sau khi cùng nhau đi đến nhìn thấy bông hoa tối thượng [nói rằng]: "Người nào đã cúng dường bông hoa này đến đức Phật tối thượng như thế ấy?" 2891. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ. 2892. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều là đối tượng yêu quý của tất cả; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 2893. Tôi không biết đến sự phỉ báng [nào] đã được thực hiện bởi tôi bằng thân, bằng lời nói, hay bằng ý đối với các vị đạo sĩ khổ hạnh, những vị đã chế ngự bản thân. 2894. Do việc ấy đã được thực hành tốt đẹp và do các nguyện lực của tâm, tôi là đối tượng được cúng dường của tất cả; điều này là quả báo của việc không phỉ báng. 2895. [Ke tư khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 2896. Trước đây mười một kiếp, vị Sát-đế-lỵ tên Sahassâra đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2897. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanâveliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sumanãveliya^ là phần thứ tám.

8 Niggundipupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) niggundi.^, 9 Sumanãveliya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa đội đầu (ãvelĩ) bằng hoa nhài (sumanàyy

256 KINH TIỂU Bộ

329. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHATTIYA (Pupphachattiyattherāpadānam) 2898. [Trong lúc] đức Thế Tôn Siddhartha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang công bố về sự thật, đang giúp cho các sanh linh thành tựu Niết-bàn. 2899. [Khi ấy] tôi đã mang lại bông hoa sen mọc ở trong nước, làm thích ý. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật. 2900. Bậc Hiểu Biết Thế Gian Siddhartha, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Đạo sir, đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này: 2901. "Người nào sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở Ta đã nắm giữ chiếc lọng che bằng bông hoa, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, người ấy không đi đến chốn khổ đau?9 2902. Nói xong lời này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã giải tán hội chúng rồi đã bay lên khoảng không ở bầu ười. 2903. Khi vị Trời của nhân loại đứng dậy9 chiếc lọng che màu trắng cũng đã vươn lên. Chiếc lọng che tối thượng di chuyển ở phía trước đức Phật toi thượng. 2904. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên chiếc lọng che trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc lọng bằng bông hoa. 2905. Vào kiếp thứ bảy mươi bốn, tám vị

[cùng] tên Jalasikha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2906. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pupphachattiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Pupphachattiya" là phần thứ chín.

330. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVÃRACHATTADÃYAKA ịSaparívãrachattadâyakattherũpadãnam) 2907. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, làm mưa cơn mưa giáo pháp, tợ như nước mưa tuôn ở bầu trời. 2908. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác ấy đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đi vê nhà của mình. 2909. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che đã được tô điểm và đã đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã ném [chiếc lọng] lên không trung. 2910. Tợ như chiếc xe kéo đã được khéo điều khiển, tợ như vị đứng đầu các bậc Thinh văn đã được huân luyện, [chiêc lọng che] đã tiên đên gân đang Toàn Giác và đã đứng yên ở trên đỉnh đau.

10 Pupphachattỉya nghĩa lầ 44vị liên quan đến chiếc lọng che (chattă) bằng bông hoa."

THÁNH NHÂN KÝ sự 257

2911. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 2912. "Chiếc lọng che đã được tô điểm làm thích ý này đã được dâng cúng bởi người nào, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh. 2913. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên bảy lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi hai lần. 2914. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 2915. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người ấy] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoạc.55 2916. Hiểu được lời nói hùng tráng đã được thốt len là ngôn từ của đức Phật, với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt. 2917. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã ngự đến sanh chủng thiên nhân. Có tòa lâu đài tối thượng làm thích ý đã được sanh lên cho tôi. 2918. Trong khi [tôi] rời khỏi cung điện, có chiếc lọng che màu trắng đã được cầm giữ [che cho tôi]. Khi ấy, tôi đã đạt được sự tưởng nhớ lại; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ. 2919. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến bản thể nhân loại. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi sáu lần. 2920. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thành phố chư thiên. Sau khi tuần tự luân hồi, tôi đã quay trở lại cuộc sống nhân loại. 2921. Trong khi tôi hạ sanh vào bụng mẹ, có những người đã nắm giữ chiếc lọng màu trăng [che cho tôi]. Được bảy tuôi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 2922. Vị Bà-la-môn tên Sunanda là thông thạo về chú thuật. Vi ấy đã cầm lấy chiếc lọng che bằng pha lê và đã dâng cúng đến vị tối thượng Thinh văn. 2923. Bậc Đại Anh hùng, nhà thuyết giảng vĩ đại Sāriputta đã nói lời tùy hỷ. Sau khi lắng nghe lời tùy hỷ của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. 2924. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi nhớ lại

nghiệp quá khứ, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 2925. Sau khi tư chỗ ngồi đứng dậy, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã thốt lên lời nói này: 2926. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đức Phật, bậc Vô Thượng ở Thế Gian, đấng Hiểu Biết Thế Gian Paḍumuttara là vị thọ nhận các vật hiến cúng. 2927. Tôi đã dâng cúng chiếc lọng che đã được tô điểm có nhiều màu sắc đến Ngài. Đấng Tự Chủ, Nhân Vật Cao Cả đã nhận lấy bằng hai tay.

2928. Ôi, đức Phật! ôi, giáo pháp! ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! Do sự dâng cúng một chiếc lọng che, tôi đã không đi đến chốn khổ đau. 2929. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 2930. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saparivārachattadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saparivārachattadāyaka95 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa ummã, [vị cúng dường] cát, nụ cười, vật tế lễ, vật báo hiệu, vị ngợi ca [về sự cúng dường vật thực], vị có bông hoa niggundī, bông hoa nhài, vị có chiếc lọng che bằng bông hoa, vị có chiếc lọng che và các vật phụ thuộc, [tông cộng] có hơn một trăm lẻ bảy câu kệ. Phẩm Ummâpupphiya là phẩm thứ ba mươi ba.

XXXIV PHẨM GANDHADHŨPIYA (GANDHADHŪPHAVAGGO)

331. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHADHŪPIYA (Gandhadhūpiyattherāpadānam) 2931. Tôi đã dâng cúng nhang thơm đến đức Thế Tôn Siddhattha. Nhang thơm ấy được bao phủ bằng [mùi hương của] các bông hoa nhài và được phù hợp VỚI đức Phật. 2932. Đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, tợ như bông hoa súng được chói sáng, tợ như ngọn lửa tế thần được cháy rực. 2933. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, Nệài đã ngồi xuống ở phía trước hội chúng gồm các vị Tỳ-khiru cao quý trong sô các bậc Sa-môn. 2934. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã chắp tay lên. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Su, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 2935. Ke từ khi tôi đã cúng dường hương thơm cho đến chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường hương thơm. 2936. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhadhũpiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĚÍKý sự về Trưởng lão Gandhadhũpiya" là phần thứ nhất.

332. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA (Udakapūjakattherāpadānam) 2937. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng như là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung.1 2938. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Man, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận. 2939. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư tên Padumuttara sau khi biết được ý định của tôi đã nói lên lời kệ này:* Ký sự này tương tợ

Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka, số 106, trang 130.

260 KINH TIỂU BỘ

2940. “Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, ngươi không bị sanh vào khô cảnh trong một trăm ngàn kiếp." 2941. Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào việc làm ấy, sau khi từ bỏ sự hơn thua, con đã đạt được vi the bất động. 2942. Và [trước đây] sáu nệàn năm trăm kiêp9 ba đang Chuyên Luân Vương tên Sahassarāja đã là các vị thông lãnh dân chúng [chinh phục] bôn phương. 2943. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ nhì.

333. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PUNNÃGAPUPPHIYA (Punnāgapupphiyattherāpadānam) 2944. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. Sau khi nhìn thấy cây punnâga đã được trổ hoa, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.3 2945. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng [bông hoa] lên đức Phật. 2946. [Kê từ khi] tôi đã Cling dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 2947. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao. 2948. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Punnâgapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 6íKý sự về Trưởng lão Punnâgapupphiya" là phần thứ ba.

334. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADÃYAKA (Ekadussadŭyakattherãpadãnam) 2949. Tôi đã là nệười gánh cỏ ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh cỏ. Nhờ thê, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ. 2950. Đấng Chiến Thắng ten Padumuttara là bậc thong suốt về tất cả các pháp. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi.

2 Udakapūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pụịakà) nước (ụdakà)y 3 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Punnãgapupphiya, số 159, trang 165. 4 Punnãgapupphỉya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) punnãga.?,

THÁNH NHÂN KÝ sự 261

2951. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của mình, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, và vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có. 2952. Đay là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có người thí chủ nào. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ươm trồng vật cúng đường." 2953. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 2954. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã nói lớn tiếng rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua." 2955. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến

Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng: 2956. "Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp. 2957. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần. 2958. Lãnh thô vương quôc là bao la, không thê đo lường băng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, ngươi sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người. 2959. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, ngươi sẽ đạt được vải vóc không bị suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước mu8n." 2960. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 2961. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tam vải. 2962. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi. 2963. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, luôn cả rừng rậm cùng với núi non. 2964. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này cõi khác. 2965. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây. 2966. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải. 2967. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

262 KINH TIÊU BÔ

2968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadussadãyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekadussadãyaka" là phần thứ tư.

335. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHUSITAKAMPIYA ị^husitakampiyattherãpadãnam) 2969. Lúc bấy giờ, đấng Toàn Giác tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, được tùy tùng bởi các bậc Lậu tận, đã cư ngụ tại tu viện của hội chúng. 2970. Rồi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī cùng với tám trăm ngàn bậc Lậu tận đã đi ra từ cánh cổng tu viện. 2971. Là vị quân y phục băng da dê và cũng là vị mặc y phục băng vỏ cây, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha rồi đã đi đến gần bậc Toàn Giác. 2972. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lên, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha và đã rưới lên đức Phạt. 2973. Do việc làm ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã tán dương việc làm của tôi, rồi đã ra đi theo như ý định. 2974. Ke từ khi tôi đã cúng duỳng năm ngàn giọt [nước], tôi đã [trở thành vị Thiên vương] cai quản thiên quốc đúng hai ngàn năm trăm kiếp. 2975. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương đúng hai ngàn năm trăm kiếp. Với nghiệp còn dư sót, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 2976. Vào lúc tôi là vị Thiên vương, vào lúc tôi là vi thống lãnh nhân loại, tôi có tên là Phusita, chính tên gọi ấy la thuộc về tôi. 2977. Trong khi là vị thiên nhân cũng như khi là loài người, mưa đổ xuống như nhỏ giọt ở xung quanh tôi một sải

tay. 2978. Các lần tái sanh của tôi đã được tiêu diệt, các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận; điều này là quả báo của giọt nước. 2979. Mùi thơm tỏa ra từ thân thê của tôi giông như mùi của trâm hương. Mùi thơm của tôi từ cơ thể tỏa ra [khoảng cách] một nửa kosa.6 2980. Là người có được nghiệp phước thiện đang tỏa ra hương thơm của cõi trời, mọi người sau khi ngửi được mùi hương biết được là Phusita đã đi đến đây. 2981. Các cành cây, các lá cây, các nhánh cây và luôn cả toàn bộ các loại cỏ, thuận theo ý định của tôi, có hương thơm được sanh lên trong giây lát.

5 Ekadussadâyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dāyako) một (ekā) tấm vải (dussà)y 6 Kosa là khoảng cách bàng 500 lần chiều dài của cây cung.

2982. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của giọt nước. 2983. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phusitakampiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Phusitakampiya59 là phần thứ nắm.

336. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PABHAÑKARA (Pabhañkarattherāpadānam) 2984. Ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đã ngự ở trong khu rừng đông đúc thú dữ. 2985. Không người nào đã dám đi đến để đảnh lễ ngôi bảo tháp. Bị bao phủ bởi cỏ, cây cối và dây leo, ngôi bảo tháp đã bị sụp đổ. 2986. Khi ấy, tôi đã là người thợ rừng theo nghề của cha và ông nội. Tôi đã nhìn thấy ngôi bảo tháp đổ nát, bị chằng chịt bởi cỏ và dây leo ở trong khu rừng. 2987. Sau khi nhìn thấy ngôi bảo tháp của đức Phật, tôi đã thiết lập tâm cung kính rằng: uĐây là ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng, nó đã bi sụp đổ và còn tồn tại ở trong khu rừng. 2988. Thật không đúng đắn, không hợp lẽ đối với người biết được điều phải quây! Ta hãy dọn sạch ngôi bảo tháp của đức Phật roi hãy chăm lo công việc khác.” 2989. Sau khi dọn sạch cỏ, cây cối và dây leo ở ngôi bảo tháp, tôi đã đảnh lễ tám lượt roi đã cúi mình ra đi. 2990. Do việc làm ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 2991. Tại nơi ây, có cung điện băng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiên tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần. 2992. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lượt. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần. 2993. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp]. 2994. Khi tôi đang di chuyển bằng kiệu khiêng, bằng lưng voi ở trong khu rừng, bất cứ hướng nào tôi đi đến, khu rừng đều có sự trợ giúp đến tôi. 2995. Được gắn liền với nghiệp J>hước thiện, gốc cây hoặc thậm chí gai nhọn mà tôi không nhìn thây băng mat, tự chính chúng được dời đi. 2996. Và bệnh cùi, nhọt, chàm, động kinh, ghẻ, lở, ngứa không xảy đến cho tôi; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp].

A e e e

2997. Còn có điêu phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi không biết đến khối u mọc lên ở cơ thể của tôi. 2998. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và loài người. 2999. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi có màu da vàng chói, có sự phát ra ánh sáng ở khắp mọi nơi. 3000. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sự khó chịu biến mất và sự khoan khoái hiện hữu. 3001. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tâm tôi được trong sạch, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh. 3002. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 3003. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc làm sạch sẽ. 3004. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pabhañkara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Pabhahkara” là phần thứ sáu.

337. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINAKUTIDĀYAKA (Tinakutidāyakattherāpadānam) 3005. Tôi đã là người làm công cho người khác ở thành phố Bandhumatī. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [song] lệ thuộc vào vật thực của người khác. 3006. Sau khi đi đên nơi văng vẻ roi ngôi xuồng, vào lúc ây tôi đã suy nghĩ như vầy: “Dức Phật đã hiện khởi ở thế gian và hành động hướng thượng của ta là không có. 3007. Thời điểm để dọn sạch cảnh giới tái sanh, cơ hội đã được sắp xếp cho ta. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở cho những chúng sanh thật sự không có phước báu." 3008. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã đi đến gặp người chủ công việc. Sau khi yêu cầu về công việc trong một ngày, tôi đã đi vào khu rừng. 3009. Khi ấy, tôi đã mang lại cỏ, cây gỗ và dây leo. Sau khi dựng lên ba cây gậy, tôi đã thực hiện cái lều bằng cỏ. 3010. Sau khi cúng hiến cái lều nhỏ ấy vì sự lợi ích của hội chúng, tôi đã trở về nội trong ngày hôm ấy và đã đi đến gặp người chủ công việc. 3011. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Do nhờ [quả báo của việc dâng cúng] cái lều nhỏ bằng cỏ, tại nơi ấy có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đã được hóa hiện ra.

THÁNH NHÂN KÝ sự € 265

3012. [Cung điện áy] có một ngàn khu vực, có một trăm quả câu tròn được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi. 3013. Nơi chốn nào toi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có tòa lâu đài hiện diện kế bên đúng theo ý đinh của tôi. 3014. Sự sợ hãi, hoặc trạng thái u mê? hoặc lông rởn ốc là không được biết đến, tôi không biết đến sự run sợ của tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ. 3015. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, tất cả đều tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bang cỏ. 3016. Các loài bò sát và các hạng ma quỷ, các con rắn, các ác thần và các quỷ sứ, các hạng này cũng tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ. 3017.

Tôi khônệ nhớ tôi có sự nhìn thấy giấc mộn§ xấu xa [lần nào], niệm của tôi hiện hữu; điêu này là quả báo của cái lều nhỏ bang cỏ. 3018. Chỉ nhờ vào cái lều nhỏ bằng cỏ, tôi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 3019. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ. 3020. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinakutidāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tinakutidāyaka^ là phần thứ bảy.

338. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UTTAREYYADẢYAKA (Uttareyyadāyakattherāpadānam) 3021. Lúc bấy giờ, ở thành phố Harnsavatī tôi đã là vi Bà-la-môn, là vi giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà. 3022. Tôi là người có dòng dõi, khéo được học tập, được các người học trò của mình trọng vọng. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi thành phố nhằm mục đích rửa tội bằng nước. 3023. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bác thônẹ suốt về tất cả các pháp. Được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu, đấng Chiên Thắng đã đi vào thành phố. 3024. Tôi đã nhìn thay vị có dáng vóc vô cùng tao nhã như là đã được tạo nên bởi sự không còn dục vọng, được tháp tùng bởi các vi A-la-hán. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín. 3025. Tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã cúi chào bậc Có Sự Hành Trì Tốt Đẹp. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tấm áo choàng.

7 Tinakutidāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) cái lều nhỏ (kutí) bằng cỏ (tină)y

3026. Sau khi nâng lên bằng cả hai tay, tôi đã thảy tấm vải choàng lên. Hội chúng của đức Phật đứng đến nơi đâu thì tấm vải choàng đã che đến nơi ấy. 3027. IGìi ấy, trong lúc làm tấm che cho hội chúnẹ Tỳ-khưu đông đảo, v.v... đang đi khất thực, [tấm vải choàng] đã đứng yên, khiên cho tôi được vui mừng. 3028. Trong khi tôi đang từ nhà bước ra, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, bậc Đạo Sư đứng ở tại đường lộ, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng: 3029. "Người nào với tâm tịnh tín, với ý vui mừng đã dâng cúng tấm vải choàng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3030. [Người áy] sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên ba mươi ngàn kiêp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần. 3031. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi đang sống ở thế giới chư thiên, sẽ có được sự che phủ bằng tấm vải ở xung quanh một trăm do-tuần. 3032. Và [người áy] sẽ trở thành đàng Chuyên Luân Vương ba mươi sáu lần. Lãnh thô vương quốc là bao la, không thê đo lường bằng phương diện tính đếm. 3033. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi luân hồi ở cõi hữu, sẽ tức thời đạt được mọi điều ước nguyện ở trong tâm. 3034. Người nam này sẽ đạt được các tấm vải làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bang chỉ lanh và bằng bông vải có giá trị cao. 3035. Người nam này sẽ đạt được mọi ước nguyện ở trong tâm và sẽ thọ hưởng quả thành tựu của [việc dâng cúng] một tam vải vào mọi thời điểm. 3036. Vê sau, được thúc đây bởi nhân tô trong sạch, người ây sẽ xuất gia và sẽ đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotamā.” 3037. Ôi9 việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến đấng Toàn Tri, bậc Đại Ân Sĩ. Sau khi dâng cúng một tấm vải choàng, tôi đã đạt được vị thế bất tử. 3038.

Trong lúc tôi sông ở mái che, ở góc cây, hoặc ở ngôi nhà trông văng, có tấm che bang vải được duy trì ở xung quanh tôi một sải tay. 3039. Tôi sử dụng y và vật dụng không phải do gợi ý xin xỏ, tôi có sự thành đạt về cơm ăn nước uống; điều này là quả báo của tấm áo choàng. 3040. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiêp? tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải. 3041. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uttareyyadâyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Uttareyyadâyaka55 là phần thứ tám.

8 Uttareyyadâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) tấm áo choàng (ụttareyya)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 267

339. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAVANIYA (Dhammasavaniyattherāpadānam) 3042. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật, đã giúp cho nhiều người vượt qua. 3043. Lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phất phơ các y phục bằng vỏ cây. 3044. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Lúc ấy, tợ như con chim bị va vào tảng đá, tôi đã không đạt được sự di chuyển. 3045. Sự hư hoại về oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây. Giống như người nổi trên mặt nước, tôi [thường] di chuyển ở không trung như vậy. 3046. "Chắc là có người có bản chất cao thượng đang ngồi ở phía bên dưới. Hừ! Ta sẽ tìm hiểu việc này. ít ra ta cũng có thể biết được nguyên nhân.,, 3047. Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư đang thuyết giảng về tính chất vô thường, khi ấy tôi đã học tập điều ấy. 3048. Sau khi đã học tập sự suy tưởng về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hét tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 3049. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe giáo pháp ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 3050. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi mốt lần. 3051. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3052. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vi Sa-môn có giác quan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chất vô thường. 3053. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy, [nhưng] tôi [đã] không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn, vị thế bất tư? 3054. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."9 3055. Sau khi lắng nghe câu kệ ngôn, tôi đã nhớ lại việc làm quá khứ. Sau khi ngòi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 3056. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên. 3057. Trong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn tất việc cần làm. Hôm nay, còn có việc gì tôi cần phải làm ở giáo pháp của người con trai dòng Sakyā?*

9 Câu kệ này được thấy ở nhiều nơi trong tạng Kinh.

3058. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo của việc lang nghe Chánh pháp. 3059. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhammasavaniya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* í4Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaniya95 là phần thứ chín.

340. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UKKHITTAPADUMIYA (ưkkhittapadumiyattherãpadãnam) 3060. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Hamsavatī. Tôi đã lội xuống hồ sen và đã hái những đóa hoa sen. 3061. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp cùng với một trăm ngàn bậc có tâm an tịnh như thế ấy. 3062. Khi ây, trong khi lưu tâm đên sự tiên hóa của tôi, Ngài cùng với các bậc Lậu tận trong sạch có sáu thắng trí, đã đi đến chỗ của tôi. 3063. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, khi ấy tôi đã ngắt đóa hoa sen ở cuống và đã thảy lên không trung. 3064. "Bạch đấng Anh Hùng, nếu Ngài là đức Phật, bác Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, xin cho các đóa sen tự đi đến và duy trì ở trên đỉnh đầu NgAi." 3065. Đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã chú nguyện. Do nhờ oai lực của đức Phật, chúng đã duy trì ở trên đỉnh đâu. 3066. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đên cõi trời Đạo-lợi. 3067. Có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đây. Nó được ệọi tên là “Satapattarp" có chiều cao sáu mươi do-tuần? chiều rộng ba mươi do-tuần. 3068. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. 3069. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ. 3070. Chỉ nhờ vào một đóa sen hồng ấy, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 3071. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 10 Dhammasavaniya nghĩa là "vi liên quan đến việc lắng nghe (savana) pháp (dhammo)

3072. [Ke từ khi] tôi đã Cling dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một đóa sen hồng. 3073. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ukkhittapadumiya11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Ukkhittapadumiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược Nhang thơm, [vi Cling dường] nước, bông hoa punnāga, vị có tâm vải độc nhất, giọt nước [thơm], vị Pabhankara, vị dâng cúng cái lều [cỏ], vị có tấm áo choàng, vị có sự lắng nghe, vi có một đóa sen hồng; các câu kệ được gộp chung lại ở phàm này là một trăm câu kệ và bôn mươi bôn câu nữa. Phẩm Gandhadhũpiya là

phẩm thứ ba mươi bốn.

11 Ukkhỉttapadumiya nghĩa là "vj liên quan đến đóa sen hồng (padumă) đã được thảy lên (ụkkhittă) không tru

XXXV PHẨM EKAPADUMIYA (EKAPADUMIYAVAGGƠ)

341. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPADUMIYA (Ekapadumiyattherāpadānam) 3074. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, trong khi giảng giải ở cõi này cõi khác, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. 3075. Khi ấy, tôi là con thiên nga chúa cao quý trong số các loài chim [lưỡng sanh]. Tôi lặn xuống hồ nước thiên nhiên và vui giỡn trò đùa của loài thiên nga. 3076. Vào khi ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Chiến Thắng đã đi đến ở bên trên của hồ nước thiên nhiên. 3077. Sau khi nhìn thấy vi Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thê Gian, tôi đã ngát đóa sen hông trăm cánh đáng yêu ở cuông hoa. 3078. Được tịnh tín vào đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi dùng mỏ gắp lấy và thảy lên bầu trời, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng. 3079. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở không trung đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng: 3080. "Do một đóa sen hồng này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.” 3081. Nói xong điều ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, sau khi tán dương việc làm của tôi, đã ra đi theo như ý đinh. 3082. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3083. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapadumiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ekapadumiya55 là phần thứ nhất

Ekapadumỉya nghĩa là liên quan đến một (ekā) đóa sen hồng (padumă)y

342. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TL-UPPALAMÃLIYA (Ti-uppalamāliyattherāpadānam) 3084. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi. 3085. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa. Sau khi nhìn thấy bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ. 3086. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đầu. 3087. Sau khi dâng lên các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, sau khi đạt đến sự tôn kính, tôi đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 3088. Trong khi đang cúi mình ra đi, với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống. 3089. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 3090. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 3091. [Ke từ khi] tôi đã cúng đường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu

thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamâliya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamâliya55 là phần thứ nhì.

343. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA (phạịadãyakattherãpadânam) 3093. Đấng Đạo Sư tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. Sau khi nhìn thấy sự đoạn tận mầm mống tái sanh [sự viên tịch Niết-bàn] của Ngài, tôi đã treo lên lá cờ. 3094. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 3095. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 3096. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

2 Ti-uppalamâliya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa (rnãlã) gồm ba (tí) đóa sen xanh ịuppala)y

3097. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling lá cờ. 3098. Và giờ dây, trong lúc mong muốn tôi có thể che đậy [mặt đất] có rừng rậm luôn cả núi non bằng loại vải sợi lanh; vào khi ấy quả báo của tôi đã được thể hiện. 3099. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhajadãyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trường lão Dhajadãyaka,9 là phần thứ ba.

344. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKIÑKINIPŪJAKA (Tikiñkinipū/akattherāpadānam) 3100. ở kh6ng xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Bhūtagana. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thây tâm y may từ vải bị quăng bỏ vướng ở ngọn cây. 3101. Khi ấy, tôi đã thu nhặt ba bông hoa kiñkini và đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã cũng dường tấm y may từ vải bị quăng bỏ. 3102. Ke từ khi tôi đã thực hiên việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa hoa. 3103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikiñkinipūjaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Tikiñkinipūj aka" là phần thứ tư.

345. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NALÃGÃRIKA (Nalāgārikattherāpadānam) 3104. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Hārita. Khi ấy, đấng Tự Chủ tên Nārada đã cư ngụ ở góc cây. 3105. Tôi đã thực hiện gian nhà bằng cây sậy và đã lợp bằng cỏ. Sau khi dọn sạch sẽ con đường kinh hành, tôi đã dâng Cling đến đấng Tự Chủ. 3106. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười bốn kiếp, và đã cai quản thiên quốc bảy mươi bốn lần. 3107. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3108. Cung điện của tôi có chiêu cao tợ như chiêc câu vông đã xuat hiện, có ngàn cây cột trụ, không thể so sánh, là cung điện có sự rực rỡ. 3109. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3 Dhajadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng {dāyako) lá cờ (dhqja)y 4 Tikiñkinipūfaka nghĩa là "vj cúng dường (pūjakā) ba (tí) bông hoa kiñkiniy

THÁNH NHÂN KÝ sự 273

r ỈA 1 1 7 Ấ Ầ % e \ 3110. Có tính khàng quyết vê sự nô lực, được an tịnh, không còn mâm mốnệ tái sanh, sau khi căt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sông không còn lậu hoặc. 3111. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão NaỊâgãrika5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Nalāgārikaw là phần thứ năm.

346. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (Campakapupphiyattherãpadãnam) 3112. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Cãpala. Đức Phật tên Sudassana đã cư trú ở trong vùng đồi núi. 3113. Sau khi hái bông hoa ở núi Hy-mã-lạp5 tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, đang di chuyển ở không trung. 3114. Khi ấy, tôi đã đặt tám bông hoa campaka ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bạc Đại Ẩn Sĩ. 3115. [Kể từ khi] toi đã cúnệ dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3116. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* ố6Ký sự về Trưởng lão Campakapupphỉya" là phần thứ sáu.

347. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA (Padumapūfakattherāpadānam) 3117. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có vị Phật tên Sambhava đã cư ngụ ở ngoài trời. 3118. Tôi đã lìa khỏi chỗ cư ngụ và đã mang đến [dâng] đóa sen hồng. Sau khi đã cầm giữ [đóa sen] một ngày, tôi đã quay trở về chỗ trú ngụ. 3119. [Ke từ khi] tôi đã cung dườĩiệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 NaỊãgãrika nghĩa là uvị liên quan đến gian nhà (ãgãra) bằng cây sậy (naịă)y 6 Campakapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) campaka.,^

274 « KINH TIỀU BỔ

Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka^ là phần thứ bảy. (Dứt tụng phẩm thứ mười ba).

348. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINAMUTTHIDĀYAKA (Tinamutthidāyakattherāpadānam) 3121. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. Bậc Toàn Giác tên Upatissa đã đi kinh hành ở bên ngoài trời. 3122. Lúc bấy giờ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy. 3123. Với tâm ý trong sạch, khi ấy tôi đã dâng cúng nắm cỏ để làm chỗ ngồi đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ ấy. 3124. Sau

khi dâng cúng đến vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín nhiều hơn nữa. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác rồi đã ra đi, mặt r hướng phía Băc. 3125. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc bi con sư tử vật ngã, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 3126. [Do] việc làm đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lậu Hoặc, là vừa mới xảy ra đây, tợ như tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. 3127. ở tại nơi ấy, tòa lâu đài xinh đẹp có một ngàn khu vực, có một trăm quả câu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, có màu lục, đã được hóa hiện ra do nghiệp phước thiện. 3128. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như ánh mặt trời đã mọc lên cao. Được quây quần với các nàng tiên nữ trẻ, tôi đã sướng vui theo ước muốn của dục vọng. 3129. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể loài người và đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 3130. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chỗ ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của nam cỏ. 3131. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tinamutthidāyaka 7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Tinamutthidāyaka59 là phần thứ tám.

7 Tinamutthidāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) nắm (mutthī) cỏ (tina)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 275

349. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TINDUKAPHALADÃYAKA (Tindukaphaladāyakattherāpadānam) 3132. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng đã vượt qua dòng nước lũ5 không còn lậu hoặc, đang ngôi ở trong vùng đôi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng. 3133. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã ngắt cả chùm. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Vessabhū. 3134. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3135. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tindukaphaladâyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Tindukaphaladãyaka" là phần thứ chín.

350. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA (Ekafyaliyattherāpadānam) 3136. .K Giác tên Revata đã ĩ Lúc bấy giờ, bậc Toàn w cư9 ngụ ở bờ sông. Tôi đã nhìn thây đức Phật, bậc Vô Nhiêm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. 3137. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như vì sao osadhĩ đang chiếu sáng, tôi đã thể hiện sự chắp tay lại. 3138. [Ke từ khi] tôi đã thể hiện sự chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay. 3139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekafijaliya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekañjaliya^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có đóa sen hồng, vị có tràng hoa sen xanh, lá cờ? vị có bông hoa kiñkini, [gian nhà bằng] cây sậy, bông hoa campaka, đóa sen hồng, nắm [cỏ], cây tinduka, và vị chắp tay lại là tương tợ; [tong cộng] có sáu mươi sáu câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Ekapadumiya là phẩm thứ ba mươi lăm.

8 Tỉndukaphaladãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây (phala) tinduka.,, 9 Ekañjaliya nghĩa là uvị liên quan đến một lần (ekã) chắp tay (anjalĩ)y

XXXVI. PHẨM SADDASAÑÑAKA qSADDASAÑÑAKAVAGGO)

351. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA (Saddasañ̃akattherãpadãnam) 3140. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác được vây quanh bởi hội chúng chư thiên. 3141. Trong lúc Ngài đang công bố về bốn sự thật [và] đang tiếp độ đám đông dân chúng, tôi đã lắng nghe lời nói ngọt ngào tương tợ tiếng hót của loài chim Karavīkã. 3142. Sau khi làm cho tâm được tinh tín vào âm vang giọng nói Phạm thiên của bậc Hiền Trí Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 3143. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của niêm tịnh tín. 3144. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saddasañ̃aka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ố4Ký sự về Trưởng lão Saddasañ̃aka" là phần thứ nhất

352. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YAVAKALÃPIYA (ĩàvakaỉãpiyattherãpadãnam) 3145. Lúc bấy giờ, tôi đã là người trồng lúa mạch ở thành phố Arunavatī. Sau khi nhìn thây bậc Toàn Giác ở đường lộ, tôi đã trải xuông bó rơm lúa mạch. 3146. Biết được ý đinh của tôi, bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian Sikhī đã ngồi xuống ở tấm trải bằng rơm lúa mạch. 3147. Sau khi nhìn thấy bậc Vô Nhiễm, vị có Thiền Chứng Vĩ Đại, đấng Hướng Đạo đã ngồi xuống, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tại nơi ấy tôi đã mệnh chung. 3148. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp,* Saddasañ̃aka nghĩa là uvị suy tưởng (sañ̃aka) về âm thanh (saddă)y

tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc trải thảm rơm lúa mạch. 3149. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đa được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yavakalãpiya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Yavakalãpiya55 là phần thứ nhì.

353. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPŪJAKA (Kimsukapūjakattherãpadãnam) 3150. Sau khi nhìn thấy cây kirpsuka đã được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Sau khi suy tưởng về đức Phật Siddhattha, tôi đã cúng dường ở không trung. 3151. [Ke từ khi] tôi đã cúng đường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3152. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã

thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kimsukapūjaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ốếKý sự về Trưởng lão Kỉmsukapũjaka" là phần thứ ba.

354. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SAKOTAKAKORANDADĀYAKA (Sakotakakorandadāyakattherāpadānam) 3153. Và sau khi nhìn thấy dấu chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã đảnh lễ dấu chân tối thượng. 3154. Sau khi nhìn thấy cây koranda, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất đã được trổ hoa, tôi đã ngắt một chùm và đã cúng dường ở dấu chân có hình bánh xe. 3155. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân. 3156. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sakotakakorandadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Sakotakakorandadāyaka" là phần thứ tư.

355. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DANDADĀYAKA (Dandadāyakattherāpadānam) 3157. Lúc bấy giờ, tôi đã đi sâu vào khu rừng hoang rậm và đã đốn cây tre. Sau khi câm lây thanh đòn ngang, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

2 Yavakalãpiya nghĩa là liên quan đến bó rơm (kalãpă) lúa mạch (yavà)y 3 Kimsukapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) bông hoa kimsuka.,, 4 Sakotakakorandadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) chùm (sakotakà) bông hoa koranda.^,

3158. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đảnh lễ các bậc có sự hành trì tốt đẹp. Tôi cũng đã dâng cúng thanh đòn ngang, rồi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc. 3159. Kể từ Wii tôi đã dâng cung cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy. 3160. Bốn [tuệ] phân tích,...(lít)...tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Tưởng lão Dandadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Dandadāyaka" là phần thứ năm.

356. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBAYÃGUDẢYAKA (Ambayãgudãyakattherãpadãnam) 3161. Bậc Giác Ngộ tên Sataramsī, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, sau khi xuất khỏi định đã đi đến tôi về việc khất thực. 3162. Sau khi nhìn thấy vi Phật Độc Giác có tâm thanh tịnh, tôi đã dâng cúng món cháo xoài đến Ngài với tâm ý trong sạch. 3163. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cháo xoài. 3164. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambayāgudāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ambayāgudāyaka55 là phần thứ sáu.

357. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUPUTAKAPŪJAKA (Suputakapūjakattherāpadānam) 3165. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, trong khi lìa khỏi việc nghỉ ngơi ban ngày, trong khi đi đó đây về việc khất thực, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi. 3166. Do điêu ây, được sung sướng, có tâm ý vui mừng, tôi đã dâng cúng chiếc hộp đựng muối xinh đẹp

đến đức Phật tối thượng như thế ấy, [và] tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. 3167. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc hộp xinh đẹp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc hộp. 3168. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Suputakapūjaka 7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Suputakapūjaka" là phần thứ bảy.

5 Dandadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) cây gậy (danda)y 6 Ambayāgudāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) cháo (yāgù) xoài (amba)' 7 Suputakapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) chiếc hộp (putakà) xinh đẹp

358. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA (Mañcadāyakattherāpadānam) 3169. Do được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng Cling một chiếc giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 3170. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường nhỏ ấy, tôi đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. 3171. Ke từ khi tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường. 3172. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “K? sự về Trưởng lão Maflcadāyaka^ là phần thứ tám.

359. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (Saranagamaniyattherāpadānam) 3173. Lúc bấy giờ, tôi là đạo sĩ lõa thể. Vị Tỳ-khmi và tôi đã bước lên chiếc thuyền. Trong khi chiếc thuyền đang bị đắm, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ. 3174. [Ke từ khi] vi ấy ban cho sự nương nhờ đến tôi trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ. 3175. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamaniya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Saraọagamaniya55 là phần thứ chín.

360. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PINDAPĀTIKA (Pindapātikattherāpadānam) 3176. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Tissa đã cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Sau khi Ngài đã từ chính cõi trời Đẩu-suất về lại nơi đây, tôi đã dâng cúng vật thực. 3177. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao tên Tissa, sau khi đã làm cho tâm của mình được tinh tín, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. 3178. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của món vật thực.

8 Mañcadāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyaka) chiếc giường (mañcā)y 9 Saranagamaniya nghĩa là uvị liên quan việc đi đến (gamanà) nương nhờ (saraụa), tức là đã quy y."

3179. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pindapātika10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pindapātika^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi có sự suy tưởng về âm thanh, vị trồng lúa mạch, các bông hoa kimsuka, và bông hoa koranda, thanh đòn ngang, món cháo xoài, vị có chiêc hộp xinh đẹp, vị dâng cúng chiếc giường, sự nương nhờ, và món vật thực; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ. Phẩm Saddasañña là phẩm thứ ba mươi sáu.

10 Pindapātika nghĩa là uvị liên quan đến đồ ăn khất thực {pindapātā)y

xxxvn. PHẨM MANDÃRAVAPUPPHIYA (MANDÃRAVAPUPPHIYAVAGGƠ)

361. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MANDẢRAVAPUPPHIYA (Mandāravapupphiyattherāpadānam) 3180. Sau khi từ cõi trời Đạo-lợi đi đến nơi dây, người thanh niên tên Mañgala đã cầm lấy bông hoa mandãrava dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. 3181. Tôi đã đặt ở trên đỉnh đầu của [đức Phật] đang ngồi nhập đinh. Sau khi đã duy trì bảy ngày, tôi đã trở về lại thế giới chư thiên. 3182. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mandâravapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Mandãravapupphiya^ là phần thứ nhất

362. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKÃRUPUPPHIYA (Kakkārupupphiyattherāpadānam) 3184. Sau khi từ cõi trời Dạ-ma đi đến vi Gotama vinh quang và quý trọng ở cõi người, tôi đã cầm lấy bông hoa kakkâru và đã dâng lên đức Phật. 3185. [Ke từ khi] toi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3186. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kakkârupupphiya1 2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Kakkãrupupphiya w là phần thứ nhì.

1 Mandãravapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) mandrava." 2 Kakkãrupupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (puppha) kakkaru."

363. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHISAMULẢLADÃYAKA (Bhisamulāladāyakattherāpadānam) 3187. Đấng Toàn Giác tên Phussa là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cu, bậc Trí Tuệ đã đi đến gần chỗ của tôi. 3188. Sau khi đã làm cho tâm đươc tịnh tín vào đấng Đại Bi, bậc Chiến Thắng ấy, tôi đã cầm lấy rễ và củ sen rồi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 3189. Ke từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 3190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức

Trưởng lão BhisamuḶãladãyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* ẾÍKý sự về Trường lão BhisamuḶâladãyaka" là phần thứ ba.

364. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KESARAPUPPHIYA (Kesarapupphiyattherāpadānam) 3191. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị thầy về pháp thuật ở núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vi Có Danh Vọng Lớn Lao đang đi kinh hành. 3192. Khi ấy, tôi đã đặt ba bông hoa kesarĩ ở trên đầu, rồi đã đi đến gần và đã cúng dường đến bậc Toàn Giác Vessabhū. 3193. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3194. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kesarapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Kesarapupphiya” là phần thứ tư.

365. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAPUPPHIYA (Añkolapupphiyattherāpadūnam) 3195. Lúc bấy giờ, bậc Giác Ngộ tên Paduma đã sống ở ngọn núi Cittakūta. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy. 3196. Sau khi nhìn thấy cây añkola đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã thu nhặt [bông hoa]. Tôi đã đi đến gặp bậc Giác Ngộ và đã cúng dường đấng Chiến Thắng Paduma. 3197. [Kể từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt.

3 BhỉsamuḶâladâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) rễ (bhisà) và củ sen (ỵnuḶãlă)y 4 Kesarapupphỉya nghĩa là "vj liên quan đen bông hoa (puppha) kesarí."

3198. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Añkolapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ahkolapupphiya” là phần thứ nắm.

366. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (Kadambapupphiyattherāpadānam) 3199. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ. 3200. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy bông hoa kadamda và đã cúng dường đến đức Phật Vipassī. 3201. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3202. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão Kadambapupphỉya" là phần thứ sáu.

367. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDDÃLAPUPPHIYA (Uddãỉapupphiyattherâpadãnam) 3203. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Anoma đã sống ở bờ sông Gañgā. Sau khi cầm lấy bông hoa uddâlaka, tôi đã cúng dường đến bậc Không Bị Đánh Bại. 3204. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3205. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uddâlapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão uddâlapupphiya" là phần thứ bảy.

368. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKACAMPAKAPUPPHIYA (Ekacampakapupphiyattherāpadānam) 3206. Và bậc Giác Ngộ upasanta sống ở trcmg vùng đồi núi. Tôi đã cầm lấy một bông hoa campaka và đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

5 Añkolapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) añkola.,, 6 Kadambapupphiya nghĩa là 4Svị liên quan đến bông hoa (puppha) kadamba." 7 Uddâlapupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa ịpupphă) uddla."

3207. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bằng hai tay và đã cúng dường đến đấng Hiền Trí Độc Giác Toi Thượng, bậc Không Bị Đánh Bại. 3208. [Ke từ khi] toi đã Cling dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3209. Bốn [tuệ] phân tích,...(nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekacampakapupphiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy ĚÍKý sự vê Trưởng lão Ekacampakapupphiya" ỉa phân thứ tám.

369. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA (Timừapupphiyattherãpadãnam) 3210. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa. 3211. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa timira và đã rải rắc ở đỉnh đầu đấng Hiền Trí Độc Giác Tối Thượng. 3212. [Ke từ khi] tôi đã cúng dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3213. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Timirapupphiya" là phần thứ chín.

370. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA (Salalapupphiyattherãpadãnam) 3214. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thay vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đang đi kinh hành. 3215. Tôi đã thu hái bông hoa salala và đã dâng cúng đến đức Phật. Đấng Đại Hùng đã ngửi bông hoa salala có hương thơm của cõi trời. 3216. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, đấng Đại Hùng đã ngửi [bông hoa], trong khi tôi đang nhìn xem. 3217. Với tam tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã chắp tây lên và đã leo lên ngọn núi lần nữa. 3218. [Ke từ khi] tôi đã cung đường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật

8 Ekacampakapupphiya nghĩa là 4<vị liên quan đến một (ekà) bông hoa (pupphà) campaka." 9 Timirapupphiya nghĩa là 44vị liên quan đến bông hoa ịpuppha) timira."

3219. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya10 đã nói lên

những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Salalapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa mandãrava, bông hoa kakkãru, củ sen, bông hoa kesara, bông hoa añkola, vị có bông hoa kadamba, bông hoa uddâla, một bông hoa campaka, bông hoa timira, và cả bông hoa salala nữa; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ. Phẩm Mandãravapupphiya là phẩm thứ ba mươi bảy.

10 Salalapupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) salala."

xxxvm. PHẨM BODHIVANDAKA (BODHIVANDAKAVAGGO)

371. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIVANDAKA (Bodhivandakattherãpadãnam) 3220. Sau khi nhìn thấy cây pãtalī, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, được xanh tươi, tôi đã đắp y một bên vai, chắp tay lên và đã đảnh lễ cây pãtalī. 3221. Tôi đã chắp tay lên và thể hiện tâm ý cung kính đến bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc. 3222. Tôi đã đảnh lễ cây pãtalī tợ như [đảnh lễ] đấng Toàn Giác Vipassī, bậc được thế gian tôn sùng, là đại dương về lòng bi mẫn và trí tuệ, đang ở trước mặt. 3223. [Ke từ khi] toi đã đảnh lễ cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 3224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bodhivandaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Bodhivandaka" là phần thứ nhất

372. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PÃTALIPUPPHIYA (Pãtalipupphiyattherãpadãnam) 3225. Đức Thế Tôn tên Vipassī là đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, đấng Chiến Thắng đã đi vào thành Bandhumã. 3226. Tôi đã đặt ba bông hoa pãtalī vào lòng của tôi. Chính vì có ý đinh gội dầu, tôi đã đi đến bến tàu ở dòng sông. 3227. Sau khi đi ra khỏi thành Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo The Gian được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần. 3228. Tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, đấng cao quý trong số các vị Sa-môn dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang bước đi. 3229. Được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, bậc có sự orã sạch các cấu uế ô nhiễm ấy, tôi đã cầm lấy ba bông hoa và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.*

Bodhivandaka nghĩa là đảnh lễ ịyandakà) cội cây Bồ-đề ịbodhí)y

3230. [Ke từ khi] tôi đã cúng đường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiêp, tôi không còn biết đên khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 3231. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pãtalipupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pãtalipupphiyaw là phần thứ nhì.

373. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMÅLIYA (Ti-uppalamãliyattherãpadãnam) 3232. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhãgã. Tôi đã nhìn thấy đức Phật,

bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi.2 3233. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sâla chúa đã được trô hoa. Sau khi nhìn thây bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ. 3234. Với tâm phân chân, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đâu. 3235. Sau khi cúng dường các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Phussa, sau khi thể hiện sự tôn kính, tôi đã ra di, mặt hướng phía Bắc. 3236. Trong khi đang cúi mình ra đi với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống. 3237. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ cuộc sống trước đây. tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 3238. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm làn. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 3239. [Ke từ khi] toi đã Cling dường bong hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 3240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamâliya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamãliyaw là phần thứ ba.

374. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PATTIPUPPHIYA (Pattipupphiyattherāpadānam) 3241. Vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã Niết-bàn, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và họ đã di chuyển nhục thân [của Ngài].

2 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamâliya, số 342, trang 271. 3 Ti-uppalamãliya nghĩa là uvị liên quan đến vòng hoa (rnãlã) gồm ba (tỉ) đóa sen xanh (ụppalăyy

3242. Trong khi nhục thân đang được di chuyển, trong khi các chiếc ứống đang được vang lên, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa patti. 3243. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo ở việc đã cúng dương nhục thin [đức Phật]. 3244. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3245. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3246. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pattipupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pattipupphiya95 là phần thứ tư.

375. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SATTAPANNIYA (Sattapanniyattherāpadānam) 3247. Bậc Toàn Giác tên Sumanā, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa thất diệp. 3248. [Ke từ khi] tôi đã cúnệ dường bông hoa thất diệp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đen khổ cảnh; điều này là quả báo của bông hoa that diệp. 3249. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3250. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3251. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattapanniya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sattapanniya^ là phần thứ năm.

376. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMUTTHIYA (Gandhamutthiyattherāpadānam) 3252. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện và khi vật thơm các loại 4 Pattipupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa (puppha) patti.?, 5 Sattapanniya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa thất diệp (sattapannă)y

được đặt vào, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường một nắm tay vật thơm. 3253. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hoa táng. 3254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3255. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3256. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhamutthiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Gandhamutthiya^ là phần thứ sáu.

377. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 3257. Khi đức Thế Tôn tên Padumuttara đã viên tịch Niết-bàn và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa sâla. 3258. Ke từ khi toi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng. 3259. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3261. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ bảy.

378. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANTIYA (Sumanatālavantiyattherāpadānam) 3262. Tôi sở hữu chiếc quạt lá cọ vô cùng giá trị được bao phủ với các bông hoa nhài, và tôi đã dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhartha.

6 Gandhamutthiya nghĩa ỉà liên quan đến nắm tay (rnufthi) vật thơm (gandhā)' 7 Citakapũịaka nghĩa là cúng dường (pụịakà) giàn hỏa thiêu (citakă)y

3263. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt lá cọ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ. 3264. Quả vậy,

tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3265. Các phiền não của tôi đã đirợc thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3266. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanatālavantiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sumanatālavantiya95 là phần thứ tám.

379. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUMANADÃMIYA (Sumanadāmiyattherāpadānam) 3267. Sau khi thực hiện tràng hoa nhài, tôi đã năm giữ [ưàng hoa], đứng ở phía trước đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Đã Gội Rửa [tội lỗi], vị Đạo Sĩ Khổ Hạnh. 3268. [Kể từ khi] tôi đã nắm giữ tràng hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc nam giữ tràng hoa nhài. 3269. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3271. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanadâmiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sumanadâmiya^ là phần thứ chín.

380. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KÃSUMÃRIPHALADẢYAKA (Kāsumāriphaladāyakattherāpadānam) 3272. Toi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm;bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kanikāra đang cháy sáng.

8 Sumanatālavantiya nghĩa là "vi liên quan đến chiếc quạt (yantà) lá cọ (tālo) được bao phủ với các bông hoa nhài (sumanā)^ 9 Sumanadāmiya nghĩa là uvị liên quan đến tràng hoa (damā) bông nhài (sumanā)^

3273. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã câm lây trái cây kâsumãri và đã dâng cúng đên đức Phật tôi thượng. 3274. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3275. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3277. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kâsumãriphaladãyaka55 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Cội cây Bồ-đề, bông hoa pātalī, vị có [ba] đóa sen xanh, bông hoa patti, các bông hoa thất diệp, nắm tay vật thơm, giàn hỏa thiêu, [chiếc quạt] lá cọ, vi có tràng

hoa nhài, và luôn cả vị có trái cây kãsumãri; [tổng cộng] có năm mươi chín câu kệ. Phẩm Bodhivandaka ỉa phẩm thứ ba mươi tám.

10 Kãsumãrỉphaladãyaka nghĩa là 6'vj dâng cúng (dãyako) trái cây (phala) kãsumãri.,>

XXXIX. PHẨM AVANTAPHALA (AVANTAPHALAVAGGG)

381. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AVANTAPHALADÃYAKA (Avantaphaladãyakattherãpadãnam) 3278. Đức Thế Tôn tên Sataramsī là đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Có ước muốn độc cu, bậc Toàn Giác đã ra đi về việc khất thực. 3279. Tay có trái cây, tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngiru và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây avanta. 3280. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3281. Quả vậy5 tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3282. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi song không còn lậu hoặc. 3283. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avantaphaladãyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 6íKý sự về Trưởng lão Avantaphaladãyaka" là phần thứ nhất.

382. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO LABUJADÃYAKA (Labujadãyakattherãpadãnam) 3284. Tôi đã là người phụ việc chùa ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. 3285. Tôi đã cầm lấy trái cây, bánh mì và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ nhận, trong khi đang đứng ở hư không. 3286. Sau khi tôi đã dân^ cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch, tôi có được sự sanh khởi niềm vui, [điều ấy là] nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại. 3287. Khi ây, tôi đã đạt đên niêm phỉ lạc bao la và sự an lạc tôi thượng. Còn có châu báu sanh lên [cho tôi] khi tôi được sanh ra nơi này nơi khác.

1 Avantaphaladãyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dãyako) trái cây (phaỉà) avanta.,>

3288. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling trái cây. 3289. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3290. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3291. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Labujadãyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Labujadãyaka" là phần thứ nhì.

383. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDUMBARAPHALADÃYAKA (Udumbaraphaladāyakattherāpadānam) 3292. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ sông Vinatã. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Có Sự Chăm Chú vô cùng đinh tĩnh. 3293. Được tinh tín ở Ngài, bậc có sự rửa sạch các cấu uế ô nhiễm, tôi đã cầm lấy trái sung và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 3294. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3295. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udumbaraphaladâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Udumbaraphaladâyaka" là phần thứ ba.

384. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADẢYAKA (Piỉakkhaphaladãyakattherãpadânam) 3298. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassĩ, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ở cuôi khu rừng, tôi đã dâng cúng trái cây pilakkha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 3299. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây [trước đây] một ngàn tám trăm 2 Labujadāyaka nghĩa là 44vị dâng cúng (dāyako) trái cây (phaỉà) labụja.,, 3 Udumbaraphaladãyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà) udumbara/5

kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3300. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3302. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladâyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Pilakkhaphaladãyaka^ là phần thứ tư.

385. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PHẢRUSAPHALADÃYAKA (Phārusaphaladāyakattherāpadānam) 3303. Trong khi bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang đi trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây pharusā. 3304. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3305. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3306. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3307. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Phārusaphaladāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Phārusaphaladāyaka" là phần thứ năm.

386. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VALLIPHALADÃYAKA (Valliphaladãyakattherãpadãnam) 3308. Lúc bấy giờ, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã đi đến khu rừng. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm trái cây, họ đã đạt được trái cây. 3309. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây valli.

4 Pỉlakkhaphaladãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dãyako) trái cây (phaỉa) pilakkha.,, 5 Phãrusaphaladãyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dãyako) trái cây (phalà) pharusã.,9

3310. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3311. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3312. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Valliphaladãyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Valliphaladãyaka55 là phần thứ sáu.

387. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KADALIPHALADẢYAKA (Kadaliphaladãyakattherãpadãnam) 3314. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kanikãra được cháy sáng, tợ như mặt trăng vào ngày ram, tợ như cây đèn đang chiếu sáng. 3315. Tôi đã cầm lấy trái chuối và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và ra đi. 3316. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3317. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3318. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3319. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đác chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kadaliphaladâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Kadalỉphaladãyaka" là phần thử bảy.

388. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PANASAPHALADẢYAKA (Panasaphaladữyakattherãpadãnam) 3320. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Ajjuna đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Ngài là bậc Hiền Trí được thành tựu tánh hạnh và thiện xảo về định.

6 Valliphaladãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) trái cây ịphalà) valli.,, 7 Kadaliphaladãyaka nghĩa ỉà dâng cúng (dãyako) tói ịphala) chu8i."

3321. Tôi đã cầm lấy trái mitjīvajīvaka có kích thước bằng hũ nước. Tôi đã đặt vào cái chậu bằng lá và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. 3322. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3323. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3324. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3325. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Panasaphaladãyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trường lão Panasaphaladãyaka" là phần thứ tám.

389. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SONAKOTIVĪSA (Sonakotivīsattherāpadānam) 3326. Vào thời kỳ giáo pháp của [đức Phật] Vipassī, một hang động đã được tôi xây dựng dành cho hội chúng bốn phương ở tại kinh thành Bandhumā. 3327. Sau khi trải lót nền đất của hang động bằng các tấm vải, tôi đã cống hiến. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã thực hiện lời ước nguyện rằng: 3328. "Mong rằng tôi có thể làm hài lòng bậc Toàn Giác, có thể đạt được sự xuất gia, và có thể đạt đến sự an tịnh tối thượng, Niết-bàn vô thượng." 3329. Do nhờ chính nhân tố trong sạch ấy, tôi đã luân hồi chín mươi kiếp. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đã chói sáng, là người có phước báu đã được tạo lập [trước đây]. 3330. Sau đó, nhờ vào phần dư sót của nghiệp, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, tôi đã được sanh làm người con trai độc nhất của nhà bá hộ cao cả ở tại Campā. 3331. Ngay khi tôi vừa được sanh ra, nghe tin người cha đã khởi ước muốn này: "Ta ban cho công tử hai chục koti (hai trăm triệu) tiền, không thiếu đồng nào?5 3332. Các sợi lông của tôi, dài bốn ngón tay, được mọc lên ở cả hai lòng bàn chân. Chúng là mảnh mai, có sự xúc chạm mềm mại, xinh xắn như là bông vải. 3333. Chín mươi kiếp đã trôi qua, kiếp này là thêm một kiếp nữa, tôi không biết đến việc các bàn chân được đặt xuống ở mặt đất không có trải lót.

8 Panasaphaladâyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái ịphaỉa) mít (panasà)y

3334. Tôi đã làm hài lòng bậc Toàn Giác, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Và phẩm vi A-la-hán đã được tôi đạt đến. Tôi có được trạng thái mát mẻ5 chứng được Niết-bàn. 3335. Đấng Toàn Tri đã xác đinh tôi là người đứng đầu trong số các vị đã ra sức tinh tấn, và có lậu hoặc đã được đoạn tận, là bậc A-la-hán, có sáu thắng trí, có đại thần lực. 3336. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng hang động. 3337. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3339. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 3340. Tại hồ nước lớn Anotatta, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, bậc Trưởng lão

Sonakotivisa khi được hỏi câu hỏi đã trả lời. Đại đức Trưởng lão Sonakotivisa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Sonakotivisa55 là phần thứ chín.

390. KÝ Sự VỀ PHẬT TOÀN GIÁC TÊN PUBBAKAMMAPILOTIKA (Pubbakammapilotikāpadānam) 3341. ở trong khu rừng có nhiều loại hương thơm ở gần hồ nước Anotatta, ở trên mặt phẳng của tảng núi đá đáng yêu được lấp lánh bởi nhiều loại châu ngọc. 3342. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đông đảo, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, ngồi ở tại nơi ấy, đã giảng giải về các việc làm quá khứ của bản thân: 3343. "Này các Tỳ-khưu, hãy lắng nghe Ta. Nghiệp nào đã được tạo ra bởi Ta, nếu là nghiệp có sự liên quan thì cũng sẽ chín muôi cho dầu ở vào bản thể của vị Phật. 3344. Trong những đời sống khác trước đây, Ta đã là kẻ vô lại tên MunãĮĩ. Ta đã vu cáo đức Phật Độc Giác Sarabhũ, [Ngài là] vị không làm điều sái quấy. 3345. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong nhiều ngàn kiếp và đã nhận chịu cảm thọ khổ đau. 3346. Do phần dư sót của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Ta đã nhận lãnh sự vu cáo vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sunđarikã. 3347. Đức Phật Sabbābhibhū có vi Thinh văn tên là Nandā. Do sự vu cáo vị [Thinh văn] ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục. 3348. Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong mười ngàn năm. Đạt được bản thể nhân loại, Ta đã nhận lãnh nhiều sự vu cáo.

3349. Do phần dư sót của nghiệp ấy, nàng Ciñeamānavikā đã vu cáo Ta với sự không có thật ở trước đám đông dân chúng. 3350. Ta đã là vị Bà-la-môn thông thái, được tôn vinh kính trọng. Ta dã chỉ dạy về chú thuật cho năm trăm người trai trẻ ở tại khu rừng lớn. 3351. Vi ẩn sĩ Bhĩma có năm thắng trí, có đại thần lực, đã đi đến nơi ấy. Và sau khi nhìn thấy vị ấy đi đến, Ta đã vu cáo vị không làm điều sái quấy. 3352. Ke đó? Ta đã nói với các người học trò rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.9 Ngay trong khi Ta đang nói, các người trai trẻ đã vui thích theo. 3353. Sau đó, tất cả các người trai trẻ, trong khi khất thực theo từng nhà, đã nói với đám đông dân chúng rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.' 3354. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tất cả năm trăm vi Tỳ-khưu này đã gánh chịu sự vu cáo, vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sundarikã. 3355. Trong thời quá khứ, vì nguyên nhân tài sản, Ta đã giết chết người anh [em] trai khác mẹ [cùng cha]. Ta đã xô vào hẻm núi hiểm trở và đã nghiền nát bằng tảng đá. 3356. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Devadatta đã ném tảng đá và đã làm dập ngón cái ở bàn chân của Ta do mảnh vỡ của tảng đá. 3357. Trước đây, Ta đã là đứa bé trai đang đùa giỡn ở con đường lớn. Sau khi nhìn thấy đức Phật Độc Giác, Ta đã ném đá vụn ở con đường [vào vị Phật ấy]. 3358. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Devadatta đã bố trí các sát thủ nhằm mục đích giết hại Ta. 3359. Trước đây, Ta đã là kẻ cỡi voi. [Nhìn thấy] bậc Hiền Trí Độc Giác tối thượng đang đi đó đây để khất thực, Ta đã dùng con voi công kích vị ấy. 3360. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, ở trong kinh thành Giribbaja, con voi Nālāgirī quẩn trí hung hãn đã tiến gần đến Ta. 3361. Ta đã là đức vua, người trị vì. Ta đã giết chết người đàn ông bằng cây thương. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã bị nung nấu ở địa ngục một cách dữ dội. 3362. Do phần

dư sót của nghiệp ấy, giờ đây toàn bộ lớp da ở bàn chân của Ta đã gây khó chịu, bởi vì nghiệp không bị tiêu hoại. 3363. Ta đã là đứa trẻ đánh cá ở trong ngôi làng của các ngư phủ. Sau khi nhìn thấy các con cá bị giết chết, Ta đã sanh tâm vui mừng. 3364. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở đầu của Ta. Và khi Vidūdabha nổi loạn, tất cả dòng tộc Sakyā (Thích~ca) đã bị giết chết. 3365. Vào thời giáo pháp của [đức Phật] Phussa, Ta đã quở mắng các vị Thinh văn rằng: 'Các ngươi hãy nhai, hãy ăn lúa mạch và chớ có ăn cơm gạo sālī/ 3366. Do quả thành tựu của nghiệp ây, Ta đã [phải] ăn lúa mạch ba tháng. Khi ấy, được vị Bà-la-môn thỉnh mời, Ta đã cư ngụ ở Verañjā.

THÁNH NHÂN KÝ sự 299

3367. Khi cuộc đâu vật đang được diên tiên, Ta đã đánh gục người con trai dòng Mallā. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở lung của Ta. 3368. Ta đã là người thầy thuốc. Ta đã cho người con trai nhà triệu phú thuốc xổ. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta có bệnh tiêu chảy. 3369. Lúc bấy giờ, Ta đã là Jotipāla. Ta đã nói với đấng Thiện Thệ Kassapa rằng: 'Giác ngộ là sự đạt được vô cùng khó khăn, do đâu sự Giác ngộ lại có cho kẻ cạo dầu? 3370. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã thực hành nhiều việc làm khó khăn trong sáu năm ở Uruvelã, sau đó Ta đã đạt được quả vị Giác ngộ. 3371. Ta đã không đạt được quả vị Giác ngộ tối thượng bằng con đường [Trung đạo] này. Bi ngăn cản bởi nghiệp quá khứ, Ta đã tam cau đạo lộ sai trái [khổ hạnh]. 3372. la có sự chấm dứt về phước và tội, Ta đã tránh xa mọi điều bực bội, Ta không sầu muộn, không đau buồn, Ta sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.^^ 3373. Đấng Chiến Thắng, vị đã đạt được toàn bộ năng lực của các thắn^ trí, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, tại hồ nước lớn Anotatta, đã giảng giải như the. Đức Thế Tôn đã nói về bài giảng giáo pháp tên Pubbakammapilotika9 đề cập đến hành động trong quá khứ của bản thân như thế ấy. ẾÍKý sự về Phật Toàn Giác tên Pubbakammapilotika ” là phần thứ mười.

Phần tóm lược Trái cây avanta, luôn cả trải bánh mì, trái sung, và trái pilakkha, trái cây pharusā, trái cây valli, và vị có trái chuối, trái mít, vi Kotivīsa, và ký sự tên "Pubbakammapiloti” của bậc Đại Ẩn Sĩ; [tổng cộng] có chín mươi mót câu kệ đã được tính đem bởi các bạc trí. Phẩm Avantaphala là phẩm thứ ba mươĩ chín. (Dứt tụng phẩm thứ mươi bốn).

9 Pubbakammapilotỉka tạm dịch là sự việc có liên quan (pilotỉkă) nghiệp (kammà) quá khứ (pubbā).

300 KINH TIẾU BÔ

XL. PHẨM PILENDIVACCHA (PILINDIVACCHAVAGGO)

391. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PILINDIVACCHA (Pilindivacchattherāpadānam) 3374. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Hamsavatī. Của cải đã được tích lũy trong nhà của tôi là không bị suy suyền, không thể đo lường. 3375. Sau khi đi đến nơi vắng vẻ rồi ngồi xuống, tôi đã được vui vẻ tâm trí. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: 3376. “Ta đã đạt được nhiều của cải, nội phòng của ta là trù phú. Ngay cả đức Vua Ānanda, vị chúa tể trái đất, cũng đã thỉnh mời [ta]. 3377. Và đức Phật này đã hiện khởi. Bậc Hiền Trí là hiện tượng hiếm hoi. Và của cải của ta được biêt

đến, ta sẽ dâng Cling vật thí đên bậc Đạo Sư. 3378. Vật thí cao quý đã được Vương tử Paduma dâng cung đến đấng Chiến Thắng là các con long tượng cùng với các ghê bành và sự ủng hộ không phải là ít OI. 3379. Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí chưa được những người khác dâng cúng trước đây đen hội chúng, tập thể cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiên/5 3380. Sau khi suy nghĩ về quả báo hạnh phúc ở sự cống hiến của việc ấy theo nhiều cách, tôi đã nhìn thấy sự dâng cúng vật dụng là đáp ứng được ý định của tôi. 3381. "Ta sẽ dâng Cling các loại vật dụng chưa được những người khác dâng cúng trước đây đến hội chúng, tập thê cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiền.“ 3382. Ngay lập tức tôi đã đi đến các người làm nghề tre và đã bảo làm lọng che. Tôi đã tập trung một trăm ngàn chiếc lọng che thành một đống. 3383. Tôi đã tập trung một trăm ngàn tấm vải thành một đống. Tôi đã tập trung một trăm ngàn bình bát thành một đống. 3384. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các chiêc búa nhỏ, các con dao nhỏ, và luôn cả các kim khâu, các đo cắt móng, rồi đã cho treo chúng ở bên dưới chiếc lọng che. 3385. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các cây quạt gió, các cây quạt lá cọ, các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng, các đồ lọc nước và các vật đựng dầu.

3386. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các hộp đựng kim, các dây đeo ở vai, luôn cả các dây buộc thân, và các chân kê [bình bát] đã được làm khéo léo. 3387. Tôi đã chứa đầy các chậu đựng vật dụng và luôn cả các tô nhỏ bằng đồng với thuốc men, rồi đã đặt chúng ở bên dưới chiếc lọng che. 3388. Tôi đã chứa đầy các chậu với mọi thứ như là rễ cây, cỏ usĩra, mật mía, trái tiêu dài, các hạt tiêu, trái harĩtakĩ, củ gừng. 3389. Tôi đã bảo làm diing theo quy cách các đôi dép, các đôi giày, các vật lau khô nước, các cây gậy chông được làm khéo léo. 3390. [Tôi đã bảo làm] các ống thuốc bôi, các que bôi thuốc, các bình lọc nước, các chìa khóa, các túi đựng chìa khóa được thêu với năm loại màu sắc. 3391. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các vải băng bó, các ống dẫn khói, và luôn cả các chân đèn, các vật đo lường và các hòm nhỏ. 3392. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các kẹp gắp, các cây kéo, rồi các vật hốt rác và luôn cả các túi đựng thuốc men. 3393. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các ghế dài, các ghế đẩu, các ghế bành bằng bốn vật liệu,1 và đã xếp đặt ở bên dưới chiếc lọng che. 3394. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các tấm nệm lông cừu, các tấm nệm bông gòn? luôn cả các tấm nệm ở ghế đẩu, và các chiếc gói đã được làm khéo léo. 3395. [Tôi đã bảo làm] các vật kỳ cọ, các loại sáp ong, dầu ăn, lò sưởi ấm tay, hộp đựng, các tấm ván, kim khâu, cùng với tấm trải giường. 3396. [Tôi đã bảo làm] các chỗ nằm ngồi, các thảm chùi chân, các ^ậy chống ở giường ghế, các vật chà răng và tăm xỉa răng, các dàu thơm bôi ở đầu. 3397. [Tôi đã bảo làm] các vật tạo ra lửa, các ghế rơm, các nắp bình bát và các tô nhỏ, các vá múc nước, bột tắm và chậu nhuộm. 3398. [Tôi đã bảo làm] cái chổi, bể nước, tương tợ như thế là vải choàng tắm mưa, tấm lót ngồi, vải đắp ghẻ và y nội. 3399. [Tôi đã bảo làm] thượng y và y hai lớp, dụng cụ xông mũi, đồ làm sạch miệng, nhiều giấm chua và muối, mật ong và thức uống từ sữa chua. 3400. [Tôi đã bảo làm] nhang thơm, sáp ong, vải vụn, khăn lau mặt, chỉ sợi, bất cứ vật gì được gọi là vật có thể dâng cúng, và bất cứ vật gì thích hợp đối với bậc Đạo Sư. 3401. Sau khi tập hợp mọi thứ này lại, tôi đã đi đến gặp đức Vua Ānanda. Sau khi đã gặp bậc sanh thành của vị Đại Ẩn Sĩ, tôi đã đê đau đảnh lễ và

đã nói lời nói này: 3402. "[Chúng ta] đã được sanh ra và lớn lên cùng nhau, tâm ý của cả hai là tương đồng, có sự chia sẻ sướng khổ, và cả hai có cùng chí hướng.*III,

1 Bốn loại vật liệu là vàng, ngọc ma-ni, ngọc pha lê và hồng ngọc (Áp. II, câu kệ 4760, 5368, 6397; Áp. III, câu kệ 174).

3403. Tâu vi cảm hóa kẻ thù địch, [thần] có nỗi khổ trong tâm có liên quan đến Bệ hạ. Tâu vi Sát-đế-lỵ, nếu Bệ hạ có khả năng xin Bệ hạ hãy dẹp tan nỗi khổ ay." 3404. "Nỗi khổ của ngươi là nỗi khổ của trẫm, tâm ý của cả hai là tương đồng. Nếu là việc có liên quan đến trẫm thì ngươi hãy nhận biết rằng: 'Việc đã được hoàn tất/ 3405. "Tâu Đại vương, xin Bệ hạ hiểu cho thần, nỗi khổ của thần là khó mà dẹp tan. Trong khi có thể, xin Bệ hạ hãy tuyên bố rằng có một vật quý giá mà Bẹ hạ khó từ bỏ dirge." 3406. "Cho dù là vương quốc, cho đến sanh mạng của trẫm, nếu có sự lợi ích cho ngươi với những vật này thì trẫm sẽ ban cho, không ngần ngại." 3407. "Tâu Bệ hạ, quả nhiên Bệ hạ đã tuyên bố. [Tuy nhiên] điều ấy đã được nhiều người tuyên bố một cách xằng bậy. Hôm nay thần sẽ biết rằng Bệ hạ có được cương quyết trong mọi vấn đề [hay không?] 3408. “Nguôi đã ép buộc trẫm quá đáng trong khi trẫm đang ban phát cho ngươi. Ngươi được lợi ích gì với việc đã ép buộc trẫm? Ngươi hãy nói cho trẫm điều đã được ngươi mong 3409. “Tâu Đại vương, thần ao ước đức Phật tối thượng, đấng Vô Thượng. Thần sẽ chăm lo bữa ăn đến bậc Toàn Giác, xin chớ để cho cuộc sống của thần trở thành tội loi.^ 3410. "Trẫm sẽ ban cho ngươi điều ân huệ khác, chớ cầu xin [trẫm về] đức Như Lai. Đức Phật tợ như viên ngọc ma-ni như ý, không thê ban tặng cho bát cứ ai.” 3411. “Tâu Bệ hạ, phải chăng điều đã được ngài tuyên bố là [sẽ ban tặng] ngay cả sanh mạng của chính mình? Đúng ra nên ban tặng đức Như Lai hơn là bô thí sanh mạng.” 3412. "Bậc Đại Hùng nên được đặt riêng, đấng Chiến Thắng không thể ban tặng cho bất cứ ai, đức Phật sẽ không được trẫm đồng ý. Ngươi hãy chọn lấy tài sản vô hạn lượng di." 3413. "Chúng ta hãy tìm đến sự phân xử, chúng ta sẽ hỏi các vi quan tòa. Chúng ta hãy tranh cãi về vấn đề ấy theo cách thức mà họ sẽ giải bày." 3414. Tôi đã năm lây tay của đức vua roi đã đi đên tòa án. Trước các vị quan phán xử, tôi đã nói lời nói này: 3415. “Xin các quan phán xử hãy lắng nghe tôi. Đức vua đã ban cho tôi điều ân huệ, không loại trừ bất cứ vật gi, ngài cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa. 3416. Khi ngài đã ban điều ân huệ cho tôi, tôi đã cầu xin đức Phật tối thượng. [Như vậy] đức Phật là đã được ban cho tôi một cách tốt đẹp, hay là tôi còn có điều nghi ng&?” 3417. "Chúng tôi sẽ lắng nghe lời nói của ngươi và của đức vua là vị hộ trì

e r • cv. v y . xứ sở. Sau khi lăng nghe lời nói của cả hai, chúng tôi sẽ chặt đứt điêu nghi hoặc ở tại nơi day/9 3418. "Tâu Bệ hạ, có phải ngài đã ban cho tất cả mọi thứ thuộc quyền sở hữu đến người này, và cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa, không loại trừ bất cứ vật gi?” 3419. “Chính vì bị lâm vào tình cảnh khó khăn, [người này] đã cầu xin điều ân huệ vô thượng. Sau khi biết được người này vô cùng đau khổ, trẫm đã ban cho mọi thứ thuộc quyền sở hữu." 3420. "Tâu Bệ hạ, phần thua là thuộc về ngài, đức Như

Lai nên được ban cho người này. Sự nghi hoặc của hai vị đã được chặt đứt, xin hai vị hãy duy trì đúng theo sự việc.,, 3421. Đứng ngay tại nơi ây, đức vua đã nói điêu này với vị quan phán xử: uNày các hiền thần, nếu các ngươi cũng có thể ban cho trẫm [điêu ân huệ] thì trẫm [sẽ] nhận lại đức Phật.,, 3422. “Sau khi đã làm tròn đủ ý định của ngươi, sau khi đã chăm lo bữa ăn cho đức Như Lai, ngươi nên giao lại bậc Toàn Giác cho vị có danh vọng lớn lao Ānanda." 3423. Sau khi đảnh lễ các vị quan phán xử và cả vị Sát-đế-lỵ Ānanda nữa, tôi đã trở nên hớn hở vui mừng và đã đi đến gặp đấng Toàn Giác. 3424. Sau khi đã đi đến gặp đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã nói lời nói này: 3425. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. Ngài đang đem lại nỗi vui mừng cho tâm của con, xin Ngài hãy ngự đen căn nhà của con." 3426. Biết được ý định của tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã nhận lời. 3427. Sau khi biết được sự nhận lời [của đức Phật], tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. Trở nên mừng rỡ, có tâm phấn chấn, tôi đã đi về nhà. 3428. Sau khi triệu tập lại bạn bè và các viên quan lại, tôi đã nói lời nói này: "Tôi đã đạt được sự thành tựu vô cùng khó khăn, giống như [đã đạt được] viên ngọc ma-ni như ý. 3429. Ngài là đấng Vô Lượnệ Vô Song, là bậc Trí Tuệ không người tương đương, không kẻ sánh bằng, là đang Chiên Thăng không người đôi thủ, chúng ta sẽ cúng dường Ngài bằng vật gì? 3430. Tương tợ như vậy, đấng Nhân Ngiru chính là vị tương đương với bậc không thể sánh bằng, không có người thứ hai, vì thế hành động hướng thượng xứng đáng với đức Phật là việc lồm khó khăn đối với tôi. 3431. Chúng ta hãy thu thập những bông hoa khác loại và hãy thực hiện mái che bằng bông hoa; mọi sự cúng dường này sẽ là xứng đáng với đức Phát."

3432. Tôi đã cho thực hiện mái che bằng hoa sen xanh, luôn cả hoa sen hồng, hoa vassika, hoa adhimuttaka, hoa campaka và hoa nāgā. 3433. Tôi đã sắp đặt một trăm ngàn chỗ ngồi ở bóng râm của các chiếc lọng che. Chỗ ngồi cuối cùng dành cho tôi tri giá hơn một trăm [đồng tiền]. 3434. Tôi đã sáp đặt một trăm ngàn chô ngôi ở bóng râm của các chiêc lọng che. Sau khi cho chuẩn bị cơm nước, tôi đã thông báo về thời điểm. 3435. Khi thời điểm đã được thông báo, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara cùng với một trăm ngàn vi có năng lực đã đi đến căn nhà của tôi. 3436. Cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống [chỗ ngồi] có chiếc lọng che đang được duy trì ở phía bên trên, ở mái che làm bằng bông hoa khéo được nở rộ. 3437. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy thọ nhận một trăm ngàn chiếc lọng che, một trăm ngàn chỗ ngồi đúng phép tác và không phạm sai trai." 3438. Có ý định giúp cho tôi vượt qua, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiên Trí ấy đã tiếp nhận. 3439. Tôi đã dâng cúng mỗi vị Tỳ-khưu một cái bình bát riêng biệt. Các vị đã xả bỏ bình bát trước đây và đã sử dụng bình bát bằng kim loại. 3440. Đức Phật đã ngồi ở mái che bông hoa bảy ngày đêm. Trong khi giúp cho nhiều chúng sanh được giác ngộ, Ngài đã chuyển vận bánh xe giáo pháp. 3441. Trong khi Ngài đang chuyển vận bánh xe giáo J>háp ở bên dưới mái che bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi bôn ngàn [chúng sanh]. 3442. Khi ngày thứ bảy đã đến, bậc Đại

Hiền Trí Padumuttara ngồi ở bóng râm của chiếc lọng che đã nói lên những lời kệ này: 3443. "Người thanh niên nào đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3444. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3445. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng và các cỗ xe kéo sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3446. Sáu mươi ngàn cô xe ngựa được trang hoàng với tát cả các loại trang sức sẽ thường xuyên hộ tống người này; điêu này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3447. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiêc trông lớn được tô diêm sẽ thường xuyên trình tấu đến người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3448. Tám mươi sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bang ngọc trai và ngọc ma-ni.

THÁNH NHÂN KÝ sự 305

3449. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ. 3450. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. 3451. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3452. Trong khi dạng sống ở thế giới chư thiên, người có được nghiệp phước thiện sở hữu chiếc lọng che bằng châu báu bao trùm toàn bộ thê giới chư thiên. 3453. Khi [người này] ước ao bóng râm, thì có chiếc lọng che được tạo ra từ vải và bông hoa sẽ che bóng râm một cách thường xuyên, thuận theo tâm ý của người này. 3454. Sau khi mệnh chung tư thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, [người này] sẽ trở thành thân quyên của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 3455. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkẩka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 3456. Biết rõ về toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng. 3457. [Người này] sẽ trở thành Thinh van của bậc Đạo Sư, có tên là PiḶindivaccha, và sẽ được kính trọng trong số chư thiên, các a-tu-la, và các càii-thát-bà. 3458. Sau khi trở thành người được mến mộ đối với tất cả, đối với các vị Tỳ-khưu, đối với các vị Tỳ-khưu-ni, và tương tợ như thế ấy đối với các người tại gia, vị ấy sẽ sống, không còn lậu hoặc.^ 3459. Việc làm đã được thực hiện [trước đây] một trăm ngàn kiếp, đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là toe độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi. 3460. Ôi, việc làm đã khéo được tôi thực hiện ở phước điền vô thượng. Sau khi thực hiện việc làm ở tại nơi ấy, tôi đã đạt được vi thế bất động. 3461. Chính người thanh niên đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì, đã là người đầu tiên, đã là vị tiên phong; điều này là quả báo của việc dâng cúng ấy. 3462. Sau khi dâng cúng các chiếc lọng che đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3463. Tôi không biết đến sự lạnh, sự nóng, bụi bặm và mồ hôi không vấy bân, không có sự nguy khốn và không có tai

họa, tôi luôn luôn được tôn trọng.

306 KINH TIÊU BÔ

3464. Tôi có làn da mềm mại, có tâm ý trong sạch, một trăm ngàn chiếc lọng che là thuộc về tôi trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu. 3465. Do tác động của nghiệp ấy, [các chiếc lọng ấy] được gắn mọi thứ trang sức và được duy trì ở đỉnh đầu của tôi, ngoại trừ đời sống này. 3466. Tại sao không có sự duy trì các chiếc lọng cho tôi trong đời sống này? Vì tất cả các nghiệp đã được tôi làm là nhằm đạt đến chiếc lọng giải thoát. 3467. Sau khi dâng cúng các tấm vải đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3468. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng. 3469. Có một trăm ngàn tấm vải màu trắng, màu vàng và màu đỏ được duy trì ở đỉnh đầu của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm vải. 3470. Từ thành quả của những việc ấy, ở tất cả các nơi tôi đều có được y phục làm băng tơ lụa, băng sợi len, băng chỉ lanh và băng bông vải. 3471. Sau khi dâng cúng các bình bát đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3472. Tôi sử dụng các đĩa làm bằng hồng ngọc, các đĩa bằng vàng, các đĩa bằng ngọc ma-ni, và luôn cả các tô nhỏ bằng bạc vào mọi thời điểm. 3473. Tôi không có sự nguy khốn và không có tai họa, luôn luôn được tôn trọng. Tôi có sự thành tựu về cơm ăn, nước uông, vải vóc và giường năm. 3474. Các của cải của tôi không bi tiêu hoại, tôi có tâm vững chãi. Tôi luôn luôn có sự mong muốn về giáo pháp, phiền não, không còn lậu hoặc. 3475. ở tất cả các noi, ở thế giới chư thiên hay loài người, những đức tính này là gắn bó không lìa bỏ tôi, cũng giống như bóng râm của cây cối vậy. 3476. Sau khi dâng cúng nhiều chiếc búa nhỏ được gắn liền với chùm tua có màu sắc, khéo được thực hiện đến đức Phật tối thượng, và tương tợ y như the đen hội chúng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3477. Tôi luôn luôn dũng cảm, không có sự loạn động, và có sự toàn hảo về các lòng tự tin, có nghị lực, có sự tinh cần, có tâm ý được tập trung. 3478. Tư thành quả của việc ây, ở kháp mọi nơi tôi đêu đạt được sự dứt trừ phiền não? [cùng với] trí tuệ tinh tế, không thể ước lượng, tinh khiết. 3479. Với tâm tịnh tín, tôi đã dâng cúng nhiêu con dao nhỏ không bị sân sùi, không thô kệch, rất bóng láng đến đức Phật, và tương tợ y như thế đến hội chúng. 3480. Tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. [Tôi có được] tâm tốt đẹp, sự tinh cần, sự nhẫn nại và con dao từ ái.

THÁNH NHÂN KÝ sự 307

3481. [Và] lưỡi gươm tuệ vô thượng có tính chất dứt trừ mũi tên tham ái. Từ thành quả của những việc ấy, tôi đạt được trí tuệ sánh với kim cương. 3482. Sau khi dâng cúng các cây kim khâu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3483. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi luôn luôn có tuệ sắc bén, không có sự hoài nghi, có sự cắt đứt mọi điều nghi hoặc, có sắc đẹp và có của cải. 3484. Tôi đã nhìn thấy ý nghĩa và nguyên nhân thâm sâu vi tế bằng trí tuệ. Trí tuệ của tôi là sự tiêu diệt điều tăm tối, được sánh với kim cương cao quý. 3485. Sau khi dâng cúng các đồ cắt móng đến đức Thiện Thệ và hội

chúng, tập thê tôi thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3486. Tôi có được nhiều tôi nam, tớ gái, bò, ngựa, người làm công, người canh gác, người hầu tắm, người phục vụ bữa ăn, người đầu bếp ở khắp tất cả các nơi. 3487. Sau khi dâng cúng các cây quạt gió và các cây quạt lá cọ xinh xắn đến đức Thiện Thệ, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3488. Toi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bứt rứt không hiện hữu, tôi không biết đến sự ưu phiền và sự bực bội ở tâm của tôi. 3489. Từ thành quả của việc ấy của tôi, tất cả các ngọn lửa của tôi là lửa tham ái, lửa sân hận và si mê, lửa ngã mạn và lửa tà kiến đã bị dập tắt. 3490. Sau khi dâng cúng các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng đến hội chúng, tập thể tối thượng, tôi có phiền não được lặng yên, tôi sống không có tật xấu. 3491. Sau khi dâng cúng các đồ lọc nước đến đức Thiện Thệ và các bậc tối thượng thực hành giáo pháp, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3492. Tôi vượt trội tất cả và đạt được tuổi thọ ở cõi trời, tôi không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ trộm cướp hoặc những kẻ thù địch. 3493. Từ thành quả của những việc ây, người ta cũng không làm tôn hại tôi bằng vũ khí hoặc bằng thuốc độc, tình trạng chết yểu không xảy đến cho tôi. 3494. Sau khi dâng cúng các vật đựng dầu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3495. Tôi có dáng vóc vô cùng tao nhã, có giọng nói tốt, tâm ý khéo hướng thượng, tâm tư không rối loạn, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ. 3496. Sau khi dâng cúng các hộp đựng kim đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3497. Tôi có sự an lạc của tâm, có sự an lạc của thân, có sự an lạc sanh lên từ các oai nghi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3498. Sau khi dâng cúng các dây đeo ở vai đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3499. Và từ thành quả của việc ấy, tôi đạt được trí biết tâm của người khác, tôi nhớ lại kiếp sống thứ nhì, tôi có làn da đẹp toàn diện. 3500. Sau khi dâng cúng các dây buộc thân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3501. Tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận. 3502. Tôi có niệm đã được thiết lập, sự run sợ của tôi là không được biết đến, các đức tính này được gắn liền dầu ở thế giới chư thiên hay là nhân loại. 3503. Sau khi dâng cúng các chân kê [bình bát] đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi được thừa hưởng năm loại màu sắc, tối không bi lay động bơi bất cứ điều gì. 3504. Bất cứ các pháp nào tôi đã được nghe đều là những sự thức tỉnh cho niệm và trí. Những gì đã được tôi ghi nhớ là không tiêu hoại, chúng được xét đoán cẩn thận. 3505. Sau khi dâng cúng các chậu đựng cùng các vật dụng đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3506. Tôi đạt được các chậu đựng làm bằng vàng, làm bằng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa. 3507. Những người vợ và các tôi trai, tớ gái, các tượng binh, kỵ binh, xa binh, bộ binh và luôn cả những người nữ trung thành nữa, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi]

vào mọi lúc. 3508. Các môn khoa học, các từ ngữ về chú thuật, luôn cả nhiều kinh điển các loại, cùng tất cả các học nghệ, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc. 3509. Sau khi dâng cúng các tô nhỏ đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. y y 3510. Tôi đạt được các tô nhỏ làm băng vàng, làm băng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa. 3511. Tôi đạt được các tô nhỏ làm bằng gỗ assattha, bằng vỏ trái bầu, hoặc bằng các lá sen, và các vỏ sò ốc cho việc uống mật ong. 3512. Tôi có sự thực hành vê phận sự, vê đức hạnh, vê các hành động thuộc về ứng xử; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3513. Sau khi dâng cúng thuốc men đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập

thê cao quý tôi thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3514. Từ thành quả của việc ấy, tôi có tuổi thọ, có sức mạnh, dũng cảm, có sắc đẹp, có uy quyền, có sự sung sướng, không có sự nguy khốn, không có tai họa, và luôn luôn được tôn trọng, không có sự xa lìa với những người yêu mến của tôi. 3515. Sau khi dâng cúng các đôi dép đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3516. Sáu chục trăm ngàn (sáu triệu) phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng, và các cỗ xe kéo luôn luôn vây quanh tôi. 3517. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, có những chiếc giày làm bằng ngọc ma-ni, bằng len, bằng vàng, và bằng bạc hiện ra ở những lần giở bàn chân lên. 3518. Theo quy luật tự nhiên, chúng di chuyển hướng đến việc tẩy sạch các hành động tội lỗi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3519. Sau khi dâng cúng các đôi giày đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đã mang vào chiếc giày có thần lực và tôi sống theo như ước muốn. 3520. Sau khi dâng cúng các miếng vải lau khô nước đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3521. Tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng, không vây bân bụi bặm và mồ hôi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3522. Sau khi dâng cúng các cây gậy chống đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3523. Tôi có nhiều người con trai, sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không bao giờ bị áp bức, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ, thậm chí sự té ngã tôi cũng không biết, tâm ý của tôi không bị tản mạn. 3524. Sau khi dâng cúng thuốc bôi đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3535. Tôi có [cặp] mắt to màu trắng, màu vàng và màu đỏ, có nhãn quan được tinh tín không bi vẩn đục, được lánh xa mọi tật bệnh. 3526. Tôi đạt được thiên nhãn và tuệ nhãn vô thượng; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3527. Sau khi dâng cúng các chìa khóa đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đạt được chìa khóa trí tuệ, vật mở ra cánh cửa giáo pháp.

3528. Sau khi dâng cúng các túi đựng chìa khóa đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi ít giận dữ, không buồn phiền. 3529. Sau khi dâng cúng các vải băng bó đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3530. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận, có sự thành tựu của cải được sanh lên. 3531. Sau khi dâng cúng các ống dẫn khói đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3532. Niệm của tôi là trực chỉ, các sợi gân khéo được liên kết, tôi đạt được thiên nhãn là từ thành quả của việc ấy. 3533. Sau khi dâng cúng các chân đèn đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3534. Tôi có sự sanh ra tốt đẹp, được đầy đủ các phần thân thể, có tuệ hướng đến giác ngộ; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy. 3535. Sau khi dâng cúng các vật đo lường và các hòm nhỏ đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3536. Tôi luôn luôn cảnh giác, có được sự an lạc, có danh vọng lớn lao, đồng thời có cả tương lai, được xa lìa sự thất bại, có sự tinh tế, được lánh khỏi tất cả các hiểm họa. 3537-38. Và tôi có sự đạt được các đức tính vĩ dại, tôi có hành vi bình lặng, sự kích động đã được xa lìa hẳn, tôi đạt được các vật đo lường và các hòm nhỏ có bon màu cùng với các con voi, các con ngựa và châu báu, những vật này của tôi không bi tiêu hoại; điều này là quả báo của việc dâng cúng các vật đo lường. 3539. Sau khi dâng cúng các ông đựng thuốc bôi đên đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3540. Tôi có đủ tất cả các tướng mạo, có tuổi thọ, trí tuệ và [tâm] định tĩnh, thân của tôi luôn luôn được thoát khỏi mọi sự mệt nhọc. 3541. Sau khi dâng cúng các cây kéo có cán nhỏ vô cùng bén đến hội chúng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiết, vật cắt xén các phiền não. 3542. Sau khi dâng cúng các kẹp gắp đến đức Thiện Thệ và hội chứng, tập thê cao quý tôi thượng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiêt, vật găp bỏ các phiền não.

THÁNH NHÂN KÝ sự 311

3543. Sau khi dâng cúng các dụng cụ xông mũi đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thê cao quý tôi thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3544. Tôi có đức tin, giới hạnh, luôn cả sự hổ thẹn tội lỗi và đức tính ghê sợ [tội lỗi], có sự học hỏi, sự dứt bỏ của cải, sự nhẫn nại và trí tuệ là đức tính thứ tám. 3545. Sau khi dâng cúng các ghế đẩu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3546. Tôi được sanh ra ở gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao, tất cả tôn trọng tôi, danh tiêng của tôi được lan truyên. e r 9 r r 3547. Trong một trăm ngàn kiêp, các chiêc ghê bành hình vuông thường xuyên vây quanh tôi, tôi vui thích trong sự ban phát. 3548. Sau khi dâng cúng các tấm nệm đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3549. Tôi có thân thê đêu đặn, được tôn trọng, là người mem mỏng, có dáng vóc tao nhã, tôi đạt được nhóm tùy tùng có trí tuệ;

điều này là quả báo của việc dâng cúng nệm. 3550. Tôi đạt được các nệm bông vải đủ các hình dạng, nhiều tấm thảm dệt có hình vẽ, các tấm tranh vải quý giá và nhiều loại chăn mền. 3551. Tôi đạt được các tấm áo khoác mềm mại, các mảnh da dê mềm mại và các tâm trải lót nhiêu loại; điêu này là quả báo của việc dâng cúng nệm. 3552. Ke từ khi tôi nhớ được bản thân, kể từ khi tôi đạt được sự hiểu biết, tôi không là kẻ vô tích sự, tôi là chiếc nôi của thiền; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm nệm. 3553. Sau khi dâng cúng các chiếc gối đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3554. Tôi luôn luôn kê đầu ở những chiếc gối len? những chiếc gối gương sen và những chiếc gối gỗ tram màu đỏ. 3555. Sau khi hướng dẫn trí đến đạo lộ cao quý tám chi phần, bốn quả vi Sa-môn, tôi an trú vào các pháp ấy trong mọi thời điểm. 3556. Sau khi hướng dẫn trí đến sự bố thí, sự rèn luyện, sự thu thúc và các pháp vô lượng tâm [từ, bi, hỷ, xả] thuộc sắc giới, tôi an tru vào các pháp ấy trong mọi thời điểm. 3557. Sau khi đặt tâm trí vào phận SỊT, đức hạnh, sự thực hành và các hành động thuộc vê ứng xử, tôi an trú [vào các pháp áy] trong mọi thời diêm.

312 KINH TIÊU Bộ

3558. Sau khi hướng dẫn trí đến đường kinh hành, hoặc sự nỗ lực tinh tấn ở các chi phần giác ngộ? tôi an tru vào các pháp ấy theo như ý thích. 3559. Sau khi huớng dẫn trí đến giới, đinh, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi an trú vào các pháp ây một cách an lạc. 3560. Sau khi dâng cúng các ghê rơm đên dâng Chiên Thăng và hội chúng, tập thê cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp cua tôi. 3561. Tôi hưởng thụ nhiều ghế bành thượng hạng làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni, làm bằng ngà voi và lõi gỗ; điều này là quả báo của chiếc ghế rơm. 3562. Sau khi dâng cúng các ghế kê chân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3563. Tôi đạt được nhiêu phương tiện di chuyên; điêu này là quả báo của chiêc ghê kê chân. Các tôi nam, tớ gái, các người vợ, và những người khác sông nương tựa đều phục vụ tôi một cách nghiêm chỉnh; điều này là quả báo của chiêc ghê kê chân. 3564. Sau khi dâng cúng các chất dầu bôi đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3565. Tôi có được sự không bệnh tật, sự thành tựu về dáng vóc, sự tiếp thu giáo pháp một cách nhạy bén, sự đạt được cơm ăn nước uống, và nhóm năm là tuôi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh và trí tuệ. 3566. Sau khi dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3567. Tôi luôn luôn có được sức mạnh, được thành tựu về dáng vóc, có cơ thể tươi vui, không có bệnh, sạch sẽ; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn. 3568. Sau khi dâng cúng vật làm sạch miệng đến đức Phật và hội chúng, tập thê tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3569. Tôi có cổ họng sạch sẽ, có giọng nói ngọt ngào, được tránh khỏi bệnh ho, bệnh suyển, và hương thơm của hoa sen luôn luôn tỏa ra từ miệng của tôi. 3570. Sau khi dâng cúng sữa đông đầy đủ phẩm chất đến đức Phật và hội chúng, tạp thể tối thượng, tôi thọ hưởng tài sản bất tử cao quý, đó là niệm hướng đến thân. 3571. Sau khi dâng cúng mật ong đạt được màu sắc và hương vị đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tôi uống hương

vị giải thoát không thể ước lượng, không gì sánh bằng. 3572. Sau khi dâng cúng chất tinh túy ở trạng thái thiên nhiên đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng bốn [Thánh] quả tương xứng với nghiệp của tôi. 3573. Sau khi dâng cúng cơm ăn và nước uống đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

THÁNH NHÂN KÝ sự 313

3574. Tôi luôn luôn có tuổi thọ, có sức mạnh, sáng suốt, có dung sắc, có uy quyền, có sự sung sướng, có sự thành tựu về cơm ăn và nước uống, dũng cảm, có trí tuệ, tôi đạt được những đức tính này trong khi luân hồi ở cõi hữu. 3575. Sau khi dâng cúng nhang [thơm] đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. 3576-77. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được cơ thể có mùi thơm ngào ngạt, có uy quyền, có tuệ nhạy bén, có danh tiếng, có tuệ sắc bén, có tuệ bao la, có tuệ vi tiếu và tuệ thâm sâu, có tuệ rộng lớn và tuệ đổng tốc. Giờ đây, do nhờ tác động của chính việc ấy, tôi đạt đến sự tinh lặng, an lạc, Niết-ban. 3578. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3579. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tót, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3580. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão PiḶindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão PiḶindivaccha^ là phần thứ nhất

392. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SELA (Seỉattherãpadânam) 3581. Tôi đã là vị chủ quản đường lộ ở thành phố Hamsavatī. Tôi đã tập hợp thân quyến của tôi lại và đã nói lời nói này: 3582. "Đức Phật, vị Phước Điền Vô Thượng đã hiện khởi ở thế gian. Ngài là vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của toàn bộ thế gian. 3583. Các vi Sát-đế-ly, luôn cả các thi dân và các Bà-la-môn vô cùng sang trọng có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3584. Các người nài voi, các lính ngự lâm, các người đánh xe, các binh lính có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3585. Các vị con lai [có cha dòng Sát-đê-lỵ và mẹ là nô bộc], các người con trai của đức vua, các thương buôn và các Bà-la-môn có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3586. Các người đầu bếp, các người phục vụ, các người hầu tắm, các nẹười làm tràng hoa có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đong. 3587. Các người thợ nhuộm, các người thợ dệt, các người thuộc da và các người thợ cạo có tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3588. Các người làm tên, các người thợ tiện, các người thợ da luôn cả các người thợ mộc có tâm tịnh tín có ý vui mừng, họ đã the hiện tinh than cộng đồng.

314 KINH TIỀU Bộ

3589. Các người thợ rèn, các người thợ vàng; cũng vậy, các người thợ thiếc CÓ tâm tinh tín, có ý vui mừng, họ đã thê hiện tinh thân cộng đông. 3590. Các người làm công, luôn cả các trẻ sai vặt, nhiều kẻ nô lệ làm công, tùy theo năng lực của mình họ đã thê hiện

tinh thần cộng đồng. 3591. Các người gánh nước, các người gánh củi, các nông dân và các người gánh cỏ, tùy theo năng lực của mình họ đã the hiện tinh than cộng đong. 3592. Các người trồng hoa, luôn cả các người làm tràng hoa, các người hốt lá, các người gánh trái cây, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3593. Các cô kỹ nữ, các cô hầu đội nước, các cô bán bánh và các bà bán cá, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng. 3594. Xin quý vị hãy đi đến. Tất cả chúng ta hãy tụ hội lại và cùng nhau kết hợp lại thành nhóm. Chúng ta sẽ thực hiện hành động hướng thượng đến phước điên vô thượng.,, 3595. Sau khi lăng nghe lời nói của tôi, họ đã tức thời két hợp lại thành nhóm và đã cho thực hiện hội trường phục vụ được xây dựng khéo léo dành cho hội chúng Tỳ-khưu. 3596. Sau khi cho làm hoàn tất hội trường ấy, tôi đã trở nên phấn khởi, có tâm ý hớn hở. Được tất cả những người ấy tháp tùng, tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác. 3597. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã nói lời nói này: 3598. "Bạch đấng Anh Hùng, ba trăm người nam này là cùng nhóm. Bạch bậc Hiên Trí, họ công hiên đên Ngài hội trường phục vụ đã được xây dựng khéo léo/9 . 3599. Bậc Hữu Nhãn đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu đã tiếp nhận và trước ba trăm người, Ngài đã nói lên những lời kệ này: 3600. "Ba trăm người cùng với vị trưởng thượng đã hợp tác cùng nhau. Sau khi thực hiện, tất cả các ngươi sẽ thọ hưởng thành quả. 3601. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, các ngươi sẽ chạm được Niết-bàn an tịnh, có trạng thái mát mẻ? vô thượng, không già, không chết." 3602. Đức Phật, bậc Toàn Tri, vị Sa-môn vô thượng đã chú nguyện như thế. Sau khi lắng nghe lời nói của đức Phật, tôi đã bày tỏ sự vui mừng. 3603. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã là vị thông lãnh chư thiên cai quản thiên quôc năm trăm lân. 3604. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Các vi đại thiên đã đảnh lễ tôi khi tôi đang cai quản thiên quốc. 3605. ở đây, trong vương quốc nhân loại, nhóm người [trước đây] trở

thành bà con họ hàng. Khi kiếp sống cuối cùng đã đến, có người Bà-la-môn tên Vāsettha. 3606. Tôi đã là người con trai của vị ấy, có sự tích lũy tám mươi koti (tám trăm triệu). Tên của tôi là Sela. Tôi đạt đến sự toàn hảo vê sáu chi phần [của vi Bà-la-môn]. 3607-08. Trong khi dẫn đàu những người học trò của mình đi bách bộ đó đây, tôi đã nhìn thấy vị đạo sĩ khổ hạnh tên Keniya, mang búi tóc và giỏ vật dụng, có vật cúng hiến đã được chuẩn bị và tôi đã nói lời nói này: "C6 phải ông đã thỉnh mời cô dâu, hoặc chú rể, hay là đức vua?" 3609. "Tôi có ý định dâng tặng vật hiến cúng đến vi Bà-la-môn đã được công nhận là vi Trời. Tôi không thỉnh mời đức vua, vật hiến cúng của tôi không có. 3610. Và tôi thì không có cô dâu, chú rể của tôi thì không được biết đến. Còn vị đem lại niềm hoan hỷ cho dòng họ Sakyā là bậc Trưởng Thượng ở Thế Gian, luôn cả chư thiên. 3611. Vị ấy là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, vì sự lợi ích và tấn hóa của toàn bộ thế gian, vị ấy đã được tôi thỉnh mời ngày hôm nay. Đây là vật chuẩn bị cho vị ấy. 3612. Đức Phật đã được [tôi] thỉnh mời vào ngày mai là vị có màu da tợ như trái cây timbarū, là bậc vô lượng, vô song, không thể sánh bằng về dáng vóc. 3613. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy trông tợ thỏi vàng

đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực tương tợ tia chớp. 3614. Đức Phật đã được tôi thỉnh mời ấy giống như ngọn lửa ở đỉnh ngọn núi, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy. 3615. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy như là con sư tử? không bi hãi sợ, đã vượt qua sự sợ hãi, là bậc Hiền Trí có sự chấm dứt việc tái sanh. 3616. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo trong các pháp của chư Phật. Ngài không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ khác, tương tợ con voi. 3617. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo về sự thực hành trong Chánh pháp, là vị Phật hùng tráng không thể sánh bằng, tương tợ con bò mộng. 3618. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị có phẩm hạnh vô biên, có danh vọng vô lượng, có tất cả tướng mạo rực rỡ, tương tợ [Chúa trời] Sakkā. 3619. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mòi ấy là vi có năng lực, có đồ chúng, có sự huy hoàng, có sự vẻ vang, khó mà tiếp cận, tương tợ đấng Phạm thiên. 3620. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có giáo pháp đã

đạt, là đấng Thập Lực, là bậc thông thạo về năng lực và siêu năng lực, tương tợ trái đất. 3621. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy được vây bủa bởi các làn sóng giới hạnh, không bị lay động do sự nhận thức [của giác quan] đối với các đối tượng, tương tợ biển cả. 3622. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là khó mà tiếp cận, khó mà chế ngự, không bị lay chuyển, hướng thượng, cao thượng, tương tợ núi Neru. 3623. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có trí tuệ vô biên, tương đương với bậc không thể sánh bằng, không thể ước lượng, đã đạt đến tột đỉnh, tương tợ bầu không gian. (Dứt tụng phẩm thứ mười lăm).

3624. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị an ủi, là chốn nâng đỡ cho những kẻ bi khiếp hãi lo sợ, là sự bảo vệ cho những người đến nương nhờ. 3625. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là hầm mỏ châu báu, ỉa chỗ trú của những người có trí giác ngộ, là phước điền của những người tầm cầu sự an lạc. 3626. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc an ủi, tạo ra niềm phấn khởi, là đấng ban phát quả vị Sa-môn, tương tợ đám mây [đem lại cơn mưa]. 3627. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là con mắt của thế gian, có oai lực lớn lao, là sự xua đi tất cả các bóng tối, tương tợ mặt trời [xua tan đêm đen]. 3628. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Hiền Trí, có sự nhìn thấy bản thể trong các sự giải thoát khỏi đối tượng của các giác quan, tương tợ mặt trăng [lìa bỏ các chỗ đã rọi đến]. 3629. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Trưởng Thượng, đã tự mình vươn lên ở thế gian, được tô điểm với các tướng mạo, là bậc Vô Lượng. 3630. Vị nào có trí tuệ không thể đo lường, vị nào có giới không thể tương đương, vi nào có sự giải thoát không thể sánh bằng, vị ấy là đức Phật đã được tôi thinh mời. 3631. Vị nào có nghị lực không sánh bằng được, vi nào có sức mạnh không nên suy tưởng, vi nào có sự nỗ lực hàng đầu, vị ấy là đức Phật đã được tôi thỉnh mời. 3632. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có tất cả các chất độc hại là tham, sân và si đã được xóa sạch, tương tợ thuốc chữa bệnh.

3633 Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có sự xua đi căn bệnh phiền não, nhiều sự khổ đau và tất cả các bóng tối, tương tợ vị lương y." 3634. "Này ông, vị mà ông nói là 'đức Phật\ thậm chí tiếng gọi ấy cũng khó mà đạt được.,, Sau khi được nghe rằng: "Bức Phật! Đức Phát!", đã có sự phỉ lạc sanh khởi đến tôi. 3635. Niềm phỉ lạc của tôi không [thể] nắm giữ ở bên trong đã bộc lộ ra ngoài. Trong khi có tâm phỉ lạc, tôi đây đã nói lời nói này: 3636. "Vậy thì đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ấy là ở đâu? Tôi sẽ đi đến nơi ấy và sẽ đảnh lễ đấng ban phát quả vị Sa-m6n.” 3637. Sau khi nắm lấy cánh tay phải [của tôi], [vị đạo sĩ Keniya] tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lại, đã nói với tôi vê đang Pháp Vương, bậc có sự xua đi các mũi tên sầu muộn rằng: 3638. uÔng hãy nhìn xem khu rừng lớn này tợ như đám mây khổng lồ đang trỗi dậy? như là lớp thuốc bôi màu lục, trông như là biển cả. 3639. Đức Phật, bậc Điều Phục những ai chưa được điều phục, đấng Hiền Trí ấy ngự ở nơi đây, đang hướng dẫn những người cần được hướng dẫn và giúp cho họ giác ngộ những chi phần giác ng0.” 3640. Tợ như người khát nước tìm kiếm nước, tợ như người bị đói tìm kiếm thức ăn, như là bò mẹ khao khát con bê, tôi đã tìm đen đang Chiến Thắng tương tợ như thế. 3641. Là người biết lối hành xử và cách tiếp cận hay dở thích hợp với tình huống, tôi đã chỉ dạy những người học trò của mình trong khi họ đang đi đến chỗ cua đấng Chiến Thắng rang: 3642. “Này các chàng trai, các đấng Thế Tôn là khó mà tiếp cận, tợ như những con sư tử có sở hành đơn độc, các trò nên đi đến, bước từng bước từng bước một. 3643. Giông như con răn độc khủng khiếp, tợ như con sư tử vua của loài thú, tợ như con voi có ngà đã bị noi cơn, chư Phật là khó mà tiếp cận như the ấy. 3644. Này các chàng trai, hãy kềm lại sự ho khan và khịt mũi. Các trò hãy đi đến gần bên đức Phật, bước từng bước từng bước một. 3645. Chư Phật là các vị thầy của thế gian luôn cả chư thiên, là những bậc quý trọng sự yên tịnh, ít gây tiếng động, khó mà tiếp cận, khó đến gần bên. 3646. Khi ta hỏi câu hỏi hoặc là trao đổi xã giao, khi ấy các trò hãy im lặng, hãy đứng yên như là có bản chát của bậc Hiền Trí. 3647. về Chánh pháp mà vị ấy thuyết giảng nhằm đạt đến Niết-bàn an ổn, các trò hãy chú tâm đến ý nghĩa ấy. Việc lắng nghe Chánh pháp là hạnh phúc.,^ 3648. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, tôi đã chào hỏi với bậc Hiền Trí. Sau khi đã trao đổi lời thăm hỏi ấy, tôi đã quan sát các tướng mạo.

3649. Tôi nhìn thấy ba mươi tướng mạo, nhung tôi vẫn còn hoài nghi về hai tướng mạo. Đấng Hiền Trí đã dùng thần thông cho thấy vật kín có lớp vỏ bọc lại. 3650. Đấng Chiến Thắng đã thè lưỡi ra uốn lại, rồi đã chạm vào lỗ tai và lỗ mũi, [sau đó] đã che lấp toàn bộ cái trán. 3651. Sau khi nhìn thấy các tướng mạo được đầy đủ cùng với các tướng phụ của Ngài, tôi đã đi đến kết luận là "dức Phát", và đã xuất gia cùng với các người học trò. 3652. Cùng với ba trăm [người học trò], tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đến nửa tháng, tất cả chúng tôi đã đạt được Niết-bàn. 3653. Sau khi đã cùng nhau thực hiện công việc ở phước điền vô thượng, sau khi đã cùng nhau luân hồi, họ đã cùng nhau dừng lại. 3654. Sau khi dâng cúng các cây đà chông, tôi đã sông theo tính chát

cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp9 tôi đạt được tám nhân tố: 3655. Tôi được tôn vinh ở các phương, và của cải của tôi là vô lượng, tôi là chốn nâng đỡ cho tất cả, sự run sợ của tôi không được biết đến. 3656. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, và tôi gìn giữ được tuổi thọ, tôi là người có làn da mềm mại, tôi cư ngụ ở trú xứ đã được mong mỏi. 3657. Sau khi dâng cúng tám cây đà chống, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Tôi có các tuệ phân tích và phàm vị A-la-hán, điêu này là phân phụ trội của điều thứ tám. 3658. Bạch đang Đại Hiên Trí, con có toàn bộ nguôn nhiên liệu đã cạn, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc, là người con trai của Ngài, có tên là Atthagopānasī. 3659. Sau khi dâng cúng năm cây cột trụ, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được năm nhân tố: 3660. Tôi không dao động nhờ vào tâm từ ái, tôi có các bộ phận cơ thể không bị thiếu sót, tôi có lời nói được thừa nhận, cũng vậy, tôi không bị công kích. 3661. Tâm của tôi không bi tản mạn, tôi không bị dao động bởi bất cứ điều gì. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bị bợn nhơ ở trong giáo pháp. 3662. Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Hiền Trí, vị Tỳ-khxru Thinh văn của Ngài có sự tôn kính, có sự phục tùng, có phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, xin đảnh lễ Ngài. 3663. Tôi đã thực hiện chiếc ghế bành được làm khéo léo và đã bố trí ở hội trường. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp? tôi đạt được năm nhân tố: 3664. Sau khi được sanh vào gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao. Tôi là người được thành tựu mọi thứ, sự bon xẻn ở tôi không được biết đến.

THÁNH NHÂN KÝ sự 319

3665. Khi tôi mong muốn ra đi, chiếc ghế bành hiện diện kế bên. Bằng chiếc ghế bành tối thượng, tôi đi đến nơi đã được tôi mong muốn. 3666. Do việc dâng cúng chiếc ghế bành ấy, tôi đã xua đi tất cả bóng tối. Bạch đấng Hiền Trí, vị Trưởng lão đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí xin đảnh le Ngài. 3667. Tôi đã hoàn thành tất cả các phận sự, phận sự của mình và phận sự đối với người khác. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi vào thành phố không sợ hãi (Niết-bàn). 3668. Tôi đã dâng cúng vật hữu dụng chính là hội tnrờng đã được hoàn thành. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đạt đến bản thể tối thượng. 3669. Bất cứ các huấn luyện viên nào ở thế gian, khi họ huấn luyện các con voi, các con ngựa, họ thực hiện nhiều cách hành hạ khác nhau, họ huấn luyện bằng sự tàn bạo. 3670. Bạch đấng Đại Hùng, Ngài không huấn luyện các người nam và nữ như thê ây. Ngài huân luyện trong sự huân luyện tôi thượng, không gậy, không dao. 3671. Trong khi tán dương các đức tính của sự bố thí, bậc Hiền Trí là vị thiện xảo về việc thuyết giảng. Ngay trong khi đang trả lời một câu hỏi, bậc Hiền Trí đã giác ngộ cho ba trăm người. 3672. Được đấng Điều Ngự huấn luyện, chúng tôi đã được hoàn toàn giải thoát, không còn lậu hoặc, đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí, đã được tịch diệt về sự đoạn tận mầm mống tái sanh. 3673. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tất cả các điều lo sợ đã được vượt qua; điều này là quả báo của việc dâng cúng hội trường. 3674. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn5 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3675. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã

được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3676. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sela đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Sela" là phần thứ nhì.

393. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAKITTIKA (Sabbakittikattherāpadānam) 3677. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] tợ như cây kanikāra đang

cháy sáng, tợ như cây đèn đang phát sáng, tợ như vì sao osadhī đang chiếu sáng, giống như tia chớp ở bầu trời. 3678. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] không bị hãi sợ, khônẹ có sợ sệt, tợ như con sư tử vua của loài thú, đang tỏa ánh sáng trí tuệ, đang che ngự các nhóm người ngoại đạo. 3679. Toi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang tiếp độ thế gian này, đang cát đứt mọi điêu nghi hoặc, tợ như [con sư tử] vua của loài thú đang gầm thét. 3680. Tôi đã là vị mang búi tóc, khoác tấm da dê, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng. Tôi đã cam lấy y phục bằng vỏ cây và đã trải xuống ở cạnh bàn chân [của đúc Phật]. 3681. Tôi đã cầm lấy chất bôi thơm kālānusāriya và đã thoa lên đức Như Lai. Sau khi thoa lên bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca về đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 3682. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã vượt qua dòng nước lũ, Ngài tiếp độ thế gian này, Ngài chiếu sáng bằng ánh sáng trí tuệ, trí tuệ tối thượng [của Ngài] la không bi che lấp. 3683. Ngài chuyên vận bánh xe giáo pháp, Ngài chê ngự các ngoại đạo khác, Ngài là vị cao quý đã chiên thăng trận dâu, Ngài làm trái đất rúng động. 3684. Các làn sóng ở đại dương bị vỡ tan ở bờ biển, tương tợ y như thế, tất cả các tà kiên bị tan vỡ ở trí tuệ của Ngài. 3685. Khi lưới có lỗ nhỏ được đặt vào ở trong hồ nước, các sinh vật đi vào trong lưới thì bi khống chế ngay lập tức. 3686. Bạch Ngài, tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian dựa dẫm vào dị giáo tầm thường, họ xoay vần bên trong trí tuệ cao quý của Ngài. 3687. Ngài là bến bờ của những người đang bị cuốn trôi ở dòng nước lũ, chính Ngài là vị bảo hộ của những người không thân quyến, Ngài là sự bảo vệ cho những người bị khô đau vì hãi sợ, là nơi nương tựa của những người có mục tiêu đã bi xao lãng. 3688. Ngài là vi anh hùng độc nhất, không người tương tợ, là sự tích lũy bi mẫn và từ ái, có ệiới tốt đẹp, không kẻ sánh bằng, được an tịnh, có năng lực, vững chãi, đã chiên thắng cuộc hành trình. 3689. Ngài là bậc Trí Tuệ, có sự si mê đã được xa lìa, không còn dục vọng, không có hoài nghi, đã sống trọn vẹn, có sân hận đã được chối bỏ, không ô nhiễm, đã được thanh lọc, tinh khiết. 3690. Ngài đã vượt lên sự quyến luyến, có sự kiêu hãnh đã được tiêu diệt, có tam minh, đã đi đến tận cùng của tam giới, đã vượt qua ranh giới, có sự kính trọng giáo pháp, có mục đích đã được thực hiện, có đạo lộ hữu ích. 3691. Ngài gi8ng như ngôi sao [hướng dẫn] chiếc thuyền, giống như của cải chôn giấu là nguồn tạo sự an lỉi, giông như con sư tử không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu kỳ."

3692. Sau khi ngợi ca bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Padumuttara bằng mười câu kệ, sau khi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Su, khi ấy tôi đã đứng im lặng. 3693. Đấng Hiểu

Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu? đã nói lên những lời kệ này: 3694. uNgười nào đã tán dương giới hạnh và trí tuệ, luôn cả giáo pháp của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3695. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu chục ngàn kiếp. Sau khi vượt trội chư thiên khác, [người ấy] sẽ được thiết lập làm vị Chúa tể. 3696. về sau người ấy sẽ xuất gia, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức The Tôn Gotama. 3697. Sau khi xuất gia, sau khi lánh xa ác nghiệp bằng thân, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niet-bàn không còn lậu hoặc.” 3698. 'Bạch đấng Đại Hùng, giống như đam mây đang nổi sấm [sét] thì làm cho trái đất này thỏa mãn, tương tợ y như thế, Ngài đã làm con thỏa mãn bằng giáo pháp." 3699. Sau khi ngợi ca giới hạnh, trí tuệ, giáo pháp và đấng Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã đạt đến sự an tịnh tuyệt đối, Niết-bàn9 vị thế Bất hoại. 3700. Ôi9 nếu như đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn ấy có thể tồn tại lâu dài, thì [nhiều người] có thể nhận thức điều chưa được biết đến và có thể chạm đến vị thế bất tư. 3701. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3702. [Ke từ khi] toi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 3703. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3704. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sabbakittika2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Sabbakittika55 ià phần thứ ba.

394. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUDÃYAKA (Madhudāyakattherāpadānam) 3706. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo ở bờ sông Sindhu. Tại nơi ấy, tôi chỉ dạy các học trò về truyền thống cùng với tướng mạo.

2 Sabbakỉttika nghĩa là uvị tán dương (kittika) tổng thể (sabbā) về đức Phát."

3707. Các vị ấy có sự ao ước về giáo pháp, đã được huấn luyện, có ước muôn được nghe lời giáo huân tót đẹp. Đã đạt đên sự toàn hảo vê sáu chi phân, các vị ấy sống ở bờ sông Sindhu. 3708. Khi ây, trong lúc đang tâm câu mục đích tôi thượng, các vị sông ở trong khu rưng bao la. 3709. Bậc Toàn Giác tên Sumedha lúc bấy giờ đã hiện khởi ở thế gian. Thương tưởng đến chúng tôi, đấng Hướng Đạo đã đi đến gần. 3710. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã đi đến gần, tôi đã làm tấm thảm trải bằng cỏ và đã dâng cúng đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian. 3711. Tôi đã cầm lấy mật ong từ khu rừng bao la và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Toàn Giác đã thọ dụng và đã nói lời nói này: 3712. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng mật ong ấy đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3713. Do sự dâng cúng mật ong này và do tấm thảm trải bằng cỏ, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. 3714. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên

Gotama xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3715. Là ngưòd thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người áy] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niêt-bàn không còn lậu hoāc." 3716. Sau khi đã từ thế giới chư thiên 9 r đi đếnr nơi đây, khi [tôi] nhập vào jF

bụng mẹ, có cơn mưa mật ong đã đô xuống, che lâp trái đát với mật ong. 3717. Và ngay khi tôi đang ra khỏi bụng mẹ một cách vô cùng khó khăn, tại nơi ấy cũng có cơn mưa mật ong đã liên tục đổ mưa đến tôi. 3718. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình, tôi có sự đạt được về cơm ăn và nước uống; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong. 3719. Tôi được dồi dào về mọi dục lạc sau khi đã sống ở [thế giới] chư thiên và nhân loại. Chính nhờ sự dâng cúng mật ong ấy, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 3720. Khi trời đổ mưa ở cỏ dài bốn ngón tay, khi loài thảo mộc mọc ở trên đất đã được trổ hoa và đã che phủ khắp, ở ngôi nhà trống vắng, ở mái che và ở cội cây, tôi sống luôn luôn được an lạc, không còn lậu hoặc. 3721. Tôi đã vượt lên tất cả các cõi trung bình, to lớn và thấp kém. Hôm nay các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3722. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí [trước đây] ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong.

THÁNH NHÂN KÝ sự 323

3723. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3724. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3725. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Madhudâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĚÍKý sự về Trưởng lão Madhudâyaka^ là phần thứ tư.

395. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMAKỦTẢGÃRIYA (Padumakūtāgāriyattherapadānam) 3726. Đức Thế Tôn ten Piyadassĩ, là đấng Tự Chủ, bậc Lãnh Đạo Thế Gian. Đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí có ước muốn độc cư, thiện xảo về định. 3727. Sau khi đi sâu vào khu rừng rậm, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ, đấng Tôi Thượng Nhân đã trải ra tâm y may từ vải bi quăng bỏ roi ngôi xuồng. 3728. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm loài nai pāsādā, tôi [đã] đi lang thang. 3729. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tợ như cây sâla chúa đã được trổ hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên. 3730. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Piyadassĩ, khi ấy tôi đã lội xuống hồ nước thiên nhiên và đã mang lại đóa sen hồng. 3731. Sau khi mang lại đóa sen hồng trăm cánh làm thích ý? tôi đã xây dựng ngôi nhà mái nhọn và đã phủ lên bằng hoa sen hồng. 3732. Bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Hiền Trí Piya- dassĩ, đức Phật, đấng Chiến Thắng đã ngụ bảy ngày đêm ở ngôi nhà mái nhọn. 3733. Sau khi bỏ đi các [bông hoa] héo úa, tôi đã che lên bằng [bông hoa] mới. Liền sau đó, tôi đã chắp tay lên và đứng yên. 3734. Bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã xuất khỏi định. Trong lúc đang quan sát các phương,

đấng Lãnh Đạo Thê Gian đã ngôi xuông. 3735. Khi ây9 vị thị giả có đại thân lực tên Sudassana đã hiêu được tâm của đức Phật, bậc E)ạo Sư Piyadassī* 3736. Được tháp tùng bởi tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu? vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo The Gian đang ngồi an lạc ở cuối khu rừng. 3737. Và cho đến chư thiên ngự ở trong khu rừng rậm, sau khi biết được tâm của đức Phật, khi ấy tất cả đã tụ hội lại.

3 Madhudâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) mật ong (jnadhù)y

3738. Khi các dạ-xoa, các ác thần, cùng với các loài quỷ sứ đã cùng nhau đi đến, và khi hội chúng Tỳ-khưu đã đến nơi, đấng Chiến Thắng đã thốt lên các lời kệ này: 3739. "Người nào đã cúng dường và đã thực hiện chỗ ngụ cho Ta bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3740. Bằng trí tuệ, Ta sẽ tán dương điều thật khó mà nhìn thấy, vô cùng vi tế, sâu thẳm, đã được thể hiện tốt đẹp. Các người hãy lang nghe Ta nói. 3741. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc mười bốn kiếp. Có tòa nhà mái nhọn vĩ đại, được che phủ bằng các đóa sen hồng, sẽ được duy trì ở không trung dành cho người ấy; điêu này là quả báo của việc làm với bông hoa. 3742. [Người ấy] sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người] hai ngàn bốn trăm kiếp. Tại nơi ây sẽ có cung điện làm băng bông hoa được duy trì ở không trung [dành cho người ấy]. 3743. Giống như nước không làm lem luốc cánh hoa sen, tương tợ y như the, các điều ô nhiễm không làm hoen o trí của người này. 3744. Sau khi đã loại trừ năm pháp che lấp ở trong tâm, người này sẽ làm sanh khởi tâm về việc xuất ly và sẽ xuât gia lìa khỏi gia đình. Sau đó, trong lúc cung điện làm bang bông hoa đang được duy trì, người này sẽ ra đi. 3745. Trong khi con người cân trọng có chánh niệm [này] đang ngụ ở góc cây, tại nơi ấy sẽ có cung điện làm bằng bông hoa được duy trì ở đỉnh đầu [của người này]. 3746. Sau khi dâng cúng y phục, vật thực, thuốc chữa bệnh và chỗ nằm ngồi đến hội chúng Tỳ-khưu, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.95 3747. Tôi đã ra đi xuất gia bằng sự di chuyển của Iiệôi nhà mái nhọn. Ngôi nhà mái nhọn được duy trì trong khi [tôi] đang ngụ ở góc cây. 3748. Sự suy tư về y phục và vật thực không có ở tôi. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi nhận được hoàn toàn đầy đủ. 3749. Nhiều koti kiếp sống của tôi, không thể đo lườnệ bằng phương diện tính đếm, đã trôi qua vô ích, các bậc Lãnh Đạo Thế Gian đêu đã giải thoát. 3750. [Trước đây] một ngàn tám trăm kiêp, đang Hướng Đạo Piyadassĩ [đã hiện khởi]. Sau khi phục vụ Ngài, tôi đã đi đên lân nhập thai này. 3751. Tại đây, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Hữu Nhãn tên Anoma. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 3752. Đức Phật, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng đã giảng giải cho tôi về đạo lộ. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến vi thế bất động. 3753. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi biết toàn diện về tát cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3754. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật [trước đây] một ngàn tám

trăm kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đúc Phật. 3755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3756. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumakūtāgāriya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Padumakūtāgāriyaw là phần thứ năm.

396. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BAKKULA (Bakkulattherãpadãnam) 3758. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Sobhita. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo? đã được tạo lập bởi những người học trò của tôi. 3759. Tại nơi ấy, có nhiều mái che và các cây sinduvãraka đã được trổ hoa. Tại nơi ấy, có nhiều cây táo rừng và các cây jīvajīvaka đã được trổ hoa. 3760. Tại nơi ây, có nhiêu cây niggundiya, cây táo, cây ãmalaka, cây phãrusaka, các dây bầu trái dài, và các giống sen trắng đã được trổ hoa. 3761. Tại nơi ấy, có các cây âlaka, cây beluva, cây chuối, cây chanh. Tại nơi ấy, có nhiều cây mahānāma, cây ajjuna và cây piyañguka. 3762. Tại nơi ấy, có các cây kosamba, cây salala, cây nĩpa, cây nigrodha và cây kapitthana. Khu ẩn cư của tôi là như thế ấy. Tôi cùng với các người học trò của mình đã cư ngụ tại nơi ấy. 3763. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi tâm câu sự yên tinh đã đi đên gân khu ân cư của tôi. 3764. Khi đấng Đại Hùng Anomadassī có danh vọng lớn lao đã đi đến gần, bỗng nhiên có căn bệnh về gió đã phát khởi đến đấng Bảo Hộ Thế Gian. 3765. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian trong lúc đang đi lang thang ở khu rừng. Tôi đã đi đến gần đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao. 3766. Ngay sau khi nhìn thấy cử chỉ [của Ngài], khi ấy tôi đã nhận ra rằng: "Không còn nghi ngờ gì nữa, có cơn bệnh đã nảy sanh đến đức Phật của chúng ta." 3767. Toi đã tức tốc đi về khu ẩn cư, ở chỗ các người học trò của tôi. Có ý đinh bào chế thuốc chữa bệnh, khi ấy tôi đã triệu tập các người học trò lại.

4 Padumakūtāgāriya nghĩa là "vj liên quan đến ngôi nhà mái nhọn (kūtāgāra) bằng bông sen hồng (padumă)y

3768. Tuân theo lời nói của tôi, các người học trò, tất cả đều có lòng kính trọng, đã tụ tập lại một chỗ do sự tôn kính đối với bậc Đạo sư của tôi. 3769. Sau khi cáp tóc trèo lên núi và mang vê tát cả các loại thu6c, tôi đã bào chế loại nước hỗn hợp và tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 3770. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ dụng, cơn [bệnh] gió của đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ đã mau chóng được đạp tắt. 3771. Sau khi nhìn thấy sự khó chịu đã được êm dịu, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Anomadassĩ đã ngôi xuống ở chô ngôi của mình và đã nói lên những lời kệ này: 3772. "'Người nào đã dâng cúng thuốc chữa bệnh đến Ta và đã làm êm dịu cơn bệnh của Ta, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 3773. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, ở tại nơi ấy, người này sẽ luôn luôn vui thích các nhạc cụ được trình tấu. 3774. Sau khi đi đến thế giới loài

người, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 3775. Vào kiếp thứ năm mươi lăm, [người này] sẽ là vi Sát-đê-lỵ tênAnoma, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu. 3776. Là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao, [người này] sẽ làm chấn động luôn cả cõi trời Đạo-lợi và sẽ được thiết lập làm VỊ chúa te. 3777. Trở thành vị thiên nhân hay là người [nhân loại], [người này] sẽ ít bệnh tật. Sau khi xa lìa sự bám víu [của gia đình], [người này] sẽ vượt qua căn bệnh [phiền não] ở thế gian. 3778. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3779. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niêt- bàn không còn lậu hoặc. 3780. Sau khi thiêu đốt các phiền não, [người này] sẽ vượt qua dòng chảy tham ái, và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Bakkula. 3781. Biết rõ toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế t6i thắng." 3782. Đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi xem xét vê sự độc cu, đã đi đên gân khu ân cư của tôi. 3783. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến gân, được tinh tín, tôi đã tự tay mình làm toại ý Ngài băng mọi thứ dược phàm. 3784. Việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đây là sự thành tựu về hạt

giống ở phước điền màu mỡ, bởi vì từ khi việc của tôi đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bao giờ có thể bị hao hụt. 3785. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, là việc toi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động. 3786. Sau khi biết rõ về tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã thiết lập tôi vào vi thế tối thắng. 3787. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đay vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc chữa bệnh. 3788. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3789. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bakkula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Bakkula" là phần thứ sáu.

397. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GIRIMẢNANDA (Girimānandattherāpadānam) 3791. Người vợ của tôi đã qua đời. Con trai tôi [đã chết] được đưa đến bãi tha ma. Mẹ, cha và anh trai [của tôi đang] được thiêu chung một giàn hỏa thiêu. 3792. Bị nung nấu bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã trở nên gầy ốm, vàng vọt. Bị dày vò bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã có sự rối loạn tâm trí. 3793. Bị khổ sở bởi mũi tên sầu muộn, tôi đã đi vào bên trong khu rừng. Tôi ăn trái cây đã được rụng xuông và cư ngụ ở góc cây. 3794. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng, có ý đinh tiếp độ tôi, Ngài đã đi

đến gần chỗ của tôi. 3795. Nghe được tiếng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha, tôi đã ngẩng đầu lên, ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí. 3796. Đấng Đại Hùng đã ngự đến, niềm phỉ lạc đã sanh khởi ở tôi. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy, khi ấy tâm trí của tôi đã được tập trung lại. 3797. Sau khi đạt được niệm trở lại, tôi đã dang cung nắm lá cây. Đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng đã ngồi xuống ở tại nơi ấy. 3798. Sau khi ngồi xuống ở tại nơi ấy, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã thuyết giảng giáo pháp xua đi mũi tên sầu muộn cho tôi rằng:

3799. "Không được mời mọc, từ nơi ấy họ đã đi đến. Không được cho phép, từ nơi đây họ đã ra đi. Họ đã đi đến như thế nào thì họ đã ra đi như thế ấy; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy? 3800. Cũng gi6ng như những người bộ hành vào lúc cơn mưa đang đổ xuống, do việc đo xuống của cơn mưa, họ đi đến chỗ có sự tốt đẹp [để trú mưa]. 3801. Và khi cơn mưa đã tạnh, họ tự động ra đi theo như ý thích. Mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy? 3802. Các người lữ hành là những người khách có tính chất dao động, chuyển động, rung động, mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy? 3803. Cũng giống như loài rắn quăng bỏ lớp da già cỗi rồi đi đến lớp da [mới], tương tợ như thế, mẹ và cha của ngươi đã bỏ lại xác thân ở nơi dây." 3804. Hiểu được lời nói của đức Phật, tôi đã lìa bỏ mũi tên sầu muộn. Sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 3805. Sau khi đã đảnh lễ bậc Long Tượng, tôi đã cúng dường bó hoa giri có được hương thơm của cõi trời đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. 3806. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Trong lúc tưởng nhớ đến các đức hạnh cao cả, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thê Gian rang: 3807. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Toàn Iri? đấng Lãnh Đạo Thế Gian, Ngài đã vượt qua. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài tiếp độ t& cả chúng sanh bằng trí tuệ. 3808. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã cắt đứt sự hoài nghi cũng như sự lưỡng lự. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài đã sắp xếp đạo lộ cho con bằng trí tuệ của Ngải. 3809. Các bậc A-la-hán đã đạt đến sự thành tựu, có sáu thắng trí, có đại thần lực, là các bậc trí tuệ có sự du hành ở không trung ngay lập tức tháp tùng theo. 3810. Có các vị Thinh văn, là các bậc Hữu học đang thực hành và có các bậc đã trú vào quả vị A-la-hán. Các vị Thinh văn của Ngài nở rộ như đóa sen hong vào lúc mặt trời mọc. 3811. Bạch đang Hữu Nhãn, giông như đại dương là không bi suy suyễn, không thể ước lượng, khó mà vượt qua, tương tợ y như vậy9 được hội đủ về trí tuệ, Ngài là bậc vo lượng.^ 3812. Sau khi đảnh lễ đấng Chiến Thắng Của Thế Gian, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao, trong khi lễ bái các phương tôi đã cúi mình ra đi. 3813. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ, có sự nhận biết, có niệm. 3814. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có sự nhiệt tâm, cẩn trọng, chứng thiền, có sự yên tịnh là hành xứ. 3815. Sau khi đã khăng quyêt vê sự nô lực, sau khi đã làm vui lòng bậc Đại

Hiên Trí, tôi thường xuyên đi đó dây, tợ như mặt trăng đã được thoát khỏi đám mây dày đặc. 3816. Tôi gắn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3817. [Kể từ khi] tôi đã cúng đuờng đức Phật [trước đây] ba mươi ngàn kiep, toi không con biêt đen kho canh; điêu nay la qua bao cua việc cung dường đức Phật. 3818. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3819. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3820. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Girimânanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Girimânanda59 là phần thứ bảy.

398. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SALALAMANDAPIYA (Salalamandapiyattherāpadānam) 3821. Khi [đức Phật] Kakusandha, vi Bà-la-môn hoàn hảo đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che. 3822. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đạt được cung điện tối thượng, tôi vượt trội chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 3823. Dâu là ban ngày hay ban đêm, trong khi đang đi kinh hành và đứng lại, tôi được che bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 3824. Ngay chính trong kiếp này [kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 3825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Salalamandapiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Salalamandapiya" là phần thứ tám. 5 Salalamandapiya nghĩa là <4vị liên quan đến mái che (rnandapd) bông hoa salala."

399. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SABBADÃYAKA (Sabbadāyakattherapadānam) 3828. Chỗ cư ngụ của tôi đã khéo được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được tạo lập, được líu lo bởi loài ngỗng đỏ. 3829. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ấy có bên nước cạn xinh xăn làm thích ý. 3830. [Dòng sông] chứa đầy dẫy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v... 3831. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvamjīvaka. 3832. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm ầm ĩ, có nhiều chim cú và loài piñgala, được đay đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai. 3833. Tất cả các cây đều làm bằng vàng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thắp sáng chỗ tru ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm. 3834.

Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quây quần bên tôi. 3835. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [và đi đến gặp] đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy. 3836. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian śumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận. 3837. Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiền Trí đã cho giải tán. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã đi về chỗ cư ngụ của tôi. 3838. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: "Vào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này]. Tất cả các người hãy tụ hội lại." 3839. [Họ đã đáp rằng:] "Việc chúng tôi sống thân cận với Ngài là điều lợi ích cho chúng tôi, là điều đã được thành đạt tốt đẹp cho chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ thực hiện việc cúng dường đến bậc Đạo Sư? đức Phật tối thượng?9 3840. Sau khi sắp đặt thức ăn và nước uống, tôi đã thông báo về thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. 3841. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống ở chiếc ghế làm toàn bằng vàng. 3842. Khi ấy, đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng ở phía trên, có những cái quạt quạt gió ở phía bên trong của hội chúng Tỳ-khưu. 3843. Tôi đã làm toại ý hội chúng Tỳ-khưu với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu mỗi vi một xấp vải đôi.

THÁNH NHÂN KÝ sự 331

3844. Vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian mà mọi người gọi là "Sumedha", sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên lời kệ này: 3845. "Người nào đã làm toại ý Ta và tất cả các vị này với cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3846. Người này sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên một ngàn tám trăm kiêp? và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 3847. Người này sanh lên chôn nào, là bản thê thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng làm toàn bằng vàng che cho người ấy vào mọi lúc. 3848. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3849. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện ve tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết- bàn không còn lậu hoặc. 3850. [Người này] sẽ ngồi xu6ng ở hội chúng Tỳ-khiru và sẽ rống lên tiếng rống của loài sư tử. Nhiều người câm chiếc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] được thiêu ở bên dưới chiếc Iqng.” 3851. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt, ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức. 3852. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo việc dâng cúng mọi thứ. 3853. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3854. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3855. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sabbadãyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Sabbadyaka” là phần thứ chín.

400. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJITA (Afitattherāpadānam) 3856. Sau khi đi sau vào núi Hy-mã-lạp, đang Chiên Thăng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống. 3857. Tôi đã không nhìn thấy bậc Toàn Giác [trước đây] và tôi cũng không được nghe lời đồn đãi. Khi ấy, tôi đi lang thang ở trong rừng, đang tìm kiếm thức ăn cho mình. 3858. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có ba mươi hai hảo tướng. Sau khi nhìn thấy, tôi đã có ý nghĩ rằng: "Người này có tên là gì nhí?"

6 Sabbadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng {dãyako) mọi thứ (sabbā)?

3859. Sau khi xem xét các tướng mạo, tôi đã tưởng nhớ lại vốn hiểu biết của mình; bởi vì điều này tôi đã được nghe các bậc trí tuệ cao niên giảng giải cặn kẽ. 3860. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Theo như lời nói ấy của họ thì người này sẽ là đức Phật. Có lẽ ta nên tôn trọng thì số phận của ta sẽ được sáng siỉa?" 3861. Tôi đã mau chóng đi về lại khu ẩn cư và đã chọn lấy dầu của cây madhu. Tôi đã mang theo một hủ và đã đi đến gặp đang Nhân Ngưu. 3862. Tôi đã cầm lấy cái chạng ba và đã dựng lên ở ngoài trời. Tôi đã thắp sáng cây đèn và đã đảnh lễ tám lần. 3863. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm. Sau đó, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã xuất thiền vào lúc cuối đêm. 3864. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã [trải qua] bảy ngày đêm. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến đức Phật. 3865. Khi ấy, do nhờ oai lực của đức Phật, tất cả các khu rừng được tạo bằng hương thơm, được thấm nhuần hương thơm ở ngọn núi, đã di chuyển đến gần đấng Chiến Thắng. 3866. Các loài thảo mộc mọc ở trên đất thuộc loài có hoa, có hương thơm thì đã được trô hoa. Khi ây, do nhờ oai lực của đức Phật, tát cả đã tụ hội lại. 3867. Cho đến các loài rồng và các loài nhân điểu ở núi Hy-mã-lạp, có ý muốn nghe giáo pháp, cả hai loài ấy đã đi đến gần bên đức Phật. 3868. Vị Sa-môn tên Devala là bậc Thinh văn hàng đầu của đức Phật, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đã đi đến gần bên đức Phật. 3869. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này: 3870. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến Ta, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 3871. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. (Dứt tụng phẩm thứ mười sáu).

3872. [Người ấy] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần, và sẽ cai trị vương quốc rộng lớn ở trái đất bảy trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3873. Do sự dâng cúng cây đèn này, [người ấy] sẽ có thiên nhãn. Người này sẽ luôn luôn nhìn thấy khoảng cách tám kosa7 ở xung quanh. 3874. Trong khi [người này] mệnh chung từ thế giới chư thiên và đang đi tái sanh, sẽ có cây đèn được duy trì ban ngày luôn cả ban đêm [cho người này].

7 Kosa là khoảng cách bằng 500 lần chiều dài của cây cung.

3875. Khi con người có được nghiệp phước thiện đang được sanh ra, thành phố [ở nơi sanh ra] là rộng đến đâu thì sẽ được chói sáng đến dấy. 3876. [Người này] đi tái sanh ở chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, chính nhờ tám phần quả báo của sự dâng cúng cây đèn này, sẽ không ai vượt trội con người này; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 3877. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuat hiện ở thế gian. 3878. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết- bàn không còn lậu hoặc. 3879. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya9 [người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Ajita.” 3880. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp, ở tại nơi ây, toi cũng co mọt trăm cay đen choi sang vao mọi thời diêm. 3881. Các ánh sáng của tôi tỏa ra cho dù ở thế giới chư thiên hay là nhân loại. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt. 3882. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đâu-suất, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Trong khi tôi đang được sanh ra, đã có ánh sáng chan hòa. 3883. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến gặp vi Bâvari và đã trở thành học trò [của vị ấy].8 3884. Trong khi sống ở núi Hy-mã-lạp, tôi đã nghe về đấnệ Lãnh Đạo Thế Gian. Trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã đi đến gặp đang Hướng Đạo. 3885. Đức Phật là bậc đã được rèn luyện, là bậc giúp cho [người khác] rèn luyện, là bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn mầm mống tái sanh. Đức Phật đã thuyết giảng ve Niết-bàn, sự thoát khỏi tất cả khổ đau. 3886. Việc đi đến ấy của tồi đã được thành công bởi vì bậc Đại Hiền Trí đã được vui lòng. Tôi đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật. 3887. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng cây đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn. 3888. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3889. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3890. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ajita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Ajita” là phần thứ mười. 8 Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND)

334 KINH TIỂU Bộ

Phần tóm lược Vi PiḶindivaccha, vị Sela9 vị Sabbakitti, vi dâng cúng mật ong, vị có ngôi nhà mái nhọn, vị Bakkula, vi Girimânanda, vị tên Salala, vị dâng cúng mọi thứ và luôn cả vị Ajita; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm ở đây gồm có năm trăm câu kệ và hai mươi câu thêm vào đó nữa. Phẩm PiḶindivaccha là phẩm thứ bốn mươi bốn.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm Đóa sen hồng luôn cả vị dâng cúng sự bảo vệ, bông hoa ummâ cùng với vi dâng cúng vật thơm và nước, một đóa sen hồng, vị có sự suy tưởng về âm thanh, bông hoa mandârava, vị đảnh lễ cội Bồ-đề? trái cây avanta và vị PiḶindivaccha; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm là một ngàn một trăm và bảy mươi bốn câu kẹ. Nhóm “Mirời” tír phẩm Paduma. Nhóm 4iMot trăm” thứ tư được đầy

đủ.

PHẦN THỨ HAI (DUTIYO BHĀGO)

XLL PHẨM METTEYYA (METTEYYAVAGGOị

401. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TISSAMETTEYYA (Tissametteyyattherâpadãnam) 3891. ở gần đỉnh của sườn núi, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên Sobhita, [chỉ] ăn trái cây đã được rụng xuống và cư ngụ ở trong vùng đôi núi. 3892. Khi ấy, trong lúc tầm cầu mục đh tối thượng về việc đạt đến thế giới Phạm thiên, tôi đã mang lửa và củi lại rồi nhóm lửa. 3893. Có ý muốn tiếp độ tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara ấy, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi. 3894. “Này bậc đại phước, ông đang làm gì vậy? Xin ông hãy cho tôi lửa và củi. Tôi [sẽ] chăm sóc ngọn lửa, nhờ đó tôi sẽ có được sự trong sạch." 3895. "H&i người Nhân Loại, Ngài là bậc Hiền Thiện. Hỡi đấng Thiên Nhân, Ngài biết rõ [sự việc]. Ngài hãy chăm sóc ngọn lửa, lửa và củi của Ngài đây này." 3896. Sau đó, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy gỗ củi và đã nhóm lên ngọn lửa. Gỗ củi [của tôi] ở nơi ấy đã không bốc cháy; [đó là] điều kỳ diệu của bậc Đại Ẩn Sĩ. 3897. "Ngọn lửa của ông không bóc cháy, sự hiên cúng của ông không có, sự hành trì của ông là vô nghĩa. Vậy ông hãy chăm sóc ngọn lửa của Ta.” 3898. uHỡi vị Đại Anh Hùng, ngọn lửa ấy của Ngài được gọi là loại lửa gì? Xin Ngài giảng giải cho tôi, cả hai chúng ta sẽ chăm sóc [ngọn lửa] ấy." 3899. “va sự diệt tận các pháp là nhân tố và về sự tịnh lặng các ô nhiễm, sau khi từ bỏ sự ganh tỵ và bon xẻn; ba việc này là sự cúng hiến của Ta." 3900. “Này vị Đại Anh Hùng, Ngài là hạng người như thế nào? Thưa Ngài, Ngài có dòng dõi thế nào? Sở hành và cách tu luyện của Ngài khiến tôi thích thú vô cùng?5 3901. “Ta được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-lỵ? đã đạt đến sự toàn hảo về thắng trí, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.”

3902. "H&i đấng Phát Quang, hỡi vị Xua Tan Tăm Tối, hỡi bậc Thiên Nhân, nếu Ngài là đức Phật, đấng Toàn Tri, là bậc Đoạn Tận Khổ Bau, tôi sẽ lễ bái Ngài." 3903. Tôi đã trải ra tấm da dê và đã dâng cúng chỗ ngồi: “Hối đấng Bảo Hộ, hỡi bậc Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống. Tôi sẽ phục vụ Ngài/5 3904. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống tại chỗ ấy, trên tấm da dê đã khéo được trải rộng. Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã đi đến ngọn núi. 3905. Và tôi đã chất trái cay tinduka đầy túi đựng vật dụng rồi mang về. Tôi đã trộn trái cây với mật ong rồi dâng lên đưc Phật 3906. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, trong khi ngắm nhìn bậc Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã khiến tâm được tịnh tín. 3907. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi ở khu ẩn cư của tôi và đã nói lên những lời kệ này: 3908. "Người nào [với tâm] tịnh tín tự tay mình làm Ta được thỏa mãn với trái cây, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3909. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 3910-11. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, cơm ăn, nước uống, vải vóc và chỗ nằm vô cùng giá trị, biết được ước muốn của người ấy ngay lập tức sẽ sanh lên cho người ấy là người đã có nghiệp [thiện] trong quá khứ. Và người này sẽ luôn luôn được vui vẻ,

không có tật bệnh. 3912. Chốn nào người ấy sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, người ấy sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi roi sẽ đi đến bản thể nhân loại. 3913. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà? người ấy sẽ đi đến với bậc Toàn Giác và sẽ trở thành bậc A-la-hán.” 3914. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được hiểu biết, tôi không có sự thiểu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 3915. Tôi đã đạt được giáo pháp cao quý, đã tiêu diệt tham ái và sân hận, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3916. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3917. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3918. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tissametteyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĐÍKý sự về Trưởng lão Tissametteyya99 là phần thứ nhất.

THÁNH NHÂN KÝ sự 337

402. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNAKA (Punnakattherāpadānam) 3919. ở gần đỉnh của sườn núi, có đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại cư ngụ ở trong vùng đồi núi. Đức Phật đáng kính bị lâm bệnh. 3920. Cho đến lúc ấy, đã có tiếng động ở vùng lân cận khu ẩn cư của tôi. Trong khi đức Phật đang [viên tịch] Niết-bàn? có ánh sáng đã xuất hiện. 3921. Từ loài gấu, chó sói, linh cẩu, cọp và sư tử ở trong cụm rừng già cho đến toàn bộ [thú rưng] đã rống lên. 3922. Sau khi nhìn thấy hiện tượng bất thường ấy, tôi đã đi đến ngọn núi. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Giác Ngộ, bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt. 3923. Bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt ví như là cây sãla chúa đã được trổ hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên, như là đống than đã tàn ngọn lửa. 3924. Sau khi gom đầy cỏ và củi, tôi đã tạo dựng giàn hỏa thiêu ở tại nơi ấy. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được tạo dựng, tôi đã thiêu đốt thi thể. 3925. Sau khi thiêu đốt thi thể, tôi đã rưới nước thơm. Ngay khi ấy, có con dạ-xoa đứng ở trên không trung đã đặt tên [cho tôi] rằng: 3926. “Này vị hiền trí, công việc đối với bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Tự Chủ đã được ông làm đầy đủ, vậy ông hãy luôn luôn có tên là Puụụaka.m 3927. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tại nơi ấy, có hương thơm bằng chất liệu thuộc cối trời tỏa ra ở không trung. 3928. Cũng ở tại nơi đó, khi ấy tên gọi của tôi đã là "Puụụaka". Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đều làm tròn đủ ý định [của mình]. 3929. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Cũng ở nơi đây, tên Punnaka được công bố là tên gọi [của tôi]. 3930. Sau khi đã làm hài long đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 3931. Kể từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của công việc [hỏa táng] thi thể. 3932. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3933. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3934. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy

của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Punnaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Punnaka^ là phần thứ nhì. Punnaka nghĩa là 44người đã làm đầy du".

338 KINH TIẾU BÔ

403. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO METTAGŨ (Mettaguttherãpadãnam) 3935. ở không xa núi Hy-mã-lạp5 có ngọn núi tên làAsoka. Tại nơi ấy, khu ẩn cư của tôi đã được hóa hiện ra bởi vi trời Vissakamma. 3936. Bậc Toàn Giác cao cả, đấng Đại Bi, bậc Hiền Trí tên Sumedha, vào buổi sáng, sau khi mặc y đã đi đến tôi để khất thực. 3937. Khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hung Sumedha đi đến, tôi đã nhận lấy bình bát của đấng Thiện Thệ và đã chứa đầy với bơ lỏng và dầu ăn. 3938. Sau khi đã dâng cúng đức Phật tối thượng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chắp tay lên và đã khởi lên niềm vui dào dạt: 3939. "Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, mong sao cho tôi đạt được sự an lạc sung mãn. 3940. Mong sao cho tôi lánh xa chốn đọa đày trong khi luân hồi cõi này cõi khác. Mong sao cho tôi khẳng định được tâm về điều ấy và đạt được vị thế bất dong?9 3941. "Này người Bà-la-môn, điều lợi ích cho ngươi đã được ngươi đạt thành một cách tốt đẹp, là việc ngươi đã nhìn thấy Ta. Sau khi đi đến gặp Ta, ngươi sẽ trở thành vị A-la-hán. 3942. Sau khi đạt đến thành công lớn, ngươi hãy tự tin, chớ lo sợ. Bởi vì sau khi bố thí bơ lỏng đến Ta, ngươi được hoàn toàn giải thoát khỏi sự [tái] sanh. 3943. Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý? dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, ngươi sẽ đạt được sự an lạc sung mãn. 3944. Do sự bố thí bơ lỏng này và do sự hành trì tâm từ ái, ngươi sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp. 3945. Và ngươi sẽ trở thành vị Thiên vương ba mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 3946. Và ngươi sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần, là người chinh phục bốn phương, là đấng chúa tể của vùng đất Jambu. 3947. Tợ như đại dương là không bị xao động, giống như trái đất là khó mang vác, và tương tợ y như thế, của cải thuộc về ngươi sẽ là vô lượng." 3948. Sau khi từ bỏ sáu mươi koti (sáu trăm triệu) tiền vàng, tôi đã xuất gia. Trong khi tầm cầu điều tốt đẹp gì mà tôi đã đi đến với Bâvari?23 3949. Tại nơi ấy, tôi học tập các chú thuật và sau phần về tướng số. "Bạch đấng Đại Hiền Trí,3 trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy Ngài đã hiện khởi. 3950. Bạch đấng Đại Hiền Trí, có sự ước muốn về việc nhìn thấy Ngài con đã đi đến. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, con đã đạt đến vị thế bất dong?5

2 Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND) 3 Lúc này là lời đối thoại với đức Phật Gotama. (ND)

THÁNH NHÂN KÝ sự 339

3951. Tôi đã dâng cúng bơ lỏng đến đức Phật trong ba mươi ngàn kiếp. Trong khoảng thời gian ấy, tôi không biết rõ lượng bơ lỏng đã được tôi dâng cúng. 3952. Hiểu được ý định của tôi, biết được tâm tư của tôi, [mọi vật] đã được sanh lên, đã được tạo ra theo như ước muốn. Tôi được thỏa mãn về mọi thứ. 3953. Ôi, đức Phật! ôi, giáo pháp! Ôi, sự

thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Bởi vì sau khi dâng cúng chỉ chút ít bơ lỏng, tôi đạt được vô lượng. 3954. Cho đến nước trong đại dương được nhìn thấy từ núi Neru so sánh với bơ lỏng của tôi thì không chạm đen được phan chia của một góc [bơ lỏng của tôi]. 3955. Cho đến số lượng của vũ trụ đang được hình thành, khoảng không gian ấy không sánh bằng các tấm vải đã được sanh lên cho tôi. 3956. Núi chúa Hy-mã-lạp cũng chính là ngọn núi hàng đầu sẽ không là sự so sánh đối với vật thơm đã được thoa cho tôi. 3957. [Toi đã đạt được] vải vóc, vật thơm, bơ lỏng, thức ăn, và ở kiếp hiện tại này là Niết-bàn không còn tạo tác; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng. 3958. [Tôi có được] sự trú vào các thiết lập niệm, có hành xứ về thiền định, có sự thọ hưởng các chi phần giác ngộ ở ngày hôm nay; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng. 3959. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 3960. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3961. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mettagũ4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Mettagũ^ là phần thứ ba.

404. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHOTAKA (Dhotakattherãpadãnam) 3962. Sông Gañgā có tên là Bhāgīrathī được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp, lúc bây giờ chảy dọc theo cửa khâu của [thành phô] Hamsavatī. 3963. Tu viện tên là Sobhita đã khéo được tạo lập ở cạnh bờ sông Gañgā. Đức Phật Padumuttara, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cư ngụ tại nơi ấy. 3964. Như là vị [Chúa trời] Inda với chư thiên cõi Đạo-lợi, đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy phía trước đám người tợ như con sư tử không bi hãi sợ. 3965. Tôi là vị Bà-la-môn sốnệ ở thành phố Hamsavatī có tên là ChaỊaốga. Tôi là vi đại hiền trí có tên như the.

4 Mettagũ nghĩa là "người đã đạt đến (gw) tâm từ ái (mettā)'

3966. Khi áy, có một ngàn tám trăm người theo tôi. Được tháp tùng bởi những người học trò ấy, tôi đã đi đến bờ sông Gañgā. 3967. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy các vi Sa-môn không giả dối, có các tội lỗi đã được gội rửa, đang băng qua sông Bhāgīrathī. Tôi đã tức thời suy nghĩ như vầy: 3968. "Những người con trai có danh tiếng lớn lao này của đức Phật trong khi sáng chiều băng qua [sông] khiến bản thân bi khó khăn, bản thân của họ bị hành hạ. 3969. Đức Phật được gọi là vị Cao Cả Của Thế Gian luôn cả chư thiên, [vậy mà] ta không có hành động cúng dường, là việc làm trong sạch con đường đi đến các cảnh giới tái sanh. 3970. Hay là ta nên cho thực hiện cây cầu ở sông Gañgā [dâng] đến đức Phật Tối Thượng? Sau khi cho thực hiện việc làm này, ta [sẽ] vượt qua sự hiện hữu nay?9 3971. Trong khi tin tưởng rằng: ctHành động được làm sẽ có [kết quả] dồi dào cho ta", tôi đã bô thí một trăm ngàn và đã cho xây dựng cây câu. 3972. Sau khi đã cho xây dựng cây cầu ấy, tôi đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi chắp tay lên ở đầu, tôi đã nói lời nói này: 3973. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, cây cầu lớn này đã được làm hết một trăm ngàn và đã được con bảo làm vì lợi ích của Ngài, xin Ngài thọ nhận?5

3974. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 3975. "Người nào được tịnh tín đã bảo thực hiện cây câu cho Ta với các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 3976. Dâu cho bị rơi xuống từ vực thăm, từ n^ọn núi, hoặc từ thân cây, thậm chí bị chết đi, người này sẽ đạt được vị the; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cau. 3977. Các kẻ thù không áp chế được, ví như cơn gió không áp chế được cây đa có mạng rễ đã được phát triển; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu. 3978. Các kẻ cướp không áp chế người này, các vị Sát-đế-lỵ không khinh bỉ, người này thoát khỏi tất cả kẻ thù; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cau. 3979. Khi hiện diện ở ngoài trời [và] bị thiêu đốt bởi sức nóng dữ dội, [do] được gắn liền với nghiệp phước thiện, các cảm thọ sẽ không có. 3980. ở thế giới chư thiên hoặc loài người, sau khi biết được ước muốn của người ấy, phương tiện di chuyển bằng voi sẽ được hóa hiện ra, sẽ được tạo ra ngay lập tức. 3981. Một ngàn con ngựa giống Sindhu có tốc độ của gió là phương tiện di

chuyên nhanh chóng sẽ đi đên sáng chiêu; điêu này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu. 3982. Sau khi đi đên bản thê nhân loại, người này sẽ được sung sướng. Ngay cả ở đây cũng sẽ có phương tiện di chuyển bằng voi cho chính con người ấy. 3983. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 3984. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết- bàn không còn lậu ho/c." 3985. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến vi [Phật] tên Padumuttara! Sau khi thể hiện sự tôn kính đến vị ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. 3986. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mông tái sanh. Sau khi cát đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 3987. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 3988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 3989. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhotaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Dhotaka" là phần thứ tư.

405. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPASIVA (ưpasivattherãpadãnam) 3990. ở không xa núi Hy-mã-lập? có ngọn núi tên là Anomaṃ có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập. 3991. Và con sông chảy qua nơi ây có bên nước cạn xinh xăn làm thích ý. Và đọc theo bên nước cạn ây, có nhiêu sen hông sen xanh mọc lên. 3992. Có các loài cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muflja và cá rohita. Con sông nhỏ, chứa đầy dẫy những cá và rùa, luôn luôn trôi chảy. 3993. ở nơi ấy, các loài hoa timira, hoa asoka, hoa khuddamālaka, hoa nguyệt quê, hoa nguyệt quê núi đã được nở rộ tỏa hương đên khu ân cư của tôi. 3994. ở nơi ấy, loài hoa kūtaja và các rừng hoa nhài được nở rộ. ở nơi ấy, có nhiều cây sāla, cây salala và cây campaka

được nở rộ. 3995. Các loài cây ajjuna, cây atimutta và cây mahānāma được nở rộ và loài cây asana có hương thơm ngọt ngào, chúng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

5 Dhotaka nghĩa là ungười đã được gội rửa (dhotā)y

3996. Các loại cây uddālaka, cây pātalika, cây yūthika, cây piyañguka và cây bimbijālaka bao phủ ở xung quanh nửa do-tuan. 3997. ở nơi ấy, có nhiều loại cây mātañgava, cây sattali, cây pātalī, cây sinduvāraka, cây añkolaka và cây tālakūta được nở rộ hoa. 3998. ở nơi ấy, có nhiều cây cánh kiến trắng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. Trong khi những cây này đang nở rộ hoa, nhiều cây trở nên rực rỡ. Khu ẩn cư của tôi tỏa ra với hương thơm ấy ở xung quanh. 3999. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa. 4000. Và ở nơi ấy có những loại trái cây như trái tinduka, trái piyāla, trái cam thảo, trái kāsumārī, trái mít, trái sa-ke? trái chuối, trái badarī. 4001. ở nơi ấy, có nhiều trái cây ambātaka và trái cây vallikāra. Các cây bījapūra và cây sapāriya được kết trái ở khu ẩn cư của tôi. 4002. Từ nơi ấy có nhiều trái cây như trái ālaka, trái isimugga và trái moda bao phủ, đã chín tới và trĩu nặng. Và có các trái cây như trái vả và trái sung. 4003. ở nơi ấy, có nhiều trái ớt, trái tiêu, trái đa, trái táo rừng, trái sung và trái pāriya đã chín một phần. 4004. Và có nhiêu loại cây này và loại cây khác đã két trái ở khu ân cư của tôi. Cũng có nhiều cây có bông hoa đã đơm hoa ở khu ẩn cư của tôi. 4005. Các loài thảo mộc như là āluva, kalamba, bilālī, takkala, ālaka, luôn cả tālaka đêu được tìm thây ở khu ân cư của tôi. 4006. ở không xa khu ẩn cư của tôi [đã] có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, có nước trong, có nước mát, có ben nước cạn xinh xắn, làm thích ý. 4007. ở nơi ấy, có nhiều sen hồng, sen xanh, kết hợp với sen trắng, được che phủ bởi những cây mạn-đà-la, tỏa ra với nhiêu hương thơm khác loại. 4008. Có những đóa sen hồng đang tượng hinh, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, có nhiều đóa có các cánh hoa rũ xuống trở thành những gương sen. 4009. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen, chúng tỏa ra nhiều hương thơm khác loại [hòa quyện] với hương thơm ấy ở xung quanh. 4010. Có nhiều bông súng trắng và mùi thơm của xoài thoảng qua được nhận biết. ở kế bờ hồ nước thiên nhiên, có nhiều cây dừa dại được đơm bông. 4011. Có các cây bandhiijīva khéo nở rộ hoa và các cây setavārī có hương thơm ngát. Có các con cá sâu loại kumbhīla, loại sumsumāra và loại gahaka được sanh ra ở tại nơi ấy. 4012. Có nhiều mãng xà là loài thú kiếm mồi trong hồ nước thiên nhiên ở tại nơi ấy. Và có các loài cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. 4013. Có đầy dẫy các loài cá, các con rùa và các con rái cá nữa. Và có các con chim bồ câu, các con ngỗng trời, các con gà rừng và các loài sống ở sông.

4014. Có nhiều chim le le, ngỗng đỏ, chim campaka, chimjīvajīvaka, chim kalandaka, chim ưng, chim diều hâu và chim uddhara. 4015. Có nhiều chim kotthaka, chim sukapota, loài cua, loài bò rừng, loài thú kārenī và loài thú tilaka sông nương nhờ hô nước ây. 4016. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, các loài khỉ và luôn cả loài

Kim Si điểu được nhìn thấy ở khu ẩn cư của tôi. 4017. Trong khi ngửi các hương thơm ây, trong khi ăn các thứ trái cây [áy] và trong khi uống nước có hương thơm [ấy], tôi sống ở khu ẩn cư của tôi. 4018. Có các con sơn dương, nai, heo rừng, hươu, các loài có dáng vóc nhỏ bé, và luôn cả các con đom đóm có ánh sáng sống ở khu ẩn cư của tôi. 4019. ở nơi ấy có nhiều chim thiên nga, chim cò, chim công, chim sáo, chim cu, chim mafijarikā, chim cú mèo và chim gõ kiến. 4020. Có nhiều loài yêu tinh, loài người khổng lồ, và luôn cả loài quỷ sứ, loài quỷ dữ, loài nhân điểu, và luôn cả các loài bò sát sống ở khu ẩn cư của tôi. 4021. Có nhiều vi ẩn sĩ có đại oai lực, có tâm thanh tịnh, được định tinh, tất cả đều mang bầu nước, có y choàng là tấm da dê, các vị mang búi tóc rối ấy sông ở khu ân cư của tôi. 4022. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cày, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, hài lòng với việc có hay không có, sống ở khu ẩn cư của tôi. 4023. Được hỗ trợ bởi các năng lực của bản thân, các vị ấy luôn luôn di chuyển ở không trung, [vừa đi] vừa phất phơ bộ y phục vỏ cây, vừa kềm giữ tấm y da dê. 4024. Các vi ấy không mang theo nước, củi gỗ, hoặc củi nhóm lửa, và các vị ây đã tự thân đạt được [các thứ áy], điêu này là quả báo của phép kỳ diệu. 4025. Sau khi nhận lấy cái máng bằng kim loại, các vị ấy sống ở giữa rừng ví như những con voi dòng long tượng, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. 4026. Một số vị đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số vị khác đi đến Đông Thắng-thần châu, và một số vị khác đi đến Bắc Cu-lô châu tùy theo năng lực của tự thân. Sau khi mang lại vật thực từ các nơi ấy, các vị thọ thực chung. 4027. Khi ây, trong lúc tát cả các vị có oai lực nôi bật như thê ây đang ra di, khu rừng được rộn ràng bởi âm thanh bộ y bằng da dê của [các vị]. 4028. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, các vị như thế ấy là những người học trò có sự khổ hạnh nổi bật của con. Được tùy tùng bởi các vị ấy, con sống ở khu ẩn cư của con. 4029. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, các vị này đã cùng nhau tụ hội và cũng đã được huân luyện. Là những người có sự mong mỏi vê việc làm của bản thân, có giới hạnh, cẩn trọng, rành rẽ về các pháp vô lượng tâm, họ đã làm con hài long?9

4030. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hướng Đạo sau khi nhận biết thời điểm đã đi đến. 4031. Sau khi đi đến, đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí, vi Có Sự Nhiệt Tâm, Cẩn Trọng đã ôm lấy bình bát; rồi đấng Toàn Giác đã đến gần tôi để khất thực.

ĩ 4032. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Padumuttara đã đi đến, tôi đã sắp r r y xép tâm thảm cỏ và đã rải rác băng các bông hoa sãla. 4033. Tôi đã thỉnh đấng Toàn Giác ngồi xuống. Trở nên mừng rỡ9 với tâm ý đã được kích động, tôi đã mau chóng leo lên ngọn núi và đã thâu nhặt gỗ trầm hương. 4034. Sau khi hái trái mít có kích thước bằng bầu nước, có hương thơm cõi trời, tôi đã đặt ở trên vai rồi đã đi đến gần đấng Hướng Đạo. 4035. Sau khi đã dâng trái cây đến đức Phật, tôi đã thoa trầm hương. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 4036. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở giữa những vị ẩn sĩ và đã nói những lời kệ này: 4037. "Người nào đã dâng cúng trái cây, trầm hương và chỗ ngồi đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 4038. Cho dầu ở

làng hoặc ở rưng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, vật thực sẽ hiện ra đúng theo tâm [ước muốn] của người này. 4039. Được sanh lên ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, người nam này sẽ làm thỏa mãn nhóm tùy tùng với các thức ăn và với các loại vải vóc. 4040. Chôn nào được sanh lên là bản thê thiên nhân hay loài người, sau khi có được của cải không bị suy suyển, người nam này sẽ luân hồi. 4041. Người này sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiêp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 4042. Và người này sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4043. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkẩka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 4044. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ây? là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc.^ 4045. Điều lợi ích được thành tựu một cách tốt đẹp đã được thành tựu đến tôi, là việc tôi đã được nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi đã thành tựu tam minh, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 4046. Cho dầu ở làng hoặc ở rừng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, sau khi biết được tâm của tôi, vật thực luôn luôn hiện đến cho tôi. 4047. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4048. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upasỉva đã nói lên những lời kệ này như thê ây. 66Ký sự về Trưởng lão Upasiva" là phần thứ năm.

406. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (Nandakattherāpadānam) 4050. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng rậm hoang dã. Trong lúc tìm kiếm thú rừng là loài nai, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ. 4051. Bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Anuruddha. Khi ấy, có ước muốn độc cu, bậc Trí Tuệ ấy đã đi sâu vào trong khu rưng. 4052. Tôi đã cầm lấy bốn cây gậy rồi đã đặt ở bốn vị trí. Sau khi thực hiện mái che đã được làm khéo léo, tôi đã phủ lên bằng những đóa hoa sen. 4053. Sau khi đã lợp xong mái che, tôi đã đảnh lễ đấng Tự Chủ. Tôi đã quăng bỏ cây cung ngay tại chỗ ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4054. Được xuất gia không bao lâu, bệnh tật đã khởi lên cho tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây rồi đã qua đời ở tại nơi ấy. 4055. Được gắn liền với nghiệp trước đây, tôi đã đi đến cõi trơi Đẩu-suất. ở tại nơi ấy, có cung điện bằng vàng được tạo ra theo như ước muốn. 4056. Tôi đã chú nguyện vê phương tiện di chuyên ở cõi trời là chiêc xe đã được buộc vào một ngàn con ngựa. Sau khi bước lên chiếc xe ấy, tôi ra đi theo như ước muốn. 4057. Từ đó, trong khi tôi là vị thiên nhân và trong khi tôi được đưa di, có chiếc lọng được che cho tôi ở xung quanh một trăm do-tuần. 4058. Tôi nằm ở cái giường thường xuyên được lót bằng bông hoa. Và có các đóa hoa sen từ trên không trung liên tục rơi xuống. 4059. Khi ảo ảnh [ở mắt] đang lung linh và sức nóng đang thiêu đốt, sức nóng

đã không làm tôi bị nóng bức; điều này là quả báo của mái che. 4060. Trong khi vượt qua khổ cảnh, các địa ngục đã đóng lại đối với tôi. ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức. 4061. Sau khi chú nguyện sự niệm tưởng về đất, tôi băng qua nước biển mặn, việc làm của tôi đây đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4062. Thậm chí không có con đường, tôi tạo ra con đường, tôi đi bằng

đường không trung, ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4063. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tinh, tất cả các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4064. Cuộc sống trước đây đã được buông bỏ, tôi là Tỳ-khưu của đức Phật và là người thừa tự Chánh pháp; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phật. 4065. Tôi đã làm hài lòng đấng Thiện Thệ Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakyā. Tôi là ngọn cờ của giáo pháp, là người thừa tự giáo pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4066. Tôi đã hầu cận đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakyā và đã hỏi đấng Lãnh Đạo Thế Gian về đạo lộ đi đến bờ kia. 4067. Được yêu cầu, đức Phật đã thuyết giảng về đạo lộ thâm sâu vi tế. Sau khi lăng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đên sự diệt tận các lậu hoặc. 4068. Oi, việc làm của tôi đã đirợc thực hiện tốt đẹp! Tôi đã được giải thoát khỏi sự sanh, đã được đoạn tận tát cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 4069. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4070. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nandaka^ là phần thứ sáu.

407. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO HEMAKA (Hemakattherāpadānam) 4072. Vào lúc bấy giờ, có vị đạo sĩ khổ hạnh tên là Anoma đã tạo lập khu ẩn cư được xây dựng khéo léo ở gan chóp đỉnh của sườn núi và đã sống ở gian nhà rộng bằng lá. 4073. Sự thực hành khổ hạnh của vị ấy đã được thành tựu. Được đát đến sự thành tựu về các năng lực của bản thân, vi hiền trí có sự nhiệt tâm. cẩn trọng. .2 (9^ • • • • J đang tiên đên bản thê Sa-môn của chính mình. 4074. [Vi áy] tự tin ở giáo lý của mình và rành rẽ vê học thuyêt của người khác, được noi tiếng ở trên trời dưới đất và rành rẽ ve điêm báo hiệu. 4075. Vi hiền trí không còn sầu muộn, không giết hại, [thọ] chút ít vật thực, khôn^ tham lam, hài lòng với việc có hay không có, chứng thiên, thỏa thích về thiên.

4076. Bậc Toàn Giác cao cả, đấng Bi Man, bậc Hiền Trí tên Piyadassĩ, có ước muốn giúp cho chúng sanh vượt qua, khi ấy Ngài đã lan tỏa với tâm bi mẫn. 4077. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ vẫn đi đến dẫu cho [khoảng cách là] một ngàn vũ trụ, và bậc Hiền Trí giáo giới [người ấy]. 4078. Có ý muốn

tiếp độ toi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. Tôi chưa từng nhìn thấy đấng Chiên Thắng trước đây, và cũng chưa từng được nghe từ bất cứ ai. 4079. Tôi hiểu biết rành rẽ về các điềm báo hiệu, các mộng mị và các tướng mạo. Tôi được nôi tiêng vê thiên văn địa lý và rành rẽ vê thuật chiêm tinh. 4080. Tại đó, sau khi lắng nghe đức Phật, tôi đây đã làm cho tâm được tịnh tín. Trong khi ăn hoặc trong khi ngồi xuống, tôi thường xuyên nhớ lại. 4081. Khi tôi nhớ lại như vậy, đức Thế Tôn cũng đã tưởng nhớ lại. Trong khi tưởng nhớ đến đức Phật, tôi có được phỉ lạc ngay lập tức. 4082. Và đã xảy ra một lần khác nữa, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi. Tôi cũng không biết về người đã đi đến: “Vi này là đức Phật, bậc Đại Hiên Trí.,, 4083. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ đã tỏ rỡ về bản thân rằng: “Ta là đức Phật [ở thế gian] gồm luôn cả chư thiên.,, 4084. Sau khi nhận ra đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí Piyadassí, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín rồi đã nói lời nói này: 4085. "Nhũng người khác tự ngồi xuống ở ghế đẩu, ghế bành và các ghế dài. Còn Ngài là đấng Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống chỗ ngồi bằng châu bau.^ 4086. Ngay khi ấy, tôi đã hóa hiện ra chiếc ghế đẩu toàn bộ làm bằng châu báu và đã dâng lên bậc Hiền Trí Piyadassĩ [chiếc ghế] đã được hóa hiện ra bằng thần thông. 4087. Và khi Ngài đã ngồi xuống trên chiếc ghế đẩu bằng châu báu đã được hóa hiện ra bằng than thông, tôi đã tixc thời dâng đến Ngài trái mận đỏ có kích thước bằng bầu nước. 4088. Sau khi làm cho tôi sanh khởi niềm vui, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng. Khi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. 4089. Rồi đức Thế Tôn Piyadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngxru ngồi ở chỗ ngồi bằng châu báu đã nói lên các lời kệ này: 4090. "Người nào đã dâng Cling Ta chiếc ghế đẩu làm bằng châu báu và trái cây bất tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lang nghe Ta nói. 4091. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm làn. 4092. [Người này] sẽ là vi Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi hai lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4093. [Người này] sẽ đạt được nhiều chiếc ghế bành khéo được tạo ra làm bang vàng, làm bang bạc, làm bang hong ngọc và luôn cả làm bang châu báu. 4094. Khi ây? có vô sô chiêc ghê bành sẽ quây quanh con người có được nghiệp phước thiện, ngay cả trong lúc [vị ấy] đang đi kinh hành. 4095. Các ngôi nhà mái nhọn, các tòa lâu đài và chỗ nằm vô cùng giá trị, sau khi biết được tâm [ước muốn] của người này sẽ được hiện ra ngay khi ấy. 4096. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục với yên cương bằng vàng. 4097. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghe bằng châu báu. 4098. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức. 4099. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng cũng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu. 4100. Sáu mươi ngàn cô xe được trang hoàng với tát cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao. 4101. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay cầm cung mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống

người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu. 4102. Sáu mươi ngàn con bò cái sữa sẽ sản xuất ra các con bò con và bò đực cao quý; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu. 4103. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni. 4104. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu. 4105. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhãn tên là Gotama sau khi hủy diệt điều tăm tối ấy và sẽ trở thành đức Phật ở thế gian. 4106. [Người này] sẽ đi đến chiêm ngưỡng vị [Phật] ấy, sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, sẽ làm hài lòng bậc Đạo Sư và sẽ vô cùng thỏa thích trong giáo pháp. 4107. Sau khi lăng nghe giáo pháp của vị [Phật] ây, [người này] sẽ tiêu diệt các phiền não. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người này] sẽ Niết- bàn, không còn lậu hoặc?9 4108. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng thực hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Trong khi ước nguyện mục đích tối thượng, tôi sống ở trong giáo pháp. 4109. Đây là làn sau cùng của tôi, là kiếp sống cuối cùng trong sự luân

A e M n 1 ./x chuyên. [Tôi] đã được đoạn tận tát cả các lậu hoặc, giờ đây
không còn tái sanh nữa. 4110. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4111. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4112. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Hemaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "K, sự về Trưởng lão Hemaka" là phần thứ bảy. (Dứt tụng phẩm thứ mười bảy).

408. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TODEYYA (Todeyyattherāpadānam) 4113. Lúc bấy giờ, ở kinh thành Ketumatī có đức vua tên Vijaya, là vị anh hùng, được hội đủ sức lực, đã cư ngụ ở tại thành phố. 4114. Khi vị vua ấy bị xao lãng, những kẻ lục lâm đã nổi dậy. Khi ấy, những điều tội lỗi và các sự phóng đãng nữa đã tàn phá xứ sở. 4115. Vào lúc biên thùy bị rối loạn, vị thuần hóa kẻ thù, [đức vua] đã lập tức cho tập trung các binh lính, luôn cả các nhân viên quân đội và khi ấy đã lên án kẻ thu. 4116. Lúc bấy giờ, các nài voi, các lính ngự lâm, các bậc anh hùng, đội quân áo giáp da, các cung thủ và các thủ lãnh, tát cả đã tập trung lại. 4117. Lúc bấy giờ5 các người đầu bếp, các thợ hớt tóc, các người hầu tắm, các người làm tràng hoa, các vi anh hùng thắng trận, tất cả đã tập trung lại. 4118. Lúc bây giờ, các người tay có câm dao, tay có câm cung, có áo giáp, các võ sĩ thăng trận, tát cả đã tập trung lại. 4119. Lúc bấy giờ, các con voi mātañga [đến tuổiỊ bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi có sự trang sức với các chuông vàng, tát cả đã tập trung lại. 4120. Lúc bấy giờ, các dũng sĩ đã được huấn luyện, có sức chịu đựng sự lạnh, sự nóng và sự mang vác các vật thối tha, tất cả đã tập trung lại. 4121. Lúc bấy giờ, có tiếng tù và vỏ ốc, tiếng trống lớn và tiếng trống trầm. Trong lúc đang giải trí với những tiếng trống này, tất cả bọn họ đã tập trung lại. 4122. Lúc bấy giờ, trong khi đánh đập

nhau, trong khi làm cho nhau té ngã bằng các chĩa ba, các cây trượng và bùa chú, bằng các áo giáp và các mũi thương, tất cả đã tập trung lại. 4123. Lúc bấy giờ, là kẻ chiến thắng, vị vua ấy đã không lắng nghe kẻ bại trận ve bất cứ điều gì và đã làm sáu chục ngàn sanh mạng phải khiếp đảm ở nơi cọc nhọn.

350 KINH TIÊU BỒ

4124. Những con người [ấy] đã thốt ra lời rằng: "Ôi5 vị vua bất nhân! Đối với kẻ đang bi nung nấu ở địa ngục thì khi nào sẽ là sự kết thiìc?" 4125. Khi ấy, trong lúc trằn trọc ở trên giường, tôi [như là] nằm ở địa ngục, cả ngày lẫn đêm tôi không ngủ. Với cây cọc nhọn họ làm cho tôi hoảng sợ. 4126. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Được gì với sự chểnh mảng, với vương quốc, với xe cộ và với binh lực? Chúng không phải là để bám víu, chúng luôn luôn làm tôi hãi sợ. 4127. Được gì cho tôi với các người con trai, với các người vợ và với toàn bộ vương quốc? Hay là ta nên xuất gia, ta nên làm trong sạch đạo lộ tái sanh?" 4128-29. Không mong mỏi việc lai vãng ở chiến trường, vào địa vị, tôi đã từ bỏ sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bằng vàng, được cỡi bởi các vi trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu. Bi nóng nảy bởi hành động của chính minh, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình. 4130-31. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm cung, mang áo giáp. Sau khi buông bỏ tất cả các thứ ây, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình. 4132. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao. Sau khi bảo đem đi tất cả các thứ ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4133. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con bò cái, tát cả đều mang bâu sữa. Sau khi quăng bỏ luôn cả lũ bò cái, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4134. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bang ngọc trai và ngọc ma-ni. 4135. Các nàng có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon. Tôi đã từ bỏ các nàng đang khóc lóc và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4136. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn ngôi làng có đầy đủ tất cả. Sau khi quăng bỏ vương quốc ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4137. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp. Tôi đã tạo lập khu ẩn cư ở bờ sông Bhāgīrathī. 4138. Sau khi xây dựng gian nhà rộng bang lá, tôi đã xây dựng ngôi nhà thờ lửa. Có sự nỗ lực tinh tấn, có tính khẳng quyết, tôi sống ở khu ẩn cư của tôi. 4139. Và trong lúc tham thiên ở mái che, ở góc cây, hoặc ở ngôi nhà trông vắng, tuy nhiên sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ.

THÁNH NHÂN KÝ sự 351

4140. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Cao Cả, đấng Bi Mần, bậc Hiền Trí, trong khi chói sáng với ánh sáng trí tuệ, đã lập tức hiện khởi ở thế gian. 4141. ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực, khi ấy đã thông báo cho tôi về đức Phật tối thượng đã hiện khởi: 4142. "Đức Phật bậc Hữu Nhãn tên Sumedha đã hiện khởi ở thế

gian. Ngài giúp cho tất cả loài người vượt qua. Ngài cũng sẽ giúp cho ngươi vượt qua." 4143. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, ngay khi ấy sự chấn động đã xuất hiện [ở tôi]. Trong lúc suy nghĩ: "Bức Phật! Đức Phāt!9\ tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư. 4144. Và sau khi quăng bỏ lửa củi, tôi đã tự sắp xếp thảm trải. Sau khi lễ bái khu ẩn cư, tôi đã rời khỏi khu rừng. 4145. Sau khi cầm lấy trầm hương từ khu rừng ấy, trong khi tìm kiếm vi Trời Của Chư Thiên từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác, tôi đã đi đến gần bậc Hướng Đạo. 4146. Vào thơi điểm ấy, đức Thế Tôn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, trong khi công bố về bốn sự thật [đãi giác ngộ nhiều người. 4147. Sau khi đã chắp tay lên và đặt trầm hương ở trên đầu, tôi đã đảnh lễ đấng Toàn Giác và đã nói lên những lời kệ này: 4148. "Trong khi hoa nhài đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra vùng lân cận. Bạch đang Anh Hùng, Ngài tỏa ra khắp mọi phương với hương thơm của đức hạnh. 4149. Trong khi các loài hoa campaka, hoa mù u9 hoa atimuttaka, hoa dứa dại, hoa sâla đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra theo chiều gió. 4150. Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, vi Có Danh Tiếng Vĩ Đại, sau khi nghe được danh thơm của Ngài, con từ núi Hy-mã-lạp đã đi đen nơi đây, con xin cúng dường Ngai.99 4151. Tôi đã thoa trầm hương cao quý lên đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngay khi ấy tôi đã đứng yên lặng. 4152. Đức Thế Tôn tên Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thể Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở hội chúng tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 4153. uNgười nào đã ca tụng về đức hạnh của Ta và đã cúng dường trầm hương, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 4154. [Người này] sẽ là người cao quý, thẳng thắn, có sự huy hoàng, có ngôn từ được [người khác] thâu nhận, có hào quang trong hai mươi lăm kiếp. 4155. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai ngàn sáu trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 4156. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi

ba lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4157. Mệnh chung từ nơi ây, người này sẽ đi đên bản thê nhân loại, được gắn liền với nghiệp phước thiện, sẽ là thân quyến của Phạm thiên.6 4158. [Sẽ có] nệười Bà-la-môn tên Bāvarī, là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà, hội đủ ba tướng mạo. 4159. Sau khi trở thành đệ tử của vị ấy, [người này] sẽ thông thạo về chú thuật và sẽ đi đến với đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā. 4160. Người này sẽ hỏi các câu hỏi khôn khéo, sẽ tu tập đạo lộ9 sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoāc?9 4161. Ba loại lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 4162. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4163. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4164. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Todeyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Todeyya95 là phần thứ tám.

409. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JATUKANNI (Jatukannittherāpadānam) 4165. Khi ấy, tôi đã là người con trai của nhà triệu phú ở thành phố Hamsavatī. Tôi được cung ứng và được vây quanh bởi các loại dục lạc. 4166. Khi ấy, những người ghi dấu các căn nhà đã dựng lên ba tòa nhà. Sau khi bước lên tòa nhà, tôi được vây quanh bởi các điệu vũ và lời ca ở tại nơi ấy. 4167. Các loại nhạc cụ kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe được biểu diễn cho tôi. Tất cả những người phụ nữ đang nhảy múa hoàn toàn thu hút tâm ý của tôi. 4168. Những vũ công về các điệu vũ velãpika, lāmanika, kufijavāsī và timajjhika, những người nhào lộn và những diễn viên hài luôn luôn vây quanh tôi. 4169. Có nhiều nhạc công, những người đánh trống, các diễn viên uốn dẻo, các vũ công, các diễn viên và ngay cả các kịch sĩ luôn luôn vây quanh tôi. 4170. Các người thợ hớt tóc, các người hầu tắm, các người đầu bếp, các 6 Người Bà-la-môn (Brāhmana) tự hào là thân quyến của Phạm thiên (Brahma).

người làm tràng hoa, các người giữ trẻ, các người nhào lộn, các võ sĩ đấu vật, tất cả bọn họ luôn luôn vây quanh tôi. 4171. Trong khi những người này đang đùa giỡn, luyện tập về kỹ xảo, tôi không biết đến ngày và đêm, tợ như vị Chúa trời Inda ở cõi trời Tam Thập. 4172. Những người lữ hành, những người đi đường, tất cả các hành khất, nhiều người bộ hành, trong lúc xin ăn bọn họ thường xuyên đi đến nhà của tôi. 4173. Các Sa-môn và luôn cả các Bà-la-môn là những phước điền vô thượng, trong lúc làm tăng trưởng phước báu của tôi, các vi đi đến nhà của tôi. 4174. Các hạng đạo sĩ che một mảnh vải, đạo sĩ che băng dây leo, các du sĩ ngoại đạo, đạo sĩ có tấm choàng bằng bông hoa, đạo sĩ chống ba cây gậy, đạo sĩ có một chòm tóc, tất cả đều đi đến nhà của tôi. 4175. Các vị đạo lõa thể, các kẻ cướp giật, các người hành pháp trâu bò, các người hành pháp chư thiên, các người tu hạnh bôi trét bụi và bùn đất [ở cơ thể], những người này đi đến nhà của tôi. 4176. Nhiều vị đạo sĩ nhóm Parivattaka, nhóm Siddhipatta, nhóm Kondapugganika, các đạo sĩ khổ hạnh và các người tu ở rừng đi đến nhà của tôi. 4177. Những người Oddaka, luôn cả các người Ta-min, các người Sãkula, các người Malayâlaka, các người Sahara và cả các người Yonaka nữa đi đến nhà của tôi. 4178. Tất cả những người xứ sở Andhaka, xứ sở Mundaka, xứ sở Kolaka, xứ sở Sânuvindaka và xứ sở Trung Hoa xa xôi đi đến nhà của tôi. 4179. Các người xứ sở Alasandaka, xứ sở Pallavaka, xứ sở Babbara, xứ sở Bhagga, xứ sở Kesa, xứ sở Rohita và xứ sở Cetaputta đi đến nhà của tôi. 4180. Các người xứ sở Mâdhuraka, xứ sở Kosalakā, xứ sở Kâsika, xứ sở Hatthiporika, xứ sở Isinda, luôn cả các người xứ sở Makkala đi đến nhà của tôi. 418L Các người xứ sở Celâvaka, xứ sở Aramma, xứ sở Okkala, xứ sở Meghala, xứ sở Khuddaka, lu6n cả xứ sở Suddaka đi đến nhà của tôi. 4182. Các người xứ sở Rohana, xứ sở Sindhava, xứ sở Citaka, xứ sở Ekakannika, xứ sở Surattha và xứ sở Aparanta đi đến nhà của tôi. 4183. Các người xứ sở Suppâraka, xứ sở Kikumâra, xứ sở Malaya, xứ sở Sonnabhūmika, xứ sở Vajjī và xứ sở Tāra, tất cả bọn họ đi đến nhà của tôi. 4184. Những người làm ống thổi, những người thợ dệt, những người thợ thuộc da, những người thợ mộc, những người thợ rèn và những người thợ làm đồ gốm đi đến nhà của tôi. 4185. Những người thợ làm ngọc, thợ làm kim khí, thợ kim hoàn, người buôn vải và thợ làm chì, tất cả đi đến nhà của tôi. 4186. Những người thợ làm tên, thợ tiện gỗ, thợ dệt,

những người làm hương liệu, những người thợ nhuộm và những người thợ may đi đến nhà của tôi.

354 KINH TIÊU BÔ

4187. Những người buôn dầu, những người vận chuyển gỗ? những người vận chuyển nước, những người đưa tin, những người đầu bếp và những người bảo quản vật thực đi đến nhà của tôi. 4188. Những người gác công, những người hộ vệ, những người canh ngục, những người đo bỏ rác bông hoa, các nài voi, các quản tượng đi đen nhà của tôi. 4189 Tôi đã dâng đến vị Đại vương Ānanda là người bị xao lãng. Tôi làm đầy đủ sự thiếu hụt [của đức vua] bằng châu báu có bảy màu sắc. 4190. Những người đã được tôi đề cập đến là những nhóm người có màu da khác nhau. Sau khi biết được tâm của họ, tôi đã làm thỏa mãn họ băng châu báu. 4191. Trong khi họ đang nói những lời vui vẻ, trong khi những cái trống lớn được vỗ vang lên, trong khi họ đang thổi những chiếc tù và vỏ ốc, tôi sướng vui ở tại ngôi nhà của chính mình. 4192-93. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhãn ấy, được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị Tỳ-khmi là các bậc Lậu tận có năng lực, đã ngự đến ở trên đường, trong lúc đang tỏa sáng tất cả các phương tợ như cây đèn chiếu sáng. 4194. Tất cả các chiếc trống lớn được vỗ lên trong khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang đi. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh mặt trời đã mọc lên cao. 4195. Do ánh hào quang đã đi vào dâu chỉ băng cánh cửa sô, ở trong gian nhà ngay lập tức đã có ánh sáng vô cùng bao la. 4196. Sau khi nhìn thấy ánh hào quang của đức Phật, tôi đã nói với đám đông rằng: "Chắc chắn rằng đức Phật tối thượng đã đi đến con đường nay.^ 4197. Tôi đã cấp tốc bước xuống khỏi tòa nhà và đã đi đến khu phố chợ. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã nói lời nói này: 4198. "Xin đức Phật, đấng Lãnh Đạo Padumuttara hãy thương tưởng đến con.” Bậc Hiền Trí ấy đã nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. 4199. Sau khi thỉnh mời, tôi đã hướng dẫn bậc Toàn Giác đi đến ngôi nhà của mình. Tại nơi ấy, tôi đã làm thỏa mãn bậc Đại Hiền Trí với cơm ăn và nước uống. 4200. Biết được thời điểm đã thọ thực xong của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng bằng một trăm khúc tấu nhạc. 4201. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở trong nhà và đã nói lên những lời kệ này: 4202. "Người nào đã phục vụ Ta bằng các khúc tấu nhạc và đã dâng cúng Ta cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 4203. Sau khi đã có dôi dào vê lương thực, với vàng, với thức ăn, người nam này sẽ cho thực hiện bốn châu lục thành một vương quốc. 4204. [Người này] sẽ thọ trì năm giới cấm và sau đó là mười đường lối về [thiện] nghiệp. Sau khi thọ trì và trong lúc hành theo, người này sẽ chỉ dạy hội chúng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 355

4205. Một trăm ngàn nữ nhân được trang điểm sẽ thường xuyên trình tấu nhạc cụ cho người này; điều này là quả báo của việc phục vụ. 4206. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần. 4207. Và [nệười này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần. Lãnh thô vương quốc là bao la, không thê đo lường bằng phương diện tính đếm. 4208. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama,

xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 4209. [Người này] sẽ sanh vào bản thể thiên nhân hay loài người. Người này sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ đi đến bản thể loài người. 4210. Sau khi trở thành vị giảng huấn, thông suốt ba tập yệ-đà, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, [người này] sẽ đi đó đây ở trái đất này. 4211. về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người này sẽ xuất gia và sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama. 4212. Người này sẽ làm hài lòng đang Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakyā, sẽ thiêu đốt các phiền não và sẽ trở thành vi A-la-hán." 4213. Giờ dây, tôi sông trong giáo pháp của người con trai dòng Sakyā không bị hãi sq, tợ như con cọp chúa ở trong rừng, như là con sư tử vua của loài thú. 4214. Tôi không nhìn thấy sự tái sanh của tôi ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, ở nơi nghèo khó hoặc ở vào khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ. 4215. Tôi đã được gắn liền với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jatukanni đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. sự về Trưởng lão Jatukanni" là phần thứ chín.

410. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UDENA (ưdenattherãpadãnam) 4219. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Padumaṃ có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

4220. Các con sông chảy qua nơi ấy có những bến nước cạn xinh xắn làm thích ý. Các con sông luôn luôn có nước trong, có nước mát? xinh đẹp. 4221. Có các loài cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. Những loài cá này thường xuyên sống ở dòng sông, đồng thời làm cho các con sông trở nên rực rỡ. 4222. [Các con sông] được che phủ bởi các cây xoài và cây mận. Tương tợ như thế, có các cây bông hường, cây tilaka, cây bả đậu, cây hoa kèn làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4223 Các cây añkolaka, cây bimbijāla và cây māyākārī được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm chúng làm cho khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ. 9

4224. Các cây atimutta, cây sattalika, cây nāgā và cây sāla được trô hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4225. Các cây kosamba, cây salala, cây nīpa và cây atthañga khéo được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4226. ở khu ẩn cư có nhiều loại trái cây như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa. 4227. Tại nơi ấy, ở khu ẩn cư của tôi, các cây kalamba, cây kandalī trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4228. Các cây asokapindī, cây varī và cây nimba được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ân cư của

tôi trở nên rực rỡ. 4229. Các cây punnāga, cây giripunnāga, cây timira ở tại nơi ấy được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4230. Các cây niggundī, cây siriniggundī, cây campā ở tại nơi này được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4231. Không xa có cái hồ nước được líu lo bởi loài ngỗng đỏ, được che phủ bởi các cây mạn-đà-la? bởi các bông sen xanh và các bông sen đỏ. 4232. Có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý, có nước trong, có nước mát, trong vắt tương tợ ngọc pha le9 [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4233. ở tại nơi ấy, có các bông sen xanh, các bông sen trắng và các bông sen đỏ nở rộ. Được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4234. Có các loại cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá mufija, cá rohita. Và trong khi thơ thân ở tại nơi ấy, chúng làm cho khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ.

THÁNH NHÂN KÝ sự 357

4235. Có các con cá sấu kumbhīla, cá sấu sumsumāra, các con rùa, các con gaha, các con rắn và các con mãng xà làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4236. Và ở tại nơi ấy có các loài sống ở sông như chim bồ câu, ngỗng trời, ngỗng đỏ, chim le le, chim sáo, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4237. Các cây nayita, cây ambagandhī và cây dừa dại ở tại nơi ấy được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4238. Có các con sư tử, cọp, báo, gâu9 chó sói và linh câu, trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4239. Có các vị [đạo sĩ] mang các búi tóc, có y choàng là tấm da dê? trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, các vị làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4240. Các vị này mặc các tấm da dê, cẩn trọng, có hành vi thanh tinh, có hành trang ít ỏi, tất cả các vị ấy làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4241. Lúc bây giờ, các vị đã câm lây túi vật dụng roi đi sâu vào rưng. Trong khi thọ thực các rễ và trái cây, các vị thường xuyên sống ở khu ẩn cư. 4242. Các vi ấy không đem lại củi [và] nước rửa chân. Do năng lực của tất cả các vị, [các vật dụng] được tự chúng mang lại. 4243. Có tám mươi bốn ngàn vị ẩn sĩ đã tụ hội ở tại nơi này. Tất cả các vi này là các vị tâm câu mục đích tôi thượng, có thiên chứng. 4244. Là các đạo sĩ khổ hạnh, có sự hành trì Phạm hạnh, đang năng nổ trong việc duy trì sự nhập đinh, có sự di chuyển ở không trung, tất cả các vi thường xuyên sống ở khu ân cư. 4245. Mỗi năm ngày, các vị tụ hội lại, có sự chăm chú, có hành vi thanh tinh. Sau khi đảnh lễ lẫn nhau, các vi ra đi bằng hướng đối nghịch. 4246. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy, đấng Chiến Thắng đã tức thời hiện khởi. 4247. ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực. Khi ấy, nó đã thông báo cho tôi về đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Padumuttara rằng: 4248. "Thua ngài, đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara này đã xuất hiện. Ngài hãy mau đi đen và phục vụ bậc Toàn Giác." 4249. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, khi ấy với tâm ý trong sạch, tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư và đã lìa khỏi khu rừng. 4250. Như là mảnh vải đang bốc cháy, sau khi lìa khỏi khu ẩn cư tôi đã trú ngụ [chỉ] một đêm và đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo. 4251. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi công bố về bốn sự thật đã thuyết giảng về vị thế bất tử. 4252. Sau khi cầm lấy

đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần bậc Đại Ẩn Sĩ. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

358 KINH TIÊU Bộ

4253. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 4254. "Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lậu Hoặc sống ở thế gian này với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói. 4255. Sau khi cắt đứt dòng chảy luân hồi, Ngài đã giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, họ vượt qua dòng chảy ái dục. 4256. Bạch đấng Tối Thượng của loài người, Ngài là bậc thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh. 4257. Bạch đấng Toàn Tri, cho đến những người được gọi là các bậc Xa Phu có đồ chúng ở trên thế gian, Ngài là đấng Cao Cả, tất cả những người ấy đều được gộp chung lại ở Ngài. 4258. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ của Ngài, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, họ sẽ được chấm dứt khổ đau. 4259. Bạch đấng Hữu Nhãn, bạch đấng Đại Hiền Trí, những hương thơm nào đã được sanh lên và tỏa ra ở thế gian, không có gì sánh bằng hương thơm ở phước điền của Ngài. 4260. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài giúp cho thoát khỏi sự sanh vào loài thú, địa ngục. Bạch đang Đại Hiền Trí, Ngài giảng giải ve đạo lộ an tịnh, không còn tạo tác/9 4261. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 4262. "Người nào được tinh tín đã tự tay mình cúng dường trí tuệ của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 4263. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn ln." 4264. Tôi đã nhận lãnh điều lợi ích đã được đạt thành một cách tốt đẹp. Sau khi làm hài lòng bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi song không còn lậu hoặc. 4265. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4266. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4267. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udena đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Udena" là phần thứ mười.

THÁNH NHÂN KÝ sự 359

Phần tóm lược Vị Trưởng lão Metteyya, vi Punnaka, vị Mettagū, luôn cả vi Dhotaka, vị Upasīva, vị Nandā, và vi Hemaka là vi thứ bảy ở nơi ấy, vị Todeyya, vi Jatukannī, và vị Udeno có danh vọng lớn lao. ở đây là ba trăm câu kệ và thêm vào tám mươi ba câu. Phẩm Metteyya là phẩm thứ bốn mươi mốt.

360 KINH TIẾU BÔ

XLn. PHẨM BHADDĀLI (BHADDĀLIVAGGƠ)

411. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHADDĀLI (Bhaddālittherāpadānam) 4268. Bậc Toàn Giác tên Sumedha, đấng Bi Man Cao Cả, vị Hiền Trí, bậc Cao Cả Của Thế Gian có ước muốn độc cư nên đã đi đến núi Hy-mã-lạp. 4269. Sau khi đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Sumedha đã xếp chân kiết-già, rồi ngồi xuống. 4270. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha ấy đã thể nhập vào định. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm. 4271. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng rồi đã đi sâu vào khu rừng. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc. 4272. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cây chổi và đã quét khu ẩn cư. Sau khi dựng lên bốn cây cọc, tôi đã tạo nên cái mái che. 4273. Sau khi mang lại bông hoa sâla, tôi đã che phủ mái che. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Như Lai. 4274. Người ta nói về bậc Thông Thái có trí tuệ bao la là "Sumedha". Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này. 4275. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Quả nhiên, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhãn [đã] thuyết giảng giáo pháp. 4276. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này: 4277. "Người nào đã duy trì mái che, được che phủ bằng bông hoa sâla cho Ta suốt bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 4278. Dầu trở thành vị thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ có làn da màu vàng chói, sẽ có của cải dồi dào, sẽ có sự thọ hưởng các dục lạc. 4279. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bang vàng. 4280. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ đi đến phục vụ người nam này sáng chiều. Được hộ tống bởi những con long tượng ấy, người nam này sẽ vui sướng. 4281. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu với sự sanh ra được thuần

chủng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức. 4282. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4283. Sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao. 4284. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay câm cung, mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4285. Sẽ luôn luôn hiện hữu sáu mươi nệàn ngôi làng có đầy đủ tất cả, có tài sản và lúa gạo dồi dào, được thành công tốt đẹp về mọi mặt; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4286. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4287. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 4288. Và [người này] sẽ cai quản thiên quốc ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4289. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 4290. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất

cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc/9 4291. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian cách đây ba mươi ngàn kiếp, trong khoảng thời gian này, tôi đã tầm cầu vi thế bất tử. 4292. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp là tôi đã hiểu được giáo pháp, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành. 4293. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi tán dương trí tuệ của Ngài, con đã đạt được vị thếbatđộng,\ 4294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đêu được sung sướng ở tát cả các nơi, là quả báo của tôi vê việc tán dương trí tuệ. 4295. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4297. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhaddâli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Bhaddãir9 là phần thứ nhất.

412. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA (Ekachattiyattherãpadữnam) 4299. ở bờ sông Candabhãgã có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lả được rải cát vô cùng tinh khiết đã khéo được tạo lập. 4300. Con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh xắn, làm thích ỷ. có đủ các loài cá và rùa, được loài cá sấu lai vãng. 4301. Có các con gấu, công, báo, chim cu rừng và chim sáo. Chúng hót líu lo vào mọi lúc, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4302. Có các chim cu cu có âm giọng lôi cuồn và các con thiên nga có âm điệu ngọt ngào. Chúng hót líu lo tại nơi ấy, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4303. Có các con sư tử, cọp, heo rừng, chó sói, chó rừng và linh cẩu. Chúng gâm rú ở nơi hiêm trở của ngọn núi, làm cho khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ. 4304. Có các con linh dương, nai, chó rừng, lợn rừng. Nhiều con gầm rú ở nơi hiểm trở của ngọn núi, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4305. Có các loại cây uddâlaka, cây campaka, cây pātalī, cây sinduvāraka, cây atimutta và cây asoka nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. 4306. Có các loại cây aốkola, cây yũthika, luôn cả cây sattalĩ, cây bimbijālika, cây kannika và cây kanikāra nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. 4307. Có các loại cây nāgā, cây sâla9 cây salala, cây sen trăng được trô hoa ở nơi đây. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4308. Có các loại cây ajjuna, cây asana và cây mahānāma được trổ hoa ở nơi đây, có các cây sâla và các bông hoa của cây kê? làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4309. Có các cây xoài, cây mận đỏ, cây tilaka, cây nimba và cây sālakalyānī, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4310. Có các loại cây asoka, cây kapittha và cây bhaginimãla được trổ hoa

ở nơi đây, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4311. Các loại cây kadamba, luôn cả các cây chuối và cây isimugga đã được gieo trồng, chúng thường xuyên trĩu nặng những trái, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4312. Có những loại cây có trái như cây harītaka, cây āmalaka, cây xoài, cây mận đỏ, cây vibhītaka, cây táo, cây bhallâtaka và cây billa ở khu ẩn cư của tôi. 4313. Không xa, có cái hồ nước khéo được thiết lập làm thích ý? được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các bông sen đỏ và các bông sen xanh. 4314. Có những đóa sen đỏ đang tượng hình, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, luôn cả các đóa có các cánh hoa rũ xuông, chúng nở hoa ở khu ân cư của tôi. 4315. Có các loại cá như là cá pāthīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muflja, cá rohita. Trong khi thơ thẩn ở làn nước trong, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4316. Có mùi thơm của xoài được thoảng qua và có các cây dứa dại ở dọc bờ sông. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ân cư của tôi trở nên rực rỡ. 4317. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4318. ở nơi ấy, có cát sáng chói được trải ra và được ve vãn bởi làn nước với các bông hoa tàn đã được nở rộ giờ yên nghỉ, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4319. Các vị [đạo sĩ] mang búi tóc rối, có y choàng là tấm da dê, tất cả đều mặc y phục bằng vỏ cây, họ làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4320. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cày, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, không mong mỏi vê sự thọ hưởng các dục lạc, sông ở khu ân cư của tôi. 4321. Tất cả các vị có [lông] nách, móng tay chân và các lông được mọc dài, có răng bẩn, có đầu lấm bụi, mang bụi dơ [ở thân], sống ở khu ẩn cư của tôi. 4322. Và các vị ấy đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí, có sự di chuyển ở không trung. Trong khi bay lên bầu trời, các vị này làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ. 4323. Khi áy, được tùy tùng bởi những người học trò áy, tôi sông ở khu rừng. Luôn luôn thể nhập vào thiền, tôi không biết đến ngày và đêm. 4324. Vào thời điểm ấy, đức Thế Ton, bậc Đại Hiền Trí, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassī, trong khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi.

4325. Rồi có người học trò nọ đã đi đến gặp tôi. Người ấy có ý định học về các chú thuật và sáu phần về danh hiệu và tướng số [và đã nói rằng]: 4326. "Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī đã xuất hiện ở thế gian. Trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử?5 4327. Được hớn hở, vui mừng, hoan hỷ, có khuynh hướng đi đến với giáo pháp, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã nói lời nói này: 4328. “Bức Phật có ba mươi hai hảo tướng đã xuất hiện ở thế gian. Các người hãy đi đên, tát cả chúng ta sẽ đi gặp đang Chánh Đăng GiAc.” 4329. Là những người tầm cầu mục đích tối thượng, có sự đáp ứng theo lời giáo huấn, đã hướng đến sự toàn hảo trong Chánh pháp, các vị ấy đã đồng ý rang: "Lành thay!” 4330. Khi ây9 trong lúc tâm câu mục đích tôi thượng, các vi [đạo sĩ] mang các búi tóc ấy, có y choàng là tấm da dê, đã rời khỏi khu rừng. 4331. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn Atthadassī, vị có danh tiếng lớn lao, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử. 4332. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng màu trắng và đã che cho đức Phật tối thượng. Sau khi nắm giữ [chiếc lọng] trong một ngày, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 4333. Ke đó, đức Thế Ton, đấng Trưởng Thượng Của

Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Atthadassī đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 4334. "Người nào được tịnh tín năm giữ chiêc lọng [che] cho Ta băng các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 4335. Khi người này được sanh lên, ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng luôn luôn che cho người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng. 4336. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 4337. Và sẽ trở thành vị Thiên vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quôc là bao la, không thê đo lường băng phương diện tính đêm. 4338. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhãn Gotama, đấng Cao Quý dòng Sakyā, trong khi xua đi điều tăm tối ấy, sẽ hiện khởi. 4339. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ây, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ sông không còn lậu ho^c.^ 4340. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm là đã nắm giữ chiếc lọng [che] cho đức Phật, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến việc không được che bởi chiêc lọng trăng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 365

4341. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyên. Việc năm giữ chiêc lọng được vận hành liên tục đên tận ngày hôm nay. 4342. Ôi, việc làm đã được tôi khéo thực hiện đến [đức Phật] Atthadassī như thế ấy. Tôi đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 4343. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4344. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4345. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekachattiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ốKý sự về Trưởng lão Ekachattiya" là phần thứ nhì.

413. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINASŪLAKACHADANIYA (Tinasūlakachadaniyattherāpadānam) 4346. Lúc bây giờ, tôi đã suy xét vê sự sanh, sự già và sự chét. Sau khi lìa khỏi sự sống chung, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 4347. Trong khi tuần tự du hành, tôi đã đi đến bờ sông Gañgā. ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy khoảnh đất nổi cao lên ở bờ sông Gañgā. 4348. Sau khi tạo lập khu ẩn cư ở tại nơi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư. Đường kinh hành của tôi đã khéo được thực hiện, được lai vãng bởi các bầy chim khác loại. 4349. Chúng đến gần tôi và trở nên quen thuộc. Và chúng hót líu lo một cách quyến rũ. Trong khi đùa vui với chúng, tôi sống ở khu ẩn cư. 4350. ở lân cận khu ẩn cư của tôi, có con sư tử [vua của loài thú] đi khắp bốn phương. Sau khi rời khỏi chỗ trú ẩn, nó đã gầm lên như là tiếng sấm. 4351. Và khi con nai chúa gào thét, nụ cười đã xuất hiện ở tôi. Trong lúc tìm kiếm con nai chúa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 4352. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ? tôi đã cúng dường nhụy bông hoa nāgā. 4353. Tôi đã ca tụng đấng Lãnh Đạo Thế Gian như là mặt trời đang mọc lên, như là cây sâla chúa đã được trổ hoa, như là vì sao osadhī đang chiếu sáng. 4354.

"Bạch đấng Toàn Tri, Ngài đã giải thoát thế gian này, luôn cả chư thiên bằng trí tuệ của Ngài. Sau khi làm cho Ngài hài lòng, [chúng sanh] được hoàn toàn giải thoát khỏi sự sanh.

Ekachattiya nghĩa là 4<vị liên quan đến một (ekā) chiếc lọng (chattà)y

366 KINH TIỂU Bộ

4355. Bạch đấng Toàn Tri, do sự không nhìn thấy chư Phật là các vị có sự nhìn thấy tất cả, [chúng sanh] bị xâm chiếm bởi ái dục, sân hận [rồi] rơi vào địa ngục Vô Gián. 4356. . £ Bạch• đấng r Toàn Tri, • bạch đấng Lãnh Đạo* Thế Gian, r : sau khiĩ đi đến diện kiên Ngài, tát cả được giải thoát khỏi hữu [và] chạm đên đạo lộ bát tử. 4357. Khi chư Phật, các bậc Hữu Nhãn, các đấng Phát Quang xuất hiện, sau khi thiêu đốt các phiền não, các Ngài thị hiện ánh sang?5 4358. Sau khi tán dương đấng Toàn Giác Tissa, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ5 tôi đã cúng dường hoa tinasūla. 4359. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa đã ngôi xuồng cho ngoi của mình, roi đã noi len những lơi kẹ nay: 4360. "Người nào được tinh tín, tự tay mình che phủ Ta bằng các bông hoa, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 4361. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần và sẽ trở thành đang Chuyên Luân Vương bảy mươi lăm lân. 4362. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Và [đó là] kết quả về hành động của người ấy, do sự cúng dường các bông hoa. 4363. Và người nam này, được gắn liền với nghiệp phước thiện, khi đã gội đầu xong, nếu ao ước về bông hoa, [bông hoa] sẽ hiện ra ở phía trước. 4364. [Nếu người này] ước muốn bất cứ điều gì với các dục, chính điều ấy sẽ hiện ra. Sau khi làm tròn đủ ý định, [người này] sẽ Niết-bàn, không còn lạu ho^c.” (Dứt tụng phẩm thứ mười tám).

4365. Có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ], tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi đã ngôi ở ngay chô ngôi ây và đã thành tựu phàm vi A-la-hán. 4366. Trong khi đi kinh hành, trong khi nằm, trong khi ngồi, hay trong khi đứng, tôi sống thường xuyên tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. 4367. ở tại nơi ấy, tôi không có sự thiếu hụt về y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nam ngoi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4368. Bây giờ, tôi đây đã đạt đến vị thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, tôi sông không còn lậu hoặc. 4369. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4370. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

THÁNH NHÂN KÝ sự 367

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4371. Quả vậy? tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trường lão Tinasūlakachadaniya2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* uKý sự về Trưởng lão Tinasūlakachadaniya" là phần thứ ba.

414. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUMAMSADĂYAKA (Madhumamsadãyakattherăpadãnam) 4373. Tôi đã là người bán thịt heo ở thành phố Bandhumatī. Sau khi nấu chín phổi và lòng, tôi trộn chung vào món thịt ngọt. 4374. Tôi đã đi đến nơi tụ hội [của các vi Tỳ-khưu] và đã nhận lấy một bình bát. Sau khi chứa đầy bình bát ấy, tôi đã dâng lên hội chúng Tỳ-khưu. 4375. Khi ây, vị Tỳ-khưu trưởng lão lớn nhát tại nơi ây đã chúc phúc cho tôi rang: "Với sự đầy đặn của bình bát này, mong rang, con sẽ đạt được sự an lạc sung mãn. 4376. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, con sẽ thọ hưởng hai sự thành tựu [trời, người], trong khi kiếp cuối cùng đang hiện hữu, con sẽ thiêu đốt các phiền não.,? 4377. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cối trời Đạo-lợi. Tại nơi ây, tôi có thức ăn, tôi có nước uông và tôi đạt được sự an lạc sung mãn. 4378. Khi ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi đã nhớ lại việc làm trước đây. Ngay lập tức có trận mưa vê cơm ăn và nước uông đô xuống cho tôi. 4379. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả ở dây, cơm ăn và nước uống đổ mưa xuống cho tôi trong mọi thời điểm. 4380. Do chính sự dâng cúng thịt ấy? sau khi trải qua các kiếp sống, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 4381. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thịt ngọt. 4382. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

2 Tinasũlakachadaniya nghĩa là uvị liên quan đến việc che phủ (chadanam) bằng các bông hoa tinasũla.,,

4383. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4384. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Madhumamsadāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy uKý sự về Trưởng lão Madhumamsadãyaka" là phần thứ tư.

415. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NÃGAPALLAVAKA (Nāgapallavakattherāpadānam) 4385. Tôi [đã] sống ở vườn thượng uyển của thành phố Bandhumatī. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống ở gần nơi khu ẩn cư của tôi. 4386. Tôi đã cầm lấy chồi non của cây nāgā và đã dâng lên đức Phật. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đấng Thiện Thệ. 4387. [Ke từ khi] toi đã cúng dường chồi non trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 4388. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4389. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nãgapallavaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nâgapallavaka55 là phần thứ năm.

416. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (Ekadīpiyattherāpadānam) 4391. Khi bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhartha viên tịch Niết- bàn, tất cả chư thiên cùng nhân loại đã cúng dường đến bậc Tối Thượng Nhân. 4392. Và khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha được đưa lên giàn hỏa thiêu, mọi người cúng dường lễ hỏa táng của bậc Đạo Sư tùy theo năng lực của mình. 4393. Tôi đã thắp lên ngọn đèn ở không xa giàn hỏa thiêu cho đến khi mặt trời mọc lên. Ngọn đèn đã chiếu sáng đến tôi. 4394. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi.

3 Madhumamsadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) thịt (marnsà) ngọt (rnadhù)y 4 Nãgapallavaka nghĩa là 4<vị liên quan đến chồi non (pallavă) của cây nga."

THÁNH NHÂN KÝ sự 369

4395. Tại nơi ấy, có cung điện đã khéo được kiến tạo dành cho tôi được biết tên là "Ekadípi". Có một trăm ngàn ngọn đèn đã cháy sáng ở cung điện của tôi. 4396. Thân hình của tôi luôn luôn chiếu sáng tợ như mặt trời đang mọc lên. Với tất cả các hào quang của cơ thể, tôi luôn luôn có được ánh sáng. 4397. Bằng mắt, sau khi đã vượt lên ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá, tôi [có thể] nhìn thấy xung quanh một trăm do-tuần. 4398. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên bảy mươi bảy lần. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba mươi mốt lần. 4399. Và toi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4400. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Ngay cả khi đi vào bụng mẹ, mắt của tôi không nham lại. 4401. Bôn tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Chưa đây nửa tháng, tôi đã thành tựu phàm vị A-la-hán. 4402. Tôi đã làm cho thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tát cả phiên não đã được căt lìa; điêu này là quả báo của một ngọn đèn. 4403. Tôi [có thể] nhìn thấy sau khi đã vượt lên thậm chí toàn bộ ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá; điều này là quả báo của một ngọn đèn. 4404. Đối với tôi các sự gập ghềnh trở thành bằng phẳng, bóng đen không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự tăm tối; điều này là quả báo của một ngọn đèn. 4405. Ke từ khi tôi đã dâng cung cây đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của một ngọn đèn. 4406. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4407. Quả vậy? tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4408. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadĩpiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão EkadTpiya" là phần thứ sáu.

417. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHAÑGAPUPPHIYA (Ucchañgapupphiyattherāpadānam) 4409. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Bandhumatī. Sau khi chất đầy ở bên hông, tôi đã đi đến khu phố chợ.

5 Ekadĩpiya nghĩa là 4tVị liên quan đến một (ekā) cây đèn (dīpā)'

4410. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, với năng lực lớn lao, dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi ra. 4411. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī, vị giúp cho thế gian vượt qua, tôi đã lấy ra bông hoa từ bên hông và đã cúng dường đến đức Phạt tối thượng. 4412. [Ke từ khi] tôi đã cung dườnệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4413. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4414. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4415. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ucchañgapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão Ucchañgapupphiya95 là phần thứ bảy.

418. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO YẢGUDẢYAKA (Yãgudãyakattherãpadãnam) 4416. Lúc bấy giờ, sau khi tiếp đãi người khách của tôi, tôi đã đi đến ngôi làng nhỏ. Sau khi nhìn thấy con sông bị tràn ngập, tôi đã đi đến tu viện của hội chúng. 4417. Là những vi chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp ệiũ bỏ (Đầu-đà)? chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cu, các vi trí tuệ ấy sông ở tu viện của hội chúng. 4418. Sự đi lại của các vị đã được giải thoát tót đẹp như thê ây là bị gián đoạn. Các vị ấy không đi để khất thực chính vì dòng sông ngăn trở. 4419. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã lấy gạo của tôi rồi đã dâng cúng vật thí là cháo. 4420. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cháo đến năm vị. Được hài lòng với việc làm của chính mình, tôi đã đi đến cõi Đạo-lợi. 4421. Và có cung điện làm bằng ngọc ma-ni dành cho tôi được tạo ra ở hội chúng Tam Thập. Được gần gũi với những nữ nhân, tôi vui thh ở cung điện tuyệt vời. 4422. Tôi đã là vi Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi ba lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương cai quản lãnh thổ rộng lớn ba mươi lần.

6 Ucchañgapupphiya nghĩa là44Vị mang bông hoa (puppha) ở hông (ucchangà)^

9 r 9

4423. Lãnh thô vương quôc là bao la, không thê đo lường băng phương diện tính đêm. ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đều thọ hưởng danh vọng. 4424. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi tóc được cạo bỏ, tôi đã thấu triệt tất cả. 4425. Trong khi biết chắc rằng, thân thể là sự suy tàn hoặc là sự hoại diệt cũng thế, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán trước việc thọ trì điều học. 4426. Sự bố thí cao quý của tôi đã được bố thí tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Do chính việc dâng cúng cháo ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động. 4427. Tôi không biết đến sự sầu muộn, sự than vãn, sự bệnh tật, sự lo lắng, sự bực bội của tâm đã được sanh khởi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo. 4428. Sau khi dâng cúng cháo ở phước điền vo thượng của hội chúng, tôi thọ hưởng năm điều lợi ích. ôi, tính chát đã

được hiên dâng tốt đẹp của món cháo! 4429. Sự không bị bệnh, có sác đẹp, chuyên chú vào giáo pháp, đạt được cơm nước, tuổi thọ là điêu [lợi ích] thứ năm đôi với tôi. 4430. Bất cứ người nào trong khi sanh khởi niềm phấn khởi, người ấy nên dâng cúng cháo đến hội chúng. Là bậc trí tuệ, [người áy] có thể nhận lãnh năm điều này.7 4431. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo. 4432. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4433. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4434. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yāgudāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Yāgudāyaka" là phần thứ tám.

419. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PATTHODANADẢYAKA (Patthodanadāyakattherāpadānam) 4435. Trước đây, tôi đã là người đi rừng, thường xuyên làm việc ở trong rừng. Sau khi cầm lấy gói cơm, tôi đã đi làm công việc. 4436. ở nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bi Đánh Bại. Sau khi nhìn thấy Ngài đang từ rừng đi ra đe khất thực, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. 7 ở các tạng Miến, Thái, Anh có thêm 2 câu kệ (4 dòng). Không thêm vào vì ý nghĩa không có gì đặc biệt. 8 Yāgudāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) cháo ịyãgù)y

4437. Bi vướng bận trong sự quán xuyên công việc của người khác, và phước báu của tôi là không được biêt đên. Có gói cơm này, tôi sẽ chăm lo bữa ăn cho bậc Hiền Trí. 4438. Khi ấy, tôi đã cầm lấy g6i cơm và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. Trong khi tôi đang suy tư, bậc Hiền Trí đã thọ dụng [gói cơm]. 4439. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 4440. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần. 4441. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đêm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điêu này là quả báo của gói cơm. 4442. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của gói cơm. 4443. Các của cải được sanh lên cho tôi tương đương với dòng nước của con sông, tôi không the nào đo lường; điều này là quả báo của gói cơm. 4444. "Ngươi hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường nay9,? vì thê tôi được sung sướng; điêu này là quả báo của gói cơm. 4445. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của gói cơm. 4446. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4447. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4448. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời

dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Patthodanadâyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão PatthodanadãyakaM là phần thứ chín.

420. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA (Mañcadāyakattherāpadānam) 4449. Khi đấng Bi Man, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã viên tịch Niết-bàn, khi Phật ngôn đã được phổ biến, được tôn kính bởi chư thiên cùng nhân loại. 4450. Tại nơi ấy, tôi đã là người giai cấp hạ tiện, là người làm ghế dài và ghê đâu. Tôi sinh sông bằng công việc ây. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

9 Patthodanadãyaka nghĩa là "VỊ dâng cúng (dāyako) gói (patthà) cơm (odană)y

4451. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình làm xong chiếc ghế dài khéo được hoàn tất. Rồi tôi đã đích thân đi đến và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu. 4452. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 4453. Được đi đến thế giới của chư thiên, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Các giường nằm có giá trị lớn lao được sanh lên theo như ước muốn. 4454. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc năm mươi lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần. 4455. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đêm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điêu này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường. 4456. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, nếu tôi đi đến cõi nhân loại, các chiếc giường xinh đẹp vô cùng giá trị tự chính chúng hiện ra cho tôi. 4457. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí hôm nay cũng là thời điểm của chiếc giường, có chiếc giường hiện diện. 4458. Ke từ kứii toi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiêc giường. 4459. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4460. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4461. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Maflcadāyaka99 là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi Bhaddâli, vị [dâng] một chiếc lọng, vị Tinasūla, vị dâng cúng thịt, VỊ [dâng] chồi non cây nāgā, vi có ngọn đèn, vị có [bông hoa] ở bên hông, vi dâng cúng cháo, vị có gói cơm, vi dâng cúng chiếc giường. Và các câu kệ được tính đếm ở đây là hai trăm câu kệ và một câu kệ được thêm vào đó. Phẩm Bhaddâlỉ là phẩm thứ bốn mươi hai.

10 Mañcadāyaka nghĩa là “vj dâng cúng (dāyako) chiếc giường (rnañcd)y

XLm. PHẨM SAKIMSAMMAJJAKA (SAKIMSAMMAJJAKAVAGGO)

421. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAKIMSAMMAJJAKA (Sakimsammajjakattherāpadānam) 4462. Đối với đức Thế Tôn Vipassī, cây Pātalī là [tên của] cội cây Bồ-đề tối thượng. Sau khi nhìn thấy cội cây cao cả ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín. 4463. Sau Idìi cầm lấy cái chổi, tôi đã quét cội Bồ-đề liền khi ấy. Sau khi quét cội Bồ-đề ấy, tôi đã đảnh lễ cây Pātalī. 4464. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã chắp tay lên ở đầu, trong khi tôn kính cội Bồ-đề ấy, tôi đã khom mình bước đi. 4465. Trong khi tưởng nhớ đến cội cay Bồ-đề tối thượng, tôi bước đi ở lối đi bộ. Có con trăn, có hình dáng khủng khiếp, có sức mạnh lớn lao đã bức hiếp tôi. 4466. Hành động đã được tôi làm trong lúc gần đây, đã khiến cho tôi được vui lòng với kết quả. Con trăn nuốt chửng lấy thân hình của tôi, và tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.1 4467. Tâm của tôi không bị chộn rộn, luôn luôn tinh khiết, trong trắng. Tôi không còn biết đên mũi tên sâu muộn [và] sự bực bội ở tâm của tôi. 4468. Bệnh cùi9 bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh động kinh, bệnh ghẻ, bệnh lở loét và bệnh ngứa không có ở tôi; điều này là quả báo của việc quét. 4469. Sự sầu muộn và sự than vãn ở trong trái tim của tôi là không được biết đến, tâm không bị cong quẹo, được ngay thẳng; điều này là quả báo của việc quét. 4470. Tôi không bị vướng mắc ở các tầng đinh, tâm ý được tự tín. Tôi muốn bát cứ tâng đinh nào, chính tâng định ây tự đạt đên cho tôi. 4471. Tôi không say đắm ở điều quyến rũ và các sự việc xấu xa, tôi không bị mê muội ở điều ngu xuẩn; điều này là quả báo của việc quét. 4472. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc quét. 4473. Các phiên não của tôi đã được thiêu đôt? tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

1 Vị này đã bị con trăn giết chết và được sanh lên cõi trời liền tức thì.

THÁNH NHÂN KÝ sự 375

4474. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật toi thượng. 4475. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sakimsammajj aka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Sakimsammaj j aka" là phần thứ nhất.

422. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADÃYAKA (Ekadussadãyakattherãpadãnam) 4476. Tôi đã là người gánh cỏ ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh cỏ. Nhờ the, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.3 4477. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi. 4478. Sau khi ngôi xuông tại ngôi nhà của chính mình, tồi đã tức thời suy nghĩ như vầy: "Bức Phật đã hiện khởi ở thế gian mà vật xứng đáng để dâng cúng không được tìm thấy. 4479. Đây là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có gì để trở thành người thí chủ. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ươm trồng vật cúng dường.,, 4480. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tinh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 4481. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã thốt lớn tiếng rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua." 4482. Đấng Hiểu Biết

Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng: 4483. "Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp. 4484. Ngươi sẽ là vi Chúa của chư thiên cai quản thiên quôc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần. 4485. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, ngươi sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người. 4486. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, ngươi sẽ đạt được vải vóc không bi suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước muốn?5

2 Sakimsammcyjaka nghĩa là một lần (sakirn) quét tước (sammạjjakà)y 3 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Ekadussadâyaka, số 334, trang 260.

4487. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 4488. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tam vải. 4489. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi. 4490. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn, tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, có cả rừng rậm cùng với núi non. 4491. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác. 4492. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây. 4493. Ke từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải. 4494. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4495. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadussadâyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ẾÍKý sự về Trưởng lão Ekadussadâyaka" là phần thứ nhì.

423. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKÃSANADÃYAKA (Ekāsanadāyakattherāpadānam) 4497. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Gosita, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng băng lá đã khéo được tạo lập. 4498. Khi ấy, [tôi] có tên là Nârada. [Người ta] biết đến tôi với tên là Kass apa. Trong lúc tầm cầu đạo lộ thanh tinh, tôi sống ở [núi] Gosita. 4499. Bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, vi Ưa Thích Sự Độc Cư đã đi đến bằng đường không trung. 4500. Sau khi nhìn thấy hào (Ịuang của bậc Đại Ẩn Sĩ đang di chuyển ở trên chóp đỉnh của khu rừng, tôi đã xép đặt chiếc giường gỗ và đã trải ra tấm da dê. 4501. Sau khi xếp đặt chỗ ngồi, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi bày tỏ sự vui mừng, tôi đã nói lời nói này:

4 Ekadussadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) một (ekã) tấm vải (dussa)y

4502. "Bạch đấng Đại Hùng, Ngài là vị phẫu thuật, là người thầy thuốc của các bệnh nhân. Bạch đấng Lãnh Bạo, xin Ngài hãy ban cho con liều thuốc của người bị cơn bệnh hành hạ. 4503. Bạch đức Phật tối thượng, bạch đấng Hiền Trí, những người nào có mục đích về sức khỏe, nhìn thấy Ngài đạt được sự thành tựu về mục đích trường cửu, sự tái sanh của những người này được lụi tàn. 4504. Con là người thọ dụng trái cây đã rụng xuống, con không có vật dâng cúng đến Ngài. Con có chỗ ngồi này, thỉnh Ngài ngồi xuống ở chiếc giường g8." 4505. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Sau khi chờ đợi trong chốc lát, Ngài đã nói lời này: 4506. "Nguôi hãy tự tin, chớ lo sợ. Ngươi đã đạt được viên ngọc như ý. Điều gì đã được ngươi ước nguyện, tất cả sẽ được tròn đủ trong thời vị lai. 4507. Điều đã được làm ấy của ngươi ở phước điền vô thượng không là vô ích. Đối với người nào có tâm đã được củng cố, bản thân của [người ấy] có thể tiếp độ được. 4508. Do sự dâng cúng chỗ ngồi này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiêp. 4509. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần. 4510. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ngươi sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi và sẽ luân chuyển ở vòng luân h8i." 4511. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc trí tuệ đã bay lên không trung, như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 4512. Vê phương tiện di chuyên băng voi, phương tiện di chuyên băng ngựa, xe kéo và cỗ xe, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của mọt chỗ ngồi. 4513. Ngay cả khi đã đi vào rừng rậm, lúc nào tôi mong muôn vê chô ngôi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh. 4514. Trong khi đã đi vào trong nước, lúc nào tôi mong muốn về chỗ ngồi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh. 4515. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, luôn luôn có một trăm ngàn chiếc ghế bành vây quanh tôi. 4516. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới, trong bản thể thiên nhân và loài người. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn. 4517. Sau khi dâng cúng một chô ngôi ở phước điên vô thượng, sau khi nắm lấy chiếc ghế bành giáo pháp, tôi sống không còn lậu hoặc. 4518. Ke từ Idii tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm n^àn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

4519. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4520. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4521. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekãsanadãyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Ekãsanadãyaka^ là phần thứ ba.

424. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAKADAMBAPUPPHIYA (Sattakadambapupphiyattherãpadãnam) 4522. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Kadamba. ở sườn ngọn núi ấy có bảy vi Phật ấy đã cư ngụ. 4523. Sau khi nhìn thấy cây kadamba đã được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã hái bảy bông hoa và đã tung lên với tâm [nghĩ] về phước báu. 4524. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 4525. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 4526. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4527. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4528. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sattakadambapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sattakadambapupphiya" là phần thứ tư.

425. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA (Korandapupphiyattherāpadānam) 4529. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng có sự quan tâm [phụng duỡng] đên cha và mẹ. Tôi sinh sông nhờ vào việc giêt thú rừng, tôi không biết đên điều tốt lành.

5 Ekãsanadãyaka nghĩa là 'M dâng cúng (dãyako) một (ekā) chỗ ngồi (dscưia)' 6 Sattakadambapupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bảy (sattā) bông hoa (puppha) kadamba.,,

THÁNH NHÂN KÝ su 379

4530. Do lòng thxrơng tưởng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhẫn đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi. 4531. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở [dấu] bàn chân. 4532. Sau khi nhìn thấy cây koranda mọc ở trên đất đã được trổ hoa, tôi đã hái một số [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng. 4533. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 4534. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi là người có màu da của bông hoa koranda và có cả vẻ sáng ngời nữa. 4535. Kể từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ở bàn chân. 4536. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4537. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4538. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Korandapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ky sự về Trưởng lão Korandapupphiya" là phần thứ năm.

426. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMANDADĀYAKA (Ghatamandadāyakattherāpadānani) 4539. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào khu rưng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất. 4540. Do bản thân đã được thực hành, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhãgĩrathĩ này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi. 4541. Và trái đất kinh khủng, không thể đo lường, không thể ước lượng này, hiểu biết được ước muốn của tôi, nó trở thành tinh thể mật ngọt [cho tôi]. 4542. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc mọc ở trên đất, hiêu biêt được ước muôn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi].

7 Korandapupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) koranda.,,

4543. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần, và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4544. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, toi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phan bơ lỏng nguyên chất. 4545. Các phiên não của tôi đã được thiêu đôt? tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4546. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4547. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ghatamandadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ghatamandadāyaka" ỉa phần thứ sáu.

427. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKADHAMMASAVANIYA (Ekadhammasavaniyattherāpadānam) 4548. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thong Suốt về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật đã giúp cho nhiều người vượt qua.9 4549. Vào lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy, tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phất phơ các y phục bằng vỏ cây. 4550. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Như là con chim bi va vào tảng đá, tôi không đạt được sự di chuyển. 4551. Tợ như người đã đi vào trong nước, tôi di chuyển ở hư không như vậy. Sự hư hoại về các oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây. 4552. [Nghĩ rằng:] uNào! Ta sẽ tìm hiểu việc này. ít ra ta cũng có thể đạt được lý do." Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư. 4553. Khi ấy, Ngài đang thuyết giảng về tính chất vô thường với âm điệu khích lệ, cuốn hút, dễ nghe, tôi đã học tập chỉ có pháp ấy của Ngài. 4554. Sau khi đã học tập sự nhận biết về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy. 4555. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe về Chánh pháp. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

8 Ghatamandadāyaka nghĩa là 6tvị dâng cúng (dāyako) bơ lỏng (ghata) nguyên chất (manda)y 9 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaniya, số 339, trang 267.

THÁNH NHÂN KÝSự« 381

4556. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi mốt lần. 4557. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4558. Tôi đã thọ hưởng phước báu của chính mình, tôi đã được sung sướng ở cõi này, cõi khác. Trong khi luân hồi ở cối này, cõi khác, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy. Tôi không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn? vi thế bất tư. 4559. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vị Sa-môn có giác ạuan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chát vô thường: 4560. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên, chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc." 4561. Sau khi lắng nghe câu kệ, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng trước đây. Sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 4562. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Đức Phật đã cho [tôi] tu lên bậc trên; điều này là quả báo của việc lắng nghe giáo pháp. 4563. Ke từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nghe giáo pháp. 4564. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4565. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4566. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekadhammasavaniya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ekadhammasavaniya" là phần thứ bảy.

428. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (Sucintitattherãpadãnam) 4567. Toi đã là người nông dân ở thành phố Hamsavatī. Tôi sinh sống bằng công việc trồng trọt. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ. 4568. Khi ấy, thửa ruộng đã được thành tựu tốt đẹp, lúa của tôi đã được kết hạt. Và khi thời điểm gặt hái đã đến, vào lúc ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy: 4569. “That không đúng đắn, không tốt đẹp cho ta là người biết về lành 10 Ekadhammasavaniya nghĩa ià "vj liên quan đến việc một lần (ekā) lắng nghe (savanà) giáo pháp (dhammà)y

382 KINH TIỂU Bỏ

dữ, sao ta có thê thọ dụng phàm vật đâu mùa nêu khi ây ta chưa dâng cúng đên hội chúng! 4570. Vị này là đức Phật có ba mươi hai hảo tướng, tương đương với bậc Không Thể Sánh Bằng. Nhờ Ngài, hội chúng là phước điền vô thượng đã được thành lập. 4571. Ta sẽ dânệ cúng vật thí là lúa mới đến các Ngài trước tiên hết." Sau khi suy nghĩ như thê, tôi đã trở nên mừng rỡ, tâm tư được khoan khoái. 4572. Tôi đã mang theo lúa từ thửa ruộng và đã đi đến bậc Toàn Giác. Sau khi đi đến bậc Toàn Giác, đấng Nhân Ngưu,

bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã nói lời nói này: 4573. "Bạch đấng Hiền Trí, lúa mới đã được thành tựu và Ngài cũng là người thọ lãnh. Bạch bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng xin Ngài chấp nhận.^ 4574. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Hiểu Biết Thế Gian Tissa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã nói lên những lời kệ này: 4575. "C6 bốn hạng được thực hành [bốn đạo] và có bốn quả được tồn tại. Hội chúng này có bản the chính trực, được đinh tĩnh với tuệ và giới. 4576. Phước báu có mâm mông tái sanh [hữu lậu] của những người đang hiến cúng, của những chúng sanh có lòng mong mỏi phước báu đang thực hiện, đã được dâng cúng đến hội chúng là có quả báo lớn. 4577. Lúa mới nên được dâng cúng đến hội chúng ấy, vật khác cũng vậy. Sau khi xác định là hội chúng, ngươi hãy đưa các vị Tỳ-khưu đến tư gia, và hãy dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu vật đã được chuẩn bi tại nhà." 4578. Sau khi xác định là hội chúng, tôi đã đưa các vị Tỳ-khưu đến nhà, và đã dâng cúng đen hội chúng Tỳ-khưu vật đã được tôi chuẩn bị tại nhà. 4579. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 4580. Tại nơi ấy, cung điện bằng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần9 chiều rộng ba mươi do-tuần. Dứt tụng phẩm thứ mười chín. x e -tí t y 4581. Chô cư ngụ của tôi được phân bô chăng chịt, đông đảo các nhóm nữ nhân. Tại nơi ấy, tôi ăn, tôi uống và tôi sống ở cõi Tam Thập Tam. 4582. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 4583. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của lúa mới. 4584. Vê phương tiện di chuyên băng voi, phương tiện di chuyên băng

ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới. 4585. về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới. 4586. về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới. 4587. về những tôi trai, nhữnệ tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới. 4588. Sự lạnh, sự nóng nực hoặc sự bực bội không được tôi biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ơ trái tim không được tôi biết đến. 4589. [Được bảo rằng:] "Ngươi hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường này." Tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới. 4590. Giờ đây, lần sau cùng này là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Quả báo của vật dâng cúng khiến tôi luôn luôn được hoan hỷ đến tận hôm nay. 4591. Sau khi đã dâng cung lúa mới đến hội chúng là tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám điều lợi ích thích đáng với việc làm của tôi: 4592. Tôi có sắc đẹp, có danh vọng, có của cải to lớn, là người không bị tai họa, tôi luôn luôn có quyền lực lớn lao, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ. 4593. Bất cứ những ai cư ngụ ở trên trái đất, tất cả đều tôn trọng toi. Và bất cứ những gì là vật nên được dâng cúng, tôi đều đạt được trước tiên hết. 4594. ở giữa hội chúng Tỳ-khưu hoặc trước mặt

đức Phật tối thượng, các thí chủ đã đi vượt qua tất cả các vị và dâng cúng đến chính tôi. 4595. Tôi thọ hưởng các điều lợi ích này bởi vì tôi đã dâng cúng lúa mới đến hội chúng là tập thể tối thượng trước tiên hết; điều này là quả báo của lúa mới. 4596. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của lúa mới. 4597. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4598. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sucintita11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Sucintita” là phần thứ tám.11 11 Sucintita nghĩa là "vj đã suy nghĩ (cintỉtà) khéo léo (su)y

429. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SONNAKIÑKANIYA (Sonnakiñkaniyattherāpadānam) 4600. Vì niêm tin, tôi đã ra đi và đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Thiên về nghiệp khổ hạnh, tôi đã là vị mang y phục bằng vỏ cây. 4601. Hơn nữa, đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngiru vào lúc bấy giờ đã hiện khởi, đang giúp cho nhiều người vượt qua. 4602-03. Và sức lực của tôi quả nhiên đã bị cạn kiệt bởi cơn bệnh trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã tạo nên ngôi bảo tháp tối thượng ở trên bãi cát. Với tâm mừng rỡ, với ý phấn chấn, tôi đã dùng tay rải rắc các bông hoa kiủkanĩ bang vàng. 4604. Với tâm tịnh tín ấy đối với vi Atthadassĩ như thế ấy, tôi đã đi vòng quanh ngôi bảo tháp như là có đức Phật hiện diện. 4605. Trong khi đi đến thế giới của chư thiên, tôi đạt được sự an lạc bao la. Tại nơi ấy, tôi đã có màu da vàng chói; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4606. Tôi có tám trăm triệu người nữ đã được trang điểm, thường xuyên phục vụ cho tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4607. Có sáu mươi ngàn nhạc cụ, gôm các trông lớn và các trông nhỏ, các tù và vỏ ốc và các trống con. Các chiếc trống đã vang lên một cách vui nhộn ở tại nơi ấy. 4608. Có tám mươi bốn ngàn con voi là những con voi mātañga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi, đã được trang điểm. 4609. Được che phủ với những tấm lưới vàng, các con voi thể hiện sự phục vụ đến tôi. Sự thiếu hụt của tôi về binh lực luôn cả về voi là không được biết đến. 4610. Tôi đã thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kiñkanī bằng vàng. Tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi tám lân. 4611. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi mốt lần. Tôi đã cai quản vương quốc ở mặt đất, trên quả địa cầu một trâm lẻ một lần. 4612. Giờ đây, đã đạt đến bất tử là không còn tạo tác, khó nhìn thấy vô cùng, tôi đây đã được đoạn tận các sự trói buộc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 4613. Ke từ khi tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một ngàn tám trăm kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 4614. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4615. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4616. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sovannakiñkaniya12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 6íKý sự về Trưởng lão Sovannakiñkaniya55 là phần thứ chín.

430. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SONNAKONTARIKA (Sonnakontarikattherāpadūnam) 4617. Đức Phật là vị đã tu tập về tâm, đã chế ngự bản thân, được định tĩnh, đang cư xử theo đường lối Phạm hạnh, thích thú trong sự tịnh lặng của tâm. 4618. Tôi đã suy tưởng về bậc Toàn Giác đã vượt qua dòng nước lũ, về bậc Hiền Trí được thỏa thích về thiền, đã tiến vào sự thể nhập [định], có ánh sáng của cánh hoa súng. 4619. Sau khi lấy nước bằng cái bầu [đựng nước], tôi đã đi đến đức Phật tối thượng. Sau khi rửa các bàn chân của đức Phật, tôi đã dâng cúng cái bầu nước. 4620. Va bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã truyền lệnh rằng: "Bằng cái bầu này, ngươi hãy đem nước lại và hãy đặt ở cạnh bàn chân của Ta." 4621. Tôi đã đáp lại rằng: "Lành thay!” Và với lòng tôn kính bậc Đạo Su, tôi đã mang lại nước bang cái bau và đã đưa đen gan đức Phật toi thượng. 4622. Trong khi làm cho tâm của tôi được mát mẻ, đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: “Do sự dâng cúng cái bau này, mong rằng ý định của người được thành tựu." 4623. Toi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười lăm kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi lần. 4624. Vào ban ngày hoặc ban đêm, nếu tôi đang đi kinh hành hoặc đang đứng, có người cầm cây gậy vàng đúng ở phía trước tôi. 4625. Sau khi dâng cúng cái bầu nước đến đức Phật, tôi đạt được cây gậy vàng. Hành động đã được thực hiện, dầu là nhỏ nhoi trở thành to lớn như thế ấy. 4626. Ke từ khi toi đã dâng cúng cái bầu nước trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái bầu nước. 4627. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4628. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4629. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

12 Sovannakiñkaniya nghĩa là 44vị liên quan đến bông hoa kiñkanī bàng vàng (sovanna).

Đại đức Trưởng lão Sonnakontarika13 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sonnakontarika" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị trưởng lão quét một lần, vi có tấm vải độc nhất, vi có một chỗ ngồi, vị dâng [bông hoa] kadamba, vị dâng [bông hoa] koranda, vị [dâng] bơ lỏng, vị lắng nghe [giáo pháp], vị đã khéo suy nghĩ, vị liên quan đến [bông hoa] kiñkanī, và vị có cây gậy vàng. Có một trăm câu kệ và thêm vào bảy mươi mốt câu nữa. Phẩm Sakimsammajj aka là phẩm thứ bốn mươi ba.

13 Sonnakontarika nghĩa là "vi có liên quan đến cây gậy ịkontă) bằng vàng (sonna)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 387

XLIV PHẨM EKAVIHĀRĨ (EKAVIHĀRIVAGGO)

431. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRIYA (Ekavihãriyattherãpadãnam) 4630. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 4631. Bậc như thê ây đã sông không còn pháp chướng ngại, không cân sự nâng đỡ, có tâm ý sánh bằng bầu không gian, thường xuyên [trú vào] không tánh, thỏa thích ở vô tướng. 4632. Bậc Đại Bi, đấng Anh Hùng, rành rẽ về phương thức huấn luyện, có tâm không quyến luyến, lìa phiền não, không thân cận với gia đình và đồ chúng. 4633-34. Bị bận rộn trong những việc hữu ích cho những người khác, đấng Te Độ Thế Gian ấy ngòi giữa đại chúng đang hướng dẫn chúng sanh, luôn cả chư thiên về đạo lộ đưa đếnNiết-bàn, về việc làm khô cạn bãi lầy đưa đến cảnh giới [tái sanh], về pháp bất tử có phẩm vị tối thắng, cản ngăn sự già và sự chết. 4635. Thốt lên âm điệu của loài chim Karavīkā (Ca-lăng-tần-già)5 đấng Bảo Hộ, đức Như Lai, với âm thanh của Phạm thiên đang tiếp độ những người có lối đi bi lầm lạc, không người hướng dẫn, ra khỏi chốn vô cùng khốn khổ. 4636. Trong lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang thuyết giảng giáo pháp không bợn nhơ, tôi đã nhìn thấy Ngài. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. 4637. Và sau khi xuất gia, lúc bây giờ, trong khi suy nghĩ vê giáo pháp của đang Chiên Thăng, bi quay roi bởi việc chung đụng nen toi đã song chỉ moi một mình ở trong khu rừng đáng yêu. 4638. Sự yên tịnh về thân của tôi trở thành nhân duyên chính yếu cho tôi có được sự yên tinh ở tâm, có được sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong việc chung đụng. 4639. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4640. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

388 KINH TIỂU Bộ

4641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekavihāriya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Ekavihāriya59 là phần thứ nhất

432. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKASAMKHIYA (Ekasamkhiyattherāpadanam) 4642. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường cội Bồ-đề tối thượng. 4643. Tôi không nghĩ rằng bậc Đạo Sư nào có cội Bồ-đề được cúng dường như thế này lại là VỊ kém cỏi, Ngài phải là vị Phật tối thượng. 4644. Do đó? tôi đã cầm lấy chiếc tù và vỏ ốc và đã phục vụ cội cây Bồ-đề. Trong khi thổi [tù và] trọn cả ngày, tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng. 4645. Hành động được thực hiện vào lúc cận kề cái chết đã đưa tôi đến thế giới chư thiên. Cơ thể của tôi vừa ngã xuống là tôi sướng vui ở thế giới chu thiên.1 2 4646. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn hớn hở vui mừng, hoan hỷ phục vụ tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4647. Tôi đã là đức Vua Sudassana bảy mươi mốt kiếp, là

người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu. 4648. Ke đó, có trăm loại nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi. Tôi thọ hưởng nghiệp quả của chính mình; điều này là quả báo của việc phục vụ. 4649. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, các chiếc trống luôn luôn vang lên đến tôi ngay cả khi [nhập thai] đi vào bụng mẹ. 4650. Sau khi phục vụ đấng Toàn Giác, sau khi thọ hưởng sự thành dạt, tôi đã đạt đến vị thế bát động là Niet-ban? bình yên, bất tư. 4651. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 4652. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4653. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1 Ekavỉhãriya nghĩa là 4ívị liên quan đến sự cư ngụ (vihārā) một mình (ekā) 2 Vị ấy bị ngã chết và được sanh lên cõi trời ngay khi ấy.

THÁNH NHÂN KÝ sự 389

Đại đức Trưởng lão Ekasañkhiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Ekasañkhiyaw là phần thứ nhì.

433. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PĀTIHĪRASAÑÑAKA (Pāfihīrasaññakattherāpadānam) 4655. Khi ấy, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi vào thành phô cùng với một trâm ngàn vi có năng lực [A-la-hán]. 4656. Trong khi các vi an tịnh như thê ây dang đi vào thành phô, các châu báu đã phát sáng, đã có tiếng reo hò vào ngay lúc ây. 4657. Trong khi đức Phật đang đi vào thành phố, do năng lực của đức Phật, những chiếc trong đã vang lên dầu không được vỗ, các cây đàn vīnā tự phát ra âm thanh. 4658. T ôi khônệ nhìn thấy đức Phật tối thượng, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara. Và sau khi nhìn thây điều kỳ diệu, tại nơi ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín. 4659. uÔi? đức Phật! ôi, giáo pháp! Oi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Dầu không có tâm tư, các nhạc cụ tự chính mình phát ra âm thanh." 4660. Kê từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đúc Phật. 4661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pātihīrasaññaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Pātihīrasaññaka99 là phần thứ ba.

434. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ÑĀNATTHAVIKA (Nānatthavikattherāpadānam) 4664. Tôi đã nhìn thấy bậc Tối Thượng Nhân giống như là cây kanikârạ được cháy sáng, như là cây đèn được chiêu sáng, như là kim loại vàng đang tỏa sáng. 4665. Sau khi xếp đặt túi

nước, y phục vỏ cây và bình đựng nước, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đức Phật tối thượng rằng: 4666. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, trong khi hủy diệt điều tăm tối được che đậy bởi màng lưới si mê ấy? sau khi thể hiện ánh sáng trí tuệ, Ngài đã vượt qua.

3 Ekasañkhiya nghĩa là t4vị liên quan đến một lần (ekā) thổi chiếc tù và vỏ ốc (sañkhā)y

4 Pātihīrasaññaka nghĩa là uvị tưởng nhớ (saññaka) đến điều kỳ diệu (pātihīrà)y

4667. Bạch đang Vô Thượng, xin Ngài hãy tiếp độ thê gian này bao gôm tát cả. Dâu cho đi kháp trái đát không có gì tương đương với trí tuệ của Ngài. 4668. Với trí tuệ ấy, đức Phật được gọi là 'Đấng Toàn Tri/ Bạch đấng Đại Hùng, con xin đảnh lễ đấng Toàn Tri không gì che lap ấy.” 4669. [Ke từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật tối thượng trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ. 4670. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4671. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4672. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ñānatthavika5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍÉKý sự về Trưởng lão Ñānatthavika55 là phần thứ tư.

435. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UCCHUKHANDIKA (Ucchukhandikattherāpadānam) 4673. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thong Suốt về Tất Cả Các Pháp. 4674. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy khúc mía và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng, bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. 4675. Ke từ khi tôi đã dâng cúng mía trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khúc mía. 4676. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4677. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4678. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ucchukhandika6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ucchukhandika" là phần thứ năm.

5 Ñānatthavika nghĩa là ngợi ca (thavỉkà) trí tuệ (ñāna) của đức Phật.,, 6 Ucchukhandika nghĩa là 4tvị liên quan đến khúc (khandā) mía (ucchu)y

436. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KALAMBADĀYAKA (Kalambadāyakattherāpadānam) 4679. Bậc Tự Giác Ngộ tên Romasa ngụ ở trong vùng đồi núi. Được tinh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên Ngài bông hoa kalamba. 4680. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước

đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của bông hoa kalamba. 4681. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4682. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 4683. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kalambadâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kalambadâyaka55 là phần thứ sáu.

437. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBĀTAKADĀYAKA (Ambātakadāyakattherāpadānam) 4684. Sau khi nhìn thấy đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bi Đánh Bại trong khu rừng, tôi đã cầm lấy trái cây ambātaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. 4685. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4686. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4687. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4688. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambātakadāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ambātakadāyaka^ là phần thứ bảy.

438. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO HARĨTAKADÃYAKA (Harĩtakadâyakattherãpadãnam) 4689. Tôi đích thân mang lại các loại trái cây như trái hantaka, trái ãmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallâtaka và trái billa.

7 Kalambadãyaka nghĩa là 'V dâng cúng (dãyako) bông hoa kalamba." 8 Ambātakadāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trái cây ambataka.”

4690. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền Trí là vị có thiền chứng, được thích thú về thiền, đã đi đến sườn núi. Bậc Đại Hiền Trí đang bị hành hạ bởi cơn bệnh, không có người thứ hai [phục vụ]. 4691. Tôi đã cầm lấy trái harĩtaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. Khi thuốc men vừa mới tác dụng, cơn bệnh đã lắng dịu ngay lập tức. 4692. Có sự khó chiu đã được loại trừ, đức Phật đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng thuốc men, và do sự dứt hẳn cơn bệnh,... 4693.... mong rằng ngươi được sung sướng ở khắp mọi nơi, dầu được trở thành vị thiên nhân hay loài người hoặc ở sanh chủng khác, và bệnh hoạn chớ xảy đến cho ngươi?9 4694. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, vi Không Bi Đánh Bại, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời. 4695. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái harĩtaka đến đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Si, cho đến kiếp sống này bệnh hoạn đã không xảy đến cho tôi. 4696. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển, tam minh đã được đắc chứng, lời dạy của đức Phật đã được thực hành. 4697. Ke từ khi tôi đã dâng cúnệ thuốc men trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả

báo của thuốc men. 4698. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4699. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Harītakadāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. íốKý sự về Trưởng lão Harītakadāyaka^ là phần thứ tám.

439. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPINDIYA (Ambapindiyattherāpadānam) 4701. Khi ấy, tôi đã là con voi chúa có ngà dài như gọng xe, vững chãi. Trong khi đi lang thang ở khu rừng bạt ngàn, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 4702. Sau khi cầm lấy chùm trái xoài, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhartha đã thọ lãnh. 4703. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đạt đến cõi trời Đâu-suất.10

9 Harītakadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) trái cây haritaka." 10 Vị ấy đã chết đi, sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

4704. Từ nơi ấy tôi đã mệnh chung, và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương. Tôi thọ hưởng sự thành đạt theo đường lối thế ấy. 4705. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 4706. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4707. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4708. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambapindiya11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ambapindiya^ là phần thứ chín.

440. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO JAMBUPHALIYA ựambuphaliyattherãpadãnam) 4710. Đức Phật Padumuttara, vị đang nắm giữ danh vọng tối thượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi đó đây để khất thực. 4711. Sau khi thâu hoạch trái cây đầu mùa, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đến đấng Đạo Sư, bậc Anh Hùng xứng đáng sự cúng dường. 4712. "Bạch đấng Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vi the bất động?5 4713. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật đầu mùa. 4714. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt? tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4715. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã

thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

11 Ambapindiya nghĩa là t6vị liên quan đến chùm (pinda) trái xoài (amba)y

Đại đức Trưởng lão Jambuphaliya12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Jambuphaliyaw là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi trưởng lão sống một mình, vi [thổi] tù và vỏ ốc9 vi [tưởng đến] điều kỳ diệu, vị ngợi ca [đức Phật], vi có khúc mía, vị dâng bông hoa kalamba, vi dâng trái ambātaka, vi [dâng] trái cây harītaka, vị có chùm xoài, vị dâng trái mận đỏ là thứ mười. Và các câu kệ đã được tính đêm bởi các bậc trí là tám mươi sáu câu kệ. Phẩm Ekavihārī là phẩm thứ bốn mươi bốn.

12 Jambuphaliya nghĩa là liên quan đến trái cây (phală) mận đỏ ịjambu)y

XIN. PHẨM VIBHITAKA (VIBHĪTAKAVAGGO)

441. KỶ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VIBHĪTAKAMIÑJIYA (Vibhītakamiñjiyattherāpadānam) 4717. Bậc Đại Hùng Kakusandha là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Ngài đã đi vào bên trong khu rừng, tách biệt khỏi đám đông. 4718. Sau khi cầm lấy phần hột và ruột [của trái vibhītaka], tôi đã buộc lại bằng sợi dây leo. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tham thiền ở trong vùng đồi núi. 4719. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng phần hột và ruột đến đấng Anh Hùng, là bậc xứng đáng sự cúng dường. 4720. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng Cling trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần hột và ruột [của trái cây]. 4721. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4722. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4723. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vibhītakaminj iyā1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ky sự về Trưởng lão Vibhītakamiñjiya^ là phần thứ nhất

442. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KOLADẢYAKA (Koladāyakattherāpadānam) 4724. Khi ấy, là vị mặc y phục vỏ cây, tôi đã trang phục bằng da dê. Tôi đã khuân vác túi nặng trái táo và đã đem về khu ẩn cư. 4725. Vào thời điểm ấy, đức Phật Sikhī đã là vị đơn độc, không có người thứ hai. Trong khi biết được về mọi thời điểm, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. 4726. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bậc có sự hành trì tót đẹp. Đưa ra băng cả hai tay, tôi đã dâng cúng trái táo đên đức Phật.

1 Vibhītakamirijiya nghĩa là uvi liên quan đến phần ruột (jniiya) của trái cây vibhĩtaka.,,

4727. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo. 4728. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4729. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4730. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Koladâyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Koladâyaka^ là phần thứ nhì.

443. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BILLAPHALIYA (Billaphaliyattherāpadānam) 4731. Khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng ở bờ sông Candabhāgā, được rải rác với những cây billa, được mọc lên với nhiều giống cây khác loại. 4732. Sau khi nhìn thấy trái cây billa có mùi thơm ngát, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Được hớn hở, với tâm ý bị chấn động, tôi đã làm đầy gói nặng. 4733. Tôi đã đi đến [đức Phật] Kakusandha và đã dâng cúng trái cây billa đã chín đến phước điền, đến đấng Anh Hùng với tâm ý trong sạch. 4734. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4735. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4736. Quả vậy5 tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4737. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Billaphaliya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Billaphaỉiya” là phần thứ ba.

444. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHALLẢTAKADÃYAKA (Bhallātakadāyakattherāpadānani) 4738. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng tợ 2 Koladâyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) trái táo (kolă)y 3 Bìllaphaliya nghĩa là uvị liên quan đến trái cây (phalà) có tên là billa.,^

như cây sāla chúa đã được trổ hoa, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la. 4739. Tôi đã xếp đặt tấm trải cỏ và đã cầu xin đức Phật tối thượng rằng: “Xin đức Phật hãy thương tưởng đến con, con muốn dâng cúng vật thực?5 4740. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Bi Man, vi Có Lòng Thương Tưởng, Có Danh Tiếng Lớn Lao Atthadassĩ đã ngự xuống khu ẩn cư của tôi. 4741. Sau khi ngự xuống, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở tấm thảm lá cỏ. Tôi đã cầm lấy trái cây bhallâtaka và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 4742. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng. 4743. Ke từ khi toi đã dâng cúng trái cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4744. Các phiền

não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4745. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4746. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhallātakadāyaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ốíKý sự về Trưởng lão Bhallātakadāyaka" là phần thứ tư.

445. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UTTALIPUPPHIYA (Uttaỉỉpupphỉyattherãpadãnam) 4747. Tôi đã lấy ra tràng hoa uttalĩ và đã dâng lên cội Bồ-đề là cây Nigrodha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh. 4748. Việc tôi đã dâng lên bông hoa là ngay trong chính kiếp nay, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề. 4749. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4750. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4751. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

4 Bhallātakadāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) trái cây bhallātaka.„

Đại đức Trưởng lão Uttalipupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão uttalipupphiya95 là phần thứ năm.

446. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AMBÃTAKIYA (Ambātakiyattherāpadānam) 4752. Sau khi đi sâu vào trong rừng cây sãla khéo được trổ hoa, bậc Hiền Trí Vessabhū đã ngồi xuống ở những nơi hiểm trở của ngọn núi, trông như là con sư tử đã được sanh ra cao quý. 4753. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường [bông hoa] ambātaka đến phước điền, đến bậc Đại Hùng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 4754. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4756. Quả vậy5 tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ambātakiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ambātakiya" là phần thứ sáu.

447. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĨHẢSANIKA (Sīhāsanikattherāpadānam) 4758. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc tầm cầu lợi ích cho tất cả chúng sanh. 4759. ở bất cứ nơi đau tôi sinh sống, ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đạt được cung điện đồ sộ; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử. 4760. Và có nhiêu chiêc ghê bành làm băng vàng, làm băng bạc, làm bãng hồng ngọc, làm bằng ngọc ma-ni luôn luôn hiện ra cho tôi. 4761. Sau khi đã thực hiện

chỗ ngồi giác ngộ cho vị tên Padumuttara, tôi được sanh ra trong gia đình thượng lưu. Oi, tính chất tốt đẹp của giáo pháp! 4762. [Ke từ khi] tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử. 4763. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5 Uttalipupphỉya nghĩa là 4tvị có liên quan đến bổng hoa (pupphà) uttalĩ.,^ 6 Ambātakiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa ambātaka.^,

4764. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4765. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sĩhâsanika7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Sĩhãsanika95 là phần thứ bảy.

448. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PĀDAPĪTHIYA (Pādapīthiyattherāpadānam) 4766. Đấng Toàn Giác Sumedha là đấng Bi Man Cao Cả, bậc Hiền Trí; Sau khi đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua, vị Có Danh Vọng Lớn Lao ấy đã Niết-bàn. 4767. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện ghế kê chân ở bên cạnh bảo tọa sư tử của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha. 4768. Tôi đã thực hiện nghiệp tốt lành [là nghiệp] có kết quả là sự an lạc, đưa đến sự an lạc. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 4769. Trong khi sống ở tại nơi ấy5 tôi là người có được nghiệp phước thiện, khi tôi giở các bàn chân lên là có những chiếc ghế đẩu vàng hiện ra cho tôi. 4770. Những người nào có được sự lắng nghe ở Ngài, các sự lợi ích cho họ đã được đạt thành tốt đẹp. [Thậm chí] sau khi thể hiện sự tôn kính đến bậc đã Niết-bàn, họ [cũng] đạt được sự an lạc lớn lao. 4771. Việc làm cũng đã được tôi thực hiện tốt đẹp? việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi thực hiện chiếc ghế kê chân, tôi đạt được chiếc ghế đau vàng. 4772. Bất cứ phương nào tôi ra đi, vì bất cứ lý do gì, tôi đều bước đi ở trên chiếc ghế đẩu vàng; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 4773. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ghế kê chân. 4774. Các phiên não của tôi đã được thiêu đôt5 tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4775. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4776. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

7 Sĩhâsanika nghĩa là 'M liên quan đến bảo tọa (āsanā) sư tử (s)", là chỗ ngồi ở cội cây Bồ-đề (Ịbodhìyã āsanarn) và trèn chỗ ngoi đó, đức Phật đã chứng quả vị Giác ngộ. (ND)

Đại đức Trưởng lão Pādapīthiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pādapīthiya95 là phần thứ tám.

449. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKÃRAKA (Vedikārakattherāpadānam) 4777. Sau khi thực hiện viền rào đã được làm khéo léo ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Phật Padumuttara, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. 4778. Các vật dụng nhân tạo và thiên nhiên vô cùng sang trọng đã từ không trung rơi xuống; điều này là quả báo của cái viền rào. 4779. Trong khi lao vào cuộc chiến đấu kinh hoàng nổ ra từ hai phe, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ; điều này là quả báo của cái viền rào. 4780. Sau khi biết được ước muốn của tôi, cung điện được sanh lên, xinh đẹp, với những chiếc giường trị giá lớn lao; điều này là quả báo của cái viền rào. 4781. [Ke từ khi] tôi đã xay dựng cai viền rào trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái viền rào. 4782. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4783. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4784. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vedikāraka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trường lão Vedikāraka55 là phần thứ chín.

450. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIGHARIYA (Bodhighariyattherāpadānam) 4785. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cội Bồ-đề của đức Thế Tôn Siddhartha là vị Chúa Te Của Loài Người như thế ấy. 4786. Tôi đạt đến cõi trời Đẩu-suất. Tôi sống ở trong ngôi nhà châu báu. Sự lạnh hoặc sự nóng không có đến tôi, gió không chạm vào thân thể của tôi. 4787^ Trước đây sáu mươi lăm kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương. Có thành phố tên là Kãsika đã được hóa hiện ra bởi VỊ Trời Vissakamma. 4788. [Thành phố này] dài mười do-tuàn, rộng tám do-tuàn. ở trong thành pho này không có gỗ, dây thừng và gạch ngói.

8 Pãdapīthỉya nghĩa là uvị liên quan đến cái ghế (pĩtha) kê chân (pãdà)ỵ 9 Vedỉkãraka nghĩa là thực hiện (kārako) cái viền rào ịyedỉ, vedikāya

4789. Có tòa lâu đài tên là Mañgala đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Chiêu ngang đã là một do-tuân, chiêu rộng nửa do-tuân. 4790. Đã có tám mươi bốn ngàn cột làm bằng vàng và các tháp nhọn làm bằng ngọc ma-ni, mái che đã là bằng bạc. 4791. Có ngôi nhà làm bằng vàng toàn bộ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Nơi này đã được tôi cư ngụ; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà. 4792. Sau khi thọ hưởng tất cả các thứ ấy ở cõi trời và người, hôm nay tôi đã đạt đến Niết-bàn là vị thế an tinh không gì hơn được. 4793. [Ke từ khi] tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cội Bồ-đề trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà. 4794. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi

sống không còn lậu hoặc. 4795. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4796. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bodhighariya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Bodhighariya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có trái cây vibhītaka, vị dâng trái táo, vị dâng trái billa, vị dâng trái bhallâtaka, vị dâng tràng hoa uttalĩ, vị dâng bông hoa ambātaka, luôn cả vị có chỗ ngồi, vị dâng ghế kê chân, vị làm cái viền rào, vị cho thực hiện căn nhà của cội Bồ-đề. ở đây, các câu kệ đã được tính đếm là bảy mươi chín câu, tất cả đã được thuật lại ở phẩm này. Phẩm Vibhītaka là phẩm thứ bốn mươi lăm.

10 Bodhighariya nghĩa ỉa 4tvị liên quan đến căn nhà (gharà) ở cội cây Bồ-đề (bodhi).99

XLVI. PHẨM JAGATIDĀYAKA ỰAGATIDẴY4KAVAGGƠ)

451. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO JAGATIDĀYAKA (Jagatidāyakattherāpadānam) 4797. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện nền đất ở cội cây Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Dhammadassĩ. 4798. Dầu tôi bị ngã từ vực thẳm, từ ngọn núi, hoặc từ thân cây, chết đi tôi có được sự nâng đỡ; điều này là quả báo của nền đất. 4799. Lũ trộm cướp không áp bức tôi, các vị Sát-đế-lỵ không xem thường tôi, tôi vượt trội tất cả các kẻ thù; điều này là quả báo của nền đất. 4800. ở nơi nào toi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều được tôn vinh ở tất cả các nơi; điều này là quả báo của nền đất. 4801. Tôi đã cho thực hiện nền đất, trong một ngàn tám trăm kiếp, tôi không trải qua khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nền đất. 4802. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4803. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4804. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jagatidāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Jagatidāyaka^ là phần thứ nhất

452. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MORAHATTHIYA (Morahatthiyattherāpadānam) 4805. Tôi đã cầm lấy cánh quạt lông công và đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng cánh quạt lông công. 4806. Do cánh quạt lông công này và do các nguyện lực của tác ý? ba ngọn lửa12 đã được dập tắt, tôi đạt được sự an lạc lớn lao.

1 Jagatidāyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) nền đất (ịagatí) ở cội cây B&dề." 2 Ba ngọn lửa là lửa tham, lửa sân và lửa si. (ND)

4807. Ôi, chư Phật! ôi, giáo pháp! ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Sau khi dâng cúng cánh quạt lông công, tôi đạt được sự an lạc lớn lao. 4808. Ba ngọn lửa [tham,

sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 4809. Ke từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cánh quạt lông công. 4810. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tét, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 481L Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Morahatthiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Morahatthiya^ là phần thứ nhì.

453. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANAVĪJAKA (Sīhāsanavyakattherāpadānam) 4813. Toi đã đanh le côi cay Bô-đê cua đức The Ton Tissa. Toi đã lay ra cay quạt và đã hầu quạt bảo tọa sư tử ở tại nơi ấy. 4814. [Ke từ khi] tôi đã hầu quạt bảo tọa sư tử trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt. 4815. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4816. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4817. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sīhāsanavījaka4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Sihsanavījaka” là phần thứ ba.

454. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TI-UKKÃDHÃRAKA
(Ti-ukkādhūrakattherāpadānam)
4818. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã câm ba ngọn đuôc ở cội cây
Bồ-đề tối thượng cua đức Phật Padumuttara.
3 Morahatthiya nghĩa là t4vị liên quan đến cái cánh (hatthà) của chim công (moca)' diễn dịch là cánh quạt lông công. (ND) 4 Sīhāsanavījaka nghĩa ỉa quạt mát (yĩịaka) bảo tọa sư tử (sīhāsana)y

4819. [Ke từ khi] tôi đây đã cầm ngọn đuốc trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đuốc. 4820. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4821. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 4822. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ti-ukkādhāraka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Tỉ-ukkâdhãraka" là phần thứ tư.

455. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AKKAMANADÃYAKA (Akkamanadãyakattherãpadãnam) 4823. Tôi đã dâng cúng tấm lót chân đến đấng Hiền Trí Kakusandha, vị Bà-la-môn toàn

hảo, trong lúc Ngài đang tiến hành việc nghỉ ngơi giữa ngày. 4824. Ngay trong chính kiếp này, kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điêu này là quả báo của tấm lót chân. 4825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Akkamanadãyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* wKý sự về Trưởng lão Akkamanadâyaka" là phần thứ năm.

456. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VANAKORANDIYA (Vanakorandiyattherāpadānam) 4828. Tôi đã cầm lấy bông hoa koranda rừng và đã dâng lên đức Phật, đấng Thế Tôn Siddhartha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 4829. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 5 Tỉ-ukkãdhãraka nghĩa là cầm (dhãrakà) ba (ti) ngọn đuốc (ụkka)y 6 Akkamanadâyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dãyako) tấm lót chân (akkamanà)y

4830. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4831. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn9 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4832. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vanakorandiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Vanakorandiya^ là phần thứ sáu. (Dứt tụng phẩm thứ hai mươi).

457. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA (Ekachattiyattherāpadānam) 4833. Trái đất nảy sanh ra than hừng, mặt đất trở thành tro nóng. Đức Thế Tôn Padumuttara đã đi kinh hành ở ngoài trời. 4834. Sau khi cầm lấy chiếc lọng che màu trắng, tôi đã đi đường xa. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác ở tại nơi ấy, niềm hạnh phúc đã khởi đến cho tôi. 4835. Mặt đất được phủ lên bởi màn ảo ảnh, trái đất này toàn là than hừng. Có cơn gió mạnh thổi đen làm mất đi sự thoải mái của cơ thể. 4836. "Xin Ngài hãy thọ lãnh chiếc lọng che này diệt trừ được sự lạnh và nóng, có sự cản ngăn đôi với sức nóng của cơn gió, con sẽ được chạm đến sự tịch diệty 4837. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Ẩn Si, đấng Chiến Thắng Padumuttara khi ấy đã thọ lanh. 4838. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 4839. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của chính mình đã được bản thân thực hiện tốt đẹp trước đây. 4840. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, là lần hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có chiếc lọng che màu trắng được cầm che cho tôi trong mọi thời diêm. 4841. Ke từ khi tôi

đã dâng cúng chiếc lọng che trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiec lọng. 4842. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi căt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

7 Vanakorandiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa koranda rừng (ẏanà)y

4843. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4844. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekachattiya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekachattiya^ là phần thứ bảy.

458. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO JĀTIPUPPHIYA ựãtipupphỉyattherâpadânam) 4845. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao viên tịch Niết-bàn, tôi đã làm những vòng hoa đội đầu rồi đã đặt lên nhục thân [của Ngài]. 4846. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi Hóa Lạc thiên. Trong khi sống ở thế giới chư thiên, tôi nhớ lại nghiệp phước thiện. 4847. Có cơn mưa bông hoa từ bâu trời rơi xuông ở tôi vào mọi thời diêm. Nếu tôi luân hồi ở loài người, tôi là vị vua có danh vọng lớn lao. 4848. Tại nơi ây, có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc, do nhờ tác động của sự cúng dường bông hoa đen chính Ngài ấy là bậc có sự nhìn thấy tất ca. 4849. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc. 4850. [Ke từ khi] tôi đã dâng len bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đức Phật]. 4851. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4852. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4853. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đa thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Jātipupphiya9 đã nói lên những lời kệ này như thê ây. ÍẾKý sự về Trưởng lão Jātipupphiya^ là phần thứ tám.

459. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PATTIPUPPHIYA (Pattipupphiyattherāpadānam) 4854. Khi nhục thân [đức Phật] được đưa đi, khi những chiêc trông đang được vỗ lên, tôi đã cúng dường bông hoa patti với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

8 Ekachattiya nghĩa lầ uvị liên quan đến một (ekā) chiếc lọng che (chattà)' 9 Jātipupphiya nghĩa là liên quan đến bông hoa)jti.”

4855. [Ke từ khi] tôi đã cúng đường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đúc Phật]. 4856. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi

cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4857. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4858. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pattipupphiya1011 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Pattipupphiya^ là phần thứ chín.

460. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GANDHAPŪJAKA (Gandhapūjakattherāpadānam) 4859. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện, khi các vật thơm nhiều loại đã được mang lại, tôi đã cúng dường [một] nắm tay vật thơm với tâm tịnh tín, với ý vui mừng. 4860. [Ke từ khi] toi đã Cling dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến kho cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường lễ hoa táng [đưc Phật]. 4861. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4862. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4863. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gandhapūjaka11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Gandhapūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị [thực hiện] nền đất, vi có cánh quạt chim công, vi [hầu quạt] bảo tọa, vi cầm giữa ngọn đuốc, vị có tâm lót chân, vị có bông hoa koranda rừng, vị dâng cúng chiêc lọng che, vị cúng dường hoa jāti, vị trưởng lão có bông hoa patti, và vị cúng dường vật thơm là thứ mười. Và có sáu mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Jagatidāyaka là phẩm thứ bốn mươi sáu. 10 Pattipupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) patti.,, 11 Gandhapūjaka nghĩa là "vj cúng dường (pūjaka) vật thơm (gandhd)r

XLVn. PHẨM SÃLAKUSUMIYA (SÂLAKUSUMIY4VAGGƠ)

461. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SÃLAKUSUMIYA (Sālakusumiyattherāpadānam) 4864. Khi đức Thế Tôn tên là Padumuttara viên tịch Niết-bàn và được đặt lên ở giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa Sâla. 4865. [Kể từ khiỊ tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng [đức Phật]. 4866. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc. 4867. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4868. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sâlakusumiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sãlakusumiya59 là phần thứ nhất

462. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA (Citakapūjakattherāpadānam) 4869. Khi đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian đang được thiêu đốt, tôi đã dâng

lên giàn hỏa thiêu của Ngài tám bông hoa campaka. 4870. [Ke từ khi] toi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu [đức Phật]. 4871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1 Sãlakusumiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa (kusumă) sla."

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĚÍKý sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ nhì.

463. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CITAKANIBBẢPAKA (Citakanibbāpakattherāpadūnam) 4874. Khi nhục thân của bậc Đại An Sĩ Vessabhū đang được đót cháy, tôi đã cầm lấy nước thơm và đã làm nguội giàn hỏa thiêu. 4875. [Ke từ khi] tôi đã làm nguội giàn hỏa thiêu trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nước thơm. 4876. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4877. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4878. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakanibbâpaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Citakanibbâpaka" là phần thứ ba.

464. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SETUDĀYAKA (Setudāyakattherāpadānam) 4879. Khi đức Thế Tôn Vipassī đang đi kinh hành ở trước mặt, với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện cây cầu. 4880. [Ke từ khi] tôi đã cho thực hiện cây cầu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu. 4881. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4882. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4883. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Setudãyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trường lão Setudâyaka95 là phần thứ tư. 2 Citakapūjaka nghĩa là "vj cúng dường ịpũịakà) giàn hỏa thiêu (citako)' 3 Citakanibbãpaka nghĩa là í4vị làm nguội (nibbãpaka) giàn hỏa thiêu (citakă)y

465. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVANTIYA (Sumanatālavantiyattherāpadānam) 4884. Tôi đã dâng cúng chiếc quạt được phủ lên bởi những bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhartha. Tôi nắm giữ danh vọng lớn lao.

4885. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt. 4886. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4887. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4888. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sumanatālavantiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự ve Trưởng lão Sumanatālavantiya" ỉa phần thử năm.

466. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO AVANTAPHALIYA (Avantaphaliyattherāpadānam) 4889. Đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Sataramsī. CÓ ước muôn độc cư, đang Toàn Giác đã ra đi vê việc khát thực. 4890. Có trái cây ở tay, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái avanta. 4891. Trước đây chín mươi bốn kiếp, kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4892. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tét, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4893. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật toi thượng. 4894. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avantaphaliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Avantaphaliya^ là phần thứ sáu.

4 Sumanatālavantiya nghĩa là 4tvị liên quan đến chiếc quạt (tālavanta) được gắn hoa lài (sumanã)y 5 Avantaphaliya nghĩa là 4tvị liên quan đến trái cây (phcãd) avanta.,,

THÁNH NHÂN KÝ sự 411

467. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA (Labujadāyakattherāpadānam) 4895. Khi ấy, tôi đã là người phụ việc tại tu viện, ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. 4896. Tôi đã cầm lấy trói mít và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đang đứng ở ngay trên không trung. 4897. Đối với tôi, Ngài là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, đem lại sự an lạc trong thời hiện tại. Tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch. 4898. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc vĩ đại và sự an lạc thù thắng. Và khi tôi tái sanh ở nơi này, nơi khác, có châu báu hiện lên [cho tôi]. 4899. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4900. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4901. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4902. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Labiýadâyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão

Labujadayaka95 là phần thứ bảy.

468. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADẢYAKA (Pilakkhaphaladāyakattherāpadānam) 4903. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassĩ, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ở cuối rừng, với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên trái của cây sung. 4904. Ke từ khi toi đã dâng cúng trai cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 4905. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tót, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4906. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4907. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

6 Labụiadãyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (labujci) trái mít (dãyakă)y

Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Piỉakkhaphaladẫyaka" là phần thứ tám.

469. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SAYAMPATIBHĀNIYA (Sayampatibhāniyattherāpadānam) 4908. Ai là người nhìn thấy đấng Nhân Ngưu, vị Trời Của Chư Thiên đang tiến bước ở trên đường, tợ như cây kakudhā đang chói sáng mà không tịnh tín? 4909. Ai là người nhìn thấy bậc đã xua đi điều tăm tối ấy, đã giúp cho nhiều người vượt qua, đang chói sáng với ánh sáng trí tuệ mà không tịnh tín? 4910. Ai là người nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang hướng dẫn một trăm ngàn vị có năng lực, đang tiếp độ nhiều chúng sanh mà không tịnh tín? 4911. Ai là người nhìn thấy vi đang vỗ lên chiếc trống giáo pháp, đang chế ngự các nhóm ngoại dạo, đang gầm lên tiếng rống sư tử mà không tinh tín? 4912. Cho đến các Phạm thiên từ thế giới Phạm thiên đã đi đến và hỏi các câu hỏi khôn khéo, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín? 4913. Thế gian luôn cả chư thiên thể hiện sự chắp tay đối với Ngài rồi thỉnh cầu, nhờ Ngài, họ thọ hưởng phước báu, ai là người nhìn thấy mà không tinh tín? 4914. Tất cả mọi người tụ tập lại và thỉnh cầu bậc Hữu Nhãn5 được thỉnh cầu, Ngài không rung động, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín? 4915. Khi Ngài đang đi vào thành phô, có nhiêu chiêc trông vang lên và các con voi hào hứng rông lên, ai là người nhìn thây mà không tịnh tín? . 4916. Trong khi đange đi ở đường y lộ, toàn bộÃ hào quang của Ngài luôn luôn 7 r chiêu sáng, những chô bị gập ghênh trở thành băng phăng, ai là người nhìn thây mà không tinh tín? 4917. Khi đức Phật đang nói, [lời Ngài] được nghe ở bầu vũ trụ, Ngài làm cho tất cả chúng sanh được hiểu rõ, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín? 4918. [Ke từ khi] toi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi. 4919. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4920. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối

thượng. 4921. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

7 Pilakkhaphaladãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) trái cây ịphaỉà) của cây sung (pỉlakkhă)y

Đại đức Trưởng lão Sayampatibhāniya 8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Sayampatibhāniya59 ỉa phần thứ chín.

470. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTAVYĀKARANIYA (Nimittavyākaraniyattherāpadānam) 4922. Khi ấy, tôi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp rồi đọc tụng chú thuật. Năm mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi. 4923. Là những vị hiểu biết về kinh Vệ-đà? tất cả đã học thuộc lòng, đã đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần. Được hỗ trợ bởi những sự hiểu biết của chính bản thân, các vi ấy sống ở núi Hy-mã-lạp. 4924. Sau khi mệnh chung từ tập thể cõi trời Đẩu-suất, vi thiên tử có danh vọng lớn lao đã sanh vào bụng mẹ với sự nhận biết và có niệm. 4925. Khi bậc Toàn Giác đang được sanh ra, mười ngàn thế giới đã chuyển động. Khi đấng Lãnh Đạo đang được sanh ra, những người mù đã đạt được thị giác. 4926. Toàn bộ quả đất này đã chuyển động với mọi hình thức. Sau khi nghe được tiếng gầm thét, đám đông dân chúng đã hoảng hốt. 4927. Tất cả mọi người đã tập trung lại và đã đi đến gặp tôi [hỏi rằng]: “Quả đất này đã chuyển động, sẽ có hầu qua gì day?” 4928. Khi ấy, tôi đã nói với họ rằng: “Các người chớ sợ hãi, sự nguy hại không có cho các người. Tất cả cũng nên tự tin, sự xuất hiện này là có điều tốt đẹp. 4929. Bị tác động bởi tám nguyên nhân, quả đất này chuyển động. Các điều báo hiệu như thế này được nhìn thấy, có ánh sáng bao la vĩ đại. 4930. Không còn nghi ngờ nữa, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhãn sẽ hiện khỏi." Sau khi làm cho dân chúng biết rõ? tôi đã thuyết giảng ve năm giới cấm. 4931. Sau khi lăng nghe vê năm giới câm và vê sự xuât hiện của đức Phật là điều hy hữu, họ đã trở nên hớn hở vui mừng với niềm phan khởi đã được sanh lên, với tâm ý vui mừng. 4932. [Ke từ khi] toi đã giải thích về điềm báo hiệu trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc giải thích. 4933. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4934. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật toi thượng.

8 Sayampatibhāniya nghĩa là t4vị liên quan đến việc đích thân mình (sayarn) ca ngợi (patibhāna)y

4935. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nimittavyākaraniya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Nimittavyākaraniya95 là phần thứ mưM.

Phần tóm lược Vị trưởng lão liên quan đến bông hoa Sãla, luôn cả vi cúng dường [giàn hỏa thiêu], và vị làm nguội [giàn hỏa thiêu], vị dâng cúng cây cầu, vị có cây quạt, [vi dâng lên] trái avanta, vị dâng lên trái mít, [vị dâng lên] trái sung, vị ca ngợi, và vị Bà-la-môn liên quan việc giải thích. Có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm Sãlakusumiya là phẩm thứ bốn mươi bảy.

9 Nimỉttavyâkaraniya nghĩa là 4tvị liên quan đến việc giải thích (yyãkaranã) các điềm báo hiệu (nimittā)'

XLVm. PHẨM NALAMĀLĪ (NALAMĀLIVAGGO)

471. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NALAMÃLIYA (NaỊamữỉiyattherãpadãnam) 4936. Toi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la. 4937. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và ngay trong khi đang đi ra, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, vị Không Còn Lậu Hoặc ở tại nơi ấy. 4938. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường tràng hoa sậy đến đấng Đại Hùng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường, vị Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian. 4939. [Ke từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4940. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc nhxr là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4941. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4942. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nalamāliya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão NaỊamâliya59 là phần thứ nhất

472. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MANIPŪJAKA (Manipūjakattherāpadānam) 4943. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác di chuyển ở trên không trung. 4944. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có cái hồ thiên nhiên rộng lớn. ở tại nơi ấy đã là chỗ cư ngụ của tôi, được liên quan đến nghiệp phước thiện.

1 NaỊamãliya nghĩa là 4<vị liên quan đến tràng hoa (mãỉã) sậy (naỉa)y

4945. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần. 4946. Trong lúc xem xét, tôi đã không nhìn thấy bông hoa tôi sẽ cúng dường đến đấng Lãnh Đạo. Sau khi làm cho tâm của mình được tinh tín, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. 4947. Tôi đã câm lây viên ngọc ma-ni ở trên đâu của tôi và đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian, [ước nguyện rằng:] "Do sự cúng dường viên ngọc ma-ni này, câu mong quả thành tựu được tót đẹp.^ 4948. Đứng ở trên không trung, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara,

vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đã nói lên lời kệ này: 4949. “Mong rằng ý định ấy được thành tựu cho ngươi. Ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao. Ngươi hãy thọ hưởng danh vọng lớn lao do sự cúng dường ngọc ma-ni nay?5 4950. Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn tên Padumuttara, vị Phật tối thượng đã đi đến nơi mà tâm đã dự tính. 495L Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần. 4952. Trong khi tôi là vị thiên nhân đang nhớ lại việc làm trước đây thì ngọc ma-ni là vật tạo ra ánh sáng của tôi, hiện ra cho tôi. 4953. Tám mươi sáu ngàn nữ nhân có đồ trang sức và vải vóc đủ màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni là những người vợ của tôi. 4954. [Các nàng] có làn mi cong, có nụ cười, có bộ ngực xinh, có eo thon, thường xuyên vây quanh tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọc ma-ni. 4955. Các vật dụng và các đồ trang sức của tôi được thực hiện khéo léo, làm băng vàng, làm băng ngọc ma-ni và làm băng hông ngọc đúng theo ước muôn. 4956. Các ngôi nhà mái nhọn, các hang động đáng yêu và chỗ nằm ngồi vô cùng xứng đáng, sau khi biết được ước muốn của tôi, chúng hiện ra theo như ước muốn. 4957. Và những người nào đạt được sự lắng nghe đã khéo được thành tựu [vì sự lắng nghe] là phước điền của nhân loại, là phương thuốc cho tất cả các sanh linh, các vị ấy có được những sự lợi ích. 4958. Việc làm của tôi cũng đã được thực hiện tốt đẹp là việc tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi được thoát khỏi đọa xứ, tôi đạt được vị thế bất động. 4959. Nơi nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi luôn luôn có ánh sáng từ bảy loại châu báu ở xung quanh. 4960. Do chính sự cúng dường ngọc ma-ni ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, ánh sáng trí tuệ đã được tôi nhìn thấy, tôi đạt đến vi thế bất động.

THÁNH NHÂN KÝ sự 417

4961. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường ngọc ma-ni trước đây một trăm ngàn kiêp? tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc cúng dường ngọc ma-ni. 4962. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4963. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4964. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Manipūjaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Manipūjaka" là phần thứ nhì.

473. KỶ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UKKÃSATIKA (Ukkãsatikattherãpadãnam) 4965. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên là Kosika đã cư ngụ tại núi Cittakūta. Đức Phật, bậc Hiền Trí là vị chứng thiền, thỏa thích với thiền, vui thích với sự độc cư. 4966. Tôi đã dẫn đầu nhóm phụ nữ đi sâu vào núi Hy-mã-lạp và tôi đã nhìn thấy đức Phật Kosika tợ như mặt trăng ngày rằm. 4967. Khi ấy, tôi đã cầm lấy một trăm ngọn đuốc và đặt vòng quanh [đức Phật]. Tôi đã đứng bảy ngày đêm và đã ra đi vào ngày thứ tám. 4968. Khi đức Phật Kosika, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, đã xuất khỏi [thiền], với tâm tịnh tín tôi đã đảnh lễ Ngài và đã dâng cúng một phần vật thực. 4969. "Bạch vị Chúa Te Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con đã sanh

lên cối trời Đẩu-suất; điều này là quả báo của một phần vật thúc." 4970. Luôn luôn có ánh sáng cho tôi vào ban ngày và cả ban đêm nữa. Tôi tỏa ra ánh sáng ở xung quanh một trăm do-tuân. 4971. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, người chinh phục bốn phương, đấng chúa tể của vùng đất Jambu năm mươi lăm kiếp. 4972. Khi ấy, thành phố của tôi đã được sung túc, thịnh vượng, khéo được xây dựng có chiều dài ba mươi do-tuần và chiều rộng hai mươi do-tuần. 4973. Thành phố tên là Sobhanā đã được hóa hiện ra bởi vi Trời Vissakamma, không thiêu văng mười loại âm thanh được két hợp với [âm thanh của] chũm chọe.

2 Manipūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pūjaka) ngọc ma-ni {rnani)y

4974. ở trong thành phố ấy không có dây thừng, gỗ và gạch ngói. Toàn bộ chỉ làm bang vàng và chiếu sáng trong thời gian liên tục. 4975. Có bốn tường thành bao bọc? ba mặt đã được làm bằng ngọc ma-ni, và ở chính giữa có hàng cây cọ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. 4976. Có mười ngàn hô nước được che đậy bởi sen hông và sen xanh, được phủ lên bởi những sen trắng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. 4977. [Ke từ khi] tôi đã cầm giữ ngọn đuốc trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cầm giữ cây đuốc. 4978. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4979. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4980. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ukkâsatika3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ukkâsatika55 là phần thứ ba.

474. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUMANAVĪJANIYA (Sumanavỹaniyattherâpadãnam) 4981. Tôi đã cầm lấy cây quạt hoa nhài ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī và đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng. 4982. [Ke từ khi] tôi đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt. 4983. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tét, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4984. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4985. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão SumanavTjaniya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Sumanavīj aniylà phần thứ tu*.

3 Ukkãsatika nghĩa là t4vị liên quan đến 100 (satā)cây đuốc (ụkkã)y 4 Sumanavījaniya nghĩa là 44vị liên quan đến cây quạt (yĩịanã) hoa nhài (sumanà)y

475. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUMMÃSADÃYAKA {Kummāsadāyakattherāpadānam) 4986. Trong khi bậc Đại An Sĩ Vipassī đang đi tìm kiếm [vật thực], tôi đã nhìn thấy bình

bát [của Ngài] trống không và tôi đã đặt đầy sữa đông [ở bình bát]. 4987. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa đông. 4988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4989. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4990. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kummāsadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Kummãsadâyaka95 là phần thứ năm.

476. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KUSATTHADĀYAKA (Kusatthadāyakattherāpadānam) 4991. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tám thẻ vật thực đến đức Thế Tôn Kassapa, vi Bà-la-môn toàn hảo. 4992. Ngay trong chính kiếp nàj^ [kể từ khi] tôi đã dâng cúng tám thẻ vật thực, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tám thẻ vật thực. 4993. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được còi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4994. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 4995. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kusatthadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kusatthadāyaka" là phần thứ sáu.

477. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIPUNNÃGIYA (Giripunnũgiyattherãpadãnam) 4996. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sobhita đã cư ngụ tại núi Cittakūta. Tôi đã hái bông hoa nguyệt quế mọc ở núi và đã cúng dường đến đấng Tự Chủ.

5 Kummâsadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) sữa đông (kummãsa)y 6 Kusatthadãyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dãyako) tám {atthã) thẻ vật thực {kusă)y Lá cỏ kusa được dùng làm thắm để chọn ra các vị Ty-khừu đi đến nhà thí chủ thọ thực. (ND)

4997. [Ke từ khi] tôi đã Cling dường đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 4998. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 4999. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5000. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Giripunnāgiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Giripunnāgiya55 là phần thứ bảy.

478. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIKẢRAPHALADÃYAKA (Vallikāraphaladāyakattherāpadānam) 5001. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sumanā đã cư ngụ tại thành phố Takkarã. Tôi đã cam lấy trái cây vallikâra và đã dâng cúng đến

đấng Tự Chủ. 5002. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5003. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5004. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5005. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy 4íKý sự về Trưởng lão Vallikāraphaladāyakaw là phần thứ tám.

479. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PÃNADHIDÃYAKA (Pānadhidāyakattherāpadānam) 5006. Sau khi đã rời khỏi việc nghỉ ngơi giữa ngày, đức Thế Tôn Anomadassĩ, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhãn đã bước len đường lộ. 5007. Sau khi cầm lấy đoi dép đã được làm khéo léo, tôi đã tiến bước đường xa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, vi có ánh nhìn thu hút, đang đi bộ.

7 Girỉpunnâgiya nghĩa là "vj liên quan đến hoa nguyệt quế (punnãgà) mọc ở núi.,, 8 Vallikâraphaladãyaka nghĩa là tcvị dâng cúng (dãyako) trái cây ịphalà) vallikāra.,,

5008. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đem đôi dép lại và đặt xuống ở cạnh bàn chân [đức Phật] rồi đã nói lời nói này: 5009. "Bạch bậc Đại Hùng, vị Chúa Của Nhàn Cảnh, đấng Hướng Bạo, xin Ngài hãy bước lên, mong sao mục đích của con được thành tựu là con sẽ đạt được quả báo do việc nAy.” 5010. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bước lên đôi dép, rồi đã nói lời nói này: 5011. "Người nào được tịnh tín, tự tay mình đã dâng cúng đến Ta đôi dép, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói?5 5012. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại, với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, có hai tay chắp lên. 5013. "Do việc dâng cúng đôi dép, người này sẽ được sung sướng và sẽ cai quản thiên quôc năm mươi lăm lân. 5014. Và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn làn. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 5015. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 5016. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ây? là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niêt- bàn không còn lậu hoặc. r e 5017. Người có phước báu [này] sẽ được sanh lên ở thê giới chư thiên hoặc là loài người, sẽ nhận lãnh chiếc xe tương tợ chiếc xe của chư thiên." 5018. Các tòa lâu dài, các kiệu khiêng, các con voi của tôi là được trang điểm. Các chiếc xe được thắng ngựa giống tốt, luôn hiện hữu cho tôi. 5019. Ngay cả trong khi lìa khỏi gia đình, tôi đã rời khỏi bằng xe ngựa. Trong khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5020. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi dâng cúng một đôi dép, tôi được đạt đến vị thế bất động. 5021. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép. 5022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả

các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ^Ký sự về Trưởng lão Pãnadhidãyaka" là phần thứ chín.

480. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINACAÑKAMIYA (Pulinacañkamiyattherāpadānam) 5025. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Trong lúc tìm kiếm loài linh dương, tôi đã nhìn thấy con đường kinh hành. 5026. Với tâm tịnh tín, với ý vui mưng, tôi đã ôm cát ở bên hông [bằng vạt y] và đã rải lên đường kinh hành của đấng Thiện Thệ Quang Vinh. 5027. [Ke từ khi] tôi đã rải cát trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát. 5028. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5029. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5030. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chửng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pulinacañkamiya10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĚÍKý sự về Trưởng lão Pulinacaủkamiya^ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vị có tràng hoa sậy, vị dâng ngọc ma-ni, vị có trăm ngọn đuôc, vị có cây quạt, món sữa đông, thẻ vật thực, luôn cả bông hoa nguyệt quế ở núi, trái cây vallikâra, vị dâng đôi dép, và đường kinh hành rải cát. Có chín mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí. Phẩm NaỊamâlĩ là phẩm thứ bốn mươi tám.

9 Pānadhidāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) đôi dép (pãnadhĩ)y Chủ giải giải thích từpãnadhirn là nen được dịch là đôi dep L 448). 10 Pulinacañkamiya nghĩa là liên quan đến đường kinh hành (cankamả) rải cát (pulinà)y

XLIX. PHẨM PAMSUKŪLA (PAMSUKŪLAVAGGO)

481. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PAMSUKŪLASAÑÑAKA (Pamsukūlasaññakattherāpadānam) 5031. Đức Thế Tôn, bậc Tự Chủ tên Tissa là nhân vật cao cả. Sau khi cởi ra tấm y may từ vải bi quăng bỏ, đấng Chiến Thắng đã đi vào trú xá. 5032. Sau khi cầm lấy cây cung đã được uốn cong, tôi đã bước đi vì nhu cầu thức ăn. Tôi đã nắm lấy con dao cong và đã đi vào khu rừng rậm. 5033. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ được treo ở ngọn cây tại nơi ấy. Tôi đã để cây cung xuống ngay tại nơi ấy và đã chắp tay len ở đầu. 5034. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ với niềm phỉ lạc dạt dào. 5035. [Ke từ khi] tôi đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ

trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ. 5036. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5037. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5038. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pamsukulasañña ka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Pamsukūlasañña ka" là phần thứ nhất

482. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA (Buddhasañña kattherāpadānam) 5039. [Tôi] là vi giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, về tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức.

1 Pamsukūlasañña ka nghĩa là "vi tưởng nhớ (sañña ka) đến tấm y may từ vải bị quăng bỏ (pamsukūlă)y

5040. Lúc bấy giờ, những người học trò đi đến với tôi tợ như làn nước chảy ở dòng sông. Tôi dạy bọn họ vê các chú thuật, đêm ngày không biêng nhác. 5041. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác Siddhartha đã hiện khởi ở thế gian. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, Ngài đã vận hành ánh sáng của trí tuệ. 5042. Tôi có người đệ tử nọ, vi ấy đã thuật lại cho các đệ tử của tôi. Khi ấy, sau khi nghe được sự việc này, bọn họ đa nói với tôi rang: 5043. "Bức Phật, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi ở trên đời. Dân chúng đi theo vị ấy9 lợi lộc cho chúng ta sẽ không cím.” 5044. [Tôi đã nói rằng:] "Chu Phật, các bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao là những vị hiêm khi hiện khởi. Hay là ta nên nhìn thây đức Phật tôi thượng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian?” 5045. Tôi đã cầm lấy tấm da dê, bộ y phục vỏ cây và túi đựng nước của tôi rồi đã rời khỏi khu ẩn cư. Tôi đã thông báo với các đệ tử rằng: 5046. "Tương tợ như bông hoa của cây odumbara và chú thỏ ở mặt trăng, tương tợ như sữa của các con quạ, chư vị Lãnh Đạo Thế Gian là điều hy hữu. 5047. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian cũng như [được sanh vào] bản thể nhân loại là điều hy hữu. Và trong khi có được cả hai, việc nghe [giáo pháp] là điều vô cùng hy hữu. 5048. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian. Này chư vị, chúng ta sẽ nhận được [Pháp] nhãn của chúng ta. Chư vi hãy đên, tát cả chúng ta sẽ đi gặp đang Chánh DangGiac." ” 5049. Khi ấy, tất cả các vị ấy đều mang túi đựng nước, mặc y phục da dê thô xấu, quấn búi tóc rối đã rời khỏi khu rừng. 5050. Những vi tầm cầu mục đích tối thượng [ấy] trong khi nhìn với khoảng cách của cán cày, không còn các vướng bận và sân hận, tợ như những con sư tử không bị hãi sợ. 5051. ít bị bận rộn, không tham lam, cân trọng, có hành vi thanh tịnh, các vị ấy trong khi vừa lo việc kiếm sống vừa đi đến gần đức Phật tối thượng. 5052. Khi chỉ còn một do-tuần rưỡi, có cơn bệnh đã sanh khởi đến tôi. Sau khi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy. 5053. Ke từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc suy tưởng vê đức Phật. 5054. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5055. Quả vậy, tôi đã thành

công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 425

5056. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka2 đã nói lên những lòd kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Buddhasañflaka" là phần thứ nhì.

483. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHISADÃYAKA (Bhisadãyakattherãpadãnam) 5057. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đói [bụng] tôi [đã] nhô lên củ sen ở tại nơi ây. 5058. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vi Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung. 5059. Khi ấy, trong khi Ngài đang phất phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ5 toi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đấng Lanh Đạo Thế Gian. 5060-61. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: “Xin đức Phật, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng, hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con.” Do đó, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao, đã ngự xuống. 5062. Bậc Hữu Nhãn vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng: 5063. uNày người có đại phước, mong rằng ngươi được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sanh được thành tựu cho ngươi. Do việc dâng cúng củ sen này, ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao.” 5064. Sau khi noi lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy thức ăn rồi đã ra đi bằng đường không trung. 5065. Sau đó, tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình. 5066. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét trong lúc sấm sét đang nổ ra. 5067. Sau đó, tia sét đánh xuống đã gián^ vào đâu của tôi. Khi ây9 trong khi bị khuỵu xuống, tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ây. 5068. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên. 5069. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, hầu cận sáng tối; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 5070. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung sướng, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

2 Buddhasaññaka nghĩa là 4Cvị tưởng nhớ (saññakci) đến đức Phật (buddhā)'

426 KINH TIỂU BỐ

5071. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, tôi đã được đoạn tận tát cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa. 5072. Ke từ khi tôi đã dâng cung vật thực trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 5073. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5074. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của

đức Phật tối thượng. 5075. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhisadâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Bhisadãyaka^ là phần thứ ba.

484. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀNATTHAVIKA (Ñānatthavikattherāpadānam) 5076. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo &phía Nam của núi Hy- mã-lạp. Vào lúc bấy giờ, trong khi tầm cầu mục đích toi thượng, tôi cư ngụ ở trong rừng. 5077. Trong lúc tìm kiếm vị thầy, tôi sống mỗi một mình với rễ và trái cây, hài lòng với việc có hay không có. 5078. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài công bố về bốn sự thật. 5079. Tôi không được nghe vê đàng Toàn Giác, cũng không có ai nói với tôi. Khi tám năm đang trôi qua, tôi đã nghe về đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 5080. Sau khi dập tắt củi lửa và quét dọn khu ẩn cư, tôi đã cầm lấy gói vật dụng và đã rời khỏi khu rừng. 5081. Trong khi cư ngụ chỉ một đêm ở các ngôi làng và các khu phố chợ, khi ấy theo tuần tự, tôi đã đi đến gần con sông Candavatĩ. 5082. Vào thời điểm ấy, trong lúc tiếp độ nhiều chúng sanh, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha thuyết giảng về vi thế bất tử. 5083. Tôi đã vượt qua đám đông người và đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng sánh tợ đại dương. Tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: 5084. "Ngài là đấng Tối Thượng Của Loài Người, là bậc Thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh. (Dứt tụng phẩm thứ hai mươi mốt). 3 Bhisadãyaka nghĩa là uvị dâng cúng (dāyako) củ sen (bhisă)y

5085. Bạch bậc Hiền Trí, Ngài là bậc khôn khéo về kiến thức, là đấng Anh Hùng đã giúp cho chúng sanh vượt qua, ở thế gian không có người nào khác là đấng Tiếp Độ, không ai là trội hơn Ngài. 5086. Biên cả vĩ đại hiên nhiên ỉa có thê đo lường băng đâu ngọn cỏ kusa, tuy nhiên bạch đấng Toàn Tri, trí tuệ của Ngài là không thể đo lường được. 5087. Bạch đấng Hữu Nhãn, sau khi đặt trái đất lên đĩa cân là có thể xác định, tuy nhiên sự đo lường trí tuệ của Ngài là không thể có. 5088. Không gian có thể ước lượng bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, tuy nhiên, bạch đang Toàn Tri, giới hạnh của Ngài là không the đo lường. 5089. Bạch đấng Hữu Nhãn, nước ở đại dương, bầu trời và trái đất, những vật này là có thể đo lường, còn Ngài là không thể đo lường.,, 5090. Sau khi đã tán dương đấng Toàn Tri có danh vọng lớn lao bằng sáu câu kệ, khi ấy tôi đã chắp tay lên rồi đứng im lặng. 5091. Người ta nói về người có tuệ bao la, sáng suốt là "Sumedha". Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này: 5092. "Người nào, được tịnh tín, đã tán duơng trí tuệ của Ta bằng tâm ý của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 5093. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là vi Chúa của chư thiên cai quản thiên quôc một ngàn lân. 5094. Và [người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không the đo lường bằng phương diện tính đếm. 5095. Dầu trở thành vi thiên nhân hay là nhân loại, [người này] được tụ hội với nghiệp phước thiện, sẽ có tuệ sắc bén, tâm tư không bị kém sút. 5096. Vào ba mươi ngàn kiêp [vê sau này],

bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 5097. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, và sẽ chạm đến phẩm vị A-la-hán vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh." 5098. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được giáo pháp, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến tâm tư không được thích ý. 5099. Tôi đã luân hồi ở tất cả các cõi và đã thọ hưởng đầy đủ, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ. 5100. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 5101. Ke từ khi tôi đã ngợi ca trí tuệ trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ. 5102. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5103. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5104. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ñānatthavika4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ñanatthavika^ là phần thứ tư.

485. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CANDANAMÃLIYA (Candanamũliyattherãpadũnam) 5105. Sau khi từ bỏ năm phân dục lạc, các sác yêu quý, các vật thích ý, tôi đã từ bỏ tám mươi koịi và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 5106. Sau khi xuất gia, tôi đã tránh xa nghiệp ác do thân. Sau khi tư bỏ ác hạnh do khẩu, tôi cư ngụ ở bờ sông. 5107. Trong khi toi đang sống mỗi một mình, đức Phật tối thượng đã đi đến gặp tôi. Tôi không biết về uđức Phậf\ Tôi đã thực hiện việc chào hỏi. 5108. Sau khi thực hiện việc chào hỏi, tôi đã hỏi tên và dòng họ: 'Thải chăng Ngài là thiên thần, là vị càn-thát-bà, hay là Chúa của chư thiên Sakkā? 5109. Ngài là ai? Là con trai của ai? Phải chăng vị Đại Phạm thiên đã đi đến nơi đây? Ngài tỏa sáng tất cả các phương, giống như là mặt trời đang mọc. 5110. Thưa Ngài, một ngàn cây căm bánh xe được thấy ở bàn chân. Ngài là ai? Là con trai của ai? Làm thế nào chúng tôi nhận biết Ngài? Xin Ngài cho biết tên và dòng họ? xin Ngài hãy xua đi nỗi nghi hoặc của tôi.,, 5111. "Ta không phải là thiên thần, không phải là càn-thát-bà, cũng không phải là Chúa của chư thiên Sakkā. Và Ta cũng không có bản thể của Phạm thiên, đối với các vị này Ta là bậc Tối Thượng. 5112. Ta đã vượt lên phạm vi của các vị ấy, Ta đã cắt lìa sự trói buộc của các dục. Sau khi thiêu đốt tất cả các phiền não, Ta đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thìợng.” 5113. Sau khi lắng nghe lời nói cua vị ấy, tôi đã nói lời nói này: "Bạch đấng Đại Hiền Trí, nếu Ngài là đức Phật, đấng Toàn Tri, bậc Đoạn Tận Khổ Bau, xin thỉnh Ngài ngồi xuống, tôi sẽ cúng dường Ngài.^, 5114. Tôi đã trải ra tấm da de và tôi đã dâng cúng đến đấng Đạo Sư. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử [ngồi xuống] ở hang núi. 5115. Tôi đã cấp tốc leo lên ngọn núi và đã hái trái xoài, bông hoa sâla xinh xắn và gỗ trầm hương vô cùng giá tri. 5116. Tôi đã mau mắn nâng lên tất cả các thứ ấy và đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã dâng cúng trái cây và đã cúng dường bông hoa sâla đến đưc

Phật.

4 Ñānatthavika nghĩa là ngợi ca (thavikà) về trí tuệ (ñāna)y

5117. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã thoa trầm hương và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư với niềm phỉ lạc dạt dào. 5118. Khi ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ngồi xuống ở tấm da dê. Trong khi làm cho tôi được hoan hỷ, Ngài đã tán dương việc làm của tôi rằng: 5119. "Do cả hai việc dâng cúng trái cây cùng với hương thơm tràng hoa này, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai trăm năm mươi kiếp, và sẽ trở thành người vận dụng quyền lực với tâm tư không bị sút kém. 5120. [Người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại trong hai ngàn sáu trăm kiếp và sẽ trô thành đấng Chuyển Luân Vương có đại thần lực [chinh phục] bốn phương. 5121. Có thành phố tên là Vebhāra toàn bằng vàng được tô điểm với châu báu các loại sẽ được hóa hiện ra bởi vị thần Vissakamma. 5122. Theo phương cách này đây, người ấy sẽ luân hồi các cõi. Dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ được tôn vinh ở khắp mọi nơi. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, [người này] sẽ là thân quyến của đấng Phạm thiên.5 5123. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ trở thành người không có gia đình, sẽ thông suốt về các thắng trí và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.” 5124. Nói xong điều này, trong lúc tôi đang trầm tư, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ra đi bằng đường không trung. 5125. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5126. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đâu-suất, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Khi tôi sống ở trong bào thai, tôi không có thiếu hụt về sự thọ hưởng. 5127. Khi tôi đã ở trong bụng mẹ, do ước muôn của tôi, thức ăn? nước uông và vật thực cho người mẹ được sanh lên theo như ước muốn. 5128. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Khi tóc [cạo] được rơi xuống, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5129. Trong lúc suy tầm về nghiệp quá khứ, tôi đã nhìn thấy không phải là kém cỏi, tôi đã nhớ lại việc làm của tôi trong ba mươi ngàn kiếp. 5130. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi đi đến với giáo pháp của Ngài, con đã đạt được VỊ thế bất động?9 5131. Ke từ khi tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5132. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5 Nghĩa là sẽ thuộc dòng dõi Bà-la-môn. (ND)

5133. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5134. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Candanamãliya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trường lão Candanamâliya55 là phần thứ năm.

486. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA (Dhātupūjakattherāpadānam) 5135. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhartha Niết- bàn? tôi đã đưa các thân quyến của tôi đến và tôi đã thực hiện việc cúng dường Xá-lợi. 5136. [Ke từ khi] toi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi. 5137. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5138. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Dhātupujaka" là phần thứ sáu.

487. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PULINUPPẢDAKA (Pulinuppādakattherāpadānam) 5140. ở ngọn núi Hy-mã-lạp, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên DevaỊa. Con đường kinh hành của tôi ở tại nơi ấy đã được tạo nên bởi các vị phi nhân. 5141. Lúc bấy giờ, [tôi] là vị quấn búi tóc rối, mang tui đựng nước, trong khi tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã rời khỏi khu rừng bao la. 5142. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi. Được sanh ra theo nghiệp của mình, các vị sống ở trong khu rừng bao la. 5143. Sau khi rời khỏi khu ẩn cư, tôi đã tạo nên ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã gom góp các bông hoa các loại và đã cúng dường ngôi bảo tháp ấy. 5144. ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tinh tính, tôi đi vào khu ẩn cư. Tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã hỏi tôi về sự việc này:

6 Candanamãliya nghĩa là t4vị liên quan đến trầm hương (candano) và tràng hoa (mãlã)y 7 Dhātupūjaka nghĩa là uvị cúng dường (pūjakd) Xá-lợi (Dhātu)'

5145. "Chúng tôi cũng muốn biết ngài sẽ lễ bái vị thiên thần nào ở ngôi bảo tháp đã được xây dựng bằng cát. Được hỏi, xin ngài hãy giải thích cho chúng toi.,, r 5146. "Các đang Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao đã được xác định rõ ở trong câu chú thuật của chúng ta. Đương nhiên, ta lễ bái các vị Phật tối thượng có danh vọng lớn lao ấy." 5147. "Các bậc Đại Hùng, các đấng Toàn Tri, các vi Lãnh Đạo Thế Gian ấy là như thế nào? Màu da thế nào? Giới hạnh thế nào? Các vi có danh vọng lớn lao ấy là như thế no?" 5148. "Chư Phật có ba mươi hai tướng mạo và còn có bốn mươi cái răng. Với lông mi dài như của bò cái tơ, các con mắt của các vị ấy trông giống như trái cam thảo rừng. 5149. Và trong khi bước đi, chư Phật ây chỉ nhìn với khoảng cách của cán cày. Đầu gối của các vị ấy không phát tiếng, âm thanh của các khớp không nghe được. 5150. Và trong khi bước di, các đấng Thiện Thệ bước đi đều nhấc lên bàn chân phải trước tiên; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật. 5151. Và chư Phật ấy không bị hãi sợ tương tợ như con sư tử, vua của loài thú. Các vi chẳng bao giờ ca tụng bản thân và không khinh miệt các hạng chúng sanh. 5152. Được thoát khỏi sự kiêu ngạo và chê bai, là bình đẳng đối với tất cả sanh linh, chư Phật là những vị không ca tụng chính mình; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật. 5153. Và trong khi được sanh ra, chư Phật

Toàn Giác ấy thị hiện ánh sáng và làm toàn thể trái đất này rung chuyển theo sáu cách. 5154. Và chư vị này nhìn thây địa ngục, khi ây, địa ngục được tiêu diệt, có đám mây lớn đổ mưa; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật. 5155. Các bậc Long Tượng ấy là như thế, và có danh vọng lớn lao không thể sánh bằng, không bị vượt trội về thể hình, các đấng Như Lai là vô lirợng.” 5156. Tất cả các người đệ tử đã tùy hỷ những lời nói của tôi với sự kính trọng. Và họ đã thực hành theo đúng như thế, tùy theo sức mạnh, tùy theo năng lực. 5157. Trong khi tin tưởng lời nói của tôi, những đệ tử có sự mong mỏi về nghiệp của mình tôn vinh [ngôi bảo tháp] cát với tâm ý hướng về bản thể đức Phật. 5158. Vào lúc bây giờ, vị thiên tử có danh vọng lớn lao, sau khi mệnh chung ở cõi trời Đẩu-suất đã sanh vào bụng mẹ, mười ngàn thế giới đã rung động. 5159. Tôi đã đứng ở đường kinh hành không xa khu ẩn cư. Tất cả các đệ tử đã tụ tập lại và đã đi đến ở bên tôi [hỏi rằng]:

5160. "Trùi đất gầm thét như loài bò mộng, rống lên như loài sư tử, khuấy động như loài cá sấu, sẽ có hậu quả gì dây?" 5161. “Bâng Toàn Giác mà ta tán dương lúc ở gân ngôi bảo tháp băng cát, giờ đây đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư ấy đã nhập vào bụng m§." 5162. Sau khi thực hiện việc giảng pháp cho họ và tán dương bậc Đại Hiền Trí, tôi đã giải tán các đệ tử của mình rồi đã xếp vào thế kiết-già. 5163. Và sức lực của tôi quả nhiên đã cạn kiệt, tôi đã bi bệnh một cách trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đên đức Phật tôi thượng và đã mệnh chung ở tại nơi ây. 5164. Khi ấy, tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã thực hiện giàn hỏa thiêu. Và sau khi cầm lấy thi thể của tôi, họ đã đặt lên giàn hỏa thiêu. 5165. Các vị ấy đã tụ hội lại, vây quanh giàn hỏa thiêu và đã chắp tay lên ở đầu. Bị ưu phiền bởi mũi tên sầu muộn, các vị ấy đã khóc rong lên. 5166. Trong khi các vị ấy đang than vãn, tôi đã đi đến gần giàn hỏa thiêu [nói răng]: uNày các bậc trí tuệ, ta là thây của các ngươi, các ngươi chở có sâu muộn. 5167. Các ngươi hãy nên nỗ lực cho lợi ích của minh, đêm ngày không biếng nhác. Các ngươi chớ trở nên xao lãng, thời khắc của các ngươi đã được xếp âặty 5168. Sau khi chỉ dạy các đệ tử của mình, tôi đã trở lại thế giới chư thiên. Và tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười tám kiếp. 5169. Và toi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, và đã cai quản thiên quốc hàng trăm lần. 5170. Trong những kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen lẫn [ở cõi trời và cõi người], tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cát. 5171. Giống như vào tháng Komudĩ, có nhiều giống cây trổ hoa. Tương tợ y như thế, nhờ bậc Đại Ẩn Si, tôi cũng được trổ hoa vào thời điểm. 5172. Chính sự tinh tấn là có khả năng tiến hành các phận sự, ỉa điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5173. [Ke từ khi] tôi đã tán dương đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương. 5174. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5175. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5176. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức

Phật.

THÁNH NHÂN KÝ sự < 433

Đại đức Trưởng lão Pulinuppâdaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Puỉinuppãdaka" là phần thứ bảy.

488. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TARANIYA (Taraniyattherāpadānam) 5177. Đức Thế Tôn Atthadassĩ, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, đức Như Lai đã đi đen gan bờ của con sông Vinakâ. 5178. Là loài rùa di chuyển ở trong nước, có ý định đưa đức Phật vượt qua, tôi đã đi ra khỏi nước và đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 5179. "Xin đức Phật Atthadassĩ, bậc Đại Hiền Trí hãy bước lên người con, con sẽ đưa Ngài vượt qua. Ngài là bậc Đoạn Tận Khổ Bau." 5180. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassĩ có danh vọng lớn lao đã bước lên và đứng ở trên lưng của tôi. 5181. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, tò khi tôi đạt được hiểu biết, tôi chưa từng có sự sung sướng dường thế ấy, giống như khi được lòng bàn chân [Ngài] chạm đến. 5182. Sau khi vượt qua, đấng Toàn Giác Atthadassĩ có danh vọng lớn lao đã đứng ở bờ sông và đã nói lên những lời kệ này: 5183. “Ngay khi tâm vừa nghĩ rằng: 'Ta [sẽ] vượt qua dòng nước chảy của con sông\ và con rùa chúa có trí tuệ này đã đưa Ta vượt qua. 5184. Do sự vượt qua này của đức Phật và do sự hành trì tâm từ ái, [đối tượng này] sẽ sướng vui ở thê giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiêp. 5185. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [đối tượng này] ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, sẽ vượt qua dòng chảy nghi hc" 5186. Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng tốt đẹp, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm hài lòng người nông phu. 5187. Tương tợ y như thế, thửa ruộng đức Phật này đã được thuyết giảng bởi đấng Chánh Đẳng Giác, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả sẽ làm tôi hài lòng. 5188. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 5189. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc vượt qua. 5190. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

8 Pulinuppãdaka nghĩa là 4tvị tạo nên (ụppãdakà) ngôi bảo tháp bằng cát (pulỉnà)y

5191. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5192. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Taraniya910 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Taraniya^ là phần thứ tám.

489. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO DHAMMARUCI Ụữhammarucittherũpadãnanỉ) 5193. Vào lúc đức Phật, đấng Chiến Thắng Dīpañkara đã chú nguyện cho [vị ân sĩ] Sumedha răng: “V6 lượng kiêp vê sau, vị này sẽ trở thành đức Phật. 5194. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama. 5195. Sau khi đã ra

sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được, vị này sẽ được giác ngộ ở gốc cội cây Assattha, trở thành bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao. 5196. upatissa và Kolita sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này. 5197. Khemā và uppalavannā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Citta và luôn cả ÂỊavaka sẽ là hai nam cư sĩ hàng đầu. 5198. Khiyjuttarā và Nandamātā sẽ là hai nữ cư sĩ hàng đầu. Cội Bồ-đề của đấng Chiến Thang này được gọi tên là 'Assattha'."i° 5199. Sau khi nghe được lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại được hoan hỷ, chắp tay lên lễ bái. 5200. Khi ấy, tôi đã là người trai trẻ khéo được học tập tên Meghā. Tôi đã nghe được lời chú nguyện thù thắng của bậc Đại Hiền Trí đến vị Sumedha. 5201. Có được niềm tin với vị Sumedha đầy lòng bi mẫn, trong khi vi anh hùng ấy đang hành hạnh xuất gia, tôi đã cùng xuất gia [với vị ấy]. 5202. Tôi đã thu thúc trong Giới bổn (Pãtimokkha) và ở năm giác quan, có sự nuôi mạng trong sạch, có niệm, là vị anh hùng, là người thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng. 5203. Trong khi đang an trú như thế, do một người bạn xấu xa nào đó, tôi bị xúi giục vào hành vi sai trái và đã đánh mất đạo lộ tốt đẹp. 5204. Là người bị tác động bởi sự suy tầm, tôi đã xa lìa lời giáo huấn. Sau đó? vì người bạn tôi ây, tôi đã phạm vào việc giêt chét người mẹ.

9 Taraniya nghĩa là uvị liên quan đến việc vượt qua (taraụà)y 10 Xem lời chú nguyện đầy đủ ở tập Buddhavamsa (Phật sử), trang...

5205. Tôi đã thực hiện nghiệp vô gián, với tâm ý xấu xa, tôi đã giết chết [người mẹ]. Từ nơi ây chét đi, tôi đã đi đên đại địa ngục Avīci vô cùng khiêp đảm. 5206. Trong khi đang ở chốn đọa dày, bị khổ sở, tôi đã chiu đựng dài lâu. Tôi đã không nhìn thấy vị Anh Hùng Sumedha, bậc Cao Quý Của Loài Ngưòd nữa. 5207. Trong kiếp này, tôi đã là loài cá khổng lồ ở biển cả. Sau khi nhìn thấy con thuyền ở biển khơi, tôi đã đến gần mục tiêu của việc kiếm mồi. 5208. Sau khi nhìn thấy tôi, các người thương buôn kinh sợ đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Tôi đã nghe tiếng kêu lớn "Gotama" đã được thốt lên p.

bởi những người ây. 5209. Sau khi nhớ lại sự hiêu biêt trước đây, từ nơi ây, tôi đã mệnh chung. Tôi đã được sanh ra trong gia đình sung túc, dòng dõi Bà-la-môn ở thành Sāvatthi. 5210. Có tên là Dhammaruci, tôi đã là người ghê tởm tất cả các điều ác. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy bậc Quang Đăng Của Thế Gian. 5211. Tôi đã đi đến tu viện Jetavana to lớn và đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến [nương nhờ] đức Phật ba lần vào ban đêm và ban ngày. 5212. Khi ấy, bậc Hiền Trí đã nhìn thấy và đã nói với tôi rằng: uNày Dhammaruci, lâu that?9 Do đó, tôi đã nói với đức Phật về sự việc quá khứ đã xảy ra: 5213. "Thật là lâu lắm, hôm nay con quả nhiên được nhìn thấy hình dáng xinh đẹp của Ngài, thân thể không gì sánh bằng, có một trăm phước tướng, là vật làm duyên đưa đến Niết-bàn trước đây. 5214. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bóng tối đã được Ngài tiêu diệt lâu lắm rồi. Dòng sông [ái dục] đã được làm cho khô cạn nhờ vào sự hộ trì tốt đẹp. Sự ô nhiễm đã được làm trong sạch lâu lắm rồi. Con mắt đã có được cấu tạo bằng trí tuệ. 5215. Bạch đức Gotama, con được gân gũi với Ngài

trong thời gian dài, con đã không bị tiêu hoại lần nữa trong khoảng thời gian dài. Hôm nay, con được hội tụ với Ngài lần nữa bởi vì những việc đã làm không bị hoại diet." 5216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dhammaruci đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão DhammarucP là phần thứ chín.

490. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAMANDAPIYA (Sālamandapiyattherāpadānam) 5219. Vào lúc ấy, tôi đã đi sâu vào rừng cây sãla. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo, được phủ lên bởi những bông hoa sãla9 tôi cư ngụ ở khu rừng. 5220. Và đức Thế Tôn Piyadassī, đấng Tự Chủ, là nhân vật cao cả. Có ước muốn độc cu, bậc Toàn Giác đã đi đến khu rừng cây sâla. 5221. Khi ấy, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã đi đến khu rừng. Trong khi tìm kiếm rễ và trái cây, tôi đi lang thang ở trong rừng bao la. 5222. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Piyadassĩ, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ngồi vững chãi, thể nhập [định], đang chói sáng ở trong khu rừng lớn. 5223. Tôi đã dựng bốn cây gậy và đã tạo nên mái che, được làm khéo léo ở phía bên trên của đức Phật, rồi đã phủ lên bằng các bông hoa sâla. 5224. Tôi đã cầm giữ mái che được phủ lên bằng bông hoa sâla trong bảy ngày. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng. 5225. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi đinh. Trong khi nhìn với khoảng cách của cán cày, bậc Tôi Thượng Nhân đã ngôi xuống. 5226. Vị: Thinh văn của bậc , tên là Varuna cùng với một : MĐạo Sư Piyadassĩ M trăm ngàn vi có năng lực đã đi đên gặp đang Hướng Đạo. 5227. Và đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khiru đã để lộ nụ cười. 5228. Anuruddha, vị thị giả của bậc Đạo Sư Piyadassĩ đã khoác y một bên vai roi đã hỏi bậc Đại Hiên Tri răng: 5229. "Bạch đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư để lộ nụ cười trong khi biết được lý do, vậy nguyên nhân của việc thể hiện nụ cười của bậc Đạo Sư là gi?" 5230. "Ta đã nhớ lại việc làm của người trai trẻ đã cầm giữ mái che bằng bông hoa cho Ta trong bảy ngày, nên Ta đã để lộ nụ cười. 5231. Ta không nhìn thấy khoảng không gian nào dung chứa được phước báu, và không khoảng không gian nào được như ý dầu ở thế giới chư thiên hay nhân loại. 5232. Đối với người có được nghiệp phước thiện đang sinh sống ở thế giới chu thiên, cho đến hội chúng của người ấy sẽ được phủ lên bởi bông hoa sâla. 5233. Tại đó9 trong khi nghiệp phước thiện đã được hội tụ, người ấy sẽ luôn luôn vui sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của thiên đình. 5234. Cho đến hội chúng của người ấy sẽ có được hương thơm hạng nhất. Và sẽ có cơn mưa bông hoa sâla rơi xuống liền khi ấy.

5235. Mệnh chung từ nơi ấy, người nam này sẽ đi đến cõi nhân loại. Thậm chí ở nơi đây cũng có mái che bằng bông hoa Sâla, được duy trì trong mọi thời điểm. 5236. ở nơi đây,

điệu vũ và lời ca được kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe, sẽ thường xuyên vây quanh người này; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5237. Và khi mặt trời đang mọc lên, sẽ có cơn mưa bông hoa sãla rơi xuống. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, [bông hoa Sāla] đổ mưa vào mọi thời điểm. 5238. Vào một ngàn tám trăm kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thê gian. 5239. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện ve tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết- bàn không còn lậu hoặc. 5240. Sẽ có mái che bông hoa sâla cho người này khi đang chứng ngộ giáo pháp. Trong khi người này đang được thiêu đốt ở giàn hỏa thiêu, sẽ có mái che ở tại nơi ấy.” 5241. Sau khi tán dương quả thành tựu, trong khi làm hài lòng hội chúng với cơn mưa giáo pháp, bậc Đại Hiền Trí Piyadassĩ đã thuyết giảng giáo pháp. 5242. Tôi đã cai quản thiên quốc của chư thiên trong ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bảy lần. 5243. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, tôi nhận được sự an lạc lớn lao. Thậm chí ở nơi đây cũng sẽ có mái che bông hoa sâla trong mọi thời điểm. 5244. Sau khi đã làm hài lòng bậc Đại Hiền Trí Gotama, đấng Cao Quý dòng Sakyā, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động. 5245. Ke từ khi toi đã cúng dường đức Phật trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5246. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng;

Phần tóm lược Tấm y may từ vải bị quăng bỏ? vi tưởng nhớ đến đức Phật, vi dâng cúng củ sen, vị tán dương trí tuệ, vị có trầm hương, vị cúng dường Xá-lợi9 vị tái sanh do cát, vị vượt qua, vi Dhammaruci, vị có mái che bông hoa sâla là tương tợ. Có hai trăm câu kệ và thêm vào mười chín câu nữa. Phẩm Saipsukũla là phẩm thứ năm mươi mốt

L. PHẨM T ÌNỈÑKANIPUPPHIYA (TIKINKANIPUPPHIY4K4GGƠ)

491. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO TIKIÑKANIPUPPHIYA (Tikiñkanipupphiyattherāpadānam) 5249. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị không còn ô nhiễm, đấng Lãnh Đạo Thê Gian ngôi ở trong vùng đôi núi, chói sáng tợ như là cây kanikāra. 5250. Tôi đã lấy ra ba bông hoa kiñkani và đã dâng lên [Ngài]. Sau khi đã cúng dường đấng Toàn Giác, tôi đi [nhiễu quanh Ngài], mặt hướng phía phải. 5251. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5252. [Ke từ khi] tôi đã cung dường đức Phật trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5253. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi

trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật toi thượng. 5255. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikiñkanipupphiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tikiñkanipupphiya^ là phần thứ nhất.

492. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PAMSUKŪLAPŪJAKA (Pamsukūlapūjakattherāpadānam) 5256. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Udañgana. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bi quăng bỏ được treo ở ngọn cây. 5257. Khi ấy, sau khi hái xuống ba bông hoa kiñkani, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường [ba bông hoa] đến tấm y may từ vải bi quăng bỏ.*

Tikiñkanipupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến ba (tĩ) bông hoa (puppha) kiñkani.^,

5258. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5259. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh sau khi đã cúng dường đến biểu tượng của bậc A-la-hán [tam y]. 5260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5261. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5262. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pamsukūlapūj aka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Pamsukūlapūjaka" là phần thứ nhì.

493. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KORANDAPUPPHIYA (Korandapupphiyattherāpadānam) 5263. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng cùng với cha và ông. Tôi sinh sống nhờ vào việc giết thú rừng. Điều tốt lành của tôi là không có. 5264. Do lòng thương tưởng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhãn đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi. 5265. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tinh tín ở [dấu] bàn chân. 5266. Sau khi nhìn thấy cây koranda mọc ở trên đất đã được trổ hoa, tôi đã hái một nhúm [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng. 5267. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý9 sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đa đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5268. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi có làn da [màu bông hoa] koranda, tôi có được vẻ ngời sáng. 5269. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường [dấu] bàn chân [đức Phật]. 5270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

2 Pamsukūlapūjaka nghĩa là cúng dường (pūjaka) tấm y may từ vải bị quăng bỏ ịpamsukũlă)y

THÁNH NHÂN KÝ sự 441

5271. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5272. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Korandapupphiya3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự về Trưởng lão Korandapupphiya 55 là phần thứ ba.

494. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KIMSUKAPUPPHIYA (Kimsukapupphiyattherāpadānam) 5273. Sau khi nhìn thấy cây kimsuka được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã cúng dường ở không trung. 5274. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đên cõi trời Đạo-lợi. 5275. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5277. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5278. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kiĩnsukapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Kiipsukapupphiya” là phần thứ tư.

495. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO UPADDHADUSSADĀYAKA (Upaddhadussadāyakattherapadānam) 5279. Lúc bấy giờ, vi Thinh văn tên Sujātā của đức ế Tôn Padumuttara, trong lúc tìm kiếm vải bị quăng bỏ, đã đi quanh quẩn ở đống rác. 5280. Là người làm thuê cho những người khác ở trong thành phô Hainsavatī, toi đã dang cung mọt nưa so vải va đa đe đau đanh le [vi ay]. 5281. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5282. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quôc ba mươi ba lân. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần.

3 Korandapupphiya nghĩa là có liên quan đến bông hoa (puppha) koraQda." 4 Kimsukapupphiya nghĩa là có liên quan đến bông hoa (puppha) kimsuka.^,

442 KINH TIỂU Bộ

5283. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do việc dâng cúng một nửa số vải, tôi được vui vẻ, sự sợ hãi không có. 5284. Và hôm nay, trong khi mong muốn tôi có thể che phủ [hết thảy] núi non và rừng rậm bang các tam vải sợi lanh; điều này là quả báo của một nửa số vải. 5285. Ke từ khi tôi đã dâng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của một nửa sô vải. 5286. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5287. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam

minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5288. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão upaddhadussadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Upaddhadussadāyaka" là phần thứ năm.

496. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMANDADĀYAKA (Ghatamandadāyakattherāpadānam) 5289. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào khu rừng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tinh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất. 5290. Do bản thân đã được thực hanh, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhāgīrathī này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi. 5291. Và quả đất kinh khủng, không thể đo luờng, không thể ước lượng này, hiêu biêt được ước muôn của tôi, trở thành tinh thê mật ngọt [cho tôi]. 5292. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc, mọc ở trên đất, hiểu biết được ước muốn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi]. 5293. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quôc năm mươi lân. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mót lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 5294. Ke từ khi toi đã dâng cúng vật thí trước đây chùi mươi sáu kiếp, toi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần bơ lỏng nguyên chất. 5295. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5 Upaddhadussadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) một nửa (ụpaddhă) số vải.„

5296. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ghatamandadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* “Ky sự về Trưởng lão Ghatamandadāyaka" là phần thứ sáu.

497. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADẢYAKA (Udakadāyakattherāpadānam) 5298. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bình nước uống đến hội chúng Tỳ-khưu vô thượng của đức Phật Padumuttara. 5299. Dầu ở trên đỉnh núi hoặc ở ngọn cây, ở trên không trung hoặc ở trên đất liền, khi nào tôi muốn nước uống, [nước uống] hiện ra cho tôi ngay tức khắc. 5300. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước. 5301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5302. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Udakadâyaka7 đã nói lên những lời kệ này như

thế ấy. ÍẾKý sự về Trưởng lão Udakadâyaka” là phần thứ bảy.

498. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PULINATHŨPIYA (Pulinathūpiyattherāpadānam) 5304. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Yamaka, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập. 5305. [Tôi] là vị đạo sĩ tóc bện tên Nârada có sự khổ hạnh cao tột. Mười bốn ngàn người đệ tử sống quanh tôi. 5306. Lúc bấy giờ, trong khi đang thiền tịnh tôi đã suy nghĩ như vầy: "Tất cả mọi người tôn vinh ta. Ta không tôn vinh bất cứ ai. 5307. Ta không có vị giáo giới, không biết đến bất cứ vị diễn giả nào. Ta đi đến cư ngụ ở trong rừng, không có thầy giáo thọ và thầy tế độ.

6 Ghatamandadāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) bơ lỏng (ghata) nguyên chất (jnandà)y 7 Udakadâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) nước (ụdakă)y

5308. Đối với ta, không có thầy giáo thọ để ta phục vụ với tâm cung kính, trong lúc kề cận thì sự cư ngụ ở rừng là không có ý nghĩa. 5309. Như thế, ta sẽ tự tìm kiếm vi thầy đáng kính, đáng thọ nhận sự cúng dường của ta. Ta sẽ sống có sự hỗ trợ, không người nào sẽ trách m6c." 5310. Không xa khu ẩn cư của tôi, có con sông nhỏ với bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn khéo được thiết lập? được trải lớp cát vô cùng trong sạch, làm thích ý. 5311. Khi ấy, tôi đã đi đến con sông tên là Amarikâ. Tôi đã gom cát lại và đã thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát. 5312. "Những vi nào đã là các bậc Toàn Giác, là những vi Hiền Trí có sự đoạn tận việc tái sanh, ngôi bảo tháp như thế này là dành cho các vi ấy"; tôi đã làm điều ấy trở thành ấn chứng. 5313. Sau khi thực hiện ngôi bảo thá[) cát, tôi đã biến hóa thành vàng. Tôi đã cúng dường ba ngàn bông hoa kiñka bằng vàng. 5314. Tràn đầy niềm phấn khởi, tôi chắp tay lên lễ bái sáng chiều. Tôi đã đảnh lễ ngôi bảo tháp cát như là đảnh lễ bậc Tọàn Giác ở trước mặt. 5315. Môi khi các điêu ô nhiêm là các suy tâm vê đời sông tại gia sanh khởi, tôi tưởng nhớ đến đấng Thiện Thệ, đến ngôi bảo tháp, lập tức tôi quán xét lại rằng: 5316. "Thua 6ng, trong khi sống nương vào đấng Hướng Đạo, bậc Xa Phu, sao ông có thể sống chung với các điều ô nhiễm, thật không thích hợp cho ông!55 5317. Lúc bấy giờ, mỗi khi suy tưởng đến ngôi bảo tháp, sự cung kính đã có đến tôi. Tôi đã xua đuổi các suy tầm xấu xa như là con voi bị khổ sở vì cây lao nhọn. 5318. Trong khi đang an trú như thế, vị vua Thần chết đã chế ngự tôi. Mệnh chung ở tại nơi ấy, tôi đã đi đến thế giới Phạm thiên. 5319. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã sanh ra ở cõi Tam Thập (Đạo- lợi). Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. 5320. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 5321. Tôi thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kiñkani ấy. Trong đời sống, có một trăm ngàn người bảo mẫu ở quanh tôi. 5322. Do bản chất của sự việc đã được thực hành ở ngôi bảo tháp, bụi bặm và cáu đất không làm nhơ nhuốc, các mồ hôi không tiết ra ở cơ thể, tôi có được vẻ ngời sáng. 5323. Ôi, ngôi bảo tháp đã khéo được xây dựng bởi tôi, con sông Amarikâ đã khéo được nhìn thấy bởi tôi! Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát, tôi đạt được vi thế bất động.

5324. Với người có ước muốn làm việc lành có sự nắm được điều cốt yếu, dầu có thửa ruộng hoặc không có thửa ruộng, việc thực hành đều có kết quả tốt đẹp. 5325. Cũng giống như người nam có sức mạnh nỗ lực để vượt qua biển cả, sau khi cam lay khúc gỗ nhỏ nhoi, có the lao mình vào đại dương [nghĩ rằng]: 5326. "Nương tựa vào khúc gỗ này, ta sẽ vượt qua biển lớn." Với sự nỗ lực và tinh tấn, người nam [ấy] có thể vượt qua biển cả. 5327. Tương tợ y như thế, việc làm đã được thực hiện bởi tôi dầu nhỏ nhoi và bé bỏng, sau khi nương tựa vào việc làm ấy, tôi đã tự mình vượt khỏi luân hồi. 5328. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành pho Sāvatthi. 5329. Có niềm tin, mẹ và cha của tôi đã đi đến nương nhờ vào đức Phật. Có sự đạt được [Pháp] nhãn, cả hai người này hành xử thuận theo giáo pháp. 5330. Sau khi nhặt lấy vỏ khô của cội cây Bồ-đề9 họ đã cho xây dựng ngôi bảo tháp bằng vàng. Sáng chiều họ trực tiếp lễ bái người con trai của dòng họ Sakyā. 5331. Vào ngày lê Uposatha, họ đã dời đi ngôi bảo tháp băng vàng. Trong khi tán dương công hạnh của đức Phật, họ đã trải qua ba canh [của đêm]. 5332. Sau khi nhìn thấy ngôi bảo tháp [vàng], tôi đã nhơ lại ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Dứt tụng phẩm thứ hai mươi hai.

5333. Trong khi tìm kiếm đấng Chiến Thắng ấy, tôi đã nhìn thấy vị Tướng quân Chánh pháp. Sau khi lìa khỏi gia đình, tôi đã xuất gia trong sự chứng minh cua vi áy. 5334. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm VỊ A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên. 5336.8 [rong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn thành được công việc. Giờ dây, việc cần phải làm trong giáo pháp của người con trai dòng họ Sakyā đã được tôi thực hiện. 5337. [Tôi trở thành] vị ẩn sĩ đã vượt qua mọi sự hận thù và hãi sợ, đã vượt lên mọi điều trói buộc. "Bạch đấng Đại Hùng, con là Thinh văn của Ngài; điều này là quả báo của bông hoa bằng vàng.^, 5338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

8 Nguyên bản PãỊi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 5335. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

446 * KINH TIỂU BỒ

5339. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5340. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Pulinathũpiya9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Pulinathũpiya” là phần thứ tám.

499. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NALAKUTIDĀYAKA (NaỊakuỊidữyakattherãpíidânam) 5341. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Hârita. Vào lúc bấy giờ, có bậc Tự Chủ tên Nârada đã cư ngụ ở tại gốc cây. 5342. Tôi đã làm gian nhà bằng cây sậy và đã lợp mái bằng cỏ. Tôi đã làm sạch sẽ đường kinh hành và đã dâng cúng đến bậc Tự Chủ. 5343. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ

bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 5344. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều dài sáu mươi do-tuần5 chiều rộng ba mươi do-tuần, đã được hóa hiện ra từ căn chòi bằng cây sậy. 5345. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười bốn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc bảy mươi mốt lần. 5346. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 5347. Sau khi bước lên tòa lâu đài giáo pháp tương đương với mọi biểu hiện cao quý, tôi an trú trong giáo pháp của người con trai dòng họ Sakyā theo như ý thích. 5348. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của căn chòi bằng cây sậy. 5349. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5350. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn5 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5351. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nalakutidāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Nalakutidāyaka55 là phần thứ chín. 9 Pulinathữpiya nghĩa là t4vị liên quan đến ngôi bảo tháp (thūpā) bàng cát (pulinà)y 10 Nalakutidāyaka nghĩa là dâng cúng (dãyaka) căn chòi (kỉựi) bằng cây sậy (naịă)y

500. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO PIYÃLAPHALADÃYAKA (Piyālaphaladāyakattherāpadānam) 5352. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Khi ấy, trong khi đi lang thang ở khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Sướt về Tát Cả Các Pháp. 5353. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây piyāla và đã tự tay mình dâng cúng đến đức Phật tối thượng, là phước điền, là đấng Anh Hùng. 5354. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5355. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5356. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật toi thượng. 5357. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* 66Ký sự vê Trưởng lão Piyālaphaladāyaka^ là phân thử mười. Phẩm Tikiñkanipupphiya là phẩm thứ năm mươi.

Phần tóm lược Vị có bông hoa kiñkani, y may từ vải bi quăng bỏ, bông hoa koranda, rồi bông hoa kimsuka, vị có một nửa số vải, vị dâng cúng bơ lỏng, vị [dâng cúng] nước, vị thực hiện ngôi bảo tháp, vị có gian nhà bằng cây sậy là thứ chín và vị dâng cúng trái cây piyâla. Có một tràm câu kệ ngôn và chín câu thêm vào đó.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm: Phẩm Metteyya, phẩm Bhaddâli, luôn cả phẩm Sakimsammajj aka, phẩm Ekavihārī, phẩm Vibhītakī, phẩm Jagati, phẩm Sālapupphiya, phẩm Nalāgāra, phẩm Pamsukūla và phẩm Tikiñkanipupphiya là tương

tợ. Có một ngàn bốn trăm tám mươi hai câu kệ. Nhóm “Miròi” tù* phẩm Metteyya. Nhóm wMột trm" thứ năm được đầy đủ.11

11 Pỉyãlaphaladãyaka nghĩa ỉà dâng cúng (dãyako) trái cây (phalà) piyâla."

LL PHẨM KANIKĀRA (KANIKĀRAVAGGO)

501. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TIKANIKĀRAPUPPHIYA (Tikanikārapupphiyattherāpadānam) 5358. Đấng Toàn Giác tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. Có ước muốn độc cu, đức Thế Tôn đã đi đến núi Hy-mã-lạp. 5359. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Man Cao Cả5 bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi ngồi xuống. 5360. Khi ấy, tôi đã là người nắm giữ pháp thuật, là vị du hành ở không trung. Sau khi cầm lấy cây chĩa ba được thực hiện khéo léo, tôi đi ở trên không trung. 5361. Đức Phật chói sáng ở trong khu rừng giống như ngọn lửa ở trên đỉnh núi, tợ như mặt trăng ngày rằm, tợ như cây sãla chúa đã được trổ hoa. 5362. Hào quang của đức Phật vượt ra khỏi chóp đỉnh của khu rừng và tỏa rộng giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy, sau khi nhìn thấy tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. 5363. Trong khi chọn lựa, tôi đã nhìn thấy bông hoa kanikāra có hương thơm của cõi trời. Sau khi cầm lấy ba bông hoa, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng. 5364. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, ba bông hoa của tôi [xoay ngược lại] có các cuống hoa ở bên trên và các cánh hoa ở bên dưới, tạo thành bóng râm che cho đức Phật. 5365. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thán nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5366. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được biết [với tên] là "Kanikārr9, có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần. 5367. [Cung điện] có một ngàn cột trụ chống có màu lục, một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. Có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi. 5368. Có những chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và cũng làm bằng hồng ngọc nữa, luôn cả ngọc pha lê [hiện ra] ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào theo ước muốn.

5369. Và có chiếc giường vô cùng giá trị được trải loại nệm bông gòn có một phần lông rái cá và được gắn liền với chiếc gối. 5370. Khi nào tôi ước muốn việc ra di, thì sau khi rời khỏi nơi cư ngụ và trong lúc thực hiện cuộc du hành cùng với chư thiên, tôi dẫn đầu hội chúng chư thiên. 5371. Tôi đứng, ở phía bên dưới là bông hoa, ở phía bên trên của tôi xung quanh một trăm do-tuần có mái che được phủ bằng các bông hoa kanika. 5372. Có sáu mươi ngàn nhạc công đã phục vụ sáng chiều. Họ thường xuyên vây quanh tôi đêm ngày không biếng nhác. 5373. ở tại nơi ấy, tôi sướng vui với các điệu vũ, các lời ca, các tiếng chũm chọe và các khúc tấu nhạc, với niềm sướng vui của việc giải trí. Tôi vui thích theo sự mong muốn này, mong muốn khác. 5374. Lúc bấy giỏr, ở tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Được gân gũi với các đám nữ nhân, tôi vui thích ở lâu đài tuyệt hảo. 5375. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là

bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 5376. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi nhận lãnh của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 5377. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 5378. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 5379. về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5380. về đám tôi trai, bầy tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5381. về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5382. về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vi cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả bảo của việc cúng dường đức Phật. 5383. "Ngài hãy nhai món này, ngài hãy ăn món này, ngài hãy nằm ở chiếc giường nAy", tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5384. Tôi được tôn vinh ở tất cả các nơi, danh vọng của tôi được thăng tiến, tôi luôn luôn có phe cánh đông đảo, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ, tôi là hạng nhát trong sô các quyên thuộc; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5385. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bực bội không được biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim của tôi không được biết đến. 5386. Sau khi có được làn da màu vàng ròng, tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi không biêt đên việc tàn tạ sác thân; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức PhỊt. 5387. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi. 5388. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5389. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên, tôi là vi trẻ tuôi xứng đáng được cúng dường; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5390. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi là thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5391. Tôi đã thành tựu các pháp phân tích, là vi rành rẽ về các nền tảng của thân thông, đã đạt đên sự toàn hảo vê các pháp; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5392. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5393. Các phiền não của tôi đã được thiêu(tét, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5394. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tikanikārapupphiya1 đã nói lên những lời kệ này

như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Tikanikārapupphiya" là phần thứ nhất.

1 Tikanikārapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến ba (tĩ) bông hoa kanikāra.,^

THÁNH NHÂN KÝ sự 451

502. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPATTADÃYAKA (Ekapattadāyakattherāpadānam) 5396. Tôi đã là người thợ làm đồ gốm ở thành phố Hamsavatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc. 5397. Tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng bình bát bằng đất sét đã được làm khéo léo. Tôi đã dâng cúng bình bát đến đức Thế Tôn là vị có bản thể chính trực như thế ấy. 5398. Trong khi tôi được sanh ra ở cuộc đời, tôi đạt được các chiếc đĩa vàng và các chiếc chiếu nhỏ bằng bạc, bằng vàng và bằng ngọc ma-ni. 5399. Tôi thọ dụng những cái đĩa, điêu này là quả báo của nghiệp phước thiện. Và tôi có bản chất của bình bát [chứa đựng] các loại danh vọng và các loại tài sản. 5400. Cũng giông như chỉ một ít hạt giông được gieo xuống cánh đông màu mỡ, khi có mưa rào thích hợp đô xuống, kết quả làm hài lòng người nông phu. 5401. Tương tợ y như thế, việc dâng cúng bình bát này được gieo xuống thửa ruộng đức Phật, khi trận mưa rào phỉ lạc đô mưa, két quả sẽ làm tôi hài lòng. 5402. So sánh với các thửa ruộng được biêt đên, ngay cả các hội chúng [Ty-khiru] và luôn cả các tập thể, không có gì sánh bằng thửa ruộng đức Phật là nguồn cung cấp an lạc cho chúng sanh. 5403. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi dâng cúng một cái bình bát, con đạt được vị thế bát động?5 5404. Ke từ khi tôi đã dâng cung bình bát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát. 5405. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5406. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5407. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapattadâyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ekapattadâyaka" là phần thứ nhì.

503. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KẢSUMÃRIPHALADÃYAKA (Kāsumāriphaladāyakattherāpadānam) 5408. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của 2 Ekapattadãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) một (ekā) bình bát (pattă)y

Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ngồi ở trong vùng đồi núi, chói sáng như là cây kanikāra. 5409. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi cầm lấy trái cây kāsumārika, tôi đã dâng Cling đến đức Phật tối thượng. 5410. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling trái cây. 5411. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5412. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã

thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5413. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka" là phần thứ ba.

504. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AVATAPHALIYA (Avataphaliyattherāpadānam) 5414. Đức Thế Tôn có ngàn ánh hào quang, đấng Tự Chủ, vị Không Bi Đánh Bại đã xuat ra khỏi sự độc cư và đã ra đi vê việc khát thực. 5415. Có được một nắm trái cây, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngmi. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng Cling trái cây avata. 5416. Ke từ khi toi đã dâng Cling trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng Cling trái cây. 5417. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5418. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Avataphaliya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Avataphaliya" là phần thứ tư.

3 Kāsumāriphaladāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà) kāsumâri.,^

4 Avataphaliya nghĩa là €Cvi liên quan đến trái cây (phaliyà) avaḶa."

THÁNH NHÂN KÝ sự 453

505. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VĀRAPHALIYA (Vāraphaliyattherāpadānam) 5420. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây vâra. 5421. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5422. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5423. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 5424. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vâraphaliya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Vãraphaliya55 là phần thứ năm.

506. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MĀTULUÑGAPHALADĀYAKA (Mātuluñgaphaladāyakattherāpadānam) 5425. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kanikāra được đốt cháy, tợ như mặt trăng ngày rằm, tợ như cây đèn đang cháy sáng. 5426. Được tinh tín, tôi đã câm lây trái cây chanh và đã tự tay mình dâng cúng đến bậc Đạo Sư, đấng Trí Tuệ xứng đáng cúng dường. 5427. Ke từ khi toi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5428. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã

được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5429. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5430. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mātuluñgaphaladāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. J 64Ký sự về Trưởng lão Mātuluñgaphaladāyaka?, là phần thứ sáu.

5 Vâraphaliya nghĩa là t4vị liên quan đến trái cây (phaliyà) vāra.,, 6 Mātuluñgaphaladāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) trái cây (phaỉà) chanh (mãtulungà)y

507. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJELIPHALADAYAKA (Ajeliphaladāyakattherāpadānam) 5431. Vào lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác, đấng Hiền Trí tên Ajjuna, vị hội đủ về hạnh kiểm và thiện xảo về định đã cư ngụ tại núi Hy-mã-lạp. 5432. Sau khi cầm lấy ước chừng một chậu trái cây ạjeli? trái cayjīvajīvaka và trái cây chattapanna, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. 5433. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 5434. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5435. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ajeliphaladāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 46Ký sự về Trưởng lão Ajeliphaladāyaka" là phần thứ bảy.

508. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AMODAPHALIYA (Amodaphaliyattherāpadānam) 5437. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu sắc Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây amoda. 5438. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5439. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5440. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Amodaphaliya8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Amodaphaliya" là phần thứ tám.

7 Ajeliphaladāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) trái cây (phala) ạjeli.,, 8 Amodaphaliya nghĩa là "vj dâng cúng (dāyaka) ừái cây (phala) amoda.,,

509. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TẢLAPHALADÃYAKA (Tālaphaladāyakattherāpadānam) 5442. Đức Thế Tôn tên Sataranisī, đấng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại đã xuất ra khỏi

sự độc cư và đã ra đi về việc khất thực. 5443. Có được một nắm trái cây, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây thốt nốt. 5444. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5445. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5446. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5447. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Tālaphaladāyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Tãỉaphaladâẏaka" là phần thứ chín.

510. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NĀLIKERADĀYAKA (Nālikeradāyakattherāpadānam) 5448. Vào lúc bấy giờ, là người phụ việc tu viện ở thành phố Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. 5449. Tôi đã cầm lấy trái dừa và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đứng ở trên hư không. 5450. Trái cây đã được tôi dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch, đối với tôi là nguôn sanh lên niêm hạnh phúc, đưa đên sự an lạc trong thời hiện tại. 5451. Khi ây, tôi đã đạt đên niêm phỉ lạc lớn lao và sự an lạc cùng tột. Khi tôi được sanh ra ở nơi này nơi nọ, châu báu còn hiện lên cho tôi. 5452. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5453. Thiên nhãn của tôi được thanh tinh, tôi thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5454. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

9 Tālaphaladāyaka nghĩa là "vị dâng cúng (dāyako) trái cây ịphala) thốt nốt (tãlà)y

5455. Quả vậy? tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5456. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nālikeradāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão NāUkeradāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược Bông hoa kanikāra, một bình bát, vi có trái cây kāsumāri, trái cây avata là tương tợ, và trái cây vâra, trái chanh, trái cây ạjeli? luôn cả trái cây amoda, trái cây thốt nốt, và trái dừa là tương tợ. Các câu kệ đã được tính đếm ở đây là một trăm câu ke, không có hơn kém. Phẩm Kaọỉkãra là phẩm thứ năm mươi mốt

10 NãỊikeradãyaka nghĩa là dâng cúng (dãyako) trói cây (phaỉà) dừa (nâỊikerà)y

Ln. PHẨM PHALADẢYAKA (PHALADAY4KAVAGGO)

511. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KURAÑJIYAPHALADĀYAKA (Kurañjiyaphaladāyakattherāpadānam) 5457. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Trong lúc đi lang thang ở trong khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp. ” 5458. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây kurañjiya và đã tự tay mình dâng cúng đến đức Phật tối thượng là phước điền, là đấng Anh Hùng. 5459. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5460. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5461. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5462. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được [tôi] đác chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kurafij iyaphaladāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. ĔÍKý sự về Trưởng lão Kurañjiyaphaladāyaka" là phần thứ nhất

512. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KAPITTHAPHALADÃYAKA (Kapitthaphaladāyakattherāpadānam) 5463. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái táo rừng. 5464. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5465. Các phiên não của tôi đã được thiêu đôt9 tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sông không còn lậu hoặc.1

1 Kurañjiyaphaladāyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây (phala) kurañjiya.^^

5466. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5467. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kapitthaphaladâyaka2 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* uKý sự về Trưởng lão Kapitthaphaladâyaka" là phần thứ nhì.

513. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KOSUMBHAPHALADÃYAKA (Kosumbhaphaladāyakattherāpadānam) 5468. Trong lúc vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, tợ như cây kakudhā đang chói sáng, đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây kosumbha. 5469. Ke tò Idii tôi đã dâng cung trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5470. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5471. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5472. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kosumbhaphaladâyaka3 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kosumbhaphaladãyaka" là phần thứ ba.

514. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KETAKAPUPPHIYA (Ketakapupphiyattherāpadānam) 5473. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ của con sông Vinatâ. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh. 5474. Khi ấy, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường đến đức Phật tôi thượng với bông hoa của cây ketaka có mùi thơm ngọt ngào. 5475. [Ke từ khi] toi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5476. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

2 Kapitthaphaladâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) trái cây (phalà) táo rừng.^, 3 Kosumbhaphaladãyaka nghĩa là dâng cúng {dāyako) trái (phalà) kosumbha."

5477. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5478. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ketakapupphiya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ketakapupphiya" là phần thứ tư.

515. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NÃGAPUPPHIYA (Nữgapupphiyattherãpadãnam) 5479. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng bông hoa nāgā. 5480. [Ke từ khi] tôi đã cung dườïiệ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5481. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5482. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nâgapupphiya5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Nãgapupphiyaw là phần thứ năm.

516. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO AJJUNAPUPPHIYA (Ajjunapupphiyattherāpadānam) 5484. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Si điểu ở bên bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. 5485. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi. có tay chăp lên, tôi đã câm lây bông hoa ajjuna và đã cúng dường đên đang Tự Chủ. 5486. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân Kim Si điểu, tôi đã đi đến cối trời Đạo-lợi. 5487. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương cai quản vương quốc rộng lớn mười làn. 5488. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằnệ phương diện tính đếm. ôi, hạt giống của tôi đã được gieo xuống thửa ruộng tót là đấng Tự Chủ! •

4 Ketakapupphiya nghĩa là t4vị liên quan đến bông hoa (puppha) ketaka." 5 Nãgapupphiya nghĩa là 4tvị liên quan đến bông hoa (puppha) nāgā.”

5489. Tôi tìm thấy điều tốt lành, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Giờ đây, tôi là vị xứng đáng sự cúng dường trong giáo pháp của người con trai dòng Sakyā. 5490. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5491. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5492. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ajjunapupphiya6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ajjunapupphiya” là phần thứ sáu.

517. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KUTAJAPUPPHIYA (Kutajapupphiyattherūpadānam) 5493. ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Cãvala. Đức Phật tên Sudassana cư ngụ ở trong vùng đồi núi. 5494. Tôi đã cầm lấy bông hoa ở các ngọn núi Hy-mã-lạp rồi đã đi trên không trung. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc. 5495. Sau khi cầm lấy bông hoa kutaja5 toi đã chắp tay lên ở dầu, và tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Hiền Trí. 5496. [Ke từ khi] toi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 5497. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5498. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5499. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kutajapupphiya7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Kutajapupphiya59 là phần thứ bảy.

6 Ajjunapupphiya nghĩa là uvị liên quan đến bông hoa ịpuppha) ạjjuna." 7 Kutạiapupphiya nghĩa là 44vị liên quan đến bông hoa (pupphă) kutạja."

518. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO GHOSASAÑÑAKA (Ghosasaññakattherāpadānam) 5500-01. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, đứng đầu hội chúng chư thiên đang công bố về bốn sự thật, đang thuyết giảng về vi thế bất tử. Tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào của đức Sikhī là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian. 5502. Tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm vang [của đức Phật], ở nhân vật không người sánh bằng. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tinh tín, tôi đã vượt qua cảnh giới khó có thể vượt qua. 5503. Ke từ khi tôi đã đạt được sự nhận biết trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nhận biết âm vang. 5504. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là

con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5505. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5504. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ghosasaflñaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ghosasaññaka" là phần thứ tám.

519. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAPHALADÃYAKA (Sabbaphaladũyakattherãpadãnam) 5505. Lúc bấy giờ, tôi là vi Bà-la-môn tên Varuna thông suốt về chú thuật. Tôi đã lìa bỏ mười người con trai và đã đi sâu vào khu rừng. 5506. Tôi đã tạo lập khu ân cư khéo được xây dựng, khéo được phân chia, làm thích ý. Sau khi làm nên gian nhà rộng bang lá, tôi song ở trong khu rừng. 5507. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vi Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. 5508. Ánh sáng đã trở thành bao la đến tận lùm cây rậm của khu rừng. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, khu rưng được phát sáng. 5509. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ấy của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã cầm lấy túi đựng bình bát và đã chứa đầy với trái cây. 5510. Tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác và đã dâng cúng túi trái cây. Vì lòng thương tưởng đến tôi, đức Phật đã nói lời nói này: 5511. "Ngươi hãy cầm lấy túi nặng [trái cây] và đi đến ở phía sau Ta. Và khi hội chúng đã thọ dụng, phước báu sẽ thành tựu cho nguôi."

8 Ghosasaññaka nghĩa là <Ếvị nhận biết (saññakci) âm vang (ghosa)y

5512. Tôi đã cầm lấy cái túi ấy và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu. ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất. 5513. Được liên kết với nghiệp phước thiện, ở tại nơi ấy, tôi luôn luôn thọ hưởng sự sung sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của cõi trời. 5514. Nơi chốn nào tôi sanh lên, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiêu hụt vê của cải; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5515. Sau khi dâng cúng trái cây đến đức Phật, tôi đã được thiết lập làm vị chúa tể cho đến tận bốn châu lục, luôn cả các đại dương và các ngọn núi nữa. 5516. Và đối với tôi, ngay cả các bầy chim bay lên ở không trung, chung cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5517. Và cho đến các loài chúng sanh như các dạ-xoa, các loài quỷ sứ? các vi thiên nhân kumbhanda, và các loài nhân điểu ở lùm cây rậm của khu rừng cũng đi đến phục vụ cho tôi. 5518. Loài rùa, loài chó, loài ong và cả hai loài mòng muỗi, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5519. Các loài chim gọi là thần điểu, thuộc loài có cánh, có sức mạnh lớn lao, chúng cũng đi đến nương nhờ ở tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5520. Ngay cả các loài rồng có tuổi thọ dài lâu, có thần lực, có danh vọng lớn lao, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5521. Loài sư tử, loài cọp, loài báo, cùng các loài gấu, chó sói và linh cẩu, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5522. Các vị sống bằng cỏ thần dược và các vị sống ở trên không trung, tất cả đi đen nương nhờ ở tôi; điều này

là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5523. Sau khi chạm đến đối tượng [Niết-bàn] khó được nhìn thấy, vô cùng hoàn hảo, thâm sâu, khéo được chói sáng, tôi an trú; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5524. Sau khi chạm đến tám giải thoát, tôi sống không còn lậu hoặc. Và tôi là người có sự nhiệt tâm, cân trọng; điêu này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5525. Những vị nào là con trai của đức Phật đã trú vào Thánh quả, có sân hận đã được cạn kiệt, có danh vọng lớn lao, tôi đã là một vị nữa trong số những vị ấy; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5526. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi đi đến sự toàn hảo về

các thắng trí, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc. 5527. Những vị nào là con trai của đức Phật có được tam minh, đã đạt đến thần thông, có danh vọng lớn lao, đã chứng đạt thiên nhĩ, tôi đã là một vị nữa trong số những vị ấy. 5528. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 5529. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cát đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sông không còn lậu hoặc. 5530. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5531. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sabbaphaladãyaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Sabbaphaladãyaka" là phần thứ chín.

520. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO PADUMADHẢRAKA (Padumadhārakattherāpadānam) 5532. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có đức Phật tên là Sambhavaṃ đã sống ở ngoài trời. 5533. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã năm giữ đóa hoa sen. Sau khi năm giữ [đóa hoa sen] trong một ngày, tôi đã quay trở vê nơi cư ngụ. 5534. [Ke từ khi] toi đã tôn vinh đức Phật trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tôn vinh đức Phật. 5535. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5536. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5537. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Padumadhâraka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Padumadhãraka" là phần thứ mười.

9 Sabbaphaladâyaka nghĩa là dâng cúng (dāyako) tất cả (sabbā) trái cây (phalà)y 10 Padumadhãraka nghĩa là nắm giữ (dhãraka) đóa hoa sen (padumà)y

Phần tóm lược Trái cây kurañjiya, trái táo rừng, trái cây kosumbha, và bông hoa của cây ketaka, bông hoa nāgā, bông hoa ajjuna, luôn cả vị có bông hoa kutaja, vi nhận biết âm vang, và vi trưởng lão là người dâng cúng tất cả trái cây, vị nắm giữ đóa hoa sen là

tương tợ. Và ở đây, có tám mươi câu kệ và có ba câu kệ được thêm vào đó. Phẩm Phaladãyaka là phẩm thứ năm mươi hai.

THÁNH NHÂN KÝ sự 465

Lm. PHẨM TINADĀYAKA {JINADĀYAKAVAGGO)

521. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO TINAMUTTHIDĀYAKA (Tinamutthidāyakattherāpadānam) 5538. ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. ở tại nơi ấy, đấng Toàn Giác Upatissa đã đi kinh hành ở ngoài trời. 5539. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy vi Trời Của Chư Thiên ấy, tôi đã dâng cúng nắm cỏ. 5540. Sau khi dâng cúng vật để lót ngồi đến đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra di, mặt hướng về phía Bắc. 5541. Khi đã ra đi không bao lâu, vua của loài thú đã sát hại tôi. Trong khi ngã xuống vì con sư tử, tôi đã lìa đời ở tại nơi ấy. 5542. [Do] nghiệp đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lậu Hoặc vừa mới đây, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên tợ như tốc độ của mũi tên đã khéo được ban ra. 5543. ở tại nơi ấy, có tòa lâu đài xinh đẹp đã được hiện ra do nghiệp phước thiện. [Tòa lâu đài] có một ngàn cột trụ chông màu lục, có một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. 5544. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như mặt trời đã mọc lên. Được quây quần với các nàng tiên nữ, tôi vui thích theo sự mong muốn này, mong muôn khác. 5545. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể nhân loại và đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 5546. [Ke từ khi] tôi đã dâng cúng vật lót ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm cỏ. 5547. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5548. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5549. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

466 KINH TIỂU BÔ

Đại đức Trưởng lão Tinamutthidāyaka1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Tinamutthidayaka99 là phần thứ nhất

522. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA (Mañcadāyakattherāpadānam) 5550. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một cái giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy. 5551. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường ây, tôi đã đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. 5552. [Kê từ khi] tôi đã dâng cúng cái giường trước đây chín mươi môt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái giường. 5553. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5554. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật

trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5555. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka12 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka55 là phần thứ nhì.

523. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SARANAGAMANIYA (Saranagamaniyattherāpadānam) 5556. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu và tôi là đạo sĩ lõa thể đã bước lên chiếc thuyền. Trong khi chiếc thuyền đang bị vỡ tan, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ [quy y].3 5557. £ [Ke từ khi] vị ấy ' đãr ban cho tôi sự nương nhờ trước đây ba mươi 9 r môt kiêp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; [đây] là quả báo trong việc đi đen nương nhờ. 5558. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

1 Tinamutthidāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) nắm (mutthi) cỏ (tina)y 2 Mañcadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) cái giường (mañca)y 3 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Saranagamaniya, số 359, trang 279.

5559. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5560. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Saranagamaniya4 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Saranagamaniya" là phần thứ ba.

524. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA (A bbhañjanadāyakattherāpadānam) 5561. Vào lúc bấy giờ, tôi cư ngụ ở vườn hoa của đức vua ở trong thành phố Bandhumatī. Tôi đã là vi mặc y phục da thú có mang túi đựng nước. 5562. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ ấy, bậc Không Bi Đánh Bại, có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, có thiền chứng, thỏa thích về thiền, có năng lực. 5563. Ngài được thành tựu về mọi dục lạc, đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc. Sau khi nhìn thấy, được tịnh tín, tôi đã dâng cúng dầu thoa với ý vui mừng. 5564. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của dầu thoa. 5565. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi song không còn lậu hoặc. 5566. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5567. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Abbhañj anadāyaka5 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy “Ký sự về Trưởng lão Abbhañjanadāyaka" là phần thứ tư.

525. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO SUPATADÃYAKA (Supatadāyakattherāpadānam) 5568. Lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī đang đi ra sau việc nghỉ ngơi giữa ngày, tôi đã dâng cúng tấm vải đẹp và nhẹ. Tôi đã vui thích ở cõi trời một kiêp. 5569. [Ke từ khi] tôi

đã dâng cúng tấm vải đẹp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải đẹp.

4 Saranagamaniya nghĩa là uvị liên quan đến việc đi đến (gamanà) nương nhờ (sarana)y 5 A bbhañjanadāyaka nghĩa là "vj dâng cúng (dāyako) dầu thoa (abbhaĩyanà)y

5570. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5571. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Supatadāyaka6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Supatadãyaka" là phần thứ năm.

526. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DANDADĀYAKA (Dandadāyakattherāpadānam) 5573. Vào lúc bấy giờ, tôi đã đi vào khu rừng rậm và đã đốn cây tre. Sau khi thực hiện cây gậy chống, tôi đã dâng cúng đến hội chúng. 5574. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đảnh lễ các vị có sự hành trì tốt đẹp. Sau khi dâng cúng cây gậy chống, tôi đã ra đi mặt hướng về phía Bắc. 5575. Ke tò i tôi đã dâng cung cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy. 5576. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5577. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5578. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Dandadāyaka7 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trường lão Daọdadãyaka" là phần thứ sáu. (Dứt tụng phẩm thứ hai mươĩ ba).

527. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GIRINELAPŪJAKA (Girinelapūjakattherāpadānam) 5579. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Trong khi lang thang ở trong khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp. " J 5580. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa nelā ở đấng Đại Bi ấy, là bậc vui thích về các sự lợi ích cho tất cả chúng sanh.

6 Supatadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) tấm vải đẹp (supată)y 7 Dandadāyaka nghĩa là "vi dâng cúng (dāyako) cây gậy (dandd)y

5581. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc Cling dường đức Phật. 5582. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5583. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật

trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5584. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Girinelapūjaka8 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Girinelapũjakaw là phần thứ bảy.

528. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BODHISAMMAJJAKA (BodhisammạiịakattherãpadãnaìỊi) 5585. Trong thời quá khứ, tôi đã hốt lá cây Bồ-đề bị rơi rụng ở sân của ngôi bảo tháp và đã đem đi đổ. Tôi đã thọ lãnh hai mươi phần công đức: 5586. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, do nhờ oai lực của nghiệp ấy, tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và luôn cả ở loài người nữa. 5587. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến cõi nhân loại. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn nữa. 5588. Tôi có sắc đẹp, sạch sẽ, được đầy đủ các bộ phận cơ thể chính và phụ, thân hình được phát triển, có cơ thể toàn vẹn, không khiếm khuyết. 5589. Dâu được sanh ra ở thê giới chư thiên hay nhân loại, hoặc ở bát cứ nơi dâu, tôi đều có màu da vàng chói tương tợ như vàng kim loại được đốt nóng. 5590. Khi lá cây Bồ-đề được đổ bỏ tốt đẹp, tôi luôn luôn có được làn da mềm mại, mịn màng, láng lẩy, tinh tế và thanh nhã. 5591. Khi thân thể đã được sanh lên ở bất cứ nơi nào trong số các cõi, bụi bặm và cáu đất không làm dơ bẩn [thân thể], là quả thành tựu do việc đổ bỏ lá. 5592. Hơn nữa, lúc nóng bức, có gió nóng, hoặc do sức nóng của ngọn lửa, các mồ hôi không tiết ra ở cơ thể của tôi, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá. 5593. Bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, tàn nhang, và tương tợ là mụn trứng cá và bệnh ngứa không có ở cơ thể, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá. 5594. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, các tật bệnh không có ở cơ thể, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá. 5595. Toi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, sự bị ức chế không sanh lên ở tâm, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

8 Girinelapūjaka nghĩa là 4ívị cúng dường (pūjaka) bông hoa nelā ở núi (giZ)."

5596. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, không có các kẻ thù, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá. 5597. Tôi đay còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, có sự không thiếu hụt ve của cải, là quả thành tựu cho việc đo bỏ lá. 5598. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, không có sự sợ hãi đối với lửa, đối với các vị vua, đối với các kẻ cướp và khi ở trong nước. 5599. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, các tôi trai tớ gái là những người hầu cận, xử sự thuận theo tâm ý [tôi]. 5600. Khi sanh lên ở cõi nhân loại, tuổi thọ không bị giảm thiểu so với khoảng thời gian của đời người, tôi ton tại đen hết tuổi thọ. 5601. Những người ở bên trong, những người ở bên ngoài, các thi dân và những cư dân của xứ sở, những người ước ao sự tiến hóa, những người mong mỏi sự an lạc, tất cả đều gắn bó [với tôi]. 5602. Tôi có của cải, có danh vọng, có sự vinh quang, có phe nhóm quyến thuộc. Tôi có sự hãi sợ và run rẩy được xa lìa, tôi có được tất cả. 5603. Chư thiên, loài người, các hạng a-tu-la9 các càn-thát-bà9 các dạ-xoa và quỷ sứ, tất cả các hạng ấy luôn luôn hộ trì tôi trong khi tôi luân hồi ở các cõi. 5604. Sau khi thọ hưởng các danh vọng cả hai nơi, ở thế giới chư thiên và nhân loại, cuối

cùng tôi được đạt đến Niết-bàn vinh quang vô thượng. 5605. Người nam nào tích lũy phước báu có liên quan đến bậc Toàn Giác hoặc cội Bồ-đề của bậc Đạo Sư ấy, đối với người ấy, có điều gì gọi là khó đạt được. 5606. Sau khi vượt trội những người khác về đạo, về quả, về sự truyên thừa, về các đức hạnh của thiền và các thắng trí, tôi Niết-bàn không còn lậu hoặc. 5607. Trước đây, sau khi đổ bỏ lá của cội cây Bồ-đề với tâm ý vui mừng, tôi luôn luôn được sở hữu với hai mươi yếu to này. 5608. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi song không còn lậu hoặc. 5609. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5610. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bodhisammajjaka9 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. aKý sự về Trưởng lão Bodhisammajjaka" là phần thứ tám.

9 Bodhisammajjaka nghĩa là quét dọn (sammcyjaka) ở cội cây Bồ-đề (bodhi)'

529. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO ĀMANDAPHALADĀYAKA (Āmandaphaladāyakattherāpadānam) 5611. Sau khi xuất khỏi định, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp, vi Lãnh Đạo Thế Gian đã đi kinh hành. 5612. Khi ấy, tôi đã cầm lấy túi nặng trái cây và trong lúc mang đi, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Đại Hiên Trí đang đi kinh hành. 5613. Với tâm tinh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã dâng cúng trái cây āmanda. 5614. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] trái cây āmanda. 5615. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5616. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5617. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được [tôi] đác chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āmandaphaladāyaka10 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Āmandaphaladāyaka" là phần thứ chín.

530. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SUGANDHA (Sugandhattherãpadãnam) 5618. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đang cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dối có danh tiêng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 5619. Ngài có đầy đủ các tướng phụ, ba mươi hai hảo tướng, được bao quanh bởi quầng ánh sáng, được hội tụ lại với mạng lưới hào quang. 5620. Là người làm cho thoải mái giông như mặt trăng, là nguôn tạo ra ánh sáng tợ như mặt trời, là người dập tắt [lửa phiền não] giống như cơn mưa, là biểu hiện của đức hạnh tợ như biển cả. 5621. Với giới tợ như trái đất, với định như là núi Hy-mã-lạp5 với tuệ ví như bầu trời, không bị dính mắc giống như làn gió. 5622. Có lần nọ? bậc Đại Anh Hùng ấy, vị có sự tự tin ở nơi các hội chúng, trong khi đang tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài đã

công bố về các sự thật. 5623. Chính vào lúc ấy, tôi đã là con trai nhà triệu phú ở tại thành Bārānasī có danh vọng lớn lao. Khi ấy, tôi có được dồi dào về tài sản và lúa gạo.

10 Āmandaphaladāyaka nghĩa là 4tvị dâng cúng (dāyako) trái cây (phaỉa) āmanda.,,

5624. Trong Idii lang thang đi bách bộ, tôi đã đến gần Vườn Nai (Lộc Uyển) và tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang thuyết giảng về VỊ thế bát tử. 5625. Với giọng nói thân mật, vui vẻ, có âm điệu sánh bằng chim Karavīkā, có âm vang như tiếng kêu của loài thiên nga, Ngài đang làm cho đám đông dân chúng hiểu rõ. 5626. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên và đã lắng nghe giọng nói n^ọt ngào. Sau khi dứt bỏ các của cải không phải là ít, tôi đã xuất gia vào đời sông không gia đình. 5627. Được xuất gia như vậy? tôi đã được nghe nhiều, và không bao lâu, tôi đã trở thành vị Pháp sư, có tài biện giải về nhiều mặt. 5628. Có sự tự tin về màu sắc, với tâm vui mừng, tôi đã tán dương lặp đi lặp lại về màu sắc của màu da vàng chói ở giữa đại chúng: 5629. "Dức Phật này có lậu hoặc đã được cạn kiệt, không còn phiền muộn, hoài nghi đã được chặt đứt, đã đạt đến sự đoạn tận tất cả các nghiệp, đã được giải thoát về sự đoạn tận các mầm mống tái sanh. 5630. Vị này đây là đức Thế Tôn, là đức Phật, là loài sư tử không gì vượt trội, là bậc chuyển vận bánh xe Phạm hạnh của thế gian luôn cả chư thiên. 5631. Đã được rèn luyện, Ngài là vị giúp cho đại chúng rèn luyện. Là bậc an tịnh và là vị ẩn sĩ đã Niết-bàn, Ngài hướng dẫn đại chúng Niết-bàn. Đã được tự tại, Ngài giúp cho đại chúng được tự tại. 5632. Đấng Chiến Thắng ấy là bậc anh hùng, là người dũng cảm, là vi khôn ngoan, là bậc trí tuệ, là vi có lòng bi mẫn, là bậc có năng lực, là người thắng trận, không thô tháo, không còn quyến luyến. 5633. Đấng Hiền Trí là không có dục vọng, không dao động, khôn ngoan, không mê mờ? không thể sánh bằng, có thể gánh vác trọng trách, là loài bò mộng, là loài voi, là loài sư tử, và còn là vi có khả năng trong số các bậc thầy nữa. 5634. Là vị Trời Phạm thiên, là vi anh hùnệ vê thuyêt giảng, vị không còn tham ái, không còn ô nhiễm, dứt bỏ sự ham muốn, không nhẫn tâm, lìa sau kho, không ai sánh bằng, thu thúc và trong sạch. 5635. Là người Bà-la-môn, là vi Sa-môn9 là người bảo hộ? là người thầy thuốc, là người phẫu thuật, là người chiến sĩ, là bậc đã giác ngộ, là nẹười con trai đã lang nghe, là người không dao động, là người được trào dâng niềm hoan hỷ. 5636. Là người thiết lập, là người duy trì, là người phá hủy, là người thực hiện, là người hướng dẫn, là người giảnệ giải, là người làm cho hoan hỷ, là người đập vỡ, là người cắt đứt, là người lăng nghe, là người khen ngợi. 5637. Ngài là vị không nhẫn tâm, lìa sầu khổ, không còn phiền muộn, không có hoài nghi, không dục vọng, không vướng bụi trần, là người kham nhẫn, là người ra đi, là vi diễn giả, là người giảng giải. 5638. Là người giúp cho vượt qua, là người làm cho tiến bộ, là người bảo

làm, là người mở tung ra, là người dẫn đi, là người chiu đựng, là người tiêu diệt, là người phá hủy, là vị khổ hạnh có sự nhiệt tâm. 5639. Có tâm bình lặng, hoàn toàn an tịnh, không bạn đồng hành, đầy lòng trắc ân, là chúng sanh kỳ diệu, không lừa đảo, là người đã hoàn tất, là vi ẩn sĩ thứ bảy. 5640. Là đang Chiên Thăng đã vượt qua sự hoài

nghi, không còn ngã mạn, không thể đo lường, không thể so sánh, đã vượt trên mọi phương thức khen chê, người đã đi đến tận cùng về các sự thật và các điều cần hiểu biết. 5641. Niềm tịnh tín ở con người có phẩm chất cao quý ấy đưa đến bất tử. Vì thế, niềm tin ở đức Phật, ở giáo pháp và ở hội chúng là có sự thành tựu lớn lao." 5642. Trong khi tán dương bậc nương nhờ tối thượng của tam giới với những đức hạnh, v.v... như thế, tôi đã thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp ở giữa các hội chúng. 5643. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã thọ hưởng sự an lạc lớn lao ở cõi trời Đẩu- suất. Mệnh chung từ nơi ấy, được sanh lên ở giữa loài người, tôi là người có hương thơm ngạt ngào. 5644. Tôi có hơi thở và hương thơm ở miệng, có hương thơm ở cơ thể tương tợ y như thế, và có hương thơm của mồ hôi một cách liên tục. Các hương thơm này vượt trội mọi thứ hương thơm. 5645. Hương thơm ở miệng của tôi luôn luôn có mùi thơm của hoa sen, hoa súng và hoa campaka. Và trong lúc đang thuyết trình, cơ thể của tôi luôn luôn tỏa ra mùi thơm tương tợ như ứiế ấy. 5646. Và tát cả quả báo ây của việc ngợi ca vê đức hạnh là kỳ diệu bậc nhát. Xin tát cả các vị hãy lăng nghe tôi với tâm ý chăm chú, tôi sẽ giảng giải toàn bộ. 5647. Sau khi nói về hạnh lành của đức Phật, vì lợi ích cho các sự gắn bó của loài người, tôi được sung sướng ở khắp mọi nơi, được sở hữu hai loại tài sản có tính chát luân chuyên. 5648. Tôi có danh vọng, được sung sướng, dễ mến, thông minh, có vẻ nhìn đáng yêu, là vị diễn giả không bi chê bai, không khuyết điểm và có trí tuệ như thế. 5649. Khi tuổi thọ được can kiệt, Niết-bàn là điều dễ dàng đạt được đối với những người có sự tận tụy đối với đức Phật. Tôi sẽ trình bày về nguyên nhân của họ, xin các vị hãy lắng nghe điều ấy đúng theo thực thể. 5650. Trong lúc tôi đang đảnh lễ sự an tinh va oai lực của đức Thế Tôn đúng theo phương pháp; do việc đó, cho dù sanh lên ở bất cứ dâu, tôi đều có danh vọng. 5651. Trong lúc tán dương đức Phật là bậc Đoạn Tận Khổ Bau, giáo pháp là an tịnh không tạo tác, tôi đã là người ban phát sự an lạc đến chúng sanh; do đó tôi được an lạc 5652. Trong lúc nói vê hạnh lành của đức Phật, tôi có được niêm phỉ lạc đôi với đức Phật, tôi đã làm sanh khởi sự yêu mến đối với bản thân và sự yêu mến đoi với người khác; do điều ấy, tôi là người dễ mến.

5653. Tôi đã khuất phục các ngoại đạo xấu xa ở đoàn người dẫy đầy các hàng ngoại đạo. Trong lúc nói về hạnh lành [của Ngài], tôi đã làm rạng rỡ đấng Lãnh Đạo; do đó tôi có sự rạng rỡ. 5654. Trong lúc nói về hạnh lành của bậc Toàn Giác, Tôi cũng là người tạo ra sự yêu mến ở dân chúng, tợ như mặt trăng vào mùa thu; đo điều ấy, tôi đã có vẻ nhìn đáng yêu. 5655. Tôi đã ngợi ca đang Thiện Thệ băng mọi ngôn từ [sác bén] tương tợ như tính năng của lưỡi dao găm; do điều ấy, tôi là người hùng biện có tài biện luận về nhiều mặt. 5656. Bị thiếu trí, những kẻ ngu dốt chê bai bậc Đại Hiền Trí. Tôi đã quở trách bọn họ bằng Chánh pháp; do điều ấy, tôi là người không bị quở trách. 5657. Do nhờ việc tán dương đức Phật đến chúng sanh, tôi đã xua đi các điều ô nhiễm, tôi có tâm ý không còn ô nhiễm do nhờ tác động của nghiệp ấy. 5658. Là người thuyết giảng về sự niệm tưởng về đức Phật, tôi đã làm sanh khởi tánh giác ngộ cho những người nghe; do điều ấy, tôi đã là người có trí tuệ, nhìn thấy rõ mục đích một cách khôn khéo. 5659. Có kẻ thù là tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, có biển cả luân hồi đã được vượt qua, tôi sẽ thành tựu sự tịch diệt tợ như ngọn lửa không còn nhiên liệu [sẽ lụi tàn]. 5660. Việc

tôi đã ngợi ca đang Chiên Thăng là ngay trong chính kiếp này, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi đức Phật. 5661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sugandha11 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Sugandhaṃ là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi dâng cúng cỏ, vi dâng cúng chiếc giường, luôn cả vi nương nhờ, vị dâng dầu thoa, [vi dâng cúng] tấm vải đẹp, vị dâng cúng cây gậy, tương tợ y như thể là vị cúng dường bông hoa nelā, vị quét cội Bồ-đề, vị dâng cúng trái cây āmanda, vị Bà-la-môn có hương thơm là thứ mười. Và ở dây, được tính đếm toàn bộ là một trăm với hai mươi ba câu kệ. Phẩm Tinadãyaka là phẩm thứ năm mươi ba. 11 Sugandha nghĩa là uvị có hương thơm (gandhā) ngạt ngào

LIV PHẨM KACCÃNA (KACCẨNAVAGGƠ)

531. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAHÃKACCÃNA (Mahākaccānattherāpadānam) 5664. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Lãnh Đạo không có dục vọng, có sự chiến thắng không bị chế ngự, đã hiện khởi. 5665. Đấng Anh Hùng có con mắt hình lá sen, có khuôn mặt không vết bẩn, như là mặt trăng, tương tợ ngọn núi vàng, có hào quang sánh bằng ánh sáng mặt trời. 5666. Là vi có sự thu hút ánh mắt và tâm trí của chúng sanh, được tô điểm với các hảo tướng, đã vượt trên mọi phương thức phê phán, được kính trọng bởi loài người và các hạng [thiên thần] bất tử. 5667. Trong khi giác ngộ chúng sanh, bậc Toàn Giác là người hùng biện, có âm điệu ngọt ngào, có sự liên tục gắn bó với lòng bi mẫn và tự tin ở nơi các hội chúng. 5668. Ngài thuyết giảng giáo pháp ngọt ngào bao gồm bốn sự thật. Ngài tiếp độ những sanh mạng bi chìm đắm trong vũng lầy mê muội. 5669. Khi ấy, tôi đã là một vị đạo sĩ độc hành có chỗ ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Trong khi đi đến thế giới loài người bằng đường không trung, tôi đã nhìn thay đấng Chiến Thắng. 5670. Tôi đã đi đên gân và đã lăng nghe sự thuyêt giảng giáo pháp của đang Anh Hùng trong lúc Ngài đang tán dương đức hạnh lớn lao của vị Thinh văn: 5671. "Giống như vị Kaccāyana này, trong khi giảng giải một cách chi tiết điều đã được Ta nói một cách tóm tắt, khiến cho hội chúng và Ta hài lòng. 5672. Ta không nhìn thấy bất cứ vị Thinh văn nào khác tương tợ như thế. Vì thê, ở vi thê tôi thăng, vị này là đứng đâu. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như vậy?5 5673. ỈQii ấy, tôi đã trở nên sửng sốt sau khi lắng nghe lời nói làm thích ý. Tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp và đã mang lại bó bông hoa. 5674. Sau Idii cúng dường đến đấng Nương Nhờ Của Thế Gian, tôi đã phát nguyện vị thế ấy. Khi ấy, biết được thiên hướng của tôi, bậc dứt bỏ sự ham muốn đã chú nguyện rằng:

5675. "Các ngươi hãy nhìn, vi ẩn sĩ cao quý này có làn da màu của vàng đã được tinh luyện, có lông tóc dựng đứng, có bả vai đầy đặn, đứng chắp tay bất động. 5676. Có ánh mắt tràn ngập niềm vui, có thiên hướng về việc tán dương đức Phật, có thân hình cao quý tợ như giáo pháp, như là đã được tưới lên sự bất tử. 5677. Sau khi lắng nghe về đức hạnh của vị Kaccãna, [n^ười này] đang đứng phát nguyện vi thế ấy vào thời vi lai xa vời của bậc Đại Hiền Trí Gotama. 5678. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kaccâna. 5679. Người này sẽ là người nghe nhiều học rộng, có đại trí tuệ, hiểu biết ý định của bậc Hiền Trí, và sẽ thành tựu vị thế ấy như đã được Ta chú nguyện.^ 5680. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 5681. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 5682. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không bị sanh vào gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5683. Chính ở kiếp sông cuôi cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành phố Ujjenī, [con trai] của vị Bà-la-môn là viên quan tế tự của Vua Candapajjota. 5684. Tôi là Kaccâna, con trai của Tiritavaccha, người mẹ tên là Candimā. Tôi là người khôn khéo, thông suốt các bộ Vệ-đà, có làn da cao quý. 5685. Được phái đi bởi vị quân vương nhằm mục đích tìm hiểu về đức Phật, tôi đã được nhìn thấy đấng Lãnh Đạo là cổng thành của sự giải thoát, là sự tích lũy về đức hạnh. 5686. Và tôi đã được nghe lời nói không bợn nhơ, có sự làm khô ráo bùn lầy của con đường, tôi đã thành tựu sự bất tử, thanh tịnh cùng với bảy người còn lại. 5687. Tôi đã trở thành vị hiểu biết về ý định của đấng Thiện Thệ, bậc Đại Hiền Trí. Va tôi đã được thiết lập vào vị thế tối thắng, có ước nguyện đã được thành tựu tốt đẹp. 5688. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5689. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hanh lời dạy của đức Phật.

THÁNH NHÂN KÝ sự 477

Đại đức Trưởng lão Mahākaccāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Mahâkaccãna" là phần thứ nhất

532. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VAKKALI (Vakkalittherāpadānam) 5691. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Padumuttara, là bậc có danh xưng cao thượng, là bậc không thể đo lường. 5692. Ngài có khuôn mặt với hình dáng của đóa hoa sen, có làn da min, không vết nhơ của đóa hoa sen, không bị nhơ nhuốc bởi the gian tương tợ đóa hoa sen không bị lấm lem bởi nước. 5693. Đấng Anh Hùng có con mắt hình lá sen, dễ mến tương tợ đóa hoa sen và có hương thơm nổi bật của đóa hoa sen, do đó Ngài là Padumuttara. 5694. Và bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian không còn ngã mạn, tợ như con mắt cho những kẻ mù, có bản thể an tịnh, là nơi tồn trữ các đức hạnh, là biển cả về lòng bi mẫn và sự hiểu biết. 5695. Có lần nọ, đấng Đại Hùng, vị được đấng

Phạm thiên cùng các hàng a-tu-la và chư thiên nể vì, được loài người có cả chư thiên vây quanh, là tối thượng ở giữa dân chúng. 5696. Với khuôn mặt có hương thơm ngát và với âm thanh ngọt ngào, trong lúc làm hài lòng tất cả hội chúng, Ngài đã tán dương vị Thinh văn của mình rằng: A , A., • r # 1 • A

5697. "Không có vi nào khác có khuynh hướng vê đức tin, có sự hiêu biêt tót đẹp, có sự găn bó với việc chiêm ngưỡng Ta như là vị này, giông như vị Tỳ- khưu Vakkali này vậy?5 5698. Khi ấy, tôi đã là con trai của người Bà-la-môn ở trong thành phố Hamsavatī. Tôi đã được nghe lời nói ấy và đã thh thú vị thế ấy. 5699. Khi ấy, tôi đã thỉnh mời đức Như Lai, bậc Vô Nhiễm ấy cùng với các vi Thinh văn. Sau khi cung cấp vật thực bảy ngày, tôi đã khoác lên [các vị] với những xấp vải đôi. 5700. Được đắm chìm trong biển cả ân đức vô hạn lượng ấy, được tràn đầy phỉ lạc, tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở Ngài và đã nói lời nói này: 5701. "Bạch đấng Hiền Trí, mong sao con sẽ trở thành vị Tỳ-khưu đứng đầu trong số những vi có đức tin như vị ấy, là vị đã được Ngài tán dương vào bảy ngày trước dây." 5702. Được nói như vậy, đấng Đại Hùng, bậc Đại Hiền Trí, vi có tầm nhìn không bi chướng ngại đã phát biểu ở giữa hội chúng lời nói này: 5703. "Các ngươi hãy nhìn người thanh niên này, mặc vải vàng bóng láng, thân hình được mang sợi dây quàng vai vàng chói, có sự thu hút ánh mắt của mọi người.

5704. Trong thời vị lai xa xăm, người này đây sẽ là vị Thinh văn đứng đầu trong số những vi có khuynh hướng đức tin của bậc Đại Ẩn Sĩ Gotama. 5705. [Người này] sẽ luân hồi, dầu trở thành vi thiên nhân hay là loài người, đều được tránh khỏi mọi sự bực bội, được tựu hội trọn vẹn mọi thứ của cải, được sung sướng. 5706. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuat hiện ở thế gian. 5707. [Người này] sẽ trở thành Thiiỷì văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là akki."

5708. Do tính chát đặc biệt của nghiệp ây và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tòi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5709. Sau khi được sung sướng ở tất cả các nơi trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đã được sanh ra ở thành Sāvatthi trong một gia đình nọ. 5710-11. [Là đứa bé] mảnh mai như bơ tươi, yếu ớt như mầm non mới mọc, lờ đờ, nằm ngửa ra, [cha mẹ tôi] bi đe dọa vì nỗi hãi sợ từ loài quỷ sứ5 với tâm ý khốn khổ, đã đặt tôi nằm xuống ở cạnh bàn chân của bậc Đại An Sĩ [nói rằng]: "Bạch đấng Bảo Hộ? chúng con dâng Ngài đứa bé này. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ [cho n6]." 5712. Khi ấy, bậc Hiền Trí ấy, nơi nương nhờ của những ai bị kinh sợ, đã nhận lãnh tôi bằng bàn tay mềm mại dịu dàng, có màng lưới [ở các ngón tay], có dấu hiệu hình vỏ ốc [ở lòng bàn tay]. 5713. Từ đó trở đi, nhờ vào Ngài, tôi được bảo vệ với sự không phải phòng vệ. Mọi sự thù nghịch được tiêu tan, tôi lớn lên trong an lạc. 5714. Không được ở cạnh đấng Thiện The, dầu chỉ trong chốc lát là tôi bất mãn. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 5715. Không được thỏa mãn, tôi ước ao sắc thân được phân bố với mọi nét xinh đẹp, đã được tạo nên do [mười] pháp toàn hảo, là nơi tích tụ quý cao của những điều may man. 5716. Khi ấy, biết được tôi hứng thú với sắc thân của đức Phật, đấng Chiến Thắng đã

giáo giới tôi rằng: aNày Vakkali, thôi đi. Sao ngươi lại hứng thú ở sắc thân, là vật được vui thích bởi những kẻ ngu? 5717. Chỉ người nào nhìn thấy Chánh pháp, người trí tuệ ấy nhìn thấy Ta. Trong khi không nhìn thấy Chánh pháp, dầu đang nhìn Ta cũng vẫn không thấy được. 5718. Xác thân có sự tai hại không giới hạn, tương tợ loại cây có độc dược, là chỗ tru ẩn của tất cả các loại bệnh tật, là toàn bộ khối đống khổ đau. 5719. Do đó, ngươi hãy nhàm chán sắc thân, hãy nhìn xem sự sanh và diệt của các uẩn, ngươi sẽ đi đến sự tận cùng của tất cả các nhiễm ô một cách an lạc."

THÁNH NHÂN KÝ sự 479

5720. Đấng Lãnh Đạo ấy, vị tầm cầu sự lợi ích, đã giáo huấn tôi như thế. Tôi đã leo lên núi Gijjhakūta và tham thiền ở cái hang nơi triền núi. 5721. Đứng ở chân ngọn núi, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói với tôi rằng: "Này Vakkali". Nghe được lời nói ấy của đấng Chiến Thắng, tôi đã hoan hỷ. 5722. Tôi đã lao mình xuống vực núi sâu hànạ trăm thân người. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, tôi đã đến được mặt đất hoàn toàn bình yên. 5723. Ngài cũn^ đã thuyết giảng giáo pháp lần nữa về sự sanh và diệt của các uẩn. Sau khi hiếu được pháp ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5724. Khi ấy, ở giữa hội chúng vô cùng đông đảo, đấng Đại Trí, bậc đã đi đến tận cùng của sự chết, đã tuyên bố tôi là vi đứng đàu trong số các vị có khuynh hướng đức tin. 5725. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dương đức Phạt. 5726. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5727. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vàkkali đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Vakkali" là phần thứ nhì.

533. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO MAHẢKAPPINA (Mahākappinattherāpadānam) 5729. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã nổi bật ở trái đất và bầu trời, tương tợ như mặt trời vào mùa thu. 5730. Ngài đánh thức những đóa hoa sen xứng đáng được dẫn dắt bằng ánh sáng của ngôn từ. Đấng Lãnh Đạo làm khô ráo bùn lầy ô nhiễm nhờ vào những tia hào quang của sự hiểu biết. 5731. Ngài tiêu diệt danh vọng của những người ngoại đạo, tương tợ như mặt trời tiêu diệt ánh sáng của loài đom đóm. Ngài soi rõ ánh sáng về ý nghĩa của các sự thật, tợ như mặt trời làm cho châu báu được rạng rỡ. 5732. Ngài là nơi quy tụ của các đức hạnh, tợ như biển cả là nơi chứa đựng các báu vật. Như là đám mây, Ngài trút xuống các loài hữu tình cơn mưa giáo pháp. 5733. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là vi quan phân xử ở thành phố tên Hamsā. Tôi đã đi đen và đã lang nghe giáo pháp của bậc có tên là Padumuttara.

480 KINH TIỂU Bộ

5734. Trong khi Ngài đang công bố đức hạnh của vi Thinh văn có kinh nghiệm của vị giáo giới cho các Tỳ-khưu, khiến tâm ý của tôi được vui thích. 5735. Nghe xong, được hài lòng, với tâm ý vui mừng tôi đã thỉnh mời đức Như Lai cùng với các đệ tử. Sau khi

chăm lo bữa ăn? tôi đã phát nguyện vị thế ấy. 5736. Khi ấy, bậc Đại Phước với giọng nói êm dịu của chim thiên nga và của tiếng trống đã nói rằng: uCác ngươi hãy nhìn vị quan đại thần này là người có sự tự tin trong việc xác đinh. 5737. [Người này] quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta, có lông tóc dựng đứng, có màu da rạng rỡ? có bả vai đầy đặn, có ánh mắt và khuôn mặt được tinh tín. 5738. Con người có danh vọng lớn lao ấy đang làm cho đám tùy tùng đông đảo được hài lòng. Có thiên hướng hoan hỷ9 người này phát nguyện vị thế của vị [Thinh văn] có kinh nghiệm. 5739. Do phần vật thực này và do các nguyện lực của tác ý, người này [sẽ] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. 5740. Có được sự lộng lẫy của vị Trời trong số chư thiên, có bản chất vĩ đại ở giữa loài người, sau khi đã thọ hưởng phần còn lại, [người này] sẽ thành tựu Niet-bàn. 5741. Vào một trăm ngàn kiếp vê sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 5742. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kappina?5 5743. Từ đó, toi đã thực hành sự tôn kính khéo được thể hiện trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. 5744. Sau khi chỉ bảo cho chư thiên, nhân loại và các vi quốc vương theo lẽ phải, tôi đã sanh ra trong đòng dõi làm nghề dệt ở kế cận thành Bārānasī. 5745. Cùng với vợ và nhóm tùy tùng một ngàn người, tôi đã hộ độ năm trăm vi Phật Đọc Giác. 5746. Sau khi đã cung cáp vật thực ba tháng, kê đó, chúng tôi đã dâng cúng ba y. Từ nơi ấy chết di, tát ca chùng tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 5747. Mệnh chung từ nơi ấy, tất cả chúng tôi đã đi đến bản thể loài người lần nữa. Chúng tôi đã được sanh ra ở trong thành Kukkuta, cạnh sườn núi Hy-mã-lạp. 5748. Tôi đã là vị hoàng tử có đanh vọng lớn lao tên là Kappina. Những người còn lại, được sanh ra ở gia đình các quan cận thần, đã tháp tùng bản than tôi. 5749. Tôi đã đạt được sự sung sướng về vương quốc lớn lao, có đầy đủ tất

cả các loại dục lạc. Tôi đã nghe về sự xuất hiện của đức Phật được thuật lại bởi những người thương buôn rang: 5750. "Bức Phạt đã hiện khởi ở thế gian là nhân vật độc nhất không ai sánh bằng. Ngài công bố Chánh pháp về bất tử là sự an lạc tối thượng. 5751. Các đệ tử của Ngài là những vi vô cùng chín chắn, khéo được giải thoát và không còn lậu ho/c." Sau khi nghe được lời nói tốt đẹp của những người ấy, tôi đã tôn trọng những người thương buôn. 5752. Sau khi từ bỏ vương quyên, tôi cùng với đám cận thân đã ra đi, hướng tâm về đức Phật. Tôi đã nhìn thay con sông Mahācandā được tràn đầy, ngập đến bờ. 5753. [Con sông] có dòng nước chảy xiết, không có bến tàu, không có cầu treo, khó vượt qua. Tôi đã vượt qua một cách an toàn sau khi tưởng nhớ đến hạnh lành của đức Phật [răng]: 5754. "Nếu dức Phật là bậc đã vượt qua dòng nước hiện hữu, là vị đã đi đến tận cùng của thế giới, là bậc sáng suốt. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu. 5755. Nêu đạo lộ đi đên an tịnh là sự giải thoát và là sự an lạc tuyệt đôi. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu. 5756. Nếu hội chúng là đã vượt qua khu rừng rậm, là phước điền vô thượng. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu.” 5757. Liền với khi sự chân thật cao quý đã được thực hiện, nước đã được lìa khỏi con đường. Do đó, tôi đã vượt qua bờ sông

đáng yêu một cách thoải mái. 5758-59. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy đức Phật đang ngồi phía trước các vi Thinh văn tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như ngọn núi vàng đang chói sáng, tợ như cây đèn đã được thắp sáng, tợ như mặt trăng được tháp tùng bởi các vì sao, trông như là vị Chúa trời đang đổ xuống đám mưa những lời thuyết giảng. 5760. Tôi đã cùng với các vị cận thần đảnh lễ rồi đã tiến vào ở một bên. Sau đó, biết được thiên hướng của chúng tôi, đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp. 5761. Sau khi lắng nghe giáo pháp không bợn nhơ, chúng tôi đã nói với đấng Chiến Thắng rằng: “Bạch đang Đại Hùng, xin Ngài hãy xuất gia cho chúng con. Chúng con nhàm chán về sự hiện hữu." 5762. Bậc Hiền Trí thứ bảy đã nói như vầy: 6íNày các Tỳ-khưu, giáo pháp đã khéo được thuyết giảng đưa đến sự đoạn tận kho đau cho các ngươi. Các ngươi hãy thực hành Phạm hạnh." 5763. Cùng với lời nói, tất cả chúng tôi cũng đã trở thành những vị mang y phục Tỳ-khiru? đã được tu lên bậc trên và là những vi Nhập lưu trong giáo pháp. 5764. Sau đó, đang Hướng Đạo đã đi đên Jetavana và đã chỉ dạy. Được chỉ dạy bởi đấng Chiến Thắng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5765. Sau đó, tôi đã chỉ dạy một ngàn vị Tỳ-khưu ấy. Lúc bấy giờ, do việc chỉ dạy của tôi, các vị ấy cũng đã trở thành các bậc không còn lậu hoặc.

5766. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắnẹ ở đám đông dân chúng đã thiêt lập tôi vào vị thế tôi thăng: "Kappina đứng đâu các vị giáo giới lykìíưu.“ 5767. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được ban ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi. 5768. Các phiên não của tôi đã được thiêu đôt9 tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5769. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahâkappina đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Mahãkappina" là phần thứ ba.

534. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO DABBA (Dabbattherāpadānam) 5771. Tnrớc đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc hiểu biết về toàn bộ thế gian, đấng Hiền Trí, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi. 5772. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vi giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5773. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến. 5774. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vi ngoại đạo. 5775. Bậc Đại Hiên Trí ây cao năm mươi tám ratana (mười bôn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng. 5776. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5777. Khi ấy, là con trai nhà triệu phú có danh vọng lớn lao ở tại Hamsavatī, tôi đã đi đến gặp đấng Quang Đăng Của Thế Gian và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp. 5778. Sau khi lắng

nghe lời nói của Ngài đang tán dương vị Thinh văn, đang phân bố chỗ trú ngụ cho các vị Tỳ-khưu, tôi đã được hoan hỷ. 5779. Sau khi thực hiện hành động hướng thượng đến bậc Đại Ẩn Sĩ ấy cùng với hội chúng, tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy. 5780. Khi ấy, trong lúc tán dương việc làm của tôi, đấng Đại Hùng đã nói

rằng: "Người đã chăm lo vật thực đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng trong bảy ngày... 5781. ... là người v r này ' đây có mắt hình lá sen, có bả vai sư tử, có làn. da vàng chói, đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta trong lúc phát nguyện vị thê tối thượng. 5782. Vào một trăm njgan kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuât hiện ơ thế gian. 5783. Khi ấy, người này sẽ là Thinh văn của vi Phật ấy, được nổi tiếng với tên là Dabba, va sẽ là vị phan bố chỗ tru ngụ hàng đầửy r r 5784. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý9 sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đên cõi trời Đạo-lợi. 5785. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần, và đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 5786. Lãnh thô vương quôc là bao la, không thê đo lường băng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tát cả các nơi. 5787. Trước đây chín mươi mốt kiếp, bậc Lãnh Đạo tên Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi. 5788. Có tâm xấu xa, tôi đã chửi mắng vi Thinh văn đã đoạn tận tất cả các lậu hoặc của đức Phật như thế ấy, dầu đã biết rõ là "Vị trong sạch.” 5789. Tôi đã lấy ra tấm thẻ của chính bậc vĩ nhan ấy ya tôi đã dâng cúng cơm sữa đến các vị Thinh văn đại ân sĩ [không có phần vi ấy]. 5790. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 5791. Ngài đã làm chói sáng giáo pháp, đã khuất phục các hànệ ngoại đạo xấu xa, đã huấn luyện những người đáng được huấn luyện và đã Niết-bàn cùng các Thinh văn. 5792. Khi đấng Bảo Hộ cùng các vị đệ tử đã Niết-bàn và giáo pháp đang đi đên tiêu hoại, chư thiên bi chân động, có tóc xô ra, mặt đây nước mat, đã than vãn rằng: 5793. "Sụ* nhìn thấy giáo pháp sẽ bị lụi tàn, chúng ta sẽ không nhìn thấy các vi có sự hành trì tốt đẹp, chúng ta sẽ không được nghe Chánh pháp. ôi, chúng ta thật kém phước 5794. Khi ấy, toàn bộ quả đất này, vốn bất động, đã có sự chuyển động qua lại. Và biển cả như là có sự sầu muộn đã gào lên âm giọng thê thảm. 5795. Những cái trống không người [sử dụng] đã vang lên từ khắp bốn phương, và các tiếng sấm đem lại sự kinh hãi đã nô ra khắp nơi. 5796. Những đôm lửa đã rơi xuông từ không trung và cột khói được nhìn thấy. Tất cả cây cối, chúng sanh và các loài thú đã kêu gào thảm thiết.

5797. Sau khi nhìn thấy sự bạo tàn xuất hiện, báo hiệu sự tiêu hoại của giáo pháp, bị chấn động bảy vị Tỳ-khưu, chúng tôi khi ấy đã suy nghĩ rằng: 5798 "Kh6ng có giáo pháp, đối với chúng ta là đã đủ với cuộc sống rồi. Chúng ta hãy đi vào khu rừng lớn và gắn bó với lời dạy của đấng Chiến Thng." 5799. Khi ấy, chúng tôi đã nhìn thấy ngọn núi cao chót vót ở trong khu rừng. Chúng tôi đã leo lên ngọn núi ấy bằng chiếc thang

và đã làm chiếc thang rơi xuống. 5800. Khi ấy, vị trưởng lão của chúng tôi đã giáo huấn rằng: “Sịt xuất hiện của đức Phật là điều hy hữu, đức tin là điều khó đạt thì [chúng ta] đã đạt được, và giáo pháp còn sót lại là ít ỏi. 5801. Các cơ hội đã qua đi và rơi vào biên cả khô đau vô tận. Do đó, việc thực hành nên được thực hiện trong khi lời dạy của bậc Hiền Trí vẫn còn tồn tại.” 5802. Vị trưởng lão ấy đã trở thành bậc A-la-hán, vị kế tiếp khi ấy là bậc Bất lai, những vị khác được gắn bó với thiện giới đã đi đến thế giới của chư thiên. 5803. Vi vượt qua luân hồi đã Niết-bàn, và chỉ một vi ở cõi Tịnh Cư thiên. Còn tôi, Pukkusâti, Sabhiya, Bãhiya là tương tợ như nhau. 5804. Và luôn cả Kumârakassapa nữa, chúng tôi đã tái sanh ở nơi này nơi khác. Được thương tưởng bởi đấng Gotama, chúng tôi đã được giải thoát khỏi sự trói buộc của luân hồi. 5805. Tôi đã được sanh ra ở thành Kusinārā, giữa những người Mallā. Ngay khi tôi còn ở trong bào thai, mẹ của tôi bị chết và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu. Từ nơi ấy, tôi đã được rơi xuống. 5806. Được rơi xuống ở nơi đống củi, do đó tôi được nổi danh là Dabba.1 Với năng lực của việc hành trì Phạm hạnh, vào lúc bảy tuổi tôi đã được giải thoát. 5807. Do quả báo của cơm sữa, tôi đã đạt được năm yếu tố. Do sự chửi mắng vị có lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi đã bị vu cáo nhiều lần bởi những kẻ xấu.1 2 5808. Giờ dây, tôi đã vượt qua cả hai điều thiện và ác. Sau khi đạt được sự an tịnh tuyệt đối, tôi sống không còn lậu hoặc. 5809. Tôi đã phân bố chỗ trú ngụ và đã làm cho các vị có sự hành trì tốt đẹp được vui vẻ. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vi thế tối thắng. 5810. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5811. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1 Nghĩa của từ đabba là củi, gỗ. 2 CÓ hai câu chuyện được ghi lại ở phần câu chuyện dẫn nhập của 2 điều Sañghādisesa 8 và 9 ở tạng Luật.

5825. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5826. Giống như vũ công ở giữa sân khấu, trong khi quay cuồng ở không gian của các cõi, tôi đã hạ sanh vào bụng của con nai cái và đã trở thành nai [đực], con của con nai tên Sâkha. 5827. Lúc bấy giờ, khi tôi nhập thai là thời điểm trừng phạt xảy đến. Mẹ tôi đã bị con nai Sâkha ruồng bỏ và đã đi đến nương tựa vào [nai chúa] Nigrodha. 5828. Lúc bây giờ, nhờ vào con nai chúa ây, mẹ tôi đã được thoát khỏi sự chết. Sau khi đã được ban cho mạng sống, mẹ tôi đã giáo huấn tôi như vầy: 5829. "Con nên phục vụ chỉ riêng Nigrodha, chớ có sống thân cận với Sâkha. Thà bi chết ở nơi Nigrodha còn tốt hơn nếu phải sống cùng sakhā.” 5830. Được chỉ dạy bởi con nai đầu đàn ấy, tôi cùng mẹ và những con nai khác cũng như vậy, đã đi đến trú ngụ ở cõi trời Đẩu-suất đáng yêu, rồi đã đi đến nơi cư trú khác cũng có chỗ ở tương tợ như thế. 5831. Lần khác nữa, trong khi giáo pháp của đấng Anh Hùng Kassapa đang đi đến hoại diệt, [bảy vị chúng tôi] đã leo lên đỉnh ngọn núi và đã gắn bó vào lời dạy của đấng Chiến Thắng? 5832. Giờ đây, tôi đã được sanh vào gia tộc triệu phú ở thành Rājagaha. Mẹ của tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình khi đã mang thai.

5833. Biết được mẹ tôi có thai, các vị đã đưa mẹ tôi đến gặp Devadatta. Vị ấy đã nói rằng: "Các người hãy trục xuất Tỳ-khưu-ni xấu xa này." 5834. Giờ đây, [mẹ tôi] cũng đã được đấng Chiến Thắng, bậc Hiền Trí Vương thương xót. Được an toàn, mẹ đã sanh ra tôi tại tu viện của các Tỳ- khưu-ni. 5835. Biết được điều ấy, đức vua xứ Kosala đã nuôi dưỡng tôi. Và do việc có phẩm hạnh từ lúc nhỏ, tôi có tên là Kassapa. 5836. So sánh với vị Mahâkassapa (Kassapa lớn), tôi là Kumârakassapa (Kassapa thiêu niên). Tôi đã lăng nghe điêu đã được đức Phật thuyêt giảng răng xác thân là tương tợ tô môi. 5837. Do đó, tâm của tôi đã được giải thoát không còn chấp thủ mọi thứ. Tôi đã cảm hóa được đức Vua Pāyāsi và đã đạt được vị thê tôi thăng. 5838. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc

THÁNH NHÂN KÝ sự 487

Đại đức Trưởng lão Kumārakassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Kumārakassapaṃ là phần thứ năm. (Dứt tụng phẩm thứ hai mươi bốn).

536. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BÃHIYA (Bãhiyattherãpadãnam) 5841. Trước đây một trăm ngàn kiếp đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Padumuttara, là vị có hào quang chói lọi, đứng đầu tam giới. 5842. Tôi đã lắng nghe đấng Hiền Trí đang tán dương đức hạnh của vị Tỳ- khưu có thắng trí nhạy bén. Với tâm phấn chấn, tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ẩn Si. 5843. Lúc bấy giờ, sau khi dâng cúng vật thí đến bậc Hiền Trí cùng các đệ tử trong bảy ngày, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã phát nguyện vị thế ấy. 5844. Do đó, đức Phật đã chú nguyện cho tôi rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem, người Bà-la-môn này đã quỳ xuống cạnh bàn chân của Ta với ánh mắt và khuôn mặt được tinh tín. 5845. Có làn da mỏng manh màu trắng, có thân hình được mang sợi dây quàng vai vàng chói, có môi đỏ như là trái bimba được treo lơ lửng, có răng màu trắng sắc bén. 5846. [Người này] có dồi dào năng lực về đức hạnh, có thân hình vươn cao, là nguồn nước về các hạnh lành, có khuôn mặt nở rộ niềm phỉ lạc. 5847.

THÁNH NHÂN KÝ sự 489

khất thực, nhằm mục đích tế độ chúng sanh, không phải là lúc thuyết pháp cho ngươi. 5869. Khi ấy, khát khao về giáo pháp, tôi đã liên tục cầu xin đức Phật. Ngài đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp thâm sâu về đường lối của Không tánh. 5870. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc. Tôi là người có tuổi thọ đã tận cùng, ôi, bậc Đạo Sư quả là đấng có lòng thương xót! 5871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. 5874. Vi Trưởng lão Bāhiya Dārucīriya đã giải thích như thế. Vị ấy đã bị té ngã vao đong rác bởi con bo cai đã bi quy nhạp vao. 5875. Bậc đại trí đã thuật lại cuộc sống trước đây của bản thân. Vị anh hùng ấy đã viên tịch Niết-bàn tại kinh thành Sāvatthi. 5876. Bậc Ẩn Sĩ tối thượng, trong khi đi ra khỏi thành phố, đã nhìn thấy vi Bâhiya trí tuệ ấy mặc y phục vỏ cây có

sự tái sanh đã xa lìa. 5877. Tợ như ngọn cờ của đức vua đã bị đổ xuống, bậc đã được rèn luyện bị ngã ở trên đất, có tuổi thọ đã hết, có phiền não đã lia, đã là vi thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng. 5878. Do đó? bậc Đạo Sư đã bảo các vị Thinh văn nhiệt tình với giáo pháp rằng: uCác người hãy khiêng lên, đưa di, rồi hỏa thiêu thi thể của bậc Phạm hạnh. 5879. Các người hãy xây dựng ngoi bảo tháp. Vi đại trí ấy đã Niết-bàn. Vị này là vị Thinh văn đứng đâu trong sô các vị có thắng trí nhạy bén, là người thực hành theo lời dạy của Ta. 5880. Nếu một ngàn câu kệ chỉ chứa đựng những từ vô ý nghĩa, một [phần tư] câu kệ vẫn là tốt hơn [nếu] người đã nghe điều ấy được an tịnh.3 5881. Nơi nào nước, đất, lửa và gió không trụ vững, nơi ấy đạo đức không chiếu sáng, mặt trời không rực sáng, nơi ấy không có mặt trăng tỏa sáng, nơi ấy bóng tối không được biết đến. 5882. Và khi nào vị Bà-la-môn hiền trí đã tự thân biết được với sự sáng suốt, thì được giải thoát khỏi sắc, khỏi vô sắc, khỏi lạc và khỏi khổ9\ đấng Bảo Hộ, bậc Hiến Trí, đấng Nương Nhờ Của Tam Giới đà nói như thế. Đại đức Trưởng lão Bâhiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Bãhiya^ là phần thứ sáu. 3 Dh. v. 101.

537. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KOTTHITA (Kotthitattherāpadānam) 5883. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi. 5884. Là bậc giáo giới, là vi làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5885. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vi tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đen. 5886. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vi ngoại đạo. 5887. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bang vàng, có ba mươi hai hảo tướng. 5888. Cho đên khi ây, tuổi thọ được biêt là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5889. Khi ấy, tôi là người Bà-la-môn ở tại Hamsavatī, th6ng suốt các bộ Vệ-đà. Tôi đã đi đến bậc Ưu Tú Cao Cả Của Chúng Sanh và đã lẵng nghe việc thuyết giảng giáo pháp. 5890-91. Khi ấy, đấng Anh Hung ấy đã thiết lập vào vị thế tối thắng đối với vị Thinh văn có hành xứ về sự hiểu biết đã được rạch ròi, và là vị rành rẽ về ý nghĩa, vê pháp, vê ngôn từ và vê phép biện giải. Nghe được điêu ây, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, tôi đã cung cấp vật thực đến đấng Chiến Thắng Cao Quý cùng các vi Thinh văn trong bảy ngày. 5892. Sau khi khoác lên bậc Đại Dương Của Giác Ngộ cùng với các đệ tử bằng các tấm vải, tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị the ấy. 5893. Do đó, bậc Cao Cả Của Thế Gian đã nói rằng: uCác ngươi hãy nhìn xem vị Bà-la-môn cao thượng này, vị có ánh sáng từ lòng đóa hoa sen phát ra, đã cúi mình ở bàn chân của la. 5894. Với đức tin ấy, với sự dứt bỏ và với sự lắng nghe giáo pháp, người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu hàng đầu của đức Phật. 5895. Sau khi đã được sung sướng ở mọi nơi và sau khi đã luân hồi ở cõi này cõi khác, trong thời vi lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy. 5896. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ơ thế gian. 5897. [Người này] sẽ trở thành Thinh

văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ

THÁNH NHÂN KÝ sự 491

5899. Do quả thành tựu của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 5900. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 5901. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi. 5902. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới Ương bản thể thiên nhân và loài người, tôi không đi đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc khéo hành trì. 5903. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không biết đên gia tộc hạ tiện; điêu này là quả báo của việc khéo hành trì. 5904. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. Tôi đã được tái sanh trong gia tộc Bà-la-môn có tài sản lớn lao ở thành phố Sāvatthi. 5905. Người mẹ tên là Candavatī, người cha của tôi tên là Assalâyana. Và đức Phật đã hướng dẫn cha tôi về sự thanh tinh toàn diện. 5906. Khi ấy, được tinh tín tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình ở đấng Thiện Thệ. Thầy chỉ dạy là vi Moggallâna, thầy tế độ là vị xuất thân từ bà Sāri.4 5907. Khi các sợi tóc đang được cạo, tà kiến đã được chặt đứt tận gốc. Và trong khi đang quấn y casa, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5908. Và sự hiểu biết của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ và về phép biện giải là đã được phân giải; vì thế, đấng Cao Cả Của Thế Gian đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 5909. Được vị Upatissa5 hỏi? tôi đã giải thích không bị lầm lẫn. Vì thế, tôi đã là vi đứng đầu về các pháp phân tích trong giáo pháp của đấng Toàn Giác. 5910. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 5911. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 5912. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mahākotthita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Mahākotthita" là phần thứ bảy. 4 Vị xuất thân từ bà Sārī, ám chỉ Ngài Sāriputta, con trai (puttā) của bà Sân. 5 Upatissa là tên gọi của Ngài Sāriputta lúc còn tại gia. (ND)

492 KINH TIỂU Bộ

538. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO URUVELAKASSAPA (ưruveỉakassapattherãpadãnam) 5913. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi. 5914. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5915. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến. 5916. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo. 5917. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây

cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng. 5918. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5919. Khi ấy, là người Bà-la-môn được công nhận là tốt lành ở tại Harnsavatī, tôi đã đi đến gặp đấng Quang Đăng Của Thế Gian và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp. 5920. Khi ấy, Ngai đang thiết lập vị Thinh văn, là bậc đại nhân, có hội chúng lớn vào vị thế tối thắng. Tôi đã lắng nghe và đã trở nên hoan hỷ. 5921. Tôi đã thỉnh mời đấng Chiến Thắng vĩ đại cùng với đoàn tùy tùng đông đảo. Cùng với một ngàn vị Bà-la-môn, tôi đã dâng cúng vật thí. 5922. Sau khi dâng cúng cuộc đại thí, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo rồi đã đứng ở một bên. Được mừng rỡ, tôi đã nói lời nói này: 5923. "Bạch đấng Anh Hùng, với đức tin của con ở Ngài và với công đức của việc làm hướng thượng, mong sao con luôn có được hội chúng đông đảo khi sanh ra ở nơi này, nơi khác." 5924. Khi ấy, với âm điệu ngọt ngào được rống lên bởi loài voi, được hót lên bởi loài chim Karavīkā, bậc Đạo Sư đã nói với hội chúng rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem người Bà-la-môn này. 5925. [Người này] có màu da vàng chói, có cánh tay lực lưỡng, có khuôn mặt và ánh mắt như đóa hoa sen, có lông dựng đứng sanh lên ở cơ thể, được mừng rỡ? có niềm tin vào đức hạnh của Ta. 5926. Người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu có âm thanh của loài sư tử. Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ây. 5927. Vào một

giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kassapa." 5929. Trước đây chín mươi hai kiếp, đã có đấng Đạo Sư, bậc Vô Thượng, đang Lãnh Đạo Thê Gian Phussa, không có vị tương tợ, không có ai sánh băng. 5930. Và sau, khi đã tiêu diệt tất cả sự tăm tối, đã tháo gỡ mối rối rắm lớn lao, trong lúc làm hài lòng the gian luôn cả chư thiên, Ngài đã đổ cơn mưa bất tử. 5931. Chính vào lúc ấy, chúng tôi đã là hàng hậu duệ của đức vua ở thành Bārānasī. Tất cả ba anh em chúng tôi đều được thân cận đối với đức vua. 5932. Chúng tôi có cơ thể và dáng vóc của vị anh hùng, có sức mạnh, không bị đánh bại ở chiến trường. Khi ấy, vùng biên địa bị dấy loạn, vi lãnh chúa đã nói với chúng tôi rang: 5933. "Này các con, hãy đi đên vùng biên địa, hãy càn quét lực lượng lục lâm, hãy làm cho vương quốc của ta được thanh bình, rồi hãy quay trở về và trình bák" 5934. Do đó, chúng tôi đã nói rằng: "Nếu bệ hạ có thể ban đấng Lãnh Đạo cho chúng con về việc hộ độ? do việc đó, chúng con sẽ làm tốt nhiệm vụ cho bệ hạ." 5935. Do đó, chúng tôi đã đạt được điều ân huệ. Được phái đi bởi vị quân vương, chúng tôi đã làm cho vùng biên địa buông khí giới và đã đi đến gặp đức vua lần nữa. 5936. Chúng tôi đã thỉnh cầu đức vua về việc hộ độ bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Hiền Trí Anh Hung; và sau khi đã đạt được [thỉnh cầu], chúng tôi đã cung phụng Ngài cho đến hết cuộc đời. 5937. [Chúng tôi đã dâng cúng] các tấm vải vô cùng giá trị, các vị nếm thượng hạng, các chỗ nằm ngồi đáng yêu và các dược phẩm có lợi ích. 5938. Sau khi dâng cúng đến bậc Hiền Trí cùng với hội chúng các phẩm vật được phát sanh đúng pháp của chúng tôi, chúng tôi là những người có giới, có lòng bi mẫn, có tâm gắn bó với sự tu tập. 5939. Chúng tôi đã luôn luôn phục vụ đấng Lãnh Đạo với tâm từ ái. Khi bậc Cao Cả Của Thế Gian ấy Niết-bàn, chúng tôi đã cúng dường tùy theo năng lực. 5940. Mệnh chung từ nơi ấy, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, đã

thọ hưởng sự an lạc lớn lao ở tại nơi ây; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 5941. Giống như người làm trò ảo thuật ở sân khấu biểu diễn nhiều hình thức, tương tợ như thế, trong khi xoay vần ở hiện hữu, tôi đã là vị chúa tể xứ Videha. 5942-43. Có thiên hướng tà kiến theo lời nói của đạo sĩ lõa thể tên Guna,

tôi đã bước lên đạo lộ đi địa ngục. Tôi đã không chấp nhận lời khuyên nhủ của người con gái của tôi là Riyâ. Trong khi được chỉ dạy theo nhiều cách thức bởi đấng Phạm thiên Nârada, tôi đã từ bỏ tà kiến ác xấu. 5944. Sau khi đã làm tròn đủ mười đường lối về nghiệp [thiện] một cách đặc biệt, tôi đã từ bỏ xác thân và đã đi đến cõi trời như là [đi đến] nhà của chính mình. 5945. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. Tôi đã được sanh ra trong đại gia tộc Bà-la- môn ở thành pho Bārānasī thịnh vượng. 5946. Bị hãi sợ vê sự chét, sự bệnh và sự già, tôi đã từ bỏ tài sản lớn lao, trong lúc tâm câu đạo lộ Niêt-bàn? tôi đã xuât gia ở những đạo sĩ tóc bện. 5947. Khi ấy, hai người em trai của tôi đã xuất gia cùng với tôi. Tôi đã tạo dựng khu ẩn cư ở tại Uruvelâ và đã cư ngụ [ở đó]. 5948. Kassapa là tên theo gia tộc và là người cư trú ở Uruvelâ, do đó, đã có sự định đặt tên cho tôi là Uruvelakassapa. 5949. Người em trai của tôi ở lân cận khu vực Nadī có tên là Nādīkassapa, và [người em trai] ở lân cận khu vực Gayã có tên là Gayâkassapa. 5950. Người [em trai] nhỏ nhất có hai trăm, người em trai giữa có ba trăm, tôi có năm trăm đệ tử không thiêu sót, tát cả đêu đi theo [sự hướng dân của] tôi. 5951. Khi ấy, đức Phật đã đi đến gặp tôi và đã thực hiện đối với tôi những phép kỳ diệu nhiều loại khác nhau. Đấng Cao Cả Của Thế Gian, bậc Điều Phục Nhan đã hướng dẫn cho tôi. 5952. Cùng nhóm tùy tùng một ngàn người, tôi đã trở thành vị Tỳ-khưu theo lối "được gọi dến" Cùng với tất cả các vị ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 5953-54. Các vị ấy và luôn cả nhiều người đệ tử khác đã tháp tùng theo toi. Và tôi có khả năng để chỉ dạy. Do đó, trong sự hiện diện của đại chúng, bậc Ẩn Sĩ tối thượng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng, ôi, việc tôn kính đã được thực hiện ở đức Phật đã có quả báo sanh lên cho tôi! 5955. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã

539. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO RÃDHA (Rãdhattherãpadãnam) 5958. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi. 5959. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua. 5960. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến. 5961. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thê gian] đã không bị

5974. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. 5975. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi. 5976. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã được sanh ra tại kinh thành Giribbajja,6 trong gia tộc Bà-la-môn không được sung túc, bị thiếu thốn về y phục và thức ăn. 5977. Tôi đã dang lên một muỗng thức ăn đến vị Sāriputta như thế ấy. Đen khi già nua và lớn tuôi, khi ấy tôi đã đi đên tu viện. 5978. Là người già cả yếu đuối không có thể lực, các vị không ai cho tôi xuất gia. Vì thế, khi ấy tôi đã trở nên thê thảm, cơ thể bị xuống sắc, có sự sầu muộn. 5979. Sau khi nhìn thấy, đấng Đại Bi, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói với tôi rằng: "Này con trai, lý do gì khiến ngươi lại bi khổ đau vì sầu muộn. Hãy trình bày nỗi khổ đau đã sanh lên ở tâm của nguôi." 5980. "Bạch đấng Anh Hùng, con không đạt được sự xuất gia trong giáo pháp khéo được thuyết giảng của Ngài. Vì thế, con trở nên thê thảm vì sầu muộn. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ [của con]." 5981. Khi ấy, bậc Hiền Trí tối thượng đã triệu tập các vi Tỳ-khưu lại và đã hỏi rằng: "Những vi nào nhớ được hành động hướng thượng của người này, nhữ

e r 9 6003. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý5 sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 6004. Do hành động đốt nền đất ở gian nhà nghỉ chân, tôi đã bị thiêu đốt, bị kho đau ve cảm thọ ở địa ngục một ngàn năm. 6005. Do phần dư sót của nghiệp ấy, trong năm trăm kiếp sống, dầu đã được may mắn sanh ra làm người, tôi đã bi đóng dấu từ lúc mới sanh. 6006. Tôi đã bi nhiễm bệnh phong cùi luôn cả năm trăm kiếp sống. Do tác động của nghiệp ấy, tôi đã trải qua kho đau lớn lao. 6007. ở vào kiếp Bhaddā này, với tâm ý tịnh tín, tôi đã làm hài lòng vi có danh vọng tối cao bang món thức ăn. 6008. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tồi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6009. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-lỵ. Khi cha tôi băng hà, tôi đã được kế thừa vương quốc rộng lớn. 6010. Bị bệnh phong cùi chê ngự, tôi không đạt được sự vui sướng và sự an lạc. Vì sự sung sướng vê vương quốc là rỗng không, cho nên tôi là Mogharājā.8 6011. Sau khi nhìn thây sự xâu xa của thân thê, tôi đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Tôi đã đi đến làm học trò của vị Bà-la-môn cao cả tên Bāvarī. 6012. Cùng với đoàn tùy tùng đôn^ đảo, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo nhân loại. Tôi đã hỏi đấng Anh Hùng ây là vị [có khả năng] khuất phục người đối đáp một câu hỏi khôn khéo. 6013. Thế ệiới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, luôn cả thế giới chư thiên không biêt rõ quan điểm của Ngài, của vi Gotama có danh vọng. 6014. “Bằng cách nào Thần chết không nhìn thấy người đang suy xét về thân ny?" Là người có mục dích, tôi đã đi đến với người có sự thấy biết vượt trội như vậy bằng câu chất vấn. 6015. "Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm. Ngươi hãy suy xét thân này là không. Sau khi dẹp bỏ tà kiến về tự ngã,9 như vậy ngươi có thể vượt trội Than chết. 6016. Thần chết khônẹ nhìn thấy người đang suy xét về thân này là như thế." Đức Phật, người thầy thuôc chữa tất cả các loại bệnh đã giảng cho tôi như vậy. 6017. Với sự chấm dứt của câu kệ, tôi có râu tóc đã được cạo bỏ, có sự mặc lên tấm vải ca-sa, tôi đã trở thành vị Tỳ-khưu A-la-hán như thể. 6018. Bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi

đã không cư ngụ trong các trú xá thuộc về hội chúng, [nghĩ rằng:] "Chớ để trú xá bi dơ bẩn", tôi đã bị hành hạ bởi các cơn bệnh về gió.

8 Mogharājā nghĩa là vua (rājā) rỗng không (mogho), rcỳja là vương quốc, vương quyền." 9 Xem phần nói về Tùy ngã kiến, Patisambhidāmagga I (Phân tích đạo I), TTPV, tập 37, trang 266-281.

6019. Sau khi đã đem về từ đống rác9 từ bãi tha ma và từ các đường lộ, từ đó tôi đã làm nên y hai lớp và tôi đã mặc y thô xấu. 6020. Hoan hỷ về đức hạnh ấy của tôi, bậc Thầy Thuốc Vĩ Đại, đấng Hướng Đạo đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng trong số các vị mặc y thô xấu. 6021. Có sự đoạn tận thiện và ác, đã được dứt bỏ mọi cơn bệnh, tợ như ngọn lửa không còn nhiên liệu, tôi đã Niết-bàn không còn lậu hoặc. 6022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Mogharāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Mogharãjaw là phần thứ mười.

Phần tóm lược Vi Kaccâna, vi Trưởng lão Vàkkali, vi có tên là Mahâkappina, vị Dabba, vị có tên là Kumāra, vị Bâhiya, vị Kotthita có năng lực, vi Uruvelakassapa, vị Râdha và bậc trí tuệ Mogharājā. ở đây có ba trăm và luôn cả sáu mươi hai câu kệ đã được gộp chung lại. Phẩm Kaccãna là phẩm thứ năm mươi bốn.

LV PHẨM BHADDIYA (BHADDIY4VĂGGƠ)

541. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO LAKUNTAKABHADDIYA (Lakuntakabhaddiyattherāpadānam) 6025. Trước đây một trăm n^àn kiếp, vi Lãnh Dạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 6026. Vào lúc bấy giờ, tôi là con trai nhà triệu phú có đại tài sản ở tại Hamsavatī. Trong khi đi bộ lang thang, tôi đã đi đên tu viện của hội chúng. 6027. Khi ấy, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Lãnh Đạo ấy đang thuyết giảng giáo pháp. Ngài đã tán dương vị Thinh văn ưu tú trong số các vi có giọng nói ngọt ngào. 6028. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Án Sĩ. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã phát nguyện vị thế ấy. 6029. Khi ấy, đức Phật, đấng Hướng Đạo đã chú nguyện ở giữa hội chúng rằng: "Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điêu ước nguyện ấy. 6030. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkắka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 6031. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy? là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Bhaddiya?5 e r r 6032. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6033. Trước đây chín mươi hai kiếp, bậc Lãnh Đạo Phussa, vị khó

tiếp cận, khó chinh phục, đấng Chiến Thắng Tối Thượng của tất cả thế gian đã hiện khởi. 6034. Là vị hội đủ tánh hạnh, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng, là người tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, Ngài đã giải thoát cho nhiều người khỏi sự trói buộc. 6035. Tôi đã là con chim cu cu cườm ở khu rừng Nandārāma. Tôi sống ở cành cây xoài gần hương thất của Ngài. 6036. Khi ấy, sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Tối Thượng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường đang đi khất thực, tôi đã làm cho tâm được tinh tín và đã hót lên với tiếng hót ngọt ngào.

. M /\ . M n , r r . 6037. Khi ây? tôi đã đi đên khu vườn của đức vua và đã gáp lây chùm xoài chín muồi có màu da vàng chói rồi đã dâng đến bậc Toàn Giác. 6038. Khi ấy, biết được tâm của tôi, bậc Đại Bi Man, đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo đa nhận lấy bình bát từ tay cùa vị thị giả. 6039-40. Với tâm hớn hở, tôi đã dâng cúng chùm xoài đến bậc Đại Hiền Trí. Sau khi đặt vào bình bát, tôi đã chắp hai cánh lại, đồng thời hót lên với tiếng hót ngọt ngào, quyến rũ, êm tai, vui vẻ nhằm mục đích cúng dường đức Phật. Rồi toi đã bay ve tổ và nằm xuống. 6041. Khi ấy, tôi đã co tâm hoan hỷ, có thiên hướng yêu mến đức Phật. Có con chim ưng với tâm ý xấu xa đã đi đến và đã giết chết tôi. 6042. Từ nơi ấy chết di, tôi đã thọ hưởng sự sung sướng lớn lao ở cõi trời Đẩu-suất. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã đi đến nhập vào thai của loài người. 6043. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 6044.A Ngài đã làm chói sáng 9 giáo pháp, đã khuất phục các ngoại đạo xấu -r -r

xa, đã huân luyện những người đáng được huân luyện, và đã Niêt-bàn cùng các vị Thinh văn. 6045. Khi đấng Cao Cả ấy của thế gian đã Niết-bàn, được tinh tín, nhiều người tạo nên ngôi bảo tháp nhăm mục đích cúng dường đên đức Phật, đên bậc Đạo Sư. 6046. Họ bàn thảo như vây: "Chúng ta sẽ tạo nên ngôi bảo tháp bảy do-tuân được trang hoàng bằng bảy loại châu báu dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ?5 6047. Khi ấy, tôi đã là vị thống lãnh quân đội của đức vua của xứ Kâsi [tên] là Kiki. Tôi đã nói đến việc giảm thiểu kích thước ở ngôi bảo tháp. 6048. Khi ấy, do lời nói của tôi, họ đã xây dựng ngôi bảo tháp một do-tuần được trang hoàng bằng bảy loại châu báu dành cho bậc Anh Hùng của nhân loại. 6049. Do nghiệp ây đã được thực hiện hoàn tát và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6050. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở tại kinh thành Sāvatthi. 6051. Sau khi nhìn thấy đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành phố, tôi đã có tâm ý sửng sốt. Sau khi xuất gia không lâu, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 6052. Do hành động tôi đã làm về kích thước của ngôi bảo tháp, tôi đã được sanh ra có thân hình thấp bé, đáng bị khinh thường. 6053. Sau khi cúng dường bậc Ẩn Sĩ tối thượng với giọng hát ngọt ngào, tôi đã thành tựu bản thể hàng đầu trong số các vi Tỳ-khmi có giọng nói ngọt ngào.

6054. Do việc dâng Cling trái cây và sự tưởng nhớ đến đức hạnh của đức Phật, tôi được thành tựu quả vị Sa-mon, tôi sống không còn lậu hoặc. 6055. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6056. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6057. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Lakuntakabhaddiya1 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy* uKý sự về Trưởng lão Lakuntakabhaddiya" là phần thứ nhất

542. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KAÑKHĀREVATA (Kañkhārevatattherāpadānam) 6058. Trước đây một trăm nậàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 6059. Ngài có hàm sư tử, có giọng nói của Phạm thiên, có âm điệu của loài chim thiên nga và tiếng trống, có sự bước đi hùng dũng của loài rồng, có ánh sáng vượt trội mặt trăng và mặt trời. 6060. Bậc Đại Trí, đang Đại Hùng là có thiên chứng lớn lao, có sức mạnh lớn lao. Bậc Đại Bi, đấng Bảo Hộ là có sự xua đi màn tăm tối lớn lao. 6061. Có lần nọ, đấng Cao Cả của tam giới ấy, bậc Toàn Giác, đấng Hiền Trí, vị hiểu biết về thiên hướng của chúng sanh, trong lúc đang huấn luyện cho nhiều người đáng được huấn luyện, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp. 6062. Trong lúc tán dương ở hội chúng vê vị anh hùng có thiên chứng, thỏa thích về thiền, an tịnh, không bị chộn rộn, đấng Chiến Thắng đã làm cho dân chúng được hoan hỷ. 6063. Khi ấy, tôi đã là vị Bà-la-môn thông suốt các bộ Vệ-đà ở thanh Hamsavatī. Sau khi lắng nghe giáo pháp, được hoan hỷ tôi đã phát nguyện vị thế ấy. 6064. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo đã chú nguyện ở giữa hội chúng răng: uNày Bà-la-môn, ngươi hãy hoan hỷ, ngươi sẽ đạt được điều ước nguyện ấy. 6065. Vào một trăm nệàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkẩka sẽ xuat hiện ơ thể gian. 6066. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Revata?5

1 Lakuntakabhaddiya nghĩa là tên Bhaddiya thấp lùn (lakuntakā)y

6067. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6068. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành Koliya, được thành tựu gia tộc Sát-đê-lỵ sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao. 6069. Vào lúc đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp ở Kapilavatthu, khi ấy, được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 6070. Tôi đã có nhiều sự hoài nghi về điều được phép và không được phép, ở việc này việc nọ. Sau khi thuyêt giảng vê giáo pháp tôi thượng, đức Phật đã hướng dẫn tất cả các điều ấy. 6071. Do đó, tôi đã vượt qua luân hồi và tôi sống luôn luôn được thỏa thích trong sự an lạc của thiền. Khi ấy, đức Phật, sau khi nhìn thấy tôi,

6080. ở cuộc hội họp của loài người, chư thiên, các loài rồng và các đấng Phạm thiên, được đông đảo các vị Sa-môn và Bà-la-môn, bậc Lãnh Đạo đã thuyết giảng giáo pháp. 608L Được tự tin ở nơi các hội chúng, Ngài đã thiết lập vị Thinh văn có lợi lộc nhiều, có phước báu rạng ngời vào vi the toi thắng. 6082. Khi ấy, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ ở thành phố tên là Hamsã. Tôi đã nghe được lời nói ấy của đấng Chiến Thắng [nói] về nhiều đức hạnh của vị Thinh văn. 6083. Tôi đã thỉnh mời và đã cung cấp vật thực đến Ngài cùng với các VỊ Thinh văn trong bảy ngày. Sau khi cúng dường cuộc đại thí, tôi đã phát nguyện vị thế ấy. 6084. Khi ấy, sau khi nhìn thấy tôi khom mình ở bàn chân, bậc Nhân Ngưu, đấng Đại Hùng với âm điệu dịu dàng đã nói lời nói này. 6085. Do đó, có ước muôn được nghe lời nói của đang Chiên Thăng, đám đông người gồm có chư thiên, a-tu-la, càn-thát-bà và các đấng Phạm thiên có đại thần lực. 6086. Luôn cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đã chắp tay lên lễ bái rằng: “Bạch đấng Siêu Nhân, xin kính lễ Ngài. Bạch đấng Tối Thượng Nhân, xin kính lễ Ngai. 6087. Bạch đấng Đại Hiền Trí, cuộc đại thí đã được vị Sát-đế-lỵ dâng cúng đến Ngài trọn bảy ngày, xin Ngài hãy chú nguyện quả báo cho vị ấy, [chúng tôi] có ước muốn được nghe." 6088-89. Khi ấy, dức Thế Tôn đã nói rằnjg: "Các ngươi hãy lắng nghe lời nói của Ta. Sự cúng dường đã khéo được thiêt lập ở đức Phật vô lượng, ở hội chúng, ai là người thông báo rằng chính việc cúng dường ấy là có quả báo vô lượng? Và luôn cả người có của cải dồi dào này cũng phát nguyện vi thế tối thượng rằng: 6090. 'Giống như vị Tỳ-khiru Sudassana là có lợi lộc tronjg số các vi có lợi lộc dồi dào, mong rằiig ta cũng có thê được tương tợ y như thê\ [người này] sẽ đạt được điều ấy trong ngày vị lai. 6091. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuât hiện ở thế gian. 6092. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên laSivali/9 J 6093. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6094. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian VúSúSlòôợôQipòễaỹ"

THÁNH NHÂN KÝ sự 505

6096. Khi ấy, có hội đoàn nọ đã thực hiện bữa ăn lớn lao vô cùng nổi tiếng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. J 6097. Và khi cuộc đại thí được hoàn tất, họ đã dâng cúng món bánh tổng hợp. Trong lúc tìm kiếm, người ta vẫn không nhìn thấy sữa đông tươi và luôn cả mật ong nữa. 6098. Khi ấy, tôi đã cầm lấy sữa đông tươi ấy luôn cả mật ong rồi đã đi đến nhà của người chủ công việc. Trong lúc tìm kiếm vật ấy, họ đã nhìn thấy tôi. 6099. Dầu họ đã xuất ra đến một ngàn nhưng vẫn không nhận được hai món ấy. Do đó, tôi đã suy nghĩ như vầy: "Việc này sẽ không là chuyện nhỏ. 6100. Giống như tất cả những người này tôn trọng đức Như Lai, thì ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính ở nơi đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng.55 6101. Khi ây, sau khi suy nghĩ như thê, tôi đã nghiên nát sữa đông và mật ong chung lại rồi đã dâng cúng đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng. 6102. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6103. Lần khác nữa, tôi đã trở thành vị vua có danh vọng lớn lao ở thành Bārānasī. Khi ấy, bị bực mình đối với quân thù, tôi đã cho thực hiện sự ngăn chặn ở cổng thành. 6104. Khi ây, mọi người

cùng với các quân lính đã bị ngăn cản và đã bị canh giữ bảy ngày. Sau đó, do kết quả của việc ấy, tôi đã thường xuyên bị rơi vào địa ngục. 6105. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở

gt

6113. Vào lúc đang Hướng Đạo ra đi nhăm mục đích thăm viêng vi Revata, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ra đi cùng với ba mươi ngàn vị Tỳ-khưu. 6114. Khi ấy, bậc Đại Trí, đấng Đại Hùng, vi Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng đã có các vật dụng được chư thiên đem lại vì sự lợi ích cho tôi. 6115. Được tôi phục vụ, đức Phật đã đi đến và thăm viếng Revata. Sau đó, Ngài đã đi đến Jetavana và đã thiết lập tôi vào vi thế tối thắng. 6116. Bậc Đạo Sư, nguồn lợi ích của tất cả thế gian, đã tán dương tôi ở các hội chúng rằng: "Này các Tỳ-khưu, trong các đệ tử của Ta, Sivalĩ là vị đứng đàu trong số các vi có được lợi lộc/5 6117. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6118. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời

luôn cả chư thiên vượt qua, bậc tự tín ở nơi các hội chúng [đã] chuyển vận bánh xe Chánh pháp. 6128. Sau khi tán dương vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị có tài biện giải được công nhận là tót lành vê nhiêu đức hạnh, Ngài đã thiêt lập vị ây vào vi thế tôi thắng. 6129. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở thành Hamsavatī, là người Bà-la-môn được công nhận là tốt lành, là người hiểu biết về tất cả các bộ Vệ-đà, là vị chúa tể của việc tranh cãi, là bậc có sự tiêu diệt người đối đáp. 6130. Tôi đã đi đến gặp đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe về sự thuyết giảng giáo pháp ấy. Được thỏa thích với đức hạnh của vị Thinh văn, tôi đã đạt được niềm phỉ lạc cao quý. 6131. Tôi đã thỉnh mời đấng Thiện Thệ là niềm vui thích của thế gian cùng với hội chúng. Sau khi cung cap vật thực trong bảy ngày, khi ấy tôi đã khoác lên [các vi] với những tấm vải. 6132. Tôi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân [Ngài]. Được sự cho phép, toi đã chắp tay lại, đứng ở một bên, mừng rỡ, tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng Tối Thượng rằng: 6133. "Bạch đấng tranh luận [dũng mãnh] tợ loài beo, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Cao Cả của tất cả thế gian, con kính lễ Ngài! Bạch đấng làm cho không còn hãi sợ, con kính lễ Ngài! 6134. Bạch đấng khuấy động Ma vương, con kính lễ Ngài! Bạch đấng có sự tiêu diệt tà kiến, con kính lễ Ngài! Bạch đang ban cho sự thanh tinh và an lạc, con kính lễ Ngài! Bạch đấng tạo sự nương nhờ, con kính lễ Ngài! 6135. Ngài đang là đấng Bảo Hộ cho những ai không người bảo hộ, là người ban phát sự không sợ hãi cho những ai bi hãi sợ, là vùng đất nghỉ ngơi của chúng sanh, là nơi nương nhờ cho những ai tầm cầu sự nương tựa." 6136. Sau khi ngợi ca đấng Toàn Giác có đức hạnh lớn lao như thế, v.v... Tôi đã nói rằng: “Con sẽ đạt đến số phận của vị Tỳ-khtru tranh luận dũng cm." 6137-38. Khi ấy, đức Thế Tôn, bậc có tài biện giải không giới hạn đã nói rằng: "Được tịnh tín, người này đã tự tay mình chăm lo bữa ăn đến đức Phật cùng với [các]

Thinh văn trong bảy ngày và đã ngợi ca đức hạnh của Ta. Người này ước nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu là người tranh luận dũng cảm. 6139. Trong thời vị lai xa xăm, ngườd này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy sau khi đã thọ hưởng sự thành tựu ở cõi trời và cõi người không phải là ít. 6140. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ơ thế gian. 6141. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Vañgisa.^

6142. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái, tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, đức Như Lai bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 6143. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. 6144. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được tái sanh vào gia đình du sĩ ngoại đạo. Và đến lúc tôi đã được bảy tuổi tính từ lúc sanh. 6145. Toi đã trở thành người hiểu biết tất cả các bộ Vệ-đà, được tự tin trong nghệ thuật về tranh luận, là vị chúa tể của các nhà tranh luận, có sự thuyết giảng hay, đánh bại các nhà tranh luận khác. 6146. Vañgīsa nghĩa là "Được sanh ra ở xứ Vàhga" hoặc là uVị chúa tể về lời nói?9 Được đồng tình bởi thế gian, tên của tôi đã là Vañgīsa. 6147. Vào lúc tôi đạt đến sự hiểu biết, tôi đã đứng đầu trong lớp trẻ. Khi ấy tôi đã nhìn thấy vị Sāriputta ở thành Rājagaha đáng yêu. (Dứt tụng phẩm thứ hai mươi lăm).

6148. Trong lúc đi đó đây để khất thực, vi ấy tay ôm bình bát, khéo thu thúc, mắt không láo liên, có lời nói cân nhắc, có tầm nhìn xuống một cán cày. 6149. Sau khi nhìn thấy vi ấy, tôi đã trở nên sửng sốt và đã tức thời nói lên câu kệ văn vẻ, thuận theo tâm ý được sáng tác tại chỗ. 6150. Vị ấy đã nói với tôi về đấng Đạo Sư, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Của Thế Gian. Khi ấy, bậc anh hùng ấy đã nói cho tôi câu trả 1 6151. Vi ấy đã nói về lời giảng dạy có sự xa lìa tham ái, khó hiểu thấu, cao thượng. Với các sự hiểu biết rõ ràng, tôi đã trở nên hoan hỷ với vị như thế ấy. Tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [vị Sāriputta] và đã nói rằng: “Xin Ngài hãy cho toi xuất gia?9 6152. Do đó, bậc Đại Trí tuệ ấy đã đưa tôi đến gặp đức Phật tối thượng. Tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [Ngài], rồi đã ngồi xuống gần bên bậc Đạo Sư. 6153. Bậc Tối Thượng trong số những người tranh luận đã nói với tôi rằng: uNày Vañgīsa, ngươi biết được điều gì, có tài nghệ gi?" Và tôi đã nói với Ngài rằng: "Con có biết.” 6154. "Với tài nghệ đặc biệt của ngươi, nếu ngươi có khả năng thì hãy cho biết về cái sọ người đã chết bị quăng bỏ ở trong rừng cũng đã mười hai năm.,^ 6155. vâng.” Khi tôi đồng ý, Ngài đã chỉ cho thấy ba cái sọ người. Tôi đã cho biết rằng đã đạt đến địa ngục, loài người và cối trời. 6156. Khi ấy, đấng Lãnh Đạo đã chỉ cho thấy cái sọ của đức Phật Độc Giác. Do d6, tôi đã bị thất bại và tôi đã cầu xin sự xuất gia. 6157. Sau khi xuất gia, tôi ngợi ca đức Thiện Thệ ở nơi này nơi khác. Do đó? các vị Tỳ-khiru ở đây than phiền về tôi là "Nhà sáng tác thơ ca."

6158. Do đó, nhăm mục đích tìm hiêu, đức Phật, bậc Hướng Đạo đã nói với tôi rằng: "Những câu kệ này đã được suy nghĩ [trước đây] hay là [vừa mới] nảy sanh theo sự

viec?” 6159. “Bạch đàng Đại Hùng, con không phải là nhà sáng tác thơ ca, chúng [vừa mới] nảy sanh theo sự việc?5 "Này Vañgīsa, như thế thì ngươi hãy ngợi ca về Ta theo sự việc?9 6160. Khi ấy, tôi đã ngợi ca đấng Anh Hùng, bậc Ẩn Sĩ tối thượng với những câu kệ theo sự việc. Khi ấy, được hoan hỷ về tôi, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế đưng đầu. 6161. Do tâm sáng láng, tôi đã vượt trội các vị tốt lành khác. Do điều ấy, tôi đã bị tác động, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 6162. "Không tìm thấy bất cứ Vị nào khác là vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải như là vị Tỳ-khưu Vañgīsa này. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như thế.” 6163. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi]. 6164. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6165. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6166. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vañgīsa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Vahgisa” là phần thứ tư.

545. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (Nandakattherãpadânam) 6167. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 6168. Đang Siêu Nhân, bậc cao quý trong sô các vị đang thuyêt giảng đã ngự đến [thế gian], có cả chư thiên vì sự tấn hóa, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của tất cả chúng sanh. 6169. Đang Chiên Thăng đạt được danh vọng cao cả, có sự vinh quang, được mang lại sự ca ngợi về tiếng thơm, được cúng dường, được nổi tiếng ở khắp mọi phương của toàn thể thế gian. 6170. Ngài đã vượt lên trên sự nghi hoặc, đã vượt qua hẳn sự lưỡng lự, đã được tròn đủ vê tâm ý và sự suy tư, đã đạt đên quả vi Toàn giác tôi thượng.

6171. Bậc Vĩ Nhân là người đã làm sanh lên con đường chưa được hiện khởi, đã công bố điều chưa được công bố và đã biết điều chưa được biết. 6172. Là người biết về đạo lộ, hiểu rõ về đạo lộ, bậc Nhân Ngưu ấy đã nói về đạo lộ. Được thiện xảo về đạo lộ5 bậc Đạo Sư là đấng cao quý tối thượng trong số những người điều khiển xe. 6173. Khi ấy, đấng Đại Bi, bậc Lãnh Đạo thuyết giảng giáo pháp. Ngài tiếp độ những sanh mạng bị chìm đắm trong vũng lầy mê muội. 6174. Trong lúc tán dương vi Thinh văn được công nhận là dứng đầu trong việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni, bậc Đại Hiền Trí đã tuyên bố về vị the tối thắng. 6175. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Tôi đã thỉnh mời đức Như Lai cùng với hội chúng, và sau khi đã chăm lo bữa ăn, tôi đã phát nguyện vị thế tối thượng ấy. 6176. Khi ấy, được hoan hỷ, đấng Bảo Hộ, bậc Đại Ấn Sĩ đã nói với tôi rằng: “Mong rằng ngươi được an lạc và trường thọ, ngươi sẽ đạt được điều ước nguyện ấy. 6177. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 6178. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo

pháp, có tên là Nandaka?9 e r e r 6179. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6180. Và trong kiêp sông cuôi cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi. 6181. Sau khi nhìn thấy đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành phố? tôi đã có tâm ý sửng sốt. Vào lúc tiếp nhận tu viện Jeta, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 6182. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau đó? có sự luân hồi đã được vượt qua, tôi đã được chỉ dạy bởi đấng Toàn Tri. 6183-84. Theo sự yêu câu, tôi đã thực hiện việc thuyêt giảng giáo pháp cho các Tỳ-khưu-ni. Được chỉ dạy bởi tôi, tất cả năm trăm vị Ni ấy không thiếu người nào đã trở thành các bậc Vô lậu. Khi ấy, được hoan hỷ? bậc có sự lợi ích lớn lao đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng trong số các vị giáo giới các Tỳ-khưu-ni. 6185. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được băn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi]. 6186. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cat đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

THÁNHNHÂNKÝSỰ> 511

6187. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6188. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ky sự về Trưởng lão Nandaka” là phần thứ năm.

546. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO KẢLUDÃYI (Kāludāyittherāpadānam) 6189. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vi Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 6190. Bậc Đạo Sư là đấng cao quý trong số các đấng Lãnh Đạo,

được điêu ước nguyện áy. Sao lại không có két quả sau khi đã thê hiện hành động tôn kính đến đấng Chiến Thắng? 6202. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuat hiện ơ thế gian. 6203. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Su, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên laUdayi/9 6204. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ai, toi đã chăm sóc đấng Chiến Thang, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 6205. Do kết quả của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6206. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra trong gia đình vị quan đại thần của vi lãnh chúa Suddhodana ở tại thành Kapilavatthu đáng yêu. 6207. Vào lúc đấng Nhân Ngưu Siddhartha đã được sanh ra ở tại khu rừng Lumbinī đáng yêu vì lợi ích và vì sự an lạc của tất cả thế gian. 6208. Tôi đã được sanh ra đúng vào ngày hôm ấy. Cùng với Ngài ấy, tôi đã lớn lên, trở thành người bạn yêu dấu, được cảm tình, có học

thức, rành rẽ ve le loi. 6209. Đen khi hai mươi chín tuổi, trong lúc ra đi, Ngài đã xuất gia. Sau khi trải qua sáu năm, Ngài đã trở thành đức Phật, đấng Hướng Đạo. 6210. Sau khi đã chiến thắng Ma Vương cùng với đạo quân binh, sau khi đã làm cho các lậu hoặc bị quăng bỏ, sau khi đã vượt qua đại dương của hiện hữu, Ngài đã trở thành đức Phật [ở thế gian], luôn cả chư thiên. 6211. Ngài đã đi đến nơi có tên là Isi [Patana] và đã hướng dẫn nhóm năm vị. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến nơi này, đã đi đến nơi khác và đã hướng dẫn. 6212. Khi ấy, trong lúc đang huấn luyện những njgười đáng được huấn luyện, trong lúc tiếp cận [thế gian] cùng với

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão KâỊudãyi đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão KâỊudãyP là phần thứ sáu.

547. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO ABHAYA (Abhayattherāpadanam) 6219. Trước đây một trăm nậàn kiếp, vị Lãnh Bạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tát cả các pháp đã hiến khởi. 6220. Đức Như Lai giúp cho người an trủ vào việc đi đến nương nhờ, giúp cho người an trú vào giới, vào mười đường lối tối thượng về [thiện] nghiệp. 6221. Đấng Đại Hùng ấy ban cho người quả vị Sa-môn tối thượng. Tương tợ y như thế, Ngài ban phát tám sự thể nhập [thiền] và ba minh. 6222. Bậc Tối Thượng Nhân giúp cho chúng sanh gắn bó vào sáu thắng trí. Bậc Bảo Hộ ấy ban cho người bốn pháp phân tích. 6223. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, dầu [ở xa] vô số do- tuần, đấng Điều Phục Nhân trong phút chốc vẫn đi đến gặp và hướng dẫn. 6224. Lúc bấy ệiờ. tôi đã là con trai của vị Bà-la-môn ở thành Harpsavatĩ, là người thông suốt tát cả các bộ Vệ-đà, được công nhận về [khả năng] giảng giải. 6225. Được thiện xảo vê ngôn từ và tự tin vê từ đông nghĩa, là người rõ vê cú pháp, hiểu biết về nghi lễ, rành rẽ về việc kết hợp âm điệu thi ca. 6226. Trong khi đi bộ lang thang, tôi đã đi đến tu viện Hamsa. Tôi đã nhìn thấy bậc hàng đầu trong số các vị đang thuyết giảng, được đám đông dân chúng ái mộ. 6227. Trong khi Ngài đang thuyết ệiảng giáo pháp không bi ô nhiễm, [dầu] có sự hiểu biết trái nghịch, tôi đã đi đên và đã lăng nghe những lời nói không bị bợn nhơ của Ngài. 6228. Toi đã không nhìn thấy lời đã được nói ra của bậc Hiền Trí ấy là bi lặp lại, lạc đề, hoặc không có ý nghĩa; do đó tôi đã xuất gia. 6229. Trong thời gian không bao lâu, được tự tin về tất cả các học thuật, tôi đã được công nhận bởi tập thể là vị thông thạo về lời dạy của đức Phật. 6230. Khi ấy, tôi đã sáng tác bốn câu kệ có sự diễn tả khéo léo. Tôi đã ngợi ca bậc Cao Cả của tam giới và tôi đã diễn giảng ngày này qua ngày khác: 6231. "Bạch đấng Đại Hùng, Ngài không bị ái luyến trong khi sống trong luân hồi [đầy] sự kinh hãi. Vì lòng bi mẫn, Ngài đã không Niết-bàn; do đó, bậc Hiền Trí là đang Bi Man.

6232. Người nào dầu còn là phàm nhân mà đã không bị sự chi phối của phiền não, có sự nhận biết minh, được gắn liền với niệm; do đỏ, người này ỉa không thể nghĩ bàn. 6233. Đối với người nào các phiền não ở trạng thái ngủ ngầm đã trở nên yếu ớt, đã bị thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ mà không bị cạn kiệt, điều ấy là kỳ diệu. 6234. Vi nào là thầy của tất cả thế gian và thế gian tôn kính như thế đối với vị nào, cũng tương tợ như vậy, vị nào là thầy dạy của thế gian, thế gian là xu hướng theo vị ấy.” 6235. Trong khi tán dương đấnệ Toàn Giác như thế, v.v... Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp đến hét cuộc đời, từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời. 6236. Ke từ khi tôi đã tán dương đức Phật cho đến một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc tán dương. 6237. ở thế giới chư thiên, tôi đã cai quản vương quốc rộng lớn và vùng địa phận. Là đấng Chuyển Luân Vương, tôi đã thường xuyên thọ hưởng vương quốc rộng lớn. 6238. Tôi [đã] được sanh ra ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc tán dương. 6239. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc tán dương. 6240. Và trong kiêp sông cuôi cùng hiện nay, tôi là con trai của đức Vua Bimbisâra ở tại kinh thành Giribbajja và có tên là Ābhāya. 6241. Sau khi rợi vào sự ảnh hưởng của bạn xấu, tôi đã bị mê muội vì n^oại đạo. Được phái đi bởi [Giáo chủ] Nâtaputta, tôi đã đi đến gặp đức Phật toi thượng. 6242. Tôi đã hỏi câu hỏi khôn khéo và đã lắng nghe lời giảng giải xuất chúng. Tôi đã xuất gia, chẳng bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 6243. Sau khi tán dương đang Chiên Thăng Cao Quý, tôi được ca ngợi vào mọi lúc. Với thân hình và khuôn mặt có hương thơm ngát, tôi đã đạt được sự an lạc. 6244. Tôi có được tuệ sác bén? tuệ vi tiêu, tuệ nhẹ nhàng và tuệ vĩ đại. Tương tợ y như thế/ và tôi có tài biện giải đa dạng, nhờ vào tác động của nghiệp ấy. 6245. Với tâm tinh tín, sau khi ngợi ca danh xưng [của đức Phật] Padumuttara, đấng Tự Chủ, không người sánh bằng, tôi [đã] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp nhờ vào quả báo của nghiệp ấy. 6246. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa 3 Xem phần nói về Giảng về tuệ, Patisambhidãmagga II {Phân tích đạo II), TTPV, tập 38, trang 187-191. “

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ābhāya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Abhayaṃ là phần thứ bảy.

548. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO LOMASAKAÑGIYA (Lomasakañgiyattherāpadānam) 6249. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đang cao quý tên Kassapa, có danh tiêng vĩ dại, là thân quyên của đàng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 6250. Lúc bấy giờ, tôi và luôn cả Candana đã xuất gia trong giáo pháp và đã làm tròn đầy bổn phận trong giáo pháp cho đến phút cuối của cuộc đời. 6251-52. Từ nơi ấy chết đi, cả hai chúng tôi đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất. Tại nơi ấy, chúng tôi đã vượt

trội những vị còn lại về mười chi phần là sắc, v.v... về các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc. Chúng tôi đã sống cho đến hết tuổi thọ và đã trải qua sự an lạc lớn lao. 6253. Sau khi mệnh chung từ nơi ấy, Candana đã đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đã trở thành người con trai dòng Sakyā ở thành Kapilavatthu. 6254. Vào lúc được thỉnh cầu bởi Trưởng lão Udāyi, vì lòng thương tưởng đối với các vị dòng Sakyā, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến thành Kapila. 6255. Khi ấy, các vi dòng Sakyā vô cùng tự cao, không biết về hạnh lành của đức Phật, chấp nhất về sanh chủng, không tôn trọng, nên không cúi chào đấng Toàn Giác. 6256. Biết được ý đinh của họ, đấng Chiến Thắng đã đi kinh hành ở trên không trung, đã đô mưa xuồng tương tợ Thân mưa, đã phát cháy như là ngọn lửa. 6257. Ngài đã làm cho nhìn thấy sắc thân vô song rồi lại biến mất, chỉ là một biến thành nhiều, rồi đã biến thành mỗi một mình trở lại. 6258. Ngài đã thị hiện bóng tối và ánh sáng theo nhiều cách. Sau khi đã tạo ra điều kỳ diệu, bậc Hiền Trí đã hướng dẫn các quyến thuộc. 6259. Liền khi ấy, có đám mây lớn khắp bốn châu lục đã đổ mưa. Chính vào khi ấy, đức Phật đã thuyết giảng chuyện Bổn sanh "Vèssantara." 6260. Khi ấy, tất cả các vi Sát-để-lỵ ấy đã tiêu diệt sự tự hào khởi lên do sanh chủng. Họ đã đi đến nương nhờ đức Phật. Khi ấy, [đức Vua] Suddhodana đã nói rằng:

6261. "Bạch đấng có tuệ bao la, bạch đấng Toàn Nhẫn, đây là lần thứ ba cha đảnh lễ các bàn chân của Ngài, vào lúc đản sanh Ngài đã làm rung động trái đất, và vào lúc bóng cây Jambu đã không rời bỏ Ngài." 6262. Khi ây, sau khi nhìn thây năng lực ây của đức Phật, với tâm ý sửng sốt, tôi đã xuất gia ở ngay tại nơi ấy và đã sống là người phụng dưỡng mẹ. 6263. Khi ấy, vị Thiên tử Candana đã đi đến gặp tôi và đã hỏi về cách thức tóm tắt và giải rộng của bài Kinh Bhaddekaratta^ 6264. Khi ấ* bị thúc đẩy bởi vi ấy, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo loài người. Sau khi lắng nghe bài Kinh Bhaddekaratta. tôi đã chấn động và đã trở thành người nhiệt tình với khu rừng. 6265. Khi ấy, tôi đã hỏi mẹ về việc tôi sẽ sống mỗi một mình ở trong rừng. Mẹ của tôi đã ngăn cản rằng: "Con là mảnh mai.” Khi ấy, tôi đã nói với mẹ rằng: 6266. "Băng ngực, con sẽ đây lùi cỏ dabba, cỏ kusa, cỏ potakila, cỏ usĩra, cỏ muñja và cỏ babbaja trong khi thực hành hạnh độc CU.”5 6267. Khi ấy, tôi đã đi vào trong rừng. Tôi đã nhớ lại lời dạy của đấng Chiến Thắng, về sự giáo giới bài Kinh Bhaddekaratta và tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 6268. Hiển nhiên, e người ta có r thể tưởng nhớ quá khứ 9 nhưng không e thể mong r mỏi tương lai, vì việc quá khứ ây đã được từ bỏ và việc tương lai là chưa đên. 6269. Và người nào nhìn thấy rõ pháp hiện tại ở nơi này, ở nơi kia, sau khi biết được điều ấy là không dời đổi, không lay chuyển, người ấy có thể tiến bộ. 6270. Người nào đang nhiệt tâm với phận sự trong chính ngày hôm nay, có thê biêt được Tử thân vào ngày mai. Nêu không, [sẽ] không có sự chạm trán với Tử thần cùng với đạo quân binh đông đảo. 6271. Quả vậy, bậc Hiền Trí nói về vị đang sống có sự nhiệt tâm như thế, đêm ngày không biếng nhác, là vị được an tịnh, là "Người hiền một đêm.^, 6272. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6273. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6274. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu

thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Lomasakañgiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6'Ky sự về Trưởng lão Lomasakañgiya55 là phần thứ tám.

4 M. III. 187, Kinh Nhất dạ Hiền gia (Bhaddekarattasuttarrì), số 131. 5 Câu kệ này được thấy trong Thag. v. 27.

549. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO VANAVACCHA (Vanavacchattherāpadānam) 6275. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 6276. Lúc bấy giờ, toi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Phật ấy. Tôi đã thực hành Phạm hạnh đến hết cuộc đời và đã chết đi từ nơi ấy. 6277. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6278. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã trở thành con chim bồ câu ở trong khu rừng. Tại nơi ấy, có vị Tỳ-khưu đầy đủ đức hạnh cư ngụ, luôn luôn thỏa thích với thiên. 6279. Vi anh hùng vĩ đại luôn luôn có tâm từ ái, có lòng bi mẫn, có vẻ mặt hoan hỷ, là vị có hành xả, rành rẽ về các tâm vô lượng. 6280. [Vị áy] có sự suy tâm không bi chướng ngại, có thiên hướng vê sự lợi ích cho tất cả chúng sanh. Không bao lâu sau, tôi đã có được niềm tin ở vị • _ _ W À___ ___ ĩ9__ -XẠ _ FTT|_ Thinh văn ay cua đang Thiện Thệ. 6281. Khi ấy, tôi đây đã đi đến ở cạnh bàn chân của vị ấy đang ngồi. Có lần nọ, vị ây cho thức ăn, và có một lân thuyêt giảng giáo pháp. 6282. Khi ấy, tôi đã phục vụ người con trai của đấng Chiến Thắng với lòng yêu thương bao la. Từ nơi đó chết đi, tôi đã đi đến cõi trời như là đã đi về nhà của chính mình sau cuộc hành trình ở xứ lạ. 6283. Mệnh chung từ cõi trời, tôi đã hạ sanh vào loài người nhờ vào nghiệp phước thiện. Tôi đã từ bỏ gia đình và đã xuất gia một cách mau chóng. 6284. Tương tợ y như thế, sau khi trở thành vị Sa-môn, đạo sĩ khổ hạnh, Bà-la-môn, du sĩ ngoại đạo, tôi đã sông ở trong rừng hàng trăm [kiêp sông]. 6285. Và trong kiêp sông cuôi cùng hiện nay, ở thành Kapilavatthu đáng yêu có người Bà-la-môn Vacchagotta. Tôi đã nhập thai ở người vợ của ông ta. 6286. Khi tôi đã nhập thai, mẹ của tôi [là sản phụ] đã có niềm khao khát và đã có quyết định về việc cư ngụ ở rừng vào lúc gần được lâm bồn. 6287. Do đó, mẹ đã sanh ra tôi ở bên trong khu rừng đáng yêu. Khi tôi đang ra khỏi bào thai, mọi người đã đỡ lấy tôi bằng tấm y ca-sa. 6288. Sau đó, Vương tử Siddhattha, biểu tượng của gia tộc Sakyā đã được sanh ra. Tôi đã trở thành người bạn yêu quý của vị ấy, được tin tưởng, vô cùng tự hào. 6289. Khi con người ưu tú của chúng sanh đang ra đi sau khi đã từ bỏ danh vọng vĩ đại, tôi cũng đã xuất gia và đã đi đến núi Hy-mã-lạp. 6290. Tôi đã nhìn thấy vi [Mahā] Kassapa là người thuyết giảng về pháp

giũ bỏ? CÓ Sự cư ngụ ở rừng, vị đáng được tôn kính. Tôi đã được nghe về sự hiện khởi của đấng Chiến Thắng và tôi đã đi đến gặp đấng Điều Phục Nhân. 6291. Trong lúc giảng giải về mọi ý nghĩa, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp cho tôi. Sau đó, tôi đã xuất gia và cũng đã quay về lại khu rừng. 6292. Tại nơi ấy, trong khi sống không xao lãng, tôi đã

chạm đến sáu thắng trí. Ôi, điều lợri h đã được đạt thành tốt đẹp cho tôi, tôi đã được người bạn tốt thương tưởng! 6293. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6294. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6295. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vànavaccha6 đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Vanavaccha^ là phần thứ chín.

550. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO CŪLASUGANDHA (CŭĮasugandhattherâpadãnam) 6296. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. 6297. Ngài đầy đủ các tướng phụ, có ba mươi hai hảo tướng, được bao quanh bởi quầng ánh sáng, được bao trùm bởi mạng lưới hào quang. 6298. Là người làm cho thoải mái tương tợ mặt trăng, là nguồn tạo ra ánh sáng tợ như mặt trời, là người dập tắt [lửa phiền não] như là cơn mưa, là kho chứa của đức hạnh ví như biển cả. 6299. Với giới như là trái đất, với định như là núi Hy-mã-lạp, với tuệ tợ như bầu trời, không bị dính mắc giống như làn gió. 6300. Vào lúc bấy giờ, tôi được sanh ra tại thành Bārānasī trong đại gia tộc có tài sản và lúa gạo dồi dào, có sự tích lũy nhiều loại châu báu khác nhau. 6301. Vào lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang ngồi cùng đoàn tùy tùng đông đảo, tôi đã đi đến gần và đã lắng nghe giáo pháp tợ như cao lương mỹ vị có sự thu hút tâm ý. 6302. Ngài có ba mươi hai hảo tướng, như là mặt trăng có chòm tinh tú, được đầy đủ các tướng phụ tợ như cây sãla chúa đã được ưổ hoa.

6 Vanavaccha nghĩa là uvị có sự cư ngụ (yaccha) ở rừng (yana)y

6303. Ngài phát ra xung quanh mạng lưới hào quang tợ như ngọn núi vàng cháy rực, được bao quanh bởi quầng ánh sáng tợ như mặt trời có các tia sáng. 6304. Đấng Chiến Thắng Cao Quỵ có khuôn mặt vàng chói tợ như tảng đá có viên ngọc ma-ni, có trái tim tràn đay lòng bi mẫn cùng với đức hạnh như là biển cả. 6305. Và đấng Anh Hùng, bậc Hiền Trí có danh tiếng lẫy lừng ở thế gian tợ như ngọn núi tối thượng Sineru, đã được lan rộng với sự vinh quang tương tợ bầu trời. 6306. Đấng Lãnh Đạo có tâm không bị ràn^ buộc với tất cả các nơi như là làn gió. Bậc Hiền Trí thứ bảy là sự nâng đỡ đoi với tất cả chúng sanh tợ như trái đất. 6307. Ngài không bị vấy bẩn bởi the gian, giống như hoa sen không bị lấm lem bởi nước. Ngài chiếu sáng như là khối lửa có sự đốt cháy những lùm cây ngoại giáo. 6308. Ngài là người tiêu diệt chất độc phiền não ở tất cả các nơi như là phương thuốc chữa bệnh. Ngài được trang sức bằng hương thơm của đức hạnh, tợ như viên đá nghiền nát hương liệu. 6309. Đấng Chiến Thắng là kho chứa của các đức hạnh tợ như biển cả [là nơi chứa đựng] đối với các loại châu báu, là người mang đi các phiền não và ô nhiễm tợ như con sông Sindhu đối với những dãy rừng. 6310. Với sự tiêu diệt đạo binh của Ma vương, Ngài như là người chiến sĩ lực lưỡng có sự chiến thắng. Ngài là vi chúa te của các loại châu báu, là các chi phần đưa đến giác ngộ, tợ như đấng Chuyển Luân Vương. 6311. Ngài là người thây thuôc vê cơn bệnh sân

hận tương tợ vị y sĩ vĩ đại. Ngài là người mổ xẻ mụt nhọt tà kiến giống như phẫu thuật viên hạng nhất. 6312. Khi ấy, được loài người và chư thiên kính trọng, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, Ánh Mặt Trời Của Nhân Loại, đấng Chiến Thắng ấy thuyết giảng giáo pháp ở các hội chúng. 6313. Ngài đã chỉ dạy như vầy: “Sau khi dâng cúng vật thí thì trở nên có tài sản lớn lao, nhờ vào giới đi đến nhàn cảnh, và do sự tham thiền đạt đến Niết-bàn/5 6314. Toàn thể các hội chúng lắng nghe sự thuyết giảng có phẩm vi cao cả ấy, có sự tốt đẹp ở phần đầu, phần giữa và phần cuối, như là cao lương mỹ vi, có chát bô dưỡng lớn lao. 6315. Sau khi lắng nghe giáo pháp có vị ngọt tuyệt vời, tôi được tịnh tín với giáo pháp của đấng Chiên Thắng. Tôi đã đi đến nương nhờ đức Thiện Thệ và đã tôn kính Ngài đến hết cuộc đời. 6316. Khi ấy, tôi đã lau chùi nền đất ở hương thất của bậc Hiền Trí bằng chất thơm được sanh lên từ bon loại [bông hoa] vào tám ngày trong một tháng.

6317. Tôi đã ước nguyện về trạng thái có hương thơm ở thân thể bị mùi khó chiu. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã chú nguyện về việc đạt được cơ thể có hương thơm rang: 6318. "Người nào lau chùi nền đất của hương thất bằng chất thơm một lần, do kết quả của nghiệp ấy, được sanh lên ở nơi này nơi khác. 6319. ở tất cả các nơi, người nam này sẽ có được thân hình có hương thơm ngạt ngào. Sau khi được gắn liền với hương thơm của đức hạnh, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.95 6320. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6321. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình Bà-la-môn. Khi tôi đang trú ở trong bào thai, mẹ của tôi đã trở thành người có hương thơm ở cơ thể. 6322. Và vào lúc tôi rời khỏi lòng mẹ, khi ấy, thành Sāvatthi đã tỏa ra như là được tẩm bằng tất cả các loại hương thơm. 6323. Và có cơn mưa bông hoa thơm ngát làm thích ý, với các hương thơm của cõi trời và có các hương tram có giá trị cao đã thoi đen liền khi ấy. 6324. Và ở ngôi nhà tôi đã được sanh ra, chư thiên đã tẩm hương thơm ngôi nhà ấy bằng mọi thứ hương thơm, bằng hương trầm và các bông hoa. 6325. Và vào lúc tôi còn trẻ, hiền thiện, đang ở vào giai đoạn đầu của tuổi thanh niên, khi ây, đang Điêu Phục Nhân đã hướng dân Sela cùng nhóm tùy tùng. 6326. Cùng với tất cả những người ấy, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Sau khi nhìn thấy năng lực ấy của đức Phật, tôi đã xuất gia. 6327. Sau khi làm cho phát triên bôn pháp: Giới, định, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc. 6328. Và vào lúc tôi đã được xuất gia, vào lúc tôi trở thành vi A-la-hán, và vào lúc tôi sẽ Niết-bàn, khi ấy sẽ có cơn mưa hương thơm. 6329. Hương thơm ở cơ thể của tôi luôn luôn vượt trội các loại hương trầm, hương campaka và hương sen vô cùng giá tri, tương tợ như the ấy, khi tôi đi nơi này nơi khác, tôi tỏa ra hương thơm át hẳn tất cả các loại hương thơm khác về mọi phương diện. 6330. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6331. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn? đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6332. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão CũỊasugandha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão CũỊasugandha55 là phần thứ mười. Phẩm Bhaddiya là phẩm thứ năm mươi lăm.

Phần tóm lược Vi Bhaddiya, vi Trưởng lão Revata, và vị Sĩvalĩ có lợi lộc lớn lao, vị Vañgīsa, vị Nandaka, và luôn cả vi Kāludāyi, và tương tợ là vị Ābhāya, vị Lomasa, vi Vanavaccha, và vị Sugandha đã được thực hiện là thứ mười, ở dây, có ba trăm câu kệ và mười sáu câu thêm vào đó nữa.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm Phẩm tên Kanikāra, phẩm về vi dâng cúng trái cây, phẩm về vi dâng cúng Cỏ, phàm Kaccāna và phàm Bhaddiya. Và các câu kệ này đã được tính đêm ở đây là chín trăm và tám mươi bốn. Có năm trăm năm mươi ký sự đã được giảng giải. Cùng với các câu kệ tóm lược, đây là sáu ngàn hai trăm câu kệ và mười tám câu thêm vào đó nữa.

LVI.PHẢMYASA (YASAVAGGO)

551. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO YASA (īasattherāpadānam) 6333. Chỗ cư ngụ của tôi đã được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được hóa hiện ra, được líu lo bởi loài ngỗng đỏ.1 6334. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la? bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ây có bên nước cạn xinh xăn làm thích ý. 6335. [Dòng sông] chứa đầy dẫy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v... 6336. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvamjīvaka. 6337. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm âm i, có nhiêu chim cú và loài piñgala, được đầy đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai. 6338. Tất cả các cây đều làm bằng vàng được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thắp sáng chỗ trú ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm. 6339. Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quây quần bên tôi. 6340. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [đi đến gặp] đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy. 6341. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian śumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận. 6342. Sau khi thực hiện việc thuyêt giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiên Trí đã giải tán. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã đi ve chỗ cư ngụ của tôi. 6343. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: uVào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này].,, Khi ấy, tất cả đã tụ hội lại [đáp rằng]: 6344. "Điều lợi ích cho chúng tôi đã được chúng tôi thành đạt khéo léo là chúng tôi sống thân cận với ngài. Chúng tôi cũng sẽ cúng dường đến bậc Đạo Sư là đức Phật tối thượng.,,

1 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Sabbadãyaka, số 399, trang 330.

6345. Sau khi sap đặt thức ăn và nước uông, tôi đã thông báo vê thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. 6346. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống chiếc ghế làm toàn bằng vàng. 6347. Khi ấy, ở phía trên đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng. Có những cái quạt quạt gió đến hội chúng Tỳ-khưu vô thượng. 6348. Tôi đã làm thỏa mãn hội chúng Tỳ-khiru với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu mỗi vị một xấp vải đôi. 6349. Sau khi ngồi xuống ở nơi hội chúng Tỳ-khưu, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng mà mọi người gọi là "Sumedha" đã nói lên lời kệ này: 6350. "Người nào đã làm thỏa mãn Ta và tát cả các vị này với cơm ăn nước uông, Ta sẽ tán dương người ây. Các người hãy lăng nghe Ta nói. 6351. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên một ngàn tám trăm kiếp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. 6352. Người này sanh lên chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có chiếc lọng làm toàn bằng vàng sẽ che cho người ấy. 6353. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 6354. Là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biêt toàn diện vê tát cả các lậu hoặc và sẽ Niêt- bàn không còn lậu hoặc. 6355. [Người này] sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ rống lên tiếng rông của loài sư tử. Nhiêu người câm chiêc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] bị thiêu ở bên dưới chiếc long?9 6356. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt. Dầu ở mái che hoặc ở gốc cây, sự run sợ không được biết đến ở tôi. 6357. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo sự dâng cúng mọi thứ. 6358. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6359. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6360. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Yasa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Yasaw là phần thứ nhất

552. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO NADĪKASSAPA
(Nadīkassapattherapadānam)

.

6361. Nhân
dịp đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế s \ r M I* .
Gian như thê ây đang hành hạnh khát thực, tôi đã câm lây trái cây đâu mùa danh tiếng hạng nhất và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. 6362. Do nghiệp ây, tôi trở thành vị chúa của chư thiên, bậc trưởng thượng của thế gian, là vi ưu tú của nhân loại, tôi đã từ bỏ hơn thua và đã đạt đến vị thế bất động. 6363. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc

dâng cúng trái cây đầu mùa. 6364. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6365. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6366. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nadīkassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Nadīkassapa^ là phần thứ nhì.

553. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO GAYÃKASSAPA (Gayākassapattherāpadānam) 6367. Vào lúc bấy giờ, tôi mặc y da dê, mang túi vật dụng. Tôi đã cầm lấy gói trái táo và đã mang vê khu ân cư. 6368. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, đấng Chiến Thắng là đơn độc không người thứ hai. Trong khi đang làm cho sáng tỏ vào mọi thời điểm, Ngài đã đi r M 9 . đên khu ân cư của tôi. 6369. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ vị có sự hành trì tốt đẹp. Bằng cả hai bàn tay, tôi đã nâng lên trái táo và đã dâng cúng đến đức Phật. 6370. Ke từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo. 6371. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6372. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

THÁNH NHÂN KÝ sự 525

6373. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Gayâkassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Gaykassapa” ỉa phần thứ ba.

554. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO KIMBILA (Kimbilattherāpadānam) 6374. Khi đấng Bà-la-môn toàn hảo Kakusandha Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che. 6375. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đã đạt được tòa lâu đài hạng nhất. Tôi rực rỡ hơn chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 6376. Và vào ban ngày hoặc vào ban đêm, trong khi đi kinh hành và trong khi đứng, tôi được bao phủ bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 6377. Việc tôi đã cúng dường đức Phật là ngay trong kiếp này, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6378. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6379. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6380. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kimbila đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í4Ký sự về Trưởng lão Kimbila” là phần thứ tư.

555. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO VAJJIPUTTA (Vajjiputtattherāpadānam) 6381. Đức Thế Tôn có ngàn ánh hào quang, đấng Tự Chủ, vị không bị đánh bại sau khi xuất ra khỏi sự độc

cư đã ra đi về việc khất thực. 6382. Có được nắm tay trái cây, tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây savanta. 6383. Kể từ Idii tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây. 6384. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6385. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6386. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Vajjiputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Vajjiputta" là phần thứ năm.

556. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA (Uttarattherāpadānam) 6387. Đấng Toàn Giác tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. Có ước muốn độc cư, đức Thế Tôn đã đi đến núi Hy-mã-lạp.2 6388. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Man Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi đã ngồi xuống. 6389. Khi ấy, tôi đã là người nắm giữ pháp thuật, là vị du hành ở không trung. Sau khi cầm lấy cây chĩa ba được thực hiện khéo léo, tôi đi ở trên không trung. 6390. Đức Phật chói sáng ở trong khu rừng giông như ngọn lửa ở trên đỉnh núi, tợ như mặt trăng ngày rằm, như là cây sâla chúa được trổ hoa. 6391. Hào quang của đức Phật vượt ra khỏi chóp đỉnh của khu rừng và tỏa rộng giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy, sau khi nhìn thấy tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. 6392. Trong khi chọn lựa, tôi đã nhìn thấy bông hoa kanikāra có hương thơm của cối trời. Sau khi cầm lấy ba bông hoa, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng. 6393. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, ba bông hoa của tôi [xoay ngược lại] có các cuống hoa ở bên trên và các cánh hoa ở bên dưới, tạo thành bóng râm che cho đức Phật. 6394. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 6395. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được biết [với tên] là "kapikarī", có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần. 6396. [Cung điện] có một ngàn cột trụ chống có màu lục, với một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. Có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi. 6397. Có những chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và cũng làm bằng hồng ngọc nữa, luôn cả ngọc pha lê [hiện ra] ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào theo ước muốn. 6398. Và có chiếc giường vô cùng giá trị được trải loại nệm bông gòn có một phần lông rái cá và được gắn liền với chiếc gối.

2 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Tikanikārapupphiya, số 501, trang 448.

6399. Khi nào tôi ước muốn việc ra đi, thì sau khi rời khỏi nơi cư ngụ và trong lúc thực hiện cuộc du hành cùng với chư thiên, tôi dẫn đầu hội chúng chư thiên. 6400. Tôi đứng ở phía bên dưới là bông hoa, ở phía bên trên của tôi xung quanh một trăm do-tuân có

mái che được phủ bằng các bông hoa kanika. 6401. Có sáu mươi ngàn nhạc công đã phục vụ sáng chiều. Họ thường xuyên vây quanh tôi ngày đêm không biếng nhác. 6402. ở tại nơi ấy, tôi sướng vui với các điệu vũ, các lời ca, các tiếng chũm chọe và các khúc tấu nhạc, với niềm sướng vui của việc giải trí. Tôi vui thh . M. , theo sự mong muôn này mong muôn khác. 6403. Lúc bấy ệiờ, ở tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Được gan gũi với các đám nữ nhân, tôi vui thích ở lâu đài tuyệt hảo. 6404. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. 6405. Trong khi luân hồi ở cối này cõi khác, tôi nhận lãnh của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6406. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6407. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật 6408. về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6409. về đám tôi trai, bầy tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6410. về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 641L về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6412. uNgài hãy nhai món này, ngài hãy ăn món này, ngài hãy nằm ở chiếc giường này", tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6413. Tôi được tôn vinh ở tất cả các nơi, danh vọng của tôi được thăng tiến, tôi luôn luôn có phe cánh đông đảo, luôn luôn có hội chúng không bi chia rẽ.

6414. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bực bội không được biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim của tôi không được biết đến. 6415. Sau khi có được làn da màu vàng ròng, tôi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi không biết đến việc tàn tạ sắc thân; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Ph. 6416. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi. 6417. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 6418. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên, tôi là vị trẻ tuổi xứng đáng được cúng dường; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6419. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi là thiện xảo về định, đã đạt đến Sự toàn hảo vê các thăng trí; điêu này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6420. Tôi đã thành tựu các pháp phân tích, là vi rành rẽ về các nền tảng của thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về các pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 6421. Việc tôi đã cúng dưòĩig đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường

đức Phật. 6422. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6423. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6424. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uttara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão uttara" là phần thứ sáu.

557. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA KHÁC (Apara-uttarattherāpadānam) 6425. Khi bậc Bảo Hộ Thế Gian, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha Niết- bàn5 tôi đã tập hợp quyến thuộc của tôi lại và tôi đã cúng dường Xá-lợi. 6426. [Ke từ khi] toi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi. 6427. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

THÁNH NHÂN KÝ sự 529

6428. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6429. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Uttara khác đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão uttara khác55 là phần thứ bảy.

558. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO BHADDAJI (Bhaddajittherūpadānam) 6430. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đói [bụng], tôi [đã] nhổ lên củ sen ở tại nơi ấy.3 6431. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vi Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung. r r 6432. Khi ây, trong khi Ngài đang phát phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ, tôi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đaii LMih Đạo The GiZ :: y

6433. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: "Xin đức Phật, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con?5 6434. Do đó, đấng Bi Man, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao đã ngự xuống. Bậc Hữu Nhãn vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng: 6435. "Nấy người có đại phước, mong rằng ngươi được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sanh được thành tựu cho ngươi. Do việc dâng cúng củ sen này, ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao." 6436. Sau khi nói lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đang Chiên Thăng đã câm lây thức ăn roi đã ra đi băng đường không trung. 6437. Sau đó5 tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình. 6438. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét và sấm sét đã nổ ra. 6439. Sau đó, tia sét đánh xuống đã giáng vào đầu của tôi. Khi ấy, trong khi bi khuyụ xuống tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ấy. 6440. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến

cõi trời Đẩu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi sướng vui ở thế giới chư thiên. 6441. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm hầu cận sáng tối; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.3

3 Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Bhisadâyaka, số 483, trang 425.

6442. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung . v.Y ỵ A •

sướng, tôi không có sự thiêu hụt vê của cải; điêu này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 6443. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, [tôi có] tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa. 6444. Ke từ khi tôi đã dâng cúng rễ sen trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen. 6445. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6446. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 6447. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Bhaddaji đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Bhaddaji" là phần thứ tám.

559. KÝ Sự VÈ TRƯỞNG LÃO SĪVAKA (Sīvakattherāpadānam) 6448. Khi bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đang đi về việc tìm kiếm [vật thực]. Tôi đã nhìn thấy bình bát trong trơn va tôi đã đe đầy sữa kem. 6449. Ke tò khi tôi đã dâng cung vật thực trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa kem. 6450. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 6451. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 6452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Sĩvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. íaKý sự về Trưởng lão Sivaka" là phần thử chín.

Tóm lược của phẩm này
Vị Yasa, vị Nadĩkassapa, vị Gaykassapa, vị Kimbila, vị Vajjiputta, hai vị
Uttara, vi Bhaddaji và luôn cả vị Sĩvaka tối thượng.
Phẩm Yasa là phẩm thứ năm mươi sáu.
TRƯỞNG LÃO KÝ sự ĐƯỢC ĐÀY ĐỦ.
THÁNH NHÂN KÝ sự 531

D. TRƯỞNG LÃO NI KÝ Sự (THERĪAPADĀNAM) .

I. PHẨM SUMEDHA (SUMEDHĀVAGGO)

1. KÝ Sự VỀ SUMEDHA (Sumedhāpadānam) 1. Vào thời đức Thế Tôn Konāgamana, chúng tôi gồm ba người bạn gái1 thân thiết đã dâng cúng trú xá ở tại chô cư ngụ mới là tu viện của hội chúng. 2. Chúng tôi đã tái sanh mười lần, trăm lần, ngàn lần, mười ngàn lần ở các cõi trời thì ở cõi người có điều gì để nói. 3. Chúng tôi đã có đại thần lực ở cõi trời thì ở cõi người có điều gì để nói. Tôi đã là hoàng hậu, là báu vật nữ nhân trong số bảy loại báu vật. 4. ở nơi này, do phước thiện đã được tích lũy, Dhanañjānī, Khemā và tôi nữa, ba người đã là hậu duệ của các gia tộc vô cùng giàu có. 5. Sau khi tạo lập tu viện được xây dựng khéo léo và được trang hoàng về mọi phương diện, chúng tôi đã dâng đên hội chúng có đức Phật đứng đầu và [chúng tôi] đã được hoan hỷ. 6. Do mãnh lực của nghiệp ây, ở bát cứ nơi nào tôi sanh ra, ở các cõi trời và cũng y như thế ở giữa loài người, tôi đều đạt được phẩm vị cao quý. 7. Ngay trong kiêp này, trong sô các vị đang thuyêt giảng, đã hiện khởi đàng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 8. Khi ấy, đức vua của xứ Kâsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī, vị chúa tể của nhân loại đã là người hộ độ cho bậc Đại Ẩn Sĩ. 9. Bảy người con gái của đức vua đã là những nàng công chúa khéo được nuôi dưỡng. Được vui thích trong việc hộ độ đức Phật, các nàng đã thực hành Phạm hạnh [của người thiếu nữ]. 10. Là bạn của những cô [công chúa] ấy, tôi đã khéo chuyên chú vào các giới, đã dâng cúng các vật thí một cách cung kính, và đã thực hành phận sự dầu chỉ là người tại gia. 11. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đên cõi trời Đạo-lợi. 1 Sumedha và hai người bạn gái là Dhanañjanī và Khemā được đề cập ở phần dưới.

12. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi ươi Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại. 13. Là người đã được thành tựu thiện nghiệp, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy. 14. Từ nơi ấy chết đi [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đấng Chuyển Luân Vương và của các vi vua cai quản các lãnh thổ. 15. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và ở ệiữa loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi qua nhiều kiếp sống. 16. Nhân ây, nguồn sanh khởi ây, căn nguyên ây, sự chăm chỉ ây trong giáo pháp, sự liên két đầu tiên ấy, việc Niêt-bàn ây là do sự thỏa thích trong giáo pháp. 17. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu2 đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 18. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 19. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Sumedha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. "Ký sự về Trưởng lão Ni Sumedha^ là phần thứ nhất.

2. KÝ Sự VỀ MEKHALÃDÃYIKÃ (Mekhalādāyikāpadanam)3 20. Tôi đã là người cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Siddhartha. Tôi đã dâng cúng sợi dây thắt lưng đến công trình xây dựng dành cho bậc Đạo Sư. 21. Và khi ngôi đại bảo tháp đã hoàn tất,

được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng thêm sợi dây thắt lưng đến bậc Hiền trí, đấng Bảo Hộ Thế Gian. 22. Ke từ khi tôi đã dang cúng sợi dây thắt lưng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biêt đến khô cảnh; điêu này là quả báo của việc xây dựng ngôi bảo tháp. 23. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cát đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sông không còn lậu hoặc. 24. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 25. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

2 Kāmabhavādayo sabbe nava bhavā mayā samūhatā (ÁpA. 295) = Toàn bộ 9 hữu như là dục hữu, (sắc hữu, vô sắc hữu), v.v... đã được tôi xóa sạch. 3 Mekhalãdãyikã nghĩa là ungười nữ dâng cúng sợi dây thắt lưng.,,

THÁNH NHÂN KÝ sự 533

Tỳ-khiru-ni Mekhalādāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ni Mekhalādāyikā95 là phần thứ nhì.

3. KÝ Sự VÈ MANDAPADĀYIKĀ (Mandapadāyikāpadānam)4 26. Mái che dành cho đang Hiên Trí Konāgamana đã được tôi cho thực hiện. Và tôi đã thường xuyên dâng cúng y đến đức Phật, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian. * 27. Bất cứ xứ sở, phố chợ, kinh thành nào tôi đi đến, ở tại tất cả các nơi ấy tôi đều được tôn vinh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. 28. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 29. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 30. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Mandapadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ẾKý sự về Trưởng lão Ni Mandapadāyikā55 là phần thứ ba.

4. KÝ Sự VÈ SAÑKAMANATTHĀ (Sañkamanatthāpadānam)5 31 . Trong lúc đức Thế Tôn Vipassī, bậc Tối Thượng của thế gian như thế ấy đang bước đi trên đường, đang tiếp độ chúng sanh. 32. Tôi đã bước ra khỏi nhà, cúi mình và nằm dài xuống. Bậc Thương Tưởng, đấng Bảo Hộ Thế Gian đã bước lên đỉnh đầu của tôi. 33. Sau khi bước lên đầu [của tôi], đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ra đi. Do sự e r Ấ 9 A — . 1 y • ,Ẫ, Á tịnh tín ây ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đâu-suât. 34. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 35. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 36 Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Sañkamanatthā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Ni SaAkamanatthã" là phần thứ tư.

4 Mandapadāyikā nghĩa là "người nữ dâng cúng mái che." 5 Sañkamanatthā nghĩa là 4tngười nữ thành lập con đường di."

5. KÝ Sự VỀ NALAMÃLIKẢ (Naỉamâỉikãpadãnam)6 37. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Si điểu78cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chiỉ, bậc Không Bị Đánh Bại. 38. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã cầm lấy tràng hoa sậy và đã cúng dường đến đấng Tự Chủ. 39. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân xác Kim Si điểu, tôi đã đi đến cõi Tam Thập. 40. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của mười đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi đã khiến cho tâm của tôi bị chấn động, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 41. [Ke từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa. 42. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 43. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 44. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 45. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni NaỊamâlikã đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Ni Nalamālikā^ là phần thứ năm.

6. KÝ Sự VỀ EKAPINDAPÃTADẢYIKÃ (Ekapindapātadāyikāpadānamf 46. ở thành phố Bandhumatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Bandhumā. Tôi đã là người vợ của vị vua ấy. Có một lần tôi đã khiến [người] đưa tôi đi [du ngoạn]. 47. Khi ấy, tôi đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, tôi đã suy nghĩ như vầy: “Dầu đã đạt được vi thế xứng đáng, nhưng không điều lành nào đã được ta thực hiện! 48. Có lẽ ta sẽ đi đến địa nc là nơi vô cùng nóng bức, khổ sở, có dáng vẻ rùng rợn, vô cùng khiếp đảm; điều này đối với ta là không có sự hoài nghi [nữa].” 49. Tôi đã đi đến gặp đức vua và đã nói lời nói này: uTâu vi Sát-đế-lỵ, xin hãy ban cho thiếp một VỊ Sa-môn. Thiếp sẽ chăm lo ve vật thúc.”

6 NaỊamãlikã nghĩa là t4người nữ có tràng hoa say." 7 Kinnara, kinnarĩ: Loài nhân điểu nam hoặc nữ, có thân người đầu chim. (ND) 8 Ekapindapātadāyikā nghĩa là ungười nữ dâng cúng một phần vật thực.,,

50. Vi đại vương đã ban cho tôi [một] vị Sa-môn có [các] giác quan đã được tu tập. Sau khi nhận lấy bình bát của vị ấy, tôi đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thưcmg hạng. 51. Sau khi đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng, tôi đã thoa dầu thơm, rồi đã che đậy lại bằng xấp vải đôi có giá trị đến một ngàn. 52. Đối với tôi, tôi [sẽ] ghi nhớ cảnh tượng nay đến hết cuộc đời. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ây, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 53. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của ba mươi vị Thiên vương. Điều ước nguyện trong tâm của tôi là được tái sanh theo như ước muốn. 54. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của hai mươi đấng Chuyển Luân Vương.

Sau khi thành tựu kết quả, tôi luân hồi ở nhiều cõi. 55. Tôi đã được giải thoát khỏi tất cả các điều trói buộc. Đối với tôi, các sự liên quan đến tái sanh đã xa lìa, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 56. Ke từ khi tôi đã dâng cung vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của món vật thực. 57. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 58. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 59. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Ekapindapātadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Ni Ekapindapātadāyikā" là phần thứ sáu.

7. KÝ Sự VÈ KATACCHUBHIKKHÃDÃYIKÃ (Kaịacchubhikkhữdâyikãpadânamỷ 60. Trong khi bậc Đạo Sư tên Tissa đang đi khất thực, tôi đã nâng lên muỗng vật thực và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. 61. Sau khi thọ lãnh, đấng Toàn Giác Tissa, bậc Đạo Sư, vị Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian dửng ở đường lộ? đã thực hiện lời tùy hỷ [phước báu] đến tôi: 62. "Sau khi bố thí muỗng vật thực, con sẽ đi đến cõi trời Đạo-lợi. Con sẽ làm chánh hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương. 63. Con sẽ làm chánh hậu của năm mươi đang Chuyên Luân Vương. Con sẽ luôn luôn thành tựu tất cả các điều ước nguyện ở trong tâm. 64. Sau khi thọ hưởng sự thành đạt, con sẽ xuất gia không có [tài sản] gì. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, con sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

9 Katacchubhikkhādāyikā nghĩa là ungười nữ dâng cúng muỗng vật thỊTC.”

65. Nói xong điều ấy, đấng Toàn Giác Tissa, bậc Trí Tuệ, vi Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã bay lên không trung, tợ như loài thiên nga chúa ở trên bầu trời. 66. Đối với tồi)sự bố thí cao quý là đã được bố thí tốt dẹp, sự thành công trong việc cống hiến là đã được cống hiến tốt đẹp. Sau khi bố thí muỗng vật thực, tôi đã đạt đến vị thế không bị lay chuyển. 67. Ke từ khi tôi đã dâng cung vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biêt đên khô cảnh; điêu này là quả báo của việc dâng cúng vật thực. 68. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 69. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 70. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Katacchubhikkhādāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Katacchubhikkhādāyikā" là phần thứ bảy.

8. KÝ Sự VÈ SATTUPPALAMẢLIKÃ (Sattuppalamālikāpadānam)^ 71. ở thành phố Arunavatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Arunavā. Tôi đã là người vợ của vị vua ấy. Tôi [thường] bảo [người] đưa tôi đi đó đây. 72. Sau khi nhận được bảy đóa sen xanh có hương thơm của cõi trời, tôi đã ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, và ngay khi ấy đã suy nghĩ như vầy: 73. "Với bảy đóa hoa này được gắn ở đầu của ta thì ta có được gì? Điều cao

quý đối với ta là được vươn đến trí tuệ của đức Phật tối thượng?5 74. Trong lúc chờ đợi đấng Toàn Giác, tôi đã ngồi xuống ở gần cánh cửa lớn [nghĩ rằng]: "Khi nào đấng Toàn Giác ngự đến, ta sẽ cúng dường đến bậc Đại Hiên Trí?5 ' ' 75. Nổi bật, chói sáng, y như con sư tử là vua của các thú rừng, đấng Chiến Thắng được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu đã đi đến ở trên đường lộ. 76. Sau khi nhìn thấy hào quang của đức Phật, tôi đã trở nên mừng rỡ, có tâm ý phấn khởi. Tôi đã mở cửa ra và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng. 77. Bảy đóa hoa sen xanh đã được phân tán ra ở trên không trung. Chúng tạo thành hình mái che và nằm yên ở trên đỉnh đầu của đức Phật. 78. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 79. Chúng hình thành tấm che màu xanh thẩm ở trên đầu của tôi, tôi tỏa ra hương thơm của cõi trời; điều này là quả báo của bảy đóa sen xanh.

10 Sattuppalamãlikã nghĩa ỉa "người nữ có bảy đóa hoa sen xanh."

80. Lúc bấy giờ, vào một làn nào đó trong khi tôi được tập thể quyến thuộc dẫn di, hết thảy nhóm người của tôi đều được khoác lên [một] màu xanh thẫm. 81. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của bảy mươi vi Thiên vương. Sau khi trở thành vi nữ hoàng ở khăp mọi nơi, tôi [đã] luân hôi ở cõi này cõi khác. 82. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của sáu mươi ba đấng Chuyển Luân Vương. Tất cả đều thuận theo tôi, tôi đã có lời nói hợp lý. 83. Màu da của tôi chính là [màu] của hoa sen xanh và còn tỏa ra hương thơm nữa. Tôi không biết đến làn da xấu xí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 84. Được thiện xảo về các nền tảng của phép thần thông, được thích thú trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, được thành tựu các thắng trí và các pháp toàn hảo; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 85. Được thiện xảo trong các sự thiết lập về niệm, có các hành xứ về thiền định, được gắn bó với các sự nỗ lực đúng đắn; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 86. Tôi có sự tinh tân, có khả năng tiên hành các phận sự là điêu kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 87. Ke từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy frước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa. 88. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 89. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 90. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Sattuppalamālikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ni Sattuppalamâlikã" là phần thứ tám.

9. KÝ Sự VỀ PAÑCADĪPIKĀ (Pañcadīpikāpadānam)n 91. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ở thành phố Hamsavatī. Là người tầm cầu sự tốt đẹp, tôi đi từ tu viện này đến tu viện khác. 92. Vào một ngày thuộc hạ huyền, tôi đã nhìn thấy cội cây Bồ-đề tối thượng. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín tôi đã ngồi xuống ở gốc cây Bồ-đề. 93. Sau khi

thiết lập tâm cung kính, tôi đã chắp tay lên ở đầu và bày tỏ lòng hoan hỷ. Ngay khi ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy:

11 Pañcadīpikā nghĩa là "người nữ có năm ngọn

94. "Nếu đức Phật có đức hạnh vô lượng, không người sánh bằng, xin cội Bồ-đề này hãy thi hiện thần thông, hãy chói sáng cho tôi thấy.” 95. Cùng với điều suy nghĩ của tôi, ngay khi ấy cội Bồ-đề đã phát sáng, đã biến thành vàng toàn bộ và đã chiêu sáng tát cả các phương. 96. Tôi đã ngồi xuống tại nơi ấy, ở gốc cây Bồ-đề bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ bảy, tôi đã thực hiện việc cúng dường các ngọn đèn. 97. Sau khi được đặt quanh chỗ ngồi, năm ngọn đèn đã phát sáng. Khi ấy, các ngọn đèn của tôi đã phát sáng cho đến khi mặt trời mọc lên. 98. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 99. Tại nơi ây, có cung điện đã khéo được kiên tạo dành cho tôi gọi tên là "Ngũ Bng”, có chiều cao là sáu mươi do-tuần? chiều rộng ba mươi do-tuần. 100. Xung quanh tôi có vô sô ngọn đèn chiêu sáng. Cho đên cung điện của chư thiên cũng sáng rực bởi ánh sáng của các ngọn đèn. 101. Sau khi ngồi xuống với mặt quay về hướng khác, nếu tôi muốn nhìn thây ở bên trên, bên dưới và chiêu ngang, tôi đêu nhìn thây tát cả băng mát. M t y 1 Á . Mai M 102. Ngay cả khi tôi mong muôn nhìn thây những sự việc tót đẹp hoặc xâu xa thì không có gì che đậy được việc ấy, dầu ở các cây cối hoặc ở các núi non. 103. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của một trăm đấng Chuyển Luân Vương. 104. Mỗi khi tôi tái sanh dầu là cảnh giới chư thiên hoặc loài người, có một trăm ngàn ngọn đèn quây quần xung quanh tôi và chiếu sáng. 105. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Trong khi đi vào bụng mẹ và trụ lại, mắt của tôi không nhắm lại. 106. Một trăm ngàn ngọn đèn là kết quả của nghiệp phước thiện, chúng chiếu sáng ở nhà bảo sanh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn. 107. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã gìn jgiữ tâm ý. Tôi đã chạm đến Niết-bàn là trạng thái mát mẻ, không già, không chét. 108. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi biết được đức hạnh [của tôi], đức Phật Gotama đã cho tôi tu lên bậc trên. 109. Trong lúc tôi tham thiên ở mái che hoặc ở góc cây, ở các tòa nhà lớn hoặc ở các hang động và ở nơi trống vắng, có năm ngọn đèn chiếu sáng tôi. 110. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi được thiện xảo về định, được thành tựu các thăng trí và các pháp toàn hảo; điêu này là quả báo của năm ngọn đèn. 111. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Hữu Nhãn, con là Pañcadīpā có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có các phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, con xin đảnh lễ ơ bàn chân [Ngai]/9

112. Ke từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khô cảnh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn. 113. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 114. Quả vậy, tôi đã thành

công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 115. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Pañcadīpikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Paflcadīpikā^ là phần thứ chín.

10. KÝ Sự VÈ UDAKADÃYIKÃ (Udakadãyikãpadãnam)n 116. ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là cô gái đội nước.12 13 Tôi sống nhờ vào việc đội nước. Nhờ vào việc ấy, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ. 117. Và tôi không có gì xứng đáng đê dâng cúng đên phước điên vô thượng. Tôi đã đi đến bể chứa và đã cung cấp nước. 118. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. ở nơi ấy, có cung điện đã được kiến tạo khéo léo, đã được hóa hiện ra dành cho tôi do [công đức của] việc đội nước. 119. Khi ấy, chính tôi là người đứng đầu của một ngàn tiên nữ? tôi luôn luôn cai quản tất cả các nàng ấy cùng với mười khu vực. 120. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của năm mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của hai mươi đấng Chuyển Luân Vương. 121. Tôi [đã] luân hồi trong hai cảnh giới, ở bản thể chư thiên và nhân loại. Tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố thí nước. 122. Cho dù ở đỉnh núi hoặc ở ngọn cây, ở trên không trung và ở trên mặt đất, khi nào tôi ước muốn về nước thì tôi đạt được ngay lập tức. 123. Không có phương nào là không có mua, và không bi nóng bức hoặc bị thiêu đốt; sau khi biết được ý định của tôi, đám mây lớn [sẽ] đô mưa xuống. 124. Lúc bây giờ, vào một lân nào đó trong khi tôi được tập thê quyên thuộc dẫn di, khi nào tôi muốn mưa thì khi ấy đám mây lớn đổ mưa xuống. 125. Sự nóng nực hoặc bưc bội không được biết đến ở cơ thể của tôi, và bụi bặm không có ở trên thân thể của tôi; điều này là quả báo của việc bố thí nước. 126. Hiện nay, do tâm ý thanh tịnh, các ác pháp đã lìa, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

12 Udakadâyikã nghĩa là 44người nữ dâng cúng nước.,, 13 Từ udakahārikā được dịch sát nghĩa là người vận chuyển nước (đội, gánh, mang, vác, v.v...).

127. Ke từ khi tôi đã ứiực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố thí nước. 128. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 129. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 130. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Ưdakadãyikã đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về Trưởng lão Nỉ Ưdakadãyikâ95 là phần thứ mười.

Tóm Lược Của Phẩm Này Vị Ni Sumedha, cô gái dâng dây nịt, dâng cúng mái che và con đường di, cô gái có tràng hoa sậy, cô gái thí vật thực, muỗng [thức ăn], và cô gái dâng cúng đóa sen xanh, cô gái dâng các ngọn đèn, và luôn cả cô gái bố thí nước. Các

câu kệ ngôn đã được tính đếm ở đây là một trăm câu kệ ngôn và ba mươi câu thêm vào đó nữa. Phẩm Sumedhâ ỉa phẩm thứ nhất

THÁNH NHÂN KÝ sụ* 541

n. PHẨM MỘT LÀN TRAI GIỚI (EKUPOSATHIKAVAGGO)

11. KÝ Sự VÈ EKUPOSATHIKẢ (Ekuposathikãpadãnamy 131. ở thành phố Bandhumatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Bandhumā. Vào ngày trăng tròn, vị ấy thực hành bát quan trai giới. 132. Vào lúc bấy giờ9 tôi đã là cô nô tỳ đội nước ở tại nơi ấy. Sau khi nhìn thấy đoàn quân cùng với đức vua, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: 133. “Ngay cả đức vua cũng đã buông bỏ vương quyền và thực hành bát quan trai giới, chác hẳn việc làm ấy là có quả báo khiến đám đông người hứng thú.” 134. Sau khi suy xét chín chắn về cảnh giới khổ đau và sự nghèo khó, tôi đã tự làm cho tâm được hoan hỷ và đã thực hành bát quan trai giới. 135. Tôi đã thực hành bát quan trai ệiới theo lời dạy của đấng Chánh Đẳng Giác. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tót đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 136. Tại nơi ấy5 có cung điện đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, phía bên trên vươn cao một do-tuần? được kề cận với ngôi nhà mái nhọn quý giá, được trang hoàng với các chỗ nằm ngồi. 137. Một trăm ngàn tiên nữ luôn luôn kề cận tôi. Tôi luôn luôn vượt trội và rực rỡ hơn các vị thiên nhân khác. 138. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của sáu mươi bốn vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của sáu mươi ba đấng Chuyển Luân Vương. 139. Có được màu da vàng chói, tôi luân hồi ở các cảnh giới. Tôi là người cao quý ở tát cả các nơi; điêu này là quả báo của bát quan trai giới. 140. về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng n^ựa, phương tiện di chuyển bằng xe và kiệu khiêng, tôi cũng đều đạt được tát cả [các] điều ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới. 141. Khi ấy, ngay cả vật làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng ngọc pha lê, luôn cả vật làm bang hồng ngọc, tôi đều đạt được tất cả. 142. Các tấm mền làm bằng tơ lụa, bằng sợi len và bông vải, cùng với các tấm vải có giá trị cao, tôi đều đạt được tất cả. 143. Thức ăn, nước uống, vật để nhai, vải vóc và các chỗ nằm ngồi, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

1 Ekuposathikã nghĩa là 64người nữ có một lần thực hành bát quan trai giới.^,

542 KINH TIÊU Bộ

144. Hương thơm cao quý, tràng hoa, bột phấn thơm, dầu thoa, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điểu này là quả báo của bát quan trai giới. 145. Ngôi nhà mái nhọn, tòa lau đài, mái che, tòa nhà dài, hang động, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới. 146. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đầy nửa tháng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 147. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 148. Ke từ khi toi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bát quan trai giới. 149. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn5 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tối

thượng. 150. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Ekuposathikã đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ni Ekuposathikâ" là phần thứ nhất

12. KÝ Sự VÈ SALALAPUPPHIKÃ (Salalapupphikāpadānam)2 151. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Si điểu cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu, vi Trời Của Chư Thiên đang đi kinh hành. 152. Sau khi hái xuống bông hoa salala, tôi đã dâng lên đức Phật tối thượng, [nói rằng:] "Bạch đang Đại Hùng, thỉnh Ngài ngửi bông hoa salala có hương thơm của cõi trời.,, 153. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác Vipassī, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng đã ngửi [bông hoa ấy], trong khi ấy tôi đang chăm chú nhìn. 154. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Tối Thượng Nhân. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tìr nơi ấy tôi đã đi lên ngọn núi. 155. Ke tư khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật. 156. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 157. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tói thượng. 158. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được tôi đác chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Salalapupphikã đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Ni Salalapupphikã" là phần thứ nhì. 2 Salalapupphỉkã nghĩa là "người nữ có bông hoa salala".

13. KÝ Sự VÈ MODAKADĀYIKĀ (Modakadāyikāpadānam)3 159. ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là n^ười nữ tỳ đội nước. Là người vận chuyển nước, tôi đã ra đi sau khi nhận lấy phan [nước] của mình. 160. ở đường lộ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn có tâm thanh tịnh, định tĩnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng ba cục thịt vò viên. 161. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? tôi đã không đi đến đọa xứ chín mươi mốt kiếp. 162. Sau khi đã làm thành tựu điều ấy, tôi đạt được mọi thứ. Sau khi cúng dường ba cục thịt vò viên, tôi đã đạt đến vị thế không bi lay chuyển. 163. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 164. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 165. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khmi-ni Modakadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ni Modakadãyikâ59 là phần thứ ba.

14. KÝ Sự VÈ EKÃSANADẢYIKẢ (Ekāsanadāyikapadānam)4 166. Lúc bấy giờ, tôi đã là cô thiếu nữ ở tại thành phố Hamsavatī. Mẹ và luôn cả cha của tôi, họ đều đã đi làm công việc. 167. Vào lúc mặt trời ở chính ngọ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đang đi dọc theo đường lộ nên tôi đã xếp đặt chỗ ngồi. 168. Sau khi xếp đặt chỗ ngồi bằng nhiều loại lông cừu, v.v... rồi với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã nói lời nói này: 169. "Mặt đất bị nóng bỏng, bi thiêu đốt, mặt trời đã đứng ở chính ngọ, và các cơn gió ngưng thổi,

vậy là lúc ngài hãy nghỉ ở đây. 170. Thưa bậc đại hiền trí, đây là chỗ ngồi đã được sắp xếp dành cho ngài. Vì lòng thương tưởng, xin ngài hãy ngồi xuống chỗ ngồi của con.” 171. Với tâm ý thanh tịnh, vị Sa-môn được rèn luyện chu đáo đã ngồi xuống ở tại nơi ấy. Tôi đã nhận lãnh bình bát của vi ấy và đã dâng cúng không chút sai sót. 172. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 173. Tại nơi ấy, tôi có cung điện đã khéo được xây dựng, đã khéo được 3 Modakadãyikã nghĩa là "nguôi nữ dâng cúng thịt vò viên,,. 4 Ekâsanadãyikã nghĩa ỉa 4tngười nữ dâng cúng một chỗ ngồi,,.

hóa hiện ra với chô ngôi, có chiêu cao sáu mươi do-tuân, chiêu rộng ba mươi do-tuần. 174. Cũng vào khi ây, tôi có các ghê dài nhiêu kiêu làm băng vàng, làm bằng ngọc ma-ni, làm bằng ngọc pha lê, và làm bằng hồng ngọc nữa. 175. Các ghế dài của tôi khéo được trải lót với các tấm nệm bằng len dệt, với nhiều loại tấm trải bằng tơ dệt có đính các viên ngọc, và với các tấm trải viền ren ở một bên. 176. Khi nào tôi ước muôn sự ra đi với mục đích giải trí nô đùa, điêu ước nguyện của tôi là tôi ra đi bằng chiếc ghế dài thù thắng của tôi. 177. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của bảy mươi đấng Chuyển Luân Vương. 178. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đã đạt được tài sản lớn lao. Đối với tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một chỗ ngồi. 179. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới, trong bản thể chư thiên và nhân loại. Tôi không còn biết đến các cõi khác; điều này là quả báo của một chỗ ngồi. 180. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và cả Bà-la-môn nữa. ơ mọi nơi, tôi đêu thuộc gia đình thượng lưu; điêu này là quả báo của một chỗ ngồi. 181. Tôi không biết đến tam sân hận và sự bực bội của tâm. Tôi không biết đến việc tàn tạ dung nhan; điều này là quả báo của một chỗ ngồi. 182. Các nữ tỳ hầu hạ tôi, nhiều ngươi bị gù lưng, bị chảy nước dãi. Tôi đã [được ẳm bồng] di chuyển từ hông này đến hông khác; điều này là quả báo của một chỗ ngồi. 183. Luôn luôn có các cô này tam [cho tôi], các cô kia chăm lo thức ăn, các cô khác làm cho tôi vui thích, các cô nọ thoa dầu thơm [cho tôi]; điều này là quả báo của một chỗ ngồi. 184. Trong lúc tôi sông ở mái che, ở góc cây, hoặc ở ngôi nhà trông văng, chiếc ghế dài biết được ý đinh của tôi hiện diện kề bên. 185. Đây là kiếp sống cuối cùng của tôi, là lần hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Hiện nay, tôi đã từ bỏ vương quốc và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 186. Ke từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của một chỗ ngoi. 187. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 188. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

189. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Vi Tỳ-khưu-ni Ekāsanadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Ekāsanadāyikā55 là phần thứ tư.

15. KÝ Sự VỀ PAÑCADĪPADĀYIKĀ (Pañcadīpadāyikāpadānam)5 190. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ở thành phố Hamsavatī. Có sự tầm cầu thiện pháp, tôi [đã] đi từ tu viện này đến tu viện khác. 191. Vào một ngày thuộc hạ huyền, tôi đã nhìn thấy cội cây Bồ-đề tối thượng. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở gốc cây Bồ-đề7 192. Sau khi thiết lập tâm cung kỉnh, tôi đã chắp tay lên ở đầu và bày tỏ lòng hoan hỷ. Ngay khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: 193. “Nếu đức Phật có đức hạnh vô lượng, không người sánh bằng, xin cội Bồ-đề này hãy thị hiện thần thông, hãy chói sáng cho tôi thấy.” 194. Cùng với điều suy nghĩ của tôi, ngay khi ấy cội Bồ-đề đã phát sáng, đã biến thành vàng toàn bộ và đã chiếu sáng tất cả các phương. 195. Tôi đã ngồi xuống tại nơi ấy, ở gốc cây Bồ-đề bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ bảy, tôi đã thực hiện việc cúng dường các ngọn đèn. 196. Sau khi được đặt quanh chô ngôi, năm ngọn đèn đã phát sáng. Khi ây, các ngọn đèn của tôi đã phát sáng cho đến khi mặt trời mọc lên. 197. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 198. Tại nơi ấy, cung điện đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được gọi là "Ngũ Bng", có chiều cao sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần. 199. Xung quanh tôi có vô số ngọn đèn chiếu sáng. Cho đến cung điện của chư thiên cũng sáng rực bởi ánh sáng của các ngọn đèn. 200. Sau khi ngồi xuống mặt quay về hướng khác, nếu tôi muốn nhìn thấy ở bên trên, bên dưới và chiều ngang, tôi đều nhìn thấy tất cả bằng mắt. 201. Ngay cả khi tôi mong muôn nhìn thây những việc tót đẹp hoặc xâu xa thì không có gì che đậy được việc ấy, dầu ở các cây cối hoặc ở các núi non. 202. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của một trăm đấng Chuyển Luân Vương. 203. Mỗi khi tôi nhập thai bào, dầu là cảnh giới chư thiên hoặc loài người, có một trăm ngàn ngọn đèn chiếu sáng ở xung quanh tôi.

5 Pañcadīpadāyikā nghĩa là ungười nữ dâng cúng năm ngọn dèn". Câu chuyện này tương tợ câu chuyện số 9 của Pañcadīpika (người nữ có năm ngọn đen).

204. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Trong khi đi vào bụng mẹ và trụ lại, mắt của tôi không nham lại. 205. Một trăm ngàn ngọn đèn là kết quả của nghiệp phước thiện, chúng chiếu sáng ở nhà bảo sanh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn. 206. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã gìn giữ tâm ý. Tôi đã chạm đến Niết-bàn là trạng thái mát mẻ9 không già, không chết. 207. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. Sau khi biết được đức hạnh [của tôi], đức Phật Gotama đã cho tôi tu lên bậc trên. 208. Trong lúc sinh sống ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, luôn luôn có ngọn đèn chiếu sáng; điều này là quả báo của năm ngọn đèn. 209. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi được thiện xảo về định, được thành tựu các thăng trí và các pháp toàn hảo; điêu này là quả báo của năm ngọn đèn. 210. “Bạch đấng Đại Hùng, bậc Hữu Nhãn, con là Pañcadīpā có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có các phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài].” 211. Ke từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đên khô cảnh; điêu này là quả báo của năm ngọn

đèn. 212. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 213. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 214. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Vị Tỳ-khưu-ni Pañcadīpadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ký sự về Trưởng lão Ni Pañcadīpadāyikā^ là phần thứ năm.

16. KÝ Sự VỀ SẢLAMÃLIKÃ (Salamālikāpadānam)6 215. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Si điểu cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ, bậc Không Bi Đánh Bại. 216. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã cầm lấy tràng hoa sãla và đã cúng dường đến bậc Tự Chủ. 217. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân xác Kim Si điểu, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 218. Toi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương. Điều ước nguyện trong tâm của tôi là được tái sanh theo ước muốn.

6 Ký sự này tương tợ Ký sự về Nalamālikā, số 5, trang 534.

219. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của mười đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi thành tựu két quả, tôi luân hôi ở nhiêu cõi. 220. Điều tốt lành của tôi đã được tìm thấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Hiện nay, tôi là bậc xứng đáng sự cúng dường ở trong giáo pháp của người con trai dòng dõi Sakyā [Thích-ca]. 221. Hiện nay, với tâm ý đã được thanh tinh, các ác pháp đã không còn, tất cả các lậu hoặc đã cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 222. [Ke từ khi] toi đã cúng dường đến đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tràng hoa sâla. 223. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 224. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn9 đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 225. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Vi Tỳ-khưu-ni Sālamālikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ni Sālamālikā" là phần thứ sáu.

17. KÝ SựVỀ MAHĀPAJĀPATIGOTAMĪ (Mahāpafāpatigotamī-apadānam)1 226. Một thời, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Điều Phục Nhân trú tại thành Vesālī, khu Đại Lâm, ở ngôi nhà mái nhọn, trong giảng đường xinh xắn. 227. Khi ấy, người dì ruột của đấng Chiến Thắng là Tỳ-khưu-ni Mahāgotamī đã cư ngụ tại tu viện của Tỳ-khưu-ni được xây dựng ở tại nơi ây, trong thành phô đáng yêu. 228. Khi đang ở nơi thanh vắng cùng với năm trăm vị Tỳ-khưu-ni đã được giải thoát, có điều suy tầm đã khởi đến tâm của vi Ni ấy như vầy: 229. "Ta sẽ không thể chứng kiến sự viên tịch Niết-bàn của đức Phật, hoặc của hai vị Tối thượng Thinh văn, của Rāhula, Ānanda và Nandā. 230. Trước khi có thể buông bỏ thọ hành rồi thành tựu Niết-bàn? ta cần được đấng Bảo Hộ Thế

Gian, bậc Đại Ẩn Sĩ cho phép." 231. Sự suy tầm của năm trăm vi Tỳ-khưu-ni cũng như thế, chính điều suy tầm này cũng đã khởi đến các vị Ni như là Khemā, v.v... 232. Khi ấy, đã có sự lay động của trái đất, tiếng trống của cõi trời đã vang lên. Các thiên nhân cư ngụ ở Ni viện đã bi dày vò bởi sầu muộn. Tại nơi ấy, trong khi than vãn với niềm bi mẫn họ đã tuôn rơi những giọt nước mắt.7

7 Mahãpcỳâpatỉgotamĩ nghĩa ỉa "người nữ lãnh tụ vĩ đại thuộc dòng họ Gotama".

233. Cùng với các vị [thiên nhân] ấy, các vị Tỳ-khưu-ni bạn đã đi đến gặp bà Gotamĩ. Họ đã quỳ xuống, đê đâu ở bàn chân và đã nói lời nói này: 234. “Thua Ni sư, chúng tôi đã tưới nước ở tại nơi ấy rồi đã đi đến nơi thanh vắng. Trái đất có sự vững chãi đã bị lay động, tiếng trong của cõi trời đã được vang lên, và những tiếng than khóc đã được nghe đến. Bà Gotamĩ, chẳng lẽ có sự việc gì hay sao?” 235. Khi ấy, bà Gotamĩ đã kể lại mọi việc theo như đã được suy tầm. Các vị Ni ấy cũng đã kể lại mọi việc theo như đã được suy tầm: 236. "Thua Ni su, thưa vị có sự hành trì tốt đẹp, nếu Niết-bàn tối thắng thù diệu được bà thích thú thì tất cả chúng tôi cũng sẽ Niết-bàn với sự chấp thuận của đức Phật. 237. Chúng tôi sẽ cùng nhau rời khỏi ngoi nhà và rời khỏi luôn cả sự hiện hữu, chúng tôi sẽ cùng nhau đi đến thành phố Niết-bàn tối thượng?9 238. Bà Gotamĩ đã nói rằng: "Ta sẽ nói gì đây đối với những người đang đi đến Niết-bàn?" Khi ấy, bà Gotamĩ cùng với tất cả các vị Ni ấy đã rời khỏi chỗ cư ngụ của các Tỳ-khưu-ni. 239. "Xin chư thiên đang ngự tại trú xá hãy thông cảm cho ta. Đây là sự nhìn thấy Ni viện lần cuối cùng của ta. 240. Nơi nào sự già hoặc sự chết, sự gần gũi với những gì không yêu thích, sự xa lìa với những gì yêu thích là không c6, thì ta nên đi đến nơi ấy là nơi không bị tạo tác.” 241. Nghe được lời nói ấy, những vi Tỳ-khưu-ni của đấng Thiện Thệ có tham ái chưa được xa lìa bị dằn vặt bởi sâu muộn nên đã than vãn rằng: "Than ôi, chúng tôi có phước báu kém cỏi. 242. Trú xứ này của các Tỳ-khưu-ni thiếu vắng các vị ấy [sẽ] trở nên trống không. Các vị Tỳ-khưu-ni của đấng Chiến Thăng [sẽ] không còn được nhìn thấy, ví như các vì sao không còn được nhìn thấy vào ban ngày. 243. Bà Gotamĩ đi đến Niết-bàn cùng với năm trăm vị tương tợ như sông Gañgā cùng với năm trăm dòng sông chảy về biên cả/9 244. Sau khi nhìn thấy bà Gotamĩ r đang đi ở trên đường, Yt các nữ cư sĩy thành tín đã đi ra khỏi nhà, roi đã quỳ xuông ở hai bàn chân [của bà] và đã nói điêu này: 245. “H&i vị có tài sản vĩ đại, xin người hoan hỷ. Xin chớ lìa bỏ chúng con [trở thành] không n^ười bảo hộ. Xin người chớ quyết đinh Niet-ban^, họ đã than van ầm ĩ như thể. 246. Nhằm mục đích xóa đi nỗi sầu muộn của họ, bà Gotamĩ đã nói với giọng nói ngọt ngào rằng: "Này các con, than khóc đã đủ rồi, hôm nay đây là thời điểm vui cười của các con. 247. Khổ đã được ta biết toàn diện, nhân của khổ đã được ta dứt bỏ, sự diệt tận đã được ta tác chứng, và Đạo cũng đã được ta thực hành khéo léo?9 Dứt tụng phẩm thứ nhất

248. Bậc Đạo Sư đã được ta phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được ta thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan. 249. Vì mục đích

nào ta đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được ta đạt đến. 250. Này các con, đức Phật và Chánh pháp không bi thiếu sót của Ngài vẫn còn tồn tại vào thời điểm Niết-bàn của ta, chớ có khóc than cho ta. 251. Kondañña, Ānanda, Nandā, V.V..vi Râhula chiến thắng còn tại tiền, hội chúng là được an lạc, hòa hợp, còn đối với các ngoại đạo thì niềm kiêu hãnh đã bị tiêu tan. 252. Danh tiếng của dòngệ tộc Okkāka với sự tiêu diệt Ma vương đã được giương cao. Này các con, chang phải chính lúc này là thời điểm cho mục đích Niết-bàn của ta hay sao? 253. Điều ước nguyện của ta được nung đúc từ lâu, hôm nay được thành tựu. Này các con, giờ đây là thời điểm của những tiếng trống vui mừng, việc gì với những giọt nước mắt của các con? 254. Nêu có lòng thương mến đối với ta, và nếu có lòng bi mẫn, tất cả các con hãy the hiện sự tinh tan kiên co cho sự ton tại của Chánh pháp. 255. Khi được ta thỉnh cầu, đấng Toàn Giác đã ban cho sự xuất gia một cách lưỡng lự. Do điều đó, ta đã hoan hỷ như thế nào thì các con hãy thuận theo điều ấy như thế.95 256. Sau khi dặn dò như thể, bà Gotamĩ dẫn đầu các vị Tỳ-khưu-ni đã đi đến đảnh lễ đức Phật, rồi đã nói lời nói này: 257. “Bạch đấng Thiện Thệ, con là mẹ của Ngài. Và bạch đấng Anh Hùng, Ngài là cha của con. Bạch đấng Bảo Hộ, Ngài là người ban cho niềm an lạc trong Chánh pháp. Bạch Ngài Gotama, con đã được sanh ra bởi Ngài. 258. Bạch đấng Thiện Thệ, hình hài và thân xác này của Ngài đã được lớn mạnh là nhờ con. Còn Pháp thân không thê phê phán của con đã được tăng trưởng là nhờ vào Ngài. 259. Nhờ con, Ngài đã được uống nước sữa làm dịu đi sự khao khát trong chốc lát. Nhờ Ngài, con cũng đã được uống chính dòng sữa giáo pháp thanh tịnh vô cùng tận. 260. Bạch đấng Đại Hiền Trí, trong việc dưỡng nuôi chăm sóc của con, Nệài không có nợ nần. Mong sao cho các phụ nữ có lòng mong mỏi con trai có thê đạt được người con trai như thê này. 261 . Mẹ của các vị vua như đức Vua Mandhâtu, v.v... là ở trong biển cả của hiện hữu. Này con trai, ta đã bị chìm đắm, nhờ Ngài ta đã vượt qua khỏi đại dương của hiện hữu. 262. Đối với hàng phụ nữ, danh xưng 'Hoàng hậu mẹ của đức vua' là dễ dàng đạt được. Còn danh xưng 'Người mẹ của đức Phật9 là đạt được vô cùng khó khản.

263. Và bạch đấng Anh Hùng, nhờ Ngài con đã đạt được điều ước nguyện ấy của con. Với con toàn bộ điều ấy dầu nhỏ bé hay lớn lao đều đã được tròn đủ. 264. Con muốn từ bỏ xác thân này, con muốn viên tịch Niết-bàn. Bạch đấng Anh Hùng, bậc Lãnh Dạo, vi Đoạn Tận Kho Bau, xin Ngài hãy cho phép con. 265. Xin Ngài hãy duỗi ra [hai] bàn chân mềm dịu như hoa sen được điểm tô bằng những cây căm bánh xe và các ngọn cờ, con sẽ thể hiện sự tôn kính đến Ngài với lòng yêu mến đối với người con trai. 266. Bạch đấng Lãnh Bạo, xin Ngài hãy thể hiện rõ ràng thân thể tợ như khối vàng; sau khi thực hiện việc chiêm ngưỡng thân thể của Ngài, con sẽ đi về chốn an tinh." 267. Đấng Chiến Thắng đã khiến cho người dì nhìn thấy thân thể được thành tựu ba mươi hai tướng trạng và được điểm tô với những hào quang xinh xắn trông giống như ánh mặt trời non trẻ từ đám mây chiều. 268. Sau đó, bà Gotamĩ đã đê đầu ở lòng bàn chân được in dấu hình bánh xe, trông tợ như đóa hoa sen nở rộ có ánh sáng của mặt trời buổi bình minh. 269. "Con xin đảnh lễ đấng Mặt Trời Của Nhân Loại, vị tiêu biểu của dòng dõi

mặt trời. Đây là lần tử biệt cuối cùng của con, con không gặp Ngài nữa rồi. 270. Bạch đấng Cao Cả Của Thế Gian, hàng nữ nhan gây nên mọi điều xấu xa rồi chết đi. Và bạch đấng Thể Hiện lòng bi mẫn, nếu con có điều sai trái gì xin Ngài tha thứ. 271. Và bạch đấng Nhân Ngưu, con đã liên tục cầu xin sự xuất gia cho hàng phụ nữ, trong việc này nếu con có điều sai trái xin Ngài hãy thứ tha điều ấy. 272. Bạch đấng Đại Hùng, các Tỵ-khiru-ni đã được con dạy dỗ với sự cho phép của Ngài. Bạch đấng Chúa Te ve kham nhẫn, trong trường hợp này nếu có vấn đề huấn luyện kém cỏi, xin Ngài hãy thứ tha điều ấy." 273. [Đức Phật đáp lại rằng:] uNày người có đức hạnh là vật trang điểm, có thể kham nhẫn những điều gọi là không thể kham nhẫn thì còn có việc gì? Ta sẽ nói điều gì hơn nữa đối với bà là người đang tiến đến Niết-bàn? 274. Khj hội chúng Tỳ-khưu của Ta là thanh tịnh không khiếm khuyết đang tiến bước để ra khỏi thế gian này, ví như quầng trăng ra đi vào lúc rạng đông sau khi nhìn thấy sự biến mất dần của các vì thiên thể." 275. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni kia đã hướng vai phải nhiễu quanh đấng Chiến Thắng cao cả, trông giống như các vì sao theo gót mặt trăng di chuyển xung quanh núi Sumeru. Sau đó họ đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân [đức Phật], rồi đứng lên chiêm ngưỡng khuôn mặt [của Ngài]. 276. "Mắt chưa có sự thỏa mãn đối với việc nhìn ngắm Ngài, tai chưa có sự thỏa mãn đối với việc được [nghe] Ngài thuyết giảng, chỉ riêng một mình tâm của con đã đạt được sự thỏa mãn ấy nhờ vào hương vị của giáo pháp. 277. Bạch đấng Cao Quý Của Loài Người, trong khi Ngài tuyên thuyết ở

hội chúng, những người nào nhìn thấy khuôn mặt của Ngài là vị đánh đổ sự kiêu căng của những người đối chất, những người ấy là hữu duyên. 278. Bạch đấng có lóng [tay chân] dài, những người nào sẽ khom mình ở bàn chân xinh đẹp có gót chân nhô ra, bạch bậc Thượng Đức, những người ấy cũng là hữu duyên. 279. Bạch đấng Thượng Nhân, những người nào sẽ lắng nghe những lời nói ngọt ngào, vui vẻ, tiêu diệt lỗi lầm và có lợi ích của Ngài, những người ấy cũng là hữu duyên. 280. Bạch đấng Đại Hùng, với sự nhiệt tâm trong việc lễ bái bàn chân [Ngài], con đã vượt qua khu rừng rậm luân hồi nhờ vào lời thiện thuyết của đấng Quang Vinh, con là hữu duyên với Ngài.99 281. Sau đó, vị Ni có hạnh kiểm tốt đẹp ấy cũng đã thông báo đến hội chúng Tỳ-khiru. Và sau khi đảnh lễ các vị Râhula, Ānanda, Nandā, bà đã nói điều này: 282-83. "Mq nhơm gớm cái xác thân tợ như chỗ trú của rắn độc, là chỗ nệụ của bệnh tật, bị chồng chất khổ đau, là chốn lai vãng của sự già và sự chết, đay dẫy nhiễm ô và tội lỗi, bị lệ thuộc vào người khác, không năng động. Vì thế, mẹ muốn Niết-bàn. Này các con trai, hãy thông cảm [cho mẹ].,, 284. Vị Nandā và bậc Hiền thiện Râhula có sầu muộn đã lìa, không còn lậu hoặc, bên vững, không bị lay động, chăc chăn, kiên quyêt, đã suy xét vê lẽ tự nhiên rang: 285. "Thật là xấu hổ cho [xác thân] bị tạo tác, chao đảo, không có lõi, tương tợ như cây chuối, giống như trò xảo thuật hay ảo ảnh, ngắn ngủi, không bền vững. 286. Ngay cả bà Gotamĩ này, đối với đấng Chiến Thắng là người dì, là người nuôi dưỡng đức Phật, rồi cũng đi đến sự tử vong; tất cả pháp hữu vi là vo thường?9 287. Và lúc bấy giờ, Ngài Ānanda, vị có lòng thương mến đối với đấng Chiến Thắng, là bậc Hữu học, đã bị dằn vặt vì sầu muộn. Tại đó, trong khi tuôn trào những giọt lệ, vi ấy rên rỉ nỗi tiếc thương: 288. "Hỡi ôi! Bà Gotamī đi đến chốn thanh tịnh. Hiển nhiên, chẳng bao lâu nữa

đức Phật cũng đi đến tịch diệt ví như ngọn lửa hết nguồn nhiên liêu.” 289. Bà Gotamĩ đã nói với vị Ānanda đang than vãn ấy như vầy: "Này vị sâu sắc như biển cả về việc nghe [học hỏi]. Này vị nhiệt tâm trong việc hầu cận đức Phật. 290. Này con trai, chớ miệt mài thương tiếc khi thời điểm cười vui đã đến đối với con. Này con trai, nơi nương nhờ của ta là Niết-bàn đã đến. 291. Này con yêu, được cầu khẩn bởi con, [đức Phật] đã cho phép sự xuất gia đến chúng tôi. Này con trai, chớ có phiền muộn, sự nỗ lực của con là có kết quả.

552 KINH TIÊU BÔ

292. Đạo lộ ấy thậm chí không được nhìn thấy bởi các vị ngoại đạo sư trước đây, lại được biết đến bởi những bé gái hiền thiện bảy tuổi. 293. Này vị hộ trì giáo pháp của đức Phật, [giờ là] lần nhìn thấy cuối cùng của con. Này con trai, nơi nào khi đã đi đến là không được nhìn thấy thì ta đi đến nơi ấy.” 294. Có lần nọ, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian bi hắt hơi trong khi đang thuyết giảng giáo pháp, khi ấy với lòng thương tưởng tôi đã nói lời mong mỏi rằng: 295. "Bạch đấng Đại Hung, xin Ngài hãy sống thọ. Bạch bậc Đại Hiền Trí, xin Ngài hãy tồn tại trọn kiếp. Vì lợi ích của tất cả thế gian, xin Ngài hãy là vị Thiên Thần Bất Lao." j 296. Với tôi là người nữ có lời nói như thế về điều ấy, đức Phật ấy đã nói điều này: "Này Gotamĩ, chư Phật không nên được tôn vinh như thế, giống như cách bà đã tôn vinh." 297. "Bạch đấng Toàn Tri, vậy thì các đấng Như Lai là nên được tôn vinh như thế nào? Chư Phật là không nên được tôn vinh như thế nào? Được hỏi, xin Ngài hãy giảng cho con về điều ấy.” 298. "Bà hãy nhìn xem các vị đệ tử là có sự hòa h%, có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, có sự nỗ lực mạnh mẽ một cách ben bỉ; ấy là sự tôn vinh chư Phật?5 299. Từ nơi ấy, sau khi đi về Ni viện, chỉ có một mình tôi đã suy nghiệm rằng: “Đấng Bảo Hộ, vi đi đến tận cùng tam giới, hài lòng về tập thể có sự hòa hợp. 300. Vậy thì ta sẽ Niết-bàn? ta chớ chứng kiến sự băng hoại ấy." Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã diện kiến bậc Đệ Nhất Ẩn Sĩ. 301. Tôi đã thông báo thời điểm viên tịch Niết-bàn của tôi đến bậc Hướng Đạo. Do đó, Ngài đã đồng ý rằng: uNày Gotamĩ, bà hãy biết lấy thời điểm." 302. uCác phiên não của con đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 303. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 304. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phát." 305. "Này Gotamĩ, những kẻ ngu có khuynh hướng không chú tâm và trì trệ trong việc lãnh hội giáo pháp, bà hãy thị hiện thần thông vì lợi ích cho sự từ bỏ tà kiên của những ke ấy. 306. Khi ấy, với sự cho phép của đức Phật, bà Gotamĩ đã quy xuốnẹ [đảnh lễ] đấng Toàn Giác rồi đã bay lên không trung và đã thị hiện nhiều loại than thông.

THÁNH NHÂN KÝ sự 553

307-08. Là một, bà đã trở thành nhiều, và tương tợ như thế là nhiều trở thành một. Bà đã hiện ra, biên mát, đi xuyên qua vách tường, xuyên qua ngọn núi không bi chướng ngại. Bà cũng đã chìm vào trong trái đất. Bà đã đi ở trên nước mà không làm chao động như là ở trên đát liên. 309. Khi ây, bà đã di chuyên với thê kiêt-già tương tợ như loài

chim ở trên không trung. Bằng thân, bà đã thể hiện sự tác động đên tận chỗ ngụ của đấng Phạm thiên. 310. Sau khi đã làm ngọn núi Sineru thành cây cán lọng và đã làm đại địa cầu thành cái lọng che, bà đã xoay ngược lại đến tận gốc rễ. Trong khi cầm [lọng che], bà đã đi kinh hành ở hư không. 311. Và bà đã làm thế gian mù mịt khói đúng vào lúc mọc iên của sáu mặt trời. Bà đã gây rối ren bàng những tràng hoa rực lửa như là thế gian vào lúc hoại kiếp. 312. Vê tảng đá không lô Mucalinda, núi Mem, núi Mandâra và núi Daddara, bà đã nắm lấy toàn bộ bằng một nắm tay như là [nắm lấy] những hạt cải. 313. Với đầu ngón tay bà đã che khuất mặt trơi cùng với mặt trăng. Bà đã nắm giữ một ngàn mặt trăng và mặt trời như là [nắm giữ] tràng hoa đội đầu. 314. Bà đã năm giữ nước của bôn bê băng một bàn tay, đã làm đô mưa trận mưa lớn có hình dáng của đám mây đen vào lúc tận thế. 315. Bà đã biến hóa thành đấng Chuyển Luân Vương cùng với tùy tùng ở Ạ ' r • l " ..D . bê mặt của không trung. Bà đã khiên cho nhìn thây loài Kim Si điêu, loài voi và loài sư tử đang gầm rống. 316. Chỉ một mình, bà đã biến hóa thành hội chúng Tỳ-khưu-ni vô số kể, sau đó lại làm cho biến mất chỉ còn một minh, roi đã nói với bậc Hiền Trí rằng: 317. "Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Hữu Nhãn, người dì của Ngài là người nữ thực hành theo lời dạy của Ngài và đã đạt được lợi ích cho bản thân, giơ [xin] đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]?5 318. Sau khi thị hiện nhiều thể loại thần thông, vi Ni ấy đã từ bề mặt của không trung đáp xuống đảnh lễ đấng Quang Đăng Của Thế Gian rồi đã ngồi xuông ở một bên. 319. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đây đã được một trăm hai mươi tuổi tính từ lúc sanh. Bạch đấng Anh Hùng, chừng ấy là vừa đủ. Bạch đấng Lãnh Đạo, con sẽ Niet-ban?9 320. Khi ấy, toàn thể hội chúng ấy vô cùng sửng sốt đã chắp tay lên nói rằng: “Thua Ni su, làm thế nào bà đã trở thành vị có thần thông và sự nỗ lực khòng thể sánh bằng?“ 321. Trước đây một trăm ngan kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi. 322. Khi ây5 tôi đã được sanh ra ở tại Harpsavatĩ trong gia đình vị quan cận thần được đầy đủ mọi thứ tiện nghi, sung túc, thịnh vượng, có đại tài sản.

323. Có lân nọ, tôi đã dân đâu nhóm nữ tỳ cùng người cha với đoàn tùy tùng đông đảo đi đến đấng Nhân Ngưu ấy. 324. Tợ như vị [Thiên vương] Vāsava đang làm mưa, đấng Chiến Thắng, bậc Không Còn Lậu Hoặc, rực rỡ với quầng hào quang giống như mặt trời của mùa thu, đang làm đổ xuống cơn mưa pháp. 325. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã lắng nghe [giáo pháp] khéo được thuyết giảng cúa đấng Lãnh Đạo Nhân Loại ấy trong khi Ngài đang thiết lập vị Tỳ-khưu-ni Mātucchā vào vị thế hàng đầu. 326. Sau khi lắng nghe, tôi đã dâng cúng đại thí và nhiều vật dụng trong bảy ngày đến bậc Tối Thượng Nhân như thế áy cùng với hội chúng [của Ngài]. 327. Tôi đã nằm dài xuống ở bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy. Sau đó, vị Đệ Nhất Ẩn Sĩ đã nói với đoàn tùy tùng đông đảo rằng: 328. "Người nữ nào đã chăm lo bữa ăn đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cung với hội chúng trong bảy ngày, Ta sẽ tán dương người nữ ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói. 329. Vào một trăm ngàn kiên vê sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thê gian. 330. [Người nữ này] sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Gotanu. 331. Người

nữ này sẽ là người dì nuôi dưỡng mạng sống của vị Phật ấy và sẽ đạt được vị thế hạng nhất trong số các Tỳ-khưu-ni kỳ cựu." 332. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, tôi đã hộ độ đấng Chiến Thắng bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời, sau đó đã từ trần. 333. Được sanh lên giữa chư thiên thuộc cõi Đạo-lợi có các sự dồi dào về mọi dục lạc, tôi đã vượt trội các vị [trời] khác về mười phương diện: 334. Là các sắc, các thinh, các hương, các vị và các xúc, luôn cả tuổi thọ và sắc đẹp, sự an lạc và luôn cả danh tiếng nữa. 335. Với ưu thế như thế ấy, tôi đã nổi bật và sáng chói. Tôi đã là hoàng hậu yêu dấu của vị Trời Đế-thích ở tại nơi ấy. 336. Trong khi trôi nổi luân hồi, bi dời chuyển dưới tác động của nghiệp, tôi đã được sanh ra ở trong ngôi làng dân nô lệ thuộc lãnh địa của đức vua xứ Kâsi. 337. Khi ấy, có không dưới năm trăm người nô lệ cư ngụ ở nơi ấy. Tại đó, người nào là đứng đầu của tất cả [nhóm người], tôi đã trở thành vợ của người ấy. 338. Năm trăm bậc Tự chủ đã đi vào làng để khất thực. Sau khi nhìn thấy các vị ấy, tôi cùng với tất cả quyến thuộc đã vui mừng. 339. Chúng tôi cùng với những người chông đã xây dựng năm trăm cóc liêu, đã hộ độ trong bốn tháng, đã dâng cúng ba y và đã trở nên hoan hỷ. 340. Từ nơi ấy chết đi, chúng tôi cùng với những người chồng đã đi đến cõi

trời Đạo-lợi. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, chúng tôi đã được sanh ra ở thành phố Devadaha. 341. Cha của tôi là Añjana thuộc dòng Sakyā, mẹ của tôi là [Hoàng hậu] Sulakkhanā. Sau đó, tôi đã đi đến nhà [làm vợ] của [đức Vua] Suddhodana ở thành Kapilavatthu. 342. Những người còn lại đã được sanh vào gia tộc Sakyā, đã đi đến nhà [làm vợ] của các vị dòíiệ Sakyā. Là ưu việt trong so tất cả, tôi đã là người bảo mẫu cua đấng Chiến Thang. 343. Người con trai của tôi sau khi lìa bỏ ra đi đã trở thành đức Phật. bậc Hướng Đạo. Vê sau, tôi đã xuất gia cùng với năm trăm vị [công nương]. 344-45. Cùng với các công nương dòng Sakyā, tôi đã chạm đến sự an lạc của Niết-bàn. Khi ấy, những người nào đã là chồng của chúng tôi trong cuộc sống trước đây, những người cùng thực hiện phước báu, những người đã tạo ra thời điểm trọng đại, được đấng Thiện Thệ thương tưởng những người ấy đã chạm đến phẩm vị A-la-hán. 346. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni kia đã ngự lên bề mặt của không trung. Có đại thần lực? các vị Ni đã chói sáng như là các vì sao đã được quần tụ lại. 347. Các vị Ni đã thị hiện nhiều loại thần thông, tương tợ như những thợ vàng khéo được huấn luyện đã làm ra nhiều mẫu mã trang sức đối với kim loại vàng đã được chế biến. 348. Khi ấy, các vi Ni đã thị hiện các phép lạ đa dạng nhiều loại và đã làm hoan hỷ bậc Hiền Trí, vi Thuyết Giảng hàng đầu, cùng với đồ chúng. 349. Sau khi từ không trung đáp xuống, các vị Ni đã đảnh lễ bậc An Sĩ tối thượng. Được sự cho phép của đấng Tối Thượng Nhân, các VỊ Ni đã ngồi xuống đúng theo vị the [nói rang]: 350. "Oi! Bạch đấng Anh Hùng, bà Gotamĩ là người có lòng từ mẫn đối với tất cả chúng con. Được sống nhờ vào những phước báu của Ngài, chúng con đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. 351. Các phiên não của chúng con đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là những con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc. 352. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 353. Bôn [tuệ] phân tích,

tám giải thoát và sáu thăng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật. 354. Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con đã có năngệ lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, chúng con đã có năng lực về trí biêt tâm của người khác. 355. Chúng con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

556 KINH TIÊU BÔ

356. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và về phép biện giải được phát hiện và được thành tựu trong sự hiện điện cua Ngài. 357. Bạch đấng Lãnh Bạo, Ngài đã hành xử đối với chúng con bằng các tâm từ ái. Bạch đấng Đại Hiền Trí, xin Ngài cho phép về việc Niết-bàn đen tất cả [chúng con]." 358. Đấng Chiến Thắng đã nói rằng: "Khi các nàng nói: 'Chúng con sẽ Niết-bgn' như thế thì Ta còn nói điều gì nữa. Vậy thì giờ đây, các nàng hãy suy nghĩ ve thời điểm của các nng." 359. Khi ấy? các vị Tỳ-khưu-ni ấy đứng đầu la Gotamĩ, v.v... đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng. Rồi các vị Ni ấy đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và đã ra đi. 360. Bậc Anh Hùng ấy, vị Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian cùng với đại chúng đông đảo đã cùng đi theo người dì cho đến tận cổng. 361. Khi ấy, bà Gotamĩ đã cúi xuống ở các bàn chan của đấng Quyến Thuộc Thế Gian, là sự đảnh lễ bàn chân lần cuối cùng với tất cả các vị Ni kia. 362. uĐây là lần nhìn thấy đấng Bảo Hộ Thế Gian lần cuối cùng của con. Con sẽ không còn nhìn thây lại khuôn mặt của Ngài là nguôn phát sanh lên sự bất tử. 363. Và bạch đấng Anh Hùng, [đây] không phải là sự đảnh lễ của con ở bàn chân vô cùng mềm mại của Ngài. Bạch đấng Cao Cả Của Thế Gian, con sẽ sờ nắn [chúng]; hôm nay con đi đến nơi an tịnh. 364. Có gì với sắc tướng này của Ngài khi pháp đã được thấy đúng theo bản thể? Toàn bộ sắc tướng này chỉ là hữu vi, không được thoải mái, là tạm bọư' 365. Sau khi đi về tu viện Tỳ-khưu-ni của mình cùng với các vị Ni ấy, bà Gotamĩ đã xếp chân bán già ngồi xuống ở trên chỗ ngồi cao nhất. 366. Khi ây, các nữ cư sĩ mên chuộng Phật pháp ở tại nơi ây, sau khi nghe được tin tức ve bà ấy, đã đi đến đảnh lễ ở bàn chân [của bà]. 367. Bị dằn vặt vì sầu muộn, họ đã đấm vào ngực bằng những bàn tay. Rồi giống như là các dây leo bị chặt đứt góc rễ, họ đã ngã xuống ở trên đất trong khi nức nở tiếng khóc lóc thảm thương rằng: 368. "Hỡi người ban bố sự nương nhờ, hỡi người bảo hộ, xin người dừng từ bỏ chúng con mà đi đên nơi an tịnh. Toàn thê người nữ chúng con quỳ xuông đê đầu thỉnh cầu [người]. 369. Trong khi xoa đâu của người nữ cư sĩ có sự nô lực cao nhát, có tín tâm, có trí tuệ trong số ấy, bà Gotamĩ đã nói lời nói này: 370. "Này các con, thôi đủ rồi bởi vì thất vọng là sự xoay vần theo mưu kế của Ma vương. Tất cả pháp hữu vi là vô thường, sự chia lìa và sự tử vong là không chừng đổiy 371 . Sau đó, bà ấy đã giã từ những người nữ ấy rồi đã thể nhập thiền tối thượng bậc thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và luôn cả bậc thứ tư.

THÁNH NHÂN KÝ sự 557

372. Tương tợ như thế, theo tuần tự bà đã thể nhập [các bậc thiền] không gian xứ, thức xứ, vô sở hữu, phi tưởng. 373. Bà Gotamĩ đã thể nhập các bậc thiền theo chiều nghịch về lại bậc thiền thứ nhất, rồi từ đó tiến đến bậc thứ tư. 374. Từ đó, bà đã xuất ra và đã Niêt-bàn, tợ như ngọn lửa của cây đèn cạn dầu. Đã có sự chuyển động dữ dội của trái

đất, sét đã giáng xuống từ bầu trời. 375. Các tiếng trống đã được vang lên, chư thiên đã than vãn, và cơn mưa bông hoa từ bầu trời đã đổ xuống trái đất. 376. Ngọn núi chúa Meru cũng đã rung động tương tợ như người vũ công ở giữa sàn nhảy. Chính vì sầu muộn, biển cả đã có sự gào thét vô cùng thảm thiết. 377. Vào giây phút ấy, chư thiên, các long vương, các a-tu-la và đấng Phạm thiên bị chấn động đã thốt lên rằng: uCác pháp hữu vi quả thật là vô thường, theo như thế ấy vị Ni này đã đi đến sự hoại diệt. 378. Và các vị Ni nào là những n^ười thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Sư đã tháp tùng vị Ni này, các vị Ni áy cũng không còn chấp thủ, như là ngọn lửa của cây đèn đã bi lụi tàn/9 379. Và đã có sự than vãn rằng: “Chao ôi! Các sự hội tụ có sự chia lìa là điểm kết thúc. Chao ôi! Tất cả pháp hữu vi là vô thường. Chao ôi! Cuộc sống có sự tiêu hoại là điểm kết thúc.” 380. Sau đó, chư thiên và đấng Phạm thiên [đã] tiến hành công việc thuận theo pháp thế gian, thích hợp thời điểm, rồi đã đi đen gần vi Đệ Nhất Ẩn Sĩ. 381. Khi ấy, bậc Đạo Sư đã bảo Ngài Ānanda là vị có sự học ví như biển cả rằng: "Này Ānanda, hãy đi thông báo đen các Tỳ-khưu về việc Niết-bàn của mẹ? 382. Khi ấy, Ngài Ānanda, không còn nét hân hoan,8 mắt đẫm lệ, đã nói với giọng nói nghẹn ngào rằng: “Hoi chư Tỳ-khưu, hãy cùng nhau đi đến. 383. Hỡi chư Tỳ-khưu là các đệ tử của đấng Thiện Thệ đang ngụ ở các hướng Đông, Nam, Tây, Bắc, xin hãy lắng nghe lời nói của tôi. 384. Bà Gotamĩ ấy, người đã ra sức nuôi dưỡng xác thân cuối cùng của đấng Hiền Trí, đã đi đen nơi an tịnh như là vì sao vào lúc ló dạng của mặt trời. 385. Sau khi đã thiết lập danh xưng cho vị Ni đã ngự đến Niết-bàn là 'Người Mẹ của đức Phật\ đấng Lãnh Đạo, dầu là bậc Ngũ Nhãn, cũng không nhìn thấy nơi nào là nơi [bà] đã đi đên. 386. Vi nào có niềm tin vào đấng Thiện Thệ, và vị nào yêu quý bậc Đại Hiền Trí, xin vị đệ tử của đấng Thiện Thệ hãy thể hiện sự tôn kính đoi với người mẹ của đức Phật.^ 387. Sau khi nghe được điều ấy, các vị Tỳ-khưu thậm chí từ quốc độ vô cùng xa xôi đã nhanh ch6ng đi đến, một số vị là nhờ vào năng lực của đức Phật, một số vị là được rành rẽ vê các phép thân thông.

8 '"Ānando nir-ānando>y là phép chơi chữ, không thể diễn tả bằng tiếng Việt.

388. ở trong ngôi nhà mái nhọn cao quý đáng yêu, toàn bộ làm bằng vàng sáng chói, các vị đã cùng nhau sắp đặt chiếc giường nhỏ là nơi bà Gotamĩ an nghỉ. 389. Bốn vị [trời] hộ trì thế gian ấy đã cùng nhau gánh vác bằng những bả vai. Chư thiên còn lại như là [vua Trời] Sakkā, v.v... đã cùng nhau khiêng các ngôi nhà mái nhọn. 390. Toàn bộ đã có đến năm trăm ngôi nhà mái nhọn có màu sắc như ánh mặt trời vào mùa thu đều đã được tạo nên bởi vị Trời Vissakamma. 391. Toàn thể các vị Tỳ-khưu-ni ấy đã được đặt nằm trên những chiếc giường được nâng lên đặt ở vai của chư thiên rồi được tuần tự rước đi. 392. Có mái che đã che phủ toàn bộ bề mặt của không trung. Mặt trăng, mặt trời, cùng các vì sao đã được ghi dấu hiệu bằng vàng. 393. Vô số ngọn cờ đã được dựng lên, các tấm màn hoa đã được trải rộng. Từ trên không trung những đóa hoa sen đã rơi xuông, ở trên mặt đát là bông hoa đã được vun cao. 394. Mặt trăng và mặt trời được nhìn thấy và các vì sao lấp lánh. Và mặt trời dầu đã đi đen chính ngọ nhưng không làm cho nóng bức, tợ như là mặt trăng vậy. 395. Chư thiên đã cúng dường bằng

các hương thơm ở cõi trời, những tràng hoa thơm ngát, các khúc nhạc, những điệu vũ và các bản đồng ca. 396. Và các vị long vương, chư thiên và các Phạm thiên tùy theo khả năng, tùy theo sức lực đã cúng dường người mẹ của đức Phật đã Niết-bàn đang được rước đi. 397. Toàn bộ các vi Ni đệ tử của đấng Thiện Thệ đã tịch diệt là được rước đi ở phía trước, bà Gotamī, người đã nuôi dưỡng đức Phật, được kính trọng, đã được rước đi ở phía sau. 398. Chư thiên và nhân loại cùng với các long vương, a-tu-la, Phạm thiên là ở phía trước, đức Phật cùng các vị Thinh văn đi ở phía sau nhằm mục đích tôn vinh người mẹ. 399. Lễ viên tịch Niết-bàn của đức Phật đã là như thế nào chứ không được như the này, lễ viên tịch Niết-bàn của bà Gotamī đã là vô cùng phi thường. 400. ở lễ Niết-bàn của đức Phật, đức Phật không hiện diện [chỉ có] các vi Tỳ-khưu. ở lễ Niết-bàn của bà Gotamī có đức Phật, cũng như có các vị Sāriputta, v.v... 401. Các vị ấy đã thực hiện các giàn hỏa thiêu được làm bằng tất cả các loại vật thơm, được rải rắc các loại bột phấn thơm, rồi đã hỏa thiêu bà ở nơi đó. 402. Các phần còn sót lại đã được đốt cháy toàn bộ9 toàn bộ phần còn lại là các hạt xương. Và khi ấy, Ngài Ānanda đã nói lời nói khơi dậy nỗi chấn động: 403. "Bà Gotamī đã đi đến sự yên nghỉ, và thi thể của bà ấy đã được thiêu đốt. Tôi e rằng sự Niết-bàn của đức Phật sẽ là không lâu.”

THÁNH NHÂN KÝ sự 559

404. Sau đó, được đức Phật khuyên bảo vị Ānanda ấy đã dâng lên đấng Bảo Hộ các Xá-lợi của bà Gotamī đã được đặt vào trong bình bát của bà ấy. 405-06. Sau khi đã nâng lên các Xá-lợi bằng bàn tay, vị Đệ Nhất Ẩn Sĩ đã nói rằng: "So sánh với thân cây to lớn có lõi đang đứng thẳng, giống cây nào dầu có tầm vóc lớn hơn vẫn bị ngã xuống bởi vì tính chất vô thường, tương tợ như thế, bà Gotamī của hội chúng Tỳ-khưu-ni đã viên tịch Niết-bàn. 407. Ôi! Quả là ngạc nhiên đối với Ta! Ngay cả trong sự Niết-bàn của người mẹ chỉ còn lại phần nhỏ về Xá-lợi, và không có sự sầu muộn hay than vãn. 408. Không có sự sầu khổ ở những người khác. Bà ấy có biển cả luân hồi đã được vượt qua, có sự bực bội đã lìa, được trạng thái mát mẻ, đã Niết-bàn tốt đẹp. 409. Bà đã là vị thông thái có tuệ vĩ đại, và tương tợ như thế ấy, bà là vi có tuệ bao quát, là VỊ kỳ cựu trong số các Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như thê. 410. Bà Gotamī đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và đã có năng lực vê trí biêt tâm của người khác. 411. Bà đã biết được đời sốnẸ trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, đoi với bà ấy không còn tái sanh nữa. 412. Bà ây đã có được trí hoàn toàn thanh tịnh vê ý nghĩa, vê pháp, vê ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải; vì thế không nên sầu muộn. 413. Giống như đối với ngọn lửa cháy sáng hủy hoại luôn cả chiếc búa sắt [nhưng khi] đã được dập tắt theo tuần tự thì nơi đi đến cũng không được biết. 414. Tương tợ như vậy, đối với những người đã được giải thoát đúng đắn, có sự vượt qua dòng lũ ràng buộc của các dục lạc, đã đạt được vị thế bất động thì không còn cảnh giới tái sanh nào đế nhận biết nữa. 415. Do đó, các ngươi hãy là hòn đảo của chính bản thân, có hành xứ là các sự thiết lập niệm. Sau khi tu tập bảy chi phan giác ngộ, các ngươi sẽ làm cham dưt sự kho dàu." Vị Tỳ-khưu-ni Mahāpaj āpatigotamī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 64Ký sự về Trưởng lão Ni MahāpajāpatigotamF9 là phần thứ bảy.

18. KÝ Sự VỀ KHEMĀ (Khemāpadānam) 416. Trước đầy một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp, đấng Lãnh Đạo đã hiện khởi. 417. Khi ây, tôi đã được sanh ra ở tại Hamsavatī trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với nhiều loại châu báu? tôi đã được thừa hưởng lạc thú lớn lao. 418. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, với niêm tịnh tín sanh khởi tôi đã đi đên nương tựa vào đấng Chiên Thắng. 419. Và tôi cũng đã yêu cầu mẹ cha, rồi đã thỉnh mời đấng Hướng Đạo cùng với các vị Thinh văn và đã cung ứng vật thực trong bảy ngày.

420. Và khi bảy ngày đã trôi qua, đấng Điều Phục Nhân đã thiết lập vị Tỳ- khưu-ni đứng đầu trong số các vị Ni có đại trí tuệ vào vị thế tối thắng. 421. Được hoan hỷ sau khi lắng nghe điều ấy, tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ẩn Sĩ ấy lần nữa rồi đã nằm dài xuống và đã phát nguyện vị thế ấy. 422. Do đó5 đấng Chiến Thắng ấy đã nói với tôi rằng: uĐiều phát nguyện của nàng [sẽ] được thành tựu. Sự tôn kính đã được nàng thực hiện ở nơi Ta cùng với hội chúng là có quả báo vô lượng. 423. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thê gian. 424. Nàng sẽ có tên là Khemā, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, và sẽ đạt được vị thế t6i thắng." 425. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 426. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại. 427. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều đã được thiêt lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ây. 428. Từ nơi ấy chết đi [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đấng Chuyển Luân Vương và các vi vua cai quản các lãnh thổ. 429. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi trong nhiều kiếp. 430. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là vi có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi. 431. Tôi đã đi đến gặp bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Điều Phục Nhân ấy. Sau khi lắng nghe giáo pháp cao quý, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 432. Sau khi thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp của đấng Anh Hùng ấy mười ngàn năm, tôi đã gắn bó vào thiền tập, có sự nghe nhiều [học rộng]. 433. Là vị thiện xảo về các biểu hiện của duyên [tùy thuận sanh khởi], có niềm tự tín ở bốn sự thật, là người khôn khéo, là vị thuyết giảng hay, là người thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Sư. 434. Từ nơi ấy chết di, tôi đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất, là tiên nữ có danh tiếng. Tại nơi ấy, tôi đã vượt trội những người khác nhờ vào quả báo của việc thực hành Phạm hạnh. 435. ở bất cứ nơi nào tôi được sanh ra, tôi đều có nhiều của cải, nhiều tài sản, là người có sự sáng suốt, có sắc đẹp, và có luôn cả hội chúng đã được rèn luyện nữa.

436. Do nghiệp ấy có sự gắn bó với giáo pháp của đấng Chiến Thắng, tất cả các sự thành tựu của tôi đêu đạt được dê dàng và là các niêm yêu quý của tâm. 437. Thậm chí ở bất

cứ nơi đâu tôi sanh đến, bất cứ ngưòd nào là chồng của tôi đều không khinh miệt tôi nhờ vào quả báo tu tập của tôi. 438. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đang cao quý tên Konāgamana, có danh tiêng vĩ đại, là thân quyên của đang Phạm thiên. 439. Khi ấy, tôi là hậu duệ của một gia đình vô cùng giàu có ở tại Bārānasī. Dhanañjāni, Sumedha và tôi nữa là ba người. 440. Là những người cộng sự trong việc bô thí trước đây và là những người tạo lập, chúng tôi đã xác định tru xá là của hội chúng, rồi đã dâng cúng tu viện đen hội chúng. 441 . Từ nơi ấy chết đi, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi Đạo-lợi, đã đạt được tư cách cao tột vê danh vọng, và tương tợ y như thê ở giữa loài người. 442. Chính ở vào kiêp này, trong sô các vị đang thuyêt giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 443. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kâsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ. 444. Tôi đã là người con gái lớn nhất của vị ấy, được nổi danh là Samanī. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng cao cả, tôi đã xin xuất gia. 445-46. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ây? là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 447. Samani, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy. 448. Tôi, uppalavannā, Patācārā, Kundalā, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bay [vào thời hiện tại]. 449. Có lần nọ, đấng Mặt Trời Của Nhân Loại ấy thuyết giảng giáo pháp tuyệt vời. Sau khi lắng nghe bài Kinh MahānidāncP tôi đã học thuộc lòng bài kinh ấy. 450. Do các nghiệp áy đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 451 . Và trong kiếp cuối cùng hiện nay, tôi là người con gái vui tính, đáng mến, đáng yêu của đức Vua Madda ở tại kinh thành Sāgalā. 452. Cùng với sự việc đã được sanh của tôi là trong kinh thành ấy đã có

9 Xem D. II. 55, Kỉnh Đại duyên (Mahānidānasuttani), số 15.

Sự thái bình. Vì thế, tên “Khemā" đã được sanh lên cho tôi phát xuất từ công đức [ấy]. 453. Khi đạt đên tuôi thanh xuân, tôi được tô diêm bởi sác đẹp và sự mặn mà, khi ấy người cha đã dâng tôi cho đức Vua Bimbisâra. 454. Tôi đã là người nữ vô cùng yêu quý của vị [vua] ấy. Thích thú trong việc trau chuôi xác thân, tôi đã không tỏ ra rộng lượng đôi với những lời nói vê sự xấu xa của các sắc thân. 455. Khi ấy, với sáng kiến nhằm giúp đỡ cho tôi, đức Vua Bimbisâra đã ngợi khen về VeỊuvana [Trúc Lâm], và đã bảo các ca sĩ ca hát cho tôi nghe rằng: 456. "Chúng tôi quan niệm rằng: 'Người nào chưa nhìn thấy VeỊuvana đáng yêu, chốn ngụ cư của đấng Thiện Thệ, thì người ấy chưa nhìn thấy [vườn hoa] Nandana [của cõi trời]. 457. Người nào đã nhìn thấy Veịuvana là [vườn hoa] hoan lạc Nandana của nhân loại, người ấy đã nhìn thấy [vườn hoa] Nandana vô cùng hoan lạc của vị Thiên vương.' 458. Chư thiên sau khi rời [vườn hoa] Nandana ngự xuống mặt đất và đã nhìn thây VeỊuvana đáng yêu thì vô cùng sửng sót và không còn tiêc nuôi nữa. 459. [Veịuvana] đã được sanh lên do phước báu của đức

vua, được làm đẹp nhờ vào phước báu của đức Phật, có ai là người thuật lại một cách trọn vẹn về tổng thể các đức tính tốt đẹp của khu vườn ấy?" 460. Sau khi nghe được sự thành công của khu rừng ấy, đối với tôi là cọ sự quyên rũ vào tai. Lúc bây giờ, có lòng mong muôn nhìn thây khu vườn ây tôi đã trình lên đức vua. 461. Và khi ấy, vị lãnh chúa ấy đã sốt sắng ra lệnh cho đoàn tùy tùng đông đảo đưa tôi đi để nhìn xem khu vườn ấy [và đã nói với tôi rằng]: 462. "H&i nàng là của cải vĩ đại, nàng hãy di, hãy nhìn xem khu rừng đem lại sự bổ ích cho cặp mắt, là nơi luôn luôn chói sáng với sự vinh quang, được rực rỡ với hào quang của đấng Thiện The." 463. Và vào lúc đấng Hiền Trí đã đi vào kinh thành Giribbaja để khất thực, đúng vào lúc ấy tôi đã đi đến để nhìn thấy khu rừng. 464. Khi ấy, khu rừng cây trải dài ấy10 được rì rào tiếng vo ve của ong vò vẽ các loại, được phối hợp với tiếng rù rù của loài chim cu, được nhảy múa bởi đám chim công. 465. [Khu rừng cây] có ít tiếng động, không bị phân tán, được điểm tô bằng các đường kinh hành khác nhau, được rải rác với các cụm liêu cốc, được nổi bậc với các hành giả cao quý. 466. Trong khi dạo quanh, tôi đã suy nghĩ răng: uMăt ta có được thành 10 Dịch theo các bản PãIi của Thái Lan, Miến Điện, PTS: Tadā tamphullapivinarn...

qua.95 Cũng tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Tỳ-khmi trẻ gắn bó [thiền tập] và đã suy gẫm rang: 467. "Vị này ở vào độ tuổi rất trẻ và được phú cho dáng vóc dễ thương như là mùa xuân lại chịu ở trong khu rừng dẫu cho là đáng yêu như vầy. 468. Ngôi ở góc cây, đâu cạo, đăp y hai lớp, tham thiên, quả nhiên vị Tỳ- khưu này đã từ bỏ khoái lạc sanh lên từ đối tượng [bên ngoài]. 469. Phải chăng con người vô cùng hiền thiện này nên thọ hưởng [ngũ] dục cho thoải mái với cuộc đòd tại gia, sau này về già mới nên thực hành giáo pháp?" 470. Sau khi biết được rằng "Suññaka" là hug thất, là chỗ ngụ của đấng Chiến Thắng, tôi đã đi đến gần và đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng tợ như mặt trời đang mọc lên. 471 [Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng] ngồi mỗi một mình một cách an lạc, đang được quạt bởi người nữ quý phái. Sau khi nhìn thấy tôi đã suy gẫm như vầy: "Bậc Nhân Ngưu này không có quê kệchy 472. Người thiêu nữ ây có diện mạo [sáng] như vàng, có khuôn mặt và đôi mắt như đóa sen, có môi đỏ, có răng màu hoa nhài, có sự thu hút con tim và ánh mắt. 473. Có đôi tai lâp lánh khuyên vàng, có ngực dạng bâu bâu, có eo thon, có mông đẹp, có đùi thân chuối và có đồ trang sức xinh xắn. 474. Với chiêc áo khoác ngoài lên đôi vai gợi tình, với y phục tinh khiêt màu xanh, được sở hữu tính chất phụ nữ với hình dáng [nhìn] không thể nào thỏa mãn. 475. Sau khi nhìn thấy nàng ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy: uÔi, nàng này tuyệt đẹp, ta chưa từng nhìn thấy trước đây bằng [cặp] mắt này?9 476. Kế đó, bị chế ngự bởi sự già, nàng ấy [trở nên] có dung nhan tàn tạ, khuôn mặt chảy dài, răng sứt mẻ, đầu bạc, miệng có nước dãi, dơ dáy. 477. [Nàng ấy] có tai bi co rút, mắt trắng [đục]5 bộ ngực xấu xí đong đưa, tất cả các bộ phận cơ thể bị nhăn nheo chảy xệ, thân thể nổi đầy gân. 478. [Nàng ấy] có lưng bị còng, có gậy là bạn, vô cùng nhợt nhạt, gầy còm, trong lúc run rẩy bị té nhào, chốc chốc lại bi hụt hơi. 479. Do đó, tôi đã có sự chấn động, kinh ngạc, lông dựng đứng: "Thật là xấu hổ cho xác thân bất tịnh là nơi mà những kẻ ngu hứng thú!" 480. Lúc bấy giờ, sau khi nhìn thấy [tôi có] tâm bị chấn động, đấng Đại Bi, bậc Thiện Thệ với tâm phấn chấn

đã nói lên những lời kệ này: 481. "Này Khemā, hãy nhìn xem thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối đang tiết ra, đang rò rỉ lại được hứng thú đối với những kẻ ngu. 482. Nàng hãy tu tập tâm cho được chuyên nhất khéo tập trung về đề mục bát mỹ, niệm hãy được hướng đên thân, nàng hãy có nhiêu sự nhàm chán.

483. Thân này như thế nào thì xác kia như vậy, xác kia như thế nào thì thân này như vậy. Nàng hãy lìa bỏ sự mong muốn về thân ở bên trong lẫn bên ngoài. 484. Và nàng hãy tu tập về vô tướng, hãy dứt bỏ ngã mạn ngủ ngầm. Từ đó, có được sự lãnh hội về ngã mạn nàng sẽ sống thanh tinh. 485. Những người bi đăm nhiêm ái dục rơi vào dòng chảy, tương tợ như con nhện sa vào mạng lưới được tạo nên bởi chính nó, sau khi cát đứt luôn cả điêu ấy, xuất gia, từ bỏ dục lạc, trở thành những người vô tư lụ*.” 486. Kê đó, sau khi biêt được tôi có tâm đã được săn sàng, đang Điêu Phục Nhân đã thuyết giảng bài Kinh Mahānidānau nhằm hướng dẫn cho tôi. 487. Sau khi lắng nghe bài kinh tuyệt vời ấy, tôi đã tưởng nhớ về quá khứ. Tôi được an tịnh ngay khi đang đứng tại nơi ấy, tôi đã làm cho pháp nhãn được thanh tịnh. 488. Ngay khi ấy, tôi đã cúi xuống ở nơi bàn chân của bậc Đại Hiền Trí nham mục đích bày tỏ tội lỗi, và đã nói lời nói này: 489. "Bạch đấng Toàn Tri, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Hành Bi Mãn, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Đã Vượt Qua Luân Hồi, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Ban Cho Sự Bất Tử, con kính lễ Ngài! 490. Con đã lao theo sự nắm bắt tà kiến, bi lầm lạc trong ái dục, nhờ vào Ngài với phương pháp đúng đắn con đã được dẫn dắt, được thỏa thích trong sự rèn luyện. 491. Do việc không nhìn thấy các bậc Đại Hiền Trí như thế ấy, các chúng sanh không có phước phần phải gánh chịu khổ đau lớn lao trong biển cả luân hồi. 492. Vào lúc con đã không nhận ra Ngài là chốn nương nhờ của thế gian, là bậc không dục vọng đã đạt đến tận cùng của sự chết, là sự lợi ích cận kề, con xỉn bày to lỗi lầm ấy. 493. Bi đắm say xác thân, con đã không đến gần bậc có lợi ích lớn, vị có sự bố thí cao quý, hoài nghi là: 'Không có lợi ích', con xin bày tỏ lỗi lầm ấy." 494. Khi ấy, trong lúc rưới rắc sự bất tử đến tôi, bậc Đại Bi, đấng Chiến Thăng, vị có giọng nói vang ngọt ngào, đã nói răng: "Này Khemā, hãy đứng l@i!" 495. Khi ấy, sau khi đã đê đầu đảnh lễ và đã thực hiện việc nhiễu quanh vị ấy, tôi đã ra đi. Sau khi nhìn thấy đấng quân vương, tôi đã nói lời nói này: 496. "Ôi, vị khuất phục kẻ thù, phương pháp đúng đắn này đã được suy tính bởi bệ hạ. Do ước muôn nhìn thấy khu rừng mà bậc Hiền Trí, vi ban phát Niết- bàn, đã được nhìn thấy. 497. Tâu bệ hạ, nếu ngài vui thích thiếp sẽ xuất gia trong giáo pháp của vi nhu thế ấy. Nhờ vào lời nói của bậc Hiền Trí, thiếp đã nhàm chán sắc thân." Dứt tụng phẩm thứ nhi. 11 Xem D II. 55, Kinh Đại duyên {Mahānidānasuttam), số 15.

498. Khi ấy, vị lãnh chúa ấy đã chắp tay lên và nói rằng: "Này Hiền thê, trẫm cho phép nàng, cầu chúc sự xuất gia được thành tựu đến nàng.” 499. Và sau khi xuất gia, khi ấy đã được nửa tháng, sau khi nhìn thấy sự sáng lên của ngọn đèn và sự diệt tắt. tôi có tâm bị chấn động. 500. Nhàm chán tát cả các hành, được rành rẽ vê biêu hiện của duyên [tày thuận sanh khởi], sau khi đã vượt qua bốn dòng nước lũ,12 tôi đã đạt được phẩm vi A-la-hán. 501. Toi đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và tôi cũng

đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 502. Tôi biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 503. Trí tuệ hoàn toàn thanh tinh của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải, là được thành tựu trong giáo pháp cùa đức Phạt. 504. Tôi được thiện xảo về các [pháp] thanh tinh, tự tin trong vấn đề tranh luận, biết về phương thức của Vi diệu pháp, và đã đạt được năng lực ở giáo pháp. 505. Sau đó9 được đức Vua [Pasenadi], chủ quản xứ Kosala hỏi các câu hỏi khôn khéo về vấn đề vật thực, tôi đã giải thích đúng theo bản thể. 506. Sau đó, vi vua ấy đã đi đến gặp đấng Thiện Thệ và đã hỏi lại. Các điều ấy đã được tôi giải thích như thế nào thì đức Phật đã giải thích y như thế ấy. 507. Đấng Chiến Thắng, bậc Tối Thượng Nhân hoan hỷ về đức hạnh ấy đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng là "Vj đứng đầu các vị có đại tue” trong số các vị Tỳ-khưu-ni. 508. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 509. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Khemā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6íKý sự về Trưởng lão Ni Khemaṃ là phần thứ tám.

19. KÝ Sự VÈ UPPALAVANNĀ (Uppalavannāpadānam) 511 . Tỳ-khưu-ni Uppalavannā được đạt đen sự toàn hảo về thần thông, đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã nói lời nói này: 512. "Bạch đang Đại Hiên Trí, con xin trình răng con đã vượt qua sự tái sanh luân hồi, đã đạt được vi thế bất động, con đã cạn kiệt tất cả khổ đau.

Tứ bộc: Dục bộc, hữu bộc, kiến bộc, vô minh bộc.

566 KINH TIỂU Bộ

513. Cho đến nhóm người có lòng tinh tín vào giáo pháp của đấng Chiến Thắng, và con có lỗi lầm đối với những ai, mong rằng họ hãy tha thứ ở trước mặt đấng Chiến Thắng. 514. Bạch đấng Đại Hùng, con xin trình rằng trong khi luân chuyển ở vòng luân hồi, nếu con có điều lầm lỗi xin Ngài tha thứ cho điều sai trái ấy." 515. "Nàng cũng nên phô bày thần thông cho những người hành theo giáo pháp của Ta được thây. Hôm nay nàng hãy cát đứt sự hoài nghi cho cả tứ chúng?9 516. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ, đấng Quang Minh, con là con gái của Ngài, con đã làm được nhiều công việc khó làm và vô cùng khó làm. 517. Màu da của con chính là màu của hoa sen, tên gọi Ưppala là theo tên gọi của hoa sen. Bạch đấng Đại Hùng, con là nữ Thinh văn của Ngài. Bạch đấng Hữu Nhãn, con xin đảnh lễ ở bàn chân [của Ngài]. 518. Trong nhiều trăm lần tái sanh, Râhula và luôn cả con nữa đã được sanh ra trong cùng một dòng tộc do ý muôn tương tợ nhau. 519. Có sự sanh ra cùng nhau trong nhiều lần tái sanh của con. Trong kiếp sống cuối cùng được thành tựu, cả hai lại có dòng tộc khác nhau. 520. Và người con trai tên là Râhula, người con gái tên gọi uppala. Bạch đấng Anh Hùng, xin hãy nhìn xem thần thông của con, con sẽ thị hiện năng lực đến bậc Đạo Su."

521. Vị Ni đã đặt bốn đại dương ở trong lòng bàn tay, tương tợ như vị y sĩ Jīvaka Komârabhacca đã đổ dầu vào bàn tay. 522. Vị Ni đã bứng trái đất lên rồi đặt ở trong lòng bàn tay, tương tợ như người thiếu niên trẻ tuổi đã nhổ lên cọng cỏ muñja nhiều màu sắc. 523. Vị Ni đã đưa bàn tay tợ như vũ trụ che ở đỉnh đầu và đã làm đổ xuống giọt mưa nhiêu màu sác thành nhiêu đợt. 524. Vị Ni đã biến mặt đất thành cái cối giã, đã biến hạt cát thành thóc lúa, đã biến ngọn núi Sineru thành cái chày, rồi đã giã nát tương tợ như cồ thiếu nữ [giã lúa gạo]. 525. "Con là con gái của đức Phật tối thượng có tên gọi là uppala, đã có được năng lực về các thắng trí, là người thực hành theo lời dạy của Ngài. 526. Bạch đấng Hữu Nhãn, sau Idii đã thực hiện và đã phô bày vô số phép biến hóa đến vị Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi công bố tên và dòng họ, con xin đảnh lễ ở bàn chân [của Ngài]. 527. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và đã có năng lực vê trí biêt tâm của người khác. 528. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 529. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế

về phép biện giải là được trong sạch, không bợn nhơ vào quyền năng của bậc Đại Ẩn Sĩ. 530. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều việc làm hướng thượng của con đến các đấng Chiến Thắng cao cả trong quá khứ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp là nhằm mục đích về Ngài. 531. Bạch đang Hiên Trí, thiện nghiệp nào của con đã được con làm tròn đủ, xin Ngài hãy nhớ lại. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi con là mục đích về Ngài. 532. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi tránh xa những nơi không xứng đáng, trong khi từ bỏ tánh hạnh xấu, mạng song quý báu đã được từ bỏ là nham mục đích về Ngài. 533. Bạch đang Đại Hiên Trí, con đã bô thí mười ngàn koti, và mạng sông của con đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài/5 534. Khi ấy, vô cùng sửng sốt, tất cả đã chắp tay lên ngay ở đầu và đã nói rằng: "Thua Ni sư, làm thế nào Ni sư có được sự nỗ lực vê thần thông không thể sánh bang?99 535. Trước đây một trăm ngàn kiếp, khi ấy tôi là con gái của Long vương có tên là Vimalā, được công nhận là tốt lành trong số những người con gái. 536. Có vi chúa rông là loài rông không lô, được tịnh tín với giáo pháp của đấng Chiến Thắng, nên đã thỉnh mời đấng Đại Quyền Lực Padumuttara cùng với các vị Thinh văn. 537. [Vị ấy đã cho chuẩn bị] mái che làm bằng châu báu, ghế dài làm bằng châu báu, và vật dụng làm bằng châu báu được rắc rải các hạt cát châu bảu. 538. Và vị ấy đã cho chuẩn bị đường đi được trang hoàng với các ngọn cờ bằng châu báu. Trong khi được vang lên bởi các nhạc cụ, vị ấy đã đi ra tiếp rước bậc Toàn Giác. 539. Được tháp tùng bởi tứ chúng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống ở chỗ ngồi cao nhát trong cung điện của vị chúa rồng. 540. Vi Long vương có danh tiếng vĩ đại đã dâng lên thức ăn nước uống vật thực cứng, vật thực mềm có giá trị lớn lao vô cùng quý báu. 541. Sau khi thọ thực, đấng Toàn Giác đã rửa bình bát theo khuôn phép, rồi đã nói lời tùy hỷ đến vị Long vương có đại thần lực. 542. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Tri một cách trọn vẹn, người con gái có danh vọng lớn lao của vi Long vương đã được tịnh tín đối với bậc Đạo Sư, và tâm đã được gắn liền chặt chẽ với ý. 543. Và sau khi biết được tâm của tôi, bậc Đại Hùng, đấng Lãnh Đạo Padumuttara vào giây phút ấy đã bảo vị

Tỳ-khưu-ni thị hiện thần thông. 544. Được tự tin, vị Tỳ-khiru-ni ấy đã thị hiện nhiều loại thần thông. Được hoan hỷ, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã nói với bậc Đạo Sư điều này:

545. “Bạch đấng Anh Hùng, con cũng đã nhìn xem loại thần thông này nhưng với tâm vui mừng khác. Làm thế nào nàng ấy đã được vô cùng tự tin về thần th6ng?" 546. "Người con gái có đại thân lực của Ta là chánh thông, được sanh ra từ miệng, là người thực hành theo giáo pháp của Ta, vô cùng tự tin về thần thông.55 547. Sau khi lăng nghe lời nói của đức Phật, khi ây tôi đã ước nguyện như vầy: “Mong sao cho tôi cũng được vô cùng tự tin về thần thông như thế ấy." 548. Được hoan hỷ, với tâm vui mừng, tôi đã đạt đên ý nghĩ cao quý răng: "Bạch đấng Lãnh Đạo, mong sao trong tương lai xa vời con sẽ là như thế ấy.” 549. ở chiếc ghế dài làm bằng ngọc ma-ni tại mái che sáng ngời, tôi đã làm hài lòng đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng bằng cơm ăn và nước uống. 550. Tôi đã cúng dường đang Lãnh Đạo Thê Gian đóa hoa sen xanh cao quý của loài rồng tên là Aruna [nguyện rằng]: "Mong sao cho tôi có được màu da như thế này?9 551 . Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý? sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 552. Từ nơi ấy chết đi, được sanh vào loài người, tôi đã dâng vật thực được đậy lại băng những đóa sen xanh đên đang Tự Chủ. 553. Trước đây chín mươi mốt kiếp đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị có ánh mắt thu hút, là bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp. 554. Khi ấy, là con gái của người triệu phú ở kinh thành Bārānasī, tôi đã thỉnh mời đấng Toàn Giác, vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng. 555. Sau khi dâng cúng đại thí và đã cúng dường những đóa sen xanh đến đấng Hướng Bạo, tôi đã ước nguyện về sự xinh đẹp của làn da chỉ bằng tâm ý. 556. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đang cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiêng vĩ đại, là thân quyên của đấng Phạm thiên. 557. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kãsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ. 558. Tôi đã là người con gái thứ hai của vị [vua] ây có tên là Samanagutta. Sau khi lăng nghe giáo pháp của đang Chiên Thăng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia. 559-60. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 561. Samanī, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammã nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy.

562. Tôi, Khemā có trí tuệ, Patācārā, Kundalā, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại]. 563. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác y, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 564. Từ nơi ấy chết đi, được sanh vào giữa loài người, trong đại gia tộc, tôi đã dâng đến vị A-la-hán tấm vải màu vàng mịn màng quý giá. 565. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã được sanh vào gia tộc dòng Bà-la-môn ở trong thành Arittha, là con gái của Tiritavaccha, có nét

quyến rũ, tên là Ummādantī. 566. Từ nơi ấy chết đi, được sanh ra vào gia đình nọ không được giàu có lắm ở trong quốc độ, khi ấy tôi đã chăm sóc lúa sāli. 567. Sau khi nhìn thấy vị Độc Giác Phật, tôi đã dâng năm trăm hạt cốm được che đậy bởi những đóa hoa sen [và đã ước nguyện] năm trăm người con trai. 568. Sau khi dâng Cling mật ong đến đấng Tự Chủ, tôi đã ước nguyện về những người con trai ấy.13 Từ nơi ấy chết di, tôi đã được sanh ra ở trong lòng đóa hoa sen ở trong rừng. 569. Tôi đã trở thành chánh hậu của đức vua xứ Kāsi, được tôn vinh kính trọng. Tôi đã sanh ra năm trăm vị hoàng tử không thiếu [một vi]. 570. Khi đạt được tuổi thanh niên, những người con trai ấy trong lúc chơi giỡn cuộc vui ở trong nước đã nhìn thây đóa hoa sen bị rụng cánh, họ đã trở thành các vi Lãnh Đạo Độc Giác. 571. Không có những người con trai cao quý áy, tôi đây có sự sâu muộn. Chết đi, tôi đã được sanh ra ở ngôi làng nhỏ tại sườn núi Isigili. 572-73. Khi ấy, tôi đã lớn lên, có con cái. Và tôi đã mang món cháo cho những người con trai và cả người chông nữa. Trong khi đi tôi đã nhìn thây tám vị Lãnh Đạo Độc Giác đang đi vào làng để khất thực, và đã tưởng nhớ lại những người con trai. Khi ấy, bầu sữa tôi đã tiết ra ngoài bởi lòng thương yêu những người con trai của tôi. 574. Sau đó, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng món cháo đến các vi ấy. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đạt đến vườn hoa Nandana ở cõi Tam Thập. 575. “Bạch đấng Đại Hùng, con đã trải qua an lạc khổ đau, đã luân hồi cõi này cõi khác, và mạng sông đã được dứt bỏ là nhăm mục đích vê Ngài?9 576. Như vậy là đã có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Khi đạt đên cuộc sông cuôi cùng, tôi đã được sanh ra ở thành Sāvatthi. 577. Tôi đã có được sự thành tựu về tất cả các dục lạc ở trong gia đình triệu phú có đại tài sản, được rực rỡ bởi nhiều loại châu báu khác nhau, được an vui, M được chu cap như thê áy.

13 Tepi patthesum = Các vị ấy cũng đã ước nguyện (?), vì thế đã dịch theo tạng Thái Lan: Patthesim tesuputtesu.

570 KINH TIÊU BÔ

578. Tôi đã được kính trọng, được tôn vinh, được nể vì, được cung kỉnh như thế ấy, được thành tựu vẻ xinh đẹp của dáng vóc, được trọng vọng ở các gia đình. 579. Và tôi đã được ao ước vô cùng mãnh liệt bởi những người có sắc tướng, giàu có, sang trọng, và được ao ước bởi hàng trăm người con trai nhà triệu phu. 580. Sau khi từ bỏ gia đình, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Không đầy nửa tháng, tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán. 581. Sau khi đã hóa hiện bằng thần thông thành chiếc xe bốn ngựa, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của đức Phật, đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Quang Vinh. 582. "Hỡi vị Tỳ-khưu-ni, sau khi đi đến tột đỉnh của việc đã được phát triển toàn diện, nàng một mình đứng ở gốc cây sâla. Và này người có phẩm chất về sắc đẹp, nàng không có người thứ nhì, nàng không hãi sợ lũ ngu dốt trong số những kẻ tồi bại hay sao?4 583. "Cho dầu là trăm ngàn kẻ tồi bại như ngươi có đi đến nơi đây, ta cũng không chao động sợi lông, ta cũng không bối rối. Này Ma vương, ngươi chỉ một minh, ta không hãi sợ ngươd." 584. "Hỡi nàng, ta sẽ biến mất hoặc ta sẽ đi vào trong bụng của nàng. Dàu ta đang đứng ở ngay giữa lông mày, nàng vẫn không nhìn thấy ta.” 585. "Các nên tảng của thân thông đã khéo được tu tập ở trong tâm, có được năng lực. Này ông bạn, ta đã được

thoát khỏi mọi sự trói buộc, ta không sợ hãi ngươi/9 586. "Các dục như là gươm giáo, các uân như là cái thớt. Điêu ngươi đã gọi là sự thích thú trong các dục, thì giờ đây ta đã có được sự không thích thú [trong các dục] ấy.” 587. "Sụ* vui thích đã được phá hủy ở tất cả các nơi. Khối đống mê mờ đã được phá tan. Này ác nhân, ngươi hãy biết như the. Này tử than, người đã bi đánh bại.^ 588. Hoan hỷ về đức hạnh đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo, ở giữa các chúng đã thiết lập tôi vào vi thế tối thang là "Vị đứng đầu trong số các vi Ni có thần thong?9 589. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nê đã được đặt xuông, lôi dân đi tái sanh đã được xóa tan. 590. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến. 591. Trong phút chốc, hàng ngàn người từ các nơi dâng lên y phục, đồ ăn khất thực, thuoc men và chỗ nam ngồi.

14 Các câu kệ từ 581-87 được thấy ở Trưởng lão Nì kệ (Therĩgãthã), Chương XI, Mười hai kệ, miêu tả cuộc đối thoại giữa Ma vưcmg và vị Trưởng lão Ni.

THÁNH NHÂN KÝ sự 571

592. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 593. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni uppalavannā đã nói lên những lời kệ này như thê ây. 66Ký sự về Trưởng lão Ni Uppalavannā59 là phần thứ chín.

20. KÝ Sự VÈ PATÃCÃRÃ (Patācārāpadānam) 595. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 596. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Hamsavatī, trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với vô số loại châu báu, tôi đã được thừa hưởng lạc thú lớn lao. 597. Tôi đã đi đến bậc Đại Hùng ấy ya đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, với niềm tịnh tín sanh khởi tôi đã đi đến nương tựa vào đấng Chiến Thắng. 598. Sau đó, đấng Lãnh Đạo đã tán dương vi Tỳ-khưu-ni có sự tự tin về các điều được phép hoặc khônệ được phép và khiêm ton như the ấy, là đứng đầu trong số các vị Ni thông suôt vê Luật. 599. Khi ây, với tâm hoan hỷ, có sự mong muôn vê vị thê ây? tôi đã thỉnh mời đấng Thập Lực, vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng. 600. Sau khi đã dâng vật thực trong bảy ngày, tôi đã dâng cúng ba y, rồi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã nói lời nói này: 601. "Bạch đang Anh Hùng, vị Ni đã được Ngài tán dương vào tám ngày trước đây. Bạch đấng Lãnh Đạo, nếu được thành tựu con sẽ trở thành như vi Ni y.” 602. Khi ấy, bậc Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này cô gái hiền thục, chớ lo ngại, hãy yên tâm. Trong thời vị lai xa xôi, nàng sẽ đạt được điều mong ước ấy. 603. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 604. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Su, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Patācārā. 605. IGìi ấy, tôi đã được hoan hỷ. Với tâm từ mẫn, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng, bậc

Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng từ đó cho đến hét cuộc đời. 606. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

607. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng đã hiện khởi, đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ dại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 608. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kâsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ. 609. Tôi đã là người con gái thứ ba của vị [vua] ấy, được nổi danh là Bhikkhunī. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia. 610-11. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ? bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 612. Samanī, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy. 613. Tôi, uppalavannā, Khemā, Bhikkhunī hiền thục, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại]. 614. Do các nghiệp áy đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác V, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 615. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi. 616. Và khi đã đạt đến tuổi thanh xuân, tôi đã bị tác động của sự suy tầm. Sau khi gặp người đàn ông quê mùa, tôi đã bỏ đi cùng với người ấy. 617. Tôi đã sanh ra một người con trai, đứa thứ nhì còn ở trong bụng của tôi. Khi ấy, tôi đã ước muốn mãnh liệt rằng: "Ta sẽ gặp lại cha mẹ.n 618. Người chồng của tôi đã không bằng lòng. Khi ấy, trong lúc người ấy đi vắng, mỗi một mình tôi đã rời khỏi ngôi nhà để đi đến kinh thành Sāvatthi. 619. Sau đó, người chồng của tôi đã đi đến và đã gặp tôi ở trên đường lộ. Khi ấy, có cơn gió vô cùng khủng khiếp sanh lên do nghiệp của tôi đã ào tới. 620. Và có trận mưa lớn đã xuất hiện vao lúc lâm bồn của tôi. Khi ấy, người chồng đã ra đi vì mục đích [tìm] củi gỗ [để sưởi ấm] và đã bị chết bởi con rắn. 621. Khi ấy, do đau đớn vì đã sanh đẻ không người bảo hộ, tôi đã trở nên khốn khổ. Trong khi đi đến chỗ tru ngụ của gia đình, tôi đã nhìn thấy con sông cạn bị tràn ngập. 622. Sau khi ẵm lấy đứa bé toi đã lội qua, và còn mỗi một đứa ở bờ bên kia. Tôi đã đặt đứa con trai thơ dại nằm xuống vì việc mang đứa kia sang. 623. Tôi đã quay trở lại. Có con chim ưng đã tha đi đứa nhỏ đang kêu khóc và dòng nước đã cuốn trôi đứa kia; tôi đây đã bi xâm chiếm bởi sầu muộn. 624. Sau khi đi đến thành Sāvatthi, tôi đã nghe rằng những người thân đã

M 1«? .. /\ A 1 . 1*>.. ĩ chét. Khi ây, bị dăn vặt bởi nôi sâu muộn, bị xâm chiêm bởi nôi sâu muộn lớn lao, tôi đã nói rằng: 625. uCả hai người con trai đã lìa đời, chồng của tôi đã bị chết ở trên đường, mẹ cha và người em trai đã được thiêu chung ở một giàn hỏa táng." 626. Khi ấy, trở nên ốm yếu, vàng vọt, không ngườyi bảo hộ? tâm ý thê lương, trong lúc đi quanh quẩn đó đây tôi đã nhìn thấy đấng Điều Phục Nhân. 627. Sau đó, bậc

Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này con gái, chớ khóc than, hãy bình tâm. Con hãy tìm kiếm lại chính mình. Sao con lại buồn đau một cách vô ích? 628. Không có những người con trai, không có người cha, cũng không có những người thân trong việc bảo vệ. Đối với người đã bị khuất phục bởi sự chết, sự bảo vệ ở những người thân là không c6."i5 629. Sau khi lắng nghe lời nói ấy của bậc Hiền Trí, tôi đã chứng đạt quả vi thứ nhất. Sau khi xuất gia không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 630. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác. 631. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm. 632. Sau đó, trong sự hiện diện của đấng Toàn Tri, tôi đã học toàn bộ về Luật cùng tất cả phần chi tiết và đã trình bày đúng theo như thế. 633. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng rằng: “Chi mỗi một mình Patācārā là đứng đầu trong số các vi Ni thông suốt về Luật.^ 634. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan. 635. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến. 636. Các phiên não của tôi đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 637. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Patācārā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ni Patācārā^ là phần thứ mười.

ỉ5Dh. v. 288.

Tóm lược của phẩm này Vị Ni Ekuposathikã, luôn cả vị Ni Salala, rồi vị Ni Modaka, vị Ni Ekâsana, vị Ni Pañcadīpa, vi Ni Sālamālikā, vị Ni Gotamī, vị Ni Khemā, vị Ni uppala-vannā, Tỳ-khưu-ni Patācārā, [tổng cộng] là năm trăm câu kệ ngôn và chín câu nữa cũng được thêm vào đó. Phẩm Một lần Trai giới là phẩm thứ nhỉ.

THÁNH NHÂN KÝ sự 575

m. PHẨM KUNDALAKESĪ (KUNDALAKESĪVAGGO)

21. KÝ Sự VÈ KUNDALAKESĀ (Kundalakesāpadānam) 639. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp, đấng Lãnh Đạo đã hiện khởi. 640. Khi ấy, tôi đã được sanh ra tại Hamsavatī trong gia đình triệu phú được rạng rỡ bởi vô số loại châu báu, được đầy đủ với những lạc thú lớn lao. 641. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, có niềm tịnh tín sanh khởi, tôi đã đi đến nương tựa vào đấng Chiến Thắng. 642. Khi ấy, đấng Đại Bi tên Padumuttara đã thiết lập Tỳ-khưu-ni Subhâ vào vị thế tối thắng trong số các vị Ni có thắng trí nhạy bén. 643. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã dâng cúng vật thí đến bậc Đại Ẩn Si, rồi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã phát nguyện

vi thế ấy. 644. Đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: "Này cô gái hiền thục, điều nào đã được nàng ước nguyện toàn bộ điều ấy sẽ được thành tựu. Hãy được an lạc, hãy được Niet-bàn. 645. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thê gian. 646. Nàng sẽ là Bhaddā Kundakesā, nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp.” 647. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 648. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cối Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại. 649. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy. 650. Từ nơi ấy chết đi, [sanh lên] ở giữa loài người tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua có quyền lực và của các vị vua có lãnh thổ. 651. Tôi đã thọ hưởng sự thành công ở giữa chư thiên và nhân loại, tôi đã được an vui ở trong mọi nơi, tôi đã luân hồi vô số [đại] kiếp. 652. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi

đấng cao quý tên Kassapa, thuộc đòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 653. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ. 654. Tôi đã là người con gái thứ tư của vị [vua] ấy được nổi danh là “Bhikkhuṃsi". Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia. 655-56. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 657. Samanī, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy. 658. Khemā, uppalavannā, Patācārā, thêm vào tôi, Kisāgotamī, Dhammadmnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại]. 659. Do các nghiệp áy đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác y9 sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 660. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra tại kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú thịnh vượng. Rồi đến lúc tôi đã ở vào lứa tuổi thanh xuân. 661. Sau khi nhìn thấy kẻ trộm đang bị dẫn đi để xử tử, tôi đã bị luyến ái với gã. Do đó, cha của tôi đã giải cứu gã ấy khỏi cái chết bằng ngàn đồng tiền. 662. Sau khi biết được tâm ý của tôi, cha đã ban gã ấy cho tôi. Tôi đã trở nên thân thiết, vô cùng yêu thương, gắn bó đối với gã ấy. 663. Vì lòng tham đối với các đồ trang sức của tôi, gã nghịch thù ấy có ý định gây tội, đã đưa [tôi] đến ngọn núi có vực thẳm Kẻ Trộm và đã nghĩ đến việc giết chét [tôi]. 664. Khi ây, trong lúc bảo vệ mạng sông của mình, tôi đã cúi lạy, nghiêm chỉnh chắp tay lại với người chồng và đã nói lời nói này: 665. "Thưa tướng công, vàng vòng ngọc trai ngọc bích này có nhiều, xin chàng hãy tự mang đi tất cả. Và hãy thông báo rằng thiếp là 6nô tỳ'" 666. "Này người đẹp, nàng phải chét. Chớ than vãn nhiêu quá. Và ta biêt chắc rằng không giết thì tài sản không mang đi duọrc." 667. ÍẾKể tư khi thiếp ghi nhớ được bản thân, kể từ khi thiếp đạt được sự hiểu biết, và thiếp biết chắc rằng không ai khác được yêu thương hơn là

chàng. 668. Xin chàng hãy đến, thiếp sẽ ôm lấy chàng và sẽ nhiễu quanh chàng. Và giờ đây không còn có sự gân gũi nào giữa thiêp và chàng nữa."

Xem Bổn sanh 'Nàng Sulas*' (Sulasājātakam) số 419, TTPV, tập 32. (ND)

669. Không hẳn trong mọi trường hợp người nam là khôn ngoan. Người nữ có sự cẩn thận nhiều bề cũng là khôn ngoan. 670. Không hẳn trong mọi trường hợp người nam là khôn ngoan. Người nữ cân nhắc điều lợi ích một cách mau chóng cũng là khôn ngoan. 671. Quả nhiên, một cách nhẹ nhàng và mau chóng, tôi đã suy nghĩ mưu kế. Giống như bộ lông [giết chết] con thú, khỉ ấy tôi đã giet chết gã Sattuka như thế. 672. Và người nào không mau chóng nhận ra điều lợi ích đã bị vuột mất, người có trí kém cỏi ấy sẽ bị giết như là kẻ trộm ở hẻm núi. 673. Và người nào thật mau chóng nhận ra điều lợi h đã bi vuột mất, [người áy] thoát khỏi sự quây roi của kẻ thít, giông như tôi và Sattuka vào lúc áy vậy. 674. Khi ấy, tôi đã quăng ệẫ Sattuka ấy vào hóc núi, rồi đã đi đến gặp những người [ngoại đạo] mặc vải trăng và đã xuât gia. 675. Và khi ấy, sau khi đã nhổ lên toàn bộ những sợi tóc của tôi bằng nhíp,2 họ đã cho tôi xuất gia và đã chỉ dạy giáo lý không có gián đoạn. 676-77. Tôi đã học xong [giáo lý] ấy từ họ. Tôi đã ngồi xuống mỗi một mình và đã suy xét về [giáo lý] ấy. Có con chó tha bàn tay người đã bị đứt lìa và đã đánh rơi ở cạnh tôi rồi bỏ chạy. Sau khi nhìn thấy cảnh tượng [ấy], tôi đã nhặt lấy bàn tay có đầy dòi bọ ấy. 678. Sau khi từ chỗ ấy đứng dậy, bị chấn động, tôi đã hỏi những người đồng đạo. Họ đã nói rằng: "Những vị Tỳ-khưu dòng Sakyā biết rõ ý nghĩa ấy." 679. [Nghĩ rằng:] "Ta sẽ hỏi ý nghĩa ấy", tôi đây đã đi đến các vị Thinh văn của đức Phật. Sau khi đón nhận tôi, các vị ấy đã đi đến bên đức Phật tối thượng. 680. Và đấng Lãnh Đạo ấy đã thuyết pháp cho tôi về: "Uẩn, xứ, giới, đề mục bất mỹ, vô tìiường, khổ nao, vô ngã.55 681-82. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, tôi đã làm cho pháp nhãn được thanh tịnh. Sau đó, được hiểu rõ Chánh pháp, tôi đã yêu cầu sự xuất gia và sự tu lên bậc trên; Khi ấy, đấng Lãnh Đạo áy đã nói rằng: uNày cô gái hiền thục, hãy đến!" Khi ấy, tôi đã được tu lên bậc trên. Tôi đã nhìn thấy một ít nước. 683. Với sự rửa sạch bàn chân, tôi đã biết được là có sự tiêu hoại với nước. Khi ấy, tôi đã tự suy xét rằng: "Tất cả các hành cũng là tương tợ như thế." 684. Do đó, tâm tôi đã được ệiải thoát trọn vẹn khônệ còn chấp thủ. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã tuyên bo tôi là đứng đầu trong so các vi Ni có thắng trí nhạy bén. 685. Là ïiệười thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Su, tôi có năng lực về các thần thông, ve thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác. 686. Tôi biêt được đời sông trước đây, thiên nhãn được thanh tinh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tinh, hoàn toàn không ô nhiễm.

2 Sau khi đã được nhổ sạch, những sợi tóc mọc lại bị xoắn nên có biệt hiệu là Kundalakesā (tóc xoắn).

687. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ? lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan. 688. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức

là sự đoạn tận tất cả các điều trói buộc đã được tôi đạt đến. 689. Trí tuệ của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là bao la, trong sạch ở giáo pháp của đức Phật tối thượng. 690. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 691. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 692. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Bhaddā Kundalakesā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Bhaddā Kuọdaỉakesã" là phần thứ nhất

22. KÝ Sự VÈ KISÃGOTAMĨ (Kisāgotamī-apadānam) 693. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 694. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở một gia đình nọ trong [thành] Hamsavatī. Tôi đã đi đến và đã nương nhờ vào bậc Quý Nhân ấy. 695. Và tôi đã lăng nghe giáo pháp ngọt ngào của vị ây bao gôm bôn sự thật, có phẩm vị tối thắng, đưa đến sự an lạc và tịnh lặng của vòng luân hồi. 696. Và khi ấy, trong khi thiết lập vị Tỳ-khiru-ni mặc y thô vào vị thế tối thắng, đấng Anh Hùng, bậc Tối Thượng Nhân đã khen ngợi. 697. Sau khi đã làm sanh lên niềm phỉ lạc không nhỏ nhoi, sau khi lắng nghe đức hạnh của vị Tỳ-khưu-ni, tôi đã làm công việc phục vụ đến đức Phật tùy theo khả năng, tùy theo sức lực. 698. Tôi đã quỳ xuống ở bậc Hiền Trí Anh Hùng ấy và đã ước nguyện vị thế ấy. Lúc đó, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo đã nói lời tùy hỷ về sự lợi ích của vị thê [áy] răng: 699. "Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 700. [Người nữ này] sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là dốta 701. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã

chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 702. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 703. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ dại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 704. Khi ấy, có vi quân vương là đức vua xứ Kâsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ. 705. Tôi đã là người con gái thứ năm của vị [vua] ấy, được nổi danh với tên là Dhammā. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia. 706-07. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 708. Samanī, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammã nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy. 709. Khemā, uppalavannā, Patācārā, Kundalā, tôi, luôn cả Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy

[vào thời hiện tại]. 710. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 711. Và trong kiếp cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra trong gia đình triệu phú bị lâm cảnh khốn cùng, không tài sản, bi khánh tận, và tôi đã được gả vào gia đình có tài sản. 712. Ngoại trừ người chồng, những người còn lại giễu [tôi] là "Nữ nhân không tài sn." Và đến khi tôi có con trai, khi ấy tôi đã được cảm tình của tất cả. 713. Vào lúc đứa bé trai hiên hậu ây có cơ thê mem mại, được nuôi dưỡng trong sung sướng, được yêu quý như chính mạng sống của tôi đã đi đến cõi chết. 714. Bi dằn vặt bởi sầu muộn, có vẻ mặt thê lương, mắt đẫm lệ, miệng khóc than, tôi đã bồng ẵm thi thể đã chết. Trong lúc than vãn, tôi đã đi lang thang. 715. Khi ấy, tự nhận định [sự việc] một mình tôi đã đi đến vị Đệ Nhất Lương Y và đã nói rằng: "Thua ông, xin ông hãy cho thuốc đem lại sự sống cho con " 716. Đấng Chiến Thắng, bậc rành rẽ về phương thức huấn luyện, đã nói rằng: "Những người chết không được tìm thấy ở tại ngôi nhà nào thì nàng hãy mang lại hạt cải từ nơi [ngôi nhà] ấy." 717. Khi ấy, tôi đã đi ở trong thành Sāvatthi, và đã không đạt được ngôi nhà như thế ấy. Do đó, tôi đã đạt được trí nhớ rằng: "Hạt cải ở đâu, từ nơi dâu?"

718. Sau khi đã quăng bỏ thây chết, tôi đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi nhìn thấy tôi từ rất xa, vị có âm giọng ngọt ngào đã nói rằng: 719. "Và người nào đã sống trăm năm không nhìn thấy sự sanh diệt, cuộc sống một ngày là tốt hơn đối với người đang nhìn thấy sự sanh diệt.3 720. Không phải là quy luật thuộc về ngôi làng, không phải là quy luật thuộc vê phô chợ, quy luật này cũng không phải thuộc vê một gia đình mà thuộc về tất cả thế gian luôn cả chư thiên; quy luật ấy chính là tính chất vô thương." 721. Sau khi lắng nghe lời kệ này, tôi đây đã làm cho pháp nhân được thanh tịnh. Sau đó5 được hiểu rõ Chánh pháp, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 722. Trong khi đã được xuất gia như thế, trong khi gắn bó vào giáo pháp của đấng Chiến Thắng, trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. 723. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Su, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác. 724. Tôi biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tinh, hoàn toàn không ô nhiêm. 725. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan. 726. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia dinh, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến. 727. Trí tuệ của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phật tối thượng. 728. Sau khi mang vê từ đông rác, từ mộ địa và thậm chí từ đường lộ, từ đó tôi đã thực hiện y hai lớp và đã mặc y thô. 729. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo ở giữa các chúng đã thiết lập [tôi] vào vi thế tối thắng trong việc mặc y thô. 730. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 731. Quả vậy, n tôi , đã thành công mỹ mãn, ođã thành tựu tam minh, đã thực d /x M

. *1

hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 732. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3 .v. 113.

THÁNH NHÂN K* su 581

Tỳ-khưu-ni Kisāgotamī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKỷ sự về Trưởng lão Ni Kisāgotamī99 là phần thứ nhì.

23. KÝ Sự VỀ DHAMMADINNÃ (Dhammadinnāpadānam) 733. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vi Lãnh Bạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 734. Khi ấy, tôi đã ở trong một gia đình nọ tại thành Hamsavatī. Tôi đã là người nữ làm thuê cho người khác, cẩn trọng, gìn giữ tánh hạnh. 735. Sujātā, vị Thinh văn hàng đầu của đức Phật Padumuttara, đã rời khỏi trú xá đi khất thực. 736. Là người nữ đội nước, khi ấy trong lúc cầm lấy bầu nước đang di, tôi đã nhìn thây vi ây. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng [vị áy] món bánh ngọt. 737. Sau khi thọ lãnh, vi ây đã ngôi xuông ngay tại nơi ây và đã thọ dụng. Sau đó, tôi đã đưa vi ấy về nhà và đã dâng vật thực đến vị ấy. 738. Do đó, người chủ của tôi hoan hỷ đã nhận làm con dâu của mình. Tôi đã cùng với người mẹ chồng đi đến và đã đảnh lễ bậc Toàn Giác. 739. Khi ấy, Ngài đã tán dương và đã thiết lập vị Tỳ-khưu-ni là vị thuyết giảng giáo pháp vào vi thê tôi thăng. Sau khi nghe được điêu ây, tôi đã hoan hỷ. 740. Tôi đã thỉnh mời đức Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, rồi đã dâng cúng đại thí và đã ước nguyện vị thế ấy. 741-42. Sau đó, với giọng có âm điệu đêu đêu vang vang, đang Thiện Thệ đã nói với tôi răng: "Này người thiêu nữ hiên thục là người dâng vật thực, được vui thích trong việc hộ độ Ta cùng với hội chúng, được gắn bó trong việc lắng nghe Chánh pháp, với tâm ý được tăng trưởng về đức hạnh, nàng hãy hoan hỷ, nàng sẽ đạt được kết quả của điều nguyện ước. 743. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thê gian. 744. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Su, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Dhammadinnâ." 745. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đàng Chiên Thăng, bậc Hướng Đạo băng các vật dụng cho đên hét cuộc đời. 746. Do nghiệp áy đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 747. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

582 KINH TIÊU BÔ

748. Khi ấy, có vi quân vương là đức vua xứ Kãsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārānasī là người hộ độ của bậc Đại Ấn Sĩ. 749. Tôi đã là người con gái thứ sáu của vi [vua] ấy được nổi danh là Sudhammā. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia. Dứt tụng phẩm thứ ba.

750-51. Cha đã không cho phép chúng tôi. Là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng có sự cư ngụ cùng với gia đình, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật. 752. Samanī, Samanaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Sañghadāsikā là thứ bảy. 753. Khemā, uppalavannā, Patācārā, Kundalā, Gotamī, tôi và luôn cả Visākhā là thứ bay [vao thời hiến tại]. 754. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 755. Và vào kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở kinh thành Giribbaja trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự dồi dào về tất cả các dục lạc. 756. Vào lúc đạt đên sac đẹp và đức hạnh ở vào thời đâu của tuôi thanh xuân, khi ấy tôi đã đi đến gia tộc khác [làm vợ] và đã sống thọ hưởng lạc thú. 757. Sau khi đi đến đấng Nương Nhờ Của Thế Gian và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp, chồng của tôi đã đạt đến quả vi Bất lai, có trí giác ngộ hoàn hảo. 758. Khi ấy, tôi đã thuyết phục vị ấy rồi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu phàm vị A-la-hán. 759. Khi ấy, vi nam cư sĩ ấy đã đi đến tôi và đã hỏi về các tuệ thâm sâu và khôn kheo. Toi đã giảng giải ve tát ca các điêu ây/ 760. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập toi vào vị thế tối thắng: "Ta không nhìn thây vi Tỳ-khưu-ni nào khác là vị thuyêt giảng giáo pháp như là vị Ni này. 761 . Này các Tỳ-khưu, Dhammadinnâ là vị Ni sáng trí, các ngươi hãy ghi nhớ như the." Được đấng Lãnh Đạo thương xót, tôi đã trở thành vị Ni trí tuệ như thế. i 762. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan. 763. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào d s6ng không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

4 Xem thêm M. L 299, Tiểu kinh Phương quảng (Cūlavedallasuttam), số 44.

THÁNH NHÂN KÝ sự 583

764. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Su, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác. 765. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi được thanh tinh, hoàn toàn không ô nhiễm. 766. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 767. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 768. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Dhammadinnâ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ni Dhammadinnã" là phần thứ ba.

24. KÝ Sự VỀ SAKULẢ (Sakulāpadānam) 769. Trước đây một trăm n^àn kiếp, vị Lãnh Bạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 770. Vì sự tấn hóa, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của tất cả chúng sanh, đấng Siêu Nhân, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã sanh ra ở thế gian gồm cả thiên giới. 771 . Đã đạt đên danh vọng cao tột, đang Chiên Thăng có sự vinh quang, có được

sự tán dương ca ngợi. Ngài được tôn vinh, được nổi danh ở tất cả các phương của toàn thể thế gian. 772. Ngài đã vượt lên trên sự hoài nghi, đã vượt qua sự lưỡng lự, đã tròn đủ tâm tư, đã đạt đen quả vị Toàn giác toi thượng. 773. Là người khai mở con đường chưa được khai mở, đấng Tối Thượng Nhân đã nói đến điều chưa được nói đên và đã nhận thức điêu chưa được nhận thức. 774. Đấng Nhân Ngiru là vị biết được đạo lộ, là vị rành mạch về đạo lộ, là vị thuyết về đạo lộ. Được thiện xảo về đạo lộ, đấng Đạo Sư là cao quý tối thượng trong số các bậc Điều Ngự (người điều khiển xe). 775. Đang Đại Bi, bậc Đạo Su, vi Lãnh Đạo đã thuyêt giảng giáo pháp. Ngài tiếp độ những chúng sanh [đang] bị đắm chìm trong đầm lầy ái dục. 776. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Hamsavatī, là niềm hoan hỷ của dòng Sát-đế-lỵ. Và tôi đã có sắc đẹp tuyệt vời, có tài sản, được yêu quý và có sự vẻ vang. 777. Là người con gái vô cùng xinh đẹp của vi Đại vương Ānanda, và cũng là người em gái khác mẹ của vị [Phật] tên Padumuttara. 778. Được tháp tùng bởi các người con gái của đức vua, được trang điểm

với tất cả các đồ trang sức, tôi đã đi đến đấng Đại Hùng và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp. 779. Chính vào khi ấy, bậc Thầy của thế gian ấy ở ^iữa các chun^ đã tán dương vi Tỳ-khưu-ni có thiên nhãn và đã thiết lập vị Ni ấy vào vị the toi thắng. 780. Sau khi lắng nghe điều ấy, được mừng rỡ tôi đã dâng cúng vật thí đến bậc Đạo Sư. Và sau khi cúng dường đến bậc Toàn Giác, tôi đã ước nguyện về thiên nhãn. 781. Do đó, bậc Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này người thiếu nữ vui vẻ, nàng sẽ đạt được điều đã ước nguyện. Điều đã khéo được mong muốn này là quả báo của các việc dâng cúng đèn và giáo pháp. 782. Vào một trăm ngàn kiêp vê sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkâka sẽ xuất hiện ở thế gian. 783. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Su, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Sakulā?9 784. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cối trời Đạo-lợi. 785. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 786. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ngoại đạo có hạnh độc hành. Sau khi đi lang thang để khất thực, tôi đã nhận được một số lượng dầu thắp. 787. Sau khi thắp sáng ngọn đèn với số [dầu] đó, với tâm ý trong sạch tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp của đấng Tối Thượng Nhân trọn cả đêm. 788. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 789. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra thì có các ngọn đèn lớn chiếu sáng ở chính tại các nơi ấy khi tôi đi đến. 790. Nếu tôi muốn, tôi [có thể] nhìn thấy ngọn núi sau khi đã vượt lên xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá; điều này là quả báo của việc dâng củng đèn. 791. Tôi có cặp mắt trong ngần và tôi chói sáng với danh vọng, lại còn có đức tin và trí tuệ nữa; điều này là quả báo của việc dâng cúng đèn. 792. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình Bà-la-môn có nhiều tài sản và lúa gạo, được hài lòng, được đức vua tôn trọng. 793. Được thành tựu toàn vẹn về cơ thể, được trang điểm với tất cả các đồ trang sức, đứng ở cửa sổ, tôi [đã nhìn thấy] đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành. 794. Tôi đã nhìn thấy Ngài đang chói sáng với danh vọng,

được trọng vọng bởi chư thiên và nhân loại, được hội đủ các tướng mạo phụ, được điểm tô bằng những tướng mạo chính.

THÁNH NHÂN KÝ sự 585

795. Với tâm phân chân, với ý vui mừng, tôi đã xin xuất gia. Trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 796. Là người thực hành theo lời dạy của đang Đạo Su, tôi có năng lực vê các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác. 797. Tôi biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tinh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm. 798. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nê đã được đặt xuồng, lôi dân đi tái sanh đã được xóa tan. 799. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến. 800. Do đó, đấng Đại Bi, bậc Tối Thượng Nhân đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng uSakulâ là vi Ni đứng đầu trong các vị Ni có thiên nhãta." 801. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 802. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 803. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khiru-ni Sakulâ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ni Sakul” là phần thứ tư.

25. KÝ Sự VÈ NANDĀ - MỸ NHÂN CỦA xứ sở (Nandāịanapadakaỉyănĩ-apadānam) 804. Trước đây một trăm n^àn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 805. Là vị giáo giới, vị làm cho hiểu rõ, vị hành xử đối với tất cả chúng sanh, là thiện xảo trong việc chỉ dạy, đức Phật đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua. 806. Là bậc Thương Tưởng, đấng Bi Man, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, Ngài đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến. 807. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có được năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và không có các ngoại đạo. 808. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám ratana (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bang vàng, có ba mươi hai quý tướng. 809. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

586 KINH TIỂU Bỏ

810. Khi áy, tôi đã được sanh ra ở tại Hamsavatī, trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với vô số loại châu báu, được đầy đủ với những lạc thú lớn lao. 811. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp bất tử, có phẩm vị tối thắng, làm rõ về chân lý tuyệt đối. 812. Khi ấy, được tịnh tín, tôi đã thỉnh mời đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng và đã tự tay mình dâng cúng đại thí đên vị áy. 813. Tôi đã quỳ xuống đê đầu đến bậc Anh Hùng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, tôi đã ước nguyện vị thê tôi thăng trong sô các Tỳ-khưu-ni có thiền chứng. 814. Khi ấy, bậc Điều Phục Những Ai Chưa Được Điều Phục, đấng Nương Nhờ Của Ba Cõi, vị Chúa Tể,

bậc Nhan Báo đã chú nguyện rằng: "Nàng sẽ đạt được điều đã khéo được ước nguyện ấy. 815. Vào một trăm ngàn kiếp vê sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian. 816. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Nandā?9 817. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 818. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 819. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Bẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại. 820. Do mãnh lực của nghiệp ây, ở bát cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đêu đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy. 821. Mệnh chung từ nơi ấy [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đang Chuyển Luân Vương và các vị vua cai quản các lãnh thổ. 822. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi qua nhiều đại kiếp. 823. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, tôi đã là người con gái hoàn hảo của đức Vua Suddhodana tại thành phố tên là Kapila. 824. Nhìn thấy [tôi] có nét đẹp vô cùng rạng rỡ, gia đình ấy đã trở nên vui vẻ; vì thế tôi có tên là "Nandā" (vui vẻ). Tôi đã được công nhận là xinh đẹp. 825. Và cũng ở trong thành phố đáng yêu ấy, tôi đã được nổi danh là "Mỹ nhân" trong số tất cả các thiếu nữ, ngoại trừ Yasodharâ.

826. Người anh trai đầu là đấng Cao Cả của tam giới, cũng vậy, người út là vị A-la-hán. Mỗi một mình tôi là người tại gia, tôi đã bị mẹ quở trách rằng: 827. "Này con, được sanh trong gia tộc dòng Sakyā (Thích-ca), con là em gái của đức Phật. Con cũng không còn có Nandā nữa, việc gì con lại ở tại gia? 828. Tuổi trẻ có sự già là nơi cư ngụ, xác thân được xem là bất tịnh, sức khỏe cũng có cơn bệnh là điểm cuối cùng, mạng sống có sự chết là nơi chấm dứt. 829. Sắc thân này của con dầu là xinh đẹp, được yêu dấu như là mặt trăng, quyến rũ, có sự trang điểm của những đồ trang sức tợ như được gắn liền với sự rạng rỡ. 830. [Sắc thân này của con] được gộp chung lại thuần sự tinh túy của thế gian, là sự đem lại chất vị cho những con mắt, là sự sản xuất ra danh thơm của các điều phước thiện, là niềm vui của gia tộc Okkâka. 831. Vào thời gian chẳng bao lâu nữa, sự già sẽ ngự trị. Này cô gái trẻ, hãy từ bỏ gia đình. Này cô gái hoàn hảo, hãy thực hành giáo pháp." 832. Được vui thích với sắc đẹp và tuổi thanh xuân, sau khi nghe lời nói • r . * e r . y

của người mẹ, tôi đã xuất gia vào đời sông không gia đình băng thân chứ không phải bằng tâm. 833. Và với sự cố gắng lớn lao, mẹ [tôi đã] nói để thuyết phục tôi gắn bó vào việc tham thiên, nhưng tôi đã không năng nô vê việc ây. 834. Do đó, bậc Đại Bi, đấng Chiến Thắng đã nhìn thấy tôi có lòng khao khát về các dục, và đối với tôi ý nghĩa của sự nhàm chán về xác thân là qua lộ

trình của mát. 835. Bằng năng lực tự thân, Ngài đã làm hiện ra người phụ nữ lộng lẫy, đáng nhìn, rất dễ thương, vô cùng xinh đẹp hơn hẳn luôn cả tôi. 836. Sau khi nhìn thấy

người nữ có thân thể vô cùng kinh ngạc ấy, tôi đã sửng sót. Và tôi đã suy nghĩ về sự lợi ích thuộc về nhân gian đối với con măt rằng: "C6 quả báo đến ta 837. [Tôi đã nói rằng:] "Này em yêu dấu, hãy đến với chị đây. Có cần gì em hãy nói với chị. Hãy nói với chị về gia đình, tên, dòng họ của em nếu em ưng ý.

838. [Cô gái đáp:] "Này chi yêu dấu, không phải là lúc hỏi han. Hãy cho em tựa vào lòng. Tay chân của em như là chìm xuống. Chị hãy ru em ngủ một ch6c." 839. Sau đó, nàng có đôi mắt xinh đẹp ấy đã kê đầu vào hông của tôi rồi đã thiêp đi. Có con nhện vô cùng ghê rợn đã rơi xuông ở trán của nàng. 840. Cùng với sự rơi xuống của con nhện ây, mụn nhọt đã nôi lên. Chúng đã rò rỉ, vỡ ra và toàn thân là mủ và máu. 841. Và khuôn mặt đã bị nứt nẻ? thi thể có mùi hôi thối. Toàn thân bị trương lên, đổi sang màu tím và thối rửa.

842. Với tất cả các chi thể bị run rẩy, chốc chốc lại bị hụt hơi, nàng ấy trong khi cảm nhận sự khổ đau của mình đã than vãn một cách thê lương rằng: 843. "Em bị khổ sở vì nỗi đau đớn, và các cảm thọ được chạm đến, em bị đắm chìm trong nỗi khổ đau lớn lao. Này cô bạn gái, chị hãy là nơi nương nhờ của em". 844.44Vẻ đẹp ở khuôn mặt của cô đâu rồi? Lỗ mũi cao của cô đâu rồi? Làn môi màu đỏ của trái cây bimba tuyệt hảo của cô, khuôn mặt của cô đã đi đâu rồi? 845. Gương mặt tợ như mặt trăng đâu rồi? Chiếc cổ ba ngấn đã đi đâu rồi? Và các lỗ tai run rẩy lung linh của cô đã đi đến tình trạng thay đổi rồi. 846. Bộ ngực có hình dáng đóa hoa sen còn dạng chồi tợ như bầu nước đã trở thành thi thể hôi thối, bị phân rã, có mùi khó chịu. 847. Eo thon, mông đầy đặn bị sưng lên, có sự lở lói và độc hại, trở thành nơi chứa đầy vật không trong sạch; ôi, xác thân là không vĩnh viễn! 848. Toàn bộ nguồn gốc của thân thể là có mùi hôi thối, có sự hãi sợ, như là bãi tha ma kinh hoàng, lại là nơi mà những kẻ ngu hứng thii!" 849. Lúc bấy giờ, sau khi nhìn thấy tôi có tâm bị chấn động, đấng Đại Bi, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, người anh trai của tôi, đã nói lên những lời kệ này: 850. uNày Nandā, hãy nhìn thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối. Em hãy tu tập tâm về đề mục bất mỹ [tử thi] trở thành chuyên nhất, khéo được tập trung. 851. Thân này như thế nào thì xác kia như vậy, xác kia như thế nào thì thân này như vậy, [là vật] có mùi khó chịu hoặc hôi thoi lại được hứng thú đối với những kẻ ngu. 852. Trong khi xem xét xác thân này như thế đêm ngày không mệt mỏi, từ đó với niệm với tuệ sau khi đã nhàm chán thì em sẽ nhìn thấy." 853. Do đó, sau khi nghe được các lời kệ khéo thuyết, tôi đã bị vô cùng chấn động. Đứng tại chỗ ấy, trong lúc quán sát tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán. 854. Ngồi xuống ở bất cứ nơi nào, tôi luôn luôn có mục đích chính là thiền. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. 855. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt? tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 856. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 857. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Nandā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKỷ sự về Trưởng lão Ni Nandā95 là phần thứ năm.

26. KÝ Sự VỀ SONĀ (Sonāpadānam) 858. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 859. Khi ấy, tôi đã được sanh ra trong gia đình triệu phú, được hạnh phúc, được tôn vinh, yêu quý. Tôi đã đi đến bậc Hiền Trí cao quý ấy và đã lắng nghe lời nói ngọt ngào. 860. Đấng Chiến Thắng đã tán dương vị Tỳ-khưu-ni đứng đầu trong số các vị Ni có sự ra sức tinh tấn. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và tôi đã thể hiện sự thành kính đến bậc Đạo Sư. 861. Khi ấy, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã ước nguyện vị thế ấy. Đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: <6ƯỚC nguyện của nàng sẽ được thành tựu. 862. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian. 863. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy? là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là SoỊiâ." 864. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bang các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 865. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 866. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi. 867. Và khi đã đạt đến tuổi thanh xuân, tôi đã đi đến nhà người chồng và đã sanh ra mười người con trai, hết thảy đều có vóc dáng hoàn hảo. 868. Và tất cả bọn chúng đều được nuôi dưỡng trong sung sướng, có sự thu hút ánh mắt của mọi người. Ngay cả đối với những kẻ nghịch thù, chúng cũng được ưa thích. Chúng được yêu mến còn hơn cả tôi nữa. 869. Sau đó, với sự không mong muôn của tôi, người chông ây của tôi được khích lệ bởi mười người con trai, đã xuất gia trong giáo pháp vị Trời Của Chư Thiên. 870. Khi ấy, còn mỗi một mình tôi đã suy xét rằng: uĐã đủ cho cuộc sống của ta là kẻ bị chồng và những người con trai bỏ rơi, lại già cả và thảm thương. 871. Ta cũng sẽ đi đến nơi nào mà người chồng của ta đã đạt đến." Sau khi suy xét như thế, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 872. Và sau đó, các vi Tỳ-khưu-ni đã để tôi ở lại tu viện của các Tỳ-khưu-ni như thế, rồi đã đi [nghe] giáo giới, [bảo rằng:] "Bà hãy đun nóng nước7, 873. Khi ấy, tôi đã đem nước lại đổ vào trong nồi, sau đó đặt ở bếp lửa, rồi đã ngồi xuống. Do đó tâm đã được định tĩnh.

590 KINH TIÊU BÔ

874. Sau khi nhìn thấy các uẩn là vô thường, là khổ não và là vô ngã, tôi đã cat đứt tát cả các lậu hoặc và đã thành tựu phàm vi A-la-hán. 875. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni đã quay lại và đã hỏi về nước nóng. Sau khi chú nguyện vào bản thể của lửa, tôi đã đun nóng nước một cách mau chóng. 876. Ngạc nhiên, các vị Ni ấy đã trình lại sự việc này đến đấng Chiến Thắng Cao Quý. Sau khi nghe điều ấy, được hoan hỷ, đấng Bảo Hộ đã nói lên lời kệ này: 877. “Và người nào đã sống trăm năm, lười biếng, có sự tinh tấn thấp thỏi, cuộc sống một ngày của người đang ra sức tinh tấn một cách bền bỉ là tốt hơn.„5 878. Được hài lòng với sự thực hành tốt đẹp của tôi, đấng Đại Hùng, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói tôi là đứng đầu trong số các vi Ni có sự ra sức tinh tấn. 879. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như

là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 880. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 881. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Sonā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ni Sonã^ là phần thứ sáu.

27. KÝ Sự VỀ BHADDÃKÃPILÃNĨ (Bhaddākāpilānī-apadānam) 882. Trước đây một trăm nậàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Ve Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 883. Khi ấy, ở tại Hamsavatī có người triệu phú tên là Viđeha có rất nhiều châu báu. Tôi đã là vợ của người ấy. 884. Có lần nọ, người ấy cùng nhóm tùy tung đã đi đến đấng Mặt Trời Của Nhân Loại và đã lăng nghe giáo pháp đưa đên sự diệt tận tát cả khô đau của đức Phật. 885. Đấng Lãnh Đạo đã ngợi khen vị Thinh văn đứnệ đầu trong số các VỊ thuyết về sự giũ bỏ (pháp Đầu-đà). Sau khi lắng nghe, chong tôi đã dâng cúng vật thí đến đúc Phật như thế ấy trong bảy ngày. 886-87. Chồng tôi, trong khi lam hội chúng vui vẻ đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã ước nguyện vị thê ây. Chính vào khi ây, đàng Cao Quý Của Loài Người vì lòng thương tưởng đến người triệu phú, đã nói những lời kệ này: "Này con trai, ngươi sẽ đạt được vi thế đã ước nguyện rồi ngươi hãy Niết-bàn. 888. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkãka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5 Dh. N. 112.

889. Ngươi sẽ trở thành nam Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên ỉa Kassapa.” 890. Nghe được điều ấy, chồng tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái chồng tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời. 891. Vị [Phật] ấy đã làm chói sáng giáo pháp, đã chế phục các ngoại đạo, đã hướng dẫn những ai đáng được hướng dẫn, rồi đã Niết-bàn cùng các vị Thinh van. 892-93. Khi đấng Cao Cả Của Thế Gian ấy đã Niết-bàn? nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đạo Su, chồng tôi đã tập hợp các bạn bè quyến thuộc, rồi cùng với những người ấy đã cho xây dựng ngôi bảo tháp làm bằng châu báu cao bảy do-tuần, chói sáng như là trăm ánh hào quang, được tỏa rộng ra như là bông hoa sâla chúa. 894. Tại nơi ây5 chông tôi đã cho thực hiện bảy trăm ngàn chiêc đĩa nhỏ băng chính bảy loại châu báu, chúng đang chói sáng như là ngọn lửa của cây sậy. 895. Chông tôi đã cho đô đây với dâu thơm roi đã cho tháp sáng các ngọn đẹn tại nơi ấy, nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đại Ẩn Si, đấng Bi Man của mọi sanh linh. 896. Chồng tôi đã cho thực hiện bảy trăm ngàn chậu đầy đặn, được chứa đầy với thuần các loại châu báu, nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ. 897. ở giữa của mỗi nhóm tám chậu là những vật giá trị như vàng được chất đống. Chúng sáng rực với màu sắc tợ như ánh mặt trời vào mùa thu. 898. Chiếu sáng ở bốn cửa là các vòm cổng làm bằng châu báu. Chiếu sáng là những tấm ván xinh xắn làm bằng châu báu được dựng đứng. 899. Chói sáng là các lẵng hoa khéo tạo ra được đặt vòng quanh. Chói sáng là các cờ xí bằng châu báu được dựng đứng. 900. Và ngôi bảo tháp làm bằng ngọc quý này khéo được tô màu, khéo được thực hiện, sáng rực với

màu sắc tợ như mặt trời vào lúc hoàng hôn. 901. Ngôi bảo tháp có ba bệ thờ. Chồng tôi đã chất đầy một bệ với đá màu vàng, một bệ với đá màu đỏ và một bệ với đá màu đen. 902. Sau khi đã cho thực hiện việc cúng dường đáng yêu như thế ấy đến bậc Thuyết Giảng Cao Quý, chồng tôi đã dâng cúng vật thí đến hội chúng tùy theo năng lực cho đến hết cuộc đời. 903. Sau khi đã cùng với người triệu phú ây thực hiện toàn bộ những việc phước báu ấy cho đến hết cuộc đời, tôi đã đi đến nhàn cảnh cùng với chính người ấy. 904. Sau khi đã thọ hưởng sự thành công ở bản thể chư thiên rồi nhân loại, tôi đã luân hồi cùng với chính người ấy như là hình bóng với xác thân vậy.

905. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, vị có ánh mắt thu hút, bậc thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi. 906. Khi ây ở tại Bandhumatī, người này là vị Bà-la-môn được công nhận là tốt lành, dồi dào về việc thâu đạt kiến thức, và đã bị lâm vào cảnh vô cùng khó khăn về tài sản. 907. Cũng vào khi ấy, với tâm ý tương d8ng, tôi đã là nữ Bà-la-môn [vợ] của người ấy. Có lần, người Bà-la-môn cao quý ấy đã đi đến bậc Đại Hiền Trí. 908. [Đức Phật] ngồi ở đám ngươi đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Sau khi nghe pháp, được hoan hỷ người ấy đã dâng cúng một tấm vải choàng. 909. Quay về lại nhà với một mảnh vải, người ấy đã nói với tôi điều này: "Nàng hãy tùy hỷ việc phước lớn lao, tấm vải choàng đã được dâng đến đức Phật.55 910. Khi ấy, được hài lòng xiết bao, tôi đã chắp tay lên nói lời tùy hỷ rằng: "Phu quân à, tam vải choàng là đã khéo được dâng đến đức Phật tối thượng như thế ấy.” 911. Được an vui, trở nên gắn bó, trong khi luân hồi cõi này cõi khác, người ấy đã trở thành đức vua, vị lãnh chúa ở thành phố Bārānasī đáng yêu. 912. Khi ây, tôi trở thành chánh hậu của người ây, là tôi cao trong đám nữ nhân. Tôi đã được cảm tình rất mực của người ấy do sự yêu mến trước đây của chồng. 913. Sau khi nhìn thấy tám vị Lãnh Đạo Độc Giác đang đi quanh để khất thực, người ấy đã trở nên hoan hỷ và đã dâng vật thực vô cùng giá trị. 914. Sau khi thỉnh mời lần nữa, người ấy đã thực hiện mái che bằng châu báu. Lọng che bằng vàng [rộng] trăm cánh tay đã được những người thợ rèn kiến thiết 915. Sau khi đã hướng dẫn tất cả các Ngài ấy tiến vào các chỗ ngồi bằng vàng, được tịnh tín, người ấy đã tự tay mình dâng cúng vật thí đến các Ngài ấy. 916. Khi ấy, tôi cũng đã dâng cúng vật thí ấy cùng với đức vua xứ Kâsi. Tôi đã được sanh ra ở Bārānasī lần nữa, tại ngôi làng nhỏ ngoại thành. 917. [Sanh ra] ở trong gia đình giàu có thịnh vượng, người ây được an lạc, có em trai. Tôi đã là người vợ vô cùng chung thủy của người anh cả. 918. Sau khi rứiìn thấy vị Phật Độc Giác, người em gai của chồng tôi đã dâng phần cơm đến vi ấy, và đã thuật lại khi chồng tôi đi đến. 919. Chồng tôi không hoan hỷ với việc dang cúng. Do đó, tôi đã lấy lại phần cơm ấy từ bình bát rồi đã trao cho chồng. Chồng tôi đã dâng cúng [phần cơm ấy] một lần nữa đến chính vi Phật ấy. 920. Khi ấy, tôi đã quăng bỏ đi phần cơm ấy và đã độc ác đối với đức Phật. Tôi đã dâng bình bát ấy chứa đầy bùn đến vị Phật như thế ấy. 921. Vê vật cho cũng như việc nhận giông như là vật không trong sạch và đóa hoa sen, khi ấy tôi đã nhìn khuôn mặt có tâm bình thản và đã vô cùng chấn động.

922. Sau khi nhận lại bình bát, tôi đã làm sạch bằng chất thơm, rồi với tâm tinh tín, tôi đã chứa đầy với bơ lỏng và đã dâng lên một cách cung kính. 923. ở bất cứ nơi đâu tôi được sanh ra, tôi đều có sắc xinh đẹp do sự bố thí và có mùi hôi do lời nói và do thái độ không phải phép đối với đức Phật. 924. Lần khác, khi ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng Kassapa đang được hoàn tất, được hoan hỷ, tôi đã dâng cúng phiến ngói cao quý bằng vàng. 925. Tôi đã tẩm phiến ngói ấy bằng hương thơm sanh lên từ bốn nguồn. Tôi đã được thoát khỏi khuyết điểm về mùi hôi thối và đã được thành tựu tốt đẹp về toàn bộ các phần thân thể. 926. [Chông tôi] đã cho thực hiện bảy ngàn cái đĩa băng chính bảy loại châu báu, được chứa đầy bơ lỏng và hàng ngàn tim đèn. 927. Với tâm ý thanh tinh, sau khi đã đặt [tim đèn] vào và thắp sáng, người ấy đã xếp thành bảy hàng nhằm mục đích cúng dường đến bậc Bảo Hộ Thế Gian. 928. Khi ấy, tôi cũng có phần đóng góp đặc biệt trong việc phước thiện ấy. Người ấy đã được sanh ra ở xứ Kâsi lần nữa, được nổi danh là Sumitta. 929. Tôi đã là vợ của người ây, được an vui, được găn b6, được yêu quý. Khi ấy, người ấy cũng đã dâng đến vị Hiền Trí Độc Giác tấm vải choàng bền chắc. 930. Tôi đã hoan hỷ về việc bố thí tối thượng và cũng đã có phần trong việc ấy. Vị ấy cũng đã sanh ra lần nữa trong quốc độ Kâsi thuộc dòng dõi Koliya. 931. Khi ấy, cùng với năm trăm người con trai dòng Koliya, người ấy đã hộ độ năm trăm vi Phật Độc Giác. 932. Và sau khi đã làm hài lòng [chư Phật Độc Giác] trong ba tháng, người ấy đã dâng ba y. Khi ấy, đi theo lộ trình của nghiệp phước thiện, tôi đã là vợ của người ấy. 933. Từ nơi ấy chết di, người ấy đã trở thành vị vua tên là Nandā có danh tiếng vĩ đại. Tôi cũng đã trở thành chánh hậu của người ấy, có sự thành tựu về tất cả các điều dục lạc. 934. Và khi ấy, người ấy đã trở thành vị lãnh chúa Brahmadatta. Khi ấy, những người con trai của bà Padumavatī đã trở thành các bậc Hiền Trí Độc Giác. 935. Người ấy đã hộ độ năm trăm vi không thiếu vị nào cho đến hết cuộc đời. Chư Phật Độc Giác đã cư ngụ tại vườn hoa của đức vua rồi đã Niết-bàn và người ấy đã cúng dường. 936. Và sau khi cho xây dựng các ngôi bảo tháp, cả hai chúng tôi đã xuất gia. Sau khi tu tập các vô lượng [tâm], chúng tôi đã đi đến cõi Phạm thiên. 937. Từ nơi ấy chết di, người ấy đã khéo được sanh ra tại Mahâtittha [tên] là Pipphalãyana, mẹ là Sumanadevĩ, cha là người Bà-la-môn dòng tộc Kosiyā. 938. Tôi đã là người con gái của vị Bà-la-môn Kapila, mẹ là Sucĩmatĩ, ở tại kinh thành Sāgalā trong xứ sở Madda.

939. Sau khi tạo ra tôi với hình tượng bằng vàng khối, người cha đã gả tôi cho bậc trí Kassapa là người đã kiêng cữ các dục. 940. Lân nọ, con người có lòng bi mân ây đã đi xem xét công việc làm. Sau khi nhìn thấy các sinh vật bị những loài như là quạ, v.v... ăn thịt, người ấy đã bị động tâm. 941. Và tôi ở nhà, sau khi nhìn thấy những cây mè mọc lên trong sự thiêu đốt của ánh nang mặt trời và loài sâu bọ bi các con quạ ăn thịt, khi ấy tôi đã có sự động tâm. 942. Lúc bấy giờ, con người trí tuệ ấy đã xuất gia. Tôi đã xuất gia theo vị ấy. Tôi đã sống theo hạnh du sĩ ngoại đạo trong năm năm. 943. Đen khi bà Gotamĩ, người nuôi dưỡng đấng Chiến Thắng đã được xuất gia, khi ấy tôi đã đi theo bà ấy và đã được chỉ dạy bởi đức Phật. 944. Trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vi A-la-hán. ôi, tính chất bạn hữu tốt lành đối với vị Kassapa vinh quang! 945. Kassapa là con trai, là người thừa tự của đức Phật, khéo được định tĩnh, nhìn thấy

được cõi trời và địa ngục, và là vị đã biết được đời sống trước đây. 946. Roi [vị áy] đã đạt đên sự diệt tận của sự sanh, là vị hiên trí được hoàn hảo về thắng trí, với ba sự hiểu biết ấy trở thành vị Bà-la-môn có tam minh. 947. Tương tợ như thế ấy, Bhaddā Kāpilānī là vị Ni có tam minh, có sự dứt bỏ tử thần, mang thân mạng cuối cùng sau khi đã chiến thắng Ma vương cùng với đạo quân binh. 948. Sau khi nhìn thấy điều tai hại ở thế gian, cả hai chúng tôi đã xuất gia. Chúng tôi đây có các lậu hoặc đã cạn kiệt, đã được huấn luyện, đã có được trạng thái mát mẻ, đã được Niết-bàn. 949. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc. 950. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 951. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Bhaddākāpilānī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trường lão Ni Bhaddākāpilānf9 là phần thứ bảy.

28. KÝ Sự VỀ YASODHARÃ (Yàsodharãpadãnam) 952. Vào một thuở nọ, đấng Lãnh Đạo Nhân Loại đang ngự tại một sườn núi cao quý ở thành Rājagaha đáng yêu, trù phú.6

6 Các câu kệ từ 952-57 không thấy ở tạng Thái Lan và PTS.

953. Khi đang cư ngụ tại tru xứ đáng yêu của các Tỳ-khưu-ni ở trong thành phố ấy, đã có suy nghĩ như vầy khởi đến vị Tỳ-khưu-ni Yasodharâ rằng: 954. "Nandā, Râhula hiền thiện và tương tợ y như thế, [hai] vị tối thượng Thinh văn, Đại vương Suddhodana và bà Pajāpati Gotamĩ. 955. Cùng các vi Đại trưởng lão đã đạt thắng trí, và các Trưởng lão Ni có đại thân lực, các vi ây đã ngự đên nơi an tịnh không còn lậu hoặc, như là tim của cây đèn hết nhiên liệu. 956. Và luôn cả ta nữa cũng sẽ đi đến vị thế an toàn ngay trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian còn hiện tiền.” Trong khi xem xét tuổi thọ của mình, vi Ni đã suy nghĩ như thê. 957. Sau khi xem xét thọ hành sẽ đi đến sự hoại diệt trong chính ngày hôm ấy, vị Ni đã cầm lấy bình bát và y rồi đã rời khỏi chốn tinh cư của mình. 958. Vị Ni co đại thần lực, có đại trí tuệ ấy đã dẫn đầu một trăm ngàn vị Tỳ-khưu-ni đi đến bạc Toàn Giác. 959. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, vị Ni ấy đã ngồi xuống ở một bên và đã nói lời nói này với bậc Đạo Sư là vị có dấu hiệu bánh xe: 960. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã bảy mươi tám tuổi. Giai đoạn cuối cùng của tuôi tác đang tiên đên. Con đã đạt đên ngay ở sườn dóc, con xin thưa rõ. 961. Sự tiêu hoại của con đã chín muồi, mạng sống của con còn chút ít. Rời bỏ Ngài, con sẽ ra đi. Sự nương nhờ của bản thân đã được con thực hiện. 962. Chính ở thời điểm cuối cùng, sự chết chặn đứng tuổi thọ. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay vào ban đêm con sẽ thành tựu Niết-bàn. 963. Bạch đấng Hiền Trí, [Niết-bàn] là nơi không có sự sanh, sự già, sự bệnh và sự chết. Bạch đang Anh Hùng, nơi nào khi đã đi đen là không còn được nhìn thấy thì con đi đến nơi ấy. 964. Bạch đang Hiên Trí, cho đên nhóm người của bậc Đạo Sư ngôi chung ở nơi dây, [nếu] nhận biết lỗi lầm [nào của tôi], xin quý vị hãy tha thứ ở trước mặt. 965. Và sau khi đã xoay vân trong vòng luân hôi, nêu có điêu sai trái của con đối với Ngài, bạch đấng Đại Hùng, con xin thưa rõ, xin Ngài hãy tha thứ lỗi lầm cho con.” 966. Sau khi lắng nghe lời nói

của vị Ni ấy, đấng Hiền Trí Vương đã nói điều này: "Ta sẽ nói điều gì hơn về nàng là người đang đi đến Niết-bàn? 967. Và nàng cũng nên thị hiện thần thông cho các vị hành theo giáo pháp của Ta được thấy. Và hãy chặt đứt sự nghi ngờ về giáo pháp cho tất cả các chúng?9 968. Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí ấy, vị Tỳ-khưu-ni Yasodharâ ấy đã đảnh lễ đấng Hiền Trí Vương ấy và đã nói lời nói này: 969. "Bách đang Anh Hùng, con là Yasodharâ, ở tại gia là người vợ của Ngài. Được sanh ra trong gia tộc Sakyā, con đã duy trì phận sự của người nữ.

970. Bạch đấng Anh Hùng, trong số một trăm chín mươi sáu ngàn phụ nữ ở nhà của Ngài, con là người đứng đầu, là người chủ quản tất cả. 971. Là người có được sắc đẹp, tánh tình và đức hạnh, ở vào tuổi thanh xuân, có lời nói đáng yêu, tất cả chư thiên cũng như loài người đều quý trọng con. 972. Con đứng đầu một ngàn thiếu nữ ở trong cung của người con trai dòng Sakyā. Các cô ấy cùng vui buồn giống nhau tợ như chư thiên ở [vườn hoa] Nandana. 973. Con đã vượt lên trên lãnh vực dục tinh, được khẳng đinh về mặt thể hình, không có người tương đương về sắc đẹp ngoại trừ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.” 974. Sau khi đã nói như thế, v.v... Yasodharâ, với sự cho phép của đức Phật, đã bay lên không trung và đã thi hiện vô số thần thông. 975. [Yasodharā đã thị hiện] cơ thể tương đương với bầu vũ trụ, đầu là [đảo] Kuru ở về phía Bắc, hai cánh là hai hòn đảo, thân mình là đảo Jambu.7 976. Và đuôi công là cái hô ở phía Nam nhưng các cánh chim là các cành lá khác nhau, mặt trăng và mặt trời là mắt, núi Meru là chóp đỉnh. 977. Ngọn núi của bầu vũ trụ là mỏ chim. Trong lúc phe phẩy cayjambu cùng với cội rễ [làm cây quạt], vi Ni đã đi đến và đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian. 978. Tương tợ y như thế, vị Ni đã thị hiện hình dáng con voi, con ngựa, ngọn núi và biển cả, rồi mặt trăng, mặt trời, núi Meru và vóc dáng của vị Trời Sakkā. 979. “Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, con là Yasodharã đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]. Con đã che khuất một ngàn thế giới bằng đóa sen nở rộ/9 980. Và sau khi hóa hiện ra vóc dáng của đang Brahmā, vi Ni đã thuyêt giảng giáo pháp về Không tánh. "Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, con là Yasodharã xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]. 981. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 982. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 983. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 984. Sự gặp gỡ đối vơi chư Phật là các đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã được Ngài nhìn thấy rõ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, có nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài. 985. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại thiện nghiệp trước đây của con. Bạch đang Đại Hùng, phước báu đã được con tích lũy là nham mục đích ve Ngài.

7 Jambudĩpa\ Bán đảo Ấn Độ.

986. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi đã tránh xa những nơi không thích hợp và đã ngăn trừ điều không giới hạnh, mạng sống đã được con hy sinh là nhằm mục đích về Ngài. 987. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố ứií con nhằm mục đích làm vợ [kẻ khác] nhiều ngàn koiỹ lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài. 988. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con vì sự hỗ trợ [kẻ khác] nhiều ngàn koti lần. Con không có bất bình ve điều ấy là nhằm mục đích về Ngài. 989. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con nhằm mục đích vật thực [cho kẻ khác] nhiều ngàn hoti lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài. 990. Con đã từ bỏ nhiêu ngàn hoti mạng sông. Con từ bỏ mạng sông của con, [nghĩ rằng:] 'Ta sẽ thực hiện sự giải thoát khoi nỗi sợ hãi/ 991. Bạch đang Đại Hiên Trí, con không cát giâu các đô trang sức được dùng cho cơ thể, nhiều vải vóc các loại, các vật dụng của phụ nữ là nhằm mục đích về Ngài. 992. Con đa dứt bỏ tài sản, lúa gạo, các làng và các phố chợ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, các ruộng vườn, những người con trai và con gái là đã được dứt bỏ. 993. Bạch đấng Đại Hùng, không thể đếm được những con voi, ngựa, trâu bò, luôn cả các nữ tỳ và tớ gái đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài. 994. về việc Ngài bảo con rằng: 'Ta sẽ cho vật thí đến người hành khất', con không nhìn thấy sự bất bình của con trong khi Ngài bố thí vật thí tối thượng. 995. Bạch đang Đại Hùng và con đã trải qua^nhiêu khô đau khác loại không thể đếm được, ở nhiều hình thức trong sự luân hồi là nhằm mục đích về Ngài. 996. Bạch đấng Đại Hiền Trí, đạt được sung sướng con không vui thích và không có tâm bực bội trong những khổ đau, con được quân bình trong mọi trường hợp là nhằm mục đích về Ngài. 997. Theo lộ trình mà bậc Toàn Giác [quá khứ] đã khẳng định về pháp [giải thoát], thì đấng Đại Hiền Trí đã đạt đến sự giác ngộ sau khi trải qua an lạc và khổ đau. 998. Bạch đấng Phạm Thiên, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Gotama, Ngài với con đã có nhiều lần gặp gỡ với các đấng Bảo Hộ Thế Gian khác. 999. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài. Con là nữ ty của Ngài trong lúc Ngài tầm cầu Phật pháp.” 1000. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bậc Đại Anh Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Dīpañkara đã hiện khởi. 1001. Sau khi đã thỉnh mời đức Như Lai, những người ở khu vực vùng biên địa làm sạch sẽ con đường đi đến của Ngài với tâm hoan hỷ.

8 Một kotỉ là mười triệu.

598 KINH TIỂU BỒ

1002. Vào thời điểm ấy, người ấy đa là vi Bà-la-môn tên Sumedha và đã sửa soạn con đường của đấng Toàn Tri đang đi đến. 1003. Vào thời điểm ấy, con đã là người thiếu nữ xuất thân Bà-la-môn tên Sumittã. Con đã đi đến cuộc tụ hội. 1004.—Con đã cầm1 tám -ty Ẩ nắm hoa sen nhằm mục đích cúng dường đến bậc Ả J .

Đạo Sư. Con đã nhìn thây vị ân sĩ được nôi bật ở giữa đám người. 1005. Sau khi nhìn thây con n^ười đang ngôi khoác áo vỏ cây vô cùng đáng yêu quyến rũ đang ngồi, khi ây con đã nghĩ răng: "Mạng sống của ta là có kết quả?9 1006. Khi ấy, con đã nhìn thấy sự nỗ lực ấy của vị ẩn sĩ là có được kết quả. Do nghiệp quá khứ, tâm của con cũng đã tịnh tín vào đấng Toàn Giác. 1007. Con đã có tâm tịnh tín hơn nữa đối với vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng. [Con đã nói rằng:] uNày vị ẩn sĩ, tôi không nhìn thấy vật nào khác nên

được dâng cúng, tôi cho ông các đóa hoa. 1008. Này vị ẩn sĩ, hãy là của ông năm nắm, hãy là của tôi ba nắm. Này vi ẩn sĩ5 như thế sự thành tựu hãy là bằng nhau đối với mục đích giác ngộ của Ngai." Dứt tụng phẩm thứ tư.

1009. Sau khi cầm lấy các đóa hoa, vị ẩn sĩ ở giữa đám người đã cúng dường đên bậc Đại An Sĩ có danh tiêng vĩ đại đang đi đên nhăm mục đích giác ngộ. 1010. Bậc Đại Hiền Trí Dīpañkara, đấng Đại Hùng đã nhìn thấy ở giữa đám người và đã chú nguyện cho vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng rằng: 1011. "Này vị đại ẩn si, [người nữ này] sẽ có tâm tương đương, có nghiệp tương đương, có hành động tương đương, sẽ trở thành người vợ do nghiệp báo đối với mục đích của ngươi. 1012. [Người nữ này] có dáng nhìn xinh đẹp, vô cùng đáng yêu, vui vẻ, có lời nói đáng mến, sẽ trở thành người vợ yêu quý, người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy. 1013. Cũng giống như các người chủ gìn giữ cái rương của cải, người nữ này sẽ hộ trì như thế ấy đối với các thiện pháp. 1014. Trong khi thương tưởng đến ngươi đây, [người nữ này] sẽ làm tròn đủ các pháp toàn hảo, sẽ đạt được quả vị giác ngộ tương tợ như con sư tử phá vỡ cái chuồng.^ A > 9 r

1015. Áy là điêu đức Phật đã chú nguyện cho con trước đây vô lượng kiêp. Trong khi tùy hỷ lời nói ấy, con đã là người có hành động như vậy. 1016. Tại nơi ấy, con đã có tâm tinh tín đối với việc làm đã được thực hiện tốt đẹp ấy. Con đã sanh vào bản thể trời và người với số lần không thể đếm được. 1017. Con đã trải qua lạc và khổ ở các cõi trời và ở loài người. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã sanh ra trong gia tộc Sakyā.

THÁNH NHÂN KÝ sự 599

1018. Con có sac đẹp, có của cải, có danh vọng và giới hạnh tương tợ như thế. Con có sự thành tựu vẹn toàn thân thể, được vô cùng kính trọng về các điều lành. 1019. Lợi lộc, danh vọng, cung kính, sự hội tụ của các pháp thế gian và tâm bị khổ não là không c6, con sống không sợ hãi.9 1020. Con đã nhàm chán các sự luân hôi và đã xuât gia vào đời sông không gia đình. Sau khi xuất gia cùng với một ngàn người hầu cận, con không có gì. 1021. Sau khi từ bỏ gia đình, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi chưa đạt đến nửa tháng, con đã đạt được bốn sự thật. 1022. Nhiều người, không phải một, đem lại y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi tợ như các làn sóng của biển cả. 1023. Các phiên não của con đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1024. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1025. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. 1026. Như vậy là có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Được đạt đến trạng thái thanh tinh, con nhận lãnh mọi sự thành tựu. 1027. Nàng ấy bố thí chính bản thân mình vì mục đích phước báu của vị đại ân sĩ. Họ có sự thành tựu vê bạn hữu. Vị thê Niêt-bàn là không còn tạo tác. 1028. "Quá khứ, hiện tại và vi lai đã được cạn kiệt, tất cả nghiệp của con đã được cạn kiệt. Bạch đấng Hữu Nhãn, con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]?9 Tỳ-khưu-ni Yasodharâ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 4íKý sự về Trưởng lão Ni Yasodharâ” là phần thứ tám.

29. KÝ Sự VỀ MƯỜI NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI (Dasabhikkh unīsahassāpadānam) 1029. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng, vị Lãnh Đạo Thế Gian tên là Dīpañkara đã hiện khởi. 1030. Đấng Đại Hùng, bậc Hướng Đạo Dīpañkara đã chú nguyện cho Sumedha và Sumittâ có trạng thái hạnh phúc và khổ đau tương tợ như nhau. 1031. Trong lúc nhìn thấy [thế gian] cùng với chư thiên và trong lúc đi đó đây ở [thế gian] luôn cả cõi trời, chúng con đã đi đến nơi tụ hội vào dịp tuyên dương của hai người ấy [và đã nói rằng]:

9 Ke tiếp có 20 câu kệ được thấy ở tạng Thái Lan, Miến Điện, PTS, nhưng không thấy ở tạng Sri Lanka. Vì nội dung không co gì đặc sắc nên không thêm vào.

1032. "Trong lần tụ hội ở ngày vị lai, xin ngài hãy là chồng của tất cả chúng tôi. Hết thảy tất cả sẽ là những người vợ vui vẻ, có lời nói đáng yêu của ngài/9 1033. Bạch đấng Đại Hiền Trí, tất cả chúng con có bố thí với trì giới, và tham thiền đã khéo được tu tập. Và mọi thứ thuộc về chúng con đã được buông bỏ từ lâu. 1034. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bất cứ điều gì đã được ao ước [như là] hương thơm, vật thoa, tràng hoa, đèn, vật làm bằng châu báu, tất cả đã được buông bỏ. 1035. Bạch đấng Đại Hiền Trí, ya luôn cả nghiệp nào khác đã được thực hiện cũng như sự thụ hưởng thuộc về nhân loại, mọi thứ thuộc về chúng con đã được buông bỏ từ lâu rồi. 1036. Trong khi luân hồi nhiều kiếp sống, chúng con đã làm được nhiều phước báu. Chúng con đã thọ hưởng quyên thế và đã luân hôi cõi này cõi khác. 1037. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng ở trong cung của người con trai dòng Sakyā, chúng con đã được sanh ra trong nhiều gia tộc khác nhau, là những mỹ nhân có ái dục và sắc đẹp. 1038. Chúng con đã đạt đến danh vọng cùng với lợi lộc tột đỉnh, được tôn vinh, được tất cả tôn trọng, luôn luôn được cung cấp các lợi lộc về cơm ăn nước uống. 1039. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời s6ng không gia đình. Khi chưa đạt đên nửa tháng, tát cả chúng con đã đạt được Niêt-bàn. 1040. Nhiêu người đem lại mọi thứ lợi lộc vê cơm ăn nước uông, y phục và chỗ nằm ngồi. Chúng con luôn luôn được tôn kính cúng dường. 1041. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là những con voi cái [đã được cởi trói], chúng con song không còn lậu hoặc. 1042. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1043. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Mười ngàn vị Tỳ-khiru-ni, đứng đầu là Yasodharâ trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về mười ngàn vi Tỳ-khini-nP là phần thứ chín.

30. KỶ Sự VÈ MƯỜI TÁM NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI (Atthārasabhikkhunīsahassāpadānam) 1044. Mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni xuất thân dòng Sakyā đứng đầu là Yasodharâ đã đi đến gặp đấng Toàn Giác. 1045. Tất cả mươi tám ngàn vị Ni đều có đại thần lực. Trong khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Hiền Trí, các vị Ni trình rõ đúng theo năng lực rang:

1046. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự sanh, sự già, sự bệnh và sự chết đã được cạn kiệt. Bạch đấng Lãnh Đạo, chúng con đã đi đến vị thế bất tử, an tịnh, không còn lậu hoặc. 1047. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nếu có điều sai trái gì trước đây của tất cả chúng con vì không biết là lỗi lầm, bạch đấng Hướng Đạo, xin Ngài hãy tha thứ cho chúng con." 1048. "Là những người thực hành theo giáo pháp của Ta, các nàng cũng nên thị hiện thần thông. Và hãy chặt đứt sự nghi ngờ đã có cho tất cả các chúng." 1049. "Bạch đấng Đại Hùng, là những vị Ni danh tiếng, vui vẻ, có dáng vóc đáng yêu, bạch đấng Đại Hùng, tất cả đã là vợ của Ngài lúc còn tại gia. 1050. Bạch đấng Anh Hùng, trong số một trăm chín mươi sáu ngàn phụ nữ ở nhà của Ngài, chúng con là những vi đứng đầu, là những người chủ quản tất cả. 1051. Là những người có được sác đẹp? tánh tình và đức hạnh, ở vào tuôi thanh xuân, có lời nói đáng yêu, tất cả chư thiên cũng như loài người đều quý trọng [chúng con]. 1052. Khi ấy, tất cả mười tám ngàn vị Ni đều xuất thân dòng Sakyā, một ngàn vi Ni có danh tiếng là những vi đứng đầu, là những người chủ quản. 1053. Bạch đấng Đại Hiền Trí, [các cô ấy] đã vượt qua dục giới, đã được an trú vào sắc giới. Không có gì tương đương với sắc đẹp của một ngàn cô ấy." 1054. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, các vị Ni đã phô bày thần thông đến bậc • • Sư. Các vi• Ni cũng đã thi• hiện Đạo • thần lực • đại • với nhiều hình thức khác loại. • 1055. [Các vị Ni đã thi hiện] cơ thể tương đương với bầu vũ trụ, đầu là [đảo] Kuru ở về phía Bắc, hai cánh là hai hòn đảo, thân mình là đảo Jambu. 1056. Và đuôi công là cái hồ ở phía Nam nhung các lông chim là các cành lá khác nhau, mặt trăng và mặt trời là cặp mắt to, núi Meru là chóp đỉnh. 1057. Ngọn núi của bâu vũ trụ là mỏ chim. Trong lúc phe phây cây jambu cùng với cội rễ [làm cây quạt], các vị Ni đã đi đến và đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian. " 1058. Tương tợ y như thê, các vị Ni đã thi hiện hình dáng con voi, con ngựa, ngọn núi và biển cả, rồi mặt trăng, mặt trời, núi Meru và vóc dáng của vị trời Sakkā. 1059. "Bạch vị Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, chúng con là các vị Yasodharâ xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]. Bạch vị Anh Hùng, bạch đấng Lãnh Đạo Của Nhân Loại, chúng con đã được hoàn thành nhờ vào quyền uy của Ngai. 1060. Bạch đang Đại Hiên Trí, chúng con đã có nng lực vê các loại thân thông và thiên nhĩ giới, chúng con đã có năng lực về trí biêt tâm của người khác. 1061. Chúng con biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tinh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

602 KINH TIÊU BÔ

1062. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1063. Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự gặp gỡ đối với các đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây đã được chúng con nhìn thây rõ. Nhiêu hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài. 1064. Bạch bậc Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại thiện nghiệp trước đây của chúng con. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi chúng con là nhằm mục đích về Ngài. 1065. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi đã tránh xa những nơi không thích hợp và đã ngăn trừ điều không giới hạnh, mạng sông đã được chúng con hy sinh là nhằm mục đích về Ngài. 1066. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con nhằm mục đích làm vợ [kẻ khác] nhiều ngàn koti lần. Chúng con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài. 1067. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng

con vì sự hỗ trợ [kẻ khác] nhiều ngàn koti lần. Chúng con không có bát bình vê điêu ấy là nhăm mục đích về Ngài. 1068. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con nhằm mục đích vát thực [cho kẻ khác] nhiều ngàn ko ti lan. Chúng con không có bất bình ve điều ấy là nhăm mục đích vê Ngài. 1069. Chúng con đã từ bỏ nhiêu ngàn koti mạng sông. Chúng con đã từ bỏ các mạng sống, [nghĩ rằng:] 'Chúng ta sẽ thực hiện sự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi? 1070. Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con không cất giấu các đồ trang sức được dùng cho phụ nữ, cùng nhiều vải vóc các loại và các vật dụng của phụ nữ là nham mục đích ve Ngài. 1071. Chúng con đã dứt bỏ tài sản, lúa gạo, các ngôi làng và các phố chợ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, các ruộng vườn, những người con trai và những người con gái đã được dứt bỏ. 1072. Bạch đấng Đại Hùng, không thể đếm được những con voi, ngựa, trâu, bò, luôn cả các nữ tỳ và tớ gái đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài. 1073. về việc Ngài bảo chúng con rằng: 'Ta sẽ cho vật thí đến người hành khất\ chiing con không nhìn thấy sự bất bình của chúng con trong khi Ngài bố thí vạt thí toi thượng. 1074. Bạch đấng Đại Hùng, chúng con đã trải qua nhiều khổ đau khác loại không thể đếm được, và ở sự luân hồi với nhiều hình thức là nhằm mục đích về Ngài. 1075. Bạch đấng Đại Hiền Trí, đạt được sung sướng chúng con không vui thích và không có tâm bực bội trong những khô đau, chúng con được quân bình trong mọi trường hợp là nhằm mục đích vê Ngài.

THÁNH NHÂN KÝ sự 603

1076. Theo lộ trình mà bậc Toàn Giác [quá khứ] đã khẳng định về pháp [giải thoát], thì đấng Đại Hiền Trí đã đạt đến sự giác ngộ sau khi trải qua an lạc và khổ đau. 1077. Bạch đấng Phạm Thiên, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Gotama, Ngài với chúng con đã có nhiều lần gặp gỡ với các đấng Bảo Hộ Thế Gian khác. 1078. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài. Chúng con là những nữ tỳ của Ngài trong lúc Ngài tầm cầu Phật pháp.” 1079. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bậc Đại Anh Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Dīpañkara đã hiện khởi. 1080. Sau khi đã thỉnh mời đức Như Lai, những người ở khu vực vùng biên địa làm sạch sẽ con đường đi đến của Ngài với tâm hoan hỷ. 1081. Vào thời điểm ấy, người ấy đã là vi Bà-la-môn tên Sumedha, và đã sửa soạn con đường của đang Toàn Tri đang đi đến. 1082. Vào thời điểm ấy, tất cả chúng con đã có xuất than là Bà-la-môn. Chúng con đã mang đến cuộc tụ hội những đóa hoa mọc trên đất liền và dưới nước. 1083. Vào lúc ấy, đức Phật Dīpañkara, bậc Đại Hùng có danh tiếng vĩ đại ấy đã chú nguyện cho vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng. 1084. Trong khi tuyên dương hành động của vị ân sĩ có tâm ý hướng thượng ấy, quả đất [đã] lay chuyển, gào thét, rung động cùng với thiên giới. 1085. Các tiên nữ và loài người, luôn cả chúng con cùng với chư thiên đã dâng lên phẩm vật cúng dường khác nhau rồi đã ước nguyện. 1086. Đức Phật tên Jotidīpa [Dīpañkara] đã chú nguyện cho các vi ấy rằng: “Những điều đã được ước nguyện vào ngày hôm nay sẽ trở thành hiện thực.^, 1087. Ấy là điều đức Phật đã chú nguyện cho chúng con trước đây vô lượng kiếp. Trong khi tùy hỷ lời nói ấy, chúng con đã là những người hành động như thế. 1088. Tại nơi áy, chúng con đã có tâm tịnh tín đôi với việc làm đã được thực hiện tốt đẹp ấy. Chúng con đã sanh vào bản thể trời và người với số lần không thể đếm được. 1089. Chúng con đã trải qua an lạc và khổ đau ở

các cõi trời và loài người. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, chúng con đã sanh ra trong gia tộc Sakyā. 1090. Chúng con có sắc đẹp, có của cải, do đó có danh vọng và giới hạnh. Chúng con có sự thành tựu vẹn toàn thân thể, được vô cùng kính trọng ở các gia đình. 1091. Lợi lộc, danh vọng, cung kính, sự hội tụ của các pháp thế gian và tâm bị khổ não là không có, chúng con sống không sợ hãi. 1092. Khi ấy, điều này đã được đức Thế Tôn nói ra ở trong kinh thành của

đức Vua [Suddhodana]. Và đấng Anh Hùng đã chỉ ra việc hỗ trợ trước đây của các vị Sát-đế-lỵ: 1093-94. "Người nữ nào là hữu ân, người nữ nào cùng chung vui sướng khổ đau, người nữ nào nói lời hữu ích và người nữ nào có lòng thương tưởng, thời hãy thực hành pháp thiện hạnh, chớ thực hành ác hạnh ấy. Người thực hành giáo pháp thọ hưởng an lạc ở đời này và đời sau." 1095. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đạt đến nửa tháng, chúng con đã chạm đến bốn sự thật. 1096. Nhiều người đem đến cho chúng con y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi tợ như các làn sóng của biển cả. 1097. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc. 1098. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1099. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật. 1100. Như vậy là có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Được đạt đến trạng thái thanh tịnh, chúng con nhận lãnh mọi sự thành tựu. 1101. Những nàng nào bố thí chính bản thân mình vì mục đích phước báu của vị Đại Ẩn Sĩ là có sự thành tựu về bạn hữu, còn vị thế Niết-bàn là không còn tạo tác. 1102. 66Quá khứ, hiện tại và vị lai đã được cạn kiệt, tất cả nghiệp của chúng con đã được cạn kiệt. Bạch đấng Hữu Nhãn. chúng con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài].,, 1103. "Ta sẽ nói điều gì hơn nữa về các nàng là những người đang tiến đến Niết-bàn? Bởi vì các nàng đã đạt được vị thế bất tử, [là cảnh giới mà] sự tạo tác và điều sai trái đã được tịnh l/ng." Mười tám ngàn vi Tỳ-khưu-ni, đứng đầu là Yasodharã trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về mười tám ngàn vi Tỳ-khưu-ni có Yasodharâ đứng dầu" là phần thứ mười. Phẩm Kundalakesī là phẩm thứ ba.

Tóm lược của phẩm này Vị Ni Kundalā, vị Ni Kisāgotamī, luôn cả vị Ni Dhammadinnā, vị Ni Sakulā, vị Ni Nandā cao quý, vị Ni Sonā, vị Ni Bhaddākāpilānī, vị Ni Yasodharā, mười ngàn Ty-khxru-ni và mười tám ngàn vị Ni, [tong cộng] là bon trăm bảy mươi sáu câu kệ cả thảy.

IV PHẨM SÁT-ĐẾ-LỴ {KHATTIYĀVAGGO)

31. KÝ Sự VỀ CÁC TỲ-KHƯU-NI ĐỨNG ĐẦU LÀ YASAVATĪ (Yasavaffpamukhabhikkhuñīnam apadānam) 1104. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con xin trình rằng, tất cả các hữu của chúng con đã được cạn kiệt, mối liên hệ với sự tái

sanh của chúng con đã được mở ra, và các lậu hoặc của chúng con không còn. 1105. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bất cứ thiện nghiệp nào trước đây đã được ước nguyện tót đẹp [và] vật dụng đã được bô thí là nhăm mục đích về Ngài. 1106. Bạch đấng Đại Hiền Trí, vật dụng đã được bố thí đến các vị Phật, đến các vị Phật Độc Giác, và đến các vị Phật Thinh Văn là nhằm mục đích về Ngài. 1107. Bạch đấng Đại Hiền Trí, hành động cao cả hoặc tầm thường đến các vị Tỳ-khưu đã được ước nguyện tốt đẹp, hành động khởi đầu này đây cho việc [sanh vào] các gia tộc thượng lưu đã được thực hiện. 1108. Sự thành tựu của nghiệp được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, trong khi vượt trội loài người chúng con đã được sanh vào gia tộc Sát-đế-lỵ. 1109. Trong sự sanh ra và trong việc làm đã được thực hiện, và luôn cả trong sự tái sanh cùng với nhau, chúng con đã được sanh ra chung với nhau trong [kiếp sống] cuối cùng, có xuất thân gia tộc Sát-đế-lỵ. 1110. Bạch đấng Đại Hùng, có sắc dẹp, có của cải, được tôn vinh bằng các lợi lộc và sự kính trọng, chúng con ở trong kinh thành như là ở [vườn hoa] Nandana của chư thiên. 1111. Chúng con đã nhàm chán và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong vài ngày, tất cả chúng con đã đạt được Niết-bàn. 1112. Nhiều người đem đến cho chúng con y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi, chúng con luôn luôn được kính trọng tôn vinh. 1113. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc. 1114. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1115. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phát."

606 KINH TIỂU BÔ

Mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni công nươrng dòng Sát-đế-lỵ đứng đầu là Yasavatī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về mười tám ngàn vi Tỳ-khưu-ni đứng đầu là Yasavatī^ là phần thứ nhất

32. KÝ Sự VỀ CÁC VỊ TỲ-KHƯU-NI THIÊU NỮ BÀ-LA-MÔN (Brahmanakañ̃ñābhikkhuñ̃īnam apadānam) 1116. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, tám mươi bốn ngàn vi Ni xuất thân gia tộc Bà-la-môn, có tay chân mềm mại, là thuộc về Ngài trước đây. 1117. Bạch đang Đại Hiên Trí, nhiêu thiêu nữ đã được sanh ra trong gia tộc thương buôn và nô lệ, là chư thiên, loài rồng và Kim Si điểu, thuộc bốn châu lục, là thuộc về Ngài trước đây. 1118. Có một sô đã được xuất gia, nhiêu vị có sự nhìn thây sự thật. Còn chư thiên, Kim Si điểu, loài rồng sẽ được giác ngộ trong ngày vi lai. 1119. Sau khi thọ hưởng danh vọng, sau khi đạt đến thành công toàn diện, tất cả đã đạt được niềm tịnh tín ở Ngài, sẽ được giác ngộ trong ngày vị lai. 1120. Bạch đấng Đại Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, chúng con là những người con gái của các Bà-la-môn? xuất thân gia tộc Bà-la-môn, chúng con xin đảnh lễ ở bàn chân của Ngài là vị đang xem xét chúng con. 1121. Tất cả các hữu đã được phá hủy, ái dục cội nguồn đã được thủ tiêu, các khuynh hướng ngủ ngầm đã được chặt dứt, các sự tạo tác đem lại phước báu đã được xé tan. 1122. Chúng con có tất cả các hành xứ về định, tương tợ như thế về khả năng thể nhập. Nhờ thiền, chúng con sẽ luôn luôn sống với sự thỏa thích trong giáo pháp.

1123. Lối dẫn đến tái sanh, vô minh, và luôn cả các pháp còn tạo tác đã được quăng bỏ. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài cho phép [chúng con] đi đến vị thế khó nhìn thấy vô cùng.^, 1124. "Các nàng là nguồn hỗ trợ cho Ta, là người đã có sự thực hành dài lâu. Tất cả các nàng hãy cắt đứt sự hoài nghi của bốn [chúng] rồi hãy đi đến Niết-bàn/9 1125. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Hiền Trí và đã thực hiện sự biến hóa thần thông, một số vị Ni thị hiện ánh sáng, còn một số khác thị hiện bóng tối. 1126. Các vị Ni thị hiện mặt trăng, mặt trời và biển cả có cả loài cá. Các vị thị hiện dãy núi Sineru và giống cây san hô [thuộc cõi trời]. 1127. Với thần thông, các vị Ni làm cho nhìn thấy cung trời Đạo-lợi, Dạ-ma, Đẩu-suất, các vị trời có uy lực lớn lao ở cõi Hóa Lạc Thiên và Tha Hóa Tự Tại. 1128. Một số vị Ni làm cho nhìn thấy con đường kinh hành vô cùng giá

trị của đấng Phạm thiên. Và sau khi biến hóa thành hình dáng của đấng Phạm thiên, các vị Ni thuyết giảng giáo pháp về Không tánh. 1129. Sau khi đã thực hiện sự biến hóa khác nhau và đã phô bày thần thông đến bậc Đạo Sư, tất cả đã trình bày năng lực và đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư. 1130. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, chúng con có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1131. Chúng con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tinh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1132. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1133. Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự gặp gỡ đối với các đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây đã được chúng con nhìn thấy rõ. Nhiều hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài. 1134. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại nghiệp thiện đã được chúng con thực hiện. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi chúng con là nhằm mục đích về Ngài." 1135. Trước đây một trăm ngàn kiếp, có bậc Đại Hiền Trí Padumuttara. Thành phô tên Hamsavatī là chô cư ngụ của gia đình đang Toàn Giác. 1136. Sông Gañgā luôn luôn chảy qua cửa khẩu của thành Hamsavatī. Bị khuấy rổi bởi dòng sông, các vị Tỳ-khưu ấy không có được đường đi. 1137. Các vị ấy không có được đường đi đã hai ngày, ba ngày và luôn cả * : r

bảy ngày, sau đó là một tháng, thậm chí bôn tháng đã được tròn đủ. 1138. Khi ấy, bậc ưu tú của loài người đã là viên quan lại tên là Jatila. Sau khi nhìn thay các vị Tỳ-khưu bị ngăn trở, người đã cho xây dựng cây cầu ở sông Gañgā. 1139. Khi ấy, người đã cho xây dựng cây cầu ở sông Gañgā với một trăm ngàn, và đã cho xây dựng ngôi trú xá của hội chúng ở bờ sông bên này. 1140. Những người đàn bà luôn cả đàn ông cùng các gia đình thượng và hạ lưu, họ đã góp phần bằng nhau cho cây cầu và ngôi tru xá của vị ấy. 1141. Với tâm ý vui mừng, chúng con và những người khác ở thành phố và ở các quốc độ là những người thừa tự các việc làm của vi ấy. 1142. Những người đàn bà, đàn ông, thiếu niên và luôn cả nhiều thiếu nữ? họ đã rải cát cho cây cầu và ngôi tru xá. 1143. Sau khi làm việc quét dọn con đường, họ đã thực hiện các lá phướn, các chum đây [nước], các cây cờ, nhang tháp, bột phân, tràng hoa là việc tôn kính đến bậc Đạo Sư.

1144. Sau khi cho thực hiện cây càu và ngôi tru xá, người đã thỉnh mời đấng Hướng Đạo, rồi đã dâng cúng đại thí, và đã ước nguyện quả vị Toàn giác. 1145. Bậc Đại Hiền Trí, đấng Đại Hùng Padumuttara, bậc giúp cho tất cả các chúng sanh vượt qua đã nói lời tùy hỷ đên vị Jatila răng: 1146. "Khi một trăm ngàn kiếp đã trôi qua sẽ là kiếp Bhaddā, [người này] sau khi trải qua kiếp này kiếp khác sẽ đạt đen quả vị Giác ngộ. 1147. Những người đàn ông và đàn bà nào đã thực hiện công việc hỗ trợ bằng tay, trong tương lai dài lâu tất cá sẽ gặp lại nhau." 1148. Do kết quả của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, những người nữ tỳ ấy của Ngài đã được sanh lên cung điện của chư thiên. 1149. Trong khi thọ hưởng sự sung sướng vô lượng thuộc về cõi trời và vô lượng thuộc về nhân loại một thời gian dài, chúng con đã luân hồi cõi này cõi khác. 1150. Trong một trăm ngàn kiêp vê trước, sự thành tựu của nghiệp đã được thể hiện tốt đẹp, chúng con được trẻ đẹp ở giữa loài người rồi ở cung trời cao quý. 1151. Chúng con liên tục thọ lãnh trọn vẹn sự thành tựu của nghiệp đã khéo được thể hiện về sắc đẹp, của cải, danh vọng, luôn cả tiếng tăm và sự kính trọng. 1152. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, chúng con đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn, có tay chân mềm mại, ở trong cung của người con trai dòng Sakyā. 1153. “Bạch đấng Đại Hiền Trí, thậm chí trong mọi thời điểm chúng con cũng không nhìn thấy quả đất là không được trang hoàng, chúng con không nhìn thấy đam lầy và mạt đất là bị ô nhiem. 1154. Trong khi sống tại gia, chúng con có được sự tôn trọng trong mọi thời điểm. Do năng lực của nghiệp trước đây, người ta luôn luôn đem lại cho chúng con mọi thứ. 1155. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chúng con đã được thoát khỏi đạo lộ luân hồi, có tham ái đã được lìa bỏ. 1156. Từ nơi kia từ nơi nọ, người ta luôn luôn đem lại cho chúng con hàng ngàn y phục, vật thực, thuôc men và chô năm ngôi.,, 1157. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc. 1158. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1159. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

THÁNH NHÂN KÝ sự > 609

Tám mươi bốn ngàn vị Tỳ-khưu-ni thiếu nữ Bà-la-môn trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 66Ký sự về tám mươi bốn ngàn vị Tỳ-khưu-niw là phần thứ nhì.

33. KÝ Sự VỀ UPPALADÃYIKÃ (Uppaladāyikāpadānam) 1 1160. ở thanh phố Aruṇavatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Aruna. Con đã là người vợ của vị vua ấy. Có một lần con đã khiến [người] đưa con đi [du ngoạn]. 1161. Khi ấy, con đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, con đã suy nghĩ như vầy: “Dầu đã đạt được vị thế xứng dáng, nhưng không điều lành nào đã được ta thực hiện! 1162. Có lẽ ta sẽ đi đến địa ngục là nơi vô cùng nóng bức, khổ sở, có dáng vẻ rùng rợn, vô cùng khiếp đảm; điều này đối vód ta là không có sự hoài nghi [nữa],^, 1163. Sau khi suy nghĩ như thế và sau khi đã làm cho tâm được mừng rỡ? con đã đi đến gặp đức vua và đã nói lời nói này: 1164. "Tâu bệ hạ, chúng

thiếp là phụ nữ luôn luôn đi theo sau người nam. Tâu vị Sát-dế xin hãy ban cho thiếp một vị Sa-môn. Thiếp sẽ chăm lo về vật thực.,, 1165. Khi ấy, đức vua đã ban cho con [một] vị Sa-môn có [các] giác quan đã được tu tập. Sau khi nhận lấy bình bát của vi ấy, con đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng. 1166. Sau khi đã đặt đày [bình bát] với vật thực thượng hạng, con đã đậy lại bằng tấm vải lớn trị giá một ngàn và đã dâng lên với tâm ý hớn hở. 1167. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 1168. Con đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của một ngàn vị Trời Đe- thh Con đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của một ngàn đấng Chuyển Luân Vương. 1169. Vương quyên của địa phận là bao la, vô lượng vê phương diện tính đếm. Từ đó, quả báo của nghiệp ấy còn có nhiều hình thức đa dạng khác nữa. 1170. Màu da của con chính là màu của hoa sen, con là người nữ đẹp vô cùng, có dáng nhìn xinh xắn, được thành tựu toàn vẹn về cơ thể, được sanh vào nơi quyền quý, có sự lộng lẫy. 1171. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã được sanh ra trong gia tộc Sakyā, đứng đầu một ngàn nữ nhân của người con trai của [đức Vua] Suddhodana. 1172. Nhàm chán cuộc sông tại gia, con đã xuất gia vào đời sông không gia đình. Chưa đến đêm thứ bảy, con đã đạt được bốn sự thật. 1173. Con không thể nào ước lượng được số lượng y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngôi; điều này là quả báo của món vật thực.

Uppaladãyikâ có ý nghĩa là "người nữ dâng cúng hoa sen xanh."

610 KINH TIÊU Bộ

1174. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại việc làm tốt đẹp trước đây của con. Bạch đấng Đại Hùng, nhiều thứ đã được con buông bỏ là nhằm mục đích về Ngai. 1175. Ke từ khi con đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, con không còn biết đen kho cảnh; điều này là quả báo của món vật thực. 1176. Con nhận biết hai cảnh giới là bản thể chư thiên và nhân loại, con không biêt đên cảnh giới nào khác; điêu này là quả báo của món vật thực. 1177. Con được sanh vào gia tộc thượng lưu, có đại sảnh đường, có tài sản lớn lao, con không biết đến gia tộc nào khác; điều này là quả báo của món vật thực. 1178. Sau khi luân hồi cõi này cõi khác, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch con không nhìn thấy điều không vừa ý; [điều này] là quả báo đã được thực hiện với tâm hoan hỷ. 1179. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1180. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1181. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1182. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1183. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1184. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Uppaladāyikā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như the ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Uppaladāyikā95 là phần

thứ ba.

34. KÝ Sự VỀ SIGÃLAMÃTẢ (Sigâlamãtãpadãnam)2 1185. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Bạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi. 1186. Khi ấy, con đã được sanh ra tại Hamsavatī, trong gia đình vị quan cận thần được rạng rỡ với châu báu khác loại, sung túc, thịnh vượng, có đại tài sản. 1187. Sau khi cùng với người cha dẫn đầu đám đông người đi đến và lắng nghe giáo pháp của đức Phật, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

2 Sigãlamãtã nghĩa là 4<Mẹ của Sigãla,\

1188. Sau khi xuất gia, con đã lánh xa nghiệp ác do thân. Sau khi từ bỏ sở hành xấu xa về lời nói, con đã thanh lọc sự nuôi mạng sống. 1189. Con được tinh tín với đức Phật, có sự tôn sùng giáo pháp và hội chúng. Con được găn bó với việc lăng nghe Chánh pháp và có lòng khao khát về việc nhìn thay đức Phật. 1190. Khi ấy, con đã nghe về vị Tỳ-khiru-ni đứng đầu trong số các vi Ni có khuynh hướng về đức tin. Sau khi ước nguyện vi thế ấy, con đã làm tròn đủ Tam học. Do đó, đấng Thiện Thệ với khuynh hướng thuận theo lòng bi mẫn đã nói với con răng: 1191. "Dức tin của người nào đôi với đức Như Lai là không bị lay chuyên, khéo được thiết lập, và giới của người nào là tốt đẹp, tương xứng với bậc Thánh, được ngợi khen. 1192. Người nào có niềm tịnh tín vào hội chúng, có bản thể chính trực và có sự nhận thức, người ta nói về vi ây là 'kẻ không nghèo\ đời sống của vị ấy là không vô ích. 1193. Vì thê, người sáng suốt, trong khi ghi nhớ lời dạy của chư Phật, hãy gắn bó vào đức tin, vào giới, vào niềm tinh tín và vào việc nhận thức giáo pháp." 1194. Sau khi lăng nghe điêu ây, được hoan hỷ con đã hỏi vê điêu phát nguyện của con. Khi ấy, đang Hướng Đạo tối cao, vô lượng, đã chú nguyện rang: 1195. uNày người thiện nữ, được tịnh tín vào đức Phật, nàng sẽ đạt được điều đã ước nguyện ấy. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkâka, sẽ xuất hiện ở thế gian. 1196. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Su, là người thừa tự giáo pháp của vi [Phật] ấy, là chánh thông, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là 'Mẹ của Sigālaka"9. 1197. Nghe được điêu ây, con đã trở nên hoan hỷ. Khi ây9 với tâm từ ái con đã phụng sự đang Chiến Thang, bậc Lãnh Đạo với các sự hành đạo cho đen hết cuộc đời. 1198. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đên cõi trời Đạo-lợi. 1199. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra ở kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự tích lũy các châu báu lớn lao. 1200. Người con trai của con tên Sigâlaka là thích thú vào con đường sái quấy. Trong khi lao theo việc nắm giữ tà kiến, nó có sự nhiệt thành với việc cúng dường các phương hướng.3 1201. Trong khi đi vào thành phố để khất thực, đức Phật, bậc có sự giáo huấn, sau khi nhìn thấy nó đang lễ bái các phương hướng khác nhau, đấng Hướng Đạo đã thiết lập Sigâlaka vào đạo lộ.

3 Xem 0.31, Kinh Thi-ca-la-việt (Sigālasuttarri).

1202. Trong khi Ngài đang thuyết giảng giáo pháp, âm điệu của Ngài đáng kinh ngạc. Đã có sự lãnh hội giáo pháp của hai koti người nam và người nữ.4 1203. Khi ấy, con đã đi đến đám đông và đã lắng nghe lơi thuyết giảng của đức Thiện Thệ. Con đã đạt đến quả vị Nhập lưu và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. 1204. Có lòng khao khát về việc nhìn thấy đức Phật, sau khi tu tập pháp tùy niệm ấy trong thời gian không bao lâu, con đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1205. Con luôn thường xuyên đi đến nhằm mục đích chiêm ngưỡng đức Phật. Con nhìn không biết chán diện mạo có sự hoan hỷ ở đôi mắt. 1206. Con sống, không biết chán với sắc thân cao quý, được hiện hữu với tất cả các pháp toàn hảo, được phân bố với mọi sự tốt lành, là nơi chứa đựng các điều may mắn. 1207. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập con vào vi thế tối thắng: uMẹ của Sigâlaka là vị có khuynh hướng về đức tin hạng nhất." 1208. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1209. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tinh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1210. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1211. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1212. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1213. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Sigālamātā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ni Sigālamātā55 là phần thứ tư.

35. KÝ Sự VỀ SUKKĀ (Sukkāpadānam) 1214. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị Có Ánh Mắt Thu Hút, là vị Thấy Rõ Tất Cả Các Pháp. 1215. Khi ấy, con đã được sanh ra trong một gia đình nọ tại thành Bandhumatī. Sau khi lăng nghe giáo pháp của bậc Hiên Trí, con đã xuất gia vào đời sông không gia đình.

4 Hai koti là 20 triệu.

1216. Là người nghe nhiêu [học rộng], thông thạo giáo pháp, tài biện giải cũng như thế, là vị thuyết giảng hay, và cũng là người thực hành theo lời dạy của đấng Chiến Thắng. 1217. Khi ấy, con đã thực hiện việc thuyết pháp có nhiều lợi ích cho dân chúng. Từ nơi ấy chết đi, con đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất, có được danh tiếng. 1218. Trước đây ba mươi mốt kiếp, trong số các vi đang thuyết giảng đã hiện khởi ở thế gian, bậc Chiến Thắng Sikhī cao quý, chói sáng với danh tiếng như là ngọn lửa. 1219. Khi ấy, con cũng đã xuất gia. Là vị rành rẽ về lời dạy của đức Phật, con đã làm rạng rỡ những lời giảng của đấng Chiến Thắng, sau đó cũng đã đi đến cõi Đạo-lợi. 1220. Trước đây ba mươi môt kiêp, đang Lãnh Đạo tên Vessabhū có đại trí tuệ đã hiện khởi. Và cũng vào lúc ấy, con đã được sanh ra tương tợ y như thế. 1221. Sau khi xuất gia, thông thạo giáo pháp, con đã làm rạng rỡ lời dạy của đấng Chiến Thắng. Sau khi đi đến thành phố chư thiên xinh

đẹp, con đã thọ hưởng lạc thú lớn lao. 1222. Trong kiếp Bhaddā này, đấng Chiến Thắng Tối Thượng Kakusandha, bậc Nhân Báo đã hiện khởi. Và cũng vào lúc ấy, con đã được sanh ra tương tợ y như thế. 1223. Sau khi xuất gia, con đã làm rạng rỡ quan điểm của bậc Hiền Trí cho đến hết tuổi thọ. Từ nơi ấy chết đi, con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi tợ như đi đến chỗ ngụ của mình. 1224. Chính ở trong kiếp này, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo Konāgamana, bậc Nương Nhờ Của Thế Gian, là đấng Tối Thượng Của Tất Cả Chúng Sanh. 1225. Cũng vào khi ây, sau khi xuất gia trong giáo pháp của bậc như thê ây, là người nghe nhiều [học rộng], thông thạo giáo pháp, con đã làm rạng rỡ lời dạy của đang Chiến Thắng. 1226. Chính ở trong kiếp này, đã hiện khởi đấng Tối Thượng Nhân Kassapa, là con mắt của thế gian, không dục vọng, bậc đã đi đến tận cùng của sự chết. 1227. Con cũng đã xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng của loài người ấy, có Chánh pháp đã được học tập, là tự tin trong việc chất vấn. 1228. Có giới tốt đẹp, có sự khiêm tốn và rành rẽ về Tam học (giới, đinh, tuệ). Con đã nhiều lần thực hiện việc thuyết pháp đem lại điều lợi ích cho đến hết cuộc đời. 1229. Do nghiệp ây đã được thực hiện tót đẹp và do các nguyện lực của tác ý5 sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đen cõi trời Đạo-lợi. 1230. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra tại kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự tích lũy châu báu lớn lao.

r 1231. Vào lúc ấy, được tháp tùng bởi một ngàn vị Tỳ-khưu? đấng Lãnh Đạo __ . . e e r ___ •

Thê Gian đã đi vào thành Rājagaha, và đã được ca ngợi bởi vị có ngàn mat (Trời Sakkā): 1232. "Là bậc đã chế ngự cùng với các vị đã được chế ngự, là bậc đã giải thoát cùng với các vi đã được giải thoát trước đây là các đạo sĩ tóc bện, đức Thế Tôn có màu da tợ như vàng đã đi vào thành Rājagaha?95 1233. Sau khi nhìn thấy oai lực ấy của đức Phật và sau khi lắng nghe sự tích lũy về đức hạnh, con đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật và đã cúng dường Ngài tùy theo năng lực. 1234. Và vào thời điểm khác, trong sự hiện diện của vị Ni Dhammadinnā, con đã rời khỏi gia đình và đã xuất gia vào đời sông không gia đình. 1235. Trong khi các sợi tóc đang được cạo, con đã tham thiền về các phiền não. Sau khi xuất gia không bao lâu, con đã học xong toàn bộ giáo pháp. 1236-37. Sau đó, con đã thuyết giảng giáo pháp ở hội chúng đông người. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng, đã có sự lãnh hội giáo pháp của nhiều ngàn người. Sau khi biết được điều đó, có vị dạ-xoa đã vô cùng ngạc nhiên. Vô cùng tịnh tín đối với con, vị dạ-xoa đã đi quanh thành Giribbaja [thông báo rằng]: 1238. “Trời ơi! Những người dân ở Rājagaha đã làm gì như là đã uống [say] mật ong mà không đi đến vị Ni Sukkā đang thuyết giảng về vị thế bất tử? 1239. Và việc ấy là không nên cưỡng lại, việc ấy là có hương vi ngọt ngào. Những người có trí tuệ nghĩ đên 'việc uông9 [giáo pháp áy] tợ như người lữ hành nghĩ đen đám mây [che nang].^, 1240. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực vê trí biêt tâm của người khác. 1241. Con biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1242. Bạch đấng Đại

Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như the ve phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1243. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1244. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1245. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5 Việc này được đề cập ở Luật Đại phẩm, Chương 1.

Tỳ-khưu-ni Sukkā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. “Ky sự về Trưởng lão Ni Sukkā” là phần thứ năm. Dứt tụng phẩm thứ năm.

36. KÝ Sự VỀ RŪPANANDĀ (Rũpanandãpadữnam) 1246. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị Có Ánh Mắt Thu Hút, là bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp. 1247. Khi ấy, con đã được sanh ra ở Bandhumatī, trong gia tộc lớn, sung túc, thịnh vượng, có sắc dẹp, được yêu quý và xứng đáng sự tôn vinh của dân chúng. 1248. Con đã đi đến đấng Đại Hùnẹ, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī. Sau khi lắng nghe giáo pháp, con đã đi đen nương nhờ vào bậc Lãnh Đạo Của Nhân Loại. 1249. Con đã thu thúc trong các giới. Và khi đấng Tối Thượng Nhân Niết- bàn, con đã cúng dường chiếc lọng che bang vàng ở bên trên ngôi bảo tháp Xá-lợi. 1250. Là người nữ có sự xả bỏ đã được mở ra, có giới hạnh cho đến hết cuộc đời, con đã mệnh chung từ nơi ấy. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 1251-52. Khi ấy, con đã hưởng thụ mười điều thừa thải là: Các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, cùng với tuổi thọ, sắc đẹp, sung sướng, danh vọng và quyền uy là tương tợ y như thế. Con đã vượt trội, con đã huy hoàng. 1253. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra ở thành Kapila, là con gái của Khemaka dòng Sakyā, được nổi danh với tên là Nandā. 1254. Sắc đẹp tuyệt trần là tên hiệu công nhận về vẻ yêu kiều của con. Khi đạt đến tuổi thanh xuân, con đã được điểm tô với sắc đẹp mặn mà. 1255. Khi ấy, sự tranh chấp giữa các vị dòng Sakyā về việc của con đã trở nên vô cùng trầm trọng. Do đó, cha đã khiến [con] xuất gia: "Chớ để dòng Sakyā bị hủy hoại.^, 1256. Sau khi xuất gia, nghe rằng đức Như Lai, bậc Tối Thượng Nhân là người có sự chỉ trích về sắc thân, tự hào về sắc đẹp của mình con đã không đến [gặp Ngài]. 1257. E ngại về việc diện kiến đức Phật, con cũng không đi về việc giáo giới. Khi ấy, bang phương kế, đấng Chiến Thắng đã đưa [con] đến gặp Ngài. 1258. Nhờ vào thần thông, bậc Rành Rẽ về Đạo Lộ đã thị hiện ra ba người phụ nữ có sác đẹp tương tợ tiên nữ, còn trẻ tuôi, bi già và bị chét. 1259. Sau khi nhìn thấy ba người nữ ấy, bị vô cùng chấn động, không còn tham ái ở xác thân, con đã ổn đinh, đã nhàm chán hiện hữu. Khi ấy, bậc Lãnh Đạo đã nói với con rang:

1260. "Ny Nandā, hãy xem xét thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối đang tiết ra, đang rò rỉ lại được hứng thú đối với những kẻ ngu. 1261. Nàng hãy tu tập tâm được chuyên nhất, khéo tập trung về đề mục bất mỹ [tử thi], thân này như thế nào thì xác kia như

vậy. 1262. Trong khi quán xét xác thân này như thế, đêm ngày không mệt mỏi, sau đó với tuệ của chính mình nàng hãy nhàm chán rồi an tru.,^ 1263. Trong khi con đây đang sống không xao lãng ở nơi đây một cách đúng đắn, thân xác này đã được nhìn thấy bên trong lẫn bên ngoài đúng theo thực thể. 1264. Khi ấy, con đã nhàm chán về thân và con đã ly tham nội phần. Con không xao lãng, không vướng bận, an tinh, Niêt-bàn. 1265. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1266. Con biết được đời sống trước dây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1267. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1268. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1269. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1270. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được con đác chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Rũpanandâ trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. 6ẾKý sự về Trưởng lão Ni Rūpanandā" là phần thứ sáu.

37. KÝ Sự VÈ ADDHAKĀSĪ (Addhakāsī-apadānam) 1271. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vi đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên là Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 1272. Khi ấy, sau khi xuất gia trong giáo pháp của vi Phật ấy, con đã thu thúc trong Giới bổn (Patimokkho) và ở năm giác quan. 1273-74. Là người có sự tri túc trong vật thực và còn được gắn bó trong việc tỉnh thức nữa, trong khi sống con có thiền tập được gắn bó. Với tâm ác xấu, con đã mắng nhiếc vị Tỳ-khưu-ni có lậu hoặc đã được xa lìa. Và khi ấy, con đã nói rằng: "Đồ kỹ nữ". Do ác nghiệp ấy, con đã bi nung nấu ở địa ngục.

THÁNH NHÂN KÝ sự 617

1275. Do phân dư sót của chính nghiệp áy, con đã bị sanh ra trong gia đình kỹ nữ, đa phần bi phụ thuộc vào người khác cho đến cuộc sống cuối cùng. 1276. Do quả báo của việc thực hành Phạm hạnh, con đã được sanh ra ở xứ Kāsi trong gia đình triệu phú. Con đã có sự thành tựu về sắc đẹp như là cô tiên nữ ở giữa chư thiên. 1277. Sau khi nhìn thấy con là [xinh xắn] đáng nhìn, họ đã sắp xếp con vào thân phận gái điếm ở trong kinh thành Giribbaja vì quả báo về sự mắng nhiếc của con. 1278. Con đây sau khi lắng nghe lời thuyết giảng Chánh pháp của đức Phật tối thượng, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình; con đã đạt được cuộc sống trước đây. 1279. Sau đó, trong khi đi đến gặp đấng Chiến Thắng vì mục đích tu lên bậc trên, con đã nghe rằng các kẻ vô lại đứng chặn ở trên đường, và con đã đạt được sự tu lên bậc trên bằng sứ giả.6 1280. Tất cả các nghiệp đã được cạn kiệt, và tương tợ như thế về phước thiện và điều ác xấu. Con đã vượt qua tất cả các sự luân hồi, và thân phận gái điếm đã được quăng bỏ. 1281. Bạch đang Đại Hiên Trí, con đã có năng lực vê các loại thân thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1282. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh

nữa. 1283. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài. 1284. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1285. Quả vậy? con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiên của đức Phật tôi thượng. 1286. Bôn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thăng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Addhakāsī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. uKý sự về Trưởng lão Ni Addhakāsf9 là phần thứ bảy.

38. KÝ Sự VỀ PUNNĀ (Punnāpadānam) 1287. [Trong giáo pháp] của đức Thế Tôn Vipassī, Sikhī, Vessabhū, Kakusandha, và như thế ấy [trong giáo pháp] của bậc Hiền Trí Konāgamana.

6 Việc này được đề cập ở Luật Tiểu phẩm, Chương 10.

1288. Và trong giáo pháp của đức Phật Kassapa, sau khi xuất gia, con đã là vị Tỳ-khưu-ni thành tựu vê giới, cân trọng, có các giác quan được thu thúc. 1289. Là người nghe nhiều [học rộng], thông thạo giáo pháp, là người vấn hỏi các ý nghĩa của giáo pháp, là người học tập và lắng nghe các pháp, là người phục vụ [bậc Đạo Sư]. 1290. Trong khi thuyết giảng ở giữa dân chúng, con đã ở trong giáo pháp của đấng Chiến Thăng. Với sự học rộng ây, hạnh tót, con đã tự cao. 1291. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra tại kinh thành Sāvatthi trong nhà của Anāthapindika, [con] của người nữ tỳ lo việc đội nước. 1292. Đi đội nước, con đã nhìn thấy vị Bà-la-môn Sotthiya bi khổ sở vì lạnh ở trong nước. Sau khi nhìn thấy vi ấy, con đã nói điều này: 1293. "Là người nữ đội nước, tôi ở trong sự lạnh lẽo, tôi đã thường xuyên lội xuống nước. Tôi sợ hãi vì nỗi lo về hình phạt của những người chủ, bi khổ sở vì nỗi lo về sự sai trái của lời nói. 1294. Này người Bà-la-môn, ngài sợ hãi điêu gì khiên ngài đã thường xuyên lội xuống nước? Với các bộ phận của cơ thể đang run rẩy, ngài tự biết sự lạnh la kinh lẩiửng.” 1295. "Này cô Punnikā, quả nhiên trong khi cô biết lại còn chất vấn ta là người đang thực hiện việc tốt và đang cản ngăn điều ác đã làm. 1296. Này cô, người nào dầu già hoặc còn trẻ thực hiện nghiệp ảc9 do việc tắm gội bằng nước [người ấy] được thoát khỏi nghiệp ác." 1297. Con đã nói cho người đang lội ra [khỏi nước] về đạo lộ hội đủ pháp và ý nghĩa. Và sau khi biết được điều ấy, bi chấn động, người ấy đã xuất gia và đã trở thành vi A-la-hán. 1298. Do việc con đã được sanh ra ở gia đình nô bộc làm tròn đủ một trăm [người] không thiếu hụt, vì việc đó tên của con là Punnā. Những người [chủ] ấy đã cho con trở thành người tự do. 1299. Nhờ vào điều ấy, con đã làm cho người triệu phú được hoan hỷ và con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong thời gian không bao lâu, con đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. 1300. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1301. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1302. Trí tuệ của con vê ý nghĩa, vê pháp, vê ngôn từ, và tương tợ y như thê về phép biện giải

là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phạt tồ thượng. J 1303. Do việc tu tập, con trở thành vị Ni có đại trí tuệ; và do việc nghe, con

trở thành vị Ni thông thái. Việc bị sanh ra trong gia tộc hạ tiện do ngã mạn chính là vì nghiệp không bị tiêu hoại. 1304. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1305. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1306. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Punnā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. í6Ký sự về Trưởng lão Ni Puññaṃ là phần thứ tám.

39. KÝ Sự VỀ AMBAPĀLĪ (Ambapālī-apadānam) 1307. Vị có vòng hoa đội đầu được phát ra hào quang là bậc Đại Hiền Trí tên Phussa. Con đã là người em gái của vị ấy. Con đã được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-lỵ. 1308. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, với tâm tư trong sạch, con đã dâng cúng đại thí và đã ước nguyện sự thành tựu về sắc đẹp. 1309. Trước đây ba mươi mốt kiếp, đã hiện khởi bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Chiến Thắng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Sikhī, bậc Nương Nhờ Của Tam Giới. 1310. Khi ấy, con xuất thân gia tộc Bà-la-môn ở trong thành Aruna xinh đẹp. Bị sân hận, con đã cho người nguyên rủa vi Tỳ-khưu-ni có tâm giải thoát răng: 1311-12. "Co chính là gái điếm, không có hạnh kiểm, là kẻ làm bại hoại giáo pháp của đấng Chiến Thắng.” Con đã cho người mắng nhiếc như thế. Do hành động xấu xa ấy, con đã đi đến địa ngục khắc nghiệt, bị thọ lãnh khổ đau cùng cực. Từ nơi ấy chết di, con đã được sanh ra giữa loài người, là nữ đạo sĩ kho hạnh. 1313. Con đã bi buộc làm thân phận gái điếm mười ngàn kiếp sống. Do việc ác ấy con đã không được giải thoát, như là đã thọ dụng chất độc xấu xa vậy. 1314. Con đã rèn luyện Phạm hạnh trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng Kassapa. Do kết quả của nghiệp ấy, con đã được sanh ra ở cõi trời Đạo-lợi. 1315. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã là người được hóa sanh. Con đã được sanh ra ở giữa cành cây xoài, vì thế con là "Ambapair9. 1316. Được tùy tùng với nhiều koti sanh mạng, con đã xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Con đã đạt đến vị thế bất động, được tồn tại, là chánh thống cua đức Phật.

1317. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và sự thanh tịnh về nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. 1318. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1319. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phạt toi thượng. 1320. Các phiên não của con đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1321. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu

tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1322. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Ambapālī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ni Ambapāli là phần thử chín.

40. KÝ Sự VỀ PESALĀ (Pesalãpadãnam) 1323. ở vào kiếp Bhaddā này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên là Kassapa, có danh tiếng vĩ dại, là thân quyến của đấng Phạm thiên. 1324. Con đã được sanh ra trong gia đình cư sĩ tại kinh thành Sāvatthi. Sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Cao Quý ấy, con đã lắng nghe lời thuyết giảng. 1325. Sau khi đi đên nương tựa vào vị Anh Hùng ây, con đã thọ trì các giới. Có lần nọ, bậc Đại Hùng ấy ở tại cuộc tụ hội của đám đông dân chúng. 1326. Đấng Nhân Ngưu đã công bố quả vi Chánh đẳng giác của mình: “về các pháp trước đây chưa từng được nghe, về khổ, v.v... 1327. [Pháp] nhãn, trí, tuệ, minh và ánh sáng đã có cho Ta." Sau khi lắng nghe điều ấy, con đã học và đã vấn hỏi các vi Tỳ-khưu. 1328. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. 1329. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, được sanh ra trong đại gia đình triệu phú con đã đi đến đức Phật và đã lắng nghe Chánh pháp bao gồm các sự thật. 1330. Sau khi xuất gia chẳng bao lâu, trong khi suy xét về ý nghĩa của các sự thật, con đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc và đã thành tựu phàm vị A-la-hán. 1331. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

THÁNH NHÂN KÝ sự 621

1332. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 1333. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phạt toi thượng. ex e r r 1334. Các phiên não của con đã được thiêu đót, tát cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc. 1335. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. 1336. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật. Tỳ-khưu-ni Pesalā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy. wKý sự về Trưởng lão Ni Pesalā^ là phần thứ mười. Phẩm Sát-đế-lỵ là phẩm thứ tư.

Tóm lược của phẩm này Các vi Ni dòng Sát-đế-lỵ, luôn cả các vi Ni dòng Bà-la-môn5 tương tợ như thế là vị Ni uppaladāyikā, vị Ni Sigālamātā, vị Ni Sukkā, vi Ni vô cùng xinh đẹp [Rūpanandā], vị Ni Addhakāsikā, vị Ni Punnā, vị Ni Ambapālī và vị Ni Pesalā ấy là mười. ở dây, có hai trăm câu kệ ngôn và thêm vào bốn mươi hai câu nữa.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm [Bôn phàm] Sumedha, Ekūposathā, Kundalakesī, Khattiyā được gộp chung lại có một ngàn ba trăm bôn mươi bảy kệ ngôn. Cùng với các câu kệ của phân tóm lược đã được tính đếm bởi các bậc trí là một ngàn ba trăm năm

mươi bảy câu kệ cả thảy. KÝ Sự VỀ TRƯỞNG LÃO NI ĐƯỢC ĐÀY ĐỦ. TẬP APADẢNA ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.